SINUHE
EGYPTILÄINEN

Người Ai Cập
Quyền lực & Tình yêu

★★

Nguyên tác của ***Dấu Chân Trên Cát***

MIKA WALTARI

Võ Xuân Quế & Bùi Việt Hoa *dịch*

NHÀ XUẤT BẢN DÂN TRÍ

First News

Duong Kobo's Book Club

Tủ sách Kỹ thuật số
dành cho
Kindle & Kobo

SCAN TO JOIN

NGƯỜI AI CẬP - TẬP 2

Quyền lực và Tình yêu

Mika Waltari

NHÀ XUẤT BẢN DÂN TRÍ

Số 9 - Ngõ 26 - Phố Hoàng Cầu - Q. Đống Đa - TP. Hà Nội

VPGD: Số 278 Tôn Đức Thắng - Q. Đống Đa - TP. Hà Nội

ĐT: (024). 66860751 - (024). 66860752

Email: nxbdantri@gmail.com

Website: nxbdantri.com.vn

Chịu trách nhiệm xuất bản:

BÙI THỊ HƯƠNG

Chịu trách nhiệm nội dung:

LÊ QUANG KHÔI

Biên tập : xxxxxxxxxxx

Trình bày : Văn Đông

Bìa : Phương Thảo

Thực hiện liên kết:

CÔNG TY TNHH VĂN HÓA SÁNG TẠO TRÍ VIỆT (First News)

Địa chỉ: 11H Nguyễn Thị Minh Khai, Q. 1, TP. HCM

Sách thứ mười
Thành phố thiên đường

1

Horemheb từ xứ Kush trở về vào dịp hè nóng như thiêu như đốt. Những con én không còn bay liệng mà đã từ lâu giúi mình vào bùn, nước bốc mùi thối rữa trong các ao quanh thành phố, châu chấu và bọ nhảy tàn phá mùa màng. Nhưng các vườn cây ở khu giàu có của Thebes vẫn xanh rì, mát mẻ và các vườn hoa nở rộ, khoe màu sắc sặc sỡ dọc hai bên Đại lộ Nhân Sư, bởi ở Thebes chỉ người nghèo mới thiếu nước ngọt và chỉ thức ăn của họ mới bị bụi làm mất ngon, vì bụi rơi xuống như tấm màn vải phủ khắp nơi, phủ đầy lá keo, lá si trong khu phố của họ. Còn bên bờ nam của sông, cung điện vàng của Pharaon nhô lên trên những bức tường và vườn cây như một giấc mơ sáng chói, đỏ rực và xanh nhạt trong màn bụi xám mờ, nóng bỏng của ban ngày. Mặc dù đây là thời gian nóng nhất của mùa hè, song Pharaon không đi đến cung điện mùa hè của mình nơi miền Hạ mà vẫn ở lại Thebes. Do vậy, dân chúng đoán rằng sắp có điều gì đó xảy ra và nỗi lo lắng như bầu trời đen kịt trước cơn bão cát đè nặng trái tim mọi người.

Không ai ngạc nhiên khi thấy binh lính bắt đầu hành quân trên các con đường phía nam Thebes từ sáng sớm. Những người lính đen đúa khiên bám đầy bụi, những ngọn giáo đồng lấp lánh, những cánh cung giương căng đi dọc các con phố, miệng há hốc, mắt tò mò liếc nhìn xung quanh khiến lòng trắng chao đảo rất

đáng sợ trên khuôn mặt ướt đẫm mồ hôi. Họ mang theo các biểu tượng chiến tranh tàn bạo vào các trại lính trống vắng, chẳng mấy chốc lửa bếp bắt đầu được nhóm lên và đá được nung nóng để đặt trong những chảo đất sét lớn. Cũng lúc đó, hạm đội thuyền chiến cập bến, chiến xa của các chỉ huy và những con ngựa bờm bóng mượt được đưa lên bờ từ các thuyền chở hàng hóa. Trong các đội quân này không thấy người Ai Cập mà chủ yếu là người da đen từ phía nam và người Shardana từ các sa mạc phía tây bắc. Họ chiếm lĩnh thành phố, đốt lửa canh gác ở các góc phố và chốt chặn trên sông. Dần dần, công việc bị ngưng trệ trong các nhà xưởng, cửa hiệu và nhà kho. Thương nhân thu dọn hàng hóa bên đường phố vào trong nhà và chèn đóng các cửa sổ, các chủ quán rượu và nhà vui vội vàng thuê những người đàn ông lực lưỡng bảo vệ. Mọi người ăn vận đồ trắng, cả người nghèo lẫn người giàu từ khắp nơi trong thành phố bắt đầu đổ xô về ngôi đền lớn của Amon cho đến khi sân đền ken kín người và bên ngoài tường thành cũng đông nghịt.

Cùng lúc đó có tin đồn đền thờ Aton đã bị bôi bẩn và làm ô uế trong đêm. Một xác chó thối rữa đã được ném vào nơi bệ thờ và thi thể người coi đền được tìm thấy với cổ họng bị cắt một vệt đến tai. Khi nghe tin này, nhiều người sợ hãi nhìn ngó xung quanh, nhưng cũng có những người không giấu được niềm vui.

- Ông chủ ơi, xin ông tẩy trùng đồ nghề của mình, - Kaptah nghiêm giọng nói. - Tôi nghĩ ông có rất nhiều việc phải làm trước khi trời tối, thậm chí nếu tôi không nhầm, có thể ông phải khoan sọ.

Tuy nhiên, cho đến tối không có gì đáng chú ý xảy ra ngoài việc mấy người lính da đen say xỉn cướp đồ của một vài cửa hiệu và hãm hiếp mấy người đàn bà, song lính canh đã bắt và đánh họ trước mặt mọi người, dẫu điều đó không an ủi các chủ cửa hiệu và những nạn nhân được nhiều. Nghe nói Horemheb ở trên thuyền chỉ huy nên tôi đi đến cảng để gặp anh ấy, mặc dù tôi không tin có thể gặp được. Tôi hết sức ngạc nhiên khi lính gác, sau khi lơ đãng nghe tôi hỏi, đã đi trình báo và quay lại rất nhanh, mời tôi lên lều của thuyền trưởng ở trên thuyền. Vậy là lần đầu tiên tôi bước lên một thuyền chiến và không khỏi tò mò nhìn khắp xung quanh, nhưng chỉ thấy các loại vũ khí và số lượng đông thủy thủ là khác biệt với các thuyền khác, bởi vì ngay cả thuyền buôn trên biển cũng có đầu mũi được mạ vàng và cánh buồm sặc sỡ.

Vậy là tôi gặp lại Horemheb. Trong mắt tôi, anh ấy cao hơn và thật oai vệ, hai vai nở rộng, hai cánh tay rắn chắc, nhưng mặt hằn đầy

nếp nhăn, mắt đầy tia máu và ẩn chứa nỗi phiền muộn. Tôi cúi đầu thấp trước mặt anh ấy và buông hai tay xuống ngang đầu gối, khiến anh cười và hét lên giọng đau khổ:

- Ôi, này Sinuhe, Con Trai Lừa Hoang, bạn của tôi! Cậu đến thật đúng lúc.

Nhưng vì địa vị của mình, anh ấy không ôm tôi mà quay sang viên chỉ huy phó thấp bé và béo tốt, hai mắt thô lố và thở hổn hển vì nóng đang bối rối đứng cạnh anh. Horemheb đưa cho người này chiếc roi vàng chỉ huy của mình và nói:

- Hãy nhận trách nhiệm và làm thật tốt!

Anh ấy cởi tấm áo choàng chỉ huy thêu chỉ vàng của mình ra quàng quanh cổ viên chỉ huy phó rồi nói:

- Hãy choàng lên mình chức vị chỉ huy và hãy để máu người dân ướt đẫm bàn tay bẩn thỉu của ngươi.

Sau đó, anh ấy mới quay lại phía tôi và nói:

- Sinuhe, bạn của tôi! Tôi được tự do theo bạn đến nơi nào bạn muốn và hy vọng trong nhà bạn có thảm để tôi có thể giãn xương cốt, vì nhân danh thần Seth và tất cả ác quỷ, tôi đã rất mệt mỏi và chán ngán khi tranh cãi với những kẻ điên rồ.

Anh ấy còn quàng cánh tay qua vai viên chỉ huy phó nhỏ bé, đầu chỉ chạm tới vai anh, và nói:

- Hãy nhìn kỹ, Sinuhe, bạn của tôi, và hãy nhớ những gì cậu thấy, vì ngày hôm nay cậu thấy ở đây người đàn ông nắm trong tay số phận của Thebes và có lẽ số phận của cả Ai Cập. Anh ta được lệnh Pharaon thay tôi sau khi tôi nói thẳng với Pharaon rằng ngài là kẻ điên. Nhưng khi nhìn anh ta, cậu sẽ đoán được rằng Pharaon sẽ lại sớm cần đến tôi thôi.

Horemheb cười rất lâu và đưa tay đập đập vào đầu gối, nhưng tiếng cười của anh không hề có chút niềm vui nào mà nó khiến tôi sợ hãi.

Viên chỉ huy nhỏ bé khúm núm nhìn anh ấy, mắt lồi tròn vì nóng, mồ hôi chảy dài trên mặt qua cổ xuống giữa bộ ngực béo ụ của ông ta.

- Đừng tức giận tôi, ngài Horemheb, - ông ta nói với giọng the thé.

- Ngài biết là tôi không muốn cầm roi chỉ huy của ngài, tôi yêu thích sự yên bình ở khu vườn nhà mình và những con mèo của mình hơn là tiếng gầm rú nơi chiến trận. Nhưng tôi là ai mà dám chống lại lệnh của Pharaon, và ngài truyền rằng sẽ không có trận chiến nào cả, phải hạ bệ thần giả mà không được đổ máu, như ngài mong muốn.

- Pharaon nói điều ngài muốn, - Horemheb nói. - Trái tim ngài chạy trước lý trí ngài, giống như con chim bay vút qua con ốc sên. Vì vậy, lời nói của ngài chẳng có ý nghĩa gì, mà ngươi phải tự mình suy nghĩ và cân nhắc thấu đáo khi phải để máu chảy, cho dù đó là máu của người Ai Cập. Thề có chim ưng của ta, ta sẽ tự tay đánh ngươi nếu ngươi bỏ quên lý trí và tài năng của mình trong lồng của những con mèo giống của ngươi, vì ngươi vốn là một chiến binh dũng mãnh dưới thời Pharaon trước, như ta từng được nghe kể, nên ngài mới bổ dụng ngươi vào nhiệm vụ đáng ghét này.

Anh ấy vỗ vào lưng tân chỉ huy quân đội hoàng gia khiến người đàn ông nhỏ bé há hốc mồm thở dốc và những lời ông ta định nói nghẹn lại nơi lồng ngực. Horemheb sải mấy bước dài lên sàn thuyền và quân lính đứng dậy, tươi cười giơ cao ngọn giáo chào đón anh ấy. Anh vẫy tay chào họ và hét to:

- Tạm biệt lũ bọ bẩn thỉu thân yêu của ta! Hãy tuân lệnh con mèo giống nhỏ thó, béo ú đang cầm chiếc roi vàng chỉ huy theo ý muốn của Pharaon. Hãy tuân lệnh anh ta như thể anh ta là đứa con chưa hiểu gì của các ngươi và giữ cho anh ta không ngã khỏi chiến mã hoặc bị thương bởi con dao của chính anh ta.

Quân lính cười và hét lên những lời ca ngợi anh ấy, nhưng Horemheb chỉ buồn rầu hơn, giơ nắm tay về phía họ và gào to:

- Ta không từ giã mà chỉ tạm chia tay các ngươi một thời gian ngắn, bởi ta nhìn thấy sự cuồng nhiệt trong mắt các ngươi. Vì vậy, hãy kiềm chế tay mình và ghi nhớ những lời ta dặn, nếu không lưng của các ngươi sẽ bị rách toạc khi ta trở lại.

Anh ấy hỏi tôi ở đâu và báo địa chỉ cho viên cai đội cận vệ, nhưng cấm tay này đưa đồ đạc của mình đến nhà tôi vì anh nghĩ để trên thuyền chiến an toàn hơn. Sau đó, anh ấy quàng tay qua cổ tôi như đôi khi từng làm trước đây và thở dài nói:

- Nói thật lòng, Sinuhe, tôi, chứ không phải ai khác, phải được một bữa say mèm tối nay.

Tôi nhớ đến quán Đuôi Cá Sấu và kể cho anh ấy về nó, anh tỏ ra

thích thú nên tôi mạnh dạn xin anh ấy cho một đội lính canh đến bảo vệ quán rượu của Kaptah. Anh ấy ra lệnh cho viên cai đội cận vệ và người này tuân lệnh, cứ như thể anh ấy vẫn giữ roi tổng chỉ huy, và hứa sẽ chọn ra một số lính lớn tuổi, đáng tin cẩn đến canh quán rượu. Với việc này, tôi có thể giúp Kaptah mà không mất gì.

Tôi biết trong Đuôi Cá Sấu có nhiều phòng nhỏ kín đáo, nơi các thương lái và những kẻ trộm mộ mặc cả, mua bán đồ trộm cắp và cũng là nơi những mệnh phụ quý phái hẹn hò với các phu khuân vác lực lưỡng ngoài bến cảng. Tôi đưa Horemheb vào một trong những phòng ấy và Merit mang ra, đặt vào lòng bàn tay anh ấy một đuôi cá sấu trong cốc vỏ sò. Anh ấy liền uống một hơi cạn sạch và ho nhẹ rồi thốt lên "Ồ". Sau đó anh ấy gọi một cốc nữa và khi Merit đi lấy thêm, anh khen Merit là một thiếu nữ xinh đẹp và hỏi tôi đã làm gì với nàng. Tôi cam đoan rằng giữa tôi và nàng chưa có gì cả, nhưng tôi mừng vì Merit vẫn chưa kịp mua bộ váy áo kiểu mới mà vẫn mặc áo che kín bụng. Tuy nhiên, Horemheb không động vào Merit mà kính trọng cảm ơn nàng và cầm lấy chiếc cốc vào lòng bàn tay, vừa thận trọng nếm nó vừa thở dài. Sau đó anh ấy bảo:

- Sinuhe, ngày mai máu sẽ chảy trên đường phố Thebes, nhưng tôi không thể làm gì được, vì Pharaon là bạn tôi và tôi yêu ngài, dù ngài điên khùng; tôi đã từng lấy tấm choàng vai của mình đắp cho ngài và chim ưng của tôi đã ràng buộc số phận của chúng tôi với nhau. Có lẽ chính vì sự điên rồ của ngài mà tôi yêu ngài, nhưng tôi không nhúng tay vào việc này vì tôi phải nghĩ về tương lai và tôi không muốn dân chúng căm thù mình. Ôi, Sinuhe, bạn của tôi, rất nhiều nước đã chảy xuôi sông Nile và bao mùa lũ đã qua kể từ ngày chúng ta gặp nhau lần cuối ở Syria hôi hám. Bây giờ tôi từ xứ Kush trở về và đã giải binh tất cả các đơn vị đồn trú ở đó theo lệnh của Pharaon, tôi cũng đã rút các đội quân da đen về Thebes, nên vùng phía nam hoàn toàn không được bảo vệ. Sinuhe, bạn của tôi, trại lính trong các thành phố lớn sẽ trống vắng một thời gian dài. Chim sẽ làm tổ trong các chảo nấu ở đó và lính lang thang khắp các làng quê, dùng gậy đánh những người nông dân và cướp đi những tấm da bò mà đáng lẽ họ dành để nộp thuế cho Pharaon. Nhưng tôi cũng không thể làm gì được với việc này, vì tôi đã từng lấy tấm choàng vai của mình che cho Pharaon và bảo vệ ngài khi ngài ốm yếu, số phận của tôi đã gắn liền với số phận của ngài. Nhưng không ai có thể bảo vệ ngài ngoài chính bản thân ngài, do đó tôi lo sợ cho Ai Cập vì Ai Cập là tổ quốc của tôi.

Tôi kể với anh ấy rằng cuối cùng Pharaon đã cấm không cho thuyền bè đến xứ Punt và tôi cũng nói đến tâm trạng của người

Syria. Anh ấy không ngạc nhiên, mà chỉ gật đầu, ánh mắt buồn buồn, rồi anh thưởng thức đuôi cá sấu trong cốc vỏ sò và nói:

- Nếu điều này tiếp tục, bạo loạn ở Syria chỉ còn là vấn đề thời gian. Có lẽ nó sẽ giúp ngài tỉnh ngộ, nhưng chưa đến lúc đó thì nó đã đẩy đất nước vào cảnh nghèo đói. Bây giờ không thể tính đến việc buôn bán ở xứ Punt nữa. Các hầm mỏ trên núi cũng thiếu nhân công và hoạt động cầm chừng kể từ khi ngài đăng quang, vì những kẻ lười không còn bị phạt bằng gậy mà chỉ bị giảm khẩu phần ăn. Tim tôi thật sự run lên vì lợi ích của ngài, vì lợi ích của Ai Cập và vì thần của ngài, mặc dù tôi không hiểu gì về thần linh và cũng không muốn hiểu, bởi tôi là một người lính. Tôi chỉ nói là nhiều người, rất nhiều, vẫn phải chết vì thần của ngài và điều đó thật vô lý, bởi tôi nghĩ thần linh hiện hữu để giữ cho dân chúng bình yên chứ không gieo rắc sự hỗn loạn trong họ.

Anh ấy còn nói thêm:

- Ngày mai Amon sẽ bị phế truất và tôi hoàn toàn không thương tiếc gì vị thần này, vì Amon đã quá quyền thế để đứng cạnh Pharaon. Lật đổ Amon là việc khôn ngoan mà Pharaon làm, vì ngài sẽ thừa hưởng từ Amon sự thịnh vượng có thể cứu được ngài. Ngài cũng có thể lôi kéo tất cả thần khác về phe mình nếu ngài hành động khôn khéo. Vì giáo sĩ của các thần khác chỉ như cái bóng bên cạnh Amon và rất ghét thần này, nên ngài có thể cai trị họ bằng cách phân tán quyền lực Ai Cập vào nhiều vị thần nhỏ. Nhưng cũng không giáo sĩ nào tôn kính thần Aton của ngài, mà các giáo sĩ, nhất là các giáo sĩ của Amon, chế ngự trái tim của dân chúng. Bởi thế, tất cả sẽ trở nên hỗn loạn.

- Nhưng, - tôi nói, - Amon là một vị thần đáng ghét và các giáo sĩ của thần đã giam hãm dân chúng trong bóng tối quá lâu, bóp nghẹt mọi suy nghĩ của người sống đến nỗi không ai dám nói một lời nếu không được Amon cho phép. Trong khi đó, Aton đem lại ánh sáng và cuộc sống tự do, một cuộc sống không sợ hãi, đó là một điều lớn lao, vô cùng lớn lao, bạn Horemheb của tôi ạ.

- Tôi không hiểu cậu nói sợ hãi với nghĩa gì, - anh ấy nói, - phải chăng cần giữ người dân trong khuôn phép bằng nỗi sợ hãi và nếu thần linh làm được điều đó thì không cần đến vũ khí để hỗ trợ vương triều. Về mặt đó, Amon đã làm rất tốt và nếu Amon bằng lòng với việc phục vụ Pharaon, thần sẽ hoàn toàn xứng đáng với vị trí của mình, vì từ xửa xưa các dân tộc đã được cai trị bằng nỗi sợ hãi và sau này sự sợ hãi cũng sẽ cai trị tất cả mọi dân tộc. Bởi vậy Aton này, với vẻ thân thương qua thánh giá tình yêu của thần,

là một vị thần rất nguy hiểm.

- Ngài là một vị thần vĩ đại hơn anh nghĩ, - tôi khẽ nói, dường như chính mình cũng không hiểu tại sao lại nói điều này với anh ấy. - Có lẽ ngài cũng có ở trong anh mà anh không hay biết và cả trong tôi, ngoài tầm hiểu biết của tôi. Nếu mọi người hiểu ngài, ngài có thể giải phóng tất cả các dân tộc khỏi quyền lực của sợ hãi và bóng tối. Nhưng rất có thể nhiều người sẽ phải chết vì ngài, như anh nói, vì chỉ dùng vũ lực mới có thể ép buộc những gì vĩnh cửu lên người bình thường.

Horemheb sốt ruột nhìn tôi như nhìn một đứa trẻ đang nói đủ mọi điều nhảm nhí với mẹ mình. Mặt anh ấy tối sầm lại và anh định lấy chiếc roi chỉ huy bên hông đập vào chân mình, vì đuôi cá sấu bắt đầu ngấm và điều khiển anh. Khi sờ không thấy roi, anh ấy hơi lúng túng và nói rành rọt:

- Chừng nào con người vẫn là con người, vẫn còn có khát vọng sở hữu, đam mê, sợ hãi và hận thù, chừng nào còn có màu da, ngôn ngữ và sắc tộc khác nhau, chừng nào người giàu vẫn giàu có và kẻ nghèo vẫn nghèo hèn, thì kẻ mạnh thống trị kẻ yếu và người thông minh thống trị kẻ mạnh. Nhưng Aton này lại muốn cào bằng tất cả, để trước mặt ngài kẻ nô lệ ngang hàng với người giàu có. Cách suy nghĩ thông thường đó là ngu xuẩn và điều này rõ ràng, hiển nhiên đến mức tôi không muốn tranh luận với cậu chút nào, vì nó làm phiền tôi và ảnh hưởng không tốt đến suy nghĩ của tôi.

- Người Babylon khẳng định theo chiêm tinh rằng năm thế giới mới sắp bắt đầu, - tôi đuổi lý nói, - có lẽ Aton sẽ nắm quyền và quyền uy của ngài sẽ kéo dài cho đến khi lông quạ đổi màu trắng và nước sông bắt đầu chảy ngược, như các giáo sĩ của ngài hát trong đền thờ Aton.

Tôi nói vậy, nhưng chính tôi cũng không tin lời mình nói.

Horemheb uống cạn cốc và nhìn tôi với vẻ thương hại, nhưng đuôi cá sấu đã làm anh ấy sảng khoái khiến anh vui vẻ trở lại và nói:

- Ít nhất chúng ta có chung suy nghĩ là đã đến lúc phải lật đổ Amon, nhưng nếu điều đó cần phải xảy ra, nó nên xảy ra trong bí mật và bất ngờ, trong bóng đêm, cùng lúc trên khắp vương quốc và phải hành quyết các giáo sĩ tối cao ngay lập tức, đồng thời phải đưa các giáo sĩ khác đến hầm lò và mỏ đá. Nhưng trong cơn điên

loạn của mình, Pharaon muốn làm tất cả công khai, trước sự hay biết của dân chúng và trong ánh sáng thần của ngài, vì vầng hào quang chính là thần của ngài, chẳng phải chuyện này chẳng có gì mới cả hay sao? Dù sao, điều này vẫn điên rồ, sẽ khiến nhiều máu đổ và tôi sẽ không chịu làm điều đó nếu tôi không được biết trước những gì ngài dự định. Thề với thần Seth và tất cả quỷ dữ, nếu biết trước việc này, tôi sẽ lên kế hoạch chu đáo và bất ngờ lật đổ Amon khiến ngài khó có thể biết được chuyện gì xảy ra. Nhưng bây giờ, cả đứa cù bơ cù bất ở Thebes cũng đã biết chuyện và các giáo sĩ đã xúi giục dân chúng tụ tập trong sân đền, lũ đàn ông chặt cành cây làm vũ khí, còn đám đàn bà đi vào đền thờ với chày đập vải giấu dưới váy áo. Thề có chim ưng của mình, tôi chỉ muốn khóc khi nghĩ đến sự điên rồ của Pharaon.

Anh ấy gục đầu xuống cánh tay chống trên đầu gối, khóc cho nỗi khổ hình sắp tới của Thebes khi Merit mang tới cho anh ấy đuôi cá sấu thứ ba và ngưỡng mộ nhìn tấm lưng cường tráng, cơ bắp nổi cuộn của anh ấy, khiến tôi vội vàng bảo nàng rời đi để chúng tôi yên. Tôi cố gắng kể cho Horemheb nghe những gì tôi đã thấy và đã nghe ở Babylon, ở Hatti và Crete theo lệnh của anh ấy, cho đến khi tôi nhận thấy quả thật cá sấu đã đập đuôi vào anh ấy và anh ngủ say sưa, đầu gối giữa hai tay. Thế là đêm hôm đó anh ấy ngủ cạnh tôi, còn tôi thức canh cho anh ấy, nghe tiếng binh lính hò hét trong quán rượu suốt đêm, vì chủ quán và Kaptah thấy có nghĩa vụ giúp họ giải trí, để họ chú tâm bảo vệ quán hơn khi bạo loạn bắt đầu. Bởi vậy, tiếng ồn ào không ngớt suốt đêm, các nhạc công mù và vũ nữ được gọi vào quán, nên tôi nghĩ binh lính rất vui. Nhưng tôi không thấy vui khi nghĩ rằng dao và liềm đang được mài sắc, gậy gỗ được vót nhọn, chày bếp được gắn thêm đồng trong mọi ngôi nhà ở Thebes. Tôi cũng tin không mấy người ở Thebes, kể cả Pharaon, ngủ được vào đêm đó, nhưng Horemheb thì ngủ rất say, có lẽ do anh ấy sinh ra để làm lính.

2

Suốt đêm ấy, nhiều nhóm người thức trong sân và trước đền Amon, dân nghèo nằm nghỉ qua đêm trên bãi cỏ mát mẻ giữa các luống hoa, các giáo sĩ dâng cúng vô số đồ lễ xa hoa lên tất cả bàn thờ của Amon và phân phát thịt, bánh và rượu cúng cho dân chúng. Họ the thé gào tên Amon, hứa hẹn cuộc sống vĩnh cửu cho những ai tin vào Amon và sẵn sàng hy sinh mạng sống cho thần.

Các giáo sĩ đã có thể tránh được đổ máu nếu họ muốn, chỉ cần từ bỏ thần của mình, Pharaon sẽ để họ ra đi trong hòa bình, không ngược đãi họ, vì thần của ngài căm ghét ngược đãi và thù hận. Nhưng quyền lực và giàu sang đã khiến họ tối mắt nên cái chết không còn làm họ sợ hãi và nhiều người còn tin trong đêm cuối cùng này có thể cầu xin Amon giúp đỡ, vì thế họ không sợ chết. Bởi họ biết quá rõ rằng cả dân chúng và lính canh của Amon với số lượng ít ỏi đều không thể chống lại đội quân có vũ khí và dạn dày trận mạc, đội quân sẽ quét sạch tất cả như dòng nước lũ cuốn dạt đám rơm khô. Nhưng họ muốn có sự đổ máu giữa Amon và Aton, để biến Pharaon thành kẻ giết người và tội phạm, kẻ đã cho đám da đen bẩn thỉu lấy máu đào của Ai Cập. Họ muốn dâng cúng cho Amon của mình để Amon sẽ sống mãi muôn đời nhờ hơi máu của những người bị hiến tế, ngay cả khi ảnh tượng của ngài bị lật đổ và đền thờ bị đóng cửa.

Cuối cùng sau một đêm dài, vầng hào quang của Aton nhô lên sau ba ngọn núi phía đông, và cái nóng như thiêu đốt của ngày hè lập tức xua đi cái mát mẻ của đêm đen. Lúc đó, tiếng tù và vang lên từ tất cả các góc phố và bãi chợ, các tín sứ của Pharaon đọc chiếu của ngài, tuyên bố Amon là thần giả, bị phế truất và nguyền rủa đến muôn đời, đến mức cái tên đáng nguyền rủa của thần phải bị đục bỏ khỏi tất cả các bia ký, đài tưởng niệm và cả lăng mộ. Tất cả các đền của Amon ở miền Thượng và miền Hạ, tất cả của cải từ đất đai, nhà cửa, gia súc, nô lệ, đến vàng, bạc và đồng của Amon đều thuộc về Pharaon và thần của ngài. Pharaon hứa sẽ chuyển các giáo đường Amon thành nơi cho mọi người tản bộ, chuyển các vườn cây, các hồ thiêng của ngài thành nơi công cộng cho người nghèo được dạo chơi, bơi lội trong những ngày nắng nóng và được múc bao nhiêu nước tùy ý. Pharaon hứa sẽ chia tất cả đất của Amon cho những người không có ruộng để họ canh tác, gieo trồng dưới tên Aton.

Lúc đầu, dân chúng lặng im nghe tuyên cáo của Pharaon theo như truyền thống, nhưng từ tất cả các góc phố, bãi chợ và đền miếu ầm vang tiếng gào thét của muôn dân: “Amon, Amon”. Tiếng gào thét vang to đến mức nghe như cả đá lát đường và tường nhà cũng đang gào thét. Khi ấy, lính da đen bắt đầu lưỡng lự, khuôn mặt được kẻ vẽ những đường trắng, đỏ của họ tái dần; họ nhìn xung quanh, mắt đảo đi đảo lại trắng nhợt trên khuôn mặt xám xịt, và nhận ra số lượng tưởng như đông đảo của họ chẳng là bao trong thành phố rộng lớn mà họ nhìn thấy lần đầu tiên trong đời. Trong tiếng gào thét của dân chúng, nhiều người không nghe thấy Pharaon đã đổi tên mình thành Ekhnaton, người được Aton ân sủng, để có thể loại bỏ cái tên Amon đáng nguyền rủa ra khỏi

tên mình.

Tiếng gào thét cũng làm Horemheb bừng tỉnh trong phòng sau của Đuôi Cá Sấu, anh duỗi chân tay và mỉm cười nói với tôi khi mắt vẫn còn nhắm:

- Nàng đó ư, Baket, tình yêu của Amon, công chúa của ta? Có phải nàng gọi ta không?

Nhưng khi bị tôi hích vào bên mạn sườn, anh ấy mở mắt và nụ cười rơi ra khỏi khuôn mặt như chiếc áo cũ, rồi anh để tay lên đầu và nói:

- Thề với thần Seth và tất cả ác quỷ, đồ uống của anh thật mạnh quá, Sinuhe, và chắc chắn là tôi đã mơ.

Tôi nói với anh ấy:

- Dân chúng hét gọi Amon.

Lúc đó anh ấy nhớ ra mọi chuyện, vội vàng bật dậy rồi chúng tôi đi sang phòng rượu và vấp phải những cặp đùi trần của binh lính đang nằm cùng các cô gái. Horemheb giật nhanh cái bánh mì treo trên tường và nốc cạn hũ bia, rồi chúng tôi vội vã ra ngoài và lao về phía ngôi đền theo những con phố chưa bao giờ vắng vẻ như thế. Trên đường đi, Horemheb rửa ráy nơi đài phun nước ở hẻm Nhân Sư, nhúng đầu xuống nước rồi khó nhọc phun nước ra, vì đuôi cá sấu chắc vẫn còn đập thình thình trong đầu anh.

Trong khi đó mèo nhỏ thó béo ú tên Pepitamon đã dàn binh và chiến xa trước ngôi đền. Khi tất cả đã sẵn sàng và mỗi đội quân đều đã biết nhiệm vụ của mình, ông ta đứng lên trên chiếc kiệu vàng và the thé gào lên:

- Hỡi những người lính Ai Cập, những người đàn ông dũng cảm của Kush và những lính Shardana gan dạ! Hãy tiến lên và lật đổ hình tượng Amon bị nguyền rủa theo lệnh của Pharaon, các ngươi sẽ được trọng thưởng.

Nói xong điều này, ông ta nghĩ mình đã làm tất cả theo lệnh và hài lòng ngồi xuống tấm đệm mềm trong kiệu, bắt nô lệ quạt xung quanh mình vì trời rất nóng.

Nhưng phía trước đền tụ tập cơ man nào là người với trang phục trắng xóa, đàn ông lẫn đàn bà, người già và trẻ em, không ai chịu tránh đi khi binh lính với chiến xa dẫn đường bắt đầu tiến vào

đền. Lính da đen dùng mũi giáo đẩy họ ra khỏi đường đi và lấy chùy đập một vài người, nhưng đám đông không chịu tránh ra. Đột nhiên, tất cả đều hét gọi Amon và ngã sấp xuống đất trước các chiến xa khiến ngựa giẫm lên họ và bánh chiến xa lăn qua người họ. Khi các chỉ huy nhận ra họ không thể tiến về phía trước nếu không gây đổ máu, họ lệnh cho binh lính rút về để chờ lệnh mới vì Pharaon cấm đổ máu. Nhưng máu đã chảy xuống đá lát quảng trường, những người bị đánh rên rỉ, gào thét và đám đông dân chúng như mê muội đi vì phấn khích khi họ nhìn thấy binh lính rút lui và nghĩ mình đã thắng.

Lúc đó, Pepitamon nhớ ra trong chiếu của ngài, Pharaon đã cải tên mình thành Ekhnaton. Thế là ông ta vội vàng đổi tên mình theo để mong được ân sủng từ Pharaon và khi các viên vệ úy mồ hôi đầm đìa, bối rối đến gặp ông ta để nhận lệnh mới, ông ta làm ra vẻ không nghe thấy họ nói, trừng mắt quát:

- Ta không quen biết ai là Pepitamon. Ta là Pepitaton, Pepi được Aton ban phước.

Các viên vệ úy, mỗi người một ngàn lính với chiếc roi bện vàng, hết sức phẫn nộ về điều đó và viên vệ úy đội chiến xa nói:

- Hãy tống Aton xuống địa ngục! Nhưng trò ngu xuẩn này là gì và ông cần lệnh cho chúng tôi phải làm gì để mở đường vào đền thờ?

Pepitaton chế nhạo lại họ:

- Các người là chiến binh hay những mụ đàn bà? Hãy giải tán dân chúng nhưng đừng gây đổ máu, vì Pharaon cấm điều đó.

Nghe thế, các viên vệ úy nhìn nhau và nhổ nước bọt xuống đất, nhưng rồi họ quay trở lại với quân lính của mình vì không thể làm gì khác.

Trong lúc các viên chỉ huy này đang dàn trận, sự cuồng tín đã lan khắp biển người và dân chúng tràn lên phía sau đội lính da đen đang rút lui, cạy đá lát đường dưới chân lên ném vào lính da đen và vừa vung cao chày bếp, gậy nhọn vừa hét rõ to. Dân chúng rất đông và họ khích lệ nhau bằng tiếng gào thét của mình, nhiều lính da đen trúng đá lát đường, đổ máu và ngã gục xuống đất, bầy ngựa kéo chiến xa hí vang điên dại và cố lồng lên trước tiếng gào thét của đám đông, buộc lính đánh xe phải cố hết sức để ghìm chúng lại.

Khi viên vệ úy chiến xa trở lại đoàn xe của mình, anh ta thấy con

ngựa tốt nhất và đắt giá nhất của mình bị xuyên thủng một mắt, chân khập khiễng vì bị đá ném trúng. Anh ta cảm thấy đau đớn đến nỗi bật khóc vì tức giận và hét lên:

- Ôi mũi tên vàng của ta, con hoẵng nhanh nhẹn của ta, tia nắng của ta, chúng đã đâm thủng mắt và chém vào chân con nhưng chắc chắn trong lòng ta, con là con vật yêu quý hơn tất cả đám dân này với tất cả thần linh cộng lại. Vì thế ta muốn trả thù, nhưng chúng ta không được gây đổ máu, vì Pharaon đã cấm.

Anh ta dẫn đầu đội chiến xa, đánh xe lao thẳng vào đám đông và từng lính chiến xa kéo những kẻ la hét hăng hái nhất lên xe, ngựa giẫm đạp lên người già và trẻ em và tiếng hét của dân chúng chuyển thành tiếng gào khóc. Những người bị lôi lên chiến xa bị lính lấy dây cương thít cổ để máu họ không chảy ra rồi kéo xác họ sau xe để uy hiếp dân chúng. Lính da đen cũng tháo dây cung và nhào vào giữa đám đông, dùng dây cung siết cổ từng người. Họ siết cổ cả trẻ em, lấy khiên đỡ những cú đá và đánh bằng gậy để tự vệ. Nhưng bất cứ lính da đen vẽ mặt nào bị lạc khỏi hàng ngũ, lẫn vào đám đông đều bị đám đông thịnh nộ giẫm đạp, xé ra từng mảnh; họ kéo được một lính đánh xe khỏi chiến xa, đập đầu anh ta xuống đá lát đường đến nát bét và hét lên đầy phẫn nộ.

Cả Horemheb và tôi theo dõi tất cả những việc này từ Đại lộ Nhân Sư nhưng sau đó mới biết rõ mọi chuyện, vì sự hỗn loạn, tiếng hò hét, gào la ầm ào trước ngôi đền quá khác thường khiến chúng tôi không biết được chuyện gì đang xảy ra. Horemheb nói:

- Tôi không có quyền can thiệp vào chuyện này, nhưng tôi nghĩ mình sẽ học được nhiều điều khi chứng kiến tất cả.

Vì vậy, anh ấy trèo lên lưng con nhân sư và từ đó quan sát, miệng nhai chiếc bánh mì mà anh ấy giật được khi rời quán rượu.

Nhưng Thống lĩnh hoàng gia Pepitaton thấy lo lắng khi thời gian trôi qua, chiếc đồng hồ nước róc rách uổng phí bên cạnh và tiếng gào của dân chúng vẫn vọng đến tai ông ta như tiếng gầm gào của một cơn lũ hung dữ. Ông ta lại triệu các viên vệ úy đến, trách mắng họ thậm tệ vì sự chậm trễ và nói:

- Hôm nay mèo Mimo giống Sudan của ta sẽ đẻ và ta rất lo lắng khi không ở cạnh để giúp nó. Hãy đi đi và nhân danh Aton vứt bỏ ảnh tượng bị nguyền rủa, để tất cả chúng ta có thể về nhà; còn nếu không, nhân danh Seth và tất cả ác quỷ, ta sẽ giật vòng khỏi cổ các ngươi và bẻ roi của các ngươi, ta thề đấy.

Nghe thế, các viên vệ úy biết rằng dù thế nào họ cũng đã bị bán đứng. Họ hội ý với nhau, cầu xin tất cả thần linh nơi địa ngục cứu giúp, và quyết định ít nhất phải cứu vớt danh dự quân nhân của mình. Vì vậy, họ bố trí lại lực lượng và bắt đầu đồng loạt tấn công quét sạch dân chúng ra khỏi đường đi của mình như cơn lũ quét sạch rơm khô; ngọn giáo của lính da đen nhuộm đỏ máu và máu chảy khắp quảng trường. Rất nhiều đàn ông, phụ nữ và trẻ em đã chết trước đền thờ sáng hôm đó vì Aton, bởi khi thấy quân lính thật sự tấn công, các giáo sĩ đã cho đóng các cổng đền, khiến dân chúng sợ hãi chạy tán loạn khắp nơi như một bầy cừu hoảng loạn và lính da đen, điên dại vì máu chảy, đuổi theo giết họ bằng tên; chiến xa chạy dọc các đường phố và dùng giáo đâm bất cứ ai chạy trốn. Nhưng trong khi chạy trốn, dân chúng xông vào đền thờ Aton, đập phá bàn thờ, giết các giáo sĩ sa vào tay họ trong khi các chiến xa đuổi theo sau họ. Thế là chẳng mấy chốc nền lát đá của đền Aton loang đầy máu và la liệt xác người.

Nhưng những bức tường của đền Amon đã chặn đường tiến của quân Pepitaton, vì lính da đen không quen công phá tường thành và những súc gỗ của họ không đủ chắc để phá cổng đồng của đền, cho dù chúng có thể dễ dàng phá cổng các làng nhà sàn ở xứ sở hươu cao cổ trong những khu rừng rậm phía nam. Quân lính không thể làm gì khác hơn là bao vây đền và các giáo sĩ từ trên tường thành chửi mắng họ, lính gác đền bắn tên và ném giáo vào họ, khiến nhiều lính da đen vẽ mặt đã gục ngã vô ích trước tường thành của đền. Mùi máu tanh từ quảng trường trước đền bốc lên nồng nặc, ruồi nhặng từ khắp nơi trong thành phố dồn về thành từng đám dày đặc. Pepitaton ra lệnh đưa mình đến quảng trường trong chiếc kiệu vàng, mùi hôi thối khủng khiếp khiến mặt ông ta xám ngoét; ông ta sai nô lệ đốt hương xung quanh mình rồi khóc và xé rách quần áo khi nhìn thấy quá nhiều xác người. Nhưng trong lòng ông ta, nỗi lo lắng về con mèo mẹ Mimo gốc Sudan cứ ám ảnh, nên ông ta nói với các viên vệ úy:

- Ta sợ cơn giận của Pharaon sẽ giáng xuống đầu các ngươi, vì các ngươi chưa giật bỏ được ảnh tượng của Amon mà máu đã chảy đầy các rãnh thoát nước ở quảng trường. Nhưng việc đã rồi nên ta phải chầu kiến Pharaon ngay để tâu cho ngài biết những gì đã xảy ra và ta sẽ cố nói đỡ cho các ngươi. Nhân đó, ta tranh thủ ghé qua nhà để xem mèo mẹ và thay quần áo mới, vì mùi ở đây khủng khiếp quá, ám hết vào da thịt ta. Trong khi chờ đợi, các ngươi hãy trấn an lính da đen, cho họ thức ăn và bia uống, vì hôm nay chúng ta không thể làm gì với tường thành của đền. Ta biết thế bởi vì ta là một chỉ huy giàu kinh nghiệm và chúng ta không có phương tiện để phá vỡ các bức tường. Nhưng đó không phải là lỗi của ta, vì

Pharaon đã không nói một lời nào về việc vây hãm đền. Vì vậy, bây giờ hãy chờ lệnh Pharaon.

Không có gì khác xảy ra hôm đó nữa, các viên vệ úy đưa binh lính ra xa tường thành và các đống xác, đồng thời cho đánh các xe tải lương đến để lính da đen có đồ ăn. Lính Shardana, vốn khôn ngoan hơn lính da đen và không thích ánh nắng mặt trời, đã chiếm lấy tất cả các ngôi nhà gần đền thờ, đuổi chủ nhà và cướp các hầm rượu của họ, vì đó là nhà của những người giàu có và quyền quý. Trong khi đó, những cái xác trương phình trên quảng trường; những con quạ và diều hâu rỉa xác đầu tiên từ vùng núi cao bay đến Thebes, nơi chúng chưa bao giờ được nhìn thấy kể từ thời người ta có thể nhớ.

Lúc đó tôi bỏ Horemheb lại một lúc lâu, vì một cậu bé mũi đầy máu đi ngang qua chúng tôi, cố sức kéo theo người cha đang rên rỉ vì bị cỗ chiến xa đè qua nghiến đứt chân. Tôi đã giúp cậu bé, sau đó giúp những người bị thương khác và lại nghe thấy tiếng mũi tên bay vèo vèo qua tai, nhưng tôi không sợ, vì tôi là thầy thuốc, và trái tim tôi run lên vì tất cả những gì sắp xảy ra, bởi tôi đã thấy Aton giành quyền lực về mình. Vì vậy, tôi thà chết khi nghĩ đến đám dân chúng đã quá mù quáng, không thấy điều tốt đẹp mà Pharaon sẽ vì thần của mình đem đến cho họ. Nhưng các mũi tên đã tránh tôi và suốt ngày hôm đó, tôi hết xé quần áo lại quấn băng, tối đến tôi tiếp bệnh nhân tại nhà mình, vì ở khu nghèo khổ này không có mấy nhà không có người bị thương. Khi rửa và khâu vết thương cho họ, tôi trách:

- Chẳng phải các ông dại dột sao, vì Pharaon muốn làm điều tốt cho các ông và ngài đã hứa sẽ chia tất cả đất Amon cho những ai không một tấc đất cắm dùi? Kể từ ngày này, các công viên của Amon sẽ là công viên của các ông, các ông có thể câu những con cá béo từ ao thánh của Amon.

Nhưng họ nói:

- Pharaon giả muốn đuổi chúng tôi ra khỏi ngôi nhà nghèo khó nhưng quý giá của mình, bắt chúng tôi làm việc đồng áng và làm nô lệ của đất đai, mặc dù chúng tôi không sinh ra với phân giữa các ngón chân. Ông cũng biết rõ là cá của Amon có xương nhọn và xương có thể mắc vào họng người, làm người đó hóc và chết vì chúng là cá thánh.

Họ bắt đầu nhìn tôi với vẻ nghi ngờ và nói thêm:

- Chắc ông không phải là người của Aton đó chứ, Sinuhe, người mà chúng tôi kính trọng? Còn nếu phải thì chúng tôi không cần sự giúp đỡ của ông, vì khi đó dao của ông sẽ đầu độc vết thương của chúng tôi, băng của ông sẽ dính vào da chúng tôi và đốt nó như lửa.

Vì vậy, tôi thấy tốt hơn là không nói gì mà chỉ giúp đỡ họ, bởi sự cuồng tín Amon đã làm họ mù quáng.

Người ta cũng khiêng vào sân một thanh niên tóc chải dầu thơm bóng mượt, nhưng cổ họng cậu ta có một vết thương khiến cậu không thể uống vì nước cứ từ đó chảy ra. Tôi có thể chữa lành cho cậu ta, nhưng những bệnh nhân bị thương đã được tôi băng bó nhìn thấy trên cổ áo dính đầy bụi và máu của cậu có thêu những dấu thánh giá nên họ nhào đến và giết cậu ta trước khi tôi kịp ngăn họ lại. Họ hoàn toàn không hiểu tại sao tôi lại khóc và nguyền rủa họ, vì họ nghĩ mọi điều ác độc đều đến từ Aton và họ chỉ muốn loại trừ điều ác.

- Trước khi có Aton, chúng tôi nghèo nhưng hạnh phúc, - họ nói, - vì trong đói nghèo và khốn khó, Amon vẫn ban phước lành cho chúng tôi và chúng tôi có cơ hội đến miền tây với sự giúp đỡ của ngài. Nhưng vì Aton đáng nguyền rủa này mà Pharaon sẽ tước đi phước lành Amon của chúng tôi và chúng tôi vẫn nghèo khổ và bất hạnh, vì lính da đen sẽ đánh chúng tôi đến trọng thương, rồi dịch bệnh và nạn đói sẽ đến theo Aton của Pharaon nếu Amon từ bỏ chúng tôi, vì Amon là vua của tất cả thần linh.

Vì thế, họ ném xác người thanh niên ra đường và đàn chó đến liếm máu và dầu thơm xức trên tóc cậu.

Trong lúc ấy, lính da đen uống bia ở chợ và các đường phố xung quanh đền; lính Shardana uống rượu trong những ngôi nhà họ đã cướp phá; các viên cai đội không thể và cũng không muốn ngăn họ mà chính họ cũng uống. Tối đến, những ngọn đèn không còn thắp sáng các con phố chính, bầu trời Thebes đen kịt, nhưng lính da đen và lính Shardana chạy ra khỏi doanh trại, đốt đuốc, phá cửa các nhà vui, cướp phá các ngôi nhà và đi từ phố này sang phố khác xét hỏi những người đi lại phía họ: "Amon hay Aton?". Ai không trả lời sẽ bị đánh và cướp tiền trong ví. Còn ai sợ hãi trả lời "Ban phước lành cho Aton", họ sẽ hét lên: "Dối trá, đồ chó Thebes, không lừa được chúng tao đâu!", sau đó họ chọc thủng họng và đâm giáo vào bụng người đó, rồi trấn lột quần áo và ví của người đó. Để nhìn rõ hơn, họ đốt cháy những ngôi nhà dọc các con phố và sau nửa đêm, bầu trời Thebes lại đỏ rực khắp nơi vì những đám

cháy dữ dội; vào đêm đó, đến ngay cả người quyền quý nhất ở Thebes cũng khó được an toàn. Không ai có thể trốn thoát vì cả đường bộ và đường thủy đều bị chặn, bất cứ ai muốn chạy trốn đều bị bắt phải quay lại, vì lính canh đã được lệnh không được để ai lén lút đưa vàng và những thứ quý giá của Amon ra khỏi thành phố.

Tôi không biết Pharaon đã nghĩ gì vào đêm đó khi thấy ánh lửa từ các đám cháy hừng lên trên bầu trời Thebes, nhưng tôi nghĩ người ta đã giấu ngài nhiều điều và ngài chỉ muốn tin những gì người ta kể với ngài, vì trong thâm tâm ngài không yêu Thebes, thành phố linh thiêng của Amon. Pepitaton cũng không bị mất chức thống lĩnh mà Pharaon còn ban cho ông ta một sợi dây chuyền vàng trang trí hình mèo vì ông ta là người đầu tiên theo gương Pharaon đổi tên mình để xóa bỏ dấu vết tên của Amon, cái tên bị nguyền rủa và không bao giờ còn được cao giọng nhắc đến. Không ai bị trừng phạt vì những gì đã xảy ra, Pharaon chỉ ra lệnh bao vây ngôi đền cho đến khi các giáo sĩ đầu hàng vì đói hoặc tỉnh ngộ và không ai bị giết trong giao chiến nữa. Nhưng lệnh chặn các con đường và dòng sông là mệnh lệnh điên rồ nhất, vì trong kho của đền có lúa mạch, trong vườn cây có cỏ cho gia súc ăn, và cho dù trong sân đền có hàng trăm, hàng ngàn người trung thành với Amon tụ tập thì họ cũng sẽ không bị đói, thế mà chính thành phố lại trở thành nạn nhân của nạn đói khi các con đường và dòng sông bị chặn.

Nhưng điều tồi tệ nhất là việc bỏ mặc các xác chết thối rữa ở bãi chợ trước đền, vì ai cũng làm như không biết gì về những đống xác để tránh cơn thịnh nộ của Pharaon và Pharaon được tấu trình rằng không mấy người bị giết. Cả người nhà cũng không được phép mang xác người thân của mình ra khỏi bãi chợ, và trong ngày đầu tiên lính Shardana đã bán được vài thi thể cho những người giàu có nhất nhưng ngày hôm sau, đám lính này cũng trốn chạy vì mùi xú uế. Vì vậy, mùi hôi thối của xác chết đã đầu độc thành phố, thậm chí cả nước sông, và chắc chỉ mấy ngày nữa thôi dịch bệnh sẽ bắt đầu bùng phát không kiểm soát được, vì Nhà Sống và kho thuốc nằm bên trong tường thành của đền.

Hằng đêm hỏa hoạn hoành hành trong thành phố, những ngôi nhà bị cướp bóc, lính da đen vẽ mặt uống rượu từ những chiếc cốc vàng và lính Shardana nằm trên những chiếc giường mềm êm trong khu ngủ có mái che. Nhưng cả ngày lẫn đêm từ trong các tường thành của đền, các giáo sĩ la hét nguyền rủa Pharaon giả và tất cả những ai từ bỏ Amon. Đám tội phạm và rác rưởi của thành phố rời nơi chúng ẩn náu; những kẻ trộm cắp, những kẻ đào trộm

mộ và kẻ cướp đường phố, không ai sợ thần thánh lẫn Amon. Chúng ngoan ngoãn cầu nguyện cho Aton và đi đến đền thờ ngài đã được vội vàng dọn sạch, nhận thánh giá từ tay các giáo sĩ còn sống và treo nó quanh cổ mình như lá bùa hộ mệnh để có thể cướp, giết và hãm hiếp tùy thích trong đêm tối. Sau những ngày đêm này, nhiều năm sau Thebes vẫn không trở lại được như trước, mà quyền lực và sự giàu có của nó bị rò rỉ đi như máu chảy ra từ vô số vết thương trên cơ thể béo phì.

3

Horemheb ở lại nhà tôi, bồn chồn thao thức và gầy rộc đi, mắt anh ngày càng thâm quầng và anh không còn ngó ngàng đến thức ăn mà Muti cố ép anh từ sáng đến tối, vì Muti, như những người đàn bà khác, rất ngưỡng mộ Horemheb và kính trọng anh ấy hơn tôi, một người đàn ông gầy gò và yếu ớt, mặc dù tôi có nhiều kiến thức. Horemheb nói:

- Tôi mặc kệ Amon với Aton, nhưng vì họ mà binh lính của tôi trở nên rồ dại và biến thành dã thú, nên chắc chắn tôi phải cho nhiều tấm lưng ăn roi và đành để một số đầu rơi xuống trước khi họ buộc phải tỉnh ngộ lại. Đó là một điều rất đáng tiếc, vì tôi biết nhiều người trong số họ, biết công trạng của họ và họ là những người lính tốt nếu được giữ trong khuôn phép và thường xuyên bị quở trách.

Còn Kaptah ngày một giàu lên, khuôn mặt nhờn mỡ, và ông ấy ngủ lại Đuôi Cá Sấu, vì các cai đội và quản cơ của Shardana trả vàng cho đồ uống của họ và các phòng sau của quán trữ đầy của quý cướp được như đồ trang sức, rương gỗ và thảm, những thứ họ đổi lấy rượu mà không thèm hỏi giá. Không ai đụng đến quán và bọn cướp cũng tránh xa vì có lính của Horemheb canh giữ và Kaptah cho họ say sưa từ sáng đến tối, từ tối đến sáng để họ trung thành canh giữ quán, cầu khẩn các vị thần ban phước cho tên của ông ấy và treo ngược đầu một tên cướp bị bắt quả tang trên đường phố phía trên cửa ra vào như một dấu hiệu cảnh báo cho những kẻ bạo loạn.

Mới đến ngày thứ ba, tôi đã hết thuốc và không thể mua thêm kể cả bằng vàng và tài năng của tôi trở nên vô dụng đối với những bệnh do các xác chết và nguồn nước bị ô nhiễm đã lây lan đến khu phố nghèo. Tôi mệt lử, trái tim như một vết thương nơi lồng ngực

và mắt tôi đỏ ngầu vì thiếu ngủ. Vì vậy, tôi cảm thấy chán ngán mọi thứ, chán người nghèo, người bị thương và chán cả Aton. Tôi đi đến quán Đuôi Cá Sấu và uống rượu pha ở đó cho đến khi ngủ thiếp đi. Sáng ra, Merit thức tôi dậy, tôi thấy mình ngủ trên thảm của nàng và nàng nằm bên cạnh. Tôi xấu hổ nói với nàng:

- Cuộc đời giống như đêm tối lạnh lẽo, nhưng nó thật sự rất ngọt ngào khi hai người cô đơn sưởi ấm cho nhau trong đêm lạnh, mặc dù tay và mắt họ lừa dối lẫn nhau.

Nàng ngái ngủ ngáp dài và nói:

- Sao ông biết tay và mắt tôi lừa dối? Nhưng thật sự là tôi đã phát chán phải đánh vào ngón tay binh lính và đá vào ống chân họ. Trong thành phố này, giờ chỉ có bên cạnh ông là nơi an toàn duy nhất, nơi không ai động vào tôi, Sinuhe ạ. Nhưng vì sao lại thế, tôi không hiểu và tôi gần như giận ông đấy, vì người ta bảo tôi không đến nỗi nào, bụng không có khiếm khuyết gì, mặc dù ông không muốn nhìn nó.

Tôi uống bia nàng mời để xua đi cơn đau đầu và không biết nói gì với nàng. Nàng nhìn thẳng vào mắt tôi, ánh mắt cười cười, dẫu nơi đáy đôi mắt nâu vẫn lắng đọng nỗi buồn như nước đen dưới đáy giếng sâu khi ta nhìn xuống. Rồi nàng nói:

- Sinuhe, tôi muốn giúp ông nếu tôi có thể và tôi biết trong thành phố này có một người đàn bà nợ ông rất nhiều. Vào những ngày này, mái nhà là sàn nhà, các cánh cửa mở ra phía ngoài và dọc theo các con phố người ta đòi nhiều món nợ cũ. Có lẽ cũng tốt cho ông nếu ông đòi được món nợ ấy để ông không còn nghi ngờ rằng bất cứ người đàn bà nào cũng là một hoang mạc thiêu đốt ông.

Tôi thổ lộ với nàng rằng tôi hoàn toàn không coi nàng là hoang mạc, nhưng tôi bỏ đi và những lời nói của nàng bắt đầu âm ỉ trong đầu tôi, vì tôi cũng chỉ là một con người và những ngày này trái tim tôi tê dại vì máu me và những vết thương, những ngày này tôi đã nếm trải sự say mê, thù hận và tôi sợ chính mình. Vì vậy, những lời nói của nàng bắt đầu rực đỏ trong tôi như lửa cháy, khiến tôi nhớ đến đền thờ thần mèo và ngôi nhà bên cạnh đền, mặc dù thời gian đã trôi đi như cát phủ lên ký ức tôi. Nhưng trong những ngày kinh hoàng này của Thebes, tất cả thi thể đều nhỏm dậy từ các nấm mồ và tôi nhớ đến bố Senmut hiền lành và mẹ Kipa nhân hậu của tôi, cảm nhận vị máu trong miệng khi nghĩ về họ, vì vào những ngày này, không người quyền quý hay giàu sang nào ở Thebes được tuyệt đối an toàn và tôi không cần làm gì hơn

là trả tiền cho một vài gã lính để thực hiện ý muốn của mình. Nhưng tôi vẫn chưa biết mình muốn gì. Vì vậy tôi trở về nhà, làm những gì có thể cho người bệnh mà không cần đến thuốc men và khuyên người dân ở các khu phố nghèo tự đào giếng bên bờ sông để nước được lọc sạch khi chảy qua đất, cát.

Nhưng sang ngày thứ năm, cả các quan vệ úy dưới quyền Pepitaton cũng bắt đầu sợ, vì binh lính không còn nghe theo hiệu lệnh tù và nữa mà phỉ báng họ trên đường phố, giật roi vàng chỉ huy khỏi tay họ và bẻ gãy roi. Họ đến gặp Petitaton, cũng đã chán ngán với cuộc sống chiến binh túng thiếu và nhớ những con mèo của mình, buộc ông ta triều kiến Pharaon để tâu cho ngài biết sự thật và cởi bỏ tấm vải choàng thống lĩnh hoàng gia ra khỏi cổ. Vì vậy, vào ngày thứ năm, đội xa giá của Pharaon đến nhà tôi và vời Horemheb diện kiến Pharaon. Horemheb rời khỏi giường như một con sư tử, tắm rửa, mặc quần áo và trên đường đi gào lên với chính mình khi nghĩ xem sẽ nói những gì lúc đối diện Pharaon, vì vào ngày này cả ngai vàng của Pharaon cũng đang lung lay và không ai biết điều gì sẽ xảy ra vào ngày mai. Đứng trước Pharaon, anh ấy nói:

- Tâu bệ hạ, tình hình gấp lắm rồi và thần không có thời gian để nhắc lại những gì thần đã bẩm lên ngài. Nhưng nếu ngài muốn mọi thứ trở lại như trước, xin hãy trao cho thần quyền uy của Pharaon trong ba ngày, đến ngày thứ ba thần sẽ trao lại ngài quyền lực và ngài không cần biết chuyện gì đã xảy ra.

Pharaon hỏi anh ta:

- Khanh sẽ lật đổ Amon chứ?

Horemheb đáp:

- Bệ hạ quả thật còn điên rồ hơn kẻ mộng du, nhưng sau tất cả những gì đã xảy ra thì phải hạ bệ Amon thôi, để giữ vững quyền lực cho Pharaon. Vì vậy thần sẽ phế bỏ Amon, nhưng xin ngài đừng hỏi thần sẽ làm như thế nào.

Pharaon nói:

- Khanh không được làm hại các giáo sĩ của Amon, vì họ không biết mình đang làm gì.

Horemheb nói:

- Có lẽ phải khoan sọ bệ hạ thôi vì không có cách nào khác chữa

lành cho ngài, nhưng thần sẽ tuân theo lệnh ngài vì đã có lần thần lấy tấm vải choàng vai của mình che cho sự ốm yếu của ngài.

Pharaon nhỏ lệ, trao roi và trượng của mình cho anh ấy trong ba ngày. Nhưng tôi không tận mắt chứng kiến việc này mà chỉ được biết theo lời kể của Horemheb và anh ấy thường thêm thắt vào câu chuyện của mình theo thói quen của lính tráng. Dù thế nào thì anh ấy đã trở về thành phố trên xa giá vàng của Pharaon, đi từ đường phố này sang đường phố khác, hét gọi binh lính bằng tên của họ, tập hợp những người trung thành nhất quanh mình, ra lệnh thổi tù và triệu tập quân lính về quanh chim ưng và đuôi sư tử. Suốt cả đêm hôm đó, anh ấy phán xử, và tiếng khóc, tiếng kêu gào vang lên từ các trại lính, các viên quản cơ nghiêm khắc của cơ binh làm gãy hàng đống gậy cho đến khi cánh tay họ mỏi nhừ và họ kêu ca rằng chưa bao giờ vất vả như vậy trong đời binh nghiệp. Horemheb đã lệnh cho những binh lính tốt nhất của mình đi tuần tiễu khắp thành phố, bắt từng gã lính không tuân lệnh ra đánh đập, nhiều người tay chân và quần áo lấm máu, bị chặt đầu trước những người lính khác. Đến gần sáng, đám tội phạm của Thebes như đàn chuột đã lủi vào nơi ẩn náu của chúng, vì bất cứ ai bị phát hiện đã lấy cắp hay đột nhập vào nhà bên cạnh đều bị giáo đâm tại chỗ. Bởi vậy, chúng vừa chạy trốn vừa run rẩy giật đứt thánh giá của Aton trên cổ và quần áo vì sợ sẽ bị nhận ra.

Nhưng Horemheb cũng triệu tất cả thợ xây của thành phố lại, lệnh cho họ dỡ nhà và phá thuyền của những người giàu có lấy gỗ và bắt họ làm thang, làm dụng cụ để phá tường, phá cổng và tháp bảo vệ, khiến đêm đêm Thebes đắm chìm trong tiếng búa và tiếng ầm ầm của gỗ. Nhưng âm thanh vang vọng làm hài lòng người dân Thebes nhất là tiếng kêu khóc của đám lính da đen và Shardana bị đánh bằng roi. Vì thế họ tha thứ cho tất cả những việc Horemheb làm và yêu quý anh ấy, bởi những người khôn ngoan nhất đã quá chán ngán và mệt mỏi với các thảm họa vì Amon và hy vọng Amon sẽ nhanh chóng bị lật đổ để thành phố thoát khỏi binh lính.

Horemheb cũng không phí thời gian đàm phán với các giáo sĩ, mà ngay khi trời vừa mờ sáng, anh ấy đã lệnh cho các quan vệ úy và cho gọi các cai cơ đến chỗ mình và giao nhiệm vụ cho họ. Rồi binh lính đẩy các tháp bao vây đến năm vị trí quanh tường để bảo vệ đền, cùng lúc ấy lính phá cổng bắt đầu đập rầm rầm vào các cánh cổng thành. Không ai bị thương, vì binh lính đã làm những mái khiên để che chắn, còn các giáo sĩ và đội gác đền nghĩ cuộc bao vây chỉ tiếp tục kéo dài như trước nên không đun nước sôi và nấu chảy hắc ín mang lên tường thành để đẩy lùi quân tấn công. Thế nên

họ đã không thể chống lại được cuộc công kích dứt khoát, đồng loạt tại các điểm theo kế hoạch mà lực lượng bị phân tán, chạy tán loạn trên tường thành, còn dân chúng bắt đầu sợ hãi gào thét lên trong các sân đền. Vì vậy, khi thấy cánh cổng bị phá và lính da đen trèo tường, các giáo sĩ thượng phẩm bèn cho thổi kèn để kết thúc trận chiến và cứu dân chúng, vì họ nghĩ Amon đã nhận đủ vật hiến tế và họ muốn giữ mạng sống cho các tín đồ trung thành của Amon, để dành lực lượng cho sau này. Thế là các cánh cổng được mở và theo lệnh Horemheb, quân lính cho phép dân chúng vốn đã dồn vào các sân đền được thoát ra ngoài. Dân chúng vừa chạy vừa cầu cứu Amon đến giúp; họ chỉ muốn về nhà, vì sự mê muội đã tạm lắng và họ đã quá mệt mỏi khi phải ở trong sân đền chật chội dưới cái nắng như thiêu đốt.

Bằng cách này Horemheb đã chiếm sân trước, nhà kho, trại ngựa và xưởng của đền mà không gây thương vong lớn. Anh ấy cũng nắm quyền kiểm soát Nhà Sống lẫn Nhà Chết và cử các danh y của Nhà Sống đem thuốc vào thành phố để chữa cho người bệnh, song không hề động đến Nhà Chết, vì Nhà Chết nằm ngoài cuộc sống dù trên thế giới có chuyện gì xảy ra đi nữa. Nhưng các giáo sĩ và lính canh đã dồn vào cố thủ trong đền lớn để bảo vệ nơi linh thiêng nhất, các giáo sĩ mê hoặc lính canh, cho họ uống các loại thuốc mê để họ chiến đấu đến chết mà không cảm thấy đau đớn.

Trận chiến trong đền lớn kéo dài đến chập tối, rồi tất cả lính canh bị bỏ bùa mê và các giáo sĩ có vũ khí trong tay đều bị giết, chỉ còn lại những giáo sĩ bậc cao nhất đã dồn về quanh thần của họ ở nơi linh thiêng nhất. Lúc đó, Horemheb truyền thổi tù và, ra lệnh dừng tấn công, sai binh lính thu gom xác chết và ném xuống sông, còn anh ấy một mình đến gặp các giáo sĩ của Amon và nói:

- Ta không hận thù Amon, vì ta phụng sự Horus, chim ưng của ta. Nhưng ta phải làm theo chiếu chỉ của Pharaon và lật đổ Amon. Tuy nhiên, có lẽ cả các vị và ta sẽ thoải mái hơn nếu không còn tượng nào ở nơi linh thiêng nhất, để quân lính không nhục mạ tượng, bởi ta không muốn mình trở thành kẻ xúc phạm thần linh, mặc dù ta phải phụng sự Pharaon theo lời tuyên thệ của mình. Hãy cân nhắc lời ta và ta cho các vị một giờ đồng hồ nước để làm việc đó. Sau đó, các vị có thể an toàn rời đi và không ai động vào các vị, vì ta không có ý hại các vị.

Lời anh ấy nói rất thuận tai các giáo sĩ vốn đã sẵn sàng chết cho Amon. Họ nán lại sau bức màn che nơi linh thiêng nhất cho đến khi một lượng nước rỉ ra từ đồng hồ nước. Khi ấy Horemheb tự tay giật màn che và cho các giáo sĩ thoát ra. Họ bỏ đi, để lại nơi linh

thiêng nhất trống không, không còn thấy tượng của Amon đâu nữa, vì các giáo sĩ đã nhanh chóng đập tượng ra thành từng mảnh và giấu trong áo mang đi, để có thể nói rằng phép lạ đã xảy ra và Amon vẫn còn sống. Nhưng Horemheb đã ra lệnh niêm phong tất cả các kho bằng ấn triện của Pharaon, còn anh tự mình niêm phong các hầm cất giữ vàng và bạc. Tối hôm đó, những người thợ đá bắt đầu công việc của mình dưới ánh đuốc, đục bỏ tên của Amon khỏi mọi bức tượng và bia ký; cũng trong đêm đó, Horemheb ra lệnh tẩy sạch những gì còn sót lại của xác chết trên bãi chợ và dập tắt những đám lửa còn âm ỉ cháy đó đây trong thành phố.

Khi hay tin Amon đã bị hạ bệ, hòa bình và trật tự được lập lại, những người giàu có và quyền quý mặc lên người bộ đồ đẹp nhất, thắp đèn trước nhà và kéo ra đường phố mừng chiến thắng của Aton. Các triều thần đã chạy đến trốn trong hoàng cung của Pharaon trước đó cũng sai thuyền đưa mình qua sông trở lại thành phố và chẳng mấy chốc, bầu trời Thebes lại rực sáng ánh đỏ từ các ngọn đuốc, đèn lồng và hoa được rải đầy trên đường phố, dân chúng hò hét, ôm nhau cười nói. Đến Horemheb cũng không ngăn được họ chuốc rượu cho lính Shardana, cũng như không thể ngăn các phụ nữ quyền quý ôm những người lính da đen giơ mũi giáo khoe những cái đầu trọc của các giáo sĩ đã bị giết chết. Vì đêm nay Thebes vui mừng nhân danh Aton và nhân danh Aton mọi thứ đều được phép, không có sự phân biệt giữa người Ai Cập và người da đen. Minh chứng cho điều này là các phụ nữ quyền quý đã mời người da đen đến nhà mình, cởi bộ xiêm áo mới mùa hè, tận hưởng sức mạnh và mùi máu tanh nồng trên cơ thể họ. Và khi một người canh đền bị thương từ bóng tối của bức tường thành bò ra quảng trường hét gọi Amon trong cơn mê sảng, họ dùng đá đập nát đầu ông ta xuống đường và các phụ nữ quý tộc vui mừng nhảy múa quanh thi thể ông ta.

Tận mắt chứng kiến tất cả những cảnh này, tôi phải đưa hai tay ôm đầu và nhận ra không còn gì quan trọng với mình nữa ngoài suy nghĩ không thần linh nào có thể chữa cho con người khỏi căn bệnh điên khùng của họ. Đêm đó, không còn quan tâm đến bất cứ điều gì, tôi chạy đến Đuôi Cá Sấu, những lời của Merit cháy bùng thành ngọn lửa trong tim tôi và tôi rủ mấy gã lính đang gác quán rượu đi cùng, họ nghe lời tôi vì đã từng nhìn thấy tôi đi cùng với Horemheb. Tôi dẫn họ đi qua cái đêm hân hoan và điên cuồng đó, qua con phố có những người đang nhảy múa đến đền thần mèo, trước nhà của Nefernefernefer. Nơi đó, đèn và đuốc cũng cháy sáng, ngôi nhà không bị cướp phá và tiếng ồn ào hoan hỉ của những người say xỉn vọng ra khắp đường phố. Nhưng khi sắp đến

gần, đầu gối tôi bắt đầu run lên, bụng tôi thắt lại và tôi nói với đám lính:

- Đây là lệnh của Horemheb, Thống lĩnh hoàng gia, bạn của ta. Hãy vào nhà, ở đó có một phụ nữ luôn ngẩng cao đầu, mắt xanh như đá. Hãy dẫn người đó đến với ta, nếu cô ta chống lại, hãy dùng cán giáo đánh vào đầu, nhưng không được làm cô ta bị thương.

Toán lính vui vẻ đi vào, ngay lập tức khách khứa bắt đầu sợ hãi chạy ra ngoài, chân run rẩy, những người hầu bắt đầu hét gọi bảo vệ. Nhưng toán lính đã nhanh chóng trở lại cùng với trái cây, bánh mì, mật ong, hũ rượu trong tay và cả Neferneferneferne

- Đi đi, người lạ mặt, cầu xin thần linh ban phước lành cho việc làm của ngươi, chắc chắn chúng ta sẽ cố gắng hết sức để gìn giữ thi thể của cô ta mãi mãi, và nếu chỉ tùy thuộc vào mình, chúng ta sẽ giữ cô ta ở đây bảy mươi lần bảy mươi ngày, để đảm bảo thi thể của cô ta chắc chắn được gìn giữ.

Bằng cách đó, tôi đã đòi Nefernefernefer trả món nợ mà vì ả tôi mang nợ bố tôi và mẹ tôi. Tôi băn khoăn không biết ả ta sẽ nghĩ gì khi tỉnh dậy trong hang của Nhà Chết, bị tước hết của cải và sức mạnh dưới bàn tay của những người ngâm ướp thi thể vì theo như tôi biết, những người này sẽ không bao giờ để ả ta trở lại với ánh sáng ban ngày nữa. Đây là sự trả thù của tôi với ả, vì ả đã đưa tôi đến Nhà Chết, nhưng sự trả thù này thật trẻ con, như sau này tôi mới biết và bây giờ chưa đến lúc kể về nó. Tôi chỉ muốn nói rằng có lẽ sự trả thù mê hoặc con người và vị của nó ngọt ngào, nhưng trong tất cả những bông hoa của cuộc sống, hoa trả thù nở bung rồi tàn nhanh nhất và đầu lâu người chết nhăn nhở cười, nhạo báng ta từ bên dưới cơn thèm khát trả thù. Bởi lẽ nếu sự trả thù đối với tôi là men say và sự mê hoặc của nó đã lan khắp cơ thể tôi từ đầu đến chân vào giây phút mãn nguyện, thì khi tôi rời khỏi Nhà Chết, men say biến mất, thay vào đó là cơn lạnh buốt và cảm giác vô nghĩa khiến đầu tôi như vỏ trứng rỗng. Tôi cũng không còn mãn nguyện với ý nghĩ rằng có lẽ bằng việc làm của mình, tôi đã cứu nhiều người trẻ khác khỏi sự nhục nhã và chết trẻ, vì mỗi bước chân của Nefernefernefer mang theo sự hủy hoại, nhục nhã và chết chóc. Không, ý nghĩ đó không làm tôi thỏa mãn, vì nếu tất cả mọi điều đều có mục đích thì sự hiện diện của Nefernefernefer cũng có mục đích và những người đàn bà như ả phải ở trên thế gian này để trái tim con người được thử thách. Còn nếu không có điều gì có mục đích thì việc làm của tôi cũng phù phiếm và vô nghĩa như mọi việc làm khác của con người, vì niềm vui của tôi đã lập tức tan biến. Và nếu không việc làm nào có mục đích thì thà trầm mình xuống dòng sông để cho nước cuốn xác trôi đi.

Tôi đến Đuôi Cá Sấu gặp Merit và nói với nàng:

- Tôi đã đòi được món nợ của mình, tôi đã trả thù bằng cách khủng khiếp hơn bất kỳ ai có thể nghĩ ra. Nhưng sự trả thù đó không mang lại cho tôi niềm vui và trái tim tôi còn trống trải hơn trước, chân tay tôi lạnh buốt cho dù đêm nóng nực.

Tôi uống rượu, rượu như cát bụi trong miệng tôi, và tôi nói với nàng:

- Tôi thề nếu một lúc nào đó tôi lại ôm ấp đàn bà, cơ thể tôi hãy

khô quắt đi, vì càng nghĩ đến một người đàn bà nào đó, tôi càng sợ, vì thân thể cô ta là một sa mạc khô khốc và trái tim cô ta là một cái bẫy giết người.

Nàng chạm tay vào tay tôi, cặp mắt nâu nhìn thẳng vào mắt tôi và nói:

- Sinuhe, anh chưa bao giờ biết người phụ nữ nào chỉ muốn điều tốt cho anh.

Nghe thế, tôi nói:

- Xin tất cả thần linh Ai Cập bảo vệ tôi khỏi người phụ nữ muốn điều tốt cho tôi, vì Pharaon cũng chỉ muốn điều tốt cho mọi người, vậy mà dòng sông đầy xác chết vì lòng tốt của ngài.

Tôi nhấp ngụm rượu, rồi vừa khóc vừa nói:

- Merit, má em mịn màng như thủy tinh, tay em ấm nồng như lửa. Hãy cho môi anh đêm nay áp vào má em và hãy giữ đôi tay lạnh giá của anh trong bàn tay ấm áp của em để anh ngủ không mộng mị, anh sẽ đem đến cho em bất cứ điều gì em muốn.

Nàng cười buồn và nói:

- Em ngờ rằng đuôi cá sấu nói bằng lưỡi của anh, nhưng em đã quen và không coi điều đó là xấu. Anh biết đấy, Sinuhe, em không đòi hỏi ở anh bất cứ điều gì và trong đời mình, em chưa hề đòi hỏi bất cứ người đàn ông nào điều gì cũng như em chưa nhận của bất cứ ai món quà gì có giá trị, nhưng nếu em muốn cho đi một cái gì đó, em sẽ cho đi bằng trái tim mình và em sẽ rất vui được trao cho anh thứ anh muốn, vì em cũng cô đơn như anh.

Nàng đỡ lấy cốc rượu từ bàn tay run rẩy của tôi, trải thảm của mình cho tôi nằm rồi nằm xuống cạnh tôi và sưởi ấm đôi bàn tay lạnh giá của tôi trong tay nàng. Tôi áp môi mình vào đôi má mịn màng của nàng, hít ngửi mùi hương tuyết tùng trên làn da nàng và âu yếm vui vẻ cùng nàng. Nàng đối với tôi như bố tôi, mẹ tôi, với tôi nàng như nồi than cho người đang rét trong đêm đông giá buốt và như ngọn đèn biển dẫn thủy thủ về nhà trong đêm dông tố. Khi tôi chìm vào giấc ngủ, nàng cũng giống như Minea với tôi, Minea, người mà tôi đã vĩnh viễn mất đi, và tôi đã ngủ yên bên cạnh nàng như ở cạnh Minea dưới đáy biển, không còn thấy những giấc mơ ghê sợ nữa mà ngủ say sưa khi nàng thì thầm vào tai tôi những lời người mẹ thì thầm lúc con thơ sợ bóng tối. Từ đêm đó trở đi nàng là bạn tôi, vì trong vòng tay nàng tôi lại tin

rằng có điều gì đó lớn hơn tôi và ngoài hiểu biết của tôi mà vì điều đó ta sống.

Sáng hôm sau, tôi nói với nàng:

- Merit, anh đã đập vỡ vò với một phụ nữ nhưng cô ấy đã chết, song anh vẫn còn giữ sợi dây bạc từng buộc mái tóc dài của cô ấy. Tuy nhiên, vì tình bạn của chúng ta, anh sẵn sàng đập vỡ vò với em, nếu em muốn, Merit ạ.

Nhưng nàng ngáp và đưa mu bàn tay lên che miệng rồi nói:

- Anh không bao giờ được uống đuôi cá sấu nữa, Sinuhe ạ, vì anh lại nói những điều ngớ ngẩn như thế vào ngày hôm sau. Anh nên nhớ là em lớn lên trong một quán rượu nên không còn là một cô bé ngây thơ có thể tin vào lời nói của anh để rồi lại thất vọng.

- Merit ạ, khi nhìn vào mắt em, anh tin trên thế gian này cũng có những phụ nữ tốt, - tôi nói với nàng và đưa tay áp vào đôi má mịn màng của nàng. - Vì thế, anh chỉ nói điều đó với em để em hiểu em cần thiết với anh đến nhường nào.

Nàng mỉm cười và nói:

- Anh thấy đó, em cấm anh không được uống thêm đuôi cá sấu, vì để thể hiện lòng yêu quý với một người đàn ông, trước tiên người phụ nữ cấm anh ta một điều gì đó để chứng tỏ quyền lực của mình. Chúng ta hãy khoan nói về vò, Sinuhe ạ. Anh biết rõ là tấm thảm bên cạnh em thuộc về anh bất cứ khi nào anh cảm thấy cô đơn và buồn chán. Nhưng đừng bực tức, Sinuhe, nếu đôi khi anh thấy trên thế gian này cũng có những người đàn ông khác cô đơn và buồn bã như anh, vì là con người, em cũng tự do lựa chọn bạn cho mình như anh, và em không muốn dùng bất cứ cách gì ràng buộc anh. Vì vậy, em bỏ qua tất cả và mời anh thêm một đuôi cá sấu do chính tay em pha.

Đúng là tâm trạng con người thật kỳ lạ và rất ít người hiểu được trái tim mình, vào ngay lúc ấy tâm hồn tôi trở lại sảng khoái và nhẹ nhàng như chim, không nhớ gì đến điều ác độc vừa xảy ra. Tôi thấy hài lòng và hôm ấy không uống thêm đuôi cá sấu nào nữa. Điều này thật tốt, vì cũng ngày hôm đó, tôi gặp lại Pharaon Ekhnaton.

4

Hôm đó Horemheb trả lại cho Pharaon roi với trượng của ngài và tâu rằng anh đã lật đổ Amon và lập lại trật tự cho thành phố. Pharaon khoác lại cho anh ấy tấm vải choàng thống lĩnh quân đội hoàng gia và đặt vào tay anh chiếc roi vàng tổng chỉ huy vẫn còn sặc mùi mèo của Pepitaton. Pharaon định hôm sau sẽ ngự giá trong đoàn diễu hành dọc Đại lộ Nhân Sư đến đền thờ Aton để mừng chiến thắng của thần, nhưng ngài muốn tổ chức dạ tiệc cho triều thần trong hoàng cung vào tối hôm trước. Horemheb kể cho Pharaon nghe về tôi, nhờ thế tôi cũng được mời đến cung điện của ngài. Vì Horemheb đã phóng đại rất nhiều khi kể về tài năng và công việc của tôi ở Thebes với tư cách là thầy thuốc của người nghèo và về tất cả những gì tôi đã làm khi băng bó vết thương cho những người bất hạnh và lau khô nước mắt cho những đứa trẻ mồ côi.

Thế là tôi vận trang phục lanh hoàng gia và theo Horemheb đến cung điện của Pharaon. Nhưng khi ở trên thuyền, Horemheb vừa vung roi vàng vừa nói:

- Tôi chợt nhớ nên nhắc cậu luôn, Sinuhe, từ giờ về sau chớ có lôi kéo lính của tôi vào những chuyện đàn bà của mình, vì giới quyền quý đang bàn tán ầm lên rằng đêm hôm qua cậu đã cướp ai đó từ chính nhà cô ta. Cô ta có nhiều người tình giàu có, họ kêu khóc và mè nheo như mèo bị thương. Phui, tởm quá, sao cái roi này của ta hôi thế! Phải, họ đi tìm người tình của mình nhưng lính của tôi không nói ra, thôi cậu cứ giấu cô ta và vui vẻ với cô ta tới chừng nào cậu muốn, mặc dù tôi không tin cậu có thể làm những điều dữ dằn như vậy với một người đàn bà. Nhưng cá lớn đẻ trứng ở vùng nước sâu và lính của tôi có lẽ đã đúng khi một lần trong trận chiến đã gọi cậu là Con Trai Lừa Hoang vì lòng dũng cảm của cậu.

Ở cung điện, lần đầu tiên tôi nhìn thấy những bộ váy hè kiểu mới của phụ nữ cung đình mà lâu nay được bàn tán râm ran trong thành phố, và tôi công nhận rằng tuy lạ mắt nhưng chúng rất đẹp và mát mẻ, dù không cho cánh đàn ông bất cứ cớ gì để tò mò. Tôi cũng thấy những người phụ nữ tô màu xanh lông công xung quanh mắt, má và môi màu đỏ gạch khiến họ trông giống như tranh vẽ; điều này có lẽ cũng tốt, bởi họ di chuyển chậm chạp và khó giấu được những cái ngáp vì đã thức suốt đêm ăn mừng trên đường phố Thebes, đầu gối nhiều người khuỵu xuống khi bước đi khiến họ phải dựa vào tường và tìm chỗ vịn nơi cây gậy dài của các đấng mày râu.

Horemheb dẫn tôi đến thỉnh an Pharaon trong cung điện của ngài, nhờ vậy tôi đã gặp lại Pharaon. Ngài đã thành người đàn ông chững chạc trong thời gian tôi đi vắng, khuôn mặt ngài nhợt nhạt và đầy vẻ căng thẳng, hai mắt sưng húp vì thức nhiều. Ngài không đeo đồ trang sức gì trên người, chỉ mặc long bào màu trắng được may bằng vải lanh hoàng gia tốt nhất, hoàn toàn không che giấu thân hình mảnh khảnh với vẻ nữ tính méo mó của ngài.

- Sinuhe, danh y, Người Cô Đơn, ta nhớ ngươi, - ngài nói và ngay lúc đó tôi biết ngài là người mà ta hoặc phải ghét hoặc phải yêu, bởi vì ai có trái tim đập trong lồng ngực đều không thể dửng dưng trước ngài.

- Chứng đau đầu đã khiến ta mất ngủ nhiều đêm, - ngài nói và đưa tay lên sờ trán. - Ta thường bị đau đầu khủng khiếp khi có điều gì trái ý và các ngự y của ta cũng không thể giúp. Họ chỉ có thể làm tê liệt những cơn đau của ta, nhưng ta không muốn mê man đi bởi suy nghĩ của ta phải trong như nước vì thần của ta, và ta cũng không hài lòng với các danh y của thần đã bị phế bỏ. Horemheb, con trai của chim ưng, đã kể với ta về tài năng của ngươi, Sinuhe ạ. Có lẽ ngươi có thể giúp ta. Ngươi biết Aton không?

Đây là một câu hỏi khó đối với tôi và tôi đã cân nhắc lời nói của mình một cách kỹ lưỡng trước khi trả lời Pharaon:

- Bẩm quốc vương, hạ thần biết Aton, nếu ngài là một gì đó trong hạ thần và một gì đó ngoài tầm hiểu biết của hạ thần, một gì đó nằm ngoài và trên mọi kiến thức của con người. Còn theo cách khác thì hạ thần không biết.

Pharaon hồ hởi, nét mặt trở nên rạng rỡ và ngài hăng hái nói:

- Ngươi nói về Aton hay hơn những cận thần tốt nhất của ta, vì con người chỉ có thể biết Aton bằng trái tim mình, chứ không phải bằng lý trí. Chỉ ta mới biết ngài bằng trí tuệ của mình, bởi vì ta là con trai của ngài và trong ánh sáng rạng rỡ từ những ảo giác của ta, ta đã đối diện với ngài, mặc dù sự hiện diện của ngài là vô hình. Không có thần linh nào khác ngoài Aton và các thần do bàn tay con người nhào nặn lên chỉ là ảo ảnh trước ngài. Tất cả thần linh chỉ là cái bóng trước Aton, chính vì vậy ta đã lật đổ thần bị nguyền rủa, bởi cái bóng của thần này đã ngăn cản ánh sáng chiếu vào trái tim dân chúng. Sinuhe, nếu ngươi muốn, ta sẽ cho ngươi thánh giá sự sống.

Tôi nói với ngài:

- Tâu quốc vương, đêm hôm qua thần nhìn thấy những người đàn ông dùng đá đập vỡ đầu một người bị thương vì thánh giá sự sống của ngài và đám đàn bà nhảy múa xung quanh ông ta, hét gọi tên Aton. Thần cũng nhìn thấy những người đàn bà vừa hoan lạc với những người da đen vừa ca tụng Aton.

Mặt Pharaon tối sầm lại, ngài cau mày và hai gò má xương xẩu đỏ lựng càng nhô cao lên trên khuôn mặt gầy gò. Ngài rên rỉ đưa tay sờ đầu, màn xám che lấp đôi mắt, và ngài nói to:

- Ngươi cũng thế, Sinuhe, ngươi chỉ khiến đầu ta đau thêm khi nói về những điều không thuận ý ta.

Tôi thưa với ngài:

- Muôn tâu Pharaon Ekhnaton, ngài đã tuyên bố ngài sống theo sự thật. Vì thế thần tâu với ngài sự thật, dù thần thấu hiểu vì bệnh tật của ngài, quần thần và những người tôn thờ Aton đã gói sự thật vào vải mềm và cất nó trong bọc da để ngài khỏi nhìn thấy. Bởi sự thật là con dao trần trong tay con người và có thể phản lại người cầm nó. Sự thật sẽ chống lại chính ngài và khiến ngài đau đớn, bẩm Pharaon Ekhnaton. Thần sẽ dễ dàng chữa lành cho ngài nếu ngài sẵn sàng bịt tai trước sự thật.

Pharaon bước lại gần tôi rồi đưa tay nắm chặt cánh tay tôi, nói một cách dứt khoát:

- Không, không, Sinuhe. Ekhnaton chỉ sống vì sự thật, đó là mục đích của cuộc đời ngài. Nhưng phụ nữ Ai Cập ăn nằm với người da đen nhân danh Aton không phải là tội lỗi, bởi vì tất cả dân tộc và màu da đều bình đẳng trước Aton.

Horemheb nhổ nước bọt và đưa chân di nước bọt trên sàn, sau đó anh ấy ngửi chiếc roi vàng của mình với vẻ gièm pha. Pharaon bực tức nhìn anh ấy và tôi chợt hiểu Pharaon không có khả năng vui và cười. Ngài là một người chân chính nhưng không có khả năng cười, vì thế ngài là một người bất hạnh và mang đến bất hạnh cho cả những người xung quanh. Tôi nói với ngài:

- Sự thật không làm con người ta hạnh phúc, tâu quốc vương. Hạ thần mới khoan sọ một bà già tin rằng mình là nữ hoàng Hatshepsut nhưng khi được chữa lành, bà ấy chỉ là một mệnh phụ già nghèo khó và không còn hạnh phúc như khi tin mình là nữ hoàng Hatshepsut.

Pharaon Ekhnaton hỏi:

- Ngươi có thể chữa lành cho ta bằng cách khoan sọ ta không?

Tôi ngẫm nghĩ một hồi lâu, cuối cùng tôi đáp:

- Muôn tâu Pharaon Ekhnaton, ngài biết là thần biết căn bệnh thần thánh của ngài và thần cũng đã thấy ngài trong căn bệnh đó khi ngài còn trẻ. Đôi khi những cơn đau này không tái phát nếu người bệnh được khoan sọ, nhưng đôi khi tái phát. Thần trộm nghĩ điều này phụ thuộc vào việc có phải bệnh do chấn thương bên ngoài gây ra hay do bẩm sinh, vì bệnh bẩm sinh không thể chữa lành được bằng khoan sọ. Tuy nhiên, cơn đau đầu tái diễn của ngài chứng tỏ ngài bị chấn thương ở đầu và thần cũng thấy má và tay ngài giật giật khi ngài nói. Vì vậy, thần nghĩ việc khoan sọ sẽ giúp ngài bớt đau nếu danh y nào đó dám làm. Tuy nhiên, ngài phải nhớ rằng nếu một danh y khoan hộp sọ của ngài và ngài khỏi bệnh nhờ kỹ năng của anh ta, ngài có thể mất đi khả năng nhìn thấy ảo ảnh vốn có của mình, điều mà ngài tin là sự thật. Là một danh y, thần dám thưa rằng thần Aton của ngài sinh ra từ một cái đầu ốm yếu, nhưng điều này không hề làm giảm tầm quan trọng của tư tưởng của ngài vì hạ thần chỉ nghĩ như một người bình thường.

Pharaon nhìn tôi với vẻ ngờ vực và hỏi:

- Ngươi thật sự tin sẽ lấy Aton ra khỏi trái tim ta nếu ngươi khoan sọ của ta ư?

- Tâu quốc vương, thần đâu muốn khoan sọ của ngài, - tôi vội vàng nói. - Thần không làm điều đó, cho dù ngài ra lệnh, bởi vì các triệu chứng của ngài không đòi hỏi liệu pháp đó và việc khoan sọ chỉ được thực hiện bởi một danh y cẩn trọng khi thật sự cần thiết và không có cách nào khác có thể cứu được bệnh nhân.

Horemheb xen vào câu chuyện và nói:

- Đúng như roi của thần vẫn còn mùi mèo, Sinuhe là một danh y lành nghề đã tích lũy kiến thức cho mình từ nhiều quốc gia và là học trò của Ptahor già, như ngài còn nhớ, bẩm Pharaon Ekhnaton. Ngài có thể an tâm đặt hộp sọ thần thánh của mình vào tay anh ấy và có lẽ ca mổ kịp thời này có thể giải cứu Syria và Kush cho Ai Cập, ngăn chặn mầm chết chóc đang đâm chồi từ những hành động điên rồ của ngài. Thần không nói điều này với tư cách một thầy thuốc, vì thần không hiểu gì về y học, cũng không nói như một chiến binh, mà chỉ với tư cách là một người Ai Cập yêu bùn đen và muốn nhìn thấy những đứa trẻ béo tốt, những người vợ

vui cười hơn là nhìn đói khát, bệnh tật và chết chóc.

Nhưng Pharaon không tức giận mà chỉ nhìn anh ấy và cả tôi với vẻ thương hại, vì ngài biết sự thật của mình mạnh hơn cả hai chúng tôi. Nét mặt sáng bừng lên, ngài nói:

- Ptahor già đã chết và Nhà Sống vẫn chưa tiến cử ai kế vị ông ta. Vì thế ta bổ dụng ngươi, Sinuhe, làm danh y khoan sọ hoàng gia, và kể từ Ngày Sao Thiên Lang trở đi, ngươi được nhận tất cả các lợi quyền và bổng lộc của chức vị này và Nhà Sống sẽ cho ngươi biết chi tiết về phận sự và công việc. Nhưng các danh y của Nhà Sống không còn muốn thực hiện bất kỳ cuộc phẫu thuật nào nữa vì lửa thiêng của thần đã tắt và họ đã quen với việc tẩy trùng dao và kìm trong lửa của thần này. Hãy nói cho ta biết, không phải lửa thiêng của Aton cũng thích hợp hệt như thế và còn hợp hơn để rửa sạch dao của họ ư?

- Tâu quốc vương, lửa là lửa, - tôi nói, - trong những lần du hành tới nhiều xứ sở, thần đã mượn lửa từ bàn thờ của cả thần Baal lẫn thần Marduk và không bệnh nhân nào đến than phiền vết mổ của họ bị sưng, nhiễm vì lửa. Nhưng bây giờ là tháng oi bức tồi tệ nhất và các danh y trung thành với Amon bị nguyền rủa đó có thể lợi dụng điều này và dọa dẫm dân chúng. Nếu ngài muốn, thần sẽ đến Nhà Sống và thuyết giảng cho các môn sinh về vấn đề này, vì thần không có gì để mất; thần chỉ là thầy thuốc của người nghèo và nếu họ gạt bỏ tên thần ra khỏi sách của Nhà Sống, kiến thức của thần không vì thế mà giảm đi.

- Hãy làm đi, - Pharaon hài lòng nói và đặt những ngón tay thon dài lên vai tôi, những ngón tay mang đến cho tôi một nguồn năng lượng như khi một ngọn lửa chạm vào vai và tôi biết rằng tôi sẽ phải yêu ngài cho đến ngày ngài lâm chung, mặc dù ngài điên khùng đến thế.

- Hãy làm đi, - ngài nhắc lại. - Khanh sẽ được nhận rất nhiều quà, Sinuhe, và khanh sẽ ngồi bên phải ta.

Nhưng tôi không muốn quà cáp từ ngài, mà chỉ muốn mang niềm vui đến cho ngài và bây giờ tôi hiểu tại sao những người yêu thương ngài đã cố gắng hết sức để giấu ngài sự thật, mặc dù bản thân ngài chỉ muốn sống vì sự thật.

Sau đó, Horemheb đưa tôi đến sảnh dạ tiệc, nơi khách khứa đã tập trung đông đủ và là nơi các cận thần đố kỵ, tranh nhau những vị trí tốt nhất gần bàn của pharaon. Theo Horemheb, tôi phải ngồi

gần hoàng gia, bên phải Pharaon, và tôi ngạc nhiên thấy hoàng gia có cả giáo sĩ Eje, nhưng rồi tôi liền nhớ ra Nefertiti, con gái của ông ấy, là hoàng hậu chính phi sau công chúa nhỏ Mitanni, người đã qua đời ngay sau khi đến Ai Cập.

Tôi quên ăn uống, nhìn về phía bàn pharaon nơi Ekhnaton tỏa phát chân lý siêu phàm của ngài và băn khoăn không biết các triều thần ngồi cạnh ngài đã che giấu bao nhiêu bí mật đáng sợ sau vầng trán bóng mịn của họ. Hoàng thái hậu Teje đã già nua và béo đẫy; càng già đi, nét da đen trên khuôn mặt bà càng hiện rõ, vì vậy tôi tự hỏi liệu sự thật của Pharaon về sự bình đẳng giữa tất cả các dân tộc và màu da có đến từ trái tim của mẹ ngài không. Công chúa Baketamon, đã đổi tên thành Baketaton theo Pharaon, có khuôn mặt thật kiều diễm, được tô vẽ như tượng. Ngồi bên cạnh Pharaon là Hoàng hậu Nefertiti và khi nhìn thấy người, tôi không còn ngạc nhiên vì sao Pharaon lại chọn người chứ không phải em gái mình làm hoàng hậu chính phi. Hoàng hậu đã sinh cho Quốc vương hai công chúa, nhưng thân hình người không lộ ra dấu vết gì của việc sinh nở, trái lại người có tư thế kiêu hãnh của một phụ nữ trưởng thành và không ngại để lộ bụng eo cho người khác thấy như các phi tần khác. Khuôn mặt Hoàng hậu đã được các nhà thơ ca tụng quá nhiều với đủ lời ví von, vì vậy tôi chỉ nói rằng Hoàng hậu không đeo một đồ trang sức nào và như thế, người cao sang, xinh đẹp hơn bất kỳ người phụ nữ nào mà tôi từng thấy; trên chiếc cổ thon dài là khuôn mặt thanh tú và xinh đẹp, vương miện cao không đè nén đầu mà chỉ tôn cao vị thế của người. Nhưng đôi mắt người sắc lạnh và nụ cười yếu ớt trên đôi môi mỏng xinh đẹp đầy vẻ cân nhắc, suy tư. Đôi mắt Hoàng hậu cũng sắc lạnh như mắt Nefernefernefer và qua đôi mắt ấy không thể thấu hiểu được bí ẩn của trái tim.

Trong dạ tiệc, Pharaon Ekhnaton chỉ ăn cháo đại mạch nấu với sữa từ một chiếc đĩa vàng và cán chiếc thìa vàng của ngài tạc đầu linh dương thon mảnh. Ăn cháo xong, ngài bẻ bánh mì khô ăn và không uống rượu mà uống nước tinh khiết từ cốc vàng của mình. Ăn xong, ngài nói to, vẻ mặt rạng rỡ, say mê:

- Hãy kể với muôn dân rằng Pharaon Ekhnaton sống vì sự thật và thức ăn của ngài là bánh mì, cháo loãng của người nghèo, bữa ăn của ngài không khác gì bữa ăn của một người nghèo khổ nhất.

Rồi ngài hết lời ca ngợi bánh làm từ hạt đại mạch tán nhỏ mà Aton đã ban và nước tinh khiết mà Aton đã tặng. Những người muốn làm đẹp lòng ngài đã từ chối khi được mời món thịt chim bồ câu săn từ bãi sậy, ngỗng rán theo kiểu Thebes và bánh mật ong. Họ cố

gắng hài lòng với bánh mì và nước như Pharaon, mặc dù sẽ rất đói vì yến tiệc kéo dài với mười hai loại thịt ngon, tám loại bánh ngọt đặc biệt cùng nhiều loại kem khác nhau thết đãi khách. Từ khuôn mặt và bàn tay, bàn chân bị cháy nắng của họ có thể nhận ra họ là những người trong đám nghèo khó nhất được Pharaon sai đưa về cạnh mình và bổ dụng làm cận thần trong các lĩnh vực khác nhau của triều đình. Tôi không nghi ngờ trí tuệ hay kiến thức của họ vì nhiều người trong số họ có đôi mắt sáng và vầng trán rộng, nhưng không nên để sự tôn kính ngăn cản việc ăn, vì những người khác không ngại ngùng ăn tất cả những món được thết đãi và uống rượu, vui vẻ nói cười và đùa cợt.

Sau này tôi được biết và tận mắt chứng kiến Pharaon Ekhnaton không hề chê rượu vang, mà ngài hào hứng uống cho tâm hồn thật vui khi mọi việc xảy ra như ý mình. Ngài cũng không chê thịt ngỗng béo hay thịt linh dương, mà chỉ ác cảm với thịt động vật khi thấy cần phải giữ mình thanh sạch trước khi thấy các ảo ảnh. Thói quen ăn uống của ngài rất kỳ lạ và tôi nghĩ điều này là do việc ăn uống không quan trọng với ngài như với người khác, ngài cũng không để ý nhiều đến việc mình ăn gì uống gì khi cảm xúc dâng trào và những ý tưởng tràn ngập trong trí não khiến ngài không kịp bình tâm đọc hết chúng cho các sử quan ghi lại.

Tôi tin ngài có thể hài lòng với thức ăn, đồ uống đạm bạc. Còn trong buổi tối ấy, khi ngài rời chỗ ngồi tiến lại gần khách khứa với tư cách một chủ nhà vui vẻ và đặt những ngón tay thon dài lên vai khách, nói chuyện với họ và khi đứng cạnh họ, đôi khi ngài nhón lấy cái chân chim hay trái cây hoặc bánh mật từ đĩa của họ lúc đang lơ đãng nói, và chắc không biết mình đang làm gì vì ngài đâu biết diễn. Nhưng những người tạm hài lòng với cháo và bánh mì thì không vui và thèm khát nhìn từng miếng thức ăn trôi xuống qua cuống họng dài và mỏng của ngài. Khi cảm thấy khát vì nói quá nhiều, ngài thể hiện ân sủng đặc biệt với người đối diện bằng cách uống ngụm rượu từ cốc của người đó. Đây đồng thời là dấu hiệu cho biết vị khách đó được phép mang về nhà chiếc cốc mà Pharaon đã chạm vào để lưu giữ như một kỷ vật quý giá cho con cháu xem, và nó thật sự có giá trị vì tất cả các cốc đều rất đẹp và đắt tiền. Theo cách đó, tôi cũng mang về cho mình một chiếc cốc vàng rộng vành nặng vài ba deben vì hai bên cốc gắn đầy hạt nho vàng.

Khách khứa cũng đứng dậy, bắt đầu đi từ bàn này sang bàn khác để gặp gỡ người quen và thay nhau kể những câu chuyện phiếm của triều thần. Một người đàn ông thấp, mặt to bè, mặc bộ đồ vải lanh hoàng gia, đeo vàng quanh cổ và cổ tay đến chỗ tôi. Chỉ từ đôi

mắt nâu tinh nghịch của người này tôi mới nhận ra đó là Thotmes và reo lên sung sướng rồi đứng dậy ôm lấy anh ấy. Tôi kể tôi đi tìm anh ấy ở "Vò Rượu Syria", nhưng anh ấy nói:

- Giao lưu trong các quán rượu bình dân không còn thích hợp với địa vị của tôi. Tôi có nhiều việc để làm nếu kịp uống tất cả rượu mà bạn bè quyền quý và người quý mến tôi tiếp đãi tôi ở nhà họ. Ngài, người được rạng danh, đã phong tôi là nhà điêu khắc đá hoàng gia, như anh có thể đọc được trên vòng của tôi. Tôi đã vẽ cho ngài vầng hào quang của Aton và vô số bàn tay xòe ra từ những tia nắng mặt trời để ban tặng thánh giá sự sống cho bất kỳ ai muốn nhận nó.

- Thotmes, bạn của tôi, - tôi nói, - có phải anh là người tạc Pharaon trên các cột của ngôi đền Aton hùng vĩ không, vì trước đây tôi chưa bao giờ thấy những bức tượng như thế cả?

Anh ấy không trả lời thẳng câu hỏi của tôi mà chỉ nói:

- Có nhiều nhà điêu khắc phụng mệnh Pharaon và chúng tôi làm việc cùng nhau, nguyên tắc duy nhất của chúng tôi là đôi mắt của mình. Chúng tôi không bao giờ báng bổ Pharaon mà yêu kính ngài và muốn thể hiện trung thực bản ngã của ngài trong các tác phẩm điêu khắc. Thật tình, bạn Sinuhe của tôi, hôm nay chúng ta ngồi trên ghế trong hoàng cung và uống rượu từ những chiếc cốc quý giá mà vào thời thần giả, chúng ta phải chịu sự ngược đãi, chế nhạo và làm dịu cơn khát của mình bằng bia chua. Chúng tôi đã mục kích nghệ thuật tự do Crete và tìm thấy tự do của chính mình; anh sẽ còn phải ngạc nhiên với những gì mình thấy vì đá đã sống lại trong bàn tay chúng tôi, mặc dù chúng tôi vẫn còn nhiều điều cần học hỏi.

Tôi nói với anh ấy:

- Có một thánh giá sự sống trên trang phục của anh. Anh ấy cười thật tươi và nói:

- Vậy thì sao? Điều đó có nghĩa là thoát khỏi quyền lực của thần giả và sống trong ánh sáng và sự thật.

- Điều đó còn có nghĩa gì khác với anh, người đã phải vẽ cho con cái nhà giàu đàn mèo run rẩy giữa vòng vây của bầy chuột để nuôi sống mình? - Tôi hỏi lại.

Anh ấy bật cười khi nhớ lại những ngày tháng nghèo khó rồi nâng chiếc cốc của tôi trong tay, nhìn nó đầy thán phục và nói:

- Tôi cẩn trọng khi nói những điều thuộc về thần linh, vì cuộc sống tươi đẹp này với tất cả màu sắc và hình dạng diệu kỳ của nó là đủ với tôi; cuộc đời như vò rượu không bao giờ cạn trong tay tôi và cuộc sống trước mắt tôi là bức tranh không bao giờ có thể nhìn thấu tận cùng. Không, Sinuhe, tôi không muốn nói với anh về những điều thuộc về thần linh, bởi vì chúng thay đổi và thay đổi mỗi ngày theo những ảo giác của ngài, điều hôm qua đúng hôm nay có thể sẽ sai, vì ngài lần lượt xé những tấm màn phía trước sự thật mà có vẻ như chúng vẫn còn quá nhiều và tôi không lấy điều đó làm ngạc nhiên. Anh cũng thật ngớ ngẩn khi nói về Aton bên bàn tiệc, Sinuhe ạ, vì cả khi tỉnh táo chúng ta cũng có đủ việc phải làm theo nguồn cảm hứng của ngài. Không, Sinuhe, hãy để rượu làm tâm hồn ta sảng khoái, vì Aton là vị thần mang đến niềm vui, ban phát những chiếc cốc vàng và những chiếc ghế cao cho những ai ngài sủng ái. Chúng ta hãy để những điều thần thánh cho Pharaon vì ngài thấu hiểu chúng nhất, mặc dù chúng thường khiến ngài đau đầu hơn rượu pha đối với tôi.

Tôi rất vui khi gặp Thotmes và Horemheb cũng mừng rỡ khi nhìn thấy Thotmes, mặc dù việc bộc lộ niềm vui không thích hợp lắm với địa vị của anh ấy. Nhưng Thotmes nhìn Horemheb rất kỹ và nói sẽ tạc tượng anh ấy trong đền thờ Aton vì Horemheb đã giải thoát Thebes khỏi quyền năng của thần giả và vì nét mặt, dáng điệu của anh ấy rất thích hợp để tạc tượng, nếu Pharaon ban vàng và một tảng đá phù hợp cho tác phẩm này. Horemheb khá hãnh diện về điều đó vì anh chưa bao giờ được tạc tượng, nhưng lại nói:

- Chắc anh nghĩ rằng anh ban cho tôi đặc ân khi định tạc tượng tôi để tôi sống mãi muôn đời, nhưng tôi tin dù thế nào đi nữa, tên tuổi tôi cũng sẽ trường tồn nhờ những việc làm của chính tôi. Tôi cũng không muốn đứng há hốc miệng như một kẻ ngốc với những đồ cúng tế vô hồn trên bàn thờ của Aton, vì là một chiến binh, tôi không hiểu được những lời vô nghĩa trong tất cả mọi việc. Thay vào đó, tôi muốn tượng của tôi được dựng lên trong đền thờ Horus ở thành phố quê hương Hetnetsut của tôi, vì Aton vẫn chưa tranh giành với Horus và tôi muốn dân ở đó im miệng, bởi họ đã cười nhạo tôi và ngọn giáo của tôi khi tôi còn là một thằng nhóc.

Dứt lời, anh ấy chợt đứng dậy và cúi thấp người, hai tay duỗi thẳng ngang đầu gối, cả Thotmes và tôi cũng cúi đầu thật thấp, vì Hoàng hậu Nefertiti đến và nói chuyện với chúng tôi, bàn tay xinh đẹp đặt hờ trên ngực. Ngón tay người không đeo chiếc nhẫn nào và trên cổ tay cũng không có chiếc vòng vàng nào để ai cũng có thể chiêm ngưỡng bàn tay người đẹp như thế nào và cổ tay thon thả ra sao. Hoàng hậu lên tiếng nói với tôi:

- Hạt đại mạch đã bắt đầu nảy nở xanh tươi từ nguồn nước cơ thể ta và ta đang sốt ruột chờ đợi, vì Pharaon muốn có con trai thừa kế ngai vàng. Quyền lực của ngài chưa chắc chắn chừng nào dòng máu của ngài chưa vững vàng đứng bên cạnh ngài, vì trong bóng tối, thần giả vẫn còn rình mò quyền lực ấy và chúng ta hoàn toàn không cần giấu nhau việc này bởi đó là sự thật mà chúng ta ai cũng đều biết rõ. Sinuhe, ta nghe kể ngươi đã thụ đắc kiến thức từ nhiều miền đất và là một danh y, ngươi đã làm những điều kỳ diệu. Hãy nói cho ta biết, ta sinh con trai được không?

Tôi nhìn Hoàng hậu bằng con mắt của thầy thuốc, cố gắng quên đi vẻ đẹp của người, vì từ ý muốn của người, vẻ đẹp của người ào đến bên tôi như thể có gì đó từ người đang giục giã tôi và điều này xảy ra với tất cả những ai mà người nhìn đến và cả những ai đến gần người.

- Thưa Hoàng hậu vĩ đại, - tôi nói - vì bản thân mình, xin Hoàng hậu đừng mong có con trai, vì hông của người hẹp và việc sinh con trai sẽ làm Hoàng hậu đau đớn hơn sinh con gái, đồng thời có thể nguy hiểm đến tính mạng.

Nhưng Hoàng hậu nhìn tôi, ánh mắt sáng rực và sắc lạnh, rồi người nói với vẻ nôn nóng:

- Nhà ngươi không cần nói với ta điều mà chính ta cũng biết, vì các danh y sản khoa lành nghề nhất trong Nhà Sống đã kéo đầu hai đứa con gái ta cho dài và hẹp trước khi chúng lọt lòng để chúng sống được. Họ đã không dám làm điều này nếu Hoàng thái hậu vĩ đại không cho phép đưa từ xứ Kush đến các phù thủy sống trong các nhà rơm và biết cách làm điều này. Vì vậy, đừng quan tâm đến mạng sống của ta hay kích cỡ đầu con trai ta, mà hãy nói cho ta biết ta phải làm gì để sinh được con trai.

Nghe thế, tôi hoàn toàn hiểu Pharaon Ekhnaton đã ở trên mọi thành kiến và tôi dám chắc là Hoàng thái hậu vĩ đại có dòng máu da đen, vì nếu không làm sao bà có thể nắm được những bí mật của người da đen. Nhưng là một thầy thuốc và là một người Ai Cập, tôi không có thiện cảm với cách sinh nở này. Song tôi cũng lựa lời đáp:

- Thưa Hoàng hậu, chỉ mình Aton mới có thể định đoạt được giới tính của đứa trẻ trong bụng mẹ, còn con người không có quyền năng làm điều đó. Tuy nhiên, thần đã nghe nói về những tín ngưỡng ở các xứ sở khác và nhìn thấy những bùa chú mà phụ nữ tin là nhờ chúng họ có thể sinh con trai theo ý muốn, nhưng họ

nhầm cũng nhiều và điều này có thể hiểu được, vì khả năng là ngang nhau. Tuy nhiên, vì Hoàng hậu đã sinh hai con gái, nên bây giờ nhiều khả năng người sẽ sinh con trai, nhưng thần không thể nói chắc chắn điều gì, vì thần muốn nói thật cho Hoàng hậu chứ không phải như các danh y giả dối muốn lừa Hoàng hậu bằng những trò ảo thuật ngớ ngẩn để kiếm vàng.

Lời tôi nói không làm đẹp lòng Hoàng hậu và người không còn cười khi nhìn tôi với đôi mắt sáng và sắc lạnh, mà chỉ bảo:

- Phu quân Ekhnaton của ta được sinh ra từ mặt trời, như ngươi biết. Ngài được sinh ra sau khi Hoàng thái hậu vĩ đại cầu tự ở Heliopolis và việc chào đời của ngài là một bí mật thần thánh. Điều đó chắc ngươi không phủ nhận?

Có gì đó trong vẻ lạnh lùng, thận trọng của Hoàng hậu làm tôi khó chịu, khiến lòng can đảm của tôi trỗi dậy và có lẽ rượu cũng làm tôi thêm bạo dạn, vì qua Hoàng hậu tôi liếc nhìn giáo sĩ Eje một lúc lâu và đầy ẩn ý rồi nói:

- Vốn là một danh y, không có bí mật thần thánh nào hiện hữu đối với thần và vì lợi ích của vương quốc, thần không muốn Hoàng hậu phải đến Heliopolis, vì người cũng có năng lượng ấy trong nhà mình và Pharaon Ekhnaton muốn sống vì sự thật. Nếu dạ con của người không nảy sinh sự sống từ năm này qua năm khác, thần sẽ không nói gì, vì thừa kế ngai vàng là điều quan trọng, nhưng vì trong Pharaon và Hoàng hậu không có gì trái tự nhiên thì ích gì đâu nếu Hoàng hậu làm trái tim mình buồn phiền, bởi khả năng vẫn luôn ngang bằng nhau.

Hoàng hậu đưa tay lên lóng cổ thon dài của mình và vừa lấy hơi thở sâu vừa nhìn tôi như thể muốn gọi lính đến giết tôi. Nhưng người lạnh lùng và tỉnh táo cân nhắc rồi nói:

- Ta không hiểu ngươi đang nói gì, nhưng chắc ngươi cố gắng tỏ ra sâu sắc để tác động đến ta. Làm thế là vô ích, vì câu trả lời trung thực của ngươi đã đủ cho ta và ta cảm ơn ngươi về điều đó.

Thotmes mạnh dạn tham gia vào cuộc nói chuyện, nhìn thẳng vào mắt Hoàng hậu và nói:

- Thưa Hoàng hậu Nefertiti, người đẹp nhất trong những người đẹp, Hoàng hậu hãy sinh con gái thôi để các công chúa thừa hưởng sắc đẹp của người và giúp thế giới này giàu có hơn. Công chúa Meritaton bé nhỏ đã là một mỹ nhân, các cung nữ bắt chước hình dáng đầu Công chúa trong mái tóc giả của mình và ghen tị

với vẻ đẹp của Công chúa. Còn thần đang tạc tượng Hoàng hậu để lưu giữ sắc đẹp của người mãi mãi.

Tôi cũng trấn tĩnh lại, sau khi sự kinh ngạc trước ma lực của Hoàng hậu đã khiến tôi khùng lên, nói những điều ngu xuẩn. Với tư cách thầy thuốc, tôi chỉ dẫn cho Hoàng hậu một số thực phẩm người nên tránh và khuyên người nhai hạt yến mạch chín, vì đây là cách bảo đảm nhất để tăng sức mạnh hạt giống, khiến chúng bắt đầu lưỡng lự và nghiêng về giới tính nam một cách tự nhiên trong dạ con của người nữ. Tôi nói với Hoàng hậu:

- Điều thần bí duy nhất trong chuyện này là việc một người phụ nữ thụ tinh từ hạt giống của một người đàn ông, vì ai cũng coi đó là điều tự nhiên nhưng không ai có thể giải thích được.

Lúc đó Hoàng hậu lại cười với tôi rồi nhấp rượu từ cốc tôi và nói:

- Ta chỉ là một mụ đàn bà và là một người mẹ ngu dốt. Là người mẹ nên ta rất mê tín, như tất cả phụ nữ. Hãy giải thoát ta khỏi sự mê tín của mình để ta có một đứa con khỏe mạnh, dù gái hay trai.

Màu son môi của Hoàng hậu đã để lại một vết đỏ quạch trên miệng cốc của tôi và tôi đã cẩn thận để không xóa mất nó. Vì vậy, trên mép chiếc cốc vàng của tôi vẫn còn vệt đỏ từ môi người. Tối hôm đó, tôi đưa cho Merit xem chiếc cốc với niềm tự hào nhân đôi là Pharaon đã uống rượu từ cốc và trên mép cốc còn dính vệt đỏ từ môi Hoàng hậu Nefertiti. Nhưng Merit rất coi thường chiếc cốc, đưa tay gạt ra không cho tôi vuốt ve má nàng và nói rằng tôi đã say rượu của hoàng cung. Tuy nhiên, sáng hôm sau nàng đã mặc chiếc váy mùa hè có hoa văn mới khi tôi đến đón nàng đi xem lễ rước Pharaon và nàng thật đẹp trong bộ váy áo này, dù nàng sinh ra trong một quán rượu, nên tôi không xấu hổ chút nào khi đứng cạnh nàng bên Đại lộ Nhân Sư ở chỗ dành cho những người được nhận ân sủng của nhà vua.

5

Lòng người ai mà đo được và sự thật của Pharaon cũng đã làm tôi mù quáng đến mức không hề ngờ vực có điều độc ác nào, mặc dù dưới cái nắng chói chang, khói vẫn bay lên từ những đống hoang tàn còn âm ỉ cháy và mùi xác người vẫn bốc lên từ dưới lòng sông. Vì Đại lộ Nhân Sư được treo những dãy cờ đuôi nheo,

từng đám đông không đếm xuể tụ tập hai bên đường, nhiều đứa trẻ trèo lên cây ở các vườn hoa để được nhìn thấy Pharaon và Pepitaton đã sai mua vô số giỏ hoa đặt hai bên vệ đường để dân chúng ném hoa xuống đường khi xa giá của Pharaon diễu qua. Tâm trạng tôi thư thái và lâng lâng khi đoán định rằng tự do và ánh sáng đang đến với Ai Cập, tôi đã được mang một chiếc cốc vàng từ cung điện về và tôi được bổ dụng làm danh y khoan sọ hoàng gia. Bên cạnh tôi, người phụ nữ xinh đẹp và chín chắn, là bạn của tôi, đặt tay lên cánh tay tôi. Xung quanh chúng tôi, ở những chỗ đã được đặt trước, chỉ có những người vui vẻ và những khuôn mặt tươi cười nên tôi không thể nhìn thấy mặt của dân chúng. Tất cả yên tĩnh đến lạ thường, yên tĩnh đến mức có thể nghe tiếng quạ từ mái ngôi đền lớn vọng đến hẻm Nhân Sư, vì quạ và chim ăn xác chết đã ở lại Thebes và quá no đủ nên béo ú, không thể bay trở lại núi cao được nữa.

Có lẽ sai lầm khi để những người da đen mặt vẽ sọc đi sau kiệu vàng của Pharaon, bởi chỉ nhìn thấy họ thôi, dân chúng đã nổi cơn thịnh nộ, vì nói cho cùng chỉ ít người trong dân chúng là không bị thiệt hại trong vài ngày qua. Nhiều người đã mất nhà vì hỏa hoạn, những người vợ nước mắt chưa kịp khô, những người chồng vết thương vẫn còn băng và nhức nhối, đôi môi sứt sẹo của họ không thể nở nụ cười. Nhưng Pharaon Ekhnaton đã giá lâm, đung đưa trên chiếc ghế cao trong kiệu phía trên đầu của tất cả những người đứng xem. Đầu ngài đội vương miện của hai vương quốc, vương miện hoa huệ và vương miện giấy cói, vương miện của miền Thượng và miền Hạ, hai cánh tay ngài bắt chéo chữ thập trước ngực, một tay giữ chặt trượng và tay kia cầm roi hoàng đế. Ngài ngồi bất động như tượng thần, như các pharaon bao đời nay đã ngồi cho muôn dân chiêm ngưỡng. Tất cả im lặng đến ghê sợ khi ngài đến, như thể chỉ nhìn thấy ngài thôi, cổ họng thần dân đã nghẹn lặng. Cuối cùng, lính canh nơi hẻm Nhân Sư giương giáo lên và hô vang lời xưng tụng ngài; tiếp theo, những người quyền quý và giàu sang từ nơi dành riêng cho họ cũng bắt đầu hô vang và tung hoa ra đường. Nhưng tiếng hô của họ mong manh và tội nghiệp, như tiếng vo ve của con muỗi đơn độc trong đêm đông giữa sự im lặng đáng sợ của đám đông, khiến họ dần im bặt và kinh ngạc nhìn nhau.

Lúc đó, trái với truyền thống, Pharaon cử động, giơ trượng và roi trên tay lên, hân hoan vẫy chào dân chúng. Đám đông lắc lư và bất ngờ từ miệng dân chúng phát ra tiếng hô đáng sợ giống như âm thanh sóng biển dội vào vách đá trong cơn bão tố. Dân chúng nghiêng ngả, vừa gào vừa ầm ào kêu van: “Amon, Amon, hãy trả lại cho chúng tôi Amon, vua của tất cả thần linh!”. Dân chúng

nhấp nhô như sóng và tiếng gào mỗi lúc một ầm vang to hơn, khiến quạ và chim ăn xác chết bay vụt khỏi mái đền và các bức tường thành, vỗ đôi cánh đen vượt qua xa giá. Họ hét to: "Cút đi, Pharaon giả, cút đi".

Tiếng hò hét của dân chúng khiến những người khênh kiệu sợ hãi, phải dừng kiệu lại, nhưng rồi họ lại cố gắng tiến lên khi bị các cai đội cấm vệ cáu kỉnh đốc thúc. Lúc đó dân chúng tràn ra Đại lộ Nhân Sư như đá lở không thể chặn nổi, xô dạt hàng lính ra khỏi đại lộ và ngã xuống phía trước kiệu như một đống người ngổn ngang, ngăn không cho kiệu tiến về phía trước. Không ai theo dõi được hết những gì đang diễn ra vì binh lính bắt đầu dùng gậy và chùy đánh dân để mở đường, nhưng ngay sau đó họ phải dùng giáo và dao để bảo toàn tính mạng; gậy và đá bay vèo vèo trong không khí, máu chảy ròng xuống đại lộ và tiếng thét trước khi chết của nhiều người nổi lên giữa tiếng la hét om sòm. Nhưng không một viên đá nào bay về phía Pharaon, vì ngài được sinh ra từ mặt trời, như tất cả các pharaon trước ngài. Vì vậy, ngài là hiện thân của thần thánh, bất khả xâm phạm, và dù trong mơ cũng không ai trong đám đông dân chúng dám giơ tay phản kháng, mặc dù họ thật sự căm ghét ngài. Tôi nghĩ ngay cả các giáo sĩ cũng không dám giơ tay chống lại ngài, bởi điều đó chưa từng xảy ra trước đây. Vì không bị ai cản trở, Pharaon nhìn thấy từ ghế cao của ngài tất cả những gì đang xảy ra. Quên mất địa vị của mình, ngài đứng dậy và hét lớn để kiềm chế binh lính, nhưng không ai nghe thấy tiếng ngài trong lúc đám đông kêu gào ầm ĩ.

Dân chúng ném đá vào binh lính và dùng gậy đánh họ, binh lính chống cự và làm chết nhiều người, nhưng dân chúng vẫn tiếp tục la hét không dứt: "Amon, Amon, hãy trả lại Amon cho chúng tôi". Họ còn gào to hơn: "Cút đi, Pharaon giả, hãy xéo đi, ngươi thật vô tích sự ở Thebes". Họ cũng ném đá vào cả các quý tộc và vừa đập loạn xạ vừa xông vào những chỗ dành riêng cho giới đó, khiến phụ nữ vứt hoa và các lọ dầu thơm để chạy trốn.

Lúc đó, Horemheb ra lệnh thổi tù và, các chiến xa lao ra khỏi khu vực sân và các con phố nhỏ mà anh ấy đã sai giấu chúng để không làm dân chúng khó chịu. Chiến xa lao ra đám đông, nhiều người vướng vào chân ngựa và bánh xe nhưng Horemheb đã ra lệnh rút các lưỡi hái khỏi hai bên bánh xe để tránh đổ máu; họ đánh xe chậm rãi, trật tự quanh kiệu của Pharaon và dẫn đường cho kiệu ra ngoài, đồng thời bảo vệ đoàn diễu hành cũng như gia đình hoàng gia. Nhưng dân chúng vẫn không chịu giải tán cho đến khi thấy thuyền của hoàng gia chèo về bên kia sông. Lúc đó dân chúng òa reo sung sướng, tiếng reo vui của họ còn đáng sợ hơn

tiếng gào phẫn nộ; lũ tội phạm chen lẫn trong dân chúng tấn công dinh thự của giới quý tộc, đập phá và cướp tất cả những gì chúng nhìn thấy cho tới khi quân lính dùng giáo lập lại trật tự và dân chúng tản về nhà. Tối đến, đàn quạ sà xuống rỉa xác trên Đại lộ Nhân Sư.

Thế là lần đầu tiên Pharaon Ekhnaton phải chứng kiến sự phẫn nộ của người dân và nhìn thấy máu đổ vì thần của mình. Ngài không bao giờ quên được cảnh tượng này, và một điều gì đó đổ vỡ trong ngài, nỗi căm hờn đã nhỏ độc dược vào tình yêu của ngài và cơn thịnh nộ của ngài lớn dần đến mức ngài truyền lệnh đày đến hầm mỏ tất cả những ai đã nói to tên của Amon hoặc bí mật ghi tên thần này vào các bảng viết hay đĩa bát. Nhưng dân chúng không muốn khai tên nhau, vì thế kẻ trộm và nô lệ cũng được phép làm nhân chứng khiến không ai còn được an toàn trước những nhân chứng giả; nhiều người trung thực và đáng kính bị bắt làm nô lệ trong các hầm lò và mỏ đá, còn những kẻ nhẫn tâm và xảo trá lại chiếm nơi ở, nhà xưởng và cửa hàng của họ dưới danh nghĩa Aton.

Tôi kể tất cả những điều này trước khi sự việc xảy ra để giải thích tại sao lại xảy ra như thế. Còn ngay đêm hôm đó, người ta vội vã triệu tôi đến hoàng cung, vì căn bệnh thần thánh của Pharaon lại tái phát và các ngự y sợ ngài không qua khỏi nên muốn san sẻ trách nhiệm, vì ngài đã nói với họ về tôi và nhắc đến tên tôi. Ngài nằm bất tỉnh trong nhiều lượng nước chảy ra từ đồng hồ nước, giống như người chết, chân tay lạnh buốt và mạch đập quá yếu không tìm bắt được. Nhưng rồi ngài đã tỉnh lại sau khi cắn lưỡi và môi đến mức máu từ miệng ứa ra trong cơn mê sảng. Tỉnh lại được một chút, ngài đuổi tất cả các ngự y của Nhà Sống ra khỏi phòng vì không còn muốn nhìn thấy họ trước mắt mình và chỉ giữ lại mình tôi.

Khi đã hoàn toàn tỉnh táo, ngài nói:

- Hãy truyền gọi các tay chèo và tất cả những ai là bạn của ta lại và đi theo ta, vì ta sẽ ra đi và ảo giác của ta sẽ dẫn đường cho đến khi ta tìm thấy một vùng đất không thuộc về bất kỳ thần linh hoặc con người nào. Ta sẽ dâng hiến vùng đất ấy cho Aton và sẽ xây dựng thành phố của mình ở đó, thành phố Aton, và ta sẽ không bao giờ trở lại Thebes.

Ngài còn nói thêm:

- Hành xử của người dân Thebes đáng căm hận hơn bất cứ điều gì đã xảy ra từ xưa đến nay, đáng ghê tởm và khốn nạn hơn bất cứ

điều gì các tiên đế ta từng chứng kiến, hơn cả các dân tộc ngoại bang. Vì thế, ta sẽ không bao giờ trở về Thebes nữa mà để mặc Thebes chìm vào bóng tối của nó.

Nỗi cuồng điên của ngài lớn đến mức ngài ra lệnh khênh mình lên thuyền khi vẫn còn ốm, khiến không chỉ tôi, với tư cách là ngự y riêng, không ngăn cản được mà cả những cận thần của ngài cũng không thể khuyên can. Nhưng Horemheb bảo:

- Như vậy là tốt nhất, vì bằng cách này dân chúng Thebes sẽ có được điều họ mong muốn, Ekhnaton cũng sẽ đạt được ý muốn của mình, cả hai đều hài lòng và hòa bình sẽ trở lại với vương quốc này.

Tâm trạng ngài rối bời và ánh mắt ngài lang thang, mơ hồ đến mức tôi đã phụng mệnh ngài. Vì là thầy thuốc, tôi nghĩ tốt hơn ngài nên thay đổi chỗ ở và nhìn ngắm cảnh quan mới cũng như gặp gỡ những người mới, những người không căm ghét ngài. Thế là tôi theo hộ giá Pharaon trong chuyến đi tới hạ lưu và ngài nôn nóng rời đi đến mức không chờ đợi ngay cả vương công, hoàng tộc của mình, còn Horemheb sai một đội thuyền chiến hộ tống để đảm bảo không có chuyện gì xấu xảy ra với ngài.

Thuyền của Pharaon lướt về hạ lưu và Thebes lùi dần sau chúng tôi, những tường thành của nó, mái của những ngôi đền, chóp vàng nhọn hoắt của những tháp canh mờ dần sau đường chân trời và ba đỉnh núi, những vệ sĩ vĩnh cửu của Thebes, cũng dần biến mất khỏi tầm nhìn. Nhưng ký ức về Thebes không mất đi mà còn theo chúng tôi nhiều ngày dọc dòng sông xuống hạ lưu, vì sông đầy cá sấu, to béo, quẫy đuôi trong làn nước hôi thối mùi thi thể đang tan rữa, cả một trăm lần một trăm cái xác trương phình trôi dạt dọc theo dòng sông dài và không có đến một bãi sậy hay doi cát gần bờ nào mà không vướng lại tóc hay áo quần của các xác người chết vì thần của Pharaon Ekhnaton. Nhưng bản thân ngài không biết điều đó, vì ngài nằm trên thảm mềm trong khoang dành cho quốc vương trên thuyền, tôi tớ xức dầu thơm cho ngài và đốt hương trầm xung quanh để ngài khỏi ngửi thấy mùi thần của mình.

Sau mươi ngày hành trình, sông đã dần trong sạch, Pharaon ra đứng trên mũi thuyền và nhìn khắp xung quanh. Đất hè quanh ngài vàng rực, nông dân thu hoạch vụ mùa trên cánh đồng, chiều đến gia súc được lùa xuống bờ sông uống nước và những người chăn gia súc thổi những cây sáo hai ống. Khi nhìn thấy thuyền của Pharaon, dân chúng từ các làng chạy ra bờ sông, ăn vận trang

phục trắng, vừa vẫy những cành cọ vừa hét to những lời chào mừng ngài. Được nhìn thấy dân chúng mãn nguyện là liều thuốc tốt nhất cho sức khỏe của Pharaon và thỉnh thoảng ngài cho thuyền ghé vào bờ, lên đất liền nói chuyện với người dân, giơ tay ban phước lành cho trẻ em và đàn bà khiến họ không bao giờ quên được. Bầy cừu cũng len lén đến gần Pharaon, ngửi ngửi, cắn mép áo choàng khiến ngài cười vui vẻ. Ngài cũng không sợ vầng dương, đức thần của ngài, dù đây là vị thần chết chóc trong mùa hạ nóng bỏng, mà để lộ mặt dưới mặt trời và mặt trời làm mặt ngài đỏ lựng, khiến cơn sốt và sự cuồng nhiệt của ngài lại bốc lên và từ mắt ngài, thần rực sáng với sức mạnh khủng khiếp khi ngài lại vội vã tiếp tục hành trình.

Trong đêm tối, ngài đứng ở mũi thuyền, nhìn những ngôi sao sáng lóa ánh lửa và nói với tôi:

- Ta sẽ phân phát tất cả đất đai của thần giả cho những ai vui lòng với đất họ có và chịu khó làm việc bằng đôi tay mình để có hạnh phúc và cầu nguyện cho Aton. Ta sẽ chia tất cả đất đai cho họ vì lòng ta hân hoan khi thấy những đứa trẻ mập mạp, những người vợ và người chồng vui cười rạng rỡ, những người lao động nhân danh Aton mà không ghét ai và cũng không sợ ai.

Ngài còn nói thêm:

- Lòng người tăm tối và ta có thể không bao giờ tin điều đó nếu không tận mắt nhìn thấy. Vì ánh sáng của ta chói lóa nên ta không biết bóng tối và khi ánh sáng chiếu rọi tâm hồn mình, ta quên hết tất cả những tâm hồn giả dối. Chắc chắn rất nhiều người không thể hiểu được Aton mặc dù họ nhìn thấy ngài và cảm nhận được tình yêu của ngài, vì suốt đời họ sống trong bóng tối và mắt họ không nhận ra ánh sáng khi nhìn thấy nó, mà coi ánh sáng là ác quỷ và bảo ánh sáng làm đau mắt họ. Vì vậy ta để cho họ được yên, không làm phiền họ nếu họ không quấy rầy ta và người thân của ta, nhưng ta không muốn sống gần họ mà chỉ quy tụ những người thân yêu về quanh mình, sống với họ và ta sẽ không bao giờ rời bỏ họ nữa để khỏi phải chịu đựng những cơn đau đầu dữ dội khi nhìn thấy những điều làm ta phiền lòng, cũng là những cảnh khủng khiếp trước mắt Aton.

Ngài nhìn chằm chằm vào các vì sao trong đêm tối và nói:

- Đêm là một sự khủng khiếp với ta và ta không thích bóng tối mà sợ nó, ta cũng không yêu các vì sao, bởi khi các vì sao lấp lánh, chó hung sa mạc rời chỗ trú, sư tử rời hang động của chúng và gầm

lên vì thèm khát máu. Cả Thebes cũng là đêm tối với ta nên ta bỏ Thebes, sự thực là ta từ bỏ tất cả những gì xưa cũ và giả dối, đặt niềm tin vào thanh thiếu niên, vì mùa xuân của thế giới nảy mầm từ trẻ nhỏ và nếu được học về Aton từ thời thơ ấu, trẻ em sẽ được thanh lọc khỏi mọi xấu xa và toàn bộ thế giới sẽ trở nên tốt đẹp. Vì vậy, các trường học phải được cải tổ, phải đuổi giáo viên cũ đi và biên soạn những bảng chữ mới cho trẻ em. Vì chúng ta không cần hình ảnh để hiểu chữ viết, do vậy ta sẽ soạn chữ viết đơn giản hơn trước để người bình thường nhất cũng có thể dễ dàng học được, và sẽ không có sự khác biệt giữa người biết chữ với dân thường mà dân thường cũng học viết, để ở mỗi làng bản kể cả nơi thưa dân nhất cũng có người biết viết và người có thể đọc được những gì ta viết cho họ. Vì ta sẽ viết cho họ thường xuyên và viết rất nhiều về tất cả những điều mà họ cần biết.

Những điều ngài nói làm tôi sợ hãi, vì tôi đã biết chữ viết mới của Pharaon, rất dễ học và dễ đọc, nhưng đó không phải là chữ viết linh thiêng, hình thức không đẹp và ngữ nghĩa cũng không phong phú như chữ viết cổ; tất cả các ký lục vốn coi trọng tài năng của mình coi thường và dè bỉu những ai dùng nó. Vì vậy tôi nói:

- Chữ viết bình dân xấu xí và thô thiển, không phải là chữ viết thần thánh. Ai Cập sẽ ra sao nếu mọi người đều biết viết, vì điều này trước đây chưa từng có, và sau này không ai muốn làm công việc chân tay, đất đai bị bỏ hoang và người dân sẽ chết vì đói trước khi họ vui mừng vì biết viết.

Nhưng lẽ ra tôi không nên nói điều này, vì ngài lại nổi giận và cáu gắt với tôi:

- Sinuhe, vậy là bóng tối vẫn còn ở gần ta, bóng tối hiện hữu bên ta khi ngươi đứng cạnh ta. Ngươi chỉ nghi ngờ và tìm kiếm vật cản đường ta, nhưng sự thật của ta như lửa rực cháy trong ta và mắt ta nhìn thấu mọi chướng ngại như nhìn qua làn nước trong cho đến khi ta thấy thế giới đang đến sau mình. Trên thế giới này không có căm hờn hay sợ hãi mà người dân chia sẻ công việc, đồ ăn thức uống với nhau như anh em và không còn người giàu hay kẻ nghèo, mọi người đều bình đẳng và ai cũng biết viết, biết đọc những gì ta viết cho họ. Cũng không ai xưng hô với người khác là "gã Syria bẩn thỉu", hay "thằng da đen khốn khổ", mà tất cả đều là anh em của nhau và sẽ không bao giờ có chiến tranh nữa. Ta nhìn thấy tất cả những điều này, vì vậy sức mạnh và niềm vui trào dâng trong ta đến mức ta sợ trái tim mình sẽ nổ tung.

Lúc đó tôi lại thấy ngài là kẻ điên, tôi dìu ngài về nằm xuống thảm

và cho ngài uống thuốc an thần. Nhưng những lời ngài nói thiêu đốt trái tim tôi, làm tôi bối rối, vì trong tôi có điều gì đó đã chín muồi để đón nhận lời ngài. Tôi đã biết nhiều dân tộc, cũng như tôi đã thấy nhiều thành phố và thấy tất cả về cơ bản là giống nhau, và người thầy thuốc chân chính không nên phân biệt người giàu và kẻ nghèo, người Ai Cập và người Syria, mà việc của anh ta là giúp đỡ mọi người. Vì thế tôi tự nhủ với lòng mình: "Chứng điên khùng của ngài thật vĩ đại và không nghi ngờ gì là do bệnh tật gây ra, nhưng sự điên khùng này cũng ngọt ngào và dễ lây lan và tôi ước ao ảo giác của ngài sẽ thành hiện thực, mặc dù lý trí của tôi nói rằng một thế giới như vậy không thể được xây dựng ở bất kỳ nơi nào khác ngoài miền tây. Nhưng trái tim tôi kêu lên rằng sự thật của ngài lớn hơn tất cả mọi sự thật đã được nói ra trước thời của ngài, trái tim tôi bảo rằng sau ngài sẽ không có sự thật nào lớn hơn được nói ra, mặc dù tôi biết máu và sự chết chóc nảy mầm từ những bước đi của ngài và ngài sẽ nhấn chìm Ai Cập vĩ đại nếu ngài sống được đủ lâu". Tôi nhìn những vì sao trong đêm tối và nghĩ:

- Tôi, Sinuhe, là một người lạ trên thế gian và thậm chí không biết ai đã sinh ra mình. Tôi muốn đến Thebes làm lương y của người nghèo, vàng không có ý nghĩa gì nhiều đối với tôi, dù tôi thích ăn thịt ngỗng béo ngậy hơn bánh khô và thích uống rượu hơn nước. Nhưng những điều này không có gì quan trọng đến mức tôi phải từ bỏ điều mình đã chọn. Vì tôi không có gì khác để mất ngoài mạng sống của mình, sao tôi lại không ủng hộ sự yếu đuối của ngài, đứng bên cạnh ngài và động viên ngài mà không cần băn khoăn, vì ngài là Pharaon, quyền uy nằm trong tay ngài và trên thế gian không vương quốc nào giàu có và vĩ đại hơn Ai Cập, nên có thể Ai Cập sẽ vượt qua thử thách này. Nếu được như vậy, thế giới thật sự sẽ tái sinh, năm thế giới mới sẽ bắt đầu và nhân loại sẽ là anh em của nhau, không còn kẻ nghèo và người giàu. Trước đây chưa ai có được cơ hội thực hiện lẽ phải của mình như ngài, bởi vì ngài sinh ra là pharaon và tôi tin cơ hội như thế này không bao giờ lặp lại, mà đây là thời điểm duy nhất để có thể thực hiện chân lý của ngài.

Tôi vô tư mơ mộng như thế trên con thuyền hoàng gia bập bềnh trên sông, gió đêm mang theo mùi hạt chín và mùi ngũ cốc đập trên sàn phả vào mũi tôi. Nhưng gió đêm cũng làm tôi lạnh và giấc mơ vụt tắt ngấm trong tâm trí, tôi chán nản tự nhủ mình: "Giá có Kaptah ở đây để nghe xem ông ấy nói gì. Bởi là danh y tài giỏi, tôi có thể chữa khỏi nhiều bệnh nhưng bệnh tật và sự khốn cùng của thế gian quá lớn, đến mức tất cả thầy thuốc trên trái đất cũng không kịp chữa khỏi dù họ có thể và có những căn bệnh mà

các danh y bất lực. Có lẽ cũng như vậy, Pharaon Ekhnaton, thầy thuốc của tâm hồn, không kịp có mặt ở mọi nơi và các thầy thuốc tâm hồn được ngài khai minh chỉ hiểu một nửa lời ngài và bóp méo ý định của ngài, mỗi người theo tâm tính và ý muốn của riêng họ, mà trong cuộc đời mình, ngài sao có thể kịp khai sáng đủ nhiều lương y tâm hồn để họ kịp chữa lành cho cả nhân loại. Cũng có những tâm hồn đã chai cứng, thâm đen mà ngay cả lẽ phải của ngài cũng không thể nào chữa lành được nữa". Chắc chắn Kaptah sẽ nói: "Nếu đến một lúc nào đó không còn người giàu hay kẻ nghèo thì vẫn luôn có những người thông thái và những kẻ dại khờ, những người ranh mãnh và những kẻ ngây thơ. Vì cuộc đời trước đây như thế và sau này cũng sẽ luôn như thế. Kẻ mạnh đè đầu cưỡi cổ kẻ yếu, kẻ láu lỉnh móc hầu bao của người ngu ngốc và bắt người khờ khạo làm việc cho mình, vì con người là loài thú gian dối và lòng tốt của con người cũng chỉ nửa vời, nên chỉ những người nằm mãi không bao giờ dậy là hoàn toàn tốt. Ông cũng thấy lòng tốt của ngài đã gây ra điều gì. Chắc chắn chỉ bầy cá sấu dưới sông và đàn quạ trên mái đền là biết ơn điều đó nhiều nhất".

Pharaon Ekhnaton đã nói với tôi như thế và tôi đã nói với trái tim yếu đuối, bất lực của mình như vậy, cho đến ngày thứ mười lăm, một vùng đất hiện ra phía trước chúng tôi, không phải là đất của người quyền quý hay đất của thần linh nào. Những ngọn núi dần dần lùi xa bờ xanh dương sâm sẫm và nâu vàng, đất chưa được canh tác, chỉ có một vài mục đồng trên bãi cỏ, sống trong những căn lều sậy bên bờ sông. Lúc đó Pharaon rời khỏi thuyền, bước lên bờ, dâng vùng đất này cho Aton để xây dựng ở đây một thủ đô mới và ngài gọi thành phố tương lai này là Akhetaton - Thành phố Thiên Đường.

Thuyền nối thuyền theo nhau kéo đến, ngài triệu thợ cả và kiến trúc sư của mình lại, chỉ cho họ hướng của những con phố chính, nơi sẽ xây hoàng cung và đền Aton. Những người theo ngài đến đây, ngài chỉ cho từng người nơi dựng nhà dọc theo các con phố chính. Thợ xây đuổi đám mục đồng cùng đàn gia súc của họ, dỡ các lều sậy của họ và xây bến thuyền trên bờ sông. Pharaon Ekhnaton cũng chỉ cho thợ xây nơi họ có thể dựng lên các khu phố của mình ở bên ngoài thành phố của ngài. Trước tiên họ được xây nhà đất sét cho mình, năm con phố chạy từ bắc xuống nam và năm con phố từ đông sang tây, các ngôi nhà cao như nhau, mỗi nhà đều có hai phòng giống nhau và bếp đun nấu ở vị trí giống nhau, mỗi một chiếc vò và tấm thảm cũng được để ở chỗ giống nhau, bởi Pharaon mong muốn điều tốt lành, ngài muốn tất cả thợ xây đều bình đẳng để họ có thể sống hạnh phúc trong khu phố

của mình bên ngoài thành phố của Pharaon và thờ phụng Aton.

Nhưng họ có thờ phụng Aton không? Không, họ đau khổ nguyền rủa thần và Pharaon, bởi họ không thể hiểu nổi vì sao ngài đã chuyển họ từ thành phố của mình đến một nơi hoang vu, không có phố xá hay quán bia mà chỉ có cỏ khô và cát sỏi. Chẳng người vợ nào hài lòng với lò bếp của mình mà họ muốn đốt lửa nấu nướng ngoài lều, dù việc đó bị cấm; họ không ngớt xê dịch thảm và vò; những người đông con ghen tị với những ai chưa có con vì diện tích nhà ở. Những ai đã quen với nền nhà đất bùn kêu nền đất sét nhiều bụi và không tốt cho sức khỏe, còn những người quen với nền nhà đất sét thì nói đất sét ở Akhetaton không giống ở nơi khác mà chắc chắn đó là thứ đất sét bị nguyền rủa vì nền bị nứt khi họ cọ rửa.

Họ cũng muốn trồng củ cải bên đường phố trước cửa nhà như đã từng quen và không hài lòng với những thửa đất Pharaon cấp cho họ ở bên ngoài thành phố, nói rằng ở đó không có đủ nước và họ không đủ sức khiêng phân bón của mình ra đó. Họ chăng dây sậy ngang các con phố để phơi quần áo sau khi giặt và nhốt dê trong nhà, mặc dù Pharaon đã cấm vì điều đó có hại cho sức khỏe và vì lũ trẻ. Vậy nên tôi chưa bao giờ thấy một thành phố nào mà việc xây dựng gặp nhiều vấn đề và lắm bất hòa như ở khu phố của thợ xây Akhetaton khi họ xây dựng thủ đô mới. Tuy nhiên, phải nhìn nhận rằng sau một thời gian quen dần và cam chịu mọi điều phiền toái, họ không còn kêu ca về Pharaon mà chỉ thở dài nhớ về nhà cũ của mình song không thật sự muốn quay về nơi đó nữa.

Rồi mùa nước nổi đi qua và tiết đông đến, nhưng Pharaon không trở lại Thebes mà cương quyết ở lại trên thuyền của mình và từ đó điều hành công việc. Mỗi tảng đá, mỗi cột nhà được dựng vững chãi đều khiến ngài hết sức mừng vui và ngài thường cười to hả hê khi thấy những ngôi nhà gỗ xinh đẹp, thanh thoát mọc lên bên các con phố, bởi suy nghĩ về Thebes như liều thuốc độc gặm nhấm tâm trí ngài. Ngài đã tiêu hết tất cả số vàng được kế thừa từ Amon vào Akhetaton, còn đất đai của Amon trên khắp các vùng miền, ngài chia cho những người nghèo nhất và những ai muốn có đất để canh tác. Ngài cho chặn tất cả các thuyền chạy lên thượng nguồn sông, mua hàng hóa và sai bốc dỡ tại Akhetaton để quấy phá Thebes. Ngài đẩy nhanh việc xây dựng khiến giá gỗ, đá tăng lên vùn vụt và các lái buôn có thể giàu lên khi thả những bè gỗ đầu tiên vượt qua thác nước đến Akhetaton. Ngoài thợ xây của ngài, nhiều người lao động khác cũng đến Akhetaton, họ sống trong những hầm đất và lều sậy ven suối, làm gạch và nhào nặn đất sét. Họ san đất làm đường, đào kênh dẫn nước và đào hồ

thánh Aton trong vườn của Pharaon. Cây lấy gỗ và những bụi cây xanh cũng được thả bè theo sông và sau mùa nước được trồng ở Thành phố Thiên Đường; họ cũng trồng cả cây cho quả để vào mùa hè năm sau Pharaon có thể tự tay hái những quả chà là, sung và lựu chín đầu tiên trong thành phố của mình.

Là thầy thuốc, tôi rất nhiều việc, bởi vì dù Pharaon đã khỏi bệnh và rất hạnh phúc khi thấy thành phố của mình đầy hoa lá và những cây cột thanh thoát, sặc sỡ đang dần dần hiện lên giữa sa mạc, nhưng dịch bệnh hoành hành trong đám thợ xây trước khi đất được cải tạo nhờ các kênh rạch và rất nhiều tai nạn đã xảy ra trên những công trường xây dựng khẩn trương. Những bầy cá sấu luôn rình rập đe dọa những người bốc dỡ hàng, vì họ buộc phải lội trong nước trước khi bến thuyền được xây xong. Tiếng kêu gào của họ nghe thật thảm thiết và chắc hẳn không cảnh tượng nào khủng khiếp hơn cảnh một người đàn ông đang giãy giụa và gào thét ngang hàm của một con cá sấu lớn trước khi nó lặn xuống các hốc nước và đưa anh ta theo về hang để cho thối rữa. Nhưng Pharaon quá say sưa với lễ phải của ngài đến mức không kịp nhận thấy bất cứ điều gì trong chuyện này, các thủy thủ đã lấy tiền đồng thuê thợ săn cá sấu từ miền Hạ đến nên họ dần dần diệt sạch cá sấu dưới sông. Nhiều người nghĩ cá sấu đã theo thuyền của Pharaon từ Thebes đến Akhetaton, song tôi không thể nói gì về điều này, mặc dù tôi biết cá sấu là một loài khôn ngoan và ác độc đến mức đáng sợ. Nhưng sự khôn ngoan không giúp chúng chống lại được tiền đồng của thủy thủ và những cái bẫy của người miền Hạ, vì vậy chúng thấy tốt nhất là để yên bờ đất Akhetaton và điều này cũng chứng tỏ trí tuệ tuyệt vời của loài cá kỳ dị và đáng sợ này. Thay vào đó, chúng dàn thành từng đàn chờ đợi ở hạ nguồn sông đến tận Memphis, vì thành phố này được Horemheb chọn làm nơi đóng đô của chính quyền.

Sau khi mùa lũ đi qua, Horemheb cũng đến Akhetaton cùng với các cận thần trong triều, mặc dù anh ấy không đến để ở lại đó mà chỉ để khuyên Ekhnaton từ bỏ quyết định giải tán quân đội. Vì Pharaon xuống chiếu buộc anh ấy cho lính da đen và Shardana giải ngũ và trả họ về quê, nhưng Horemheb rềnh ràng chưa thực hiện và viện nhiều cớ khác nhau để kéo dài thời gian, vì anh ấy hoàn toàn có lý do: chờ bạo loạn nổ ra ở Syria để bắt đầu đưa binh lính đến đó. Sau những cuộc hỗn loạn ở Thebes, lính da đen và Shardana bị thù ghét trên khắp Ai Cập đến mức dân chúng nhổ nước bọt trước mặt họ và lấy chân dí xuống đất khi họ đi qua.

Nhưng Pharaon Ekhnaton không thay đổi quyết định của mình và Horemheb đã hoài phí thời gian ở Akhetaton. Những cuộc nói

chuyện của họ lặp đi lặp lại ngày này sang ngày khác và tôi cũng được chứng kiến. Horemheb nói:

- Tình trạng bất ổn lớn bao trùm Syria và các khu kiều dân Ai Cập ở đó rất yếu thế. Có lẽ Aziru đang kích động lòng thù hận chống Ai Cập và thần không nghi ngờ gì về việc hắn ta sẽ công khai làm loạn vào thời điểm thích hợp.

Pharaon Ekhnaton nói:

- Khanh nhìn thấy các nghệ sĩ đang bài trí những bãi sậy và đàn vịt đang bay theo phong cách Crete trên sàn các sảnh của cung điện ta chứ? Khanh hẳn đã đi xem hàng cột Aton bên cạnh cung điện của ta, vì chúng rất đáng để xem, mặc dù các cột chỉ được xây bằng gạch để tiết kiệm thời gian. Hơn nữa, mới chỉ nghĩ đến việc các nô lệ phải còng lưng đục đá cho Aton trong các khu mỏ là ta đã thấy khó chịu. Ta không nghĩ bạo loạn sẽ nổ ra ở Syria, vì ta đã gửi thánh giá sự sống cho các quốc vương xứ ấy. Nhất là khi vua Aziru lại còn là bạn ta, đã nhận thánh giá sự sống và xây một ngôi đền cho Aton ở đất của thần Amori. Khanh không có lý do gì để nghi ngờ lòng trung thành của ông ta, vì ta đã nhận được từ ông ta vô số đĩa đất sét; ông ta háo hức tìm hiểu những điều mới mẻ của Aton và nếu ngươi muốn, quản thủ của ta có thể cho ngươi xem những đĩa đất sét ấy một khi văn khố hoàng gia được sắp xếp.

Horemheb nói:

- Thần đái vào đĩa đất sét của hắn, vì chúng cũng bẩn thỉu và gian dối như chính hắn. Nhưng nếu ngài nhất quyết giải tán quân đội, ít nhất hãy cho phép thần tăng cường lực lượng bảo vệ biên giới, vì hiện tại các bộ tộc phía nam đang lùa gia súc của họ vượt qua các mốc đá ranh giới sang đồng cỏ của ta ở xứ Kush, các làng của đồng minh da đen của chúng ta sẽ dễ dàng bị đốt cháy, vì được xây bằng rơm.

Pharaon Ekhnaton nói:

- Ta không nghĩ họ có ý xấu, chỉ vì sự nghèo đói đẩy họ đến đồng cỏ của chúng ta. Do đó, hãy để chư hầu của chúng ta chia sẻ đồng cỏ với các bộ tộc phía nam và ta cũng sẽ gửi thánh giá sự sống cho những bộ tộc này. Ta không tin họ cố tình đốt làng, mà như chính khanh đã nói, các ngôi làng bằng rơm rất dễ bắt lửa và không vì một vài vụ cháy mà kết tội cả bộ tộc. Nhưng nếu khanh muốn, hãy chỉ tăng cường các đội bảo vệ biên giới ở xứ Kush và Syria, vì việc của khanh là đảm bảo an ninh của vương quốc và nhớ là chỉ

coi họ như những đội canh biên giới chứ không phải quân đội chính quy.

Horemheb nói:

- Ekhnaton, người bạn điên rồ của hạ thần, dù thế nào đi nữa, ngài phải cho phép thần tổ chức lại đội quân phòng thủ khắp cả vương quốc, vì những người lính bị giải ngũ nghèo đói sẽ trộm cướp, lấy những tấm da chưa thuộc dành để nộp thuế của nông dân và dùng gậy đánh họ.

Pharaon Ekhnaton nói như răn dạy:

- Horemheb, khanh biết chuyện gì sẽ xảy ra khi không chịu nghe lời ta. Nếu khanh nói nhiều hơn về Aton với binh lính của mình thì họ sẽ không làm như thế, nhưng bây giờ trái tim họ chai sạn, mông họ vẫn đau vì vết roi của khanh và họ không biết phải làm gì. Mà khanh có để ý không, hai con gái của ta đang chơi cùng nhau, Meritaton nắm tay em mình và chúng làm bạn với con linh dương đồ chơi nhỏ xinh? Thêm nữa, sao khanh không tuyển đám lính đã bị giải ngũ vào các đội canh phòng trên khắp vương quốc? Chỉ cần lấy họ vào đội canh phòng biên giới, chứ không vào các đội quân trực chiến. Ta cũng nghĩ nên phá dỡ hết các cỗ chiến xa đi, vì nghi ngờ đẻ ra nghi ngờ và chúng ta phải làm cho các nước lân bang tin rằng Ai Cập sẽ không gây chiến dù xảy ra bất cứ chuyện gì.

- Không phải bán chiến xa cho Aziru hoặc cho người Hittite sẽ đơn giản hơn rất nhiều sao, bởi chúng trả giá rất cao cho chiến xa và ngựa chiến? - Horemheb giễu cợt nói. - Hạ thần hiểu ngài không cần quân đội hùng mạnh một khi ngài vứt tất cả sự giàu có của Ai Cập xuống đầm lầy và vào gạch xây.

Họ tranh cãi như thế từ ngày này qua ngày khác cho đến khi Horemheb trở thành thống lĩnh các đội quân phòng thủ dọc biên giới và tại các thành phố nhờ sự cứng đầu của mình, nhưng Pharaon ban lệnh chỉ trang bị cho binh lính biên phòng giáo mũi gỗ, còn quân số thì mặc Horemheb quyết định. Vậy nên Horemheb đã sai gọi lãnh binh từ khắp các vùng đến Memphis ở giữa Ai Cập, nơi giáp giới của hai miền, và cũng định đích thân đến đó, nhưng khi anh ấy đang chuẩn bị lên thuyền chiến của mình, một chiếc thuyền do thám đã mang đến một loạt thư và bảng đất sét rất đáng lo ngại từ Syria, khiến niềm hy vọng lại thức dậy trong lòng Horemheb. Các mật thư và bảng đất sét này là chứng cớ rất thuyết phục rằng vua Aziru, sau khi nghe tin về tình

hình bất ổn ở Thebes, đã coi thời điểm này là thích hợp và bất ngờ đánh chiếm một vài thị trấn lân cận thuộc Amori. Một cuộc bạo động cũng nổ ra tại Megiddo, vùng trọng điểm của Syria, và các đội quân của Aziru bao vây pháo đài nơi quân đồn trú Ai Cập rút về cố thủ và cầu xin ứng cứu khẩn cấp từ Pharaon. Nhưng Pharaon Ekhnaton nói:

- Ta tin vua Aziru có lý do chính đáng cho hành động của mình, vì ta biết ông ta là một người nóng nảy và có thể sứ giả của ta đã xúc phạm ông ta. Vì vậy, ta không thể kết tội trước khi ông ta có cơ hội để biện minh cho mình. Nhưng có những việc ta có thể làm và thật sai lầm khi ta không nghĩ đến sớm hơn. Thành phố Aton hiện đang mọc lên trên miền đất đen, ta cũng phải có thành phố Aton ở miền đất đỏ, ở Syria và ở Kush. Thật vậy, thành phố Aton phải được xây dựng ở Kush và phải được xây dựng ở Syria, sẽ là trung tâm điều hành các nơi. Megiddo là chỗ giao nhau của các tuyến đường vận chuyển người và hàng hóa, vì thế là nơi thích hợp nhất để trở thành thành phố Aton, song ta ngờ rằng nó quá hỗn loạn cho việc xây dựng. Nhưng ngươi đã kể cho ta nghe về Jerusalem, nơi ngươi đã cho dựng đền thờ Aton trong cuộc chiến chống lại Khabiri, cuộc chiến mà ta không bao giờ có thể tha thứ cho mình. Jerusalem không ở giữa Syria như Megiddo mà xa hơn về phía nam, nhưng ta sẽ làm ngay việc cần làm để xây dựng thành phố Aton ở Jerusalem, để nó sẽ là thành phố chính của Syria, dù bây giờ chỉ là một làng nghèo nàn.

Nghe đến đây, Horemheb bẻ roi chỉ huy của mình và ném nó vào chân Pharaon rồi lên thuyền chiến đi đến Memphis để tổ chức lại các đội quân phòng thủ. Nhưng việc anh ấy ở lại Akhetaton cũng có ích, để tôi có những buổi tối thư thái kể cho anh ấy nghe tất cả những gì tôi đã nhìn và nghe được ở Babylon, Mitanni, Crete và xứ Hatti. Anh ấy im lặng nghe tôi nói, thỉnh thoảng gật đầu như thể những gì tôi kể không có gì mới với anh, tay búng búng con dao viên quản thủ cảng người Hittite tặng tôi. Đôi lúc anh ấy hỏi tôi những câu hỏi rất trẻ con như: “Lính Babylon bắt đầu diễu hành bằng chân trái như lính Ai Cập hay bằng chân phải như lính Hittite?”; hoặc: “Khi dùng chiến xa hạng nặng, người Hittite cho ngựa chạy bên cạnh nhau hay chạy sau thùng xe?”; hoặc: “Bánh của chiến xa Hittite có bao nhiêu tăm và được làm bằng kim loại à?”.

Anh ấy hỏi tôi những câu hỏi trẻ con như vậy chắc vì anh ấy là một người lính, bởi người lính quan tâm đến những thứ không quan trọng chút nào, giống như những đứa trẻ cố đếm con rít bao nhiêu chân. Nhưng tất cả những gì tôi nói với anh ấy về đường sá,

cầu cống và sông suối, cũng như tất cả những cái tên tôi kể ra, anh ấy đều bảo chép lại để nhớ, vậy nên tôi khuyên anh ấy hãy gặp Kaptah, người cũng trẻ con như anh, trong việc nhớ những điều không cần thiết. Trái lại, anh ấy không hào hứng chút nào khi tôi nói về việc đọc lá gan và liệt kê cho anh hàng ngàn cổng, mạch và huyệt khác nhau của gan mà anh không hề viết tên chúng ra để nhớ.

Dù sao, Horemheb đã hậm hực rời khỏi Akhetaton và Pharaon rất hài lòng với việc đó, bởi những cuộc trò chuyện với Horemheb đã làm phiền ngài đến mức cứ thấy Horemheb đến gần là đầu ngài lại đau nhức. Nhưng với tôi, ngài trầm tư nói:

- Có thể Aton muốn Ai Cập mất Syria và nếu đúng vậy, ta là ai để nổi loạn chống ngài, bởi điều đó chỉ tốt cho Ai Cập. Vì sự giàu có của Syria đã gặm nhắm tâm can Ai Cập và tất cả những xa hoa, bạc nhược, đồi bại và thói quen xấu đều đến từ Syria. Nếu chúng ta mất Syria, Ai Cập sẽ buộc phải quay trở lại cuộc sống giản đơn, sống bằng sự thật và đó sẽ là điều tốt nhất với Ai Cập. Cuộc sống mới phải bắt đầu ở Ai Cập để từ đó có thể lan tỏa ra khắp thế giới.

Nhưng tim tôi nổi loạn chống lại lời nói ấy và tôi nói:

- Con trai của Ramses, trấn thủ Simyra, là một đứa bé lanh lợi có đôi mắt nâu rất to và thích chơi với những viên đá nhiều màu. Thần đã từng chữa bệnh thủy đậu cho nó. Còn một phụ nữ Ai Cập sống ở Megiddo đã đến Simyra gặp thần sau khi nghe danh tiếng của thần, vì bụng cô ta bị trướng, thần đã dùng dao để mổ và cứu sống cô ta. Da cô ta mềm như vải bông và cô ta đi lại uyển chuyển như tất cả phụ nữ Ai Cập, mặc dù bụng cô bị trướng và mắt long lanh vì sốt.

- Ta hoàn toàn không hiểu khanh nói với ta chuyện đó làm gì, - Pharaon Ekhnaton ngắt lời tôi và bắt đầu vẽ lên giấy ngôi đền của mình khi nó lờ mờ hiện ra trong tâm trí ngài, vì ngài liên tục làm phiền các kiến trúc sư và thợ cả của mình bằng các hình vẽ và lời giải thích cho dù họ hiểu rõ nhà cửa đền đài hơn ngài.

- Thần chỉ muốn nói thần lại thấy trong mắt mình thằng bé Ramses ấy, miệng nó bị dập nát và tóc trán dính đầy máu. Thần cũng nhìn thấy người đàn bà Megiddo đó khi cô ta nằm trần truồng, người đầy máu me trong sân của pháo đài và những người đàn ông Amori làm ô uế thi thể cô ta. Nhưng lẽ tất nhiên thần thừa nhận rằng những suy nghĩ của mình quá nhỏ nhoi so với suy nghĩ của ngài và đấng quân vương không thể nhớ từng tên

Ramses và từng người đàn bà mềm yếu trong đám tiện dân của ngài.

Lúc đó Pharaon nắm chặt bàn tay và giơ nắm đấm lên trời, cơn đau đầu làm mắt ngài mờ đi và ngài kêu lên:

- Sinuhe, ngươi không nhận thấy sao, nếu phải chọn cái chết thay cho sự sống, ta thà chọn một trăm cái chết của người Ai Cập hơn một ngàn cái chết của người Syria. Nếu ta bắt đầu chiến tranh ở Syria để cứu từng người Ai Cập ở đó, thì nhiều người, cả Ai Cập và Syria, sẽ chết trong cuộc chiến; người Syria cũng là con người như người Ai Cập, với trái tim đập trong lồng ngực, họ cũng có vợ và những đứa con trai mắt sáng long lanh. Nếu lấy cái ác chống lại cái ác, ta sẽ chỉ sản sinh ra cái ác, nhưng khi ta lấy cái thiện chống lại cái ác, thì cái ác sinh ra từ đó sẽ nhỏ hơn. Ta không muốn chọn cái chết thay cho sự sống. Vì vậy ta bịt tai trước những lời của ngươi và đừng nói với ta về Syria nữa nếu ngươi yêu thương ta và quý trọng mạng sống của ta, vì khi nghĩ đến Syria, trái tim ta quặn thắt với những khổ đau mà những người chết phải trải qua vì ý muốn của ta và về lâu dài, một người không đủ sức mang nỗi thống khổ của nhiều người. Vì vậy, hãy cho ta sự bình yên vì Aton và vì sự thật của ta.

Ngài cúi đầu, mắt sưng tấy vì đau và bắt đầu đỏ lên, cả đôi môi dày cũng run run. Vì thế tôi để ngài yên, nhưng trong tai tôi vang lên tiếng đập thình thịch của những kẻ phá tường thành ở Megiddo và tiếng kêu khóc của những người vợ bị hành hạ trong lều vải của những người đàn ông Amori. Nhưng tôi cố làm cho tim mình chai lại trước những âm thanh này, vì tôi yêu Pharaon dù ngài điên khùng và có lẽ tôi yêu ngài chính vì sự điên khùng ấy, đẹp hơn sự thông thái của những người khác.

6

Tôi còn phải kể về đám cận thần, những kẻ lập tức theo Ekhnaton đến Thành phố Thiên Đường, vì họ đã sống cả đời trong hoàng cung của Pharaon và mục đích duy nhất của cuộc đời họ là được sống gần Pharaon, mỉm cười khi ngài cười và cau mày khi ngài cau mày. Cha của họ đã làm như thế trước họ và cha của những người cha này đã làm như thế trước đó, rồi họ thừa kế những chức tước quyền quý từ cha mình, tự hào về địa vị của mình và so sánh với địa vị của người khác. Họ là những người

mang dép hoàng gia hầu như không bao giờ xỏ dép vào chân, những người hầu rượu hoàng gia chưa bao giờ đạp nho, người thợ làm bánh hoàng gia chưa bao giờ biết nhào bột, người giữ que quẹt thuốc mỡ hoàng gia, người cắt bao quy đầu hoàng gia và nhiều hầu cận khác. Tôi là người khoan sọ hoàng gia nhưng không ai chờ đợi tôi sẽ khoan thủng hộp sọ của nhà vua, mặc dù, khác với tất cả những cận thần khác, tôi có thể làm việc đó và có thể vẫn giữ được sự sống cho Pharaon.

Tất cả họ đều vui mừng và hát những bài thánh ca của Aton khi đến Akhetaton trên những con thuyền rải đầy hoa, chở theo nhiều cung nữ và vò rượu như thể trong một chuyến du ngoạn. Họ ở trong lều dưới những mái che nắng bên bờ sông, vừa ăn uống vừa hoan hỉ hưởng thụ cuộc sống của mình, vì nước đã rút và trời đã sang xuân, không khí thôn quê trong lành như rượu mới và chim chóc hót líu lo trên cây. Cần rất nhiều người hầu và nô lệ phục vụ họ đến nỗi nơi ở của những người này thành một thị trấn nhỏ, vì bản thân các cận thần và cung nữ thậm chí không biết rửa tay hay lau dầu mỡ trên mặt, mà nếu không có người hầu và nô lệ họ sẽ bất lực như những đứa trẻ mới tập đi.

Nhưng họ vẫn can đảm đi theo Pharaon khi ngài chỉ cho họ nơi sẽ là đường phố, nhà cửa của họ khi nô lệ giơ lọng che cái đầu quý giá của họ. Họ cũng rất hăng hái cùng thợ xây tham gia xây nhà cho mình, vì ngay cả Pharaon đôi khi cũng nhặt một viên gạch trên đất đặt vào chỗ xây. Họ hổn hển bê gạch đến những bức tường nhà đang dần cao, cười khi tay bị trầy xước và những phụ nữ quý tộc lấy đầu gối nhào đất sét trên mặt đất. Nếu xinh đẹp và trẻ trung, họ lấy cớ này để cởi xiêm áo, chỉ mặc yếm ngang lưng như thiếu phụ nhà nông mặc khi xay lúa.

Nhưng nô lệ phải che ô cho họ để họ không bị cháy nắng và sau khi nhào đất sét một lúc, họ bỏ đi để lại các thứ bừa bãi, khiến đám thợ xây chửi rủa họ thậm tệ và vứt bỏ những viên gạch mà những đôi tay quyền quý đã đặt vào. Tuy nhiên, đám thợ xây không chửi rủa các thiếu phụ trẻ mà rất thích ngắm nhìn họ và giả vờ ngu ngốc bôi bàn tay đất sét lên người họ, khiến họ giật mình và tức giận hét lên. Còn khi các cung nữ già nua, xấu xí đến chỗ đám thợ xây và động viên họ làm việc, ngưỡng mộ véo cơ bắp của họ và vừa đưa tay vuốt ve gò má đất sét của họ dưới tên Aton vừa hít hà mùi mồ hôi của họ thì họ lại chửi bới và đánh rơi gạch đất sét xuống chân những người này để đuổi họ đi.

Đám cận thần hồ hởi khoe khoang và khoác lác về việc họ xây nhà cũng như những việc họ đã làm, kể lể cho nhau nghe mỗi người

đặt được bao nhiêu viên gạch vào chỗ và cho Pharaon xem bàn tay trầy xước của mình để được sủng ái.

Nhưng sau một thời gian, họ chán trò chơi xây dựng này và bắt đầu chăm sóc vườn cây của mình, bới đất như trẻ con. Thợ làm vườn cầu xin thần linh giúp đỡ và la mắng họ, vì họ không ngớt cho dịch chuyển cây cối, hoa màu từ nơi này sang nơi khác. Những người đào mương tưới tiêu gọi họ là con cái của Seth, vì mỗi ngày họ nghĩ ra những nơi đào ao cá mới. Tôi cũng không nghĩ họ có ý xấu khi làm những việc này, chỉ vì họ thậm chí còn không nhận ra mình gây phiền toái cho người làm mà tin rằng đã giúp đỡ những người này rất nhiều và tối tối uống rượu, khoe khoang việc mình làm.

Nhưng không lâu sau họ cũng chán cả trò chơi này và bắt đầu than vãn về cái nóng của những ngày này và bọ chét lổm ngổm trên những tấm thảm trong lều làm họ rên rỉ suốt đêm, khiến sáng ra họ đến gặp tôi xin thuốc mỡ để bôi vào vết bọ chét cắn. Cuối cùng họ nguyền rủa cả thành phố Akhetaton, nhiều người bỏ đi đến trang trại của mình, những người khác bí mật lẻn đến Thebes vui chơi, còn những người trung thành nhất ngồi trong bóng râm của lều uống rượu ướp lạnh, chơi xúc xắc với nhau và luân phiên thắng thua tất cả vàng, quần áo và đồ trang sức của mình để tìm một sự khuây khỏa trong cuộc sống tẻ ngắt từ trò chơi. Nhưng những bức tường của các tòa nhà dần mọc lên và trong vài tháng, thành phố Akhetaton đã nhô lên giữa vùng hoang vu với những khu vườn kỳ diệu như trong cổ tích. Nhưng tất cả tốn bao nhiêu thì tôi không thể tính được. Tôi chỉ biết tất cả số vàng của Amon không đủ cho việc này, vì các kho của Amon đều trống rỗng khi các ấn tín được mở ra. Các giáo sĩ của Amon đã đoán được cơn bão sắp xảy ra nên đã phân phát vàng cho những người tin cẩn giữ.

Tôi phải kể thêm là hoàng gia bị chia rẽ vì Akhetaton, bởi Hoàng thái hậu không chịu theo con trai đến nơi hoang vắng. Thebes là thành phố của bà, hoàng cung của Pharaon rực sáng vàng tía xanh dương giữa những khu vườn và những bức tường bên sông, là do Pharaon Amenhotep sai xây dựng lên cho tình yêu của ngài, vì Hoàng thái hậu Teje vốn chỉ là một người bắt chim nghèo khó trong bãi sậy ở miền Hạ. Vì vậy, Teje không muốn rời Thebes và Công chúa Baketaton cũng ở lại với thân mẫu. Giáo sĩ Eje, người cầm trượng bên phải nhà vua, vẫn ở đó, ngồi trên ngai vàng của vua xét xử trước các cuộn da, nên mọi việc ở Thebes không có gì thay đổi. Chỉ Pharaon giả là vắng mặt và Thebes không hề luyến nhớ ông.

Cả Hoàng hậu Nefertiti cũng trở lại Thebes để sinh nở, vì người không dám sinh nếu không có thái y của Thebes và những phù thủy da đen. Nefertiti sinh công chúa thứ ba, được đặt tên là Ankhsenaton và là người sẽ trở thành nữ hoàng. Đầu Công chúa cũng bị các phù thủy kéo dài và bóp nhỏ để sinh cho dễ dàng và khi Công chúa lớn lên, các cung nữ cũng như tất cả phụ nữ trên khắp Ai Cập, những người muốn xinh đẹp và bắt chước cách ăn mặc của triều đình, bắt đầu dùng chỏm đầu giả để kéo đầu dài ra. Còn các công chúa lại cạo hết tóc vì họ hãnh diện về dáng đầu xinh đẹp của mình. Các nghệ sĩ cũng ngưỡng mộ và tạc tượng họ, vẽ và tô màu rất nhiều bức tranh về họ mà không hề biết rằng tất cả là do phép thuật của các phù thủy da đen.

Nhưng sau khi sinh công chúa, Hoàng hậu Nefertiti trở lại Akhetaton, vào ở trong cung điện đã được xây xong trong thời gian này và đã được hoàn thiện để ở. Hoàng hậu cũng để hậu cung của Pharaon ở lại Thebes, bởi người rất bực bội khi đứa con thứ ba cũng là gái và không muốn Pharaon hao phí sinh lực của mình trên thảm của các phi tần. Ekhnaton cũng không phản đối vì ngài rất mệt mỏi, chán ngán với bổn phận của mình trong hậu cung và không muốn thêm ai khác ngoài Nefertiti, điều mà ai cũng hiểu khi nhìn thấy sắc đẹp của người, vì sinh đến con thứ ba mà người không hề xấu đi, trái lại còn trẻ và hấp dẫn hơn bao giờ hết. Nhưng sự thay đổi này là nhờ Akhetaton hay phép thuật của phù thủy da đen, tôi không biết.

Vậy là chỉ trong vòng một năm, Akhetaton đã mọc lên giữa vùng đất hoang vu, những ngọn cọ kiêu hãnh đung đưa dọc theo các đại lộ của thành phố, lựu chín đỏ trong các khu vườn và hoa sen nở hồng trong những ao cá. Cả thành phố như một khu vườn nở đầy hoa với những ngôi nhà bằng gỗ vươn lên nhẹ nhàng và thanh thoát như những vọng lâu, những cây cột nhà bằng cọ và sậy nhẹ được sơn màu sặc sỡ. Vườn tràn vào trong các ngôi nhà, vì những cành cọ và sung vẽ trên tường đang đung đưa trong làn gió xuân vĩnh cửu. Trên sàn nhà là những bãi sậy và những đàn cá nhiều màu bơi lội tung tăng, đàn vịt với đôi cánh sặc sỡ bay trong đám sậy. Trong thành phố này có đủ mọi thứ làm vui lòng người, linh dương hiền lành đi lang thang trong các khu vườn, trong khi trên các con phố, bầy ngựa cắm chùm lông đà điểu rung rinh kéo những chiếc xe ngựa thanh thoát và những căn bếp thơm mùi gia vị đến từ mọi nơi trên thế giới.

Thế là Thành phố Thiên Đường đã được xây xong và khi mùa thu đến, chim én ngoi lên khỏi bùn, xao xác bay thành đàn trên dòng sông nước đang lên. Pharaon Ekhnaton dâng thành phố và vùng

đất này cho thần Aton. Ngài khánh hạ những cột mốc ranh giới ở cả bốn phương của đất này, trên mọi cột đều có hình Aton ban phước cho Pharaon và hoàng thất bằng những tia sáng thần linh, đồng thời trên mỗi tảng đá đều khắc lời ngài thề rằng sẽ không bao giờ bước chân ra khỏi đất của Aton. Vì lễ khánh hạ này, những người thợ đá đã lát những con đường đá dẫn ra bốn hướng để Pharaon có thể an tọa trong cỗ xe vàng của mình đến cột mốc ranh giới, hoàng gia theo sau ngài trong các cỗ xe và kiệu, triều thần ngồi trong xe và trên kiệu theo sau vừa rải hoa vừa thổi sáo, gảy đàn ca ngợi Aton.

Pharaon Ekhnaton không muốn rời khỏi thành phố Akhetaton cả sau khi tạ thế; khi thành phố xây xong, ngài đã cho thợ xây của mình đến phá đá xây mộ vĩnh cửu ở dãy núi phía đông trong vùng đất Aton, công việc khiến họ không thể trở về nhà cũ. Nhưng chính những người thợ xây cũng không còn nhớ nhiều đến quê cũ của mình mà dần cam chịu, bằng lòng sống trong khu phố của họ dưới sự chở che của Pharaon, vì lương thực của họ dồi dào, dầu không bao giờ cạn trong bình và vợ họ sinh những đứa con khỏe mạnh.

Khi quyết định xây lăng mộ cho mình và triều thần ở Akhetaton cũng như tặng mộ cho mỗi cận thần cùng sống với mình trong Thành phố Thiên Đường và tin vào Aton, Pharaon Ekhnaton cũng cho xây dựng Nhà Chết bên ngoài thành phố để thi thể của những người chết ở Akhetaton được giữ gìn mãi mãi. Vì vậy ngài đã lệnh cho đưa đến những người ngâm tẩm xác lành nghề nhất từ Nhà Chết ở Thebes, không kể đến tín ngưỡng của họ, mà kỹ năng của họ mới là quan trọng. Họ đến trên một chiếc thuyền đen xuôi về hạ lưu và gió thổi mùi của họ lan tỏa, khiến người dân trốn trong nhà, cúi đầu đốt hương trầm và đọc lời cầu nguyện với Aton. Nhưng nhiều người cũng đọc những lời cầu nguyện các thần cũ và làm dấu linh thiêng của Amon, vì mùi của những người ướp xác khiến Aton trở nên xa xôi với họ và họ nhớ đến các vị thần cũ.

Những người ngâm ướp xác rời khỏi thuyền cùng với tất cả đồ nghề, họ chớp chớp đôi mắt đã quá quen với bóng tối của Nhà Chết và bực tức nguyền rủa ánh sáng chạm vào mắt họ. Họ vội vã đi đến Nhà Chết mới, mang theo mùi của mình đến đó để nó trở nên thật quen thân và không rời khỏi đó nữa. Trong số họ có cả chuyên gia dùng kìm già Ramose, người có nhiệm vụ rửa sạch não trong hộp sọ xác chết mà tôi đã gặp lại trong Nhà Chết, vì các giáo sĩ của Aton rất sợ Nhà Chết nên Pharaon đã giao nó cho tôi giám quản. Sau khi nhìn một lúc lâu, ông nhận ra tôi và rất lấy làm kinh ngạc. Nhưng tôi đã cố ý để lộ mình để ông tin tưởng tôi, vì nỗi

hoài nghi như một con sâu đã gặm nhắm trái tim tôi và tôi sốt ruột muốn biết sự trả thù của mình đã nở hoa kết trái thế nào trong Nhà Chết ở Thebes. Vì vậy, sau khi nói một chút về nghề nghiệp và nhiệm vụ của ông, tôi hỏi:

- Ramose, bạn của tôi, có phải ông đã buộc phải dùng tài năng của mình rửa sọ cho một phụ nữ xinh đẹp, có tên theo tôi nhớ là Nefernefernefer, được đưa đến Nhà Chết sau những ngày khủng khiếp không?

Ông nhìn tôi, cổ rụt lại, đôi mắt rùa thô lố chớp liên tục và nói:

- Nói thật lòng, Sinuhe, cậu là người quyền quý đầu tiên gọi một kẻ ướp xác là bạn mình. Điều đó khiến tôi rất cảm động, và điều cậu muốn biết có lẽ rất quan trọng đối với cậu nên cậu mới gọi tôi là bạn mình. Lẽ nào cậu là người đã mang ả ta đến vào đêm đó và quấn ả trong áo choàng đen tử thần, bởi nếu cậu là người đó, cậu không thể là bạn của bất kỳ kẻ ngâm ướp xác nào và nếu biết được, họ sẽ đâm cậu bằng lưỡi dao tẩm độc, khiến cậu phải chết cái chết hãi hùng.

Run người lên trước lời ông ấy nói, tôi nói:

- Dù ai mang cô ta đến đi nữa, chắc chắn cô ta đáng phải chịu số phận của mình, nhưng theo như ông nói, tôi ngờ là cô ta không chết mà đã được sống lại trong tay của những người ngâm ướp xác.

Ramose nói:

- Đúng là con mụ khủng khiếp đó đã sống lại trong Nhà Chết, mặc dù tôi không muốn đoán vì sao cậu biết. Mụ ta đã hồi sinh, vì đàn bà như mụ không bao giờ chết và nếu mụ ta chết, thân xác mụ phải bị thiêu trong lửa để mụ không bao giờ trở lại. Khi hiểu mụ, chúng tôi đã gọi mụ bằng cái tên Sethnefer, người đẹp của ác quỷ.

Lúc đó, bị một ý nghĩ kinh hoàng xâm chiếm, tôi hỏi ông ta:

- Vì sao ông lại nói "đã" khi kể về cô ta, vì chẳng lẽ cô ta không còn ở trong Nhà Chết, mặc dù những người rửa thi thể nói rằng sẽ giữ cô ta ở đó bảy mươi lần bảy mươi ngày?

Ramose giận dữ khua dao, kìm của mình và tôi nghĩ ông sẽ vung tay vào tôi nếu tôi không mang cho ông vò rượu loại ngon nhất từ hầm rượu của Pharaon. Ông dịu xuống, đưa ngón tay sờ lên lớp xi đầy bụi gắn trên vò và nói:

- Chúng ta đã không làm điều ác cho cậu, Sinuhe; cậu như con đẻ của ta, và ta đã muốn giữ cậu lại trong Nhà Chết và dạy cho cậu tất cả các kỹ năng của mình. Chúng ta cũng đã bảo quản thi thể của cha mẹ cậu như thể bảo quản thi thể của người quyền quý, không dè sẻn chút dầu và hương liệu tốt nhất nào. Vậy sao cậu lại làm điều tồi tệ đến thế với chúng ta khi đưa mụ đàn bà khủng khiếp vẫn còn sống đó đến Nhà Chết? Cậu phải biết trước khi mụ ta đến, chúng ta sống đơn giản và làm việc cần mẫn trong Nhà Chết, lấy bia để thỏa mãn lòng mình, làm giàu bằng cách trộm đồ trang sức của những người quá cố bất kể đẳng cấp hay giới tính và bán cho các phù thủy từng phần thi thể, những thứ họ cần để làm phép thuật. Nhưng khi mụ ấy xuất hiện giữa đám chúng ta, Nhà Chết như thành vực thẳm địa ngục, đám đàn ông lấy dao đâm nhau và cắn xé nhau như bầy chó dại vì mụ ta. Mụ ta lấy của chúng ta tất cả của cải, vàng bạc chúng ta tích cóp và giấu trong Nhà Chết trong nhiều năm, đến đồng mụ cũng không chê. Mụ còn cướp cả y phục của chúng ta, vì với những ai già như ta đây, không còn đủ sức ham muốn nữa, thì mụ ép những kẻ khác trộm của chúng ta sau khi những kẻ ấy đã phung phí hết của cải của mình cho mụ ta. Không cần quá ba lần ba mươi ngày, mụ ta đã trấn lột và cướp hết của chúng ta. Khi nhận thấy chúng ta không còn gì để lấy, mụ ta đã cười nhạo và hết lời xỉ vả chúng ta, nên hai kẻ rửa xác từng thèm muốn mụ đã lấy dây lưng thắt cổ chết vì bị mụ chế nhạo và nhục mạ. Sau đó mụ bỏ đi và mang theo tất cả của cải mà chúng ta không thể cản được, vì nếu ai đó định chặn đường thì kẻ khác sẽ mở đường cho mụ để có được một nụ cười hay một cái chạm tay của mụ. Như thế đấy, mụ đã lấy đi sự bình yên và tài sản của chúng ta, mang theo ít nhất ba trăm deben vàng, không kể bạc và đồng cũng như băng và thuốc mỡ mà chúng ta đã bớt xén được từ người chết trong bao năm qua. Mà mụ ta còn hứa một năm sau sẽ quay lại thăm chúng ta và xem chúng ta kiếm được bao nhiêu. Vì thế Nhà Chết ở Thebes hiện giờ trộm cắp nhiều hơn bao giờ hết và những người tẩm ướp xác đã học cách ăn trộm lẫn nhau chứ không chỉ của người chết, khiến sự yên bình của chúng ta hoàn toàn biến mất. Nên cậu hiểu vì sao chúng ta gọi mụ là Sethnefer, vì quả thực mụ rất đẹp, song vẻ đẹp của mụ từ Seth mà ra.

Thế là tôi biết được sự trả thù của mình trẻ con đến thế nào, vì Nefernefernefer toàn vẹn trở về từ Nhà Chết và còn giàu có hơn. Tôi nghĩ thời gian trong Nhà Chết không làm hại ả ta chút nào ngoại trừ mùi hôi ăn sâu vào thân thể sẽ ngăn cản ả ta hành nghề của mình trong một thời gian, chắc chắn ả ta muốn được nghỉ ngơi sau một thời gian sống chung, ăn nằm với những người ngâm tẩm xác. Nhưng nói cho cùng, tôi không tiếc cho ả, vì sự trả

thù này chỉ gặm nhắm trái tim tôi mà không làm hại ả, và sau khi trải qua điều này, tôi đã hiểu trả thù không đem lại niềm vui, mà sự ngọt ngào của nó rất ngắn ngủi, làm hại chính kẻ trả thù và như ngọn lửa thiêu đốt trái tim anh ta.

Sau khi đã kể tất cả những điều này, tôi phải bắt đầu một sách mới để có thể kể những gì đã xảy ra khi Pharaon Ekhnaton sống ở thành phố Akhetaton và những gì đã xảy ra ở Syria. Tôi cũng phải kể về Horemheb, về Kaptah, về người bạn Thotmes của tôi và cũng không được quên Merit. Vì thế tôi bắt đầu một sách mới.

Sách thứ mười một
Merit

1

Chắc ai cũng đã từng nhìn thấy nước chảy ra từ đồng hồ nước như thế nào. Thời gian của con người cũng trôi đi như vậy, nhưng thời gian của con người không đo được bằng đồng hồ nước mà bằng tất cả những gì xảy ra với họ. Đây là một sự thật lớn lao và cao cả mà người ta chỉ có thể hiểu được vào tuổi xế chiều, khi thời gian trôi đi hoài phí và không có gì xảy ra; mặc dù ta luôn nghĩ sẽ có nhiều điều xảy ra, nhưng ngay sau đó lại nhận ra chẳng có gì. Bởi nếu có nhiều chuyện xảy ra trong một ngày, đến mức trái tim con người thay đổi và biến dạng, thì khi ấy một ngày với người đó có thể dài hơn một, hai năm so với khi anh ta làm việc và sống một cuộc đời đơn giản khiến mình không thay đổi. Ở thành phố Akhetaton, tôi đã nhận ra được sự thật này, vì ở đó thời gian của tôi giống như dòng nước chảy và cuộc đời tôi giống như một giấc mơ ngắn hay một bài hát hay ngân lên hoài phí. Mười năm sống dưới bóng của Pharaon Ekhnaton trong cung điện vàng của ngài ở thành phố Akhetaton với tôi còn ngắn hơn cả một năm tuổi trẻ, thời mà tôi có các chuyến đi và những ngày xảy ra nhiều điều khiến mỗi ngày dài hơn cả năm trường.

Trong thời gian này, kiến thức và kỹ năng của tôi không được bổ sung thêm, trái lại tôi đã phung phí những điều mình thụ đắc được những ngày còn trẻ ở nhiều miền đất, như con ong vào những ngày đông tiêu cạn kiệt số mật mà nó đã tích góp được về tổ của mình trong mùa hoa nở. Nhưng có lẽ thời gian đã bào mòn

trái tim tôi như nước chảy chầm chậm bào mòn đá và có lẽ trong khoảng thời gian đó trái tim tôi đã đổi thay, mặc dù bản thân tôi không nhận ra, bởi tôi không còn quá cô đơn như trước. Có lẽ tôi cũng đã trầm lặng hơn và không còn khoe khoang về bản thân và kỹ năng của mình nhiều như trước, nhưng đây chắc không phải là công của bản thân tôi mà chỉ vì Kaptah không sống cùng tôi; ông ấy sống trong nhà tôi ở Thebes, trông coi tài sản và lợi tức của tôi cùng với quán rượu có tên Đuôi Cá Sấu của ông.

Thành phố Akhetaton tự thu mình trong vỏ bọc, trong những giấc mơ và ảo vọng của Pharaon Ekhnaton; thế giới bên ngoài không quan trọng đối với nó mà mọi chuyện xảy ra ngoài ranh giới của Aton đều xa vời, không thực như ánh trăng trên mặt nước và sự thật duy nhất là những gì xảy ra bên trong nó. Sau này nghĩ lại, tôi thấy có lẽ tất cả những điều này đã sai, có lẽ thành phố Akhetaton cũng như tất cả những gì đã xảy ra ở đó chỉ là một cái bóng và đẹp đẽ bề ngoài, còn sự thật ở bên ngoài ranh giới của thành phố là đói khổ và chết chóc. Bởi vì tất cả những gì khiến Pharaon Ekhnaton không hài lòng, người ta đều giấu ngài, hoặc nếu có điều gì đó buộc phải có quyết định của ngài, nó được bọc trong vải mềm, tẩm mật ong và lúa mạch đen thơm, cẩn trọng dâng cho ngài để đầu ngài không bị đau nhức.

Điều đó thường xảy ra vì con người ta yếu đuối và không ai muốn mất ân sủng của Pharaon khi thường xuyên kể cho ngài những điều khó chịu. Nhưng tôi tin và biết rằng như thế cũng chỉ vì tình thương yêu ngài, vì bất cứ ai yêu kính ngài đều muốn ngài càng ít đau đớn và buồn phiền càng tốt.

Ngay cả những sự việc và tai ương nhỏ nhặt cũng tác động đến ngài mạnh hơn so với người thường, khiến ngài bất an và trở nên lo lắng bồn chồn, bệnh của ngài sẽ tái phát và nhiều người yêu thương ngài sợ ngài sẽ không sống nổi nếu ngài biết hết mọi chuyện xảy ra bên ngoài ranh giới thành phố của mình. Tôi tin và biết Pharaon Ekhnaton chỉ muốn sống trong sự thật và sẽ là người đầu tiên quở trách những ai muốn che giấu ngài sự thật vì yêu thương ngài. Nhưng vì ngài chỉ chăm chăm nhìn vào cõi vĩnh hằng, nên tất cả đối với ngài chỉ là cái bóng mờ ảo, và vì thế với ngài mọi chuyện xảy ra bên ngoài thành phố của ngài thậm chí còn mỏng manh hơn cái bóng mờ ảo ấy. Sự thật cũng có thể được kể bằng nhiều cách khác nhau, êm dịu và khéo đến mức khó nhận ra đó là sự thật.

Trong thời gian này, giáo sĩ Eje nắm quyền ở Thebes như là người cầm trượng quyền lực bên phải nhà vua và trên thực tế Thebes

vẫn là thủ đô thật sự của cả hai vương quốc, vì Pharaon Ekhnaton bỏ lại ở đó tất cả những gì buồn tẻ và khó chịu trong bộ máy triều đình như sưu thuế, thương mại, tòa án và không muốn nghe gì về những điều đó mà hoàn toàn tin tưởng Eje, cha đẻ của Nefertiti, quốc trượng của ngài, một người đầy tham vọng. Như thế trên thực tế, giáo sĩ Eje trị vì cả hai vương quốc, vì mọi việc liên quan đến đời sống của dân chúng, dù là nông dân hay thị dân, đều nằm trong tay ông ta. Khi Amon bị lật đổ, không còn thế lực nào kìm hãm quyền lực của Pharaon, mà trên thực tế là quyền lực của Eje, ông ta rất thỏa mãn với điều này vì hy vọng đất nước sẽ dần dần ổn định, thoát khỏi ách Amon. Bởi vậy không có gì làm ông ta hài lòng hơn thành phố Akhetaton, nơi giữ Pharaon ở xa Thebes, và ông ta đã làm những gì có thể để gom góp tiền của vào việc xây dựng, làm đẹp thành phố và liên tục gửi đến những món quà sang trọng, quý giá khiến Akhetaton ngày càng đẹp hơn trong mắt Pharaon. Như thế, đất nước quả thật đã có thể yên bình và mọi thứ trở lại như trước, chỉ là không có quyền lực của Amon, nhưng Pharaon Ekhnaton là cây gậy giữa tăm bánh xe và là hòn đá làm lật cỗ xe của ông ta.

Bên cạnh giáo sĩ Eje, Horemheb nắm quyền ở Memphis, nằm trên biên giới giữa hai vương quốc, lãnh trọng trách về trật tự, an ninh của đất nước, nên thật ra anh ấy là sức mạnh trong cây gậy của những người thu thuế và là sức mạnh trong những chiếc búa tạ của thợ đục đá khi những người này đục xóa tên của Amon khỏi tất cả các tượng đài, bia ký và xông vào cả các hầm mộ để tẩy xóa cái tên này. Pharaon Ekhnaton cũng sai mở lăng mộ của cha mình để xóa tên Amon. Đến Eje cũng không phản đối ngài, chừng nào ngài vẫn bằng lòng với trò giải trí trẻ con ấy, và ông ta thấy tốt nhất cứ để mọi suy nghĩ của ngài vướng bận vào những việc thần linh, tín ngưỡng này, những việc không ảnh hưởng đến cuộc sống hằng ngày của dân chúng.

Vì vậy, sau những ngày kinh hoàng ở Thebes, cả Ai Cập như mặt nước phẳng lặng, không cơn bão nào tàn phá sự yên bình của nó trong một thời gian. Giáo sĩ Eje đã giao việc thu thuế cho các tổng trấn, điều này giúp ông ta tiết kiệm rất nhiều công sức, còn các tổng trấn bán quyền thu thuế cho các lại viên thuế vụ của các thành phố, làng mạc và trở nên rất giàu có. Đến lượt các lại viên thuế vụ của các thị trấn và làng mạc lại tiếp tục cho không biết bao người giúp việc thuê lại quyền này và trở nên giàu có, và những người giúp việc thu thuế cũng không nghèo đi khi làm việc này, vì họ dùng gậy để đảm bảo quyền lợi của mình. Như thế trong một thời gian, bề ngoài mọi việc vẫn diễn ra như trước và nếu người nghèo kêu than về thân phận mình, rắc tro lên tóc sau

khi người thu thuế rời đi, thì đó là điều không lạ với người nghèo trong mọi thời kỳ.

Nhưng sự ra đời của công chúa thứ tư ở Akhetaton là tai họa lớn, hơn cả sự sụp đổ của Simyra ở Syria, và Hoàng hậu Nefertiti bắt đầu nghi ngờ mình bị bỏ bùa, chỉ sinh con gái, nên đã đến Thebes cầu xin các phù thủy da đen của Hoàng thái hậu trợ giúp. Quả thật, hiếm có người đàn bà nào sinh liên tiếp bốn con gái mà không sinh nổi một con trai. Thế nhưng đây chính là số phận của Hoàng hậu, sinh hạ cho Pharaon Ekhnaton cả thảy sáu công chúa mà không có một hoàng tử nào, và cũng là định mệnh của Pharaon Ekhnaton.

Thời gian trôi đi, tin từ Syria ngày càng đáng lo hơn và mỗi khi có thuyền mang tin đến, tôi lại vào văn khố hoàng gia để đọc những lời kêu cứu mới từ các bảng đất sét. Khi đọc chúng, tôi như thấy những làn tên bay chiu chíu xung quanh mình và mùi khói từ những đám cháy bốc lên trong mũi tôi. Tôi nghe trong những lời lẽ tôn kính tiếng gào của những người đàn ông hấp hối và tiếng kêu cứu của trẻ em bị hành hạ, vì quân Amori là đội quân dã man và tràn đến gây chiến dưới sự chỉ huy của các võ quan Hittite, vậy nên dần dần, không một đơn vị đồn trú nào ở Syria có thể chống cự được với chúng. Tôi đã đọc các bảng đất sét của vua Byblos và Thái tử Jerusalem nhắc tới tuổi tác và sự trung thành của họ, những kỷ niệm và tình bạn của họ với phụ vương của Pharaon để mong Pharaon Ekhnaton cứu giúp, cho đến khi ngài quá đau đớn và tức giận trước lời cầu xin của họ, truyền gửi thẳng thư của họ tới văn khố mà không hề đọc, nên chỉ các ký lục và tôi là những người đọc chúng. Nhưng các ký lục chỉ đánh số và sắp xếp chúng theo thời gian nhận được chứ không quan tâm đến nội dung.

Sau khi Jerusalem thất thủ, cả những thành phố cuối cùng trung thành với Ai Cập ở Syria cũng liên minh với vua Aziru, trong số ấy có Joppa. Khi đó Horemheb từ Memphis đến Akhetaton để xin lập quân đội cho cuộc chiến ở Syria, vì anh ấy không thể đến Syria tổ chức phản công nếu không có binh lính, bởi như thế anh sẽ mất hết danh tiếng. Cũng vì danh tiếng mà từ trước đến giờ anh ấy chỉ tiến hành cuộc chiến bí mật bằng thư từ và vàng để giữ lại cho Ai Cập ít nhất một chiến tuyến ở Syria. Anh ấy nói với Pharaon Ekhnaton:

- Xin quốc vương cho phép hạ thần trả lương cho ít nhất một trăm lần một trăm giáo thủ và cung thủ với một trăm cỗ chiến xa, thần sẽ lấy lại toàn bộ Syria cho ngài, vì quả thật, nếu cả Joppa cũng bị thất thủ thì quyền lực của Ai Cập ở Syria sẽ mất.

Pharaon Ekhnaton rất lấy làm tiếc khi biết tin Jerusalem bị tàn phá, vì ngài đã sai làm nhiều việc nhằm biến nó thành thành phố Aton để trấn an Syria. Vì vậy, ngài nói:

- Ông già Jerusalem này, có bộ râu dài mà ta không còn nhớ tên, vốn là bạn của phụ vương ta và ta gặp ông ấy trong cung điện ở Thebes hồi còn bé. Vì thế để bồi hoàn cho ông ấy, ta sẽ tiếp tục cấp hưu bổng cho ông ấy từ Ai Cập, mặc dù doanh thu từ thuế giảm mạnh kể từ khi giao thương với Syria chấm dứt.

Horemheb nói:

- Tâu quốc vương, ông ta không còn vui lòng với tiền hưu và vòng cổ Ai Cập nữa. Vua Aziru đã sai lấy hộp sọ của ông ta làm chiếc bát đẹp, mạ vàng và gửi nó làm quà cho vua Shubbiluliuma ở Khattushash, nếu như quân do thám của thần không nhầm.

Mặt Pharaon thoắt tái nhợt và mắt ngài bắt đầu đỏ lên, nhưng ngài cố kìm cơn đau và bình tĩnh nói:

- Thật khó tin như thế về một vị vua như Aziru, người mà ta đã nghĩ là bạn và ta đã vui lòng gửi thánh giá sự sống, nhưng có lẽ ta đã nhìn nhầm ông ta và tim ông ta đen hơn ta nghĩ. Nhưng Horemheb ạ, đề nghị của khanh về giáo binh và các cỗ xe là bất khả thi, vì ta mới nghe người dân xì xào về mức thuế và mùa màng cũng không như ta mong đợi.

Horemheb nói:

- Tâu quốc vương, vì Aton của ngài, hãy trao cho thần lệnh của ngài cùng với mười cỗ chiến xa và mười lần mười giáo binh để thần có thể đi đến Syria và cứu vãn những gì còn có thể cứu được.

Nhưng Pharaon Ekhnaton nói:

- Vì Aton ta không thể tham chiến, bởi đổ máu là một điều ghê tởm đối với ngài và ta thà buông bỏ Syria còn hơn, hãy để cho Syria được tự do và lập liên minh của họ và chúng ta sẽ giao thương với họ như trước, vì nếu không có ngũ cốc của Ai Cập, Syria sẽ không có đủ cái ăn.

- Quốc vương có thực sự nghĩ họ sẽ bằng lòng với điều đó không, thưa ngài? - Horemheb kinh ngạc hỏi. - Mỗi người Ai Cập bị giết, mỗi bức tường bị phá, mỗi thành phố đầu hàng đều kích động lòng tự tôn của họ và khiến họ cố giành thêm những điều không tưởng. Sau Syria sẽ đến các mỏ đồng ở Sinai và nếu Ai Cập mất

chúng, chúng ta sẽ không còn rèn được giáo và tên nữa.

- Chẳng phải ta đã nói giáo gỗ là thích hợp cho các vệ binh ư, - Pharaon Ekhnaton cáu kỉnh nói. - Sao ngươi tra tấn tai ta khi liên tục nói về giáo mác và mũi tên, đến mức những từ ngữ đó ong ong trong đầu khi ta đang cố sáng tác một bài thơ ca ngợi Aton.

- Sau Sinai sẽ đến lượt miền Hạ, thưa quốc vương. - Horemheb chua chát nói. - Như ngài đã nói, Syria sẽ không thể làm gì được nếu không có ngũ cốc của Ai Cập, mặc dù thần biết rằng bây giờ họ nhận ngũ cốc từ Babylon. Nhưng nếu ngài không sợ Syria, ít nhất hãy sợ người Hittite vì tham vọng quyền lực của họ là vô biên.

Pharaon Ekhnaton bật cười tỏ vẻ thương hại, như một người Ai Cập sáng suốt vẫn cười khi nghe lời nói ngớ ngẩn, và ngài nói:

- Chừng nào chúng ta còn nhớ được, không kẻ thù nào đặt chân được đến miền đất đen và sẽ không có kẻ nào dám làm điều đó, vì Ai Cập là vương quốc giàu có và hùng mạnh nhất thế giới. Nhưng ta có thể nói để trấn an ngươi, vì ngươi mê thấy nhiều điều tồi tệ quá. Hittite chỉ là đám mọi rợ chăn thả gia súc trong vùng núi nghèo nàn của họ và đồng minh của chúng ta ở Mitanni sẽ là lá chắn của chúng ta để chống lại họ. Ngoài ra, ta đã gửi thánh giá sự sống cho quốc vương Shubbiluliuma và thể theo đề nghị của ông ta, ta đã gửi cả vàng cho ông ta để ông ta có thể cho dựng tượng ta trong đền của mình, thế nên ông ta sẽ không quấy nhiễu sự bình yên của Ai Cập. Ta gửi vàng cho ông ta mỗi khi ông ta yêu cầu mặc dù dân ta rên rỉ về thuế khóa và ta cũng không muốn lấy sưu thuế đày đọa dân ta.

Các mạch máu trên mặt Horemheb căng phồng lên, nhưng anh ấy đã quen kiềm chế nên không nói gì thêm mà chỉ đi theo tôi khi tôi nói là thầy thuốc, tôi không cho phép anh ấy làm phiền Pharaon thêm nữa. Nhưng khi vừa bước vào nhà tôi, anh lấy roi vàng quất tới tấp vào chân mình và nói:

- Thề với thần Seth và tất cả ma quỷ, cứt bò rải trên đường còn hữu ích hơn thánh giá của ngài ta. Nhưng điều điên rồ nhất là khi ngài nhìn thẳng vào mắt tôi và thân mật đặt tay lên vai tôi như bạn bè, tôi tin sự thật của ngài, mặc dù tôi biết rất rõ rằng mình đúng, ngài sai. Thề có thần Seth và tất cả ma quỷ, ngài ta được nhồi đầy sức mạnh trong thành phố được sơn vẽ loang lổ như một ả điếm và có mùi nhà thổ. Thật vậy, nếu có thể dẫn từng người trên trái đất này đến trước mặt ngài, để ngài có thể tiếp chuyện

với từng người và đưa những ngón tay mềm mại của mình chạm vào họ, thì tôi nghĩ thế giới có thể thay đổi, nhưng điều đó là không thể.

Để làm Horemheb vui lên, tôi nói có lẽ điều đó là có thể. Anh ấy phấn chấn hẳn và nói:

- Nếu điều đó có thể, thực sự cần có một cuộc chiến lớn để tôi có thể dẫn tất cả đàn ông, đàn bà và trẻ em trên thế giới đến trước ngài để ngài có thể tiếp năng lượng của mình cho họ và làm mới trái tim họ. Nói thật, tôi nghĩ nếu tôi ở đây lâu, ngực tôi cũng sẽ phồng lên như đám cận thần của ngài và có lẽ tôi đã bắt đầu cho trẻ con bú.

Anh ấy bắt viên ký lục của mình tính xem sẽ mất bao lâu nếu từng người trên thế giới hiện diện trước Pharaon Ekhnaton, trong lúc đó chúng tôi đến xưởng của Thotmes, bạn chúng tôi, vì Horemheb vẫn nhớ lời Thotmes hứa sẽ tạc cho anh một bức tượng và tôi biết trong hầm của Thotmes có rượu ngon. Cửa sổ nhà anh ta nhìn ra hướng bắc, ánh sáng tràn ngập các phòng, anh ta có nhiều nô lệ và môn đệ phụ giúp mọi công việc, nên sân nhà anh ta giống như một mỏ đá với đủ loại đá, không khí trong các phòng đặc quánh bột màu khô và bụi đá vụn. Anh ta ra đón chúng tôi, tóc, mặt ướt đẫm mồ hôi, đôi mắt sáng rực và nói rằng Hoàng hậu Nefertiti đang ngồi làm mẫu, không được phiền người. Nhưng sau khi nghe tiếng chúng tôi, Nefertiti cho phép chúng tôi ngồi lại nhìn người, vì càng được nhiều đàn ông nhìn và ngưỡng mộ thì Hoàng hậu càng thêm phấn khích. Người hầu của Thotmes mang rượu cho chúng tôi và cả Nefertiti cũng uống với chúng tôi. Hoàng hậu đưa bàn tay xinh đẹp đặt khẽ lên ngực, mắt sáng long lanh nhìn Horemheb và nói:

- Horemheb, ta thường lấy làm ngạc nhiên tại sao ngươi chưa chịu chọn hôn thê cho mình, dù bao nhiêu cung nữ than vắn thở dài vì ngươi? Hãy nói cho ta biết lý do vì sao để tiêu khiển ta một chút, vì ta ngồi đây thật khó chịu và Thotmes này rất buồn tẻ, lạnh lùng nhìn ta và nói rằng má ta tóp lại, đang xấu đi trong mắt anh ta.

Horemheb sững sờ trước câu hỏi của Hoàng hậu, mặt thoắt đỏ tía, nhưng anh ấy có thời gian để nghĩ câu trả lời của mình, vì Thotmes ném đục và búa xuống sàn, bật khóc vì mệt mỏi và nói:

- Nói thật, Hoàng hậu này làm tôi phát điên với những lời nói của người và ngày lại ngày Hoàng hậu lấy móng tay cào cấu trái tim tôi vì biết rất rõ ai đã từng nhìn thấy người thì không thể nghĩ tới

bất cứ điều gì khác ngoài vẻ đẹp của người. Vì Aton, hãy để tôi yên, người phụ nữ khủng khiếp kia, vì tôi đã năm lần tạc người vào đá nhiều màu và cả người tôi nóng bừng bừng, khi nhìn khuôn mặt, thân hình và chiếc cổ mảnh mai của người thì đá không còn nằm trong tay tôi nữa. Thưa Nefertiti, lần sau thần sẽ tạc người vào gỗ, thần sẽ tạc người và vương miện vào gỗ cứng để có thể tô màu của người lên gỗ, vì có lẽ người sẽ sống trên gỗ tốt hơn trên đá. Với đôi má hóp, người xinh đẹp, sống động hơn bao giờ hết và không người phụ nữ nào có thể đội vương miện hoàng hậu tốt hơn người.

Nhờ thế, Horemheb có thời gian để suy nghĩ, trấn tĩnh lại và nói theo Thotmes:

- Thưa Hoàng hậu Nefertiti, làm sao thần có thể nghĩ đến ai khác khi đã thấy người, và cũng không thèm bận tâm đến các cung nữ của Hoàng hậu, vì thần đã nhiều lần vui thú cùng họ đủ để biết rằng thịt da họ mịn như vỏ trứng, mềm như lông tơ, nhưng đầu họ đặc sệt như phân và thần không hề ngạc nhiên khi họ buộc phải dùng chổm đầu giả. Nhưng Hoàng hậu là một phụ nữ thông minh và được thừa hưởng ánh mắt sáng lạnh lùng từ quốc trượng, người có tài cai quản đất nước tuy có cổ hủ. Sao Hoàng hậu không khuyên Pharaon mà lại để ngài ngày càng chìm sâu vào những điên rồ, khiến chúng ta không còn biết mình đứng bằng đầu hay bằng chân và màu đen hóa thành trắng trong mắt chúng ta.

Nefertiti nhìn quanh và khi không thấy ai khác ở gần, người mới nói:

- Trong ngài ấy âm thịnh dương suy và nếu ta nói điều gì khiến ngài khó chịu thì tất cả chất đàn ông của ngài biến mất. Vì vậy, tốt hơn hết ta không nói chuyện quốc gia đại sự với ngài, dù vận mệnh vương quốc rơi hết xuống vực sâu của địa ngục cũng kệ, vì điều quan trọng hơn tất cả là ta phải sinh cho ngài một hoàng tử. Vì vậy, ta không thể để ngài bỏ ta quay sang phi tần nào khác. Nhưng theo thời gian, tiếng cười đông cứng trong miệng ta và thái dương ta đau nhức khi nghĩ đến sự điên rồ của ngài, đến nỗi mỗi cái động chạm của ngài đều khiến ta khó chịu và bụng ta bắt đầu đau nhói khi buộc phải nuốt từng từ sắc bén có thể làm tổn thương ngài. Sinuhe, là một danh y, chắc ngươi có thể giải thích điều đó tốt hơn ta, vì quả thực ta đã từng nghĩ một hoàng hậu vĩ đại như ta phải có một cuộc sống tốt hơn nhiều, thế nhưng ngài đã biến ta thành bò cái sinh nở hết năm này đến năm khác, khiến má ta hóp lại, ánh mắt bớt long lanh và thân hình ta trở nên xấu

xí, mặc dù ở độ tuổi này đáng ra ta vẫn còn rực rỡ lắm.

Chúng tôi đồng thanh nói với Hoàng hậu rằng người đã quá lời về tác hại của kỳ thai nghén tới vóc dáng của mình, vì thân hình người vẫn còn mảnh mai và xinh đẹp như của thiếu nữ và Hoàng hậu làm như vô tình hở vạt váy để chúng tôi có thể chiêm ngưỡng cái bụng mịn màng, trơn bóng của người. Nhưng Thotmes trở nên trầm tư và nói:

- Hạ thần hiểu gần như tất cả những điều Hoàng hậu nói, chỉ một điều thần không rõ là tại sao Hoàng hậu có thể nói trong Pharaon âm thịnh dương suy, vì theo thần biết thì Hoàng hậu làm gì có ai khác để mà so sánh.

Lần này đến lượt Nefertiti đỏ mặt và nhìn sang hướng khác, ra chiều lưỡng lự; điều này khiến tôi rất vui vì rõ ràng Hoàng hậu vẫn còn rất ngây thơ. Nghĩ một lát, Hoàng hậu nói:

- Thotmes thật khiếm nhã, nhưng ta không thể mong đợi điều gì khác ở anh ta, vì anh ta được sinh ra với phân dính giữa các ngón chân. Nhưng dù sao ta cũng đã đọc thơ và nếu như ta không có ai khác để so sánh, ít nhất ta đã từng thấy những người thợ xây cởi bỏ khố, áo ướt đẫm mồ hôi và nhảy xuống sông bơi. Nhưng những bài thơ cho ta biết nhiều điều hơn mắt mình.

Hoàng hậu mỉm cười mơ màng và trầm giọng nhắc lại:

Nếu ta là mảnh vải quấn quanh hông em,

Nếu ta là mùi dầu xức trong mái tóc em,

Nếu ta là rượu ngọt trong miệng em.

Rồi người thở dài và nói:

- Các nhà thơ nói như vậy đấy, nhưng còn ngài, ngài nói về Aton cả khi trên giường và ta không nghĩ người đàn bà nào có số phận hẩm hiu hơn ta. Ta có gì vui đâu, dù khuôn mặt ta xinh đẹp, vì làn gió xuân chưa bao giờ vuốt ve mơn trớn nó.

Thotmes lại gần Hoàng hậu, đôi mắt nâu vui vẻ thẫm đen lại vì cảm xúc và anh nói:

- Nefertiti, xin người đừng giễu cợt nguồn gốc xuất thân của thần, bởi vì thần sinh ra trong xưởng chứa các cỗ chiến xa và máu của người lính chảy trong huyết quản của thần, nhưng đôi tay thần

làm đá sống lại. Nefertiti, hãy giơ tay lên, để gió xuân hôn lên mặt Hoàng hậu và dòng máu nóng hôn khắp thân thể người.

Nefertiti mỉm cười, mơ màng nhìn về nơi xa xăm bằng đôi mắt sáng và nghiệt ngã. Hoàng hậu từ từ nghiêng chiếc cốc trong tay để phần rượu còn lại trong cốc tràn xuống đất và ngắm nhìn rượu thấm vào nền đất. Rồi người đặt cốc sang bên và đứng dậy bước tới chỗ Thotmes, vuốt mớ tóc đẫm mồ hôi trên trán anh ta và nhè nhẹ áp môi mình lên đó. Hoàng hậu không hối tiếc vì đã nói chuyện với chúng tôi, trái lại rất vui và khi ra về người vẫn còn lảo đảo. Nhưng khi người đi khuất, tôi nói với Thotmes:

- Mắt anh đỏ như bị sốt và anh ra quá nhiều mồ hôi. Tôi nghĩ một chuyến đi ngắn sẽ giúp anh sảng khoái và khỏe khoắn lên. Vì Aton, anh nên theo Horemheb đến Memphis và tạc tượng của anh ấy ở đó để anh ấy có thể dựng tượng ở quê hương Hetnetsut của mình như đã dự định. Ở Memphis cũng có những cô gái xinh đẹp và rượu ở đó nghe nói rất ngon.

Nhưng Thotmes nói:

- Cậu nói ngu như một mụ già ấy, Sinuhe ạ, vì tôi có vô số công việc dở dang ở đây và ý tưởng sáng tạo sôi sục trong tôi như nhựa trong cây. Tôi có thể tạc tượng Horemheb ở đây, chỉ cần đầu tiên vẽ anh ấy, rồi lấy các điểm chính ở thân hình và đúc mẫu khuôn mặt vào thạch cao.

- Sinuhe ạ, - Horemheb chen vào, - nhân nói về chuyến đi, cậu cũng nên đến Thebes để nhìn ngó xung quanh vì ở đây, trong thành phố của những người thong manh và mơ ngủ này, các cậu sẽ không tin nếu tôi kể những gì đang xảy ra ở Ai Cập và những gì dân chúng đang xì xào. Đúng đấy Sinuhe, cậu nên đến Thebes rồi về kể lại cho Pharaon những gì cậu thấy, vì Pharaon tin cậu và nghe cậu.

Anh ấy nhổ nước bọt xuống đất rồi dùng chân chà nước bọt và nói:

- Nefertiti này có lẽ không phải là người chung giường dễ chịu, dù nhìn ngắm bà ta thì cũng thích đấy, vì trí thông minh của bà ta sắc nhọn như dao, miệng bà ta đầy ong độc và tôi nghĩ không chóng thì chầy bà ta sẽ bắt đầu vui thú với những người lạ, nếu như tôi am hiểu đủ về đàn bà.

Thotmes nổi xung lên vì những lời này, nhưng tôi trấn an anh ta và nói:

- Đúng là tôi nên đi Thebes để gặp Kaptah, nhưng giường của tôi ở đây dễ chịu, tôi đã quen với những món ăn đầu bếp của tôi nấu, chân tay tôi đã mềm yếu và thân thể tôi không còn chịu được sự rung lắc của thuyền. Hơn nữa, tôi không biết mình có đủ dũng khí để kể cho Pharaon những gì mình nhìn thấy không, bởi vì ngài chỉ muốn nghe nói về những đứa trẻ béo tốt, những người vợ hay cười và cả những người chồng không ngớt chửi rủa nhân danh Aton, trong khi từ lời khuyên của anh, tôi có thể đoán mình sẽ phải kể cho ngài nghe điều gì đó làm ngài buồn. Horemheb ạ, tôi cũng nghe nói những con cá sấu đã chứng tỏ sự khôn ngoan của chúng khi theo anh đến Memphis, vì quản giáo và lính canh của anh thường hay cho chúng ăn cho dù lượng đánh bắt không được nhiều như ở Thebes.

Horemheb uống cạn cốc rượu của mình, đổ đầy cốc rồi lại nốc cạn một hơi và nói:

- Thật tình tôi chỉ ước mình là cá sấu mỗi khi nghĩ đến tương lai Ai Cập. Thôi kệ. Nếu Sinuhe cũng không muốn giúp, có lẽ tôi không biết làm gì khác ngoài việc say xỉn như trước đây mỗi khi nghĩ về tương lai của Ai Cập dưới thời Pharaon Ekhnaton.

2

Sau khi Horemheb đã trở lại Memphis, những lời anh ấy nói bắt đầu hành hạ tâm trí tôi và tôi tự trách mình là người bạn xấu của anh ấy và là phò tá tồi cho Pharaon. Nhưng giường của tôi rất mềm và dễ chịu, đêm đến tôi ngủ dưới lọng che và đầu bếp của tôi tẩm ướp những con chim nhỏ trong mật ong cho tôi, trên bàn ăn không thiếu món linh dương nướng và nước chảy nhanh trong đồng hồ nước của tôi. Meketaton, công chúa thứ hai của Pharaon, mắc bệnh suy nhược, rồi sốt và bắt đầu ho, hai má đỏ bừng vì sốt và Công chúa gầy rộc khiến xương đòn nhô cao dưới làn da. Tôi cố gắng tăng lực cho cô bé bằng thuốc bổ và bắt cô uống vàng pha loãng. Tôi nguyền rủa số phận mình vì những cơn bệnh của Pharaon vừa dứt thì con gái ngài lại phát bệnh nên tôi không thể yên thân cả ngày lẫn đêm. Cả Pharaon cũng bắt đầu lo lắng, vì ngài rất yêu thương các hoàng nhi; hai công chúa lớn, Meritaton và Meketaton, được theo ngài lên ban công cung điện vào những ngày ngài xuất hiện trước dân chúng và ném dây chuyền vàng hay biểu tượng hoàng gia cho những người mà Pharaon muốn

ban thưởng.

Bản tính của con người là vậy, vì ốm yếu, bệnh tật mà công chúa này được Pharaon yêu quý nhất trong bốn hoàng nhi, ngài cho con gái những quả bóng bằng bạc và ngà voi và một con chó nhỏ để nó theo Công chúa từng bước và nằm bên chân giường canh giấc ngủ cho Công chúa. Bản thân Pharaon cũng trằn trọc, hao gầy vì lo lắng và ngài thức dậy nhiều lần trong đêm lắng nghe hơi thở của hoàng nhi đang bệnh tật, từng tiếng ho của Công chúa như nhát dao cứa trái tim ngài.

Bản tính con người cũng thật kỳ lạ, cô bé ốm yếu này có ý nghĩa đối với tôi hơn cả tài sản của tôi ở Thebes và Kaptah, hơn cả năm mất mùa ở Ai Cập cũng như trận đói khát khiến nhiều người chết ở Syria vì Aton. Tôi đã dồn tất cả kiến thức và tài nghệ của mình để chữa cho cô bé và lơ là các bệnh nhân thuộc giới thượng lưu bị các căn bệnh do quá no đủ, đặc biệt là đau đầu, bởi chính Pharaon cũng bị đau đầu. Tôi có thể thu được rất nhiều vàng nếu chịu xoa dịu cơn đau đầu của họ, nhưng tôi chán vàng và chán phải khom lưng cúi đầu, vì vậy tôi thường xuyên gắt gỏng với bệnh nhân của mình nên mọi người nói: "Danh tiếng danh y hoàng gia đã bốc lên đầu Sinuhe và khi tưởng Pharaon nghe lời mình, ông ta quên những gì người khác nói với mình".

Nhưng khi nghĩ đến Thebes, Kaptah và quán rượu Đuôi Cá Sấu, nỗi sầu muộn xâm chiếm tâm trí tôi và lòng tôi dâng lên cơn thèm khát, như thể không thức ăn nào có thể khiến nó nguôi ngoai. Tôi cũng nhận thấy tóc mình rụng dần, đỉnh đầu bắt đầu lộ ra dưới lớp tóc giả và có những ngày tôi quên việc của mình, hết mơ màng lại lang thang trên những con phố của Babylon và ngửi thấy mùi ngũ cốc đang dần khô trên nền đất sét cứng. Tôi nhận thấy mình mập ra và đêm đêm có những giấc mộng nặng nề dai dẳng; tôi thở dốc khi tản bộ ngay cả những quãng đường ngắn, mặc dù trước đây tôi chưa từng hụt hơi sau những quãng đường dài, vì vậy ghế kiệu không thể rời tôi.

Trái tim tôi cũng quá lười biếng, nói với tôi:

- Ngươi sướng thật, Sinuhe, chiếc giường của ngươi thật dễ chịu, là danh y khoan sọ hoàng gia, ngươi không cần lo kiếm miếng ăn. Ngươi có những người bạn vui vẻ rót rượu cho ngươi, tôn trọng lời nói của ngươi và luôn coi ngươi là người thông thái. Mắt ngươi chiêm ngưỡng vẻ đẹp của nghệ thuật mới và nhiều nghệ sĩ đã vẽ những hình ảnh kỳ diệu và sống động trên bức tường trong phòng ngươi khi ngươi chữa cho tay họ khỏi run vì say xỉn sau khi

uống. Ngươi còn được Pharaon ban cho một ngôi mộ ở vùng núi phía đông, được Pharaon và các công chúa ban phước và sẽ tồn tại vĩnh hằng trong những bức tường của hầm mộ. Vì sao ngươi phải lo lắng về ngày mai, vì những ngày sắp tới của ngươi cũng sẽ chỉ giống như hôm nay. Còn nếu ngày mai không như thế, ngươi cũng không thể thay đổi được gì, bởi vì ngươi chỉ là con người, ngươi đã làm tiêu tan quá nhiều niềm vui và trộn ngải đắng vào cốc vui của Aton. Sao ngươi phải chuốc vạ vào thân và làm mình buồn khổ, vì biết nhiều chỉ buồn thêm, và không có từ nào diễn tả đúng hơn về điều đó.

Tôi đã có những cuộc trò chuyện như vậy với trái tim mình, nhưng đột nhiên tôi cảm thấy ghê sợ với ý nghĩ ngày mai sẽ lại như hôm nay và cuộc đời tôi sẽ không có gì khác hơn những điều đã xảy ra hôm nay. Trái tim con người thật điên rồ, không bao giờ hài lòng với phận mình mà làm mọi cách để xáo trộn sự bình yên và gieo rắc bất ổn, vì vậy tôi đã quá chán trái tim mình.

Nhưng khi mùa thu đến, nước lại dâng lên và chim én từ bùn dưới đáy sông lại ngoi lên và bay vút vào không trung với đôi cánh đập không ngừng nghỉ, sức khỏe của con gái Pharaon có những dấu hiệu bình phục, Công chúa đã mỉm cười và không còn thấy đau ở ngực nữa. Trái tim tôi bay theo cánh én và tôi lên thuyền để ngược sông trở về Thebes. Pharaon cho phép tôi đi và qua tôi gửi lời chào đến những người đã chia nhau đất của thần giả và bắt đầu trồng trọt bên bờ sông. Ngài cũng qua tôi gửi lời chào đến những ngôi trường mà ngài đã cho dựng lên và hy vọng tôi sẽ có nhiều điều tốt lành để kể cho ngài khi trở lại.

Vì vậy, tôi thường cho thuyền ghé vào bờ nơi có làng mạc và cho phép các già làng đến gặp để tôi có thể nói chuyện với họ. Và chuyến đi của tôi không gặp rắc rối như tôi lo ngại vì cờ của Pharaon treo trên cột buồm và giường của tôi trong khoang rất dễ chịu. Đầu bếp của tôi cũng đi theo và dân tất cả các làng đều mang quà lên cho anh ta nên đồ ăn của tôi luôn tươi ngon. Nhưng những cư dân mới đến gặp tôi, chồng thì gầy giơ xương, vợ lấm lét, sợ hãi nhìn quanh, giật mình trước từng tiếng động và con cái họ ốm đau, chân vòng kiềng. Họ cho tôi xem chỗ hạt lúa mạch mới được non nửa thùng và đầy những đốm đỏ như thể máu chảy trên đó rồi nói với tôi:

- Lúc đầu chúng tôi nghĩ mùa màng thất bát là do thiếu kinh nghiệm, bởi trước đây chúng tôi chưa gieo cấy bao giờ. Chúng tôi nghĩ vì lỗi của mình nên được ít lúa mạch như vậy và gia súc bị chết, nhưng bây giờ chúng tôi mới biết đất Pharaon ban cho

chúng tôi là đất bị nguyền rủa và người gieo trồng nó cũng bị nguyền rủa. Đêm đêm những bàn chân vô hình giẫm nát ruộng đất của chúng tôi, đêm đêm những bàn tay vô hình chặt cây ăn trái của chúng tôi, gia súc của chúng tôi tự nhiên chết, kênh mương tưới tiêu của chúng tôi bị tắc nghẽn và chúng tôi thấy xác súc vật trong giếng nước, khiến cả nước chúng tôi cũng không có để uống. Nhiều người đã bỏ ruộng đất của họ, trở về thành phố thậm chí còn nghèo hơn trước và nguyền rủa tên của Pharaon và thần của ngài. Nhưng chúng tôi đã gắng gượng cho đến nay vì hy vọng và tin vào thánh giá nhiệm mầu cùng các chiếu, cáo Pharaon ban mà chúng tôi treo lên cọc giữa cánh đồng để xua đuổi châu chấu. Nhưng phép nhiệm mầu của Amon mạnh hơn phép của Pharaon, dù chúng tôi liên tục cầu xin thần của Pharaon, song điều đó cũng không giúp ích được gì. Vì vậy, đức tin của chúng tôi lung lay và sẽ không lâu nữa đâu, chúng tôi sẽ từ bỏ vùng đất bị nguyền rủa để không bị mất mạng như vợ con của nhiều người.

Tôi cũng đã đến xem trường học của họ và khi thấy thánh giá của Aton trên quần áo của tôi, các thầy giáo đã thành kính giấu ngay gậy của họ và đưa tay làm dấu thánh Aton, còn những đứa trẻ ngồi xếp chéo chân thành hàng ngay ngắn trên nền đất nện và nhìn tôi quên lau cả nước mũi. Các thầy giáo nói:

- Tất nhiên chúng tôi biết không có gì điên rồ hơn cho rằng mọi đứa trẻ đều nên học đọc và học viết, nhưng điều gì chúng tôi không làm cơ chứ vì chúng tôi yêu Pharaon và ngài là cha, là mẹ của chúng tôi và chúng tôi tôn kính ngài vì ngài là con trai thần của ngài. Tuy nhiên, chúng tôi là những người đàn ông có học và sao có thể ngồi trên sàn đất nện lau mũi những đứa trẻ bẩn thỉu và vẽ những ký tự xấu xí lên cát, vì chúng tôi thậm chí không có bảng viết cũng như bút sậy để dùng, và những chữ cái mới này hoàn toàn không biểu thị được học vấn và kiến thức mà chúng tôi đã học được với rất nhiều khó khăn và phí tổn. Cha mẹ bọn trẻ trả công cho chúng tôi thất thường và ít ỏi, thật không xứng; bia của họ nhạt và chua, dầu bị ôi thiu trong vò của chúng tôi. Mặc dù vậy chúng tôi vẫn làm tất cả những việc này để Pharaon thấy không thể dạy tất cả trẻ em đọc và viết, mà chỉ những đứa trẻ giỏi nhất với cái đầu thật mềm mới học đọc và học viết được. Chúng tôi cũng nghĩ bắt lũ con gái học viết là điên rồ, vì điều đó chưa bao giờ xảy ra và chúng tôi đoán ký lục của Pharaon đã mắc lỗi khi viết điều này, điều đó cũng cho thấy cách viết mới này không hợp và không hoàn thiện như thế nào.

Tôi đã xem thử học vấn của họ và trình độ của họ không làm tôi hài lòng, tôi còn không hài lòng hơn khi nhìn vào khuôn mặt sưng

phù và cái nhìn lảng tránh của họ, vì họ là những viên ký lục kém cỏi không được ai thuê làm nữa. Trình độ có hạn, họ nhận ấn triện của Aton chỉ để kiếm bánh mì cho mình và nếu trong số họ có bất kỳ ngoại lệ nào để tôi có thể khen ngợi, thì một con én cũng không làm nên mùa xuân.

Những cư dân mới và người già trong làng cũng nhân danh Aton và nói:

- Thưa ngài Sinuhe, xin ngài tâu với Pharaon rằng ít nhất nên gỡ gánh nặng học hành này cho chúng tôi vì nếu không, chúng tôi không thể sống được nữa khi con trai chúng tôi từ trường về nhà với những vết gậy bầm tím trên lưng, tóc trên trán bị giật đứt và những ông thầy ghê gớm này ăn thịt chúng tôi một cách vô độ như bầy cá sấu. Không có gì vừa lòng họ, mà họ còn khinh rẻ bánh và bia của chúng tôi, moi đến tấm đồng và tấm da bò cuối cùng của chúng tôi để mua rượu và khi chúng tôi ra đồng, họ vào nhà chúng tôi, ăn nằm với vợ chúng tôi rồi nói đó là ý muốn của Aton, rằng không có sự khác nhau giữa người đàn ông này với người đàn ông khác và người đàn bà này với người đàn bà kia.

Nhưng Pharaon chỉ cho phép tôi chào đón họ nhân danh ngài nên tôi không thể giúp họ được gì. Tuy nhiên, tôi nói:

- Pharaon không thể làm tất cả mọi việc thay các ông, mà lỗi cũng ở từng người các ông một khi Aton không ban phước cho các ông và đồng ruộng của các ông. Tôi cũng biết các ông là những người đàn ông tham lam, không muốn cho con cái mình đi học vì các ông cần chúng làm công việc đồng áng, và các ông bắt con trai của mình đào kênh tưới tiêu trong khi bản thân nằm dài lười biếng. Tôi cũng không thể giữ sự trong trắng của vợ các ông, vì họ tự quyết định muốn ăn nằm với ai. Tôi xấu hổ thay Pharaon khi nhìn các ông vì ngài đã giao cho các ông nhiệm vụ lớn lao và các ông tự quyết làm sao để hoàn thành nó, để có thể tạo ra một thay đổi lớn trên thế giới. Nhưng thay vào đó, các ông đã tàn phá những cánh đồng màu mỡ nhất của Ai Cập, giết mổ và bán đàn gia súc đã được các giáo sĩ mất công thuần hóa.

Nhưng họ hét to:

- Thật tình chúng tôi không muốn thay đổi gì trong cuộc sống của mình, vì ở thành phố dù nghèo nhưng chúng tôi vẫn thấy hạnh phúc và mỗi ngày đều được thấy điều gì đó mới mẻ, còn ở đây chúng tôi không thấy gì ngoài những cái rãnh đất sét và những con bò cái luôn kêu ò ọ. Những người từng cảnh báo chúng tôi đã

đúng khi họ nói: "Hãy coi chừng từng sự đổi thay, vì đối với người nghèo mọi thay đổi đều theo hướng tồi tệ hơn và dù có bất cứ thay đổi nào trên thế giới, anh có thể chắc chắn rằng đồng thời, lương thực của người nghèo cũng giảm dần và dầu vơi đi trong các hũ của họ".

Trái tim tôi mách bảo rằng về điều này họ đã đúng nên tôi không muốn đôi co thêm với họ nữa mà tiếp tục hành trình của mình. Nhưng tim tôi trĩu nặng và tôi tự hỏi vì sao tất cả những gì Pharaon Ekhnaton động đến đều đem lại tai họa, khiến những người siêng năng trở nên lười biếng và chỉ những người khốn khổ nhất quây quần bên Aton như ruồi bu quanh xác chết. Nhưng tôi cũng nhớ lại mình đã nghĩ gì khi xuôi dòng sông trước khi xây dựng Akhetaton, rằng tôi không còn gì để mất, vậy tại sao không theo Aton chứ. Vậy tôi có quyền gì trách cứ những kẻ lười biếng, tham lam và đáng thương, những kẻ không có gì để mất nếu đi theo Aton, mang theo sự lười biếng, khốn khổ và tham lam của họ. Vì điều tôi đã làm trong những năm qua là sống như một con mồi ký sinh trong hoàng cung của Pharaon và chỉ trong một tháng duy nhất, với tư cách là thầy thuốc của người nghèo ở Thebes, tôi đã làm được nhiều việc cho mọi người hơn tất cả những năm vàng son và no đủ ở thành phố Akhetaton.

Một ý nghĩ đáng sợ cũng xâm chiếm trái tim tôi: Pharaon muốn đến một lúc nào đó sẽ không còn kẻ nghèo hay người giàu, mà tất cả sẽ như nhau. Nhưng nếu đúng như vậy và điều này là mục đích duy nhất thì lúc đó dân chúng, những người làm công việc tay chân, sẽ là chính, còn những người khác chỉ là lớp vỏ vàng trên bề mặt. Và có lẽ chính Pharaon và cận thần trong cung điện vàng của ngài cùng với những người giàu sang và quyền quý cũng như những người rỗi rãi, nhàn hạ, và cả bản thân tôi trong những năm tháng cuối này, chỉ là những kẻ ăn bám, ký sinh trên đôi vai người dân như bọ chét sống trong lông chó. Có lẽ bọ chét trong lông chó nghĩ rằng nó mới là chính, còn con chó sống chỉ để nuôi nó béo mầm. Có lẽ cả Pharaon và Aton của ngài cũng chỉ là con bọ trong lông chó, chỉ gây ra phiền hà cho chó chứ không đem lại điều gì tốt đẹp, vì chó có thể sống khỏe hơn nếu không có bọ chét.

Thế là trái tim tôi lại bừng tỉnh sau một giấc ngủ dài, chối bỏ thành phố Akhetaton. Tôi nhìn xung quanh với cặp mắt mới và không thấy điều gì tốt đẹp quanh mình. Nhưng có lẽ tất cả là vì ma thuật của Amon vẫn bí mật cai trị toàn bộ Ai Cập, lời nguyền của thần này đã khiến mắt tôi nhìn thấy ngược và Thành phố Thiên Đường là nơi duy nhất ở Ai Cập mà quyền lực của thần này không với tới được. Cái gì là sự thật trong tất cả những điều này,

tôi không thể nói, vì có những người luôn nghĩ theo một cách và rụt đầu vào mai như những con rùa khi thấy điều gì đó mới mẻ, còn suy nghĩ của tôi luôn thay đổi theo những gì tôi đã thấy, đã nghe và đã hiểu, và nhiều điều tôi đã thấy hoặc nghe cũng đã ảnh hưởng đến suy nghĩ của tôi, mặc dù tôi chưa hiểu nó.

Vậy là tôi lại nhìn thấy ba ngọn núi ở đường chân trời, ba vệ sĩ vĩnh cửu của Thebes; mái và những bức tường thành của ngôi đền cũng hiện lên trước mắt tôi, song đỉnh của các tháp hình kim không còn lấp lánh như lửa trong ánh sáng ban ngày vì không ai mạ vàng chúng lại. Nhưng cảnh quan này thật thân thương với trái tim tôi và tôi đã đổ rượu từ cốc của mình xuống dòng nước sông Nile, giống như các thủy thủ khi trở về nhà sau một chuyến đi dài, mặc dù họ đổ bia vào nước sông chứ không phải rượu, vì đồng của họ ít nên nếu có được và đủ mua rượu trên đường trở về nhà, họ thà uống nó còn hơn. Tôi lại nhìn thấy những cầu thuyền bằng đá lớn của Thebes và ngửi thấy mùi của bến cảng Thebes, mùi hạt mốc thối và nước nhiễm bẩn, mùi các gia vị và nhựa cây, những mùi rất đỗi thân thương với trái tim tôi.

Nhưng khi tôi về lại ngôi nhà của người thợ đúc đồng ngày trước tại khu phố nghèo gần bến cảng, nó quá nhỏ bé trong mắt tôi; con hẻm phía trước bẩn thỉu, hôi hám và đầy ruồi. Cây sung trong sân không làm tôi mừng rỡ, mặc dù chính tay tôi trồng nó và nó đã mọc cao khi tôi đi vắng. Như thế, sự giàu có và xa hoa của Akhetaton đã làm tôi hư hỏng, khiến tôi xấu hổ về mình và lòng tôi trở nên buồn bã khi không còn thấy vui với nếp nhà cũ của mình.

Kaptah cũng không ở nhà mà chỉ có đầu bếp Muti ra đón tôi và khi nhìn thấy tôi, bà ta hờn giận nói:

- Đội ơn ngày tốt lành đã đưa ông chủ tôi về nhà, nhưng phòng chưa được dọn dẹp, chăn gối đã đưa đi giặt giũ và ông trở về mang lại cho tôi nhiều phiền muộn, lo âu mặc dù tôi thường không đợi chờ niềm vui từ cuộc đời. Nhưng tôi không ngạc nhiên chút nào trước sự trở về bất ngờ của ông vì đây là thói quen của đàn ông và đàn ông chưa bao giờ mang lại điều tốt lành.

Tôi trấn an bà ta rằng tối nay tôi sẽ ngủ trên thuyền và hỏi về Kaptah, nhưng bà ta đạp cầu thang, đá bụi cây trong sân, giậm chân thình thịch trong bếp và tỏ ra rất buồn bực với sự trở về của tôi, vì tôi về chỉ làm phiền bà ta và bà đã già. Vì vậy tôi kệ bà ta ở đó và đi đến quán Đuôi Cá Sấu. Merit ra đón tôi ở cửa và chắc chắn không nhận ra tôi vì trang phục và chiếc kiệu quyền quý của tôi,

nàng hỏi:

- Ông đã đặt chỗ cho buổi tối chưa vì nếu chưa, tôi không thể cho ông vào được.

Nàng hơi mập ra, gò má không còn nhô cao trên khuôn mặt như trước, nhưng đôi mắt nàng vẫn như khi tôi nhìn vào trước đây, chỉ có điều xung quanh có nhiều nếp nhăn li ti hơn. Vì vậy, lòng tôi ấm lại, tôi đặt tay lên eo nàng và nói:

- Tôi hiểu rằng em không còn nhớ tôi nữa sau khi ôm ấp nhiều người đàn ông cô đơn và buồn rầu khác trên thảm của em, nhưng tôi tin mình sẽ tìm thấy một chỗ trong nhà em và một cốc rượu lạnh, dù tôi không dám nghĩ đến thảm của em.

Nàng kinh ngạc reo lên:

- Sinuhe, là anh thật ư? - Và nói thêm - Cảm ơn ngày đã đưa ông chủ tôi về nhà.

Rồi nàng đặt đôi bàn tay xinh đẹp, rắn chắc lên vai tôi và nhìn tôi, nói đầy trách móc:

- Sinuhe, Sinuhe, anh đã làm gì với chính mình thế, vì trước đây sự cô đơn của anh là của một con sư tử thì bây giờ là sự cô đơn của một con chó được o bế, béo mẫm và anh còn có dây xích quàng quanh cổ thế này.

Nàng nhấc bộ tóc giả trên đầu tôi rồi nhẹ nhàng vuốt ve cái đầu trọc lốc của tôi và nói:

- Ngồi xuống đi, Sinuhe, em sẽ mang rượu ướp lạnh cho anh vì anh đầy mồ hôi thế này và còn thở dốc nữa sau chuyến hành trình vất vả.

Nhưng tôi vội vã nhắc nàng:

- Đừng mang đuôi cá sấu cho tôi nhé vì bụng tôi chắc không thể chịu được nó nữa và đầu tôi có thể bị đau.

Nàng đưa tay chạm vào má tôi và nói:

- Em già, béo và xấu đến nỗi điều đầu tiên anh nghĩ đến là bụng của mình khi gặp lại em sau nhiều năm phải không? Trước kia anh không hề sợ đau đầu khi có em bên cạnh, trái lại còn tham lam uống hết bao nhiêu đuôi cá sấu khiến em phải ngăn anh.

Tôi thấy buồn vì những lời nói thật lòng của nàng và sự thật thường khiến người ta buồn chán. Vì vậy tôi nói với nàng:

- Ôi, Merit, bạn của anh, anh cũng già đi và chẳng còn làm được gì nữa.

Nhưng nàng nói:

- Anh chỉ tưởng tượng mình đã già đi nhưng mắt anh không hề già đi tí nào khi nhìn em và điều đó khiến em vui thích.

Lúc đó tôi nói với nàng:

- Merit, vì tình bạn của chúng ta, hãy mau mang ra cho anh một đuôi cá sấu, nếu không anh sợ mình sẽ cư xử thô bạo với em và danh tiếng danh y khoan sọ hoàng gia không thích hợp để gây ồn ào, nhất là ở Thebes và trong quán rượu bến cảng.

Merit mang đồ uống ra và đặt vào lòng bàn tay tôi cốc vỏ sò. Tôi nâng cốc lên uống và đuôi cá sấu thiêu đốt cổ họng vốn quen với các loại rượu nhẹ của tôi, nhưng sự bỏng rẫy này thật dễ chịu vì tay kia của tôi vẫn đặt trên eo nàng. Tôi nói với nàng:

- Merit, có lần em bảo với anh lời nói dối có thể ngọt ngào hơn sự thật nếu người ta cô đơn và mùa xuân đầu tiên của người ấy đã tàn lụi. Vì thế anh nói với em rằng trái tim anh vẫn còn trẻ và sục sôi khi anh nhìn thấy em; trong những năm tháng dài đằng đẵng chúng ta xa cách, không ngày nào anh không thì thầm vào gió tên em, mỗi cánh én bay qua lên phía nguồn sông, anh đều gửi lời chào đến em và mỗi sáng mai thức dậy, môi anh thầm thì tên em.

Nàng nhìn tôi, trong mắt tôi nàng vẫn mảnh mai, xinh đẹp, thân thương và trong đáy mắt nàng vẫn ẩn chứa nụ cười và nỗi buồn, như khi ta nhìn vào đáy giếng sâu. Nàng áp tay vào má tôi và nói:

- Anh nói rất hay, Sinuhe, bạn của em. Vậy sao em lại không thừa nhận với anh trái tim em rất mong nhớ anh, và bàn tay em ao ước đôi tay anh khi em nằm cô đơn trong đêm trên thảm của mình. Mỗi lần đuôi cá sấu ngấm, khi đám đàn ông bắt đầu nói những điều ngu ngốc với em thì em lại nhớ đến anh và thấy buồn vô hạn. Nhưng trong cung điện vàng của Pharaon chắc chắn có rất nhiều phụ nữ xinh đẹp và là danh y hoàng gia, chắc anh đã tận dụng hết thời gian rảnh rỗi của mình để chữa trị cho họ.

Quả là tôi đã từng ăn nằm với một vài cung nữ, những người trong cơn buồn chán đã đến xin tôi lời khuyên với tư cách thầy

thuốc, vì da của họ mịn như vỏ quả mọng, mềm như lông tơ và nhất là vào mùa đông, hai người nằm bên nhau sẽ ấm hơn đơn chiếc. Nhưng những điều này đều thật phù phiếm và vô nghĩa đến mức tôi thậm chí không buồn viết bất cứ điều gì về nó trong cuốn sách của mình, vì nó không hề để lại dấu ấn trong tôi. Vì thế tôi nói với nàng:

- Merit ạ, đúng là đôi lúc anh không ngủ một mình, nhưng em vẫn là người phụ nữ duy nhất là bạn của anh.

Đuôi cá sấu bắt đầu ngấm, cơ thể tôi trở nên trẻ trung như trái tim tôi, một ngọn lửa yêu đương chạy dọc theo huyết quản và tôi nói với nàng:

- Chắc chắn trong thời gian này có nhiều người đàn ông đã chung thảm với em, nhưng tốt nhất em nên cảnh báo họ về anh, chừng nào anh còn ở Thebes, bởi vì khi tức giận, anh là một người hung dữ. Trong trận chiến chống lại quân Khabiri, những người lính của Horemheb đã đặt cho anh biệt danh "Con Trai Lừa Hoang".

Nàng làm bộ hoảng sợ giơ tay lên và nói:

- Đây là điều em vô cùng lo sợ và Kaptah đã kể cho em nghe về nhiều cuộc cãi cọ và ẩu đả ác liệt anh đã dính vào ở nhiều miền đất chỉ vì tính nóng nảy của mình, mà chỉ có sự bình tĩnh và trung thành của ông ấy mới giúp anh giữ được cái đầu nguyên vẹn. Tuy nhiên, anh phải nhớ là cha em luôn có một cây gậy giấu dưới chỗ ngồi và sẽ không để cho bất kỳ cuộc ẩu đả nào xảy ra trong ngôi nhà này.

Nhưng khi nghe đến tên Kaptah và đoán ra tất cả những chuyện bịa đặt mà ông ấy đã kể cho Merit về tôi và cuộc sống của tôi nơi xứ lạ, tôi vô cùng cảm động, nước mắt giàn giụa và tôi kêu lên:

- Kaptah, nô lệ và đầy tớ ngày xưa của anh, giờ ở đâu, để anh có thể ôm ông ấy, vì anh rất nhớ ông ấy, mặc dù điều này không thích hợp với danh vị của anh vì ông ấy trước đây đã từng là nô lệ của anh.

Merit vừa ngăn tôi lại vừa nói:

- Em thấy anh không quen uống đuôi cá sấu, mà cha em đang giận dữ nhìn về phía này và tìm gì dưới ghế vì anh làm ầm lên. Nhưng anh không gặp được Kaptah trước tối nay, vì ông ấy phải dành thời gian cho việc làm ăn trong các thương vụ lớn ở chợ ngũ cốc và ở các quán rượu, nơi ký kết các vụ bán mua ngũ cốc, và em nghĩ

anh sẽ vô cùng ngạc nhiên khi thấy ông ấy, vì ông ấy hầu như không nhớ mình từng là nô lệ và xách dép của anh với cái gậy trên vai. Vì vậy tốt hơn là em nên đưa anh ra ngoài hít thở không khí trong lành để đuổi cá sấu bay hết khỏi đầu anh trước khi ông ấy về, vì chắc anh muốn thấy Thebes đã thay đổi thế nào trong thời gian anh đi vắng và như vậy chúng ta được chỉ mình với nhau.

Nàng đi thay đồ, xoa lên mặt dầu thơm đắt tiền và đeo thêm đồ trang sức bằng vàng, bạc khiến chỉ có thể phân biệt được nàng với phụ nữ quý phái qua tay chân nàng, mà thật ra ít phụ nữ quý phái nào có ánh mắt rạng rỡ, tự tin và cái miệng kiêu hãnh như nàng. Tôi bảo các nô lệ đưa chúng tôi đi dọc theo con hẻm Nhân Sư và thấy Thebes vẫn chưa được như trước, những vườn hoa bị giẫm nát, những cành cây bị chặt vẫn chọc lên lổn nhổn và dọc theo vài con phố, người ta xây những ngôi nhà mới thay cho những ngôi nhà bị cháy rụi. Chúng tôi ngồi sát bên nhau trong kiệu và tôi hít ngửi mùi dầu thơm của nàng, đó là mùi của Thebes, hăng hơn và nồng say hơn mùi của tất cả các loại dầu đắt tiền của Akhetaton. Tôi cầm tay nàng và trong lòng không còn một ý nghĩ xấu xa nào nữa, mà như thể tôi trở về nhà sau một chuyến đi dài.

Thế là chúng tôi đến ngôi đền và bầy quạ đen bay lượn, quang quác phía trên ngôi đền hoang vắng vì chúng chưa trở về núi mà ở lại Thebes, không ai quấy rầy chúng trong khu vực đền vì đây là vùng đất bị nguyền rủa và mọi người sợ hãi tránh xa nơi này. Chúng tôi xuống kiệu và dạo bộ qua những khoảng sân vắng vẻ. Không bắt gặp bóng người nào ngoại trừ ở sân trước Nhà Sống và Nhà Chết, vì việc dời hai nhà này đi nơi khác rất nhiêu khê và tốn kém. Nhưng Merit kể mọi người cũng tránh xa cả Nhà Sống, vì thế hầu hết các thầy thuốc đã chuyển vào thành phố để hành nghề và giành nhau bệnh nhân. Chúng tôi cũng đi bộ trong vườn của đền, nhưng cỏ mọc đầy trên các lối đi, cây cối bị đốn trộm, cá cụ kỵ ở hồ thánh bị đâm xuyên, bắt hết và nếu chúng tôi nhìn thấy ai trong khu vườn mà Pharaon đã dành làm nơi cho dân chúng tản bộ và sân chơi cho trẻ em, thì đó là một người rách rưới, bẩn thỉu, sợ sệt và lén lút nhìn theo chúng tôi.

Tâm hồn tôi trống vắng hơn khi đi qua khu đền thờ hoang vắng và bóng của thần giả nặng nề đè xuống người tôi, tất cả những điều này minh chứng rằng quyền lực của thần ấy không mất đi cho dù tượng bị phá bỏ, mà ngài vẫn còn lấy sự hoảng sợ thống trị trái tim con người. Chúng tôi cũng đến ngôi đền lớn, cỏ mọc um tùm giữa những phiến đá trên nền, không ai ngăn chúng tôi bước vào nơi linh thiêng nhất và những thánh thư trên tường thật xấu xí và bị báng bổ khi những người thợ đá bất cẩn đục bỏ tên và ảnh

của các thần giả trên bản khắc. Merit nói:

- Đây là nơi đầy tai họa và cái lạnh bóp nghẹt trái tim em khi anh đưa em đến đây, nhưng chắc rằng thánh giá của Aton sẽ bảo vệ anh, mặc dù em muốn anh tháo nó ra khỏi cổ, bởi vì ở nơi vắng vẻ, anh có thể bị ném đá hay xỉa dao vào bụng khi trên người có thánh giá Aton. Hận thù vẫn còn rất lớn ở Thebes.

Nàng nói đúng, vì khi chúng tôi đang tay trong tay trở lại sân trước đền, người ta nhổ nước bọt xuống đất khi nhìn thấy thánh giá của Aton trên cổ áo tôi. Tôi cũng vô cùng kinh ngạc khi thấy một giáo sĩ Amon mặc đồ trắng, công khai đi lại giữa đám đông, đầu cạo nhẵn bất chấp lệnh cấm của Pharaon. Khuôn mặt anh ta sáng nhờn mỡ, chiếc áo choàng là loại vải lanh tốt nhất và dường như không một tai ương hay thiếu thốn nào làm anh ta bận tâm, và mọi người vẫn kính trọng nhường lối cho anh ta. Cẩn tắc vô áy náy, tôi liền đưa tay lên ngực để che cây thánh giá Aton, vì tôi không muốn gây náo động vô ích. Tôi không muốn xúc phạm cảm xúc của mọi người một cách không cần thiết, bởi vì không như Pharaon, tôi muốn để mỗi người có đức tin của mình và có lẽ vì Merit, tôi cũng muốn tránh bị quấy rầy.

Thế là chúng tôi dừng lại chỗ tường thành để nghe một người kể chuyện đang ngồi trên nền đất theo cách của những người kể chuyện ngồi trên thảm với một cái hũ không trước mặt, người nghe đứng thành vòng tròn xung quanh ông ta và những người nghèo nhất ngồi bệt xuống đất vì họ không phải lo xống áo mình bị lấm. Nhưng câu chuyện ông ta kể tôi chưa bao giờ nghe trước đây, về một pharaon giả mà thần Seth đã thụ tinh vào dạ con của một phù thủy da đen sống cách đây đã rất lâu, vì phù thủy này đã chiếm trọn trái tim của pharaon tốt bụng bằng phép thuật của mình. Theo ý muốn của thần Seth, vị pharaon giả này muốn hủy diệt dân tộc Ai Cập, bắt người dân sống phận nô lệ cho dân da đen và lũ người man rợ. Để làm điều đó, ông ta đã giật đổ các bức tượng của Ra, khiến Ra nguyền rủa đất nước này nên đất đai không còn sinh hoa kết trái, lũ lụt giết chết người dân, châu chấu phá hoại mùa màng, ao hồ tanh tưởi mùi máu, ếch nhái nhảy lên thảm nằm vào những hũ bột của con người. Nhưng pharaon giả sắp đến ngày tận số, vì sức mạnh của Ra mạnh hơn sức mạnh của Seth, mặc dù đã cố gắng lấy những cái tên giả để gọi sức mạnh của Seth. Vì vậy, pharaon giả chết đau đớn, phù thủy đã đẻ ông ta ra cũng chết đau đớn và Ra đạp tất cả những ai đã từ bỏ mình xuống đất đen, chia nhà cửa, tài sản và đất đai của họ cho những người vẫn trung thành với Ra giữa muôn vàn thử thách và tin tưởng vào sự trở lại của ngài.

Câu chuyện rất dài và cuốn hút, khiến mọi người giậm chân xuống đất và giơ tay lên cao vì nóng lòng muốn nghe hết câu chuyện và tôi cũng há hốc mồm lắng nghe. Khi câu chuyện kết thúc, pharaon giả bị trừng phạt và bị đẩy xuống địa ngục, tên của ngài ta bị nguyền rủa và Ra chia cho các tín hữu nhà cửa và đất đai, gia súc và hàng hóa, người nghe vui mừng nhảy lên la hét, thả đồng vào hũ của người kể chuyện, có người còn thả cả bạc. Tôi hết sức ngạc nhiên và nói với Merit:

- Quả thật đây là một câu chuyện mới mà anh chưa bao giờ được nghe, mặc dù ngày còn nhỏ anh nghĩ mình đã nghe hết mọi chuyện trên đời vì mẹ Kipa của anh rất thích chuyện cổ tích và yêu quý những người kể chuyện, đến nỗi bố Senmut của anh đôi khi dọa bà và những người kể chuyện bằng gậy của mình khi bà cho họ ăn trong nhà bếp của nhà anh. Đây đúng là một câu chuyện mới và nguy hiểm, vì anh nghĩ nó ám chỉ Pharaon Ekhnaton và thần giả mà chúng ta không được phép nhắc đến tên. Vì vậy, cần cấm kể câu chuyện này.

Merit cười và nói:

- Ai có thể cấm kể chuyện cổ tích, chuyện này được kể ở cả hai vương quốc gần tất cả các cổng và tường thành, trên nền đất nện của những làng nhỏ nhất và ai cũng thích nó. Nếu lính canh lấy gậy đe dọa những người kể chuyện, họ nói đây là một câu chuyện có từ xưa và họ có thể chứng minh điều đó, vì các giáo sĩ đã tìm thấy câu chuyện này trong các bia ký có tuổi đời hàng trăm năm. Vậy nên lính canh không thể làm gì với những người kể chuyện, mặc dù em nghe nói Horemheb, một người tàn bạo, không quan tâm tới bằng chứng và văn bản, đã treo một vài người kể chuyện lên tường thành ở Memphis và cho cá sấu ăn xác họ, kết tội họ không phải vì kể chuyện mà vì những tội khác.

Merit nắm chặt tay tôi, cười và còn kể thêm:

- Ở Thebes cũng có nhiều lời tiên đoán và bây giờ bất cứ khi nào hai người nào đó gặp nhau, họ đều kể cho nhau nghe những lời cảnh báo và điềm xấu mà họ nghe được, bởi vì như anh hẳn biết, đại mạch ngày một đắt đỏ, dân nghèo đói khát và thuế má đè nặng lên cả người nghèo lẫn người giàu. Nhưng những lời tiên đoán nói rằng điều tồi tệ hơn vẫn còn ở phía trước và em hoảng sợ khi nghĩ đến tất cả những điều tồi tệ mà những lời tiên đoán luôn cảnh báo một cách trùng khớp thế nào cho Ai Cập. Vì vậy em sẽ kể cho anh nghe một lời tiên đoán mà em nghe được từ người rửa tường Đuôi Cá Sấu, người này đã nghe nó từ người bán khoai sắn ở

chợ và người kia đã nghe nó từ một người bạn của ông ta. Người bạn này là một người đàn ông rất đáng tin và chính ông ta đã gặp góa phụ của một người thợ dán giấy giàu có, người đã trải qua chuyện này và kể lại cho ông ta. Chuyện thế này: Vào một ngày lễ thánh trước khi nước lên, góa phụ của người thợ dán giấy đã lên một con thuyền nơi tường thành để đến gặp chồng mình ở thành phố của người chết và dâng đồ cúng tế nơi mộ ông ta. Ngồi đối diện với bà trên thuyền là một bà tiên, mặc dù thoạt đầu không ai biết đó là tiên, vì quần áo của bà ta bẩn thỉu, rách rưới và tóc bà ta không xức dầu. Nhưng bà tiên này nói với bà góa rằng: "Người quá cố của bà chắc thích bánh hạnh nhân lắm, vì bà mang bánh hạnh nhân đến". Bà góa lấy làm ngạc nhiên, vì những chiếc bánh hạnh nhân được đựng trong cái giỏ đậy kín đặt bên chân bà và bà kia không thể nhìn thấy chúng. Nhưng bà ta nói: "Ta lấy làm lạ, vì ta chưa hề thấy ai mang bánh hạnh nhân cho người đã khuất, còn trong hũ kia là cháo nấu với sữa, trong giỏ đó là vịt quay, còn hũ kia đựng thứ bia sền sệt theo cách của người Syria". Cứ thế, bà ta kể ra tất cả những gì mỗi người trên thuyền có trong các giỏ và hũ đậy kín, bà còn kể ra tên những người quá cố của họ, khiến mọi người hết sức kinh ngạc và tin rằng bà là một bà tiên. Cuối cùng, bà ta nói: "Người Ai Cập hiện đang sống giữa những thử thách lớn vì một lời nguyền mà các ngươi ai cũng biết và vì lời nguyền này, sẽ có ngày vàng không đổi lấy bánh được nữa, nhưng những người can đảm hãy giữ vững đức tin, vì các vị thần Ai Cập không bỏ rơi ai, trừ những kẻ từ bỏ thần linh và quay sang thần phục một thần giả, và đó là dấu hiệu cho thấy mụ phù thủy mà các ngươi đều biết sẽ phải chết thật đau đớn trước khi ngũ cốc chín trên đồng". Nghe bà tiên nói tất cả những điều này, mọi người ai cũng run và sợ những người lính canh, nhưng khi thuyền cập bến nơi thành phố người chết, bà tiên này đã biến mất, sau đó không ai nhìn thấy bà ấy nữa.

Tôi hết sức tức giận và hỏi Merit:

- Em tin câu chuyện vớ vẩn này ư, những người thợ rửa tường, người buôn khoai sắn và những mụ góa ngồi lê đôi mách, khi em biết lời tiên đoán này vừa nghe đã sặc mùi giáo sĩ? Anh hiểu rồi, họ muốn dân nổi loạn bằng các câu chuyện của họ.

Merit nói:

- Em không biết phải tin điều gì nữa, nhưng nếu sống ở Thebes một tháng hoặc một năm, có lẽ anh sẽ tin, vì ở đây xảy ra nhiều điều lạ lùng nhờ thần mà chúng ta không được nhắc đến tên. Nhưng em biết nếu mụ phù thủy ấy chết trước khi đại mạch chín

thì em cũng sẽ bắt đầu tin. Bởi vì em thậm chí còn chưa nghe nói người đó bị ốm.

- Em muốn nói ai là phù thủy? - Tôi gắt gỏng hỏi nàng.

Nàng nhìn thẳng vào mắt tôi như thách thức, cặp mắt buồn buồn và nói:

- Anh biết rõ đó là ai và anh đã nghe câu chuyện vừa rồi, người da đen chỉ luôn làm Ai Cập khốn khổ mà thôi.

Khi ấy tôi buông tay nàng và trái tim tôi thấy nàng xa lạ, đuôi cá sấu đã bốc hơi khỏi đầu tôi từ lâu khiến đầu tôi đau nhức, tôi thấy mình mệt rã rời và sự ngu ngốc, bướng bỉnh của nàng không làm tôi đỡ hơn. Thế là chúng tôi bực bội đi bên nhau trên đường trở lại Đuôi Cá Sấu và tôi nhận ra điều mà Pharaon Ekhnaton từng nói là đúng: "Aton sẽ tách đứa trẻ khỏi người mẹ và trái tim người đàn ông khỏi người tình của mình cho đến khi vương quốc của ngài được hoàn toàn thiết lập trên trái đất". Nhưng tôi không bao giờ muốn rời xa Merit vì Aton, vì thế tôi thật sự rất buồn cho đến khi gặp Kaptah vào buổi tối.

3

Không ai còn có thể có tâm trạng buồn chán khi nhìn thấy Kaptah, phì nộn và đồ sộ như một con lợn sề, và béo đến nỗi phải lách nghiêng mới lọt qua cửa quán rượu, lăn ào vào trong. Mặt ông ấy tròn như mặt trăng và lấp lóa dầu xức đắt tiền, đầu đội mái tóc giả đẹp màu xanh lam và con mắt mù được che bằng một lá vàng. Ông ấy không còn mặc theo kiểu người Syria nữa mà theo kiểu của người Ai Cập và mặc thứ tốt nhất mà thợ dệt Thebes có thể dệt, vòng vàng to bự trên cổ, cổ tay và cổ chân ông ấy kêu leng keng vì sức nặng của chúng.

Vừa thấy tôi ông ấy gào to, hai tay giơ lên tỏ vẻ kinh ngạc và vui mừng rồi cúi xuống thật thấp trước mặt tôi, hai tay để thẳng ngang đầu gối, mặc dù ông ấy làm điều đó rất khó khăn vì cái bụng của mình, và nói:

- Đội ơn ngày đã đưa ông chủ của tôi trở về.

Thế rồi nỗi xúc động chiếm ngự tâm trí và ông ấy vừa bắt đầu

khóc vừa quỳ gối xuống sàn, ôm chân tôi và gào khóc to hơn khiến tôi nhận ra một Kaptah ngày trước trong lớp vải lanh hoàng gia với nhẫn vàng, dầu thơm đắt tiền và bộ tóc giả màu xanh. Tôi đưa tay đỡ ông ấy dậy rồi ôm lấy ông ấy, ngửi hai vai, hai má ông và tôi thấy như thể mình đang ôm một con bò đực béo tốt và ngửi thấy mùi bánh mì nóng ấm, vì mùi của chợ ngũ cốc đã thấm quyện vào người ông. Ông ấy cũng cung kính dí mũi ngửi vai tôi, rồi lau nước mắt, bật cười và hét toáng lên:

- Đây là một ngày hạnh phúc với tôi, vì thế tôi cho tất cả những ai đang ngồi trong nhà tôi một đuôi cá sấu miễn phí. Còn nếu ai muốn đuôi thứ hai, phải tự trả tiền.

Nói rồi ông ấy dẫn tôi sang phòng sau, bắt tôi ngồi xuống tấm thảm mềm, cho phép Merit ngồi cạnh tôi rồi sai nô lệ và người hầu bê ra cho tôi những thứ ngon nhất có trong quán, rượu của ông ấy có thể sánh với rượu của pharaon, món ngỗng quay Thebes của ông ấy không nơi nào ở Ai Cập sánh nổi, vì ngỗng này được nuôi bằng cá ươn tanh tưởi nên thịt của nó có vị ngon đến khó tin. Sau khi chúng tôi ăn uống xong, ông ấy nói:

- Ông chủ Sinuhe của tôi ạ, tôi hy vọng ông đã đọc kỹ tất cả các giấy tờ, sổ sách mà tôi sai các thư lại ghi chép và gửi đến cho ông trong thời gian ông ở thành phố Akhetaton. Chắc ông cũng cho phép tôi tính bữa ăn này với rượu và ngỗng vào chi phí tiếp khách và có lẽ tôi cũng tính gộp cả những đuôi cá sấu mà tôi đã lỡ đem đãi cho tất cả khách khứa trong quán của tôi. Điều này không làm ông thiệt hại, trái lại chỉ có lợi, vì tôi sẽ vất vả để thay ông đánh lừa thuế vụ của Pharaon và như vậy tôi sẽ lấy cắp được từ họ một chút gì đó cho mình.

Tôi nói với ông ấy:

- Lời nói của ngươi như tiếng lắp bắp của người da đen và ta không hiểu từ nào cả, nhưng hãy làm điều đó nếu thấy thích hợp vì ngươi biết là ta hoàn toàn tin tưởng vào ngươi. Ta đã xem các sổ sách và chứng từ của ngươi nhưng nói thật ta không hiểu nhiều về chúng, bởi vì có quá nhiều con số, giống như những tờ giấy đầy con số mà viên ký lục của Horemheb tính để xem sẽ mất bao lâu nếu tất cả dân trên thế giới đến diện kiến trước Pharaon Ekhnaton và ngài sẽ tiếp từng người một. Nhưng ông ta tính toán không xong, vì ông ta tính cả số trẻ em liên tục được sinh ra trên khắp các miền và chúng sẽ già trước khi kịp đến diện kiến Pharaon, rồi những đứa trẻ mới vẫn tiếp tục được sinh ra, do vậy Pharaon sẽ không bao giờ kịp nói với tất cả người trên khắp thế giới, cho dù

thời gian ngài dùng để nói với từng người chỉ là một nhịp tim đập và ngài tiếp họ từ sáng đến tối, từ tối đến sáng. Tương tự như vậy, Kaptah, ta sẽ không thể đến gặp ngươi nếu phải kiểm tra hết các giấy tờ và sổ sách mà ngươi gửi đến, vì đầu ta đã đau nhức trước khi kịp đọc hết các chứng từ.

Kaptah cười rất vui và tiếng cười ùng ục trong bụng ông ấy như đang rung lên từ chiếc đệm mềm, cả Merit cũng cười vì nàng đã uống rượu cùng tôi và ngả người ra sau, tay đặt sau gáy để tôi có thể thấy đôi gò bồng đào nhô lên dưới lớp áo của nàng vẫn còn đẹp như thế nào. Kaptah vừa cười vừa nói:

- Ôi, Sinuhe, ông chủ của tôi, tôi rất vui khi thấy ông vẫn giữ được những suy nghĩ ngây thơ của mình và vẫn không hiểu những điều hợp lẽ của cuộc sống thường ngày như lợn không hiểu gì về ngọc trai, mặc dù tôi không có ý ví ông với lợn, mà chỉ thay ông ca ngợi và cảm tạ tất cả thần linh Ai Cập đã trao tôi cho ông, vì thực ra họ có thể cho ông một tên ăn trộm hay gã vô lại làm đầy tớ làm ông khánh kiệt, còn tôi đã giúp ông trở nên giàu có.

Tôi nhắc để ông ấy nhớ là không cần cảm ơn thần linh về việc đó mà chỉ phải cảm ơn sự sáng suốt của tôi vì tôi đã mua ông ấy ở chợ nô lệ với một đồng bạc, giá rẻ bởi một mắt của ông đã bị chọc mù trong quán bia. Nhớ lại những điều này, tôi xúc động nói:

- Đúng là ta không bao giờ quên được cái ngày mà lần đầu tiên ta nhìn thấy ngươi đứng trong chợ nô lệ, chân bị trói chặt vào cột dành cho nô lệ, hét lên những lời tục tĩu với đàn bà đi ngang qua và xin đám đàn ông cho bia uống. Nhưng không nghi ngờ gì nữa, ta đã khôn ngoan khi mua ngươi, mặc dù lúc đầu ta rất nghi ngờ điều đó. Dĩ nhiên, hồi đó ta không có nhiều bạc hơn vì ta chỉ là một thầy thuốc trẻ và một mắt của ngươi bị chọc thủng thích hợp với mục đích của ta, như ngươi nhớ rất rõ.

Mặt Kaptah tối sầm lại, đầy nếp nhăn và ông ấy nói:

- Tôi không muốn ông nhớ lại những việc xưa cũ và buồn đau ấy nữa vì chúng không xứng với địa vị của tôi.

Rồi ông ấy hết lời ca tụng bọ hung của chúng tôi:

- Ông đã rất sáng suốt khi giao bọ hung cho tôi để tôi lo công việc cho ông, vì bọ hung đã làm cho ông giàu có và chắc chắn giàu có hơn ông có thể mơ tưởng, mặc dù lại viên thu thuế của Pharaon như bầy ruồi bu trên cổ tôi và tôi đã phải thuê hai thư lại Syria lo làm các sổ sách, chứng từ khác nhau để khai thuế, vì không ai - kể

cả thần Seth với tất cả các ma quỷ của thần - có thể hiểu hết cách tính toán của người Syria. Nói đến Seth, tôi lại nhớ đến ông bạn cũ Horemheb của chúng ta, người mà tôi đã lấy vàng của ông cho vay như ông hẳn biết. Nhưng tôi đâu cần nói về anh ta lúc này, khi mọi suy nghĩ của tôi tự do bay vút lên như đàn chim trong không trung vì quá vui sướng khi lại được nhìn bộ mặt ngây thơ của ông chủ mình và có lẽ vì vậy mà tôi sẽ cho ghi vào chi phí tiếp khách của chúng ta, vì vậy hãy uống đi, ông chủ của tôi, hãy uống những gì bụng ông chứa được, vì rượu như thế này có lẽ hầm rượu của Pharaon cũng không có, và tôi cũng không lấy trộm của ông nhiều hơn giá của chai rượu. Đúng thế, tôi cần nói chuyện với ông chủ về sự giàu có của ông, mặc dù ông hầu như không hiểu nhiều về việc ấy, nhưng tôi chỉ nói rằng nhờ có tôi mà ông giàu có hơn nhiều người giàu Ai Cập và ngang với những người quyền cao chức trọng nhất, vì người thực sự giàu có không phải là người có vàng mà là người sở hữu nhà cửa và kho tàng, ghe thuyền và bến cảng, cầu thuyền và gia súc, đất đai và cây ăn quả, bò cừu và nô lệ. Ông sở hữu tất cả những thứ này, mặc dù có thể ông không biết, vì tôi buộc phải cho những người hầu, thư lại và cả nô lệ của chúng ta đứng tên rất nhiều thứ để che giấu tài sản của ông trước thuế vụ. Những người giàu bị Pharaon đánh thuế rất nặng và người giàu phải nộp thuế nhiều hơn người nghèo, giả dụ nếu người nghèo nộp một phần năm số thóc mình có cho Pharaon thì người giàu phải nộp một phần ba, thậm chí một nửa số thóc cho những kẻ thu thuế đáng nguyền rủa, vậy mà những kẻ này vẫn như bầy kền kền luôn bu quanh cổ họ. Việc này thật sai trái và vô đạo nhất mà Pharaon giả đã làm, một việc chưa từng xảy ra từ trước đến nay; mức sưu thuế và việc để mất Syria của ông ấy đã làm đất nước khánh kiệt. Tuy nhiên, ngạc nhiên nhất là điều chỉ xảy ra nhờ thần linh này: khi đất nước nghèo đi thì người nghèo nghèo hơn trước, còn những người thực sự giàu sẽ trở nên giàu có hơn, mà chính Pharaon cũng không thể làm gì được. Sinuhe, hãy vui mừng đi vì ông thực sự giàu có và tôi nói cho ông biết điều bí mật, vì cuối cùng đó là bí mật của riêng ông, sự giàu có của ông đến từ đại mạch.

Vừa dứt lời Kaptah lại uống rượu, nhiều đến mức rượu trào ra từ bên mép và nhỏ giọt xuống làm bẩn cả quần áo, nhưng ông ấy không thấy phiền lòng mà nói rằng sẽ tính quần áo vào sổ thu chi, xem như phí tiếp khách hay quà tặng cho những người môi giới ngũ cốc và do đó sẽ kiếm được nhiều hơn tiền mua quần áo. Ông ấy bắt đầu khoác lác về các thương vụ lúa mạch của mình:

- Ông chủ ạ, bọ hung của chúng ta thật thần kỳ vì ngay vào ngày đầu tiên chúng ta trở về đây sau những chuyến đi dài, nó đã dẫn

tôi đến quán rượu của những người buôn lúa mạch, nơi họ uống say xỉn sau khi thắng đậm những phi vụ lớn. Vậy nên tôi cũng bắt đầu lấy tiền của ông mua lúa mạch và ngay trong năm đầu tiên tôi đã lời rất nhiều, khi một số cánh đồng rộng lớn bị bỏ hoang, như ông thấy. Và lúa mạch kỳ diệu ở chỗ có thể mua và bán nó ngay cả khi nước chưa lên và trước cả khi hạt được gieo xuống đất và kỳ diệu hơn nữa là giá của nó tăng lên năm tiếp năm giống như có bàn tay phù thủy, vì vậy những ai mua lúa sẽ không bao giờ lỗ mà luôn luôn có lời. Vì vậy, từ nay trở đi tôi định không bán lúa mạch nữa, mà sẽ mua tất cả các loại mạch và cất giữ trong kho cho đến khi đổi được chúng thành vàng và điều này chắc chắn sẽ xảy ra nếu mọi việc cứ tiếp tục như thế này, và những người buôn bán lúa mạch già cả sẽ không còn tin vào mắt mình mà sẽ xé áo quần và buồn rầu khóc lóc nghĩ về tất cả số lúa mạch mà họ đã bán vì sự ngu ngốc của mình.

Kaptah nhìn tôi thăm dò và uống thêm rượu rồi rót thêm cho cả tôi và Merit, sau đó nghiêm túc nói:

- Dĩ nhiên, không ai bỏ tất cả vàng của mình vào một lần tung xúc xắc, vì thế ông chủ ạ, tôi đã chia đều lợi nhuận của ông và chơi bằng nhiều con xúc xắc, thưa ông chủ quý mến. Đây là thời gian thích hợp nhất cho việc này, nhờ Pharaon, bởi vậy có lẽ tôi nên cầu nguyện cho ngài ta, vì các chiếu chỉ và sắc lệnh, ít nhất là vì chính sách thuế đáng nguyền rủa của ngài, mà tất cả những ai không đủ giàu đều bị phá sản, mất hết cơ nghiệp, buộc phải bán nhà cửa và đồ đạc của họ với giá rẻ mạt. Thế nên những người từng buôn bán ở Syria, trước đây vàng nhiều vô kể, hợm hĩnh với quần áo và đồ trang sức, nay đã buộc phải bán bớt ghe thuyền và cầm cố đồ đạc, thế là ông sở hữu nhà ở Thebes nhiều hơn mức ông đủ sức đếm, mặc dù trước thuế vụ, ông sở hữu chúng dưới những tên khác nhau, như tôi đã nói với ông. Vậy nên bây giờ ông rất giàu có, thưa ông chủ của tôi, tôi không lấy trộm của ông nhiều hơn trước đây tôi từng lấy và tôi trộm của ông không đến một nửa, có lẽ chưa chắc đến một phần ba những gì tôi kiếm được cho ông nhờ sự khôn ngoan của tôi, vì vậy đôi khi tôi tự trách mình quá tốt bụng và cảm ơn thần linh vì tôi không có vợ hay con cái, những kẻ luôn cằn nhằn và trách cứ khi tôi không lấy trộm của ông nhiều hơn, mặc dù tôi không biết người nào đáng bị lấy trộm hơn ông, Sinuhe, ông chủ yêu quý và cao cả của tôi ạ.

Merit ngả lưng trên thảm của nàng, nhìn tôi tủm tỉm cười rồi cười phá lên trước vẻ mặt nghệch ra của tôi vì không hiểu được tất cả những điều Kaptah vừa nói. Kaptah giải thích thêm:

- Thưa ông chủ, ông phải hiểu rằng khi tôi nói về lời lãi và sự giàu có của ông thì đó là lãi ròng và của cải ông có sau khi trừ thuế. Ngoài ra, tôi đã trừ đi từ lợi nhuận đó tất cả quà cáp mà tôi buộc phải biếu xén cho đám thuế vụ vì cách tính thu chi theo kiểu Syria của tôi và số rượu mà tôi buộc phải cho họ uống để mắt họ nhảy múa khi nhìn những con số của tôi. Số rượu đó không phải là ít vì họ là những bợm rượu, tinh ranh và giàu kinh nghiệm nghề nghiệp. Đây là thời kỳ béo bở nhất cho đám thuế vụ, trước đây họ chưa bao giờ có, nên tôi rất muốn làm một lại viên thu thuế nếu tôi không phải là Kaptah, cha của lúa mạch và bạn của người nghèo. Thỉnh thoảng tôi phát chẩn lúa mạch cho người nghèo để họ cầu nguyện cho tôi, vì cẩn tắc vô áy náy và nên sống hòa thuận với người nghèo trong thời buổi nhiễu nhương này. Nhưng khoản này, tôi cũng đã trừ từ lợi nhuận của ông và đó là một loại bảo hiểm cho các ngôi nhà của ông trong tương lai, bởi lẽ kinh nghiệm cho thấy những vụ hỏa hoạn dễ dàng bùng phát trong nhà ở và kho chứa ngũ cốc của giới quyền quý và giàu sang trong thời kỳ loạn lạc. Thực lòng mà nói, việc phân phát lúa mạch cho người nghèo là một khoản thu tốt nhất, vì với sự điên rồ của mình, Pharaon đã cho phép được khấu trừ thuế vào lợi nhuận từ số lúa mạch phân phát cho người nghèo và khi phát cho người nghèo một đấu lúa mạch, tôi buộc họ dùng ngón tay điểm chỉ đã nhận được năm đấu, vì người nghèo không biết đọc mà nếu biết, họ vẫn biết ơn khi nhận được dù một ít đại mạch, cầu nguyện cho tôi và điểm chỉ vào mọi bảng đất sét tôi đưa cho họ.

Kể hết từng này việc, Kaptah bắt chéo hai cánh tay trước ngực vẻ mãn nguyện và vươn thẳng cổ chờ đợi lời khen của tôi. Nhưng những lời của ông ấy đã khiến tôi bừng tỉnh, ngẫm nghĩ và cuối cùng tôi hỏi:

- Như vậy chúng ta có nhiều lúa mạch trong kho phải không?

Kaptah hào hứng gật đầu chờ đợi lời cảm ơn, nhưng tôi nói:

- Nếu đúng thế, ông phải mau mau đến nơi ở của những cư dân mới đang làm lụng ở vùng đất bị nguyền rủa và phát lúa mạch cho họ làm giống, vì họ không có hạt giống và hạt họ thu hoạch đầy vệt lốm đốm như thể bị rưới máu. Lũ rút đi rồi, đã đến lúc phải cày bừa và gieo hạt, theo như ta hiểu về việc đồng áng, nên ông phải mau đi đi.

Kaptah nhìn tôi vẻ thương hại rồi lắc đầu nói:

- Ông chủ yêu quý của tôi, ông đừng làm tội cái đầu cao quý của

mình với những điều ông không hiểu gì cả mà hãy để tôi nghĩ thay ông. Việc là thế này, lúc đầu những người buôn bán ngũ cốc được lợi từ việc cho cư dân mới vay hạt ngũ cốc vì trong hoàn cảnh nghèo khó, họ buộc phải trả gấp đôi hoặc nhiều hơn số lượng đã vay và nếu họ không trả được, chúng ta cho họ giết bò và lấy da để trả nợ. Nhưng khi ngũ cốc ngày càng đắt lên, việc buôn bán này cũng kém và lợi nhuận ít đi, sẽ tốt hơn nếu vụ xuân này chúng ta để đất nghỉ không gieo hạt vì như vậy giá ngũ cốc sẽ càng lên cao. Có điên khùng mới cho cư dân mới vay lúa mạch làm hạt giống, vì điều này sẽ tổn hại cho lợi tức của chính chúng ta. Nếu tôi làm vậy, tôi sẽ biến tất cả những người buôn ngũ cốc thành kẻ thù của mình.

Nhưng tôi đã quyết nên nghiêm khắc nói với ông ta:

- Hãy làm như ta nói, Kaptah, vì lúa mạch là của ta và bây giờ ta không nghĩ về lợi tức của mình mà nghĩ đến những người đàn ông da bọc xương như những nô lệ ở hầm mỏ, nghĩ đến những người vợ ngực hõm xuống như túi da khô và nghĩ đến những đứa trẻ còm nhom, cà nhắc trên bờ sông với ruồi bu trên mắt. Vì vậy, ta muốn ngươi cho họ tất cả lúa mạch để làm giống và giúp họ mọi cách để họ gieo được hạt. Ta muốn ngươi làm tất cả những điều này vì Aton và vì cả Pharaon Ekhnaton, vì ta yêu đức vua. Nhưng đừng bao giờ cho họ lúa mạch làm quà vì ta đã thấy những món quà chỉ sinh ra bạc nhược, lười biếng và trễ nải, bởi vì họ đã nhận cả đất canh tác lẫn gia súc làm quà mà chúng không đem lại kết quả. Nếu cần, có thể nói với họ bằng gậy của ngươi, Kaptah, và hãy lo sao cho hạt giống được gieo xuống và lúa mạch được gặt về. Nhưng khi bắt họ trả nợ, ngươi không được tính lãi mà chỉ đòi họ một trả một mà thôi.

Nghe đến đây Kaptah gào lên, vò xé quần áo mình, điều này cũng chẳng ngẫu nhiên bởi quần áo ông ta đã dính đầy vết rượu, và ông ấy nói:

- Một trả một thôi sao, thưa ông chủ? Thế thì tôi trộm từ đâu, vì làm sao có thể lấy cắp lúa mạch của ông khi chỉ bớt xén được từ lời lãi tôi kiếm cho ông. Dù sao đi nữa, điều ông nói thật ngớ ngẩn và báng bổ, vì như thế tôi phải đương đầu với những tay buôn ngũ cốc và với cả các giáo sĩ Amon. Tôi gào gọi thần vì chúng ta đang ở trong phòng kín và không người lạ nào nghe thấy để buộc tội chúng ta. Tôi gào to tên của thần này, thưa ông chủ, vì thần vẫn sống và sức mạnh của thần đáng gờm hơn bao giờ hết, thần sẽ nguyền rủa nhà cửa của chúng ta, ghe thuyền của chúng ta, nhà kho và cửa hàng của chúng ta, cả quán rượu này ngài ta cũng

nguyền rủa, nên có lẽ tốt nhất là sang tên cho Merit nếu cô ấy đồng ý. Thật sự tôi rất mừng vì nhiều tài sản của ông được ghi dưới tên người khác bởi như thế, các giáo sĩ không thể biết để phán lời nguyền, cả đám thuế vụ cũng không biết, mặc dù dấu vết họ để lại sạch hơn cả chỏm đầu của người hói. Nói đến sự hói đầu, tôi không muốn xúc phạm ông, thưa ông chủ, vì bây giờ chỉ sau khi ông bỏ tóc giả ra để uống rượu, tôi mới thấy ông đã hơi hói và nếu ông muốn, tôi có thể tìm cho ông một loại kem dưỡng tóc đã niệm bùa ngải rất khéo giúp tóc mọc dài hơn, đồng thời làm các lọn tóc của ông xoăn hơn, và tôi sẽ tặng kem đó cho ông làm quà mà không ghi nó vào bất cứ sổ sách nào, vì tôi lấy nó từ cửa hàng của chúng ta. Tôi có nhiều bằng chứng về tác dụng kỳ diệu của nó, mặc dù một nhân chứng cứ khăng khăng kem này làm cái đầu hói của ông ta mọc mớ tóc dày và xoăn như tóc của người da đen, buộc ông ta phải cho cạo trọc đầu, nhưng ông ta say xỉn trước tòa nên tôi không trả cho ông ta nhiều như với những người khác.

Kaptah kể lể tất cả những điều này nhằm kéo dài thời gian để tôi từ bỏ quyết định của mình, nhưng khi thấy tôi vẫn kiên quyết, ông tức giận, la lối và cầu cứu sự giúp đỡ từ các thần mà ông đã học được tên trong các chuyến đi của chúng tôi:

- Thưa ông chủ, có phải ông bị chó dại cắn hay bị bọ cạp đốt không, vì lúc đầu khi ông nói đến việc đó, tôi thực sự nghĩ đây là một trò đùa nhạt phèo. Quyết định này của ông sẽ làm cho chúng ta nghèo đi, nhưng có lẽ bọ hung có thể giúp chúng ta. Mà nói thật lòng, tôi cũng không thích nhìn những kẻ gầy gò nên thường nhìn sang chỗ khác và tôi khuyên ông cũng nên làm như vậy, ông chủ của tôi ạ, vì những gì ta không thấy thì ta không cần biết đến và để an ủi lương tâm mình, tôi đã phân phát đại mạch cho người nghèo và hưởng lợi từ đó nhờ việc đánh thuế ngu ngốc của Pharaon. Nhưng điều khó chịu nhất với tôi trong ý định của ông là ông bắt tôi phải đi những chuyến đi vất vả, phải nhúng chân vào bùn bẩn và nhỡ đâu tôi vấp ngã, rơi xuống một con mương trên đường đi thì mạng sống của tôi sẽ ám ảnh lương tâm ông, thưa ông chủ, vì tôi thực sự là một lão già mệt mỏi rồi, chân tay lóng ngóng, run rẩy và hổn hển thở dốc khi đi bộ, chỉ muốn chiếc giường mềm của mình cũng như các món súp và món rán của Muti.

Nhưng tôi không tỏ ra thương xót mà nhẫn tâm nói:

- Đúng là ngươi còn dối trá nhiều hơn trước, Kaptah, vì trong những năm này, ngươi trẻ lại chứ có già đi đâu, tay không còn run như trước, mắt không đỏ khi vừa đến đây mà chỉ sau khi uống quá

nhiều rượu. Vậy nên ta giao cho ngươi thực hiện chuyến đi khó khăn này và là thầy thuốc, ta để ngươi chịu tất cả những vất vả trong suốt chuyến đi bởi ta yêu quý ngươi, vì ngươi quá béo và điều đó có hại cho tim ngươi, làm ngươi khó thở và ta hy vọng ngươi gầy bớt trong chuyến đi này để có một thân hình ra hồn, cho ta khỏi xấu hổ vì đầy tớ của mình quá béo. Này Kaptah, hãy nhớ ngươi từng vui sướng thế nào khi chúng ta đi trên những con đường đầy bụi của Babylon, đã thích thú thế nào khi ngồi trên lưng lừa ở vùng núi Li-băng và còn vui mừng hơn khi được rời khỏi lưng lừa ở Kadesh. Thực tình mà nói, nếu ta trẻ hơn, ý ta là nếu không phải làm nhiều việc quan trọng ở đây cho Pharaon, ta sẽ đi cùng ngươi để thỏa lòng, bởi vì sau chuyến đi này, nhiều người sẽ cầu nguyện cho ngươi.

Trong lúc tôi nói, Kaptah ôm đầu ngẫm nghĩ, chỉ cau mày khi tôi nhắc đến việc cưỡi lừa và xòe ngón tay làm các phép tính phức tạp. Cuối cùng, ông ấy nói:

- Tôi sẽ phải cố làm tất cả mọi việc trong vụ gieo hạt này, sẽ phải bắt tất cả tôi tớ của mình làm và thuê thêm người giúp để kịp phân phát hạt giống. Tôi cũng cần đưa nhiều thư lại theo để mọi việc được làm đúng theo luật pháp, vì những người phụng sự Aton này là những kẻ rất láu cá và tôi sẽ cho chúng nhừ đòn nếu hạt giống không nảy mầm hay không có gì để thu hoạch. May là chúng ta có đội thuyền của mình nên việc đi lại không quá khó khăn và tôi cũng sẽ đưa đầu bếp theo vì cái bụng bị ông chế giễu của tôi không được khỏe, chỉ tiêu hóa nổi loại thức ăn tốt nhất. Ít nhất tôi cần được khênh trên kiệu qua mương rạch bởi vì hãy nhìn tôi, thưa ông chủ, nhảy choi choi qua mương rạch có xứng với địa vị của tôi không, nếu tôi có thể làm được điều đó với đôi chân đã già và cứng của mình? Còn những lời khác của ông có thể là khôn ngoan, vì lũ con gái trong các nhà vui đã bắt đầu cười nhạo tôi, bụng tôi to phệ làm tôi mất hứng khi vui vẻ với đàn bà, bởi tôi thở mạnh quá khi muốn cố sức vui vẻ với họ và điều này khiến tôi buồn, vì tôi có đủ vàng để vui vẻ với bất kỳ người đàn bà nào ở Thebes nếu tôi thích. Tuy nhiên, ông không nên hiểu là tôi lãng phí vàng của mình vào đám đàn bà con gái, vì tôi không hề ngu dại đến mức ấy mà biết rõ rằng một đứa nô tỳ ngốc nghếch cũng được việc như gái làng chơi xức dầu thơm và đeo vòng vàng nơi cánh mũi. Nhưng tôi không nên nói với ông về đàn bà vì ông vẫn chưa hiểu gì về họ và niềm vui cuộc sống, mà mặt ông vẫn ủ ê như trước. Tôi hy vọng nhờ bọ hung mà quyết định điên rồ của ông sẽ đem lại cho chúng ta may mắn chứ không phải tai họa, vì vậy tôi sẽ làm vô số việc mà không hoài công nói với ông, bởi vì ông sẽ không hiểu gì về chúng cả. Tôi chỉ ước ông bị ai đó bắt đi

một chuyến khó khăn hơn vì một quyết định điên rồ kiểu này, để ông có thể cảm nhận bằng xương bằng thịt mình những gì ông buộc tôi làm bây giờ.

Ước muốn này của ông ấy chẳng bao lâu đã thành hiện thực, như sau này tôi sẽ kể. Còn khi ấy, chúng tôi không tranh cãi nữa, mà Kaptah phục tùng quyết định của tôi và chúng tôi ngồi uống rượu đến tận khuya, cả Merit cũng uống với chúng tôi và để lộ đầu gối màu nâu của nàng cho tôi áp miệng vào đó. Kaptah kể cho chúng tôi nghe ký ức của ông ấy về những con đường và nền đất nện ở Babylon, và nếu ông ấy thật sự đã kịp làm tất cả những gì ông ấy kể thì chắc chắn tôi đã mù và điếc vì Minea. Vì tôi không quên Minea, dù đêm đó tôi nằm trên thảm của Merit và vui vẻ với nàng để trái tim tôi ấm áp và nỗi cô đơn của tôi tan chảy. Nhưng tôi không bảo nàng là em gái của mình, mà làm tất cả những điều này vì nàng là bạn tôi, và điều nàng đem đến cho tôi là điều thân thiết nhất mà một người đàn bà có thể làm cho một người đàn ông. Vì vậy, tôi đã sẵn sàng đập vỡ vò với nàng, nhưng nàng không đồng ý vì nàng sinh ra trong một quán rượu, còn tôi, theo nàng, lại quá quyền quý và giàu sang với nàng. Nhưng tôi nghĩ nàng chỉ muốn giữ tự do cho mình để tôi có thể làm bạn với nàng mãi mãi.

4

Hôm sau tôi phải đến cung điện để diện kiến Hoàng thái hậu, người mà cả Thebes gọi là phù thủy, phù thủy da đen, vậy nên không cần giải thích với người khác khi nói đến phù thủy. Tuy nhiên, tôi nghĩ cho dù Hoàng thái hậu rất thông thái và tài giỏi, nhưng chính bà khiến người đời gọi mình như thế vì bà thật sự là một bà già độc ác, xảo quyệt và quyền lực to lớn đã xóa sạch mọi điều tốt đẹp từng có ở bà. Nhưng ở trên thuyền, khi tôi vừa mặc xong trang phục vải lanh hoàng gia và đeo lên người những biểu tượng danh giá của mình, đầu bếp Muti từ ngôi nhà ngày trước là xưởng đúc đồng đến và giận dữ nói với tôi:

- Đội ơn cái ngày đã đưa ông trở về nhà, thưa ông chủ, nhưng cả đêm ông lại la cà, vạ vật ở các nhà vui theo đúng thói quen của lũ đàn ông mà không thèm về ăn sáng, mặc dù tôi đã rất vất vả để chuẩn bị những món ăn ngon cho ông; tôi đã thức đêm để nướng và rán, lấy gậy đánh lũ nô lệ lười biếng để bắt chúng dọn dẹp nên bây giờ cánh tay phải của tôi rã rời và đau nhức. Tôi đã già và mệt

mỏi, không tin vào lũ đàn ông nữa, mà cái cách ông xử sự vào tối qua rồi sáng nay hoàn toàn không làm suy nghĩ của tôi về đàn ông tốt đẹp hơn. Vậy nên bây giờ về nhà ăn sáng ngay và mang theo cả ả đĩ đó nếu ông không thể thiếu ả ta dù chỉ một ngày.

Bà ấy nói như thế mặc dù tôi biết bà rất quý mến và ngưỡng mộ Merit, nhưng đó là cách nói của bà và tôi đã quen với nó khi còn là thầy thuốc của người nghèo sống trong ngôi nhà từng là xưởng đúc đồng, nên những lời nói cay nghiệt của bà êm dịu trong tai tôi và tôi thấy mình đã trở về nhà. Vì vậy, tôi vui lòng đi theo bà và nhắn cho Merit ở Đuôi Cá Sấu; và khi mệt mỏi lê bước bên cạnh kiệu của tôi, Muti vẫn không ngớt rầy la:

- Tôi từng nghĩ ông đã đằm tính lại và học sống đàng hoàng khi được ở nơi hoàng cung, nhưng dường như ông không học được gì mà vẫn phóng túng như trước, dù tôi nghĩ tôi đọc được sự bình yên và thanh thản trên khuôn mặt ông khi nhìn thấy ông ngày hôm qua. Tôi cũng mừng trong bụng khi thấy má ông bầu bĩnh hơn, vì khi mập ra đàn ông trầm tĩnh lại và chắc chắn không phải lỗi của tôi nếu ông gầy đi khi ở Thebes, mà lỗi là bản tính hoang tàng của chính ông, vì tất cả đàn ông đều giống nhau và tất cả những điều xấu xa trên thế giới đều bắt nguồn từ cái của nợ nhỏ bé mà họ giấu trong chiếc khố của mình vì họ xấu hổ về nó và tôi không hề lấy làm ngạc nhiên mà nói với họ.

Bà ấy tiếp tục lảm nhảm như thế khiến tôi nhớ đến mẹ Kipa và nước mắt chực trào ra nếu như tôi không vội vàng gắt:

- Im ngay đi, bà già kia, vì lời bà làm xáo trộn suy nghĩ của tôi và như tiếng ruồi vo ve trong tai tôi.

Bà ấy im bặt và rất vui sướng vì đã buộc tôi phải hét lên với mình và như vậy mới thật sự thấy chủ của mình đã trở về nhà.

Muti đã dọn nhà rất sạch đẹp để đón tôi, nhiều vòng hoa được buộc vào hàng cột hiên, sân và cả đoạn đường trước sân cũng được quét sạch, xác mèo trước cửa nhà đã được vứt sang trước nhà hàng xóm. Bà còn thuê trẻ em đứng trên đường phố reo to:

- Đội ơn ngày lành đưa ông chủ chúng ta về nhà.

Nhưng bà ấy làm vậy vì bà rất khổ tâm với việc tôi không có con và bà chỉ cần tôi có những đứa trẻ này mà không cần vợ, nhưng làm sao được như thế thì tôi không thể giải thích nổi. Nhưng bà nghĩ thế nên tôi cho bọn trẻ đồng và Muti phát cho chúng bánh mật ong nên bọn trẻ ra về rất sung sướng. Merit cũng đến, ăn vận

thật đẹp, trên đầu nàng cài hoa và tóc lấp lánh dầu xức làm Muti khóc sụt sịt và chùi mũi khi giội nước lên tay chúng tôi. Thức ăn bà nấu ngọt lịm trong miệng tôi vì đó là những món ăn của Thebes và khi ở Akhetaton tôi đã quên rằng thức ăn ở nơi nào cũng không thể sánh với đồ ăn Thebes. Nhưng có lẽ cơn đói của tôi là do Merit gây nên, vì nàng khiến cả tâm hồn lẫn thể xác tôi đều trẻ lại. Muti luôn mồm lảm nhảm khi tiếp đồ ăn cho cả hai chúng tôi:

- Chắc ông trách tôi lắm, thưa ông chủ, vì chim này rán hơi quá lửa và tôi không vừa lòng chút nào với nước xốt. Cô nếm chưa, Merit, đây là lõi của chồi cọ, tôi nghiền với bầu dục. Tôi thường nấu món này rất ngon, nhưng tất nhiên hôm nay nó hơi quá nhừ. Còn ông, thưa ông chủ, ông không hề biết tôi đã nói điều này bao nhiêu lần với người phụ nữ xinh đẹp và danh giá này, tôi không ngớt cảnh báo cô về ông, cho cô thấy tính khí ông thất thường, hay thay đổi như thế nào, bản chất ông là ngu ngốc và điên rồ, nhưng cô không tin vào lời tôi và tôi không hiểu cô thấy gì ở ông khi ông lại còn hói thế này. Nhưng khi còn trẻ, đàn bà cũng điên rồ như đàn ông và họ bị cái của nợ ấy của đàn ông cuốn hút, mà thôi, lần này tôi không thèm nhắc đến nữa, nhưng ông biết rõ tôi muốn nói gì và tôi nghĩ Merit cũng biết, vì cô ấy không còn thật trẻ nữa. Tuy nhiên, kinh nghiệm vẫn tốt với cả đàn bà lẫn đàn ông và càng quan trọng hơn với đàn bà, vì nó dạy họ cẩn trọng trong quan hệ với đàn ông và không dễ tin những lời lừa dối. Những con cá nhỏ này, chính tôi ngâm trong dầu theo cách của người Hy Lạp mà tôi nghĩ người Hy Lạp cũng không ngâm được tốt hơn, mặc dù cá lần này đã hơi có mùi ôi ôi.

Tôi cảm ơn Muti và tấm tắc khen tài nấu nướng của bà khiến bà rất vui lòng, mặc dù ra sức cau mày, khịt mũi và Merit cũng khen bà. Tôi không biết bữa ăn trong ngôi nhà vốn là xưởng đúc đồng này có gì đặc biệt hay đáng nhớ không, nhưng tôi kể về nó cho chính mình, bởi lúc đó tôi cảm thấy hạnh phúc và nói:

- Đồng hồ nước ơi hãy dừng lại và nước ơi đừng chảy nữa, vì thời khắc này thật tuyệt và ta không muốn thời gian trôi đi nữa để giây phút này không bao giờ mất.

Nhưng khi chúng tôi đang ăn, một nhóm người từ khu phố nghèo, ăn vận quần áo đẹp nhất và xức dầu lên mặt như vào ngày lễ thánh, kéo đến tập trung trong sân nhà tôi để chào tôi và phàn nàn với tôi về bệnh tật và những cơn đau của họ:

- Sinuhe, chúng tôi mong chờ ông lắm vì khi ông ở bên chúng tôi,

chúng tôi đã không coi trọng ông đúng mức nhưng khi ông đi khỏi, chúng tôi mới nhận ra ông đã tốt như thế nào với chúng tôi, chúng tôi đã thiệt thòi biết bao nhiêu khi mất ông.

Họ mang quà cho tôi, những món quà nhỏ mọn và bình thường, bởi họ nghèo hơn trước rất nhiều vì thần của Pharaon Ekhnaton. Người thì mang cho tôi một đấu yến mạch, người thì mang cho tôi con chim họ ném được bằng cành cây, có người mang chà là khô và có người mang hoa vì họ không còn gì khác để mang đến và khi nhìn thấy số hoa trong sân nhà mình, tôi không còn ngạc nhiên vì sao những vườn hoa ở hẻm Nhân Sư lại trơ trụi và như bị vặt trộm. Trong số họ có viên ký lục già đầu vẹo sang bên vì cái bướu ở cổ và tôi ngạc nhiên vì ông vẫn còn sống. Trong số họ có nô lệ được tôi chữa lành các ngón tay, tự hào giơ và cử động các ngón cho tôi xem, anh ta chính là người mang đấu yến mạch đến, vì vẫn còn làm việc ở cối xay nên có thể lấy trộm từ đó. Trong số họ có người mẹ dẫn đứa con trai đến gặp tôi, cậu bé đã lớn đẹp và khỏe mạnh; mắt bị đánh thâm tím và chân có vết sứt xước, cậu tự hào khoe sẽ đánh bại bất cứ cậu bé nào bằng tuổi trong xóm. Trong số họ có cô gái bán hoa từng được tôi chữa lành mắt và chính là người khiến tôi không bao giờ hết việc vì đã bảo tất cả con gái trong nhà vui đến chỗ tôi để tôi cắt tẩy những vết chàm và mụn cóc trên da. Tất cả đều mang quà đến cho tôi và nói:

- Sinuhe, đừng chê quà của chúng tôi, mặc dù ông là danh y hoàng gia và ông sống trong cung điện của vua, vì chúng tôi rất vui khi gặp lại ông, chỉ cần ông đừng nói với chúng tôi về Aton nữa.

Tôi không nói với họ về Aton, mà tiếp từng người một tùy theo cơn đau của họ, lắng nghe những lời kêu van của họ, viết toa thuốc và chữa trị cho họ. Merit cởi bỏ bộ đồ đẹp của nàng để nó không bị vấy bẩn và giúp tôi rửa những ổ áp xe, làm sạch dao của tôi trên lửa và khuấy thức uống giảm đau cho những người có răng đau phải nhổ. Mỗi lần nhìn nàng tôi lại thấy vui và thỉnh thoảng tôi lại nhìn nàng giữa chừng, vì nàng rất đẹp, thân hình đầy đặn và mảnh mai; nàng không ngượng nghịu mặc dù phải bỏ bớt xống áo để làm việc như những đàn bà bình dân trong khi lao động và không bệnh nhân nào của tôi ngạc nhiên về điều đó vì họ có quá nhiều điều phải suy nghĩ về bệnh tật của mình.

Thế là thời gian của tôi trôi đi khi tiếp nhận bệnh nhân, như trước đây, và khi nói chuyện với họ, tôi vui mừng vì kiến thức và tài năng của mình có thể giúp họ và vui vì vừa làm việc vừa được ngắm nhìn Merit, người bạn của tôi. Nhiều lần tôi hít vào thật sâu và nói:

- Đồng hồ nước ơi hãy dừng lại, nước ơi đừng chảy vì khoảnh khắc đẹp như thế này của tôi không thể kéo dài lâu hơn nữa.

Như thế, tôi hoàn toàn không nhớ rằng mình phải đến hoàng cung và chuyến viếng thăm của tôi đã được thông báo cho Thái hậu. Nhưng tôi nghĩ là tôi không nhớ ra vì không muốn nhớ khi tôi đang hạnh phúc.

Cuối cùng, khi bóng chiều ngả dài và sân nhà tôi vắng lặng hẳn, Merit giội nước lên tay tôi và giúp tôi rửa tay, tôi cũng giúp nàng rửa tay và thấy thật vui khi làm việc đó. Nhưng khi tôi muốn chạm tay tôi vào má nàng và môi tôi vào môi nàng thì nàng đã đẩy tôi ra và nói:

- Sinuhe, hãy nhanh nhanh đi gặp mụ phù thủy của anh đi, đừng chần chừ nữa, để có thể trở về trước khi đêm đến, vì em nghĩ tấm thảm của em đang nôn nóng chờ anh. Thật vậy, em cũng như tấm thảm trong phòng mình đang nóng lòng đợi anh, dù em không hiểu vì sao lại vậy, Sinuhe ạ, bởi vì dù chân tay của anh rất mềm, thịt da anh mềm nhão và em cũng không nói là anh biết vuốt ve, nhưng với em, anh vẫn đặc biệt hơn tất cả những người đàn ông khác, vì thế em hiểu rõ tấm thảm của mình.

Nàng quàng buộc lại các tước hiệu của tôi quanh cổ tôi, đặt mái tóc giả danh y lên đầu tôi và lấy tay vuốt ve má tôi khiến tôi không hề muốn rời nàng đến hoàng cung, mặc dù tôi vô cùng hoảng hốt khi chợt nhớ đến Thái hậu. Tôi giục nô lệ chạy, thúc họ bằng gậy và bạc, tôi cũng dùng gậy và bạc đốc thúc những người chèo thuyền làm nước kêu rào rào trước mũi thuyền khi chúng tôi chèo đến bên tường thành của hoàng cung. Cứ như vậy, thuyền của tôi cập bến và tôi kịp vào hoàng cung khi mặt trời vừa chìm xuống sau dãy núi phía tây và các vì sao lấp lánh trên bầu trời.

Nhưng trước khi kể về cuộc trò chuyện của tôi với Thái hậu, tôi phải kể rằng trong suốt những năm này, bà chỉ đến thành phố Akhetaton hai lần để gặp con trai mình và cả hai lần đều khiển trách ngài về sự điên rồ của ngài, khiến Pharaon Ekhnaton rất buồn vì ngài yêu quý Thái hậu và mù quáng vì người, như đám con trai thường mù quáng vì mẹ mình cho đến khi lấy vợ mới nhờ vợ mà sáng mắt ra. Nhưng Nefertiti đã không giúp Ekhnaton mở mắt được chỉ vì cha của người. Tôi buộc phải thừa nhận rằng trong thời gian này giáo sĩ Eje và Thái hậu Teje hoàn toàn tự do sống với nhau, thậm chí không thèm giấu giếm hạnh phúc mà cùng nhau xuất hiện và theo sát nhau từng bước như thể canh chừng cho nhau. Tôi không biết liệu hoàng gia đã bao giờ trải qua

nỗi nhục công khai đến mức như vậy chưa, nhưng có lẽ những điều như thế không được ghi chép lại mà bị chôn vùi và lãng quên theo những người từng là nhân chứng. Nhưng tôi vẫn không muốn nói gì về dòng dõi của Pharaon Ekhnaton mà tin rằng dòng dõi của ngài là linh thiêng, vì nếu trong huyết quản của ngài không có dòng máu hoàng tộc của cha mình thì trong huyết quản ấy hoàn toàn không có dòng máu hoàng gia, vì ngài không được thừa hưởng dòng máu hoàng tộc từ mẹ mình, khi đó ngài đúng là một pharaon giả, như các giáo sĩ đã tuyên bố, và mọi điều đã xảy ra sẽ còn sai trái hơn, vô ích và điên rồ hơn. Vì vậy, tôi hoàn toàn không muốn tin vào các giáo sĩ mà tin vào lý trí và trái tim mình hơn.

Dù sao, Thái hậu Teje đã tiếp tôi trong sảnh riêng của bà, nơi có rất nhiều loài chim nhỏ đã bị cắt ngắn lông cánh, nhảy nhót, ríu rít trong lồng. Có vẻ như Thái hậu vẫn chưa quên được việc mình đã làm thời trẻ, vẫn thích dùng nhựa và giăng lưới bắt chim trong vườn thượng uyển. Khi tôi đến gần, bà đang bện thảm từ những cọng sậy được nhuộm màu, cáu kỉnh chào tôi và mắng tôi đã đến muộn rồi hỏi:

- Bệnh điên của con trai ta đã đỡ chút nào chưa, hay đã đến lúc phải khoan sọ của nó, vì nó nói quá nhiều về Aton của mình khiến dân chúng không yên, điều mà giờ đây không cần thiết nữa, bởi vì thần giả đã bị lật đổ và không còn ai tranh giành quyền lực với Aton.

Tôi kể cho Thái hậu nghe về sức khỏe của Pharaon Ekhnaton, về các công chúa nhỏ, những trò họ thích chơi, những con linh dương và chó cũng như những chuyến chèo thuyền trên hồ thánh Akhetaton của họ cho đến khi Thái hậu nguôi giận và cho phép tôi ngồi cạnh chân bà và mời tôi bia. Nhưng Thái hậu mời tôi bia hoàn toàn không phải vì hà tiện, mà giống như những dân quê, bà thích bia hơn rượu; bia của bà rất mạnh và ngọt, bà có thể uống nhiều hũ một ngày, đến nỗi vì bia cơ thể bà phồng căng và mặt bà cũng phị ra gớm ghiếc, nên khuôn mặt bà quả thực trông giống như mặt người da đen, cho dù da không đen đến thế. Nếu có dịp diện kiến bà, chắc không ai có thể nghĩ bà già phì nộn này từng chiếm được trái tim của Pharaon Đại đế bằng sắc đẹp của mình trước đây. Vì thế dân chúng mới nói bà đã giành được sự sủng ái của Pharaon nhờ ma thuật của người da đen, bởi hiếm khi một pharaon phong một cô gái bẫy chim bên bờ sông làm hoàng hậu vĩ đại.

Khi uống bia, Thái hậu bắt đầu nói chuyện với tôi một cách tin cậy

và cởi mở; điều đó không có gì lạ, vì tôi là thầy thuốc và đàn bà thường tin thầy thuốc hơn người khác, về mặt này Thái hậu Teje không khác những người phụ nữ khác. Nhưng thông thường khi cảm thấy cái chết đang cận kề, con người ta bắt đầu nói chuyện với người lạ cởi mở hơn và tin cậy hơn là với những người thân cận của mình, đây là chỉ dấu báo hiệu cái chết, mặc dù bản thân người đó thường không nhận ra, vì vậy tim tôi dần ớn lạnh trong khi bà nói với tôi với vẻ tin cậy đến phát sợ. Và tôi hỏi về những lần đau yếu của bà, nhưng bà cười tôi và nói không thấy có bệnh gì ngoại trừ bệnh do bia gây nên và bụng đầy hơi, nhưng tôi hoài công khuyên bà từ bỏ bia vì bà không có ý định từ bỏ nó, không coi bia là nguy hiểm và vẫn chưa mơ thấy con hà mã nào.

Bia khiến bà hào hứng khi tiếp chuyện tôi:

- Sinuhe, người mà con trai ta với sự ngu ngốc của mình đã đặt cho tên Người Cô Đơn, mặc dù ngươi không có vẻ cô đơn chút nào và ta cược rằng đêm đêm ở Akhetaton, ngươi vui vẻ với nhiều phụ nữ khác nhau, vì ta quá biết những mụ đàn bà ở Akhetaton. Sinuhe, ngươi là một người trầm tĩnh, có lẽ là trầm tĩnh nhất trong số những người ta biết và sự trầm tĩnh của ngươi thực sự khiêu khích ta, nên ta chỉ muốn lấy kim đồng châm ngươi để nhìn ngươi nhảy dựng và hét lên. Ta không biết ngươi lấy tính trầm tĩnh này từ đâu, nhưng ngươi chắc chắn là người tốt bụng, mặc dù ta không hiểu con người ta được lợi lộc gì khi tốt bụng cơ chứ, vì ta nhận thấy chỉ những kẻ ngu ngốc, không biết làm gì mới tốt bụng. Dù sao, sự có mặt của ngươi làm ta vô cùng yên tâm và ta muốn nói với ngươi rằng Aton này, vị thần mà trong cơn ngu dốt của mình ta đã bỏ mặc, đang khiến ta rất lo lắng. Ta không muốn mọi chuyện đi quá xa như thế này mà chỉ nghĩ ra Aton để lật đổ Amon, để quyền lực của ta và con trai ta lớn mạnh hơn, và thực ra Aton là do Eje nghĩ ra; Eje là chồng ta như ngươi biết hoặc có thể ngươi thực sự ngây thơ đến mức không biết, nhưng cứ nói thẳng ra ông ấy là chồng ta, mặc dù chúng ta không thích hợp để cùng nhau đập bể vò. Ta chỉ muốn nói là Eje đáng nguyền rủa đó, tinh lực giờ đây không hơn núm vú con bò, đã mang Aton theo ông ta từ Heliopolis đến và đầu độc thằng bé. Ta thực sự không hiểu con trai ta nghĩ nó sẽ tìm thấy gì ở thần ấy, nhưng hồi nhỏ nó có những giấc mơ vào ban ngày và ta không thể nghĩ gì khác hơn là nó bị điên và sợ nó cần được khoan. Ta cũng không hiểu điều gì trù yểm nó khi vợ nó, con gái xinh đẹp của Eje, chỉ sinh cho nó toàn con gái, mặc dù các phù thủy yêu quý của ta đã cố giúp hết sức. Ta cũng không hiểu tại sao thiên hạ lại ghét các phù thủy của ta, vì họ là những người rất đáng yêu, mặc dù họ là người da đen, xâu ngà voi vào mũi, căng môi và kéo đầu con cái họ. Nhưng ta

biết dân chúng căm thù họ nên ta phải giấu họ trong hang của hoàng cung, vì nếu không họ sẽ bị giết, mà ta lại không thể từ bỏ họ, vì không ai biết cù lòng bàn chân ta như họ và chế cho ta các loại thuốc để nhờ chúng ta được tận hưởng khoái lạc của đàn bà. Nếu ngươi nghĩ ta không còn chút vui thú nào từ Eje thì ngươi đã nhầm to, mà ta cũng thực không hiểu tại sao ta lại bám lấy ông ta như vậy, mặc dù hạ bệ ông ta thì tốt hơn. Ý ta muốn nói là tốt hơn cho bản thân ta. Nhưng có lẽ ta không thể loại bỏ ông ta được nữa dù ta muốn và cả điều này cũng khiến ta lo lắng. Vì thế ta chỉ còn có niềm vui duy nhất bên những người da đen thân yêu của mình.

Thái hậu khẽ cười khinh khích một mình như các bà thợ giặt ở bến cảng cười khi họ uống bia và khi họ đang vui. Vừa cười khinh khích bà vừa nói tiếp:

- Những người da đen này của ta là những thầy thuốc lành nghề, Sinuhe ạ, mặc dù dân chúng gọi họ là phù thủy nhưng đó chỉ là do ngu dốt mà thôi, và cả ngươi cũng nên học thêm kỹ năng của họ, nếu ngươi bỏ qua định kiến về màu da lẫn mùi của họ và nếu họ bằng lòng truyền cho ngươi kỹ năng của mình, điều mà ta không tin, vì họ luôn giấu kín. Màu da của họ ấm áp, mùi của họ không khó chịu mà nếu quen sẽ làm ta vui và phấn khích, và một khi đã quen rồi sẽ không sống thiếu nó được nữa. Ta có thể kể cho ngươi, Sinuhe, vì ngươi là danh y và chính vì vậy không thể tiết lộ điều ta nói, rằng đôi khi ta cũng vui vẻ với họ, vì là thầy thuốc, họ đã kê đơn thuốc đó cho ta và mụ già như ta đôi lúc cũng phải được tận hưởng lạc thú. Nhưng ta vui thú không phải để trải nghiệm điều gì đó mới mẻ, giống như đám cung nữ lăng loàn trong cung vui thú với người da đen khi đã nếm đủ mọi thứ và chán mọi khẩu vị nên cho rằng thịt thối rữa đến mức thích hợp mới là món ngon nhất. Không, ta hoàn toàn không vì lý do này mà yêu những người da đen của mình, vì máu của ta còn tươi trẻ và đỏ, không cần những chất kích thích nhân tạo, mà người da đen là bí ẩn đối với ta, giúp ta đến gần hơn với nguồn sống ấm áp, gần hơn với bùn đất, mặt trời và muông thú. Tuy nhiên, ta khuyên ngươi không nên tiết lộ chia sẻ này của ta với người khác, nhưng nếu ngươi tiết lộ cũng không sao, vì ta luôn có thể nói rằng điều đó là do ngươi bịa đặt. Dân chúng lại tin tất cả những gì người ta kể về ta nên danh tiếng của ta đối với thần dân không còn có thể bị tổn hại hơn thế nữa và do đó ngươi nói gì với mọi người không quan trọng, song ta vẫn khuyên ngươi không nên kể vì ngươi là một người tốt, còn ta thì không.

Thái hậu buồn hẳn và không uống bia nữa mà tiếp tục đan tấm thảm sậy bằng những thân sậy sặc sỡ, còn tôi nhìn chằm chằm

vào những ngón tay đen sạm của bà bởi tôi không dám nhìn thẳng vào mắt bà. Vì tôi im lặng và không hứa gì nên bà tiếp tục:

- Chỉ với lòng tốt, con người sẽ không đạt được bất cứ điều gì, mà điều duy nhất có chút ý nghĩa trên đời là quyền lực. Nhưng chính những người sinh ra nơi quyền lực lại không thể hiểu giá trị của quyền lực, mà chỉ có những người sinh ra giữa các ngón chân đầy phân như ta mới hiểu được giá trị của nó. Quả thật, Sinuhe, ta nhận ra giá trị của quyền lực và tất cả những gì ta đã làm là vì quyền lực, là để giữ quyền lực cho con trai ta và cho con trai của con trai ta, để dòng máu của ta sẽ sống mãi trên ngai vàng của pharaon, và ta đã không từ bất cứ việc gì nhằm đạt được điều đó. Có thể những việc ta làm là xấu xa trước các vị thần, nhưng thành thật mà nói ta không quan tâm lắm đến thần linh vì các pharaon là những người cao hơn các vị thần và cuối cùng không có việc tốt hay xấu, mà việc tốt là việc đã thành công, việc xấu là việc thất bại và bị bại lộ. Tuy nhiên, đôi khi trái tim ta rung động và ruột gan như tan thành nước khi ta nghĩ về những việc mình làm, vì ta chỉ là đàn bà và tất cả đàn bà đều mê tín, nhưng trong việc này ta hy vọng những người da đen của ta có thể giúp ta. Ta hết sức kinh hoàng khi thấy Nefertiti sinh hết đứa con gái này đến đứa con gái khác, vì bốn lần liên tiếp nó đã sinh con gái và mỗi lần nó sinh, ta thấy như thể mình đã ném hòn đá ra sau lưng nhưng rồi lại thấy nó trước mặt trên đường mình đi, ta không giải thích được điều này, nhưng sợ rằng bằng những việc làm của mình, ta đã gây ra lời nguyền độc địa luôn rình rập ta phía trước.

Bà ta lẩm bẩm vài lời cầu nguyện giữa đôi môi dày và luống cuống xê dịch hai bàn chân to trên sàn, nhưng những ngón tay vẫn thoăn thoắt, khéo léo luồn những cây sậy màu đan tiếp tấm thảm và tôi chằm chằm nhìn những ngón tay đen sạm của bà ta mà tim ớn lạnh. Vì bà ta đan tấm thảm sậy bằng những múi đan của người săn chim, và tôi biết những múi đan này, là những múi đan hiếm gặp của miền Hạ mà khi còn là một cậu bé, tôi đã nhìn thấy chúng trong nhà bố tôi, trên chiếc thuyền sậy đầy bồ hóng treo trên giường của mẹ tôi. Khi nhận ra điều này, lưỡi tôi khô lại và chân tay tôi cứng đờ, vì vào đêm tôi ra đời, một làn gió tây nhè nhẹ thổi qua, đưa chiếc thuyền sậy trôi xuôi dòng sông vào mùa nước lũ và nó đã dạt vào bờ gần nhà của bố tôi. Ý nghĩ nảy sinh trong tôi, khi tôi nhìn những ngón tay đan của Thái hậu, khủng khiếp và điên rồ đến nỗi tôi không muốn nghĩ về nó mà chỉ tự nhủ rằng bất cứ ai cũng có thể dùng những múi đan của người bẫy chim để đan một chiếc thuyền sậy. Nhưng những người bẫy chim hành nghề của họ ở miền Hạ, chứ tôi chưa thấy ai ở Thebes đan những múi đan tương tự. Vì thế khi còn nhỏ, tôi thường nhìn

chằm chằm vào chiếc thuyền sậy đầy bồ hóng với những thân sậy bị mủn và ngạc nhiên trước những múi đan giữ chúng lại với nhau, mặc dù lúc ấy tôi không hề biết chiếc thuyền sậy đó liên quan gì đến số phận của mình.

Nhưng Thái hậu Teje vĩ đại không nhận thấy sự ớn lạnh kinh hoàng của tôi, cũng không cần câu trả lời, mà chìm vào suy nghĩ và ký ức của riêng mình rồi nói:

- Sinuhe, có lẽ ngươi nghĩ ta là một mụ đàn bà xấu xa và đáng ghét, khi ta bộc bạch với ngươi như thế, nhưng đừng quá khắt khe với những việc làm của ta mà hãy thử hiểu ta. Thật không dễ dàng để một cô gái bẫy chim nghèo khổ đến được hậu cung của Pharaon, nơi cô ta bị khinh thường vì làn da sẫm màu và đôi chân quá cỡ, bị hàng ngàn mũi kim đâm chọc và không gì cứu giúp được cô ta ngoài tính khí thất thường của Pharaon cùng với vẻ đẹp và sự trẻ trung của thân thể cô. Có lẽ ngươi không ngạc nhiên khi ta tìm mọi cách chinh phục trái tim của Pharaon, đêm đêm tập cho ngài quen dần với những tập tục kỳ lạ của người da đen cho đến khi người không thể sống thiếu những cái vuốt ve âu yếm của ta và để ta cai trị Ai Cập thông qua người. Bằng cách đó, ta đã đánh bại mọi mưu mô trong cung đình, tránh được mọi cạm bẫy và xé toạc mọi tấm lưới người ta giăng chặn trên đường ta đi, ta cũng không ngại trả thù nếu ta có lý do làm điều đó. Rồi ta lấy nỗi sợ hãi khóa miệng lưỡi của mọi người xung quanh ta và thống trị hoàng cung theo ý muốn của ta, và ý muốn của ta là không một phi tần nào được sinh con trai cho Pharaon cho đến khi ta sinh được con trai cho ngài. Vì vậy, không phi tần nào trong hậu cung của Pharaon sinh được con trai cho Pharaon, và khi những đứa con gái của ngài được sinh ra, ta gả chúng cho các quý tộc ngay khi chào đời. Ý chí của ta mạnh như vậy, nhưng lúc đó bản thân ta cũng không dám sinh đẻ, sợ rằng mình sẽ xấu đi trong mắt ngài, vì lúc đầu ta chỉ có thân xác để điều khiển ngài cho đến khi kịp quấn trái tim ngài vào ngàn tấm lưới. Nhưng ngài bắt đầu già đi và những cái vuốt ve âu yếm mà ta dùng để trói buộc ngài đã làm ngài yếu đi, vì vậy khi thời điểm chín muồi để sinh nở, ta đã sinh con cho ngài nhưng trời ơi lại là một đứa con gái. Nhưng nó đã lớn lên, là Baketaton đấy, và ta chưa gả nó cho ai mà nó vẫn là một mũi tên trong ống tên của ta, vì người khôn ngoan giữ nhiều mũi tên trong ống chứ không chỉ trông vào một mũi tên duy nhất. Thời gian trôi đi và ta đã sống trong nỗi thống khổ cùng cực cho đến cuối cùng ta sinh được cho ngài một đứa con trai, mặc dù con trai ta mang đến cho ta ít niềm vui hơn ta mong đợi vì nó bị điên, vì thế ta gửi gắm hy vọng vào con trai của nó, tuy đứa bé vẫn chưa chào đời. Quyền lực của ta lớn đến mức không một phi tần nào

trong hậu cung của Pharaon sinh được con trai cho ngài suốt ngần ấy năm mà chỉ sinh rặt con gái. Sinuhe, với tư cách là một danh y, ngươi có thừa nhận rằng tài năng và phép thuật phù thủy này của ta rất kỳ lạ không?

Lúc đó tôi run lên, nhìn thẳng vào mắt bà ta và nói:

- Phép thuật của người quá đơn giản và đáng khinh, thưa Thái hậu vĩ đại, vì Thái hậu đan nó vào những thân sậy loang lổ bằng ngón tay mình, khiến ai cũng có thể nhận ra.

Bà ta đánh rơi những thân sậy như thể chúng đốt cháy ngón tay bà và đôi mắt đỏ mọng vì bia của bà đảo đi đảo lại một cách sợ hãi khi bà nói:

- Sinuhe, cả ngươi cũng là một phù thủy hay sao mà nói như thế, hay là bàn dân thiên hạ đã biết điều đó rồi?

Tôi đáp:

- Dân chúng biết tất cả, mặc dù không ai nói với họ, vì trước sau gì cũng không giấu được họ. Có thể không ai nhìn thấy những việc người làm, thưa Thái hậu vĩ đại, nhưng đêm đen nhìn thấy người và gió đêm thì thầm những việc làm của người vào biết bao nhiêu đôi tai và người không thể chặn tiếng thì thầm của gió, cho dù người có thể khóa miệng lưỡi mọi người. Tuy nhiên, tấm thảm được ngón tay Thái hậu đan dệt là một tấm thảm ma quỷ tuyệt đẹp và thần sẽ rất biết ơn nếu Thái hậu tặng cho thần làm quà, vì thần sẽ rất quý và trân trọng tấm thảm của người, chắc chắn là hơn bất kỳ ai khác mà Thái hậu định tặng nó.

Thái hậu dần bình tĩnh lại trong lúc tôi nói, tiếp tục đan với những ngón tay run rẩy và uống bia. Khi tôi dứt lời, bà ta nhìn tôi đầy gian xảo và nói:

- Có lẽ ta sẽ tặng tấm thảm này cho ngươi, Sinuhe, khi ta làm xong nó. Đây là tấm thảm đẹp và đắt tiền vì chính tay ta đan nó và như vậy nó là tấm thảm hoàng gia. Người tặng quà muốn được đền đáp, vậy ngươi định tặng lại ta quà gì, Sinuhe?

Tôi bật cười và dửng dưng đáp:

- Thưa Thái hậu, người sẽ được nhận lưỡi của thần. Nhưng thần mong Thái hậu cho phép thần giữ nó trong miệng mình cho đến lúc chết. Bởi lưỡi thần sẽ không nói ra điều gì tổn thương Thái hậu. Vì thế thần tặng nó cho Thái hậu.

Bà ta lầm bầm một mình rồi liếc xéo tôi và nói:

- Sao ta lại chấp nhận món quà mà ta đã có chứ? Không ai ngăn cản nếu ta lấy lưỡi của ngươi và ta cũng có thể lấy tay ngươi, để ngươi không thể ghi chép lại những gì ngươi không thể nói. Ta cũng có thể đưa ngươi đến hầm của mình để chào những người da đen đáng yêu của ta, từ đó có lẽ ngươi sẽ không bao giờ trở về, vì họ thích lấy người để hiến tế.

Nhưng tôi nói với bà ta:

- Người đã uống quá nhiều bia rồi thưa Thái hậu. Tối nay người đừng uống thêm nữa, nếu không người có thể thấy hà mã trong mơ. Lưỡi của thần là của Thái hậu và thần mong sẽ được tặng tấm thảm này khi người đan xong.

Tôi đứng dậy và bà ta không ngăn tôi mà còn cười khinh khích như một mụ già cười trong lúc say và nói:

- Ngươi khiến ta vui lắm, Sinuhe, ngươi làm ta vui lắm.

Thế là tôi rời hoàng cung trở về thành phố mà không bị ai ngăn cản và Merit đã cho tôi nằm cùng trên tấm thảm của nàng. Nhưng hạnh phúc của tôi không còn trọn vẹn, khi tôi nghĩ đến chiếc thuyền sậy đen vì bồ hóng từng treo trên giường của mẹ tôi, nghĩ đến những ngón tay sạm đen đan sậy thành thảm với những múi đan của người bẫy chim và tôi nghĩ đến làn gió đêm đẩy những chiếc thuyền nhẹ rời khỏi tường thành của hoàng cung trôi theo sông và dạt vào Thebes. Nghĩ đến tất cả những điều này, tôi không còn thấy thật hạnh phúc nữa, vì càng biết thêm chỉ càng thấy đau buồn hơn, và tôi ước gì mình không biết đến nỗi đau buồn này vì tôi không còn trẻ nữa.

5

Nhà Sống là lý do để tôi trở lại Thebes vì đã nhiều năm tôi không đến đó, mặc dù là danh y khoan sọ hoàng gia, tôi có trách nhiệm phải đến và tôi cũng sợ kỹ năng của mình mai một vì trong suốt thời gian ở Akhetaton, tôi không khoan hộp sọ nào. Vì vậy, tôi đã đến Nhà Sống, giảng một vài bài ở đó và dạy những y sinh đã chọn hộp sọ người làm chuyên ngành của họ. Nhưng Nhà Sống không còn được như trước và tầm quan trọng của nó đã giảm đi

rất nhiều vì mọi người, ngay cả những người nghèo, không muốn đến khám ở đó và các danh y giỏi nhất cũng thôi việc ở Nhà Sống, chuyển đến thành phố hành nghề. Tôi cứ nghĩ tri thức đã được tự do phát triển vì học trò không cần có bằng giáo sĩ bậc một mới được vào Nhà Sống và không ai ngăn cấm họ hỏi "Vì sao?", nhưng tôi rất thất vọng, vì các học trò còn trẻ người non dạ và cũng không muốn hỏi "Vì sao?", mà mong muốn lớn nhất của họ là tiếp nhận được kiến thức từ người thầy và có tên trong sách của Nhà Sống để họ có thể bắt đầu hành nghề và kiếm vàng bạc bằng kiến thức của mình.

Có ít bệnh nhân đến mức phải sau vài tuần tôi mới có dịp được khoan ba hộp sọ, vì tôi muốn kiểm tra lại kỹ năng của mình. Khoan xong các hộp sọ này, tôi trở nên nổi tiếng, cả các danh y lẫn y sinh đều tán dương tôi, ngợi khen sự khéo léo và nhanh nhẹn của đôi tay tôi. Nhưng tôi lại cảm thấy rất buồn vì đôi tay mình không còn được thuần thục và điêu luyện như những ngày hoàng kim. Mắt tôi cũng mờ đi nên tôi không nhanh nhạy, dễ dàng nhìn ra và chẩn đoán được bệnh của bệnh nhân như trước mà phải đưa ra nhiều câu hỏi, phải khám rất lâu và kỹ để chắc chắn về bệnh của họ. Vì thế, hằng ngày tôi vẫn tiếp nhận bệnh nhân tại nhà mình và chữa bệnh cho họ mà không yêu cầu họ tặng quà, nhằm lấy lại các kỹ năng ngày trước.

Dù sao, tôi cũng đã khoan ba hộp sọ trong Nhà Sống, một trong ba ca đó rất đáng thương vì bệnh vô phương cứu chữa và người bệnh quá đau đớn. Hai ca còn lại rất đáng lưu tâm, cần đến tất cả kỹ năng của tôi. Ca thứ nhất là một người đàn ông trước đó vài năm đã ngã xuống đường từ trên mái một ngôi nhà nơi anh ta bỡn cợt với vợ người khác vào một ngày hè nóng bức. Anh ta ngã khi trốn chồng người kia song không bị thương nặng lắm. Nhưng sau đó một thời gian, anh ta mắc phải một căn bệnh bí hiểm, không ngớt lên cơn động kinh và bây giờ vẫn bị co giật mỗi khi uống rượu. Anh ta không bị ác mộng mà chỉ luôn hét lên giọng hung hãn, đá chân, cắn lưỡi và đái dầm. Anh ta sợ những lần lên cơn của mình đến mức muốn được mổ và bản thân cầu xin điều đó. Vì vậy, tôi đồng ý khoan sọ cho anh ta và theo lời khuyên của các thầy thuốc ở Nhà Sống, tôi đã bảo người cầm máu phụ giúp, mặc dù tôi không quen dùng người này mà chủ yếu dựa vào kỹ năng của mình. Người cầm máu này thậm chí còn đờ đẫn và mơ ngủ hơn người cầm máu đã chết trong hoàng cung của Pharaon mà tôi đã kể trước đây, nên phải đẩy và thúc anh ta trong suốt ca phẫu thuật để anh ta tỉnh táo và nhớ việc của mình. Thế mà thỉnh thoảng máu vẫn rỉ ra từ vết mổ. Dù sao tôi đã mở vỏ hộp sọ của người bệnh và thấy nhiều chỗ trong não anh ta thâm đen vì máu chảy ra lúc ngã.

Vì vậy phải mất nhiều thời gian để làm sạch và tôi không thể rửa sạch hoàn toàn lớp vỏ não mà không làm tổn thương anh ta. Dù sao anh ta không còn lên cơn động kinh nữa, vì đã chết vào ngày thứ ba sau khi mổ, như nhiều ca mổ khác. Nhưng ca mổ này vẫn được đánh giá là rất thành công và kỹ năng của tôi được ca ngợi rất nhiều, các học trò ghi lại tất cả những gì tôi đã làm và chỉ cho họ xem.

Ca thứ hai đơn giản, bệnh nhân là một cậu bé được lính canh phát hiện thấy khi nằm bất tỉnh trên đường phố và hộp sọ bị móp vào trong. Tôi tình cờ ở trong Nhà Sống khi lính canh khênh cậu bé vào và tôi biết mình không có gì để mất, vì người ta nghĩ chắc chắn cậu sẽ chết và không danh y nào muốn động vào cậu. Vì vậy, tôi khoan cái đầu bị vỡ của cậu nhanh hết khả năng, nhặt những mẩu xương vụn ra khỏi não và bịt kín chỗ hở trên đầu bằng miếng bạc đã được sát trùng. Cậu bé đã hồi phục và đến tận hai tuần sau khi tôi rời khỏi Thebes vẫn còn sống, nhưng cậu khó cử động tay và không cảm thấy nhột khi bị cù vào lòng bàn tay cũng như lòng bàn chân. Song tôi tin thời gian qua đi, cậu ấy sẽ hoàn toàn lành lặn. Tuy nhiên, ca khoan sọ này không thu hút nhiều sự chú ý bằng ca mổ cho người bị động kinh, mà mọi người đều coi thành công của tôi với ca này là tất nhiên và rõ ràng và chỉ ca ngợi sự thuần thục của đôi tay tôi. Nhưng ca này đáng chú ý ở chỗ vết thương ở đầu và vì khẩn cấp nên tôi không thể cạo sạch tóc trên đầu cậu bé trước khi khoan hộp sọ, nên sau khi kéo da đầu trùm lên miếng bạc và khâu kín lại, tóc cậu lại tiếp tục mọc như trước và vì vậy không ai còn nhìn thấy vết mổ.

Mặc dù tôi được kính trọng trong Nhà Sống đúng với danh vị của mình, nhưng các danh y già vẫn lảng tránh và không dám tin tưởng, nói chuyện với tôi, vì tôi từ Akhetaton đến và họ vẫn sợ hãi quyền lực của thần giả. Tôi không nói chuyện với họ về Aton và chúng tôi chỉ nói với nhau về những việc liên quan đến nghề y. Ngày này qua ngày khác, họ thăm dò suy nghĩ của tôi và đánh hơi tôi như chó ngửi đất tìm kiếm thứ gì đó cho đến khi tôi lấy làm ngạc nhiên về việc làm của họ. Cuối cùng, sau lần khoan sọ thứ ba của tôi, một danh y khôn ngoan và sử dụng dao mổ thành thạo đã đến gặp tôi và nói:

- Danh y hoàng gia Sinuhe ạ, chắc ông thấy Nhà Sống vắng vẻ hơn trước nhiều và ít người cần đến kỹ năng của chúng tôi như trước, mặc dù ở Thebes vẫn có nhiều người bệnh và có thể nhiều hơn cả trước đây. Ông đã đi đến nhiều quốc gia và được thấy nhiều cách chữa bệnh, nhưng tôi nghĩ ông chưa bao giờ thấy những cách chữa đang được âm thầm, bí mật thực hiện ở Thebes ngày nay, bởi

vì những cách ấy không cần dao hay lửa, không cần thuốc, cũng không cần băng. Tôi được giao trách nhiệm kể cho ông biết về những cách thức này và hỏi ông có muốn đến mục kích không. Nhưng ông phải hứa không tiết lộ với bất kỳ ai về những gì ông nhìn thấy, ông cũng phải chịu bị bịt mắt khi được dẫn vào nơi chữa trị linh thiêng để không được biết chỗ ấy là đâu.

Điều ông ta nói khiến tôi khó chịu, vì tôi sợ sẽ đi ngược với Pharaon về việc này. Song tôi rất tò mò nên nói:

- Quả thật tôi có nghe nói hiện giờ có rất nhiều điều kỳ lạ đang diễn ra ở Thebes. Đàn ông kể chuyện cổ tích và phụ nữ nhìn thấy ảo giác, nhưng tôi chưa hề nghe nói về cách thức chữa trị mới nào. Là thầy thuốc tôi cũng rất nghi ngờ về những cách chữa không cần dao và lửa, không cần thuốc và băng. Vì thế tôi không muốn can dự vào việc lừa bịp nào để tên tôi không bị lợi dụng làm chứng cho những gì không đúng sự thật và không thể xảy ra.

Ông ta liền phản bác lại lời tôi:

- Chúng tôi đã nghĩ ông không có định kiến gì, danh y hoàng gia Sinuhe, vì ông đã chu du nhiều nước và thụ đắc những kiến thức không được biết đến ở Ai Cập. Chẳng phải máu cũng ngừng chảy mà không cần dùng kẹp hoặc sắt nóng rẫy? Vậy sao không thể chữa lành bệnh khi không có dao hoặc lửa? Tên của ông sẽ không bị ảnh hưởng vì việc này, nhưng chúng tôi có những lý do đặc biệt muốn ông chứng kiến và biết không có sự bịp bợm nào trong cách chữa trị này. Ông là Người Cô Đơn, Sinuhe, và là một nhân chứng trung thực, do đó chúng tôi cần chính ông.

Lời ông ta nói khiến tôi kinh ngạc và tò mò. Là danh y, tôi cũng muốn nâng tầm hiểu biết của mình. Vì vậy tôi đồng ý với đề nghị của ông ta và tối đến, ông ta đưa kiệu của mình tới nhà đón tôi, khi lên kiệu ông ta dùng vải bịt mắt tôi lại để tôi không biết mình được đưa đi theo hướng nào. Khi kiệu dừng, ông ta dắt tôi đi dọc theo nhiều hành lang và lên xuống nhiều bậc thang cho đến khi tôi thấy chán ngấy và nói rằng tôi không còn muốn dính vào trò hề này nữa. Nhưng ông ta trấn an tôi và tháo vải bịt mắt rồi đưa tôi đến một sảnh có nhiều ngọn đuốc đang cháy và các bức tường bằng đá. Trên sàn sảnh có ba người bệnh nằm trên cáng; một giáo sĩ đầu cạo trọc, mặt bóng nhẫy dầu thánh đi đến bên tôi. Ông ta gọi tên tôi và đề nghị tôi kiểm tra những người bệnh thật cẩn thận để thấy ở đây không hề có gì mờ ám. Giọng ông ta nghiêm trang và trầm ấm, đôi mắt nhìn đầy vẻ cẩn trọng, vì vậy tôi đã làm theo đề nghị của ông ta và khám cho các bệnh nhân với sự trợ giúp của

danh y Nhà Sống.

Tôi thấy ba bệnh nhân này bị ốm thật và không thể tự đứng dậy bước khỏi cáng. Một người là một thiếu phụ, thân hình gầy gò, tay chân khô và hoàn toàn không còn sức sống, đến nỗi trên khuôn mặt hốc hác chỉ còn đôi mắt lờ đờ, sợ hãi. Người thứ hai là một cậu bé toàn thân nổi mẩn đỏ dày và đầy mụn ghẻ mọng nước. Người thứ ba là một ông già, hai chân bị tê đến mức không thể đi được, mà ông ta cũng không giả vờ, vì tôi châm mũi kim vào chân ông mà ông không cảm thấy đau ở những chỗ đó. Cuối cùng, tôi nói với giáo sĩ: "Tôi đã kiểm tra cả ba bệnh nhân này bằng tất cả kinh nghiệm của mình, và nếu tôi là danh y của họ, tôi không thể làm gì khác hơn là gửi họ đến Nhà Sống. Ngay cả Nhà Sống cũng khó chữa được cho thiếu phụ và cụ già, nhưng bệnh của cậu bé có thể thuyên giảm nếu được tắm lưu huỳnh hằng ngày".

Vị giáo sĩ mỉm cười và bảo cả hai thầy thuốc chúng tôi ngồi xuống ghế dưới bóng tối ở phía sau sảnh và kiên nhẫn chờ. Sau đó, ông gọi nô lệ vào sảnh và họ nâng bệnh nhân và cả cáng lên bàn thờ rồi thắp hương trầm trong các lư hương để gây mê. Từ phía hành lang vọng lại tiếng hát, một nhóm giáo sĩ vừa hát những bài thánh ca của Amon vừa đi vào sảnh. Họ đứng từng nhóm xung quanh bệnh nhân và bắt đầu cầu nguyện, nhảy múa và hò hét. Họ cứ thế nhảy và hét cho đến khi mặt bắt đầu toát mồ hôi, rồi họ dứt bỏ vải choàng trên vai, rung lắc những cái xúc xắc trong lòng bàn tay và dùng đá nhọn cào lên ngực đến chảy máu. Tôi đã từng chứng kiến cảnh tượng tương tự ở Syria và là thầy thuốc, tôi lạnh lùng nhìn sự cuồng nhiệt của họ cho đến khi họ bắt đầu gào nhiều hơn trước và đấm nắm tay vào tường đá.

Bức tường đá mở ra và dưới ánh sáng của những ngọn đèn, tượng Amon linh thiêng siêu phàm và đáng sợ hiện lên trước mặt họ. Đúng lúc đó các giáo sĩ im bặt, một sự im lặng đến rợn người sau tiếng ồn ào ầm ĩ. Khuôn mặt của Amon hừng lên ánh sáng thiên đàng từ một vòm tối hắt ra, chiếu vào chúng tôi và đột nhiên vị giáo sĩ thượng phẩm từ giữa đám giáo sĩ bước đến trước các bệnh nhân, hét gọi tên từng người và nói: "Hãy đứng dậy và bước đi, vì Amon vĩ đại đã ban phước cho các ngươi vì các ngươi tin tưởng ở ngài".

Lúc ấy, tôi tận mắt chứng kiến cả ba người bệnh bắt đầu lần mò ngồi dậy trên cáng, mắt chằm chằm nhìn vào ảnh của Amon như thế nào. Tay chân run rẩy, họ nhổm dậy trên đầu gối rồi đứng lên, hoài nghi quờ quạng chân tay cho đến khi bật khóc và bắt đầu cầu nguyện cho tên của Amon. Nhưng rồi bức tường đá khép lại, các

giáo sĩ rời đi, các nô lệ cất lư hương đi và thắp sáng nhiều đèn cầy để thầy thuốc chúng tôi có thể khám lại cho họ. Thiếu phụ có thể cử động được chân tay và bước được vài bước khi chúng tôi dìu cô đi; ông già tự đi bộ được; còn cậu bé, ban mẩn đỏ đã biến mất khiến da cậu sạch và mịn. Những điều này diễn ra trong một vài giờ đồng hồ đo nước chảy và nếu không tận mắt chứng kiến, tôi sẽ không bao giờ tin điều như thế có thể xảy ra.

Vị giáo sĩ đã đón chúng tôi bước lại gần, mỉm cười đắc chí và hỏi:

- Bây giờ ông nói gì, danh y hoàng gia Sinuhe?

Tôi không hề sợ hãi nhìn thẳng vào mắt ông ta và nói:

- Tôi nhận thấy thiếu phụ và ông già bị ma thuật phù phép và quản thúc ý chí của họ, ma thuật sẽ trị được ma thuật nếu ý chí của phù thủy mạnh hơn ý chí của người đang bị bùa yểm. Nhưng mẩn ngứa là mẩn ngứa và không thể chữa khỏi bằng phép thuật mà phải điều trị dài ngày hàng tháng trời và tắm nước thuốc. Vì thế tôi thừa nhận là từ trước đến giờ tôi chưa bao giờ nhìn thấy bất cứ điều gì như thế.

Ông ta nhìn tôi, mắt sáng lên và hỏi:

- Như vậy là ông thừa nhận rằng Amon vẫn là vua của tất cả thần linh chứ, Sinuhe?

Tôi nói với ông ta:

- Tôi mong ông đừng nói to tên của thần giả, vì Pharaon đã cấm điều đó và tôi là công bộc của ngài.

Tôi thấy rõ ông ta nổi giận trước những lời tôi nói, nhưng ông ta là một giáo sĩ thượng phẩm và lý trí của ông ta mạnh hơn cảm xúc. Vì thế ông ta kìm nén nỗi tức giận của mình và nhoẻn cười nói:

- Tên tôi là Hrihor, để ông có thể báo cho lính canh biết, nhưng tôi không sợ lính của Pharaon giả và cũng không sợ roi vọt và hầm mỏ của y, mà tôi sẽ chữa lành cho tất cả những ai đến với tôi nhân danh Amon. Nhưng chúng ta đừng tranh cãi về những vấn đề này mà hãy nói chuyện với nhau như những người hiểu biết. Vậy hãy cho phép tôi mời ông về phòng tôi uống rượu vì ông chắc hẳn đã thấm mệt sau khi ngồi trên ghế cứng trong nhiều giờ.

Ông ta dẫn tôi đi dọc những hành lang đá đến buồng mình. Không khí nặng nề ở các hành lang cho tôi biết chúng tôi đang ở

dưới lòng đất và tôi đoán chúng tôi đang ở trong các hang sâu của Amon. Không biết bao nhiêu câu chuyện đã được kể về những cái hang này, nhưng chắc chưa người thường nào được thấy chúng. Hrihor bảo danh y của Nhà Sống đi ra và hai chúng tôi đến buồng của ông ta, nơi không thiếu bất kỳ tiện nghi nào để làm thỏa mãn con người. Trên giường của ông ta có lọng che, rương và hòm đều bằng ngà voi và gỗ mun, những tấm thảm mềm mại và toàn bộ căn phòng sực nức mùi dầu thơm đắt tiền. Ông ta lịch sự rưới nước thơm lên tay tôi rồi bảo tôi ngồi xuống và mời tôi bánh mật ong, trái cây và rượu mạnh lâu năm pha với mộc dược của đồi rượu Amon. Chúng tôi cùng uống rượu và ông ta nói với tôi:

- Sinuhe, chúng tôi biết ông và đã dõi theo những bước đi của ông, biết ông rất yêu quý Pharaon giả và vị thần giả của ông ta không xa lạ với ông như chúng tôi mong muốn. Tuy nhiên, tôi đảm bảo với ông rằng vị thần của ông ta không có gì hơn Amon, vì sự ngược đãi và thù hận của Pharaon đã thanh tẩy Amon và khiến ngài trở nên mạnh mẽ hơn. Nhưng tôi không viện dẫn những điều thần thánh khi nói với ông mà chỉ kêu gọi ông, một thầy thuốc đã chữa bệnh cho người nghèo mà không đòi quà và một người Ai Cập yêu xứ đất đen hơn đất đỏ. Vì vậy, tôi nói với ông rằng Pharaon Ekhnaton là sự nguyền rủa với dân nghèo, là thảm họa đối với toàn bộ Ai Cập và phải hạ bệ ông ta trước khi tai họa mà ông ta gây nên lớn đến mức máu đổ cũng không thể cứu vãn được.

Tôi nhấp ngụm rượu của ông ta và nói:

- Với tôi các vị thần đều giống nhau và tôi đã quá ngán thần linh, nhưng thần của Pharaon Ekhnaton khác với tất cả thần linh đã từng có, thần của ngài không có ảnh tượng, tất cả mọi người đều bình đẳng trước thần và bất cứ ai, người nghèo, nô lệ và cả những người lạ đều có chỗ đứng của mình trước thần của ngài. Vì thế tôi tin rằng một năm thế giới vừa kết thúc và một năm thế giới mới đang bắt đầu. Do đó, ngay cả điều không tưởng cũng có thể xảy ra, một điều gì đó trái với lý trí của con người. Bởi từ trước đến nay chưa bao giờ có một dịp như thế này để làm mới, thay đổi tất cả và làm cho mọi người trở thành anh em của nhau.

Hrihor cười, giơ tay phản bác và nói:

- Sinuhe, tôi nhận ra là ông đang nằm mơ giữa ban ngày, dù tôi đã tin ông là một người sáng suốt. Mục đích của tôi nhỏ mọn hơn nhiều. Tôi chỉ mong mọi thứ vẫn như trước, người nghèo được no đủ và luật pháp nghiêm minh. Tôi chỉ muốn ai ai cũng được an toàn để hành nghề và tin vào những gì họ muốn tin. Tôi muốn tất

cả những gì làm cho cuộc sống xưa nay tiếp tục, tôi muốn có sự khác biệt giữa nô lệ, đầy tớ và chủ của chúng. Tôi muốn sức mạnh và vinh quang của Ai Cập vẫn được giữ gìn nguyên vẹn, tôi muốn những đứa trẻ được sinh ra ở mỗi vùng đất đều có vị trí riêng của mình, công việc của từng người đều được định rõ từ đầu cho đến cuối cuộc đời và không có sự bất ổn nào tổn hại trái tim của bất kỳ ai. Tôi muốn tất cả những điều đó, vì thế phải lật đổ Pharaon Ekhnaton.

Ông ta chạm vào cánh tay tôi như van nài, rồi cúi đầu về phía tôi và nói:

- Sinuhe, ông là người hiền lành, tốt bụng và không muốn làm hại bất cứ ai. Nhưng chúng ta đang sống trong thời kỳ mà mỗi người phải lựa chọn và không ai có thể né tránh. Người nào không đi cùng chúng ta tức là người đó chống lại chúng ta và sẽ phải chịu hậu quả, vì chắc ông không dại dột đến mức nghĩ rằng quyền uy của Ekhnaton sẽ kéo dài lâu. Với tôi, việc ông tôn sùng hay không tôn sùng thần nào cũng như nhau, vì không cần đức tin của ông, Amon vẫn hiện hữu. Nhưng, Sinuhe, việc xóa bỏ lời nguyền cho Ai Cập nằm trong tầm tay ông. Việc xóa bỏ nghèo đói, khốn cùng và bất ổn khỏi miền đất đen nằm trong khả năng của ông. Việc phục hồi lại sự hùng mạnh cho Ai Cập nằm trong tay ông, Sinuhe.

Lời nói của ông ta khiến tôi băn khoăn, vì vậy tôi nhấp thêm rượu và cả miệng lẫn mũi tôi phả mùi thơm mộc dược ngọt ngào. Tôi gượng cười và nói với ông ta:

- Chắc ông đã bị chó dại cắn hoặc bọ cạp đốt, vì tôi thật sự không có quyền hành về bất cứ điều gì, tôi cũng không chữa lành người bệnh tài tình như ông.

Ông ta đứng dậy và nói:

- Tôi sẽ cho ông xem một thứ.

Rồi ông ta cầm đèn và dẫn tôi ra hành lang, mở một cánh cửa được khóa bằng nhiều ổ khóa; ánh đèn của ông chiếu sáng căn buồng lấp lánh muôn vàn vàng bạc và đá quý chứa trong những vò, hũ bằng vàng cao ngang đầu người. Ông ta nói với tôi:

- Đừng sợ. Tôi hoàn toàn không định dùng vàng để mua chuộc ông, tôi không ngu ngốc đến như thế, mặc dù để ông thấy Amon vẫn còn giàu có hơn Pharaon có lẽ cũng không sao. Không, tôi không cám dỗ ông bằng vàng, tôi chỉ muốn cho ông xem một thứ.

Ông ta mở một cánh cửa khác bằng đồng rất nặng và chiếu đèn vào một hốc nhỏ, trong hốc có một bức tượng sáp ngự trên giường đá, đầu tượng đội vương miện hai tầng, ngực và thái dương cắm những ghim nhọn bằng xương. Theo bản năng, tôi giơ tay lên và đọc những câu thần chú chống lại ma thuật, những câu mà tôi đã học thuộc trước khi được thụ phong giáo sĩ bậc thấp nhất. Hrihor mỉm cười nhìn tôi, tay nắm chặt cây đèn.

- Ông tin rồi chứ, - ông ta nói, - thời của Pharaon Ekhnaton sắp hết, vì chúng tôi đã nhân danh Amon yểm ông ta vào bức tượng này và xuyên những mũi kim thần thánh của Amon qua đầu và tim ông ta. Tuy nhiên, ma thuật tác động chậm khiến nhiều điều ác vẫn kịp xảy ra và chắc chắn ở một mức độ nào đó, thần của ông ta có thể bảo vệ ông ta trước ma thuật của chúng tôi. Bởi vậy tôi muốn nói chuyện thêm với ông sau khi ông nhìn thấy cảnh này.

Ông ta cẩn thận khóa tất cả các cửa rồi dẫn tôi trở lại phòng mình và rót thêm rượu vào cốc của tôi. Nhưng rượu tràn ra cằm tôi và miệng cốc lập cập đập vào răng tôi, vì tôi biết tôi đã tận mắt chứng kiến một phép thuật quyền năng hơn tất cả các loại ma thuật và không ai có khả năng chống lại nó. Bùa phép yểm vào bức tượng sáp này khủng khiếp đến mức các giáo sĩ Amon không dám nói nó thành tiếng trong đền thờ thần, mà chỉ đọc được nó từ những kinh sách cổ và nhiều người tin rằng hai ngàn năm sau khi xây dựng các kim tự tháp, phép thuật như vậy không còn được thực hiện. Hrihor nói:

- Từ đây ông có thể thấy rằng sức mạnh của Amon lan đến tận Akhetaton, vì thế đừng hỏi tôi làm thế nào chúng tôi lấy được tóc của ông ta, có được những mẩu móng tay và móng chân cắt ra của ông ta để cho vào tượng sáp, nhưng tôi có thể nói với ông rằng chúng tôi không dùng vàng mua chúng mà chúng tôi nhận được chúng nhân danh Amon.

Ông ta nhìn tôi dò xét và cân nhắc lời nói của mình, cuối cùng ông nói:

- Quyền năng của Amon lớn lên từng ngày như chính ông đã thấy khi tôi chữa lành người bệnh nhân danh Amon. Lời nguyền của Amon đối với Ai Cập sẽ ngày càng tồi tệ hơn. Pharaon càng sống lâu, người dân càng phải đau khổ vì ông ta, vì phép thuật tác động chậm. Nhưng dù sao Pharaon giả sẽ phải chịu những cơn đau đầu khiến sức lực của ông ta dần cạn kiệt. Ông sẽ nói gì, Sinuhe, nếu tôi cho ông một loại thuốc chữa đau đầu cho Pharaon, để ông ta không bao giờ bị đau nữa?

- Con người ta luôn dễ bị ốm đau, - tôi nói. - Chỉ những người chết mới không bao giờ phải chịu đau đớn nữa.

Ông ta nhìn tôi đôi mắt rực lửa và ý chí của ông ta trói chặt tôi lại khiến tôi không thể giơ tay lên khi ông ta nói:

- Có lẽ là vậy, nhưng thuốc này không để lại dấu vết và không ai có thể buộc tội ông, ngay cả những người ướp xác cũng không nhận thấy điều gì khác lạ trong cơ thể ông ta. Nhưng ông không cần phải biết gì thêm về những điều này, chỉ cho Pharaon thuốc để chữa trị cơn đau đầu của ông ta. Sau khi uống thuốc, ông ta sẽ ngủ và sẽ không bao giờ phải đau đớn hay buồn phiền nữa.

Ông ta giơ tay lên ngăn tôi và nói:

- Tôi không mua chuộc ông bằng vàng, nhưng nếu ông làm việc ấy, ông sẽ được lưu danh muôn thuở, thi thể ông sẽ không tan vào cát bụi mà sẽ trường tồn. Những bàn tay vô hình sẽ che chở ông mỗi ngày trong suốt cuộc đời và bất cứ điều ước nào của con người cũng sẽ thành hiện thực với ông. Tôi hứa với ông tất cả những điều này vì tôi có quyền hứa như vậy với ông.

Ông ta giơ cả hai tay lên, nhìn tôi với ánh mắt sáng rực và tôi không thể né tránh ánh mắt đó. Ý chí của ông ta ghìm tôi xuống khiến tôi không thể cử động, không thể giơ tay và không thể đứng dậy. Ông ta bảo:

- Nếu tôi nói với ông: "Đứng dậy", ông đứng dậy. Nếu tôi nói với ông: "Giơ tay lên", ông giơ tay lên. Nhưng tôi không thể ra lệnh cho ông thờ phụng Amon nếu ông không muốn và tôi không thể bắt ông làm những việc trái ý ông. Điều này giới hạn quyền lực của tôi với ông. Vì vậy hãy thề với tôi đi, Sinuhe, vì lợi ích của Ai Cập, hãy nhận thuốc tôi đưa cho ông và chữa lành vĩnh viễn bệnh đau đầu của Ekhnaton.

Ông ta buông tay xuống và tôi lại cử động được, nâng cốc rượu lên môi mà không run nữa. Mùi mộc dược theo rượu tràn vào miệng, mũi tôi và tôi nói với ông ta:

- Hrihor, tôi không hứa với ông điều gì, nhưng hãy đưa thuốc cho tôi. Đưa cho tôi thứ thuốc từ bi đó, vì có thể nó còn tốt hơn cả nước anh túc và biết đâu đến một lúc nào đó, chính Pharaon sẽ không bao giờ muốn thức dậy nữa.

Ông ta đưa cho tôi thuốc đựng trong lọ thủy tinh sặc sỡ và nói:

- Tương lai của Ai Cập nằm trong tay ông, Sinuhe. Vì thật không phải nếu ai đó giơ tay hại Pharaon, nhưng nỗi khốn khổ và nôn nóng của dân chúng rất lớn và có thể đến một lúc nào đó người ta nhớ ra rằng Pharaon cũng là con người và máu ông ta sẽ chảy nếu da của ông ta bị giáo hay dao xé toạc. Điều đó không bao giờ được xảy ra, vì khi đó quyền lực pharaon sẽ suy yếu. Vì vậy, số phận của Ai Cập bây giờ nằm trong tay ông, Sinuhe.

Tôi giắt lọ thuốc vào thắt lưng và chua chát nói:

- Số phận của Ai Cập có lẽ đã nằm trong những ngón tay đen ngày tôi ra đời, những ngón tay đan những thân sậy với nhau. Nhưng có những điều cả ông cũng không biết, Hrihor, dù ông nghĩ mình biết tất cả. Cho dù tôi có thuốc, nhưng hãy nhớ rằng tôi không hứa điều gì chắc chắn với ông.

Ông ta mỉm cười, giơ tay chào và nói theo thói quen:

- Phần thưởng của ông sẽ rất lớn.

Sau đó ông ta tiễn tôi đi dọc những hành lang và không giấu tôi bất cứ điều gì nữa vì mắt ông ta nhìn thấu tim gan mọi người và ông ta biết tôi sẽ không tiết lộ về ông ta. Vì vậy, tôi có thể kể rằng dưới ngôi đền lớn có các hầm của Amon, nhưng làm thế nào để vào được thì tôi không muốn nói vì bí mật đó không phải của tôi.

6

Vài ngày sau, Thái hậu Teje qua đời trong cung điện vàng. Bà chết vì bị một con rắn cát nhỏ cắn khi bà đang thử bẫy chim trong vườn thượng uyển. Người ta không tìm được danh y riêng của bà ngay lúc đó, bởi thường khi người ta cần đến thầy thuốc nhất thì lại không thể gặp được. Vậy nên người ta đến Thebes đón tôi, nhưng khi tôi đến được hoàng cung thì chỉ có thể chứng thực là bà đã chết. Nhưng không thể đổ lỗi cho các thái y của bà, vì người bị rắn cát nhỏ cắn sẽ chết nếu trong một trăm nhịp tim đập đầu tiên, vết cắn không được mổ ra và mạch máu ở trên nó không được thắt chặt.

Theo tập quán, tôi phải nán lại hoàng cung để giao thi thể cho người mang đến Nhà Chết. Tôi gặp giáo sĩ Eje lầm lì bên thi thể Thái hậu, ông ta đưa tay chạm vào gò má sưng phù của Thái hậu

và nói: "Đã đến lúc bà ấy phải chết, vì bà ấy là mụ già đã cùng ta nghĩ ra bao mưu kế làm ta phát ngán. Những việc làm của bà ấy đã trừng phạt chính bà và ta hy vọng dân chúng sẽ nguôi đi sau khi bà ấy về với tổ tiên". Nhưng tôi không nghĩ Eje giết Thái hậu, vì chắc Eje không dám làm điều đó. Thật ra những tội ác và những bí mật khủng khiếp gắn kết con người với nhau hơn cả tình yêu và tôi biết rằng dù nói những lời lạnh lùng đó, Eje sẽ nhớ Thái hậu sau cái chết của bà, bởi trong nhiều năm qua họ đã quá gần gũi nhau.

Khi tin Thái hậu qua đời lan đến Thebes, dân chúng tràn ra đường phố và bãi chợ ăn mừng trong những bộ váy áo đẹp nhất. Những lời tiên đoán lan truyền từ miệng này sang miệng kia và ngày càng nhiều nữ thánh xuất hiện trong dân chúng kể lể những điềm gở. Đám đông cũng tụ tập bên ngoài tường thành hoàng cung và để trấn an dân chúng cũng như thu phục được lòng tin yêu của họ, Eje đã ra lệnh đánh đuổi các phù thủy da đen của Thái hậu Teje ra khỏi hầm của hoàng cung. Họ gồm năm người, một trong số đó là đàn bà, xấu xí và béo như một con hà mã. Lính cấm vệ đã quất roi đuổi họ ra khỏi cổng sậy và dân chúng xông đến xé họ ra từng mảnh; lúc đó phép thuật của họ không thể bảo vệ được họ. Eje cũng cho phá hủy và đốt tất cả đồ dùng làm ma thuật và thuốc cũng như các gốc cây thiêng của họ ở trong hầm; điều này thật đáng tiếc vì tôi rất muốn biết về thuốc và phép thuật của họ.

Không ai trong cung điện tiếc thương Thái hậu và số phận những phù thủy của bà. Chỉ Công chúa Baketaton đến bên thân mẫu, đặt bàn tay xinh đẹp vào đôi bàn tay đen sạm của bà và nói:

- Chồng của mẫu hậu đã làm điều độc ác khi cho dân chúng xé xác phù thủy da đen của mẫu hậu.

Công chúa cũng nói với tôi:

- Những phù thủy này hoàn toàn không độc ác và họ cũng không thích ở lại đây mà chỉ luyến nhớ những khu rừng và những mái nhà tranh của họ. Lẽ ra không nên trừng trị họ vì những việc làm của thân mẫu ta.

Thế là tôi được gặp Công chúa Baketaton, người nhìn tôi, nói chuyện với tôi và tôi yêu mến Công chúa ngay vì vẻ kiêu hãnh và dáng đầu đẹp của người. Công chúa hỏi tôi về Horemheb và giễu cợt bạn tôi:

- Horemheb xuất thân thấp hèn và ăn nói thô lỗ, nhưng nếu lấy

vợ, anh ta có thể sinh ra một dòng dõi quyền quý. Sinuhe, ngươi có thể nói vì sao anh ta không chọn cho mình một vị hôn thê không?

Tôi nói với Công chúa:

- Thưa Công chúa Baketaton, Công chúa không phải là người đầu tiên dò hỏi điều đó, nhưng vì vẻ đẹp kiêu sa của người, tôi sẽ chỉ nói cho Công chúa những gì tôi chưa dám nói với bất kỳ ai. Khi còn là một thanh niên và lần đầu tiên đến cung điện, Horemheb đã vô tình nhìn lên mặt trăng. Từ đó, anh ta không thể nhìn đến bất kỳ thiếu nữ nào để cùng đập vò. Nhưng còn Công chúa thì sao, Baketaton? Không cây nào cứ mãi trổ hoa, mà cây cần một lần kết trái, với tư cách là một thầy thuốc, tôi muốn được thấy vòng eo của Công chúa bung hoa, đơm quả.

Công chúa kiêu ngạo lắc đầu và nói:

- Sinuhe, ngươi biết rõ dòng máu ta quá thiêng liêng để có thể hòa trộn với dòng máu của những người cao quý nhất Ai Cập. Vì thế sẽ tốt hơn nhiều nếu như em trai ta chọn ta làm hôn thê theo phong tục và như vậy chắc chắn ta đã sinh con trai cho Pharaon từ lâu rồi. Hơn nữa nếu có quyền lực, ta sẽ cho chọc mù mắt gã Horemheb đó, vì thật nhục nhã khi nghĩ anh ta đã dám nhìn lên mặt trăng. Sinuhe, ta cũng nói thẳng với ngươi là chỉ cần nghĩ về đàn ông thôi cũng khiến ta kinh hãi, vì sự đụng chạm của họ thật thô bạo, đáng hổ thẹn và thân thể rắn chắc của họ đè bẹp người phụ nữ mảnh mai. Vì vậy, ta nghĩ rằng người ta thổi phồng quá mức niềm vui sướng mà đàn ông có thể mang lại cho phụ nữ.

Nhưng đôi mắt Công chúa bắt đầu lóe sáng vẻ kích động và người thở gấp gáp khi nói làm tôi thấy những lời như vậy đem đến cho người niềm đam mê lớn. Vì vậy tôi khích lệ thêm:

- Tôi đã từng nhìn Horemheb bạn tôi lên gân, căng cơ bắp làm đứt chiếc vòng đồng rắn chắc mà người ta luồn vào cánh tay anh ấy. Tay chân anh ấy dài và rắn chắc, lồng ngực anh ấy căng phồng như chiếc trống khi anh đấm vào ngực mình vì tức giận. Cung nữ rên rỉ như mèo chạy theo anh ấy và anh ấy có thể làm bất cứ điều gì mình muốn với bất cứ ai.

Công chúa Baketaton nhìn tôi, đôi môi tô son run lên, cặp mắt lóe sáng, và tức giận nói:

- Sinuhe, lời ngươi nói với ta thật đáng giận và ta không hiểu tại sao ngươi lại lải nhải với ta về gã Horemheb đó. Dù gì đi nữa, anh ta sinh ra phân dính giữa các ngón chân và cái tên của anh ta cũng

đáng ghét với ta. Ta thật không đủ sức hiểu tại sao ngươi lại kể chuyện đó với ta bên cạnh thi thể của thân mẫu ta.

Tôi không muốn nhắc Công chúa ai mới là người nói về Horemheb trước. Vì thế tôi vờ hối lỗi:

- Ồ, Công chúa Baketaton, vậy người hãy cứ như cây đang nở hoa, vóc dáng người sẽ không tàn phai và người sẽ tươi tắn xinh đẹp trong nhiều năm nữa. Nhưng chẳng lẽ thân mẫu người không có cung nữ thân tín nào khóc than và kêu van bên thi thể bà cho đến khi Nhà Chết đến đón bà và những mụ khóc mướn được thuê đến khóc và dứt tóc xung quanh bà ấy? Nếu biết khóc, tôi sẽ khóc, nhưng là thầy thuốc, nước mắt tôi đã cạn từ lâu trước cái chết. Cuộc đời là ngày nóng bức, Công chúa Baketaton ạ, cái chết có lẽ là đêm mát mẻ. Cuộc đời là vũng nước nhỏ nông choèn, cái chết là vịnh nước sâu rộng.

Công chúa kêu lên:

- Ôi, Sinuhe, đừng nói với ta về cái chết, khi cuộc đời vẫn dâng vị ngọt trong miệng ta. Nhưng đúng là thật hổ thẹn khi không có ai khóc bên thi thể thân mẫu ta. Tất nhiên, ta không thể khóc vì việc đó không thích hợp với địa vị của ta và màu son sẽ bắt đầu chảy xuống hàng mi và làm nhờ nhoẹt lớp phấn trên má ta. Nhưng ta sẽ sai một cung nữ nào đó đến khóc cùng ngươi, Sinuhe ạ.

Tôi đùa đùa nói với Công chúa:

- Baketaton thiên thần ơi, sắc đẹp của Công chúa đã làm tôi phấn khích và lời nói của Công chúa như thêm dầu vào ngọn lửa tôi. Công chúa hãy sai một ai đó già và xấu đến than khóc, để tôi không quyến rũ bà ấy trong cơn kích động của mình và không làm ô uế nhà tang lễ.

Công chúa lắc đầu vẻ chê trách và nói:

- Sinuhe, ngươi không thấy hổ thẹn với điều ngu ngốc mà ngươi vừa nói ư? Dù ngươi không sợ thần linh như người ta nói, ít nhất ngươi cũng nên kính trọng thần chết chứ.

Nhưng là đàn bà, Công chúa không hề xem lời tôi nói là thất lễ mà người đi sai một cung nữ đến khóc bên thi thể mẹ mình cho đến khi phu khiêng của Nhà Chết đến.

Nhưng tôi có mục đích khi báng bổ thần thánh như thế bên thi thể của người quá cố và nôn nóng đợi cung nữ đến.

Và bà ta đã đến, một người già và xấu hơn bất cứ ai mà tôi dám mong đợi, vì tất cả các phi tần của Thái thượng hoàng, của Pharaon Ekhnaton cũng như các vú nuôi và cung nữ của họ vẫn đang sống trong hậu cung của Thái hậu. Tên cung nữ đó là Mehunefer và dù bà ta từ hậu cung đến, tôi vẫn nhận ra trên khuôn mặt bà ta hương vị đàn ông và rượu. Biết bổn phận của mình, bà ta bắt đầu khóc nức nở và vò đầu dứt tóc bên cạnh thi thể Thái hậu, trong lúc đó tôi đi lấy rượu. Khóc được một lúc, bà ta đồng ý uống rượu sau khi tôi bảo đảm với bà ta với tư cách thầy thuốc rằng rượu sẽ tốt cho bà ta trong nỗi đau tang tóc này. Trong khi bà ta uống, tôi bắt đầu gợi nhắc lại vẻ đẹp trước kia của bà. Tôi cũng nói với bà ta về trẻ con và về các công chúa nhỏ của Pharaon Ekhnaton, rồi tôi bất ngờ giả vờ ngốc nghếch hỏi bà ta:

- Người ta đồn rằng Hoàng thái hậu là hoàng phi duy nhất của thánh thượng sinh con trai cho người, thật vậy ư?

Mehunefer vừa hốt hoảng nhìn người quá cố vừa lắc đầu ngăn tôi nói, vì thế tôi tiếp tục nói với bà ta những lời có cánh, tâng bốc bà ta về tóc tai, xiêm áo và trang sức. Tôi cũng nói về cặp mắt và đôi môi của bà ta, cho đến khi bà ta quên hẳn việc khóc than và thích thú lắng nghe tôi. Vì đàn bà luôn tin những lời như vậy dù biết rất rõ đó không phải là sự thật; càng già, càng xấu, họ lại càng tin hơn vì họ muốn tin. Thế rồi chúng tôi trở thành bạn tốt của nhau, và sau khi phu khiêng xác của Nhà Chết đến và đưa thi thể đi, bà ta mời tôi về phòng mình trong hậu cung của Pharaon và vừa uốn éo, ve vãn nhiều kiểu vừa uống rượu với tôi. Khi say, miệng lưỡi bà ta liến láu thoải mái hơn và mọi ổ khóa trong bà ta bật mở. Bà ta đưa tay vuốt má tôi, khen tôi đẹp trai và kể cho tôi nghe nhiều chuyện phiếm đáng xấu hổ nhất trong cung để làm tôi dạn dĩ hơn. Bà ta cũng khúc khích cười kể cho tôi chuyện Thái hậu thường công khai vui thú với những phù thủy da đen của mình:

- Bà ta, Thái hậu ấy, là một người đàn bà kinh khủng và đáng sợ. Tôi thở phào nhẹ nhõm hơn khi bà ấy đã chết, tôi không thể hiểu được sở thích của bà ấy khi bà ấy vẫn có những thanh niên Ai Cập trẻ đẹp, da nâu, bóng bẩy và thơm tho.

Bà ta hít hà ngửi vai và tai tôi, nhưng tôi ẩn bà ta ra và nói:

- Thái hậu Teje vĩ đại là một người đan sậy tài giỏi nhỉ? Chẳng phải Thái hậu đã đan những chiếc thuyền nhỏ từ những thân sậy rồi đêm đêm sai thả chúng xuôi dòng xuống hạ lưu ư?

Câu hỏi của tôi làm bà ta hoảng sợ và hỏi:

- Sao anh có thể biết được điều đó?

Nhưng rượu đã làm bà ta mất khả năng suy xét và vì mong muốn khoe khoang chế ngự nên bà ta nói:

- Nhưng ta biết nhiều hơn anh và ta biết có ít nhất ba cậu bé vừa chào đời đã bị bỏ vào thuyền thả trôi sông như những đứa trẻ nghèo khổ nhất. Trước khi Eje đến đây, mụ phù thủy già đó sợ thần linh và không muốn tay mình nhuốm máu. Chính Eje đã dạy bà ta cách đầu độc người khác, khiến Công chúa Tadukhipa của Mitanni chết trong khi khóc than, gào thét gọi tên con trai và tìm cách thoát khỏi cung điện để tìm con trai mình.

- Ôi, Mehunefer xinh đẹp, - tôi nói và đưa tay chạm vào đôi má trát đầy phấn của bà ta. - Chắc chắn bà nghĩ tôi còn trẻ và không có kinh nghiệm nên bắt tôi phải tin vào những câu chuyện không có thật đó. Công chúa Mitanni không thể sinh con trai, mà nếu bà ấy sinh được thì đó là khi nào cơ chứ?

- Còn lâu anh mới là một chàng trai trẻ và thiếu từng trải, danh y Sinuhe ạ, - bà ta nói và bật cười khanh khách.

- Trái lại, bàn tay anh xảo trá và gian dối, đôi mắt anh quỷ quyệt, và quỷ quyệt nhất chính là lưỡi anh, cái lưỡi đã trút vào tai tôi những lời dối trá trơ trẽn. Nhưng những lời dối trá của anh như mật ngọt rót vào tai bà già, Sinuhe ạ, khiến tôi không thể kiềm chế được, mà tôi sẽ kể cho anh nghe tất cả về Công chúa Mitanni, người đã có thể trở thành hoàng hậu vĩ đại, mặc dù những lời này có thể quàng sợi dây mỏng mảnh quanh cổ tôi nếu Teje còn sống. Sinuhe ạ, thực ra Công chúa Tadukhipa chỉ là một cô bé khi người từ vùng đất xa xôi đến hậu cung của Pharaon. Công chúa chỉ là một đứa trẻ và chơi búp bê cho đến lớn trong hậu cung, giống như nàng công chúa bé nhỏ được gả cho Ekhnaton và cũng đã chết. Pharaon Amenhotep không động đến người mà yêu Công chúa như yêu một đứa trẻ, chơi đồ hàng với Công chúa và tặng cho Công chúa biết bao nhiêu đồ chơi bằng vàng. Nhưng khi Tadukhipa trở thành thiếu nữ và tròn mười bốn tuổi, nàng trông mới xinh đẹp làm sao, tay chân nàng mảnh mai và thanh tú, đôi mắt sâm sẫm của nàng nhìn về những vùng đất xa xăm và làn da nàng như tro trắng, giống như tất cả phụ nữ Mitanni. Khi đó Pharaon làm tròn nghĩa vụ của mình đối với Công chúa, cũng như ngài vui vẻ làm tròn nghĩa vụ của mình đối với nhiều phi tần bất chấp mọi mưu đồ của Teje, vì trong những việc như vậy, người đàn ông khó có thể kiềm chế mình, chừng nào chùm rễ cây của anh ta chưa bị khô. Thế là hạt mạch bắt đầu nảy mầm xanh cho

Tadukhipa, nhưng không lâu sau đó hạt mạch cũng bắt đầu đâm mầm xanh cho Teje và bà ta vô cùng sung sướng, bởi vì bà ta chỉ mới sinh cho Pharaon một con gái, tức Baketamon hống hách và ngạo mạn này, tất nhiên, tôi muốn nói là Baketaton nhưng lưỡi tôi hay bị líu lại.

Bà ta lấy rượu tiếp sức cho lưỡi và nó không hề líu lại mà tiếp tục liến thoắng:

- Nhưng những ai biết điều gì đó đều biết rằng hạt mạch trong Teje nảy mầm từ Heliopolis, nhưng không nói gì thêm về điều này là tốt nhất. Dù sao Teje đã sống trong nỗi thống khổ tột cùng trong thời gian Tadukhipa mang thai và cố dùng mọi cách để phá cái thai của Công chúa, như cách bà ta đã làm với nhiều phi tần trong hậu cung của Pharaon với sự trợ giúp của các phù thủy da đen. Mấy năm trước đó, bà ta đã thả hai bé trai sơ sinh trên thuyền sậy cho xuôi dòng sông nhưng chuyện này không đáng kể, vì chúng là con của những phi tần hèn mọn rất sợ Teje và bà ta đã bồi hoàn cho họ rất nhiều quà, khiến họ bằng lòng với phận mình khi thấy bên mình là con gái thay vì con trai. Nhưng Công chúa Mitanni là một đối thủ đáng gờm hơn, vì người thuộc dòng dõi hoàng tộc, có những người bạn luôn bảo vệ người và người hy vọng mình được phong hoàng phi thay cho Teje nếu người sinh được con trai. Tuy nhiên, quyền lực của Teje quá lớn và khi hạt mạch nảy mầm xanh trong bà ta thì nỗi điên khùng của bà đáng sợ đến mức không ai dám chống lại, và Eje, người bà ta mang theo từ Heliopolis, luôn ở bên bà ta. Vì vậy, khi Công chúa Mitanni lâm bồn, bạn bè của Công chúa bị đuổi đi nơi khác, các phù thủy da đen vây quanh giả vờ làm dịu cơn đau của người. Khi Công chúa muốn nhìn con trai mình, người ta cho người nhìn một bé gái đã chết. Nhưng Công chúa không tin Teje. Cả tôi, Mehunefer, cũng biết Công chúa đã sinh được một bé trai, bé trai còn sống và bị bỏ xuống thuyền sậy trôi xuôi theo dòng sông vào ngay đêm đó.

Tôi cười ầm lên và hỏi:

- Làm sao mà chính bà lại biết được điều đó cơ chứ, Mehunefer xinh đẹp?

Bà ta phát cáu, dốc ngược cốc uống thêm làm rượu đổ tràn xuống cằm, rồi gắt gỏng:

- Thề với tất cả thần linh, tự tay tôi bứt sậy vì Teje không muốn lội xuống nước khi đang mang thai.

Tôi kinh hoàng trước câu nói của bà ta, đứng bật dậy và đổ rượu trong cốc xuống sàn rồi dùng chân chà rượu ra thảm để biểu lộ sự ghê tởm của mình. Nhưng Mehunefer đã nắm lấy tay tôi, ép tôi ngồi xuống cạnh mình và nói:

- Tôi không định nói điều này và chỉ tự hại mình khi kể nó ra, nhưng tôi không biết điều gì trong anh tác động đến tôi mạnh mẽ đến thế, khiến tôi không thể giữ được điều bí mật nào trước anh, Sinuhe ạ. Vì thế tôi thú thật: chính tôi đã cắt sậy và Teje lấy chúng để đan thuyền, vì bà ta không tin tưởng các nô tỳ và bà ta đã trói buộc tôi bằng phép thuật và những việc làm của chính tôi, vì khi còn trẻ và ngu ngốc, tôi đã làm những việc mà nếu bị phát hiện tôi sẽ bị đánh và đuổi khỏi hậu cung, nhưng ai lại không làm những việc như vậy trong hậu cung cơ chứ, còn bây giờ tôi chẳng lo sợ gì khi kể cho anh nghe về những việc đó. Dù sao thì bà ta cũng đã khống chế tôi, buộc tôi lội xuống nước cắt sậy, còn bà ta vừa đan thuyền trong đêm tối vừa cười một mình và nói những lời báng bổ thần linh, vì bà ta rất hài lòng đã thắng được Công chúa Mitanni bằng cách này. Còn tôi tự an ủi mình với ý nghĩ ai đó chắc chắn sẽ tìm thấy đứa trẻ, mặc dù tôi biết điều đó không thể xảy ra, bởi vì những đứa trẻ trong những chiếc thuyền sậy trôi trên sông không chết vì cái nóng thiêu đốt thì cũng làm mồi cho cá sấu hay bị các loài chim ăn thịt cắp đi. Nhưng Công chúa Mitanni không chịu yên với bé gái chết yểu mà các phù thủy đặt bên cạnh mình, vì màu da của đứa bé khác với màu da của người, hình dáng đầu cũng khác với đầu của người và Công chúa không tin mình đã sinh ra đứa bé đó. Da của phụ nữ Mitanni mịn màng như vỏ trái cây và có màu khói hoặc tro nhạt, đầu họ nhỏ và thon. Vì thế, Công chúa bắt đầu kêu van, khóc lóc, giật đầu dứt tóc, đổ tội cho các phù thủy và Teje cho đến khi Teje sai các thầy thuốc bắt người uống nhiều loại thuốc mê rồi nói rằng Công chúa bị mất trí vì đau khổ khi sinh ra một đứa trẻ đã chết. Và Pharaon, theo thói thường của đàn ông, tin vào Teje hơn là Tadukhipa. Từ đó trở đi, Tadukhipa dần mòn mỏi, héo hon và chết, nhưng trước khi chết, Công chúa đã nhiều lần tìm cách trốn khỏi hoàng cung để đi tìm con trai, vì thế ai cũng tin Công chúa dần bị mất trí.

Tôi nhìn bàn tay mình, thấy chúng trắng nhợt nhạt cạnh những ngón tay như tay khỉ đuôi dài của Mehunefer và da tay tôi có màu khói. Quá kinh hoàng và khiếp đảm, tôi khẽ khàng hỏi:

- Mehunefer xinh đẹp, bà có thể nói thêm tất cả những việc này đã xảy ra khi nào vậy?

Bà ta vuốt ve cổ tôi bằng những ngón tay thâm sì và nói với giọng

bỡn cợt:

- Ôi, chàng trai đáng yêu, sao lại phí thời gian quý báu của mình cho những việc xửa xưa như vậy, khi chàng có thể dùng thời gian của mình tốt hơn. Nhưng vì không thể giấu giếm chàng bất cứ điều gì, thiếp cho chàng biết là tất cả những việc này xảy ra khi Pharaon Đại đế đã trị vì được hai mươi hai năm và vào mùa thu khi lũ dâng cao ở mức đỉnh điểm. Nếu chàng thắc mắc vì sao thiếp nhớ mọi việc tốt đến thế, thì thiếp có thể giải thích là Pharaon Ekhnaton được sinh ra cùng năm đó, mặc dù ngài ra đời vào mùa xuân tiếp theo vào vụ gieo hạt khi sao Thiên Lang mọc. Đó là những gì thiếp nhớ.

Những lời nói của bà ta khiến tôi cứng người vì kinh hãi, đến mức tôi không thể chống cự, thậm chí không có cảm giác gì khi bà ta áp cái miệng sặc mùi rượu vào má tôi và dùng miệng với má mình nhuộm má tôi thành màu gạch. Bà ta cũng quàng tay quanh người tôi rồi siết chặt vòng ôm và gọi tôi là bò đực nhỏ, là bồ câu trống đáng yêu. Tôi lơ đãng đẩy bà ta ra và tâm trí tôi sôi sục như biển cả, mọi thứ trong tôi trỗi lên dữ dội để chống lại điều khủng khiếp này, vì nếu những gì bà ta nói là đúng, có lẽ dòng máu Pharaon Đại đế chảy trong huyết quản của tôi và tôi là anh cùng cha khác mẹ của Pharaon Ekhnaton. Tôi có thể là Pharaon trước ngài, nếu như sự lọc lừa của Teje không thắng được tình yêu của thân mẫu quá cố của tôi. Tôi chằm chằm nhìn về phía trước và nghĩ rằng tôi đã hiểu ra vì sao mình luôn cảm thấy cô đơn và xa lạ trên trái đất, vì dòng máu hoàng tộc luôn đơn độc giữa đám đông loài người. Tôi cũng đã hiểu ra vì sao khi ở xứ Mitanni, tôi lại có tâm trạng kỳ lạ và vì sao tôi lại cảm thấy bóng dáng của thần chết ngự trị trên vùng đất xinh đẹp và thanh lịch đó.

Nhưng những động tác bạo dạn của Mehunefer khiến tôi tỉnh táo trở lại, tôi lấy hết khả năng để chịu đựng những cái vuốt ve và lời tán tỉnh của bà ta, vì bàn tay và lời nói của bà ta làm tôi kinh hãi, cũng như tất cả mọi việc trong hoàng cung giờ đây khiến tôi khiếp sợ. Nhưng lý trí buộc tôi phải chịu đựng bà ta và tôi ép bà ta uống nhiều rượu hơn để bà ta say hơn và quên đi tất cả những gì đã nói với tôi. Nhưng càng say bà ta càng trở nên quái gở, nên cuối cùng tôi phải pha nước anh túc vào rượu cho bà ta ngủ để tôi thoát khỏi bà.

Cuối cùng, tôi rời khỏi phòng bà ta và hậu cung khi màn đêm đã buông xuống, người hầu và lính canh của hoàng cung chỉ tay vào tôi và cười khúc khích với nhau, nhưng tôi nghĩ họ cười chỉ vì chân tôi run, mắt tôi nhìn lơ ngơ về phía trước và quần áo của tôi

nhăn nhúm. Merit thao thức đợi tôi ở nhà, bồn chồn lo lắng vì tôi vắng mặt quá lâu từ khi nàng nghe tin Thái hậu qua đời. Khi thấy tôi, nàng đưa tay lên miệng, cả Muti cũng đưa tay lên miệng và họ nhìn nhau. Cuối cùng, Muti nói với Merit, giọng chua chát:

- Chẳng phải tôi đã ngàn lần nói với cô rằng tất cả đàn ông đều giống nhau và không thể tin được hay sao?

Nhưng tôi mệt mỏi và muốn ở một mình với những suy nghĩ của mình, vì thế tôi bực tức nói với họ:

- Tôi đã có một ngày mệt mỏi và không muốn nghe lời xỉa xói của các ngươi nữa.

Lúc đó, đôi mắt của Merit đầy vẻ sắc lạnh và nét mặt tối sầm lại vì tức giận, rồi nàng giơ một cái gương đồng ra trước mặt tôi và nói:

- Hãy nhìn mặt anh đi, Sinuhe! Tôi không hề cấm anh vui vẻ với đàn bà lạ, nhưng tôi mong anh ít nhất hãy làm điều đó khuất mắt tôi để nó không xúc phạm trái tim tôi. Anh cũng không thể nói anh đã ở một mình và buồn bã khi ra khỏi nhà hôm nay.

Tôi nhìn mặt mình và vô cùng kinh hãi vì mặt tôi lem luốc phấn son, mặt Mehunefer và môi bà ta để lại những vết đỏ trên má, cổ và thái dương tôi. Vì xấu xí và quá nhiều nếp nhăn, bà ta đã trát mặt dày đến mức mặt bà ta như có lớp vữa trát tường và với thói phù phiếm của mình, bà ta còn quết thêm son mới lên đôi môi tái nhợt sau mỗi lần uống một ngụm rượu từ trong cốc. Vì vậy, mặt tôi trông giống như mặt người mắc bệnh dịch hạch. Hết sức hổ thẹn, tôi vội vàng lau mặt trong khi Merit vẫn nhẫn tâm giơ gương trước mặt tôi.

Sau khi lau sạch mặt bằng dầu, tôi nói với vẻ hối hận:

- Em đã hiểu lầm mọi chuyện rồi, Merit, em cưng của anh. Hãy nghe anh giải thích.

Nhưng nàng cáu kỉnh nhìn tôi và nói:

- Tôi không cần lời giải thích của anh, Sinuhe, tôi cũng không muốn anh vì tôi mà làm bẩn miệng mình bằng những lời nói dối, vì trong chuyện này, không ai có thể hiểu lầm điều gì khi nhìn thấy cái mồm lấm lem nhem nhuốc của anh. Chắc chắn anh không nghĩ tôi còn thức và đợi anh vì anh thậm chí không thèm xóa dấu vết cơn hoan lạc trên mặt mình. Hay anh muốn khoe với tôi về chiến tích của mình và chứng tỏ rằng lũ đàn bà trong hoàng

cung yếu ớt như đám sậy trước mặt anh? Hay đơn giản là anh say khướt như một con lợn, đến nỗi không còn nhận ra việc mình làm lố bịch đến thế nào?

Tôi đã phải mất nhiều thời gian và công sức để làm nàng bình tĩnh lại, còn Muti bật khóc vì thương nàng và che mặt đi vào bếp, biểu lộ sự coi thường tất cả đàn ông. Nói đúng ra, tôi mất nhiều công sức để xoa dịu Merit hơn cả thoát khỏi Mehunefer, vì thế rốt cuộc tôi đã nguyền rủa tất cả đám đàn bà và nói:

- Merit, em hiểu anh hơn bất kỳ ai khác, vì thế em có thể tin ở anh. Em hãy tin rằng nếu muốn, anh có thể giải thích tất cả những điều này để em hoàn toàn hiểu ra, nhưng điều bí mật có thể không phải của anh mà của hoàng cung, vì vậy tốt hơn là em không nên biết vì tính mạng của mình.

Nhưng lưỡi nàng nhọn hơn cả vòi ong khi nàng nói đầy châm chọc:

- Tôi đã nghĩ rằng tôi hiểu anh, Sinuhe, nhưng giờ đây tôi mới thấy trong trái tim anh có những vực thẳm mà tôi chưa từng biết đến. Nhưng chắc chắn là anh làm đúng khi bảo vệ danh dự của một người phụ nữ và tôi không hề tò mò dò hỏi về những bí mật của anh. Hãy tránh xa tôi ra, vì với tôi anh được tự do đi và đến mặc lòng và tôi cũng cảm ơn tất cả các vị thần đã cho tôi hiểu phải giữ mình được tự do và từ chối đập vò cùng anh, nếu quả thật khi đó anh nói thật lòng mình. Ôi, Sinuhe, tôi đã ngu ngốc làm sao khi tin vào những lời dối trá của anh, vì có lẽ anh cũng đã thì thầm những lời như thế vào đôi tai xinh đẹp nào đó suốt cả tối hôm nay. Ôi, ước gì tôi đã chết.

Tôi cố gắng chạm tay vào nàng để xoa dịu nàng, nhưng nàng tỏ vẻ kinh tởm tránh ra và nói:

- Đừng động vào tôi, Sinuhe, chắc chắn anh đã quá mệt mỏi vì lăn lộn trên những tấm thảm mềm của hoàng cung suốt đêm rồi. Tôi không hề nghi ngờ là chúng mềm hơn thảm của tôi, và anh tìm thấy ở đó những bạn chơi trẻ và xinh đẹp hơn tôi.

Nàng đã nói như thế với tôi, đâm chọc vào trái tim đầy những vết thương nhỏ, đau nhói của tôi đến mức tôi thấy mình sắp phát điên. Chỉ đến lúc đó, nàng mới để tôi lại một mình và bỏ đi, không cho tôi tiễn nàng trở lại Đuôi Cá Sấu. Tôi sẽ còn đau khổ hơn nữa vì việc nàng bỏ đi nếu những suy nghĩ không trào dâng, sục sôi như biển cả trong đầu tôi và nếu tôi không muốn được ở lại một

mình với chúng. Vì vậy, tôi để nàng đi và tôi nghĩ chắc nàng chẳng thể ngờ rằng tôi để nàng đi mà không phản ứng gì thêm.

Đêm đó, tôi trằn trọc suy tư trên tấm thảm và khi đêm trôi đi, những ý nghĩ trở nên lạnh lẽo hơn và xa vời hơn khi hơi rượu bốc hết khỏi đầu và cái lạnh cắt xén chân tay khi không có ai bên cạnh sưởi ấm. Tôi lắng nghe tiếng nước ti tách trong đồng hồ nước, dòng nước không ngừng trôi và thời gian cũng trôi đi vô định khiến tôi cảm thấy xa lạ với chính bản thân mình. Tôi cũng tự nhủ trong lòng: "Tôi, Sinuhe, là người bị những việc làm của mình, không phải của ai khác, nhào nặn nên. Tôi, Sinuhe, đã đẩy bố mẹ nuôi của mình đến cái chết tức tưởi chỉ vì một người đàn bà độc ác. Tôi, Sinuhe, vẫn còn giữ dải ruy băng bạc trên tóc của Minea, người tôi yêu. Tôi, Sinuhe, đã nhìn thấy xác bò biển trương phình trên mặt nước và khuôn mặt của người tôi yêu trôi nổi khi loài giáp xác rỉa thịt nàng. Huyết thống của tôi quan trọng gì đâu vì tất cả những việc này đều được ghi lên các vì sao trước ngày tôi được sinh ra và số phận buộc tôi làm người xa lạ trên mặt đất này. Vậy nên sự bình yên của Akhetaton với tôi chỉ là sự giả dối kinh hoàng và tôi cần sự thật khủng khiếp này để trái tim tôi thức dậy khỏi cơn mê mụ và để tôi biết mình luôn phải cô đơn".

Nhưng khi mặt trời dát vàng nhô lên sau rặng núi phía đông, lập tức xua tan mọi bóng đen của màn đêm, trái tim con người lạ lùng đến mức tôi cười cay đắng trước cơn mê sảng của mình. Cho dù đúng đêm đó tôi đã trôi xuôi dòng sông trên chiếc thuyền sậy với những thân sậy đầy bồ hóng được đan bởi những múi đan của người bẫy chim và cùng thời gian đó hằng đêm những đứa trẻ vẫn bị bỏ rơi trên thuyền sậy trôi sông và những người đàn bà vẫn được đám thủy thủ từ miền Hạ đến đây quyến rũ và dạy cho cách đan của họ mà không ai nhận ra bằng chứng gì mặc dù da tôi có màu khói và nhợt nhạt hơn mọi người, vì các danh y sống cả đời dưới mái hiên nhà và da họ dần nhạt hơn. Không, trong ánh sáng chói chang ban ngày, tôi không tìm thấy bằng chứng thuyết phục nào cho sự ra đời của tôi.

Tôi cũng nghĩ mình đã nhìn thấy Pharaon Amenhotep Đại đế nằm hấp hối trên giường của ngài, nhìn ông lão đang chờ chết mà tôi không có cảm xúc gì, chỉ thấy vui với sự khéo léo của đôi tay mình vì là học trò của Nhà Sống, tôi được phép tẩy trùng và đưa cho Ptahor dụng cụ của ông ấy. Và tim tôi không quặn thắt khi ông ấy khoan sọ Pharaon. Nếu ngài thật sự là cha tôi, nếu hạt giống của ngài thật sự đã tạo ra tôi trong dạ con của Công chúa Mitanni, thì chắc chắn tim tôi đã run lên xúc động khi lần đầu tiên thấy ngài vào đêm ngài mất. Nhưng không có bất cứ cảm xúc chào đón ngài

nào trong tôi, mà tôi chỉ thấy một người đàn ông già nua sắp rời bỏ tất cả quyền uy của mình. Tôi cũng nghĩ một khi những ngón tay đen đúa của Thái hậu Teje đã từng giữ tôi vào đêm tôi sinh ra và để tôi vào chiếc thuyền sậy thả trôi sông đi vào cái chết, tim tôi hẳn đã run lên khi nhìn thấy bà ta, nhưng tôi luôn nhìn bà ta với sự tò mò và trước khi bà ta qua đời, tôi đã bình thản nói chuyện với bà ta mà trong tim không có cảm giác chống cự nào. Tôi đã nghĩ như thế và đối với tôi những ý nghĩ này mạnh hơn tất cả những bằng chứng mà đôi mắt và lý trí đưa ra, khiến tôi chỉ muốn tưởng tượng mình đã nằm mơ, nên tôi gạt cơn mê sảng này về sự ra đời của mình ra khỏi tâm trí.

Tôi tắm rửa và mặc quần áo, Muti thết tôi bia và cá muối, hai mắt đỏ hoe vì khóc và lộ rõ vẻ khinh thường tôi vì tôi là đàn ông. Tôi sai kiệu đưa mình đến Nhà Sống và ở lại đó để khám bệnh, nhưng không có thêm bệnh nhân nào cần khoan sọ. Từ Nhà Sống, tôi đi ngang qua ngôi đền hoang vắng, ra khỏi tháp môn và nghe tiếng những con quạ béo kêu quàng quạc từ những ô cửa sổ đá bắt chéo hình mắt cáo phía trên sát rìa mái đền.

Rồi một con én lướt vèo ngang tôi về phía đền Aton và những bước chân tôi theo cánh én đến đền thờ, nơi các giáo sĩ đang hát thánh ca ca ngợi Aton và dâng hương, trái cây, ngũ cốc cho ngài. Trong đền thờ Aton, rất nhiều người đang chăm chú lắng nghe các bài thánh ca của Aton, giơ tay ngợi ca Aton và các giáo sĩ dạy họ triết thuyết của Pharaon. Tuy nhiên, cảnh tượng này chưa có ý nghĩa gì nhiều vì trong một thành phố lớn như Thebes, có bao nhiêu nơi người ta kéo đến chỉ vì tò mò. Một con én chấp chới chao liệng phía trước tôi, tôi dõi mắt theo nó và thấy những bức tượng được khắc vào đá trên tường ngôi đền, và từ hàng chục cột đá Pharaon Ekhnaton nhìn tôi trong nỗi kích động của ngài với những nét mặt rất đáng sợ. Cũng ở đó, tôi tìm thấy một bức tượng được chạm theo phong cách mới, Pharaon Amenhotep vĩ đại đang ngồi trên ngai vàng, già nua và ốm yếu, đầu cúi xuống trước sức nặng của những chiếc vương miện và Hoàng hậu Teje ngồi bên cạnh ngài. Tôi cũng đã tìm thấy tất cả các tượng của hoàng gia và tôi dừng lại xem bức tượng Công chúa Tadukhipa của Mitanni đang dâng đồ tế lễ cho các vị thần của Ai Cập, nhưng văn bản gốc đã bị cạo khỏi tượng và nội dung chạm khắc mới ghi là Công chúa dâng lễ tạ Aton, mặc dù lúc người sinh thời, Aton chưa hề được thờ cúng tại Thebes.

Tượng này được tạc theo phong cách nghệ thuật cổ, mô tả một thiếu phụ trẻ và đẹp, đầu đội chiếc mũ hoàng gia, chân tay thanh tú, mảnh mai, đầu thon đẹp và duyên dáng. Tôi ngắm bức tượng

rất lâu, thỉnh thoảng con én lại bay liệng quanh đầu tôi hót chíu chít đầy mừng rỡ, cho đến khi một nỗi cảm kích rất đáng sợ xâm chiếm tâm trí đã quá mỏi mệt vì suy nghĩ và thao thức của tôi và tôi cúi đầu khóc thương cho số phận của người thiếu nữ cô đơn đã từ một đất nước xa lạ đến nơi đây. Nghĩ đến người, tôi ước mình xinh đẹp như người, nhưng chân tay tôi khẳng khiu, thô kệch, đầu tôi cạo trọc dưới mái tóc giả của danh y, bao điều suy nghĩ đã rạch xoi những nếp nhăn trên trán tôi và khuôn mặt tôi sưng phồng lên vì cuộc sống quá dư dả ở Akhetaton. Không, so sánh mình với người, tôi không thể hình dung ra mình là con trai của người, nhưng cảm xúc vẫn tràn ngập trong tâm trí tôi và tôi khóc cho sự cô đơn của người trong hậu cung của Pharaon; con én vẫn chao liệng quanh đầu tôi mừng rỡ. Tôi nhớ những ngôi nhà xinh đẹp và những con người sầu muộn ở Mitanni, tôi cũng nhớ những con đường đầy bụi và sàn đất sét nện ở Babylon, tôi cảm thấy thời trai trẻ của mình đã mãi mãi trôi qua và những năm tháng trai tráng của tôi đã chìm vào bùn lầy và nước đọng ở Akhetaton.

Ngày của tôi đã trôi qua như thế, tối đến tôi trở lại bến cảng, đến Đuôi Cá Sấu để ăn tối và làm lành với Merit. Nhưng Merit đã cáu kỉnh đón tôi và đối xử với tôi như một khách lạ, mang cho tôi đồ ăn rồi đứng bên cạnh ghế và lạnh lùng nhìn tôi. Khi tôi ăn xong, nàng hỏi:

- Anh đã gặp người yêu của mình chưa?

Tôi bực tức nói rằng tôi không đi gặp đàn bà con gái mà đi làm nghề của mình trong Nhà Sống và ghé lại đền Aton. Để biểu lộ sự phẫn nộ của mình, tôi liệt kê cụ thể cho nàng từng nơi bước chân tôi đã ghé qua trong ngày, song suốt buổi hôm ấy nàng chỉ nhìn tôi với một nụ cười giễu cợt. Khi tôi dứt lời, nàng nói:

- Tôi không nghĩ anh đi kiếm đàn bà con gái, vì đêm qua anh đã kiệt sức rồi, béo và hói thế này thì làm gì được hơn nữa. Tôi chỉ định nói là người anh yêu cũng đến cả đây tìm anh, và tôi bảo người ấy đến Nhà Sống mà tìm.

Tôi đứng phắt dậy mạnh tới mức ghế đổ chỏng và hét lên:

- Ý cô là gì, hả đồ điên kia?

Merit đưa tay sửa mái tóc, mỉm cười châm chọc và nói:

- Đúng thật là người anh yêu đã đến đây tìm anh, ăn vận như cô dâu, đồ trang sức treo trên người sáng loáng, mặt tô vẽ như khỉ và mùi dầu xức bốc tới tận sông. Bà ta gửi lời chào anh, để lại một

phong thư phòng trường hợp không gặp được anh và tôi thực lòng mong anh hãy khuyên bà ta tránh xa nơi đây đi, vì đây là một ngôi nhà trong sạch mà bà ta cư xử như một mụ chủ lầu xanh.

Nàng đưa cho tôi một phong thư chưa niêm phong và tay tôi run rẩy mở ra. Máu bốc lên đầu khi tôi đọc thư và tim tôi bắt đầu đập gấp gáp. Vì Mehunefer đã viết thế này cho tôi:

"Mehunefer, quản gia hậu cung của Pharaon gửi lời chào tới danh y Sinuhe.

Sinuhe, bò tót nhỏ của thiếp, bồ câu trống đáng yêu của thiếp. Thiếp thức dậy một mình trên thảm, đầu đau nhức, nhưng trái tim thiếp còn nhức nhối hơn cả đầu vì thảm của thiếp trống không, còn chàng đã rời thiếp ra đi và thiếp chỉ có thể ngửi thấy mùi dầu xức của chàng trên tay mình. Sinuhe ơi, ước gì thiếp là tấm vải quấn quanh hông chàng, là dầu xức trên tóc chàng, là rượu trong miệng chàng. Thiếp sẽ cho kiệu khênh mình từ nhà này sang nhà khác để tìm chàng và thiếp sẽ không ngại vất vả cho đến khi tìm thấy chàng, vì thân thể thiếp nhột nhạt đầy kiến khi thiếp nghĩ về chàng và đôi mắt chàng thật dễ thương trong mắt thiếp. Chàng không cần phải ngại ngùng khi đến với thiếp, mặc dù chàng hay thẹn thùng, như thiếp biết, vì ai trong hoàng cung cũng đã biết mọi bí mật của thiếp và những người hầu lờ đi coi như không thấy chàng. Hãy mau đến với thiếp khi chàng nhận được thư này, hãy đến nhanh như chim bay, người yêu dấu của thiếp ơi, vì trái tim thiếp khao khát chàng. Nếu như chàng không đến được với thiếp, thiếp sẽ bay đến với chàng còn nhanh hơn chim.

Mehunefer yêu dấu của lòng chàng xin chào chàng."

Tôi đọc những dòng huyên thiên khủng khiếp này vài lần mà không dám nhìn Merit cho đến khi nàng giật lá thư từ tay tôi và bẻ gãy que dùng để cuộn lá thư vào rồi xé vụn tờ giấy, vứt xuống dưới chân và điên lên nói:

- Tôi vẫn có thể hiểu được, Sinuhe, nếu đó là người trẻ và đẹp, đằng này mụ ta già nua, nhăn nheo và xấu xí như cái bao tải, dù mụ ta trát mặt dày như tường đất sét. Tôi hoàn toàn không hiểu anh nghĩ gì nữa, Sinuhe, hay sự lộng lẫy hào nhoáng của hoàng cung làm mờ mắt anh đến mức anh nhìn tất cả lộn ngược như thế. Anh biến mình thành trò cười khắp bàn dân thiên hạ ở Thebes với cách cư xử như thế và cũng biến tôi thành trò cười theo.

Tôi vò quần áo mình và lấy móng tay cào ngực, gào lên:

- Merit, anh đã làm một việc ngu dại khủng khiếp, nhưng anh có lý do để làm việc đó mà không ngờ rằng mình sẽ phải nhận hình phạt kinh khủng thế này! Merit, hãy cho người đi gọi các tay chèo thuyền của anh và bảo họ đến ngay vì anh phải chạy trốn. Nếu không mụ đàn bà ghê tởm này sẽ đến dùng vũ lực ăn nằm với anh và anh không thể chống cự, vì mụ ta viết rằng mụ ta sẽ bay đến chỗ anh nhanh hơn chim và anh tin lời mụ.

Merit nhận thấy nỗi đau và sự hốt hoảng của tôi và tôi nghĩ chắc cuối cùng nàng tin rằng tôi không có gì với Mehunefer, vì đột nhiên nàng bắt đầu cười rất thật lòng, cười sặc sụa khiến thân hình xinh đẹp của nàng cong vòng xuống đầu gối khi nói:

- Tôi hy vọng việc này sẽ dạy anh thận trọng hơn với đàn bà, Sinuhe ạ, vì đàn bà chúng tôi dễ vỡ như bát đĩa và chính tôi cũng biết anh quyến rũ đến thế nào, Sinuhe, tình yêu của tôi.

Nàng nhẫn tâm chế nhạo tôi và vờ nhún nhường nói:

- Tôi nghĩ người đàn bà tinh tế ấy đã làm anh hài lòng hơn là tôi trên tấm thảm của bà ấy, và ít nhất bà ấy đã có gấp đôi số năm tôi có để luyện kỹ năng yêu, vì vậy tôi không thể địch nổi với bà ấy và tôi đoán vì bà ấy, anh sẽ nhẫn tâm hắt hủi tôi.

Nỗi đau khổ của tôi quá lớn nên tôi đã kéo Merit đến ngôi nhà vốn là xưởng đúc đồng và kể cho nàng nghe mọi chuyện. Tôi kể với nàng bí mật về sự ra đời của tôi và kể cho nàng nghe tôi đã dụ dỗ như thế nào để Mehunefer kể ra mọi chuyện, và tôi cũng nói với nàng lý do tại sao tôi không muốn tin sự ra đời của mình có liên quan đến hoàng cung và Công chúa Mitanni. Khi nghe tôi kể, nàng trầm hẳn lại và không còn cười nữa. Nàng nhìn chằm chằm về phía trước và nỗi buồn trong đáy mắt nàng mỗi lúc một sẫm lại, cuối cùng nàng khẽ chạm tay lên vai tôi và nói:

- Giờ thì em hiểu ra nhiều điều, Sinuhe ạ, em hiểu được điều mà trước đây em không hiểu được ở anh, em hiểu vì sao sự cô đơn của anh thét gào trong câm lặng với em khi lần đầu tiên em thấy anh và tại sao em yếu đuối đến vậy khi gặp ánh mắt anh nhìn. Cả em cũng có một bí mật, và trong những ngày này em đã thấy muốn kể nó với anh, nhưng bây giờ em vui mừng và cảm ơn các đấng thần linh khi em đã không làm điều đó, vì bí mật thường quá nặng nề để mang và còn nguy hiểm nữa, vì thế tốt hơn là gánh nó một mình chứ không chia sẻ để cả hai phải gánh. Nhưng dù sao em rất vui vì anh đã kể với em tất cả mọi chuyện. Nhưng như anh nói, tốt hơn hết là anh đừng hành hạ trái tim mình khi nghĩ về

những việc có thể chưa bao giờ xảy ra, mà hãy quên đi như thể nó chỉ là một giấc mơ và em cũng sẽ quên.

Tôi đâm ra tò mò và dò hỏi nàng về bí mật của nàng, nhưng nàng không muốn kể cho tôi mà chỉ khẽ áp môi vào má tôi và quàng tay quanh cổ tôi rồi nước mắt trào ra. Cuối cùng, nàng nói:

- Nếu anh ở lại Thebes, anh không thể không gặp người đàn bà đó và Mehunefer sẽ ngày này qua ngày khác săn đuổi anh bằng sự điên rồ của mình cho đến khi anh không thể chịu đựng nổi, vì em đã thấy những người đàn bà như thế và em biết họ có thể kinh khủng đến nhường nào. Anh cũng có lỗi, vì đã làm bà ta tin đủ mọi thứ và làm việc ấy quá tài. Vì vậy có lẽ tốt nhất là anh nên trở lại Akhetaton, vì anh đã có các ca khoan sọ quan trọng và không có việc gì thật cấp thiết để làm nữa. Nhưng chắc chắn nhất là trước khi đi hãy viết cho bà ta một bức thư và bắt bà ta hứa sẽ để anh yên, nếu không bà ta còn lần theo dấu chân anh và đập vò cùng anh khi anh không biết cách tự bảo vệ mình, mà em thì không muốn anh phải chịu số phận như vậy.

Lời khuyên của nàng quá hay và tôi bảo Muti thu gom đồ đạc của tôi, bọc nó trong thảm. Tôi cũng sai mấy người nô lệ đi gom những người chèo thuyền của tôi từ các quán bia và tửu điếm ở cảng về. Trong khi chờ đợi, tôi viết một lá thư, nhưng vì không muốn xúc phạm Mehunefer, tôi đã viết rất lịch sự cho bà ta như sau:

"Danh y khoan sọ hoàng gia Sinuhe chào Mehunefer, quản gia hoàng cung ở Thebes.

Bà ạ, tôi lấy làm tiếc nếu sự chân thành của tôi đã khiến bà hiểu lầm về tình cảm của tôi, bởi tôi không bao giờ có thể gặp lại bà nữa, vì việc gặp bà có thể dẫn tôi đến tội lỗi và trái tim tôi đã có sự ràng buộc rồi. Vì thế tôi rời khỏi đây và sẽ không bao giờ muốn gặp lại bà nữa, nhưng tôi hy vọng bà sẽ chỉ nhớ đến tôi như một người bạn. Tôi gửi cho bà bức thư này cùng với hũ đồ uống có tên đuôi cá sấu, hy vọng nó có thể giúp bà vơi đi nỗi buồn mà bà có thể đang chịu, mặc dù tôi cam đoan với bà không có gì phải buồn vì tôi, một lão già, nhu nhược và buồn chán; một người phụ nữ như bà khó có thể có niềm vui thú gì với tôi. Tôi rất vui vì bằng cách này, tôi bảo vệ được cả hai chúng ta khỏi tội lỗi và tôi không bao giờ muốn gặp lại bà nữa.

Người bạn trung thành Sinuhe, danh y hoàng gia, tha thiết mong điều đó."

Merit đọc thư tôi viết và lắc đầu nói lời lẽ khiêm nhường quá. Nàng nghĩ lẽ ra tôi cần viết gay gắt hơn, nói rằng Mehunefer là mụ già xấu xí trong mắt tôi và rằng tôi trốn chạy để thoát khỏi bà ta. Nhưng tôi không thể viết như vậy cho một phụ nữ và sau một lúc tranh cãi, Merit để tôi cuộn lá thư lại và niêm phong nó, mặc dù vẫn tiếp tục lắc đầu ngán ngẩm. Tôi sai nô lệ mang bức thư đến hoàng cung và cùng với bức thư, tôi đã gửi thêm một hũ rượu để bảo đảm rằng bà ta sẽ không còn truy đuổi tôi nữa, ít nhất là trong đêm đó. Bằng cách này, tôi nghĩ mình có thể thoát khỏi Mehunefer và thở phào nhẹ nhõm, nhưng đó chỉ là điều tôi nghĩ.

Bị nỗi hoảng loạn làm cho mê mụ, tôi đã quên Merit và nỗi khát khao có nàng, nhưng khi lá thư được gửi đi và Muti đang quấn tráp đồ nghề và rương của tôi trên thảm cho chuyến đi, tôi nhìn Merit và một nỗi buồn không thể tả nổi dâng lên trong lòng khi tôi nghĩ chỉ vì sự ngu dại của mình mà tôi mất nàng, dù tôi có thể ở lại Thebes một thời gian nữa. Merit cũng trầm ngâm suy nghĩ và bất chợt hỏi tôi:

- Anh có thích trẻ con không, Sinuhe?

Câu hỏi của nàng khiến tôi hết sức bối rối. Nàng nhìn vào mắt tôi rồi mỉm cười buồn buồn và nói:

- Ồ, đừng sợ, Sinuhe. Em không có ý định sinh con cho anh. Nhưng người bạn gái của em có một bé trai lên bốn và cô ấy thường nói rằng giá như thằng bé có thể lên thuyền xuôi dòng sông để được ngắm nhìn những đồng cỏ xanh mướt, những cánh đồng nhấp nhô cùng đàn vịt trời và bầy gia súc thay vì chó, mèo trên những con đường đá bụi bặm của Thebes thì tuyệt vời biết bao.

Tôi hoảng quá và nói:

- Em không định nói là anh sẽ đưa cậu bé nghịch ngợm của cô bạn nào đó của em lên thuyền, khiến sự bình yên của anh theo đó mà đi tong và anh sẽ giật mình thon thót trong suốt chuyến đi và phải canh chừng kẻo nó rơi xuống nước hoặc thò tay vào miệng cá sấu đó chứ?

Merit nhìn tôi cười, nhưng nỗi buồn sẫm lại dưới đáy mắt và nàng nói:

- Tất nhiên em không muốn phiền anh, nhưng hành trình dọc dòng sông có ích với thằng bé, và chính em đã bế nó trên tay khi người ta cắt bao quy đầu cho nó, vì vậy em phải có trách nhiệm

với nó, như anh hẳn biết. Tất nhiên em sẽ đi cùng để chắc chắn nó không bị rơi xuống nước, và như thế em sẽ có lý do để theo anh trong suốt hành trình. Nhưng em sẽ không làm gì trái ý anh và vì vậy chúng ta hãy quên điều này đi.

Nghe thế tôi sung sướng hét lên và vỗ tay đánh bốp trên đầu nói:

- Nếu vậy, em có thể đưa theo em thậm chí cả vườn trẻ to như ngôi đền. Quả thật, đây là một ngày rất vui đối với anh, vì anh thật ngốc quá, đến mức không nghĩ ra rằng em có thể đi cùng anh đến Akhetaton. Danh tiếng của em sẽ không bị hoen ố vì anh nếu em có một đứa trẻ đi cùng, đó sẽ là lý do của chuyến đi trên sông này.

- Đúng vậy đấy, Sinuhe, - nàng nói, mỉm cười châm chọc như phụ nữ thường mỉm cười với những việc đàn ông không thể đoán ra. - Đúng thế, danh tiếng của em không bị tổn hại khi em có một đứa trẻ đi cùng và anh là chỗ dựa của em. Chính anh nói điều đó ra. Ôi, đàn ông đúng là đồ ngốc, nhưng em sẽ tha thứ cho anh.

Chúng tôi vội vã ra đi vào lúc bình minh khi bầu trời chuyển màu trắng ngà trước khi mặt trời mọc, vì tôi rất sợ Mehunefer đến. Vậy nên Merit đi đón đứa bé và đưa xuống thuyền khi nó đang ngủ, người được quấn trong chăn. Mẹ nó không đi tiễn, mặc dù tôi rất muốn gặp người phụ nữ dám đặt tên cho con mình là Thoth, vì người ta ít khi dám lấy tên thần linh đặt cho con mình. Hơn nữa, Thoth là vị thần của chữ viết và tri thức của con người và cả thần linh, nên sự hỗn xược của người đàn bà này càng lớn. Nhưng thằng bé vẫn ngây thơ ngủ trong vòng tay Merit mà không hay biết đến trách nhiệm nặng nề do tên mình mang lại và chỉ thức dậy khi chúng tôi đã đi xa trên sông, lính canh của Thebes đã khuất khỏi tầm mắt và mặt trời đổ nắng rang vàng dòng sông. Thằng bé kháu khỉnh, mập mạp, da nâu với mớ tóc đen mượt mà xõa trán, nó không hề sợ tôi mà chạy đến sà vào lòng tôi và tôi âu yếm ôm nó vào lòng, vì nó là một đứa bé hiền lành, không đạp chân và vươn với trong vòng tay tôi mà nhìn tôi bằng đôi mắt sẫm màu và trầm ngâm như thể đang suy ngẫm tất cả những bí ẩn của tri thức trong cái đầu nhỏ bé của mình. Tôi rất thích thằng bé vì sự trầm tĩnh của nó và tôi đan cho nó những chiếc thuyền nhỏ bằng sậy, cho nó chơi với đồ nghề của tôi và ngửi đủ loại thuốc, vì thằng bé thích mùi của các vị thuốc và thích thú chúi mũi vào từng cái bình.

Thằng bé không hề gây phiền toái cho chúng tôi trên thuyền và nó không ngã xuống nước hay đút đôi tay nhỏ bé của mình vào miệng cá sấu hay bẻ những cây bút sậy của tôi, mà chuyến đi của

chúng tôi thật vui và hạnh phúc, vì tôi được đi cùng Merit. Hằng đêm nàng nằm trên thảm bên cạnh tôi và bé Thoth thở đều đều ngủ yên gần chúng tôi. Đây là một chuyến đi hạnh phúc và cho đến ngày lìa đời, tôi vẫn sẽ nhớ tiếng sậy lao xao trong gió và những đàn gia súc được lùa xuống sông uống nước lúc xẩm tối. Có những phút giây trái tim tôi trào dâng hạnh phúc, giống như trái chín nứt vỏ ứa ra mật ngọt tràn trề, và tôi nói với Merit:

- Merit, em yêu của anh, chúng ta hãy cùng nhau đập bể vò để chúng ta luôn được sống bên nhau và biết đâu một lúc nào đó em sinh cho anh một cậu con trai, như bé Thoth này, một bé trai hiền lành, da nâu và điềm đạm như nó. Quả thật là từ trước đến nay anh chưa hề muốn có con, nhưng bây giờ tuổi trẻ của anh đã trôi qua, dòng máu của anh đã thôi sục sôi mãnh liệt và khi ngắm nhìn bé Thoth, anh khát khao có con với em, Merit ạ.

Nàng đưa tay bịt miệng tôi, quay mặt đi và trầm giọng nói:

- Sinuhe, đừng nói đến những điều không thể, vì anh biết là em lớn lên trong một quán rượu và có thể em không sinh con được nữa. Và anh, người mang số phận mình trong tim, có lẽ sẽ tốt hơn nên sống một mình để có thể quyết định đời mình và hành động theo lương tâm mình mà không phải nghĩ đến vợ hay con, vì em đọc được điều này từ mắt anh vào ngày đầu tiên chúng ta gặp nhau. Không, Sinuhe, đừng nói với em như thế, bởi vì lời nói của anh khiến em yếu đuối và em có thể bật khóc, mà em không muốn khóc khi hạnh phúc đang tràn ngập quanh mình. Những người khác tự mình làm nên số phận và trói mình bằng hàng ngàn mối ràng buộc, nhưng số phận anh ở trong trái tim anh và nó lớn lao hơn số phận của em. Nhưng cả em cũng rất yêu cậu bé này và phía trước chúng ta còn nhiều ngày quang đãng và nóng nực trên sông. Vì vậy, hãy tưởng tượng rằng chúng ta đã cùng đập vỡ vò, chúng ta là vợ là chồng và Thoth là con đẻ của chúng ta. Em sẽ dạy nó gọi anh là bố và gọi em là mẹ, vì nó còn nhỏ, sẽ sớm quên và điều đó không hại gì cho nó. Và chúng ta sẽ lấy trộm từ thần linh một quãng đời nho nhỏ mà chúng ta có được trong những ngày này. Đừng để nỗi buồn hay lo lắng về tương lai làm lu mờ niềm vui của chúng ta.

Thế là tôi xóa hết mọi suy nghĩ tai ương hiểm họa ra khỏi tâm trí mình, nhắm mắt để khỏi nhìn thấy sự khốn khổ của Ai Cập và những người đói rách trong các ngôi làng bên bờ sông và tôi chỉ sống từng ngày từng ngày một khi chúng tôi xuôi dòng sông. Bé Thoth vòng tay ôm cổ tôi, áp má vào má tôi và gọi tôi là "Bố". Cơ thể con trai nhỏ bé của nó thật ấm áp trong vòng tay tôi. Hằng

đêm, tôi cảm nhận tóc Merit vương quanh cổ mình, tay nàng nắm tay tôi và nàng thở đều đều vào má tôi. Nàng là bạn tôi và những giấc mơ xấu không còn quấy rầy tôi nữa. Những ngày này trôi qua như một giấc mơ, lướt qua nhanh như hơi thở và không trở lại. Tôi không muốn kể thêm về những ngày này, bởi vì những ký ức như những vỏ trấu đâm chọc cổ họng tôi và nước mắt làm nhòe những con chữ. Đúng là con người ta đừng bao giờ hạnh phúc quá, bởi không có gì dễ tiêu tan và biến mất nhanh hơn hạnh phúc của con người.

7

Thế là tôi đã quay lại Akhetaton, nhưng không còn là tôi của lúc ra đi mà bây giờ tôi nhìn Thành phố Thiên Đường với con mắt khác. Những ngôi nhà thanh thoát trong tất cả màu sắc rực rỡ của chúng dưới ánh nắng vàng và bầu trời xanh đậm khiến cho thành phố chỉ như một bong bóng dễ vỡ hay một ảo ảnh dần tan. Và sự thật không có ở trong Akhetaton, mà nằm bên ngoài Akhetaton, là cái đói, cái khổ, sự khốn cùng và tội phạm, những điều mà nạn đói đem theo đến Ai Cập. Merit và Thoth trở lại Thebes, mang theo họ trái tim tôi. Vì thế, tôi lại nhìn mọi thứ với đôi mắt lạnh lùng không còn tấm màn nào che chắn và mọi thứ đều quá xấu xa trong mắt tôi.

Nhưng không lâu sau ngày tôi trở lại, sự thật cũng đến Akhetaton và Pharaon Ekhnaton buộc phải đối diện với nó, nhìn thẳng vào nó từ ban công cung điện của mình, vì Horemheb đã sai một nhóm tị nạn Syria khốn cùng từ Memphis đến cầu khẩn Pharaon. Anh ấy đã trả tiền đi đường cho họ và tôi nghĩ anh ấy còn khuyến khích họ nói vống lên nỗi khốn khổ của mình, tạo nên một cảnh tượng thật khủng khiếp ở Thành phố Thiên Đường, khiến các triều thần hoảng sợ, lui về nhà ẩn náu, còn lính cấm vệ đóng kín các cổng hoàng cung khi nhìn thấy họ. Nhưng họ gào thét rất to, lấy đá đập vào các cánh cổng và ném đá vào tường hoàng cung cho đến khi Pharaon buộc phải nghe thấy tiếng họ và cho họ vào sân trong.

Tại đây, họ kêu lên với Pharaon:

- Xin ngài hãy nghe tiếng thét đau đớn của dân chúng qua cái miệng đã bị đánh bầm dập của chúng tôi, vì xứ Kemet hùng vĩ giờ chỉ như một bóng ma run rẩy trước nấm mồ, máu của tất cả

những ai tin tưởng vào ngài và đặt tất cả hy vọng vào ngài đã đổ xuống vô ích trong các thành phố ở Syria khi những kẻ phá tường tông gỗ thình thịch trong tiếng lửa cháy phừng phừng.

Họ giơ những cánh tay cụt về phía ban công vàng của Pharaon và gào thét lên:

- Hãy nhìn tay chúng tôi, Pharaon Ekhnaton. Bàn tay của chúng tôi đâu?

Họ đẩy ra trước những người đàn ông đã bị chọc mù mắt và để họ dò dẫm bước lên, những người già đã bị cắt lưỡi, miệng há hốc phát ra những tiếng khàn khàn trong cổ họng. Họ gào lên với Pharaon:

- Đừng hỏi đến vợ và con gái của chúng tôi, vì số phận của họ trong tay lũ đàn ông Aziru và Hittite còn khủng khiếp hơn cả cái chết. Chúng đã chọc thủng mắt chúng tôi và chặt tay chúng tôi vì chúng tôi tin tưởng vào ngài, thưa Pharaon Ekhnaton!

Pharaon yếu đuối và nhu nhược đưa tay che mặt và run lẩy bẩy nói với họ về Aton. Lúc đó, họ cười ngài bằng điệu cười man dại và xỉ vả ngài:

- Chúng tôi biết ngài cũng đã gửi thánh giá sự sống cho kẻ thù của chúng ta. Chúng treo nó vào cổ ngựa và tại Jerusalem, chúng chặt chân các giáo sĩ của ngài và bắt họ nhảy những điệu nhảy mừng vui để tỏ lòng kính trọng với thần của ngài.

Lúc đó, Pharaon Ekhnaton hét lên một tiếng kinh hoàng, căn bệnh thần thánh lại tra tấn ngài khiến ngài ngã vật xuống, co giật và bất tỉnh ngay trên ban công. Nhìn thấy thế, lính cấm vệ kinh hoàng lao đến đánh những người tị nạn Syria, còn những người này vì quá tuyệt vọng đã chống lại, máu của họ chảy xuống những khe đá lát sân trong hoàng cung và xác họ bị ném xuống sông. Nefertiti và Meritaton, Meketaton ốm yếu và Ankhsenaton bé nhỏ đã nhìn thấy cảnh tượng này từ ban công của hoàng cung và không bao giờ quên, vì đó là lần đầu tiên họ nhìn thấy những biểu hiện của chiến tranh, khổ đau và chết chóc.

Tôi lấy khăn ướt đắp cho Pharaon Ekhnaton và khi ngài bắt đầu tỉnh, tôi cho ngài uống thuốc an thần và thuốc mê, vì cơn động kinh này quá khủng khiếp nên tôi sợ ngài sẽ chết. Nhờ đó, ngài ngủ được, nhưng khi thức dậy mặt ngài tái xám và đôi mắt đỏ hoe vì cơn đau đầu, ngài nói với tôi:

- Sinuhe, bạn của ta, phải chấm dứt chuyện này. Horemheb nói ngươi quen Aziru, hãy đến gặp hắn ta và mua cho ta sự bình yên. Hãy mua hòa bình cho Ai Cập, dù phải tiêu tốn hết vàng của ta và cho dù Ai Cập sau này chỉ là một vương quốc nghèo.

Tôi kiên quyết phản đối ngài:

- Bẩm Pharaon Ekhnaton, xin ngài hãy gửi vàng cho Horemheb, anh ta sẽ mua hòa bình cho ngài bằng giáo mác với chiến xa và Ai Cập sẽ không hổ thẹn.

Ekhnaton ôm đầu và nói:

- Vì Aton, Sinuhe, ngươi không hiểu tội ác sinh ra tội ác, hận thù gieo rắc hận thù và máu sinh ra máu cho đến khi chúng ta chìm trong bể máu. Những nạn nhân sẽ nhận được gì nếu nỗi đau của họ được báo thù bằng nỗi đau của người khác, còn hổ thẹn ư, đó chỉ là định kiến. Vì thế ta lệnh cho ngươi: hãy đến gặp Aziru và mua hòa bình cho ta.

Tôi sợ ý định thất thường của ngài nên nói:

- Muôn tâu Pharaon, họ sẽ chọc mù mắt thần và rút lưỡi ra khỏi miệng thần trước khi cho thần vào tiếp kiến Aziru. Mà tình bạn của ông ta cũng không ích gì cho thần vì chắc ông ta đã quên thần từ lâu. Thần cũng không quen với những gian khổ của chiến trận mà kinh sợ chúng. Chân tay thần đã xơ cứng, thần đi lại không còn được nhanh nhẹn và không biết sắp đặt câu từ khéo léo như những người từng được dạy nói dối từ khi còn nhỏ và làm sứ giả của ngài đến gặp các quốc vương ngoại bang. Vì thế, xin quốc vương hãy sai người khác nếu ngài muốn mua hòa bình, chứ đừng buộc thần đi.

Nhưng ngài vẫn nhất quyết phán:

- Hãy làm theo lời ta. Đây là lệnh của Pharaon.

Nhưng tôi đã nhìn thấy những người tị nạn trong sân cung điện. Tôi đã nhìn thấy những cái miệng bị bầm dập của họ, những con mắt bị đâm thủng và những cánh tay cụt. Vì vậy, tôi hoàn toàn không có ý định đi Syria mà định sẽ về nhà lên giường nằm và đổ bệnh cho đến khi Pharaon quên đi ý muốn bất chợt này. Nhưng khi tôi về gần đến nhà, người đầy tớ ra đón tôi và nói với giọng hốt hoảng:

- Thật tốt là ông đã về, Sinuhe ông chủ của tôi, vì một con thuyền

từ Thebes vừa cập bến mang theo một người đàn bà tên là Mehunefer, nói là bạn của ông. Bà ấy đang đợi ông trong nhà, ăn vận như một cô dâu, ngôi nhà sặc sụa mùi dầu xức của bà ấy.

Khi ấy tôi quay phắt lại và vội vàng đến hoàng cung nói với Pharaon:

- Bẩm quốc vương, thần xin phụng mệnh. Thần sẽ đi Syria, máu của thần sẽ nhuộm đỏ đầu ngài. Nhưng thần muốn đi ngay lập tức, vì vậy ngài hãy lệnh cho các ký lục chuẩn bị tất cả những bảng đất sét cần thiết biên chép địa vị và quyền hạn của thần, vì Aziru rất coi trọng những bảng đất sét.

Trong khi các ký lục viết các bảng đất sét, tôi trốn đến xưởng của Thotmes, người bạn không bỏ rơi tôi lúc tôi hoạn nạn. Anh ấy vừa tạc xong bức tượng Horemheb bằng đá sa thạch nâu sau khi lấy mẫu bằng thạch cao khuôn mặt của Horemheb trong lần Horemheb đến thăm Akhetaton, như tôi đã kể trước đây. Bức tượng này được tạc theo nghệ thuật mới, rất sống động và tạo ấn tượng tốt về Horemheb, mặc dù tôi thấy Thotmes tạc hơi quá độ dày của bắp tay và bề rộng của ngực khiến Horemheb trong bức tượng trông giống một đô vật hơn là một thống lĩnh quân đội hoàng gia. Nhưng phong cách nghệ thuật mới là phóng đại mọi thứ mà mắt thường nhìn thấy, đến mức xấu xí, vì theo cách nhìn của nghệ thuật mới, đó là sự thật và nghệ thuật cũ đã che giấu sự xấu xí của con người và nhìn con người từ mặt tốt nhất, làm dịu đi những khiếm khuyết của anh ta, trong khi nghệ thuật mới nhìn con người từ mặt xấu nhất, kẻo sự thật bị lãng quên.

Tuy nhiên, tôi không biết việc phóng đại sự xấu xí của con người có thật sự là theo sự thật không, nhưng Thotmes tin rằng anh ấy biết điều đó và tôi không muốn phản đối vì anh ấy là bạn của tôi. Anh ấy lấy giẻ ướt lau bức tượng để cho thấy đá sa thạch tỏa sáng đẹp như thế nào nơi cơ bắp của Horemheb và màu sắc của đá phù hợp với màu da của anh ta như thế nào rồi nói với tôi:

- Tôi nghĩ tôi sẽ đi cùng anh đến Hetnetsut và mang theo bức tượng để biết chắc chắn nó sẽ được dựng lên ở một nơi trong ngôi đền tương xứng với địa vị của Horemheb và cả với danh tiếng của tôi với tư cách là một nhà điêu khắc đá. Chắc chắn tôi sẽ đi với anh, Sinuhe ạ, và để gió thổi bay hơi rượu của Akhetaton khỏi đầu tôi, bởi đôi tay tôi run lên vì sức nặng của đục và búa, và cơn sốt bào mòn trái tim tôi.

Các ký lục mang bảng đất sét và vàng cho chuyến đi của tôi cùng

với lời chúc phúc của Pharaon Ekhnaton đến xưởng của Thotmes và chúng tôi cho khiêng tượng Horemheb lên thuyền của Pharaon rồi lên đường ngay lập tức. Tôi bảo người hầu của mình nói với Mehunefer rằng tôi đã tham chiến ở Syria và chết ở đó. Tôi không lừa dối khi nói vậy, vì tôi thật sự nghĩ mình sẽ bỏ mạng đau đớn trong chuyến đi này. Tôi cũng ra lệnh cho người hầu của mình tiễn Mehunefer xuống một con thuyền đi đến Thebes, với tất cả sự tôn trọng cần thiết và thậm chí nếu cần thì bằng vũ lực. Vì, tôi nói, nếu tôi vẫn trở lại được, trái với mọi ước đoán, và thấy Mehunefer trong nhà mình, tôi sẽ cho cả người hầu và nô lệ của tôi no đòn, sai cắt tai và mũi của họ và bắt họ sống trong hầm mỏ suốt đời. Người hầu đã nhìn vào mắt tôi và nghĩ tôi nói thật, vì vậy y vô cùng sợ hãi và hứa sẽ làm theo lệnh tôi. Sau đó, tôi nhẹ nhõm xuống thuyền của Pharaon cùng với Thotmes, và vì tôi tin mình có thể đang cưỡi thuyền đến cái chết trong tay quân Amori và Hittite nên chúng tôi đã không tiếc rượu trong chuyến hành trình. Cả Thotmes cũng nói anh ấy không có thói quen tiết kiệm rượu khi đang trên đường chinh chiến, anh ấy chắc chắn biết điều đó vì đã sinh ra trong trại lính.

Nhưng để kể về chuyến xuôi dòng sông của tôi đến Syria và tất cả những chuyện xảy ra sau đó, tôi phải bắt đầu một cuốn sách mới.

Sách thứ mười hai
Đồng hồ nước đo thời gian

1

Thế là điều mà Kaptah đã ước cho tôi khi bị tôi bắt thực hiện chuyến đi gian nan phát lúa mạch giống cho cư dân mới của Aton đã thành hiện thực, mà lại còn tệ hại hơn rất nhiều những gì tôi có thể tưởng tượng ra, vì tôi cũng như ông ấy không chỉ từ bỏ ngôi nhà và chiếc giường êm ái của mình, mà còn phải nếm trải những kinh hoàng của chiến tranh vì Pharaon. Rồi tôi nhận ra rằng tốt nhất người ta nên nghĩ kỹ về những ước muốn trước khi nói ra, vì những ước muốn được nói thành lời rất dễ thành hiện thực và dễ nhất nếu mình ước điều độc ác cho người khác. Ý tôi là, khi ai đó mong ước điều ác cho người khác thì điều ác này dễ thành hiện thực hơn rất nhiều so với khi ước điều tốt cho người đó.

Tôi nghĩ về những điều này và nói với Thotmes khi chúng tôi ở trên thuyền của Pharaon xuôi dọc dòng sông và uống rượu cùng nhau. Nhưng Thotmes bắt tôi im và vẽ những con chim đang bay lên giấy. Anh ấy cũng vẽ chân dung tôi mà không cường điệu chút nào, vì thế tôi phật ý và nói anh không thể là người bạn thật sự của tôi vì đã vẽ tôi theo cách đó. Nhưng anh ấy nói nghệ sĩ không được trở thành bạn của ai trong khi vẽ mà phải tuân theo mắt mình nhìn. Tôi bực quá, liền nói:

- Nếu đúng thế thì đôi mắt cậu đã bị bỏ bùa, vì cậu thấy mọi thứ xấu xa, lố bịch, thấp hèn và tôi cũng trở nên nực cười trong bức vẽ của cậu. Trong mắt cậu chỉ có Hoàng hậu Nefertiti là vẫn đẹp, dù cổ dài và gầy, má hóp và ngày một xấu đi vì những lần mang bầu.

Thotmes hất rượu từ cốc của mình vào mặt tôi và hét lên:

- Đừng nói với tôi về Nefertiti.

Nhưng ngay lập tức anh ấy làm lành, tỏ ra hối hận vì đã làm như thế khi say rồi lau rượu trên mặt tôi và nhã nhặn nói:

- Tôi không có ý xấu, nhưng có lẽ người phụ nữ đó đã thật sự bỏ bùa mắt tôi, như cậu nói, vì tôi không thể thấy ai đẹp hơn người và không ai xấu xí, kinh tởm hơn Pharaon Ekhnaton, mặc dù tôi nên yêu quý ngài vì tất cả những điều ngài làm cho tôi.

Tôi nói với anh ấy như một người bạn:

- Những giấc mơ của cậu thật tệ hại và Nefertiti không thể cho cậu nhiều hơn một nô tỳ nghèo hèn nhất có thể cho.

Nhưng sự thông thái của tôi chẳng an ủi anh ấy chút nào, mà còn khiến anh bức bối trở lại. Vì thế chúng tôi hăm hở uống nhiều hơn, bởi vì rượu, tuy gây ra những cuộc cãi vã và xung khắc, nhưng cũng làm dịu mọi hiềm khích, bất đồng và củng cố tình bạn giữa con người. Không có cuộc cãi vã tồi tệ nào mà rượu không thể xoa dịu, chỉ cần uống đủ.

Thế là chúng tôi đến Hetnetsut, một thị trấn nhỏ ven sông, nhỏ đến mức cừu và gia súc được chăn thả trên đường phố và đền được xây bằng đất sét. Quan lại của thị trấn nồng nhiệt đón chúng tôi và Thotmes đã dựng tượng Horemheb trong ngôi đền trước đây vốn là đền thờ Horus nhưng đã được dâng hiến cho Aton vì Ekhnaton. Điều này không làm người dân thị trấn bận tâm vì họ vẫn thờ Horus, thần đầu chim ưng, trong đền mặc dù ảnh tượng của thần đã bị dẹp khỏi đó. Họ rất vui khi tượng của Horemheb được dựng trong đền và tôi đồ rằng họ sẽ sớm coi anh ấy với Horus là một và tôn thờ anh ấy như Horus, dâng đồ cúng cho anh, vì Aton không có ảnh tượng và nhiều người dân trong thị trấn không biết đọc.

Chúng tôi cũng gặp bố mẹ Horemheb; được Horemheb chu cấp rất nhiều thứ, họ sống trong một ngôi nhà gỗ, mặc dù trước đây họ thuộc nhóm người nghèo nhất thị trấn. Với thói háo danh, Horemheb cũng đã tác động để Pharaon ban cho họ các chức việc như thể họ thuộc hàng quan lại, mặc dù suốt đời họ sống bằng nghề chăn gia súc và nấu pho mát. Bố anh ấy hiện là người giữ dấu triện và là người giám quản các tòa nhà ở nhiều thị trấn và làng mạc, còn mẹ anh ấy là cung nữ và là người trông coi đàn bò của Pharaon, mặc dù cả hai đều không biết đọc và viết. Tất nhiên,

những danh vị này chỉ là tước vị danh dự và không liên quan gì tới cuộc sống của họ nhưng cũng nhờ đó mà Horemheb, khi viết tên mình, có thể viết bố mẹ mình thuộc hàng quan lại và không ai khác ở Ai Cập có thể đoán được rằng anh ấy không sinh ra trong một gia đình cao sang. Thói háo danh của Horemheb rõ trơ trẽn.

Nhưng bố mẹ anh ấy là những người chân chất và ngoan đạo, họ mặc những bộ quần áo đẹp, đứng trong đền thờ, ngượng ngập di di những ngón chân trần lên nền đất sét trong khi dân thị trấn quấn những vòng hoa lên tượng con trai họ. Sau buổi lễ, họ mời Thotmes và tôi về nhà, rồi sau khi thay bộ trang phục vướng víu bằng bộ quần áo màu xám sặc mùi bò, họ tiếp đãi chúng tôi, mời chúng tôi pho mát và rượu chua do họ tự chế. Họ cúi đầu thật thấp trước chúng tôi, tay thõng ngang đầu gối và xin chúng tôi kể về con trai mình. Bố Horemheb nói:

- Chúng tôi nghĩ thằng bé ngớ ngẩn khi buộc một mẩu đồng vào đầu cây gậy chăn cừu của nó rồi mài đồng thật sắc và không chịu nhún nhường, mặc dù chúng tôi không ngớt khuyên nó phải ngoan ngoãn vâng lời.

Còn mẹ Horemheb kể:

- Tôi luôn thót tim vì nó, vì từ hồi nhỏ nó thà húc đầu vào đá còn hơn phải đi vòng để tránh, và mỗi khi nó ra khỏi nhà, tôi sợ nó sẽ bị toác đầu, sứt trán hoặc què quặt hoặc bị đánh nhừ tử khi trở về nhà. Thế mà bây giờ nó trở về, được tạc tượng bằng đá trong vinh quang và danh vọng. Nhưng lòng tôi hằng đêm không yên vì nó, sợ nó ăn quá nhiều thịt vì thịt không hợp với bụng nó, và tôi sợ nó chết đuối khi bơi dưới sông vì nó học bơi mặc mọi lời đe nẹt của tôi.

Với sự chất phác của mình, họ nói chuyện với chúng tôi như thế, sờ sờ quần áo và đồ trang sức của chúng tôi, hỏi thăm sức khỏe của Pharaon, Hoàng hậu Nefertiti và cả bốn công chúa nhỏ. Họ cũng kể ngày ngày cầu nguyện thần linh, là Horus, vị thần của con trai họ, để Hoàng hậu sinh được thái tử thừa kế ngai vàng. Chúng tôi tạm biệt bố mẹ Horemheb như những người bạn và để lại tượng của anh ấy trong đền Horus cho người dân Hetnetsut phụng thờ. Thotmes cũng không đi tiếp cùng tôi đến Memphis, mặc cho tôi nài nỉ và van xin anh đi theo vì chính bản thân anh, mà quay trở lại Akhetaton để tạc tượng Hoàng hậu Nefertiti lên một phiến gỗ cứng, vì anh ấy không thể dùng lời nói để biểu đạt. Anh ấy đã bị vẻ đẹp của Nefertiti mê hoặc và tôi nghĩ điều này không tốt cho sức khỏe của anh ấy, vì vẻ đẹp đến mỹ miều của

một người đàn bà rất nguy hiểm và gần như là ma thuật, nếu không phải là một loại bùa chú.

Vì vậy chuyến đi đến Memphis của tôi thật buồn tẻ. Tôi vừa giục các tay chèo vừa nghĩ nếu đằng nào cũng phải chết thì kéo dài thời gian nào có ích gì, mà tốt hơn là chết nhanh để không buồn nghĩ quá nhiều. Vì thế, ngồi trên chiếc ghế mềm trong thuyền của Pharaon với cờ hiệu của Pharaon bay phấp phới trên đầu, tôi ngắm nhìn bờ sậy, dòng sông, đàn vịt bay và tự hỏi: "Rốt cuộc, sống và nhìn ngắm những thứ này có đáng không?". Rồi tôi nói với lòng mình: "Trời nóng như rang, ruồi bâu ngứa ngáy và niềm vui của con người mới ít ỏi làm sao so với tất cả những nỗi lo anh ta trải qua. Mắt anh ta mệt mỏi vì nhìn, tai anh ta bị chọc ngoáy bởi vô số âm thanh và lời nói phù phiếm và trái tim anh ta luôn có quá nhiều giấc mơ để có thể hạnh phúc". Tôi trấn an lòng mình như thế trên hành trình xuôi dòng sông và ăn những món ngon do đầu bếp của Pharaon nấu, uống rượu cho đến say mèm và lòng thư thái. Ý nghĩ về cái chết do rượu bắt đầu gợi tôi nhớ đến người bạn cũ thân quen; với người ấy, cái chết không có gì đáng sợ, mà cuộc sống với tất cả những khổ đau của nó còn đáng sợ hơn cái chết; cuộc sống như bụi nóng, còn cái chết như làn nước mát.

Thế nhưng mới ở cảng Memphis, tôi đã gặp tình cảnh thật khó xử, tôi thấy ở đó những chiến thuyền mạn bị vỡ do bị đá ném trúng, mũi thuyền nứt toác và cột buồm gãy nát. Tôi thấy những cỗ chiến xa càng bị gãy, bánh bị long ra và ruồi bâu đen hút máu khô dưới thùng xe. Tôi cũng thấy những toán dân tị nạn túm tụm ngả nghiêng trên cầu cảng với vô số tay nải rách tướp, ốm yếu và thương tật, mắt sáng rực đáng sợ trên những khuôn mặt trơ xương. Họ là người Ai Cập và người Syria với quần áo Syria sặc sỡ trên người. Thấy cờ hiệu của Pharaon trên đầu tôi, họ giơ nắm tay bẩn thỉu về phía thuyền của tôi và la hét, chửi rủa tôi bằng nhiều thứ tiếng khác nhau cho đến khi lính canh lấy gậy quất họ và dẹp đường cho tôi rời bến cảng.

Vì là sứ giả của Pharaon, tôi được Horemheb kính cẩn chào đón và anh ấy cúi đầu rất thấp trước tôi, bởi trong dinh chỉ huy của anh ấy có mặt quan lại Syria và những người quyền quý Ai Cập từ các thành phố Syria chạy lánh sang đây, có cả các sứ thần và người đại diện các nước không tham gia vào cuộc chiến, chính vì họ nên anh ấy buộc phải tỏ lòng kính trọng Pharaon. Nhưng khi còn lại hai chúng tôi, Horemheb bắt đầu quất roi vàng vào chân mình và sốt ruột hỏi:

- Cơn gió độc nào thổi cậu đến chỗ tôi, mà lại là sứ giả của Pharaon

nữa, cái đầu điên rồ của ông ta lại ấp ủ điều thối tha gì vậy?

Tôi nói việc của tôi là đến Syria và mua hòa bình từ Aziru bằng bất cứ giá nào. Nghe vậy Horemheb nổi khùng, chửi bới và gọi thần chim ưng của anh ấy bằng nhiều cái tên khác nhau rồi nói:

- Chẳng phải tôi đã dự đoán là ông ta sẽ làm hỏng mọi kế hoạch của tôi hay sao, những dự định mà tôi đã lao tâm khổ tứ và mất bao vàng bạc mới vạch ra được, vì cậu phải biết nhờ tôi mà chúng ta vẫn kiểm soát Gaza và Ai Cập vẫn còn một đầu mối cho các hoạt động quân sự ở Syria. Tôi lại phải vừa quà cáp vừa đe nẹt, dọa dẫm để thuyết phục đội thuyền chiến Crete bảo vệ đường biển đến Gaza, vì một liên minh Syria mạnh và tự chủ không có lợi cho Crete mà đe dọa uy lực hải quân của họ trên biển. Cậu cũng phải biết là Aziru đang rất vất vả mới điều khiển được các đồng minh của mình và nhiều thành phố Syria đang hỗn chiến với nhau sau khi đánh đuổi người Ai Cập đi. Những người đàn ông Syria mất nhà cửa, đồ đạc và vợ con đã gia nhập các đội quân ô hợp đang kiểm soát sa mạc từ Gaza đến Tanis và gây chiến chống lại quân của Aziru. Tôi đã trang bị vũ khí Ai Cập cho họ và nhiều người dũng cảm đến từ Ai Cập cũng đã tham gia cùng họ. Ý tôi là tất cả những cựu chiến binh, trộm cướp và những kẻ đào tẩu khỏi các hầm mỏ đã lấy mạng sống của mình tạo nên một lá chắn nơi hoang mạc để bảo vệ Ai Cập. Mặc dù cũng có thể hiểu rằng họ gây chiến chống lại bất cứ ai để kiếm kế sinh nhai từ mảnh đất mình đang gây chiến và hủy diệt tất cả sự sống ở đó, nhưng thà như thế sẽ tốt hơn, vì họ gây nhiều tổn thất và rắc rối cho Syria hơn là cho Ai Cập, vì thế tôi liên tục cung cấp vũ khí và lương thực cho họ. Nhưng quan trọng nhất là cuối cùng, quân Hittite đã dốc toàn lực tấn công Mitanni, quét sạch dân Mitanni ra khỏi lãnh địa và vương quốc Mitanni bị xóa sổ. Tuy nhiên, vũ khí và chiến xa của Hittite bị kẹt ở Mitanni và Babylon, vì đang hỗn loạn nên phải điều quân đến bảo vệ các cột mốc biên giới của họ, còn Hittite lúc này cũng không có đủ thời gian để hỗ trợ nhiều cho Aziru. Cũng có thể, nếu khôn ngoan Aziru sẽ quay sang dè chừng quân Hittite sau khi Mitanni thất thủ, vì không còn lá chắn nào giữa Hittite và Syria. Vì vậy, hòa bình mà Pharaon chào mời vào lúc này là món quà tốt nhất mà Aziru có thể hy vọng để củng cố quyền lực của mình và nhòm ngó xung quanh. Nhưng cậu hãy cho tôi chỉ nửa năm hoặc ít hơn cũng được, tôi sẽ mua cho Ai Cập một nền hòa bình vinh quang và sẽ buộc Aziru phải kính sợ thần linh Ai Cập bằng những mũi tên bay vèo vèo và những chiến xa lao ầm ầm.

Tôi bác lại anh ấy:

- Anh không thể gây chiến, Horemheb, vì Pharaon đã cấm việc đó và cũng không chu cấp vàng để anh tiến hành chiến tranh.

Nhưng Horemheb nói:

- Tôi thèm vào vàng của ông ta. Đúng là tôi đã nghèo kiết xác vì phải vay mượn khắp nơi để trang bị cho đội quân đến Tanis. Thành thực mà nói đây là những đội quân khốn khổ, chiến xa của họ rệu rã và ngựa của họ khập khiễng, nhưng cùng với quân ô hợp, họ có thể là mũi nhọn tấn công vào sào huyệt của Syria, thậm chí cả Jerusalem và Megiddo, khi tôi cầm quân. Sinuhe, lẽ nào cậu không hiểu là tôi đã mượn vàng của tất cả những người Ai Cập giàu có, những người ngày càng giàu hơn và bụng căng tròn như ếch trong khi dân chúng chịu thiếu thốn và kêu than vì sưu thuế nặng. Tôi đã vay vàng của họ, báo cho từng người số vàng tôi cần và họ vui vẻ cho tôi vay, vì tôi hứa sẽ trả cho họ với lãi suất một phần năm một năm. Nhưng tôi rất muốn thấy nét mặt họ nếu lúc nào đó họ dám đòi tôi lời lãi và vàng của mình, vì tôi làm những điều này để giải cứu Syria cho Ai Cập và nói cho cùng, chính những người giàu nhất sẽ được hưởng lợi từ việc đó, bởi những người giàu nhất luôn luôn hưởng lợi nhiều nhất từ chiến tranh với chiến lợi phẩm và điều tuyệt vời nhất là họ sẽ được hưởng lợi cho dù tôi có bị thất trận. Vì vậy, tôi hoàn toàn không tiếc vàng của họ.

Horemheb cười đắc chí, đập đập roi vàng vào chân rồi đặt tay lên vai tôi và nói tôi là bạn anh ấy. Nhưng rồi anh nghiêm túc trở lại và rầu rĩ nói:

- Vì chim ưng của tôi, Sinuhe, cậu không định phá hỏng hết và làm sứ giả hòa bình đến Syria đó chứ?

Tôi đành giải thích với anh ấy rằng Pharaon đã xuống chiếu và truyền trao cho tôi tất cả những bảng đất sét cần thiết cho việc hòa giải. Nhưng cũng thật hữu ích cho tôi khi biết Aziru cũng muốn hòa bình, nếu những gì Horemheb nói là đúng, vì trong trường hợp đó Aziru có lẽ sẵn sàng bán hòa bình với giá rẻ.

Nghe thế, anh ấy phát khùng, đá đổ ghế và hét lên:

- Nói thật nhé, nếu cậu làm nhục Ai Cập và mua hòa bình từ Aziru, tôi thề sẽ cho lột da sống cậu và quẳng cậu làm mồi cho cá sấu khi cậu trở lại, mặc dù cậu là bạn của tôi. Hãy nói với Aziru về Aton, làm ra vẻ ngốc nghếch và nói rằng với lòng tốt không thể hiểu nổi của mình, Pharaon muốn xá tội cho hắn ta. Chắc chắn Aziru sẽ

không tin cậu, vì hắn là một kẻ xảo quyệt, nhưng hắn sẽ nghĩ đến nát óc trước khi đuổi cậu đi, mặc cả đến độ cậu mệt lử, như cách chỉ người Syria mới làm, và đe dọa tính mạng cậu, nhồi sọ cậu bằng những điều dối trá. Nhưng dù thế nào cậu cũng không nhường Gaza cho hắn và hãy nói rõ là Pharaon không thể chịu trách nhiệm về các đội quân ô hợp và việc cướp bóc của chúng. Các đội quân ô hợp sẽ không hạ vũ khí trong bất cứ tình huống nào, mà sẽ ỉa vào các bảng đất sét của Pharaon. Tôi sẽ lo việc đó. Tất nhiên cậu không cần phải nói điều này với Aziru. Cậu chỉ nói với hắn ta rằng quân ô hợp là những người hiền lành và kiên nhẫn, bị nỗi đau khổ làm cho mù quáng, nhưng khi hòa bình lập lại họ chắc chắn sẽ đổi ngọn giáo của mình lấy gậy của người chăn cừu. Nhưng đừng có nhường Gaza, nếu không tôi sẽ tự tay lột sống cậu. Tôi đã phải chịu rất nhiều nỗi đau, tôi đã phải ném quá nhiều vàng vào cát, tôi đã hy sinh những do thám tốt nhất của mình trước khi mở được những cánh cổng Gaza cho Ai Cập.

Tôi ở lại Memphis nhiều ngày để bàn thảo các điều khoản hòa bình với Horemheb và tranh cãi với anh ấy. Tôi đã gặp sứ thần của Crete, của Babylon và gặp cả những người quyền quý đã trốn khỏi Mitanni. Qua những lời họ kể, tất cả những gì đã xảy ra hiển hiện trước mắt tôi và khát vọng cháy bỏng muốn hiểu đã chế ngự tôi và lần đầu tiên tôi cảm thấy mình là một nhân tố quan trọng trong một trò chơi lớn, trong đó số phận của các thành phố và dân tộc đang bị định đoạt.

Horemheb nói đúng: hòa bình vào lúc này là món quà có giá trị với Aziru hơn với Ai Cập, nhưng theo tất cả những gì đang xảy ra trên thế giới, nền hòa bình này chỉ có thể là một cuộc đình chiến tạm thời, vì sau khi ổn định được tình hình ở Syria, Aziru sẽ quay lại đối đầu với Ai Cập. Xét cho cùng, Syria là chìa khóa của thế giới, và Ai Cập, vì an ninh của chính mình, không thể để Syria rơi vào sự kiểm tỏa của một liên minh thù địch đang rình rập và được mua bằng vàng sau khi quân Hittite triệt hạ Mitanni. Giờ đây, tương lai phụ thuộc vào việc người Hittite, sau khi ổn định quyền lực ở Mitanni, sẽ thông qua Babylon hay Syria chống lại Ai Cập. Lý trí của tôi nói rằng họ sẽ chọn nơi có sức kháng cự yếu nhất, mà Babylon vũ khí đã sẵn sàng, còn Ai Cập lại yếu và không được trang bị vũ khí. Chắc chắn không ai muốn liên minh với Hittite, nhưng nếu là đồng minh của Hittite, Aziru có sức mạnh phía sau, còn nếu là đồng minh của Ai Cập chống lại Hittite, Aziru chắc chắn sẽ phải đối mặt với diệt vong chừng nào Pharaon Ekhnaton còn trị vì Ai Cập và sau lưng ông ta chỉ có cát.

Tôi hiểu tất cả những điều này và với sự tỉnh táo lạnh lùng khi

mọi nỗi kinh hoàng của chiến tranh đã lùi xa, tôi không còn nghĩ đến khói của những thành phố đang cháy và những sọ người đang dần làm trắng hếu các bãi chiến trường, cũng như không nghĩ đến những người chạy nạn đang xin bánh mì trên các ngõ phố ở Memphis, cũng không quan tâm đến các nhà quyền quý Mitanni đang rao bán vàng bạc và đồ trang sức để có thể rượu chè và búng những ngón tay thon nhỏ của họ vào lớp đất màu mỡ của Naharani mà họ gói trong những cuộn vải mang theo mình. Horemheb nói tôi sẽ gặp Aziru ở đâu đó giữa Tanis và Gaza, nơi ông ta cùng với các chiến xa đã chiến đấu chống quân ô hợp. Anh ấy cũng kể cho tôi nghe về tình hình Simyra và kể ra số căn nhà bị thiêu rụi trong cuộc vây hãm cũng như tên của những quý tộc đã bị giết trong cuộc bạo loạn, khiến tôi hết sức ngạc nhiên về lượng tin tức mà anh ấy có. Rồi anh ấy kể cho tôi nghe về những thám báo của mình, những người đã đến các thành phố của Syria và bám theo đoàn quân của Aziru trong vai kiếm sĩ, người làm trò ảo thuật, thầy bói, kẻ bán bia và thương buôn nô lệ. Nhưng anh ấy nói các do thám của Aziru cũng đã đến tận Memphis bằng những cách như vậy. Aziru cũng trả tiền cho các trinh nữ của nữ thần Astarte để đi dò la và họ rất nguy hiểm vì nhận được rất nhiều thông tin quan trọng trong khi mua vui cho các chỉ huy Ai Cập, nhưng may thay họ không hiểu mấy về những thông tin liên quan đến cuộc chiến. Cũng có những kẻ phục vụ cho cả Horemheb lẫn Aziru và Horemheb thừa nhận đây là những kẻ khôn ngoan nhất, vì sẽ không gặp nguy hiểm ở bất cứ phía nào mà còn giữ được mạng sống và kiếm được nhiều vàng.

Thế nhưng những người chạy nạn và các cai đội của Horemheb đã kể cho tôi nghe những câu chuyện rất đáng sợ về những người đàn ông Amori và quân ô hợp Ai Cập, khiến tim tôi run rẩy và đầu gối tôi mềm nhũn khi gần đến lúc phải lên đường. Horemheb bảo:

- Cậu có thể chọn đi theo đường biển hay đường bộ. Nếu đi theo đường biển, có thể thuyền của cậu sẽ được thuyền chiến của Crete bảo vệ đến tận Gaza, nhưng cũng rất có thể họ không làm thế mà sẽ tháo chạy khi thấy thuyền chiến của Sidon và Tyre trấn giữ phía ngoài biển Gaza. Trong trường hợp này, nếu cậu chiến đấu dũng cảm, thuyền của cậu sẽ bị đánh chìm và cậu sẽ chết đuối. Còn nếu không, thuyền của cậu sẽ bị cướp, cậu sẽ bị bắt làm người chèo thuyền trên các thuyền chiến của Syria và sẽ chết trong vài ngày vì roi vọt và nóng bức. Nhưng cậu là người Ai Cập và thuộc tầng lớp quyền quý, vì thế nhiều khả năng họ sẽ lột da cậu và treo lên khiên cho khô để dùng nó làm túi xách và ví đựng tiền. Tuy nhiên, tôi hoàn toàn không muốn dọa cậu, mà có thể cậu sẽ đến Gaza an toàn, như lần cuối thuyền chở vũ khí của tôi đã đến được

đó, còn thuyền chở lương bị đánh chìm. Nhưng làm thế nào để cậu thoát ra từ Gaza bị bao vây để đến gặp được Aziru, tôi thực sự không thể nói.

- Có lẽ chắc chắn nhất, tôi sẽ đi theo đường bộ, - tôi ngập ngừng nói với Horemheb. Anh ấy gật đầu đồng ý và giải thích:

- Tôi sẽ cho một đội quân hộ tống cậu từ Tanis, với mấy tay giáo và chiến xa. Nếu liên lạc được với quân của Aziru, họ sẽ để cậu lại một mình ở hoang mạc và nhanh chóng rút đi. Nhưng khi biết cậu là người Ai Cập và là sứ thần, có thể quân Aziru sẽ xuyên cậu lên mũi giáo theo kiểu của người Hittite và đái lên các bảng đất sét của cậu. Cũng có thể dù được hộ tống, cậu vẫn rơi vào tay quân ô hợp và chúng sẽ trấn lột cậu sạch bong, bắt cậu quay cối xay đá cho đến khi tôi có thể chuộc cậu bằng vàng, mặc dù tôi không tin cậu sẽ trụ được lâu vì da cậu màu khói, không chịu được ánh nắng mặt trời và những ngọn roi được làm từ da hà mã. Nhưng cũng có khả năng là sau khi cướp sạch của cậu, chúng sẽ dùng giáo đâm thủng bụng cậu rồi để xác cậu lại cho quạ rỉa và đây không phải là cách tồi tệ nhất để kết thúc cuộc đời mà cậu được chết khá dễ dàng.

Nghe tất cả những điều này, tim tôi càng run hơn, chân tay tê lạnh dù đang giữa mùa hè nóng rực. Vì vậy, tôi bảo:

- Tôi rất tiếc vì bọ hung của tôi đã ở lại chỗ Kaptah để canh giữ tài sản cho tôi, vì có thể bọ hung còn giúp tôi tốt hơn Aton của Pharaon vì có thể thấy quyền lực của thần không đến được những vùng đất đầy tội lỗi này, qua những lời anh nói. Nhưng xét mọi khía cạnh, tôi sẽ gặp được Aziru hoặc chết nhanh nhất nếu tôi đi đường bộ và được chiến xa của anh hộ tống. Vì vậy tôi sẽ đi đường bộ. Nhưng hãy thề đi, Horemheb, vì tình bạn của chúng ta: nếu anh nghe tin tôi bị bắt kéo cối xay ở đâu đó, hãy mau chóng chuộc tôi về và đừng có tiếc vàng vì tôi là người giàu có hơn anh tưởng, mặc dù bây giờ tôi không muốn liệt kê hết tài sản của mình cho anh biết vì chính tôi không biết được tất cả.

Horemheb nói:

- Tôi biết rõ sự giàu có của cậu và tôi đã vay khá nhiều vàng của cậu từ Kaptah cũng như của những người Ai Cập giàu có khác, vì tôi là người ngay thẳng, không thành kiến và không muốn bỏ quên cậu khỏi công trạng này. Nhưng vì tình bạn của chúng ta, tôi hy vọng cậu không đòi tôi vàng của cậu, vì việc này có thể khuynh đảo hoặc xấu nhất là cắt đứt tình bạn. Vì vậy, đi đi, Sinuhe bạn tôi,

hãy đến Tanis, lấy đội hộ tống ở đó rồi đi vào hoang mạc. Chim ưng của tôi sẽ bảo vệ cậu ở đó, việc mà tôi không thể làm nổi vì lực lượng của tôi không tới được vùng sa mạc. Nếu cậu bị bắt làm tù binh, tôi sẽ lấy vàng chuộc cậu ra, còn nếu cậu chết tôi sẽ trả thù cho cậu. Mong điều này an ủi cậu một khi có ai đó đâm giáo vào bụng cậu.

- Nếu được tin tôi chết, anh đừng phí công trả thù cho tôi, - tôi chua chát nói với anh ấy. - Anh hoàn toàn không an ủi được chiếc đầu lâu bị quạ mổ của tôi cho dù có lấy máu của những người khốn khổ tội nghiệp rưới lên nó. Hãy chỉ thay mặt tôi chào Công chúa Baketaton, vì nàng là một phụ nữ xinh đẹp và đáng mơ ước, dù nàng kiêu kỳ và bên quan tài của mẹ mình, nàng đã hỏi tôi rất nhiều về anh.

Sau khi bắn mũi tên tẩm độc này qua vai, tôi cảm thấy được an ủi phần nào và bảo ký lục ghi chép và chứng thực các ấn triện cần thiết vào di chúc, trong đó tôi xác nhận để lại tài sản của mình cho Kaptah, Merit và Horemheb. Tôi gửi bản di chúc này vào văn khố hoàng gia ở Memphis rồi dong thuyền đến Tanis và gặp những người lính biên phòng của Horemheb trong một pháo đài nằm bên hoang mạc dưới cái nắng như thiêu đốt. Họ uống bia và nguyền rủa ngày được sinh ra, săn linh dương nơi hoang mạc, rồi lại uống bia. Những túp lều đất sét của họ bẩn và khai rình mùi nước tiểu. Họ xoa dịu nỗi cô đơn của mình bằng việc vui vẻ với những người đàn bà khốn khổ nhất, những người mà thủy thủ ở cảng Hạ Ai Cập cũng không thèm ngó ngàng tới. Nói một cách ngắn gọn, họ có cuộc sống bình thường của lính nơi biên ải và háo hức chờ đợi Horemheb đến, dẫn họ vào cuộc chiến chống Syria để họ được đổi đời, có bia ngon hơn và đàn bà trẻ hơn. Vì dù phận đời nào đang đợi họ đi chăng nữa, thậm chí là cái chết, theo họ vẫn còn tốt hơn cuộc sống đơn điệu đến khủng khiếp trong những túp lều đất sét bị nắng hun nóng. Vì thế, họ khát khao ra trận và thề sẽ đi đầu các đội quân ô hợp, làm mũi nhọn tấn công đến Jerusalem và Megiddo, hất các đội quân hôi hám của Syria ra khỏi đường đi của họ như cơn lũ quét đám sậy khô cản đường. Nhưng những gì họ hứa sẽ làm cho Aziru và những người Amori cũng như các thủ lĩnh Hittite thì tôi không thể nhắc lại, vì đó là lời nói vô đạo.

Tinh thần quyết chiến vì vinh quang Ai Cập của họ hừng hực như thế và họ nguyền rủa Pharaon Ekhnaton, vì trong thời bình họ lẽ ra có cơ hội lúc đi thu thuế các đoàn lữ hành đến Ai Cập, lúc lại vui vầy với vợ những người du mục, nhưng Pharaon Ekhnaton vì thần của mình đã tạo ra một thời kỳ không chiến tranh mà cũng không yên bình. Trong nhiều năm, không có đoàn lữ hành nào đi

qua Tanis đến Ai Cập và dân du mục đã chạy hết xuống Hạ Ai Cập. Còn nếu có đoàn lữ hành nào gắng đến Ai Cập từ Syria hoặc từ hoang mạc liền bị quân ô hợp cướp sạch trên đường đi trước khi lính biên ải của Pharaon kịp làm việc đó, bởi vậy lính biên ải của Pharaon rất coi thường quân ô hợp và gọi họ bằng những cái tên miệt thị.

Trong khi đội hộ tống chuẩn bị cho chuyến đi, đổ đầy các bao nước, bắt ngựa từ nơi chăn thả về và thợ rèn vặn chắc bánh những cỗ chiến xa, tôi nhìn ngó quanh mình và lúc đó tôi đã hiểu bí mật trong việc huấn luyện binh sĩ là gì và điều gì khiến binh lính dũng mãnh hơn sư tử. Người chỉ huy chiến trận tài giỏi tôi luyện lính của mình trong nhục hình khủng khiếp, bắt họ luyện tập liên miên và bằng mọi cách khiến cuộc sống của họ trở nên không thể chịu nổi, khiến họ hiểu rằng bất cứ điều gì đi nữa, chiến tranh hay ngay cả cái chết, vẫn tốt cho họ hơn là cuộc sống trong trại lính. Nhưng điều lạ nhất là khi ấy binh lính không hề căm ghét chỉ huy của họ mà còn ngưỡng mộ và hết lời ca ngợi anh ta, khoe khoang về tất cả những nhục hình mà mình phải chịu cũng như những vết gậy hằn trên lưng. Bản tính của con người thất thường và đáng kinh ngạc đến như thế, và khi nghĩ về điều đó, thành phố Akhetaton mờ đi trong tâm trí tôi như ảo mộng.

Theo lệnh của Horemheb, đội hộ tống tôi ở Tanis được trang bị mười cỗ chiến xa, mỗi chiếc do hai ngựa kéo kèm theo một con dự phòng và ngoài người điều khiển, mỗi cỗ xe có một chiến binh và một giáo thủ. Khi ra mắt tôi, viên chỉ huy đội hộ tống cúi đầu thật thấp trước mặt tôi và để thẳng tay xuống ngang đầu gối. Tôi nhìn anh ta rất kỹ, vì mạng sống của mình được đặt trong tay anh ta. Chiếc xà rông của anh ta bẩn và tả tơi như của lính tráng, nắng hoang mạc đã nướng sạm đen mặt và thân thể anh ta, chỉ có cây roi bện bạc phân biệt anh ta với quân lính.

Chính vì điều này mà tôi tin tưởng anh ta hơn là khi vai anh ta khoác tấm vải choàng đắt tiền và còn có ai đó cầm chiếc ô che nắng phía trên đầu. Nhưng khi tôi cố gắng nói với anh ta về chiếc kiệu thì anh ta quên hết sự kính trọng và phá lên cười. Và anh ta khiến tôi tin khi giải thích lá chắn duy nhất của chúng tôi là tốc độ và tôi phải đi cùng anh ta trên chiến xa, quên đi ghế kiệu và những tiện nghi khác của cuộc sống. Anh ta hứa để tôi ngồi trên các bao cỏ cho ngựa nếu tôi muốn, nhưng khuyên tôi rằng tốt hơn hết tôi nên làm quen với việc đứng trong thùng xe, đung đưa theo chuyển động của nó, bởi nếu không hoang mạc sẽ làm tôi tức thở vì xóc nảy và đập xương tôi vào sườn xe nát nhừ.

Tôi lấy hết can đảm và tự đắc nói với anh ta rằng đây không phải là lần đầu tiên tôi ngồi trên chiến xa, mà đã từng phóng chiến xa từ Simyra đến Amori trong thời gian ngắn kỷ lục khiến lính của Aziru cũng phải kinh ngạc về tốc độ của tôi, cho dù lúc đó tôi còn trẻ hơn bây giờ và địa vị của mình đòi hỏi tôi giữ cơ thể khỏi phải cố gắng quá mức. Viên chỉ huy tên Juju lịch sự lắng nghe tôi, sau đó tôi tin tưởng đặt mạng sống của mình vào thần linh Ai Cập và theo anh ta bước lên cỗ chiến xa đi đầu. Chúng tôi đi theo tuyến đường của các đoàn lữ hành vào hoang mạc, người tôi nảy tưng tưng trên các bao cỏ và tôi phải bám vào hai bên thành xe bằng cả hai tay, mũi tôi xước và tôi rên rỉ thương mình. Nhưng tiếng rên rỉ của tôi chìm trong tiếng ầm ầm của bánh xe, những người đánh xe phía sau xe tôi thích thú hét lên khi được lao vào hoang mạc, thoát khỏi địa ngục hừng hực của các túp lều đất sét.

Chúng tôi đi như thế cả ngày và tôi thừa chết thiếu sống qua đêm trên các bao cỏ, cay đắng nguyền rủa ngày mình được sinh ra. Ngày hôm sau, tôi cố gắng đứng trong thùng xe, giữ chặt dây lưng của Juju, nhưng một lúc sau, xe va phải một tảng đá, tôi bay khỏi xe theo đường vòng cung, đầu đâm xuống cát và những cây gai cứa xước mặt tôi. Tuy nhiên, điều này không còn quan trọng với tôi nữa. Đến lúc nghỉ đêm, Juju lo lắng về tình trạng của tôi và đổ nước lên đầu tôi, mặc dù anh ta dè sẻn không cho lính uống đủ nước để tiết kiệm. Anh ta nắm tay tôi, an ủi tôi rằng chuyến đi của chúng tôi đã gặp may và nếu hôm sau quân ô hợp không bất ngờ đánh úp chúng tôi, có thể vào ngày thứ tư chúng tôi sẽ gặp lính do thám của Aziru. Rồi anh ta kể cho tôi nghe những kinh nghiệm chiến trận của mình để làm tôi khuây khỏa:

- Quả thật, không có gì buồn tẻ đơn điệu hơn chiến tranh, vì chiến tranh là sự chờ đợi không dứt. Chiến tranh là sự hoài công chờ đợi kẻ thù, vì kẻ thù luôn đến muộn và không bao giờ xuất hiện ở nơi ta chờ chúng. Chiến tranh cũng là sự chờ đợi vô vọng một bữa ăn, vì trong chiến tranh, bữa ăn luôn muộn và không có gì đáng nguyền rủa bằng sự chậm chạp của đoàn tải lương. Chiến tranh là những cuộc di chuyển vô ích từ nơi này sang nơi khác rồi hành quân trở lại nơi xuất phát, tiến lên lùi lại cho đến khi lưỡi dính vào vòm miệng và bàn chân cứng đờ như thân gỗ chết khô. Nhưng chính đây mới là nghệ thuật chiến tranh và để học nó, người chỉ huy phải theo học các trường quân sự, phải biết đọc và viết. Tất cả những việc này là chiến tranh và rồi kẻ thù ập đến đúng lúc không ai chờ đợi chúng. Mà kẻ thù cũng luôn tấn công theo cách khác với cách kẻ thù tấn công trong bài học và theo một trình tự khác, và trong trận chiến người chỉ huy không biết lính của mình và lính cũng không biết đến người chỉ huy, mà mạnh ai nấy hét rồi đâm

và chọc bất cứ ai mình nhìn thấy. Nếu lúc đó kẻ thù bỏ chạy, người chỉ huy sẽ được vinh danh, tài năng của anh ta được ca ngợi và Pharaon sẽ ném cho anh ta một sợi dây chuyền vàng từ ban công hoàng cung. Còn nếu bỏ chạy, chúng tôi sẽ cảm ơn vận may cho mình sống sót, sẽ tốn rất nhiều giấy mực và những người sống sót sẽ bị ăn roi, chỉ huy sẽ bị treo ngược trên tường. Tuy nhiên, nếu người chỉ huy có đủ quyền thế thì có thể dù thất bại anh ta vẫn được ném cho một sợi dây chuyền vàng từ ban công của Pharaon và sự thất trận của anh ta sẽ được loan báo là chiến thắng và được khắc vào đá để được truyền nhớ muôn đời. Chiến tranh là như vậy đấy, thưa ngài Sinuhe cao quý, vì thế đừng rên rỉ vì đau nữa, mà hãy tạ ơn vận may đã không bắt mình ra trận.

Bằng cách đó, anh ta đã làm tôi khuây khỏa và ngủ thiếp đi, nhưng vào nửa đêm, tôi tỉnh giấc bởi những tiếng hét kinh hoàng, tiếng vó ngựa cồng cộc và tiếng bánh xe ầm ầm. Đốt đuốc lên, chúng tôi phát hiện cả hai lính gác đêm nằm trên mặt đất, cổ họng bị cắt ngang và máu đang rỉ chảy. Một cỗ chiến xa với ngựa đã bị lấy trộm, các chiến xa và ngựa kéo còn lại là một đám hỗn độn quần thảo, khung xe, càng xe và bánh xe quấn chọc vào nhau. Sau khi tháo gỡ được chúng ra, chúng tôi tiếp tục hành trình mặc dù trời vẫn còn tối. Tôi không còn than phiền về những gian khổ của chuyến đi nữa vì những kẻ phục kích ban đêm này chắc chắn sẽ gọi thêm quân để bất ngờ tấn công chúng tôi và chiếm lấy ngựa, xe và nước của chúng tôi. Vì như Juju nói, ngựa cũng như các cỗ chiến xa và nước với những đội quân ô hợp đắt hơn cả vàng. Vì thế quân ô hợp cũng tấn công cả lính Ai Cập để cướp ngựa và chiến xa.

Vậy là một ngày lại đến, đầu tôi bắt đầu đau nhức dưới cái nắng thiêu đốt và cát làm mắt tôi cay xè, lưỡi tôi dính lấy vòm miệng. Cho đến khi cơn gió nóng bỏng của hoang mạc mang theo khói và mùi máu thổi vào mũi chúng tôi, ngựa bắt đầu phun phì phì và những người điều khiển chiến xa gắn lưỡi hái vào bánh xe. Sau khi vòng qua một vài ngọn đồi đỏ, chúng tôi thấy một nguồn nước và những túp lều bị đốt cháy quanh đó, những xác người bị cướp trần trụi, mắt bị quạ mổ và máu chảy nhuộm đỏ cát. Những người đàn ông cầm giáo lao đến tấn công chúng tôi và một vài mũi tên đã bắn về phía chúng tôi, nhưng quân ô hợp đánh cướp ở đây - không rõ là quân của Aziru hay của đám du mục hay đội quân tự do nào khác, tôi không bao giờ được biết - nhận thấy tốt nhất nên lánh đi sau khi so sánh số lượng và chiến xa của chúng với chúng tôi. Chúng đành hét lên phía sau chúng tôi đủ lời phỉ báng, đe dọa và lao giáo vào không trung, nhưng chúng tôi mặc chúng và tiếp tục hành trình của mình, mặc dù quân của Juju rất muốn quay lại,

tập tấn công bằng chiến xa.

Đêm hôm sau, chúng tôi thấy ánh sáng của lửa trại hay nhà bị đốt cháy hừng lên ở chân trời. Juju bảo chúng tôi đang đến gần rìa hoang mạc bên đất Syria và sau khi cho ngựa ăn, chúng tôi thận trọng tiếp tục cuộc hành trình dưới ánh trăng cho đến khi tôi kiệt sức ngủ gục trên các bao cỏ trong thùng xe.

Rạng sáng hôm sau, tôi tỉnh giấc khi Juju ném tôi từ trên xe xuống cát không thương tiếc. Rồi anh ta ném các bảng đất sét với thùng hành trang của tôi xuống sau tôi và quay ngựa, để tôi lại cho thần linh Ai Cập và hét lên những lời động viên tôi. Anh ta giục ngựa phi nước đại khiến bánh xe va vào đá tóe lửa và những cỗ chiến xa khác bám theo sau.

Sau khi dụi cát bay vào mắt, tôi thấy một đoàn chiến xa cắm cờ Syria chạy theo hình quạt như dàn trận từ giữa những ngọn núi tiến về phía tôi. Tôi đứng dậy, nhớ ra vị thế của mình, bắt đầu cầm lấy cành cọ xanh bằng cả hai tay vẫy vẫy trên đầu ra hiệu hòa hoãn dù cành cọ đã khô và héo quắt lại trong suốt cuộc hành trình. Nhưng các chiến xa không thèm để ý đến tôi mà lao vút qua, chỉ để lại một mũi tên giận dữ như ong bắp cày bay vèo qua bên tai tôi rồi đâm xuống cát sau lưng tôi. Đoàn chiến xa đuổi theo các chiến xa của Juju, tôi thấy Juju và lính của anh ta vứt các bao cỏ và cả những túi nước khỏi xe để làm nhẹ xe. Nhờ vậy mà họ chạy thoát, chỉ duy nhất một chiến xa nằm lại vì ngựa vấp phải đá và một chiến xa lao vút qua, hất đổ ngựa lẫn xe, giết người điều khiển rồi lao đi mà không hề giảm tốc.

Sau cuộc rượt đuổi vô ích, các chiến xa của Aziru quay lại chỗ tôi và những gã đánh xe bước xuống. Tôi gào lên xưng tước vị của mình và giơ cho họ xem những bảng đất sét của Pharaon mà tôi cầm trên tay. Nhưng họ không để ý đến tiếng hét của tôi mà lạnh lùng đến gần, một vài người đút bàn tay vẫn còn rỉ máu vào thắt lưng. Họ trấn lột tôi, mở rương của tôi lấy vàng và lột quần áo của tôi, rồi buộc cổ tay tôi vào sau chiến xa, buộc tôi phải chạy theo sau xe của họ. Khi ấy, tôi nghĩ mình sắp nghẹt thở, cát chà xát da đầu gối của tôi, còn họ chẳng buồn để ý đến tiếng gào thét của tôi, mặc dù tôi đe dọa họ là Aziru sẽ hết sức giận dữ. Tôi phải hứng chịu tất cả những điều này vì Pharaon Ekhnaton.

Tôi chắc chắn sẽ chết nếu doanh trại của Aziru không nằm ngay sau dãy núi phía bên kia hẻm. Tôi lờ mờ nhìn thấy ở đó nhiều lều trại, những con ngựa ăn cỏ bên lều, các cỗ chiến xa và những ống xương bò chất thành tường bao xung quanh trại. Sau đó tôi không

thấy gì nữa, mà chỉ tỉnh dậy khi những nô lệ đổ nước lên mặt và xoa dầu lên người tôi, vì một viên chỉ huy biết đọc đã nhìn thấy bảng đất sét của tôi nên sau đó họ đối xử với tôi một cách tôn trọng và trả lại quần áo cho tôi.

Khi tôi có thể nhúc nhắc được, họ ẩn tôi vào lều của Aziru, nơi sặc mùi ngựa, vải và hương liệu. Aziru đi về phía tôi, gầm gừ như một con sư tử, dây chuyền vàng leng keng quanh cổ và bộ râu quăn xù trong lưới bạc. Ông ta đến bên tôi và ôm tôi, nói:

- Tôi hết sức xin lỗi nếu lính của tôi đối xử tệ với anh, nhưng lẽ ra anh phải nói cho họ biết tên của mình, nói với họ anh là sứ giả của Pharaon và là bạn tôi. Anh cũng nên vẫy một cành cọ trên đầu như dấu hiệu hòa bình, nhưng đằng này người của tôi nói anh đã vung dao tấn công họ và giận dữ gào lên, khiến họ buộc phải khống chế anh để bảo vệ tính mạng.

Đầu gối tôi đau nhức như bị lửa nung, cổ tay như rời ra, vì vậy sự tức giận vò xé tâm trí tôi và tôi nói với Azuri:

- Hãy nhìn tôi và nói xem tôi có vẻ gây nguy hiểm cho tính mạng quân lính của ông không? Chúng chặt cành cọ của tôi và trấn lột của tôi mọi thứ kể cả quần áo của tôi, và còn chế nhạo tôi rồi giẫm lên các bảng đất sét của Pharaon. Vì thế, ông phải cho đánh chúng, ít nhất là một số kẻ, để chúng có thể học cách tôn trọng sứ giả của Pharaon.

Nhưng Azira giễu cợt phanh áo choàng ra rồi giơ mạnh tay lên đầy vẻ kinh ngạc và thề thốt:

- Chắc anh đã có một giấc mộng tồi tệ, Sinuhe, tôi không thể làm gì nếu đầu gối anh bị thương vì đạp phải đá trong hành trình khó khăn của mình. Tôi sẽ không cho đánh những người tốt nhất của mình vì yêu cầu của một gã Ai Cập khốn khổ và lời nói của sứ thần Pharaon như ruồi vo ve trong tai tôi.

- Aziru, - tôi nói, - ông là vua của các vị vua, ít nhất hãy sai đánh kẻ vô liêm sỉ đã đâm nhiều nhát vào lưng tôi khi tôi chạy sau cỗ xe. Hãy sai đánh hắn, để tôi hài lòng, vì tôi mang đến một món quà, đó là hòa bình cho ông và cho Syria.

Aziru vừa cười to vừa đấm vào ngực mình và nói:

- Sao tôi phải mủi lòng nếu Pharaon tội nghiệp của anh hạ mình xuống cát bụi trước mặt tôi và cầu xin tôi hòa bình! Tuy nhiên, điều anh nói có lý và vì anh là bạn của tôi, của vợ tôi và của con

trai tôi, tôi sẽ cho đánh kẻ đã đâm sau lưng anh để thúc anh chạy, vì điều này trái với lối cư xử thượng võ và như anh biết, tôi ra trận với vũ khí tinh nguyên và vì những mục đích cao cả.

Tôi rất hài lòng khi chứng kiến kẻ đã hành hạ mình dã man nhất bị đánh trước đám quân đang tập trung gần lều của Aziru. Các đồng đội của hắn không hề thương hại mà chế nhạo hắn rồi cười rú lên và giơ ngón tay chỉ vào hắn khi hắn khóc, vì họ là lính và luôn muốn thấy bất kỳ điều gì khác lạ với đời binh nghiệp tẻ nhạt của mình. Không nghi ngờ gì rằng Aziru sẽ để hắn bị đánh đến chết, nhưng khi nhìn thấy thịt hắn xước ra khỏi xương sườn và máu rỉ ra, tôi nghĩ lưng hắn đã nhức nhối như mông và đầu gối của tôi, nên tôi giơ tay và tặng cho hắn ta mạng sống của hắn. Thấy sự đau đớn của hắn, tôi bảo đưa hắn đến căn lều mà Aziru dành cho tôi trước sự phẫn nộ của đám sĩ quan đang có mặt tại đó, còn các đồng đội của hắn la hét ca ngợi tôi, vì cứ nghĩ ngoài đánh bằng roi, tôi sẽ trừng trị hắn bằng nhiều cách tinh quái khác. Nhưng tôi đã xức vào lưng hắn thứ thuốc mỡ mà tôi đã xoa vào đầu gối và mông của mình, rồi tôi băng bó vết thương cho hắn và cho hắn uống bia, khiến hắn cuối cùng cho rằng tôi bị điên và không còn kính trọng tôi nữa.

Buổi tối, Aziru mời tôi thịt cừu rán và bánh gạo mạch nấu trong mỡ ở lều của ông ta. Tôi ăn với ông ta cùng các phò tá của ông ta và các chỉ huy Hittite; áo choàng và khiên của họ được trang trí hình những chiếc rìu đôi và mặt trời có cánh. Chúng tôi cùng nhau uống rượu và tất cả đều cư xử với tôi thân mật, chí tình và coi tôi như kẻ khờ vì đã đến mang lại hòa bình cho họ đúng lúc họ cần hòa bình nhất. Họ nói những lời có cánh về tự do và sự hùng mạnh của Syria trong tương lai và cái ách của kẻ áp bức mà họ đã tháo khỏi cổ mình. Nhưng khi đã uống rượu đủ say, họ bắt đầu cãi vã lẫn nhau, cuối cùng một người đến từ Joppa đã rút dao đâm vào cổ một người đến từ Amori khiến máu chảy ròng ròng. Nhưng vết thương không lớn, vì dao không cắt đứt động mạch, và tôi đã có thể chữa lành cho anh ta bằng cách của mình nên anh ta tặng tôi nhiều món quà. Vì việc này, tôi cũng bị cho là ngốc nghếch.

Thà tôi cứ để anh ta chết, vì trong khi tôi ở đây, chính người Amori này đã sai người hầu giết người Joppa đã đâm anh ta và Aziru ra lệnh treo ngược anh ta lên tường để giữ nghiêm quân luật trước khi cổ anh ta kịp lành lại hoàn toàn. Aziru đối xử với người của mình tàn nhẫn và nghiêm khắc hơn so với những người Syria khác, vì chính họ ghen tị nhiều nhất với quyền lực của ông ta và lập mưu chống lại ông ta, khiến ông ta nắm quyền mà như ngồi trên tổ kiến.

2

Ăn tối xong, Aziru đuổi các phò tá của mình và các chỉ huy Hittite ra khỏi lều mình để họ tiếp tục các cuộc cãi vã trong lều của họ. Ông ta chỉ cho tôi đứa con trai theo ông ta ra trận dù mới bảy tuổi. Cậu bé đã lớn, khá khỉnh với đôi má như hai quả đào đầy lông tơ, đôi mắt đen láy, long lanh. Tóc cậu xoăn và đen như râu của bố, còn làn da trắng bóc của cậu được thừa hưởng từ mẹ. Aziru vuốt tóc con và nói với tôi:

- Anh đã bao giờ thấy đứa bé nào đẹp hơn chưa? Tôi đã sưu tập cho thằng bé nhiều vương miện. Nó sẽ trở thành một quốc vương vĩ đại và tôi thậm chí không dám nghĩ quyền uy của thằng bé sẽ được mở rộng đến mức nào, vì nó đã dùng thanh kiếm nhỏ của mình đâm thủng bụng một đứa nô lệ dám xúc phạm nó. Nó biết đọc, biết viết và không sợ chiến tranh, vì tôi đã cho nó theo mình ra trận, cho dù khi ấy chúng tôi chỉ trừng phạt những làng nổi loạn nên không cần lo cho mạng sống bé bỏng của nó.

Keftiu cai quản Amori khi Aziru ra trận. Aziru rất nhớ cô ta và nói rằng ông ta đã gắng lấp đầy nỗi khát khao dục vọng của mình với những nữ tù nhân và các trinh nữ của đền đi theo đội quân nhưng vô ích vì ai đã từng một lần được nếm trải tình yêu của Keftiu sẽ không bao giờ quên được cô ta; nét thanh xuân, vẻ tươi tắn của cô ta theo năm tháng càng rực rỡ và lộng lẫy nên chắc chắn tôi sẽ không còn tin vào mắt mình nếu nhìn thấy cô ta. Nhưng Aziru vẫn đưa con trai đi theo vì không dám để thằng bé ở lại Amori bởi sẽ đến lúc nó mang vương miện thống nhất của Syria.

Chúng tôi đang nói chuyện thì những tiếng la chói tai, hoảng loạn của đàn bà vọng lại từ trại khiến Aziru vô cùng tức giận và nói:

- Đám chỉ huy Hittite lại chọc ghẹo tù nhân rồi, mặc dù tôi đã cấm họ, nhưng tôi không thể làm gì họ vì tôi cần tài chinh chiến của họ. Họ tìm thấy niềm vui khi hành hạ, làm cho đàn bà van khóc gào thét, khiến tôi không thể hiểu nổi, vì chẳng phải ta sẽ vui sướng khi làm cho phụ nữ rên rỉ vì ham muốn hơn là vì đau ư? Nhưng mỗi tộc người đều có những cách thức riêng và tất nhiên tôi không thể mắng mỏ họ chỉ vì cách của họ khác với cách ở Syria. Nhưng dù sao, tôi cũng không muốn họ dạy cho quân lính của tôi những thói hư tật xấu của mình, vì quả thật chiến tranh đã khiến binh lính của tôi trở nên dã man như sói và sư tử.

Điều ông ta nói làm tôi kinh hãi, mặc dù tôi biết người Hittite, biết những gì họ có thể làm. Bởi vậy tôi nói luôn:

- Aziru, vua của các vị vua, dẹp ngay người Hittite đi trước khi chúng đập nát vương miện trên đầu ông và cả đầu ông, bởi không thể tin người Hittite được. Thay vào đó, hãy hòa hoãn với Pharaon ngay bây giờ khi người Hittite đang lâm chiến ở Mitanni. Cả Babylon cũng đang trang bị vũ khí để chống lại người Hittite, chắc chắn ông biết việc ấy, nên ông sẽ không được nhận ngũ cốc từ Babylon nữa nếu vẫn liên minh với Hittite. Vậy nên khi mùa đông đến, nạn đói như một con sói gầy sẽ lẻn vào Syria, trừ khi ông hòa hoãn với Pharaon để ngài gửi lương thực đến các thành phố của ông như trước.

Nhưng Aziru phản đối:

- Anh khờ quá, Sinuhe, vì người Hittite tốt với bạn song tàn ác với kẻ thù. Nhưng có sự ràng buộc nào bắt tôi phải liên minh với Hittite đâu, mặc dù họ gửi cho tôi những món quà đẹp và những chiếc khiên chạm khắc vương miện, tường thành tinh xảo, vì vậy tôi có thể cân nhắc hòa hoãn mà không cần đến người Hittite. Họ cũng đã chống lại thỏa thuận chiếm đóng Kadesh và sử dụng cảng Byblos như cảng riêng của mình. Mặt khác, Hittite đã gửi cho tôi một thuyền chất đầy vũ khí được rèn bằng kim loại mới và nhờ đó binh lính của tôi bất khả chiến bại trên chiến trường. Dù sao đi nữa, tôi yêu hòa bình hơn chiến tranh và tôi ra trận chỉ để đạt được hòa bình trong danh dự. Vì vậy, tôi sẽ sẵn lòng đình chiến nếu Pharaon trả lại thành Gaza đã bị lấn chiếm cho tôi và tước vũ khí của các toán cướp nơi sa mạc, đền bù bằng ngũ cốc, dầu và vàng cho tất cả những thiệt hại mà các thành phố Syria phải gánh chịu do hậu quả của cuộc chiến này, vì chính Ai Cập đã gây ra cuộc chiến này, như anh biết quá rõ.

Ông ta trơ trẽn nhìn tôi và che miệng mỉm cười ranh mãnh, nhưng tôi nóng nảy đáp:

- Aziru, kẻ trộm gia súc, kẻ lừa đảo và đao phủ giết người vô tội kia! Lẽ nào ông không biết trong mọi lò rèn trên khắp miền Hạ, giáo mác đang được rèn và số chiến xa của Horemheb đã vượt hơn số rệp trong lều trại của ông. Những con rệp này sẽ cắn ông đau nhói khi mùa thu hoạch đến. Horemheb mà ông từng nghe danh đã nhổ nước bọt vào chân tôi khi tôi nói với anh ta về hòa bình, nhưng vì thần linh của ngài nên Pharaon muốn hòa bình và không muốn đổ máu. Vì thế tôi cho ông một cơ hội cuối cùng, Aziru ạ, Gaza vẫn thuộc về Ai Cập và chính ông phải giải tán quân

ô hợp nơi sa mạc, vì Ai Cập không phải chịu trách nhiệm về tội ác của lũ chúng. Chính sự tàn ác của ông đã buộc những người đàn ông Syria này chạy đến sa mạc để chống lại ông và đây là việc nội bộ của Syria. Ông cũng phải thả tất cả tù nhân Ai Cập và bồi thường thiệt hại mà thương nhân Ai Cập ở các thành phố của Syria phải gánh chịu, đồng thời trả lại tài sản của họ.

Aziru xé quần áo, rứt râu và tức giận gào lên:

- Chó dại đã cắn anh hay sao, Sinuhe, mà anh nói những lời rồ dại đến thế? Hãy trả lại Gaza cho Syria, các thương nhân Ai Cập hãy tự bồi thường thiệt hại và tù nhân vẫn bị bán làm nô lệ như thông lệ, nhưng tất nhiên không ai ngăn cản Pharaon chuộc lại họ nếu ông ta có đủ vàng cho việc này.

Tôi nói với ông ta:

- Nếu ông có hòa bình, ông có thể xây tường thành cao và các tháp canh hùng vĩ cho các thành phố của mình để không còn phải sợ người Hittite. Ai Cập ủng hộ ông. Chắc chắn các thương gia trong thành phố của ông sẽ giàu lên nhờ buôn bán với Ai Cập mà không phải trả thuế cho Ai Cập và người Hittite sẽ không thể làm gián đoạn việc buôn bán của ông vì họ không có thuyền chiến. Tất cả lợi ích đều nằm về phía ông, Aziru, nếu ông hòa giải, vì các điều kiện của Pharaon là hợp lý và tôi không thể nhân nhượng hơn.

Chúng tôi đã tranh cãi và điều đình, thương lượng hòa bình như thế từ ngày này qua ngày khác, và rất nhiều lần Aziru vừa xé quần áo và rắc tro lên tóc vừa nói tôi là một kẻ cướp vô liêm sỉ và khóc lóc cho số phận của con trai mình, rằng chắc chắn nó sẽ bị Ai Cập vắt kiệt và chết gục dưới rãnh như kẻ ăn xin. Đã một lần tôi bước ra khỏi lều của ông ta, gọi quân hộ tống cho kiệu đưa tôi đến Gaza và tôi đã kịp lên kiệu trước khi Aziru gọi tôi lại. Nhưng tôi nghĩ là người Syria, ông ta rất thích việc thương thuyết, mặc cả ngày này sang ngày khác như thế này, và cứ nghĩ đã lừa dối được tôi và giành lợi thế cho mình mỗi khi tôi nhượng bộ. Ông ta không thể ngờ rằng Pharaon đã lệnh cho tôi phải mua hòa bình bằng bất cứ giá nào, cho dù Ai Cập nghèo đi vì nó.

Vì vậy tôi rất tự tin, thông qua thương thảo giành được nhiều lợi ích to lớn cho Pharaon. Và thời gian có lợi cho tôi, vì sự chia rẽ ngày càng lớn trong doanh trại của Aziru và ngày ngày đều có những người rời nơi đó đến thành phố của họ mà ông ta không thể ngăn cản, vì quyền lực của ông ta chưa đủ mạnh. Cứ như thế, chúng tôi đã tiến rất xa cho đến khi ông ta đưa ra điều kiện cuối

cùng để đi đến giải pháp như sau: tường thành Gaza phải bị phá bỏ và ông ta sẽ lập tiểu vương Gaza, nhưng bên cạnh tiểu vương sẽ có một công sứ do Pharaon chỉ định và cả thuyền của Syria lẫn Ai Cập đều có thể đến Gaza và buôn bán ở đó mà không phải trả thuế. Tuy nhiên, tôi không thể đồng ý, vì khi không còn tường thành, Gaza trở nên vô dụng với Ai Cập và hoàn toàn nằm trong quyền kiểm soát của ông ta.

Khi tôi cương quyết nói là tôi không thể chấp nhận và yêu cầu một đội hộ tống đưa tôi đến Gaza, ông ta điên lên, đuổi tôi ra khỏi lều mình và ném theo sau lưng tôi tất cả các bảng đất sét của tôi. Nhưng ông ta cũng không cho phép tôi đi và tôi đã dành thời gian ở trại để chữa bệnh cho người ốm và chuộc các tù nhân Ai Cập đã phải làm phu khuân vác, kéo xe hàng và sống rất cực khổ ở đó. Tôi mua tự do cho một số thiếu phụ, nhưng cũng cho một số người thuốc để chết, vì với họ chết còn hơn sống khi bị người Hittite quấy rối. Thời gian cứ thế trôi đi và thời gian qua đi có lợi cho tôi vì tôi không mất gì, trong khi đó Aziru ngày càng mất nhiều hơn, đến mức trong sự nôn nóng của mình, ông ta đã xé tấm lưới bạc bọc râu và nhổ rất nhiều tóc đen trên đầu vì sự cương quyết của tôi và gọi tôi bằng những cái tên bất nhã.

Tôi phải nói thêm rằng Aziru cho người canh tôi nghiêm ngặt đến từng bước đi, theo dõi, rình mò và lượng sức tôi với sức ông ta, sợ rằng tôi sẽ cấu kết với giới quyền quý và các chỉ huy dưới quyền ông ta để hạ bệ ông. Đây có lẽ là một việc dễ dàng, nhưng tôi thậm chí còn không nghĩ đến vì tôi có trái tim của một con cừu và ông ta từng là bạn của tôi. Vậy mà vào một đêm nọ, hai sát thủ đã xông vào lều của Aziru và dùng dao đâm ông ta bị thương, nhưng ông ta sống sót và giết một người, con trai ông ta tỉnh dậy lúc đó và đâm vào lưng người còn lại bằng thanh kiếm nhỏ của mình khiến người kia cũng chết.

Ngày hôm sau, Aziru cho gọi tôi đến lều của ông ta, buộc tội tôi bằng những lời lẽ cay nghiệt rồi dọa dẫm tôi nhưng sau đó đồng ý hòa giải và nhân danh Pharaon, tôi đã ký kết hòa bình với ông ta và tất cả các thành phố của Syria. Gaza vẫn thuộc về Ai Cập, giải giáp quân ô hợp là việc của Aziru và Pharaon được đặc quyền chuộc tù binh và nô lệ Ai Cập. Với những điều khoản như thế, chúng tôi sai viết một thỏa ước hữu nghị vĩnh cửu giữa Ai Cập và Syria vào bảng đất sét và xác nhận nó nhân danh hàng ngàn vị thần của Ai Cập và hàng ngàn vị thần của Syria, thêm cả tên Aton. Aziru vừa chửi bới thậm tệ vừa gọi tất cả các thần đến giúp khi lăn dấu triện của mình trên đất sét, và cả tôi cũng xé quần áo của mình và khóc rên thảm thiết khi ấn dấu triện Ai Cập vào đất sét,

nhưng cuối cùng cả hai chúng tôi đều thỏa nguyện. Aziru đã tặng tôi rất nhiều quà và tôi cũng hứa sẽ gửi cho ông ta và vợ con ông ta nhiều quà theo những thuyền đầu tiên dong buồm từ Ai Cập đến các thành phố của Syria trong thời bình.

Thế là chúng tôi chia tay trong hữu hảo, Aziru thậm chí còn ôm tôi và nói tôi là bạn ông ta. Trước khi đi, tôi ôm cậu con trai xinh đẹp của ông ta vào lòng, khen ngợi sự dũng cảm của cậu bé và hôn vào đôi má ửng hồng của cậu. Nhưng cả Aziru và tôi trong thâm tâm đều biết rằng hòa ước mà chúng tôi đã thỏa thuận cho muôn đời thậm chí không đáng giá bằng bảng đất sét mà nó được viết lên, nhưng ông ta đã hòa giải vì buộc phải hòa giải và Ai Cập hòa giải vì Pharaon Ekhnaton muốn như vậy. Hòa bình đung đưa trong không khí và sẽ bị gió cuốn đi vì tất cả phụ thuộc vào việc người Hittite xoay về hướng nào từ Mitanni, đồng thời cũng phụ thuộc vào sự can đảm của Babylon và các thuyền chiến của Crete, lực lượng bảo vệ giao thương trên biển.

Aziru bắt đầu rút quân và cử một đội hộ tống tôi đến Gaza, đồng thời lệnh cho đạo quân của mình ở phía trước Gaza chấm dứt cuộc vây hãm thành. Tuy nhiên, tôi suýt chết trước khi đến được Gaza, quả thật nỗi gian nguy và hiểm họa mà tôi trải qua trong chuyến đi đáng sợ này lớn hơn bao giờ hết. Bởi vì khi toán lính hộ tống tôi vẫy cành cọ, tiến về phía cổng thành Gaza và hét lên hòa bình đang đến, lính Ai Cập bảo vệ thành để chúng tôi đến thật gần rồi bắt đầu bắn tên và ném giáo vào chúng tôi, máy ném đá của họ ném những hòn đá lớn ầm ầm vào chúng tôi, khiến tôi thật sự nghĩ rằng thời khắc cuối cùng của mình đã đến. Một người lính của Aziru, không mang vũ khí mà chỉ cầm chiếc khiên che mặt tôi, bị trúng tên vào cổ, gục xuống đất người đầy máu, còn đồng đội của anh ta bỏ chạy. Nỗi sợ hãi làm tôi bủn rủn, tôi thu mình như rùa dưới tấm khiên, khóc lóc và gào thét rất đáng thương. Khi không bắn được tên vào tôi vì có tấm khiên che chắn, lính Ai Cập từ trên tường thành đổ hắc ín đun sôi từ những cái thùng to tướng xuống và hắc ín bắt đầu sủi bọt, chảy trào về phía tôi. May mắn thay, được mấy tảng đá che chắn nên tôi chỉ bị bỏng ở tay và đầu gối.

Nhìn cảnh tượng đó, quân lính Aziru cười rũ rượi đến mức ngã khuỵu xuống và lăn lộn trên đất nhiều vòng. Có lẽ cảnh tượng đó cũng buồn cười thật, nhưng tôi không cười nổi. Cuối cùng, có lẽ tiếng khóc gào thảm thiết của tôi đã động lòng những người lính Ai Cập nên họ cho tôi vào thành. Nhưng họ không mở cổng thành mà thả từ trên tường thành xuống một cái giỏ với một sợi dây bện bằng sậy để tôi phải trèo vào đó với những bảng đất sét và cành cọ

của mình, rồi họ kéo tôi ngồi trong giỏ lên tường thành. Tôi sợ run lên khiến cái giỏ rung rinh và lắc lư vì tường rất cao, theo tôi là quá cao, và lính Aziru phía dưới cười nhạo tôi còn dữ hơn.

Tôi giận dữ trách viên trấn thủ Gaza về những việc đó, nhưng anh ta là một người dữ dằn và ngoan cố, giải thích rằng anh ta đã gặp quá nhiều sự xảo trá và lừa dối của người Syria nên không mở cổng thành cho đến khi nhận được lệnh từ chính Horemheb. Anh ta cũng không tin rằng hòa bình đã đến, dù tôi đã cho anh ta xem tất cả những bảng đất sét của mình và nói chuyện với anh ta nhân danh Pharaon, vì anh ta là một người máy móc, cứng đầu và có lẽ nếu không có sự máy móc và cứng đầu đó của anh ta thì Ai Cập đã mất Gaza từ lâu, nên tôi không có lý do gì để khiển trách anh ta thêm. Sau khi thấy da của tù nhân Syria khô cong trên tường, tôi nghĩ tốt nhất mình nên im lặng, không chọc giận anh ta, nên thôi không trách cứ anh ta nữa mặc dù phẩm giá của tôi đã bị tổn hại rất nhiều khi tôi phải ngồi vào giỏ để lính kéo lên tường thành bằng dây sậy.

Từ Gaza, tôi lên thuyền trở về Ai Cập bằng đường biển và để đề phòng thuyền chiến của quân thù, tôi cho treo cờ hiệu của Pharaon và tất cả các cờ hiệu hòa bình trên cột buồm, nên các thủy thủ rất coi thường tôi và nói rằng thuyền được tô vẽ và trang trí như một gái điếm khi rập rờn trên sóng. Nhưng khi chúng tôi vào được sông, dân chúng tụ tập trên bờ, vẫy cành cọ và cất lời ca ngợi hòa bình. Họ cũng ca ngợi tôi vì tôi là sứ giả của Pharaon, người mang hòa bình đến, khiến cuối cùng các thủy thủ bắt đầu tôn trọng tôi và quên tôi đã được kéo lên tường thành Gaza trong một cái giỏ sậy. Khi đến Memphis, tôi đã gửi cho họ nhiều vò rượu và bia để đảm bảo họ sẽ quên đi sự cố tồi tệ, tổn hại tới uy tín của tôi.

Horemheb đọc những bảng đất sét và hết lời khen khả năng đàm phán của tôi, khiến tôi vô cùng kinh ngạc trước cách xử sự của anh ấy, vì anh ấy không có thói quen khen ngợi việc làm của tôi mà thường thất vọng về tôi. Tôi chỉ hiểu ra khi được biết các thuyền chiến Crete đã được lệnh dong buồm quay lại Crete. Vì vậy nếu chiến tranh tiếp tục, không chóng thì chầy Gaza sẽ rơi vào tay Aziru, bởi nếu không có đường biển, Gaza sẽ thất thủ và binh lính của Horemheb khó có thể đến đó bằng đường bộ vì vào mùa thu, quân của anh ấy sẽ chết khát trên sa mạc. Do vậy, Horemheb hết lời khen tôi và vội vã phái nhiều thuyền chở binh lính, lương thực và vũ khí đến Gaza.

Trong thời gian tôi ở chỗ Aziru, sứ thần của vua Burraburiash

cùng với đoàn tùy tùng đã từ Babylon đến Memphis bằng đường biển, mang theo những món quà đắt tiền. Tôi đưa ông ta đến thuyền của Pharaon đang đợi tôi ở Memphis rồi chúng tôi cùng nhau dong buồm ngược sông. Cả hai chúng tôi rất hài lòng với chuyến đi của mình, vì đó là một ông già đáng kính với bộ râu trắng mượt, dài tới ngực và có vốn kiến thức uyên thâm. Chúng tôi đã nói về các ngôi sao lẫn gan cừu, và câu chuyện giữa chúng tôi không bao giờ cạn chủ đề, bởi người ta có thể nói về các ngôi sao và gan cừu suốt cuộc đời mình mà không hết chuyện để nói.

Nhưng chúng tôi cũng nói về chuyện đại sự của các vương quốc và tôi nhận thấy ông ta rất lo sợ về thế lực ngày càng tăng của người Hittite. Tuy nhiên, ông ta nói các giáo sĩ Marduk tiên đoán rằng quyền uy của người Hittite cũng có giới hạn và họ sẽ cai trị không quá một trăm năm, sau đó một dân tộc dã man người da trắng sẽ từ phía tây đến, tràn qua Hittite, khiến vương quốc của họ biến mất như chưa từng tồn tại. Tuy nhiên, ý nghĩ rằng quyền uy của người Hittite chỉ mất đi sau một trăm năm nữa không an ủi tôi vì tôi sinh ra để sống trong thời đại của họ. Tương tự như vậy, tôi tự hỏi sao có thể có một dân tộc xuất hiện từ phía tây, vì ở phía đó chỉ có những hòn đảo trên biển. Nhưng tôi phải tin điều đó vì các vì sao đã tiên đoán như vậy, mà tôi cũng đã tận mắt chứng kiến và trải nghiệm rất nhiều điều lạ kỳ ở Babylon đến nỗi tôi tin vào các vì sao hơn cả kiến thức của mình.

Ông ta mang theo rượu ngon nhất của vùng núi và chúng tôi cùng nhau vui với rượu; ông ta đảm bảo với tôi rằng ngày càng có nhiều dấu hiệu và điềm báo trong Tháp Marduk cho thấy rất thuyết phục rằng năm thế giới kết thúc sắp đến. Vì thế ông ta và tôi biết mình đang sống trong hoàng hôn của thế giới và trước chúng tôi là đêm đen. Nhiều biến động sẽ xảy ra, nhiều dân tộc sẽ bị xóa khỏi mặt đất, giống như dân tộc Mitanni đã hoàn toàn biến mất. Các thần cũ xưa sẽ chết, trước khi các thần mới được sinh ra và năm thế giới mới bắt đầu. Ông ta rất tò mò hỏi tôi về Aton và lắc lắc đầu, tay chải bộ râu trắng khi tôi kể về Aton. Vì Aton không có ảnh tượng và tất cả mọi người đều bình đẳng trước thần và thần không đẫy đà lên từ đồ hiến tế, mà từ tình yêu thương lẫn nhau của con người, bởi vì tất cả mọi người, không phân biệt màu da và ngôn ngữ, là anh em của nhau trước Aton; trước thần không có sự khác biệt giữa nghèo và giàu, quý tộc và nô lệ.

Sứ thần của Babylon thừa nhận rằng trước đây chưa từng có vị thần nào như thế xuất hiện trên trái đất, vì vậy chính sự xuất hiện của Aton có thể là dấu hiệu khởi đầu của kết thúc, bởi từ trước đến nay ông ta chưa bao giờ nghe nói về một tín điều nguy hiểm và

đáng sợ như vậy. Ông nói tín điều của Aton đã làm mái nhà thành sàn nhà và các cánh cửa mở ra bên ngoài, nên khi nghĩ đến tín điều đó, con người ta đứng bằng đầu và đi giật lùi. Kiến thức và sự thông thái của ông ta buộc tôi phải nín lặng, vì ông ta đến từ Babylon, cái nôi của mọi sự thông thái cả dưới mặt đất lẫn trên bầu trời, nên tôi vô cùng kính trọng ông và không muốn ông khinh thường sự xuẩn ngốc của mình. Vì vậy tôi không nói với ông ta suy nghĩ của mình, rằng có lẽ sự xuất hiện của Aton và đức tin của Pharaon Ekhnaton là một cơ hội không bao giờ trở lại cho tất cả các dân tộc. Bản thân tôi cũng nhận thấy suy nghĩ của mình thật ngu xuẩn, khi tôi trở về từ cuộc chiến với bàn tay và đầu gối bị hắc ín đun sôi làm phồng rộp và sau khi thấy những thi thể bị tùng xẻo. Khi chứng kiến tất cả những điều này, lý trí nói với tôi rằng con người ta hoàn toàn không phải là anh em của nhau mà là bầy sư tử cắn xé lẫn nhau.

Chúng tôi đến Akhetaton sau một chuyến đi vui vẻ như thế và khi trở về, tôi nghĩ mình đã khôn ngoan hơn lúc rời đi.

3

Trong thời gian tôi đi xa, chứng đau đầu của Pharaon lại tái phát và nổi bồn chồn gặm nhấm trái tim ngài, vì ngài cảm thấy tay mình động vào đâu là việc đó thất bại. Cơ thể ngài nóng rực và hừng lên trong ngọn lửa của những ảo giác, khiến ngài héo hon, xanh xao vì lo lắng. Để trấn an ngài, quốc trượng Eje quyết định tổ chức lễ kỷ niệm tam thập chu niên vào mùa thu, sau mùa thu hoạch, khi nước sông bắt đầu dâng cao. Dù còn lâu mới được ba mươi năm Pharaon Ekhnaton trị vì Ai Cập song điều đó cũng không sao, vì từ xửa xưa đã có tập quán là một pharaon có thể tổ chức lễ kỷ niệm ba mươi năm trị vì của mình bất cứ khi nào ngài muốn. Vậy nên phụ vương của ngài đã tổ chức lễ kỷ niệm tam thập chu niên nhiều lần, và vì thế lễ kỷ niệm này không xúc phạm sự thật của Pharaon Ekhnaton.

Tất cả những điềm báo đều thuận lợi cho ngày lễ này, vì mùa màng cũng tàm tạm, cho dù hạt mạch vẫn đầy những vệt đốm, nhưng người nghèo đã có đủ ăn. Tôi trở về mang theo hòa bình và tất cả các thương nhân ai nấy đều mừng vui khi việc buôn bán được mở lại ở Syria. Nhưng điều quan trọng nhất cho tương lai là sứ thần của Babylon đã tháp tùng một trong vô số những chị em

cùng cha của vua Burraburiash đến làm phi cho Pharaon Ekhnaton, đồng thời xin hỏi công chúa của Pharaon về làm vương phi cho vua của mình. Điều này có nghĩa là Babylon tìm kiếm một hòa ước lâu dài với Ai Cập vì rất sợ người Hittite.

Đối với nhiều người, chỉ riêng ý nghĩ gửi công chúa con Pharaon tới hậu cung của vua Babylon đã là một sự sỉ nhục đối với Ai Cập, vì dòng máu linh thiêng của Pharaon không được hòa lẫn với máu của bộ tộc lạ. Nhưng Pharaon Ekhnaton không thấy có gì xúc phạm trong việc này. Ngài chỉ lo cho các hoàng nhi của mình, tim ngài run lên khi nghĩ công chúa bé bỏng phải cô đơn giữa vô số phi tần nơi xứ lạ và ngài nhớ đến những công chúa Mitanni đã chết trong hậu cung ở Thebes. Nhưng tình hữu hảo với Burraburiash hết sức quý giá với ngài, nên ngài ưng thuận để con gái út của mình sang làm phi của vua Burraburiash. Tuy nhiên, Công chúa chỉ mới vài tuổi, nên Pharaon hứa sẽ làm lễ cho Công chúa về với vua Babylon trong sự hiện diện của sứ thần nước này và sẽ chỉ gửi con gái mình tới Babylon khi Công chúa đến tuổi trưởng thành. Sứ thần Babylon rất vui với giải pháp này và chắc ông ta cũng sẽ hài lòng khi có được bất kỳ thiếu nữ quý tộc nào của Ai Cập dưới danh công chúa.

Nhờ những tin tốt lành này, Pharaon quên đi cơn đau đầu và dự lễ kỷ niệm tam thập chu niên của mình tại Akhetaton. Buổi lễ được Eje tổ chức thật xa xỉ bằng hết khả năng. Các sứ thần từ xứ Kush dắt theo những con lừa vằn vện và hươu cao cổ lốm đốm hoặc ôm trong lòng những chú khỉ đuôi dài nhỏ xinh và giơ cao những con vẹt sặc sỡ trên tay đến ra mắt Pharaon. Các nô lệ của họ mang đến ngà voi, cát vàng, lông đà điểu, hộp gỗ mun… làm quà tặng cho Pharaon, không thiếu những thứ mà xứ Kush luôn luôn đóng tô thuế cho Ai Cập. Ít người biết rằng Eje đã lấy quà từ trong kho của Pharaon và những chiếc giỏ mây đan được dùng để chứa cát vàng trở nên rỗng không. Ít nhất Pharaon không hề biết, vì ngài rất vui khi nhìn thấy lượng quà phong phú này và khen ngợi lòng tận trung của xứ Kush. Các món quà của vua Babylon cũng được khiêng đến trước Pharaon. Còn sứ thần của Crete mang đến trước ngài những chiếc cốc kỳ lạ và rất nhiều bình chứa đầy loại dầu tốt nhất. Cả Aziru cũng gửi quà cho Pharaon, vì ông ta được hứa sẽ có nhiều món quà đáp lễ nếu ông ta chịu làm việc này và cũng vì sứ thần của ông ta sẽ có cơ hội dò xét Ai Cập cũng như ý định của Pharaon.

Thế là sau vụ thu hoạch ngũ cốc và trong những ngày thu này, tất cả sự huy hoàng và giàu có của Ai Cập cổ đại đều tụ hội về Akhetaton và Thành phố Thiên Đường, vốn đã như một giấc mơ

rực sáng, hiện lên lung linh với muôn màu sắc rực rỡ dưới bầu trời. Vào những ngày này, tất cả quan quyền ở Ai Cập đều ca tụng Pharaon Ekhnaton và ai nấy đều tranh nhau tìm những lời hay nhất để ca ngợi, tôn vinh ngài. Các đội lính cấm vệ của thành phố cũng là một cảnh tượng hùng dũng và oai nghiêm khi họ diễu hành thành một khối, chân trái giơ về phía trước, bước theo nhịp đều răm rắp, mũi giáo sáng rực ánh lên màu xanh lam trong nắng, khiến từ xa không ai có thể phát hiện ra mũi giáo chỉ là gỗ sơn, cứ nghĩ là mũi giáo đồng, và vô cùng kinh ngạc trước sức mạnh của Pharaon.

Sau các đoàn diễu hành và nghi lễ, Pharaon Ekhnaton dẫn Công chúa bé bỏng chưa tròn hai tuổi với những bước đi chập chững đến đền thờ Aton. Trong đền thờ, ngài để Công chúa đứng bên cạnh sứ thần Babylon và các giáo sĩ đập vỡ vò giữa hai người theo phong tục. Đây là một khoảnh khắc đáng nhớ vì nó củng cố tình hữu hảo và liên minh giữa Babylon với Ai Cập, xua tan những bóng tối đáng sợ trong tương lai. Ít nhất là chúng tôi, những người am tường về quan hệ giữa các dân tộc trong những cuộc trao đổi thâm nghiêm, nghĩ như thế. Nếu chúng tôi nghi ngờ thì nét mặt cáu kỉnh, bực tức của sứ thần Aziru và đại diện của xứ Hatti đã xua tan mối nghi ngờ và củng cố niềm tin của chúng tôi. Nhưng ngày hôm đó, không ai trong chúng tôi muốn nghi ngờ mà tin vào những gì mình hy vọng.

Sứ thần Babylon cúi thật thấp, đưa tay ra trước mặt Công chúa nhỏ, vì kể từ giây phút này Công chúa đã là hoàng phi của vua Burraburiash, quốc vương của ông ta, mặc dù Công chúa vẫn còn là một cô bé. Trước tiên, ông ta cúi đầu chào Công chúa theo phong tục của người Ai Cập, sau đó cúi đầu theo phong tục Babylon, tay để trên trán và ngực. Phải công nhận rằng Công chúa nhỏ đã xử sự rất tốt trong buổi lễ long trọng này và khi nghi lễ kết thúc, Công chúa cúi xuống nhặt một mảnh vò vỡ từ dưới thảm lên và tò mò ngắm nghía. Những người chứng kiến cảnh ấy giải thích đó là một điềm lành.

Sau buổi lễ linh thiêng, nỗi xúc động chế ngự tâm trí Pharaon Ekhnaton, vì dù ngài yêu thương các hoàng nhi của mình, sự huy hoàng và giàu có của quyền uy đã khiến ngài lóa mắt, nên ngài càng tin hơn vào những ảo giác của mình. Vì vậy, không theo chương trình nghi lễ, ngài thuyết giảng với các sứ thần nước ngoài, giới quyền quý Ai Cập và những người lính canh khốn khổ trong đền thờ Aton; khi ngài nói về tình cảm đang ngập tràn trong tim mình, vết hằn xám cùng với vẻ đau đớn trên khuôn mặt biến mất và máu dâng lên đầu ngài. Ngài lớn tiếng ngợi ca Aton và nói

trong các ảo ảnh của mình, ngài đã tiên lượng ngày này như bình minh rực rỡ trên thế gian, như bình minh sau đêm dài của ngu dốt, sùng tín, sợ hãi, thù hận và chiến tranh. Ngài nói mình đã hiến dâng cho Aton tất cả quyền lực và sự giàu có của Ai Cập và kêu gọi sứ thần của các xứ ngoại bang hãy mang thông điệp từ nơi này tới quốc vương và xứ sở của họ để ánh sáng có thể xua tan bóng tối khỏi tâm trí họ. Ngài nói nhiều và hay đến nỗi các triều thần Ai Cập bắt đầu bối rối giậm giậm chân, còn các sứ thần nước ngoài không dám nhìn thẳng vào mắt nhau, vì tất cả đều coi ngài là người điên. Việc làm của ngài trái ngược với tập quán tốt đẹp, sự hăng hái của ngài không xứng với danh tiếng của một pharaon và những lời của ngài chỉ là một cơn điên bùng phát dữ dội trong tai họ.

Trong khi Pharaon Ekhnaton thuyết giảng ở đền thờ Aton, tâm trí tôi trào dâng nỗi niềm cay đắng, tôi thử lúc lắc tay và đầu gối vốn bị dòng nhựa nóng rẫy trước tường thành Gaza làm bỏng mà vết thương giờ vẫn chưa lành. Tôi nghĩ, Pharaon Ekhnaton nói thế này thật dễ, vì ngài không phải ngửi mùi khăm khẳm của những xác chết trước tường thành Gaza hay nghe tiếng gào thét của những người đàn bà bị hành hạ trong lều vải của những người đàn ông Amori. Ngài nói thật dễ dàng vì ngài sống trong sự giả dối và chỉ ngửi thấy mùi thơm của Akhetaton, từ sáng đến tối bên tai ngài chỉ vang lên tiếng tụng kinh của các giáo sĩ ca tụng Aton. Ngài nói thật dễ dàng, vì người ta mang đến trước mặt ngài những chiếc giỏ đan đựng đầy cát vàng, vẫy trước mặt ngài những chiếc lông đà điểu, trong khi dân chúng gầy xác xơ, ăn đại mạch lốm đốm sâu và trẻ em chết vì nóng sốt và đau bụng. Vì vậy, khi Pharaon Ekhnaton nói, sự mê hoặc của Akhetaton biến mất trong tâm trí tôi, tôi không còn muốn điều tốt lành cho ngài nữa; những vinh quang, giàu có của Ai Cập xung quanh ngài không còn là ánh sáng của bình minh trong mắt tôi, mà là ánh sáng của hoàng hôn, mạnh hơn cả ánh lửa rừng rực của các đám cháy, vì khi chìm xuống sau dãy núi phía tây trước khi đêm xuống, mặt trời hất lên ánh sáng rực rỡ hơn bình minh, nhưng ánh sáng này đáng sợ, đầy máu và chết chóc.

Trong khi Pharaon Ekhnaton nói, tôi lạnh lùng nhìn những kẻ trung thành với ngài đang há hốc miệng nghe ngài, máu cũng bốc lên đầu họ và họ tin lời ngài. Nhưng Hoàng hậu Nefertiti nhìn ngài, má hóp lại, ánh mắt sắc hơn dao và nỗi phẫn uất trong ánh mắt ấy lạnh lùng hơn cái chết. Bà từng tin cuối cùng mình sẽ sinh cho Pharaon một hoàng tử làm món quà đặc biệt cho lễ kỷ niệm tam thập chu niên nhưng bà chỉ sinh công chúa thứ năm, điều này đã làm tâm trí bà mụ mị, khiến nỗi phẫn uất lấn át tình yêu

trong trái tim bà và bà lạnh nhạt với Pharaon Ekhnaton, đổ mọi nguyên do cho ngài như thói thông thường của phụ nữ. Rồi họ bắt đầu cãi vã và thường xuyên có những lời lẽ gay gắt, cay độc với nhau, khiến những nghệ sĩ theo nghệ thuật mới luôn tôn sùng sự thật đã miêu tả họ đang chơi trò bắn tên về phía nhau, cố gắng bằng cách này hòa giải cuộc cãi vã của họ mà không nhận thấy nỗi đau khổ của Hoàng hậu Nefertiti đã hằn sâu đến mức nào.

Vì nỗi khổ tâm này, Hoàng hậu Nefertiti đã thấy rõ hơn bất cứ ai rằng Pharaon Ekhnaton đã vượt qua mọi giới hạn của các tập quán tốt đến mức nào khi thuyết giảng cho giới quyền quý và cận thần trong trạng thái ngất ngây quyền lực của mình và ngài đã làm hoen ố danh dự của mình như thế nào. Bà không hề giấu giếm suy nghĩ này khi họ trở về cung điện và Pharaon Ekhnaton vẫn còn phấn khích, bồn chồn đi đi lại lại trong cung, hai tay nắm chặt, mắt ngước nhìn lên những hình vẽ trên trần như thể xuyên qua chúng, ngài đã nhìn thấy Aton của mình với tất cả ánh hào quang chói lọi của thần. Nhưng Pharaon Ekhnaton không nghe lời bà, mặc dù bà nói theo cách nói của phụ nữ và lời nói của bà châm đau hơn ong độc. Pharaon vẫn sống trong niềm hạnh phúc do các ảo ảnh mang lại và đưa chính mình vào sự rối loạn cảm xúc ngày càng tăng. Vì vậy, là danh y, tôi rất lo lắng cho ngài. Ngài không thể thanh thản lên giường nghỉ ngơi, ngài cũng không ngủ được mà cứ đi đi lại lại và huyên thuyên về Aton, về ánh sáng rực rỡ trong các ảo ảnh của mình và giơ cao đôi cánh tay đang co giật, tin rằng quyền năng của mình là giải phóng thế giới khỏi ma lực của nỗi sợ hãi và bóng tối. Là danh y, tôi đã cho ngài uống thuốc ngủ, nhưng ngài không chịu ngủ mà nói với tôi:

- Sinuhe, Sinuhe à, đây là ngày hạnh phúc nhất trong đời ta và ta run rẩy vì sức mạnh của chính mình. Hãy nhìn xem, từ chính mình và từ sức mạnh duy nhất của chính mình, ngài tự tạo ra hàng triệu hình ảnh các thành phố, làng mạc, cánh đồng, con đường và dòng sông. Mọi cặp mắt nhìn thấy ngài khi ngài tỏa sáng như ánh mặt trời trên các miền đất. Nhưng khi ngài đi khuất, khi mắt nhân loại nhắm lại trên những khuôn mặt mà ngài đã tạo ra, khi nhân loại ngủ say và không thấy ngài, vì ngài đã đi khuất, thì trong tim ta ngài vẫn tỏa sáng ánh hào quang.

Pharaon chìm đắm vào ánh lấp lánh trong suốt của các ảo ảnh và những khải tượng ấy nung đốt trái tim ngài, khiến ngài thở gấp gáp để trái tim khỏi vỡ tung trong lồng ngực. Vì vậy, ngài khóc trong trạng thái nhập định, rồi giơ tay lên và hát một cách nhiệt thành:

"Không ai khác thật sự biết Người,

Chỉ con trai Người, Pharaon Ekhnaton, biết Người

Và Người mãi mãi tỏa sáng trong trái tim ngài

Hết đêm lại ngày, và ngày rồi đến đêm.

Chỉ với ngài, Người để lộ dự tính và sức mạnh của mình,

Cả thế giới nằm trong tay Người

Như hình hài Người đã tạo ra.

Khi Người tỉnh giấc, nhân loại bừng nở, sống động

Khi Người thu ánh sáng của mình, nhân loại diệt vong,

Người là thời gian sống của họ,

Chỉ trong Người, con người mới trường tồn."

Nỗi cuồng tín của Pharaon lớn đến mức tôi chắc chắn sẽ nghe theo ngài và ma thuật trong trái tim ngài sẽ lại mê hoặc tâm trí tôi, nếu như tôi không phải là ngự y của ngài và vì thế chịu trách nhiệm về sức khỏe của ngài. Vì vậy, tôi cố gắng trấn an ngài, giữ cổ tay gầy guộc của ngài giữa các ngón tay mình và lo lắng đếm mạch đập của ngài đang dồn dập nhanh hơn cả những giọt nước của đồng hồ, mà máu trong đầu ngài vẫn không chịu hạ. Đêm trôi qua như thế, các vì sao di chuyển chầm chậm trên bầu trời, sự tĩnh lặng đến rợn người ngự trị trong cung điện mênh mông, chỉ có Pharaon trằn trọc và tôi thao thức vì tôi là thầy thuốc của ngài.

Đột nhiên từ một phòng nào đó, một con chó nhỏ bắt đầu tru lên, vừa tru vừa sủa và tiếng của nó vọng qua tất cả các bức tường cho đến khi nó bắt đầu sủa báo điềm chết giống như chó hung sa mạc. Đây là một âm thanh đáng sợ với s con người và chỉ được nghe thấy lúc nửa đêm về sáng, khi người và chó kề cận tử thần. Vì vậy Pharaon tỉnh dậy, thoát cơn khải tượng của mình, máu từ đầu ngài đột ngột hạ xuống, khuôn mặt ngài chợt trở nên tái xám, gầy gò và đôi mắt ngài bắt đầu đỏ lên. Thần linh thoát khỏi ngài và cảm xúc con người chiếm lĩnh ngài, trái tim ngài tràn ngập nỗi sợ hãi và tình thương yêu của một người cha chu đáo. Vì vậy ngài chạy khắp các phòng, tôi cầm đèn chạy theo chiếu sáng đường đi cho ngài và chúng tôi đến phòng của Công chúa Meketaton ốm yếu. Những người hầu, vì quá mệt mỏi với buổi lễ, đã uống rượu

và ăn đủ loại thức ăn ngon, đang ngủ say để Công chúa lại một mình. Chỉ có con chó nhỏ nằm dưới chân giường canh giấc ngủ của Công chúa. Đêm đến, Công chúa bắt đầu ho và cơ thể suy nhược gầy gò của nàng không còn chịu được cơn ho nữa, máu từ phổi tràn ra đỏ tươi làm ướt sũng giường, mà chú chó nhỏ không thể giúp nàng, chỉ cuồng nhiệt liếm tay và mặt trong tình cảm mến yêu của nó. Nó bắt đầu tru lên âm thanh chết chóc, vì chó đánh hơi được cái chết trước con người và ngửi thấy mùi tử thần trước khi con người có thể đoán ra. Thế là Công chúa nhỏ đã chết trong vòng tay của phụ vương Pharaon Ekhnaton trước bình minh và tài năng của tôi không thể giúp Công chúa. Nàng là công chúa thứ hai trong số các công chúa và vừa tròn mười tuổi.

Tôi cũng không kìm được nước mắt trước cái chết của Công chúa, vì cái chết của một đứa trẻ gây đau buồn hơn của một người lớn. Nhưng nỗi đau của người cha trong Pharaon Ekhnaton rất đáng sợ, đến mức tôi sợ ngài cũng sẽ chết, vì cũng như niềm vui và trạng thái nhập định của ngài, tôi tin Pharaon Ekhnaton cảm nhận nỗi buồn sâu sắc hơn người thường. Vì vậy tôi cố gắng an ủi ngài:

- Muôn tâu Pharaon Ekhnaton, bạn của thần, thần sẵn lòng hy sinh mạng sống của mình nếu có thể giúp ngài thoát khỏi nỗi đau này. Nhưng hoa đẹp nhất là hoa sắp nở và cái chết của đứa trẻ thơ ngây đẹp hơn cái chết của kẻ phạm tội. Có lẽ thần của ngài quá yêu thương cô con gái bé bỏng của ngài nên đã đón Công chúa lên thuyền của người sớm như vậy, để Công chúa khỏi phải chịu những ngày cháy nắng và những đêm lạnh giá, để Công chúa khỏi phải nếm trải nỗi buồn phiền và đau đớn của cuộc sống, vì cuộc sống là bụi nóng, còn cái chết là nước mát. Thật vậy, thưa Pharaon Ekhnaton, Công chúa sẽ sống mãi và quả cầu vàng của nàng sẽ không ngừng xoay, con quay sặc sỡ của nàng sẽ không bao giờ ngã, những người đàn ông của Nhà Chết sẽ khéo léo bọc những ngón tay thon thả của Công chúa bằng lá vàng, gìn giữ khuôn mặt nhỏ nhắn và cơ thể mảnh mai của nàng trong vải lanh hoàng gia để nàng sống mãi mãi mà không biết đến buồn phiền hay đau đớn.

Tôi nói với Pharaon Ekhnaton những điều này để an ủi ngài, vì khi ngài đau khổ, tôi lại yêu ngài, mặc dù tôi không thể yêu ngài trong trạng thái nhập định của ngài. Khi những người hầu hoảng hốt rửa sạch máu trên mặt Công chúa nhỏ, khuôn mặt tiều tụy của nàng mỉm cười trong cái chết, vì vậy dù là thầy thuốc tôi cũng không trách mình quá nhiều, mặc dù tôi đã lơ là trong việc chữa cho nàng, nhưng thật ra tôi cũng không chịu trách nhiệm về Công

chúa, vì Công chúa có thái y riêng của mình. Con chó nhỏ bị dắt đi, mặc dù nó chống trả quyết liệt và tiếp tục tru lên trong lồng chó.

Không ai dám động vào Pharaon Ekhnaton cho đến khi thuốc của tôi bắt đầu ngấm và ngài ngủ được lúc bình minh, nên người của Nhà Chết kịp đưa Công chúa đến Nhà Chết trước khi Pharaon tỉnh dậy, giúp ngài vơi bớt nỗi đau thương này. Thi thể Công chúa được những người ướp xác tốt nhất tẩm ướp, mặt nàng được che bằng một chiếc mặt nạ vàng và nàng được an táng theo nghi thức hoàng gia, tất cả đồ chơi của nàng được theo nàng đến mộ. Những người ướp xác cũng nghĩ rất nên ướp xác con chó nhỏ cùng với Công chúa, bởi nó đã chết vì không ăn nổi trong nỗi buồn thương sau khi cô chủ nhỏ đến Nhà Chết. Thế là con chó đã đi theo Công chúa và yên nghỉ mãi mãi bên chân chiếc giường vĩnh cửu của chủ mình.

Nhưng trong khi những người tẩm ướp thi thể làm việc trong Nhà Chết, Pharaon không thể ngủ yên vì quá đau buồn. Ngài lang thang một mình qua các phòng trong cung điện và trong khu vườn thượng uyển, không cho phép ai đi theo và xua đuổi cả lính cấm vệ. Vào dịp kỷ niệm tam thập chu niên nên nhiều nhóm khách thập phương đã đến Akhetaton và vào một buổi sáng khi Pharaon Ekhnaton đang đi dạo bên bờ hồ thánh, hai kẻ giết thuê đã xông đến dùng dao định giết ngài. May thay, trên bờ hồ một cậu bé là học trò của Thotmes đang ngồi vẽ vịt, vì Thotmes không cho học trò của mình vẽ theo hình mẫu, phải vẽ cái mà mắt họ thấy chứ không phải điều họ biết. Cậu bé này đã dùng bảng vẽ của mình chặn những nhát dao của bọn sát thủ cho đến khi lính canh kịp đến và giải cứu Pharaon, nên ngài chỉ bị một vết dao ở vai. Nhưng cậu bé đã chết, máu cậu chảy xuống tay Pharaon Ekhnaton, và dưới sắc thu lộng lẫy trong khu vườn, khi máu chảy tràn xuống, ngài nhìn thấy đôi mắt bị cái chết làm mờ dần và cái cằm thõng xuống, cậu bé đã chết trên tay ngài và vì ngài. Thế là cái chết, điều mà trước đó ngài chưa từng nếm trải, bắt đầu đeo bám Pharaon Ekhnaton.

Tôi được gọi đến ngay lập tức để băng bó vết thương cho Pharaon, may là không nguy hiểm nên sớm lành; tôi tận mắt nhìn thấy hai tên sát thủ, một tên đầu cạo trọc, mặt bôi dầu thánh bóng nhẫy, tên kia từng bị cắt tai vì một tội ác đáng xấu hổ nào đó khiến hắn không thể nhìn thẳng vào mắt người khác. Nhưng khi lính canh lấy dây sậy trói chúng, chúng giận dữ vùng vẫy dứt dây trói, không ngớt hét lên chửi rủa và gọi tên Amon không dứt, mặc cho lính canh dùng cán giáo đánh vào miệng đến nỗi máu hộc ra.

Không nghi ngờ gì rằng các giáo sĩ đã bỏ bùa làm phép để chúng không cảm thấy đau đớn.

Chuyện xảy ra thật đáng sợ, vì từ trước đến nay chưa ai nghe nói có thường dân nào dám công khai giơ tay đe dọa pharaon. Ý tôi là có thể vào một thời điểm nào đó trong quá khứ, đã có pharaon chết một cách bất thường trong hoàng cung, nhưng điều này không được thực hiện công khai mà có thể bằng thuốc độc hay một sợi dây, hoặc dùng thảm chẹt cho nghẹt thở để không lưu lại dấu vết nào và mọi việc được giấu kín trước dân chúng. Do đã sống quá lâu trong hoàng cung nên tôi biết việc như thế này từng xảy ra, đôi khi có lẽ pharaon bị khoan sọ trái với ý muốn của ngài. Nhưng chưa từng có ai dám công khai giơ tay đe dọa pharaon và việc vừa xảy ra không thể giấu được, vì có quá nhiều người nhìn thấy và làm chứng mà Pharaon Ekhnaton lại không muốn cho giết hoặc đày bất cứ ai xuống hầm mỏ để vĩnh viễn bịt miệng họ.

Sau việc này, các giáo sĩ của Amon đã giải thích cho dân chúng và các tín đồ của họ rằng việc giơ tay chống lại pharaon giả là điều được phép và là việc tốt trước Amon, và rằng kẻ nào giết được Pharaon, người đó sẽ được sống mãi muôn đời mà không cần lưu giữ thi thể. Vì trong các bài thuyết giảng bí mật của mình, họ đã tuyên bố Pharaon Ekhnaton là một pharaon giả, nên bất cứ ai cũng có thể giơ tay đe dọa ngài. Tất nhiên, không ai dám giơ tay đe dọa pharaon thật, vì nếu ai đó dám, người đó sẽ phải chịu kiếp sống kinh hoàng mãi mãi trong các hầm tối của địa ngục, trong họng hà bá. Dân chúng đã tin như thế.

Hai tên tội phạm bị tra hỏi với sự chứng kiến của Pharaon Ekhnaton, nhưng chúng không khai bất cứ điều gì. Tuy nhiên, người ta phát hiện ra chúng từ Thebes đến và đã nấp trong vườn thượng uyển vào đêm hôm trước. Ngay cái tên Thebes đã tiết lộ ai sai phái chúng đi, nhưng chúng không chịu hé răng, mà khi mở miệng, chúng gọi tên Amon cầu xin giúp đỡ và không ngớt nguyền rủa Pharaon, mặc dù lính canh đã dùng cán giáo đập vào mặt chúng. Khi nghe tên của vị thần bị nguyền rủa, Pharaon Ekhnaton cũng tức giận đến mức cho phép lính canh đánh các tội nhân cho đến khi mặt chúng bị tóe máu và răng rơi ra khỏi miệng. Nhưng các tội nhân nhất quyết không khai mà chỉ cầu cứu Amon và Pharaon không cho phép tra tấn chúng nữa. Lúc đó, chúng hét lên thách thức ngài:

- Pharaon giả kia, cứ để chúng tra tấn chúng tao, để chúng nghiền nát chân tay chúng tao, xẻo thịt chúng tao, nướng da chúng tao, vì chúng tao có đau đớn gì đâu.

Sự trơ lỳ, ngoan cố của chúng thật bất thường, khiến Pharaon ngoảnh mặt sang phía khác và đấu tranh với bản thân mình. Khi trấn tĩnh lại, ngài vô cùng xấu hổ vì đã cho lính canh đánh các tội nhân đến bầm tím, méo mó mặt. Vì vậy ngài bảo:

- Thả chúng ra, vì chúng không biết mình đang làm gì.

Nhưng khi lính canh cởi dây trói ra, chúng càng chửi rủa nhiều hơn, nước bọt sủi hai bên mép, rồi chúng cùng gào lên:

- Hãy cho chúng tao chết, Pharaon đáng nguyền rủa kia. Vì Amon, hãy cho chúng tao chết, hỡi Pharaon giả, để chúng tao được sống đời đời.

Nhận thấy Pharaon định thả mình ra mà không trừng phạt, chúng vùng thoát khỏi tay lính canh và lao đầu vào tường quanh sân, đến nỗi một lúc sau cả hai đều vỡ sọ và chết. Sức mạnh bí hiểm của Amon ăn vào lòng người dân mới lớn làm sao.

Sau sự việc này, trong hoàng cung ai cũng biết tính mạng của Pharaon Ekhnaton đang bị đe dọa. Vì vậy, các cận thần của ngài tăng cường lính canh và không để ngài ở ngoài tầm nhìn của họ, mặc dù vì quá đau buồn, ngài vẫn muốn đi dạo một mình trong vườn và cả bên bờ sông không cho ai đi theo. Chắc hẳn ngài vẫn nghĩ mình đang đi một mình, nhưng những đôi mắt vô hình vẫn dõi theo từng bước chân ngài. Những ai sùng bái Aton càng hun đúc đức tin của họ cháy bỏng hơn, và những ai đã đi theo Aton vì quyền lực, giàu sang và địa vị lại lo cho vị thế của mình hơn, cảnh giác và phục vụ Pharaon nhiều hơn. Vì thế, sự cuồng tín đã tăng lên ở cả hai miền; dân chúng cuồng loạn vì Aton nhiều chẳng kém vì Amon và như thế Aton đã phân rẽ vợ khỏi chồng, cha khỏi con và anh chị em khỏi nhau.

Điều này xuất hiện sớm nhất ở Thebes, vì để chứng minh quyền lực và thành công của Pharaon, các lễ rước và nghi lễ được tổ chức ở đây tương tự như ở Akhetaton nhằm tôn vinh ba mươi năm trị vì của Pharaon. Những chiếc giỏ chứa đầy cát vàng và lông đà điểu được chuyển đến Thebes, những con báo trong lồng và hươu cao cổ được chuyển đến đó dọc theo sông, những con khỉ đuôi dài nhỏ nhắn và vẹt nhỏ với bộ lông sặc rỡ cũng được đi theo đoàn diễu hành để mọi người có thể thấy và ca ngợi quyền lực và sự giàu có của Pharaon. Nhưng người dân Thebes lặng lẽ nhìn các đoàn diễu hành, không chút niềm vui, các vụ ẩu đả đã xảy ra trên đường phố và thánh giá của Aton bị xé giật khỏi trang phục và cổ áo của người dân, mấy giáo sĩ của Aton đã bị đánh chết khi họ dám đi vào

đám đông mà không có người bảo vệ.

Tệ hại nhất là các sứ thần nước ngoài đã theo dõi đoàn diễu hành và thấy tất cả những việc này, họ còn nghe được cả về vụ ám sát hụt Pharaon, vì tin này không thể giấu được do sự bướng bỉnh của Pharaon. Vì vậy, tôi nghĩ sứ thần của Aziru có rất nhiều điều thú vị để kể với quốc vương của mình khi trở về Syria. Ngoài ra, ông ta còn lấy bớt rất nhiều món quà quý giá mà Pharaon gửi tặng cho Aziru và tôi cũng qua sứ thần gửi cho Aziru và gia đình ông ta những món quà của mình. Tôi đã gửi cho con trai ông ta một đội quân gồm cả lính giáo, lính bắn cung, ngựa và chiến xa nhỏ bằng gỗ, được đẽo, chạm khắc và sơn rất đẹp; một nửa trong số đó, tôi cho làm giống người Hittite, và nửa kia giống người Syria với hy vọng thằng bé sẽ cho họ giao chiến với nhau trong trò chơi chiến trận. Món quà tôi cho cậu bé là một tác phẩm khéo léo, mắt của những người lính bằng đá đen và mắt của các viên đội bằng đá quý, chiến xa của các chỉ huy được mạ vàng, những chiếc roi nhỏ của họ bằng vàng và bạc, nên món quà này theo tôi mang tính hoàng gia, xứng với địa vị của tôi và tôi đã trả nhiều hơn quà tôi tặng cho Aziru, vì cậu bé là tất cả với ông ta, hơn cả lợi ích của chính ông ta. Thời gian này, Pharaon Ekhnaton rất đau khổ và chịu nhiều giằng xé trong tâm can, những ngờ vực khiến đức tin của ngài bị lung lay, đến nỗi thỉnh thoảng trong đêm tối, ngài cay đắng than thở rằng khải tượng của ngài đã biến mất và Aton đã từ bỏ ngài. Nhưng cuối cùng, ngài đã biến vụ ám sát thành sức mạnh cho mình và khích động bản thân tin rằng sứ mệnh của ngài còn lớn lao hơn và những việc ngài làm còn quan trọng hơn vì trên đất Ai Cập vẫn còn quá nhiều bóng tối và nỗi sợ hãi. Ngài đã nếm bánh cay đắng của hận thù và uống nước mặn của thịnh nộ. Bánh không làm dịu cơn đói, nước không làm thỏa cơn khát của ngài, nhưng ngài tin rằng mình đã làm tất cả chỉ vì lòng tốt và tình yêu thương, khi ban lệnh săn lùng các giáo sĩ Amon gắt gao hơn, khi cho phép trừng phạt và tống cổ những kẻ đã gọi tên Amon đến các hầm mỏ. Tất nhiên, những người nghèo khổ và cô đơn phải chịu cực hình nhiều nhất trong các cuộc săn lùng này, bởi quyền lực bí mật của các giáo sĩ Amon rất lớn và lính canh của Pharaon không dám động vào họ mà để họ thoát rất dễ dàng. Vì vậy, thù hận sản sinh thù hận và sự hỗn loạn ở Ai Cập tiếp tục gia tăng.

Để củng cố quyền lực của mình và vì không có con trai nên Pharaon Ekhnaton đã gả hai con gái lớn là Meritaton và Ankhsenaton cho con trai của các đại thần và quý tộc trung thành với ngài trong triều đình. Ngài cho Meritaton đập vỡ vò với một cậu có tên Sekenre, mang chức danh người rót rượu hoàng gia trong hoàng cung, là người cả đời đã lớn lên trong hoàng cung và

tin tưởng vào Aton. Cậu ta mười lăm tuổi, cuồng tín, cũng nhìn thấy các giấc mơ với đôi mắt mở to như Pharaon, nhưng ý chí của cậu yếu ớt và hoàn toàn phụ thuộc vào ý chí mạnh mẽ của Pharaon trong mọi việc, vì thế cậu rất được lòng Pharaon. Ngài đã cho cậu trai trẻ măng này được đội vương miện hoàng gia và phong cậu làm người kế vị, vì ngài không còn tin mình sẽ có con trai.

Còn Ankhsenaton đập vỡ vò với một cậu bé mười tuổi tên là Tut, người được bổ dụng chức quản gia trông coi ngựa và cả các tòa nhà và mỏ đá của nhà vua. Tut là cậu bé gầy gò, ốm yếu, thích chơi với búp bê, thích đồ ngọt và ngoan ngoãn, dễ bảo trong mọi việc. Trong con người cậu không có gì xấu mà cũng không có gì tốt và cậu tin tất cả những gì người ta dạy cậu, nói lại giống hệt những lời cậu được nghe ai đó nói sau cùng. Cả hai cậu trai này đều có dòng dõi quan quyền Ai Cập và khi cưới họ cho con gái mình, Pharaon Ekhnaton tin rằng ngài sẽ trói buộc gia đình quan quyền và hùng mạnh của họ vào với ngài và vào Aton. Những cậu bé này làm ngài đẹp lòng bởi họ không có ý chí, bản lĩnh riêng và vì sự cuồng tín của mình, Pharaon Ekhnaton không chấp nhận những lời tranh biện và không lắng nghe các phụ tá của ngài nữa.

Thế là nhìn bề ngoài mọi thứ diễn ra như trước, nhưng cái chết của Công chúa nhỏ cùng với con chó của nàng và vụ ám sát hụt Pharaon là những điềm xấu và một điềm xấu hơn nữa là Pharaon Ekhnaton muốn bịt tai trước tất cả những âm thanh trần tục và chỉ lắng nghe tiếng nói bên trong mình. Vậy nên cuộc sống ở Akhetaton trở nên ngột ngạt, đường phố im ắng dần, dân chúng ít cười đùa hơn trước và hạ giọng khi nói, như thể một nỗi sợ hãi ngấm ngầm đang rình rập trên khắp Thành phố Thiên Đường. Điều thường xảy ra với tôi là tôi bừng tỉnh khỏi dòng suy nghĩ của mình khi đang làm việc trong tiếng đồng hồ nước nhỏ giọt và nhìn ra ngoài, tôi nhận thấy một sự im lặng rợn người đột nhiên chế ngự Akhetaton, đến mức không nghe thấy bất cứ âm thanh nào, không tiếng bánh xe lọc cọc, không tiếng chim ríu rít, không cả tiếng kẻ hầu người hạ, chỉ có tiếng lách tách đo thời gian vô định của đồng hồ nước. Vào những khoảnh khắc như thế, tiếng đồng hồ nước với tôi là âm thanh quái gở như thể một khoảng thời gian được ấn định sắp hết, mặc dù tôi cố trách cứ trái tim mình sao ngớ ngẩn và tự trấn an rằng thời gian không bao giờ kết thúc và nước không bao giờ cạn trong đồng hồ nước. Cho đến khi những chiếc xe lại lăn bánh dọc phố qua nhà tôi với những chùm lông nhuộm màu sặc sỡ phất phơ trên đầu ngựa và tiếng lọc cọc vui tai của bánh xe hòa lẫn tiếng của những người hầu đang vặt lông chim trong sân bếp. Khi đó tôi mới bình tâm lại và nghĩ mình

vừa có một cơn hung mộng.

Nhưng trong những khoảnh khắc lạnh giá, tôi cảm thấy cả thành phố Akhetaton chỉ như một trái cây có vỏ xinh đẹp mà ruột bên trong đã bị sâu đục rỗng. Bụi thời gian đã gặm nhấm cốt lõi cuộc sống hạnh phúc của nó, khiến niềm vui vụt tắt và tiếng cười im bặt ở Akhetaton. Vì vậy, tôi bắt đầu khát khao trở lại Thebes, không cần tìm kiếm lý do mà trái lại, trái tim tôi đã nhanh chóng liệt kê vô vàn lý do quan trọng khiến Pharaon Ekhnaton không thể khước từ. Điều tương tự cũng xảy ra với nhiều người khác, trái tim họ tin rằng mình yêu quý Pharaon Ekhnaton, nhưng rồi họ đã rời khỏi Akhetaton. Tôi trở lại Thebes vì sự giàu có của mình và tôi đã bảo Kaptah gửi đến cho tôi rất nhiều giấy tờ để tôi tâu trình với Pharaon rằng mình phải đi không chậm trễ và Pharaon không thể ngăn cản việc ra đi của tôi.

4

Khi đã lên thuyền và dong buồm ngược sông, tâm trí tôi nhẹ nhõm như vừa thoát khỏi bùa phép. Mùa xuân lại về, nước lũ đã rút và đàn én lướt nhanh trên dòng nước sẫm màu bùn đang trôi. Phù sa màu mỡ lắng xuống đồng ruộng, cây trái đang nở hoa và tôi vội vã lên đường, lòng tràn đầy nỗi mê đắm hương vị ngọt ngào của mùa xuân, như thể tôi là một chàng rể đang vội vàng đến với vị hôn thê của mình. Thế đấy, con người là nô lệ của trái tim mình nên thường nhắm mắt trước những gì mình không vừa ý và chỉ tin vào điều mình mong muốn. Được thoát khỏi phép thuật và nỗi sợ hãi đang rình rập Akhetaton, trái tim tôi vui sướng như chim được sổ lồng, vì con người ta cảm thấy nặng nề khi bị ràng buộc vào ý chí của người khác và bất cứ ai từng sống ở Akhetaton cũng đều bị trói buộc vào ý chí sôi sục và đầy áp lực của Pharaon cũng như những cơn giận dữ bột phát của ngài. Đối với tôi, ngài là một con người bởi tôi là ngự y của ngài, chính vì vậy sự ràng buộc của tôi với ngài nặng nề hơn với những người mà ngài chỉ là Pharaon hay những người sùng tín ngài như đấng thần linh.

Tôi mừng vui vì lại được nhìn bằng mắt của mình, nghe bằng tai của mình, nói bằng miệng của mình và sống theo ý muốn của riêng mình. Sự tự do như thế này hoàn toàn không có hại cho con người, mà nó khiến tôi trở nên khiêm nhường trên hành trình

ngược sông, xua tan đi nỗi cay đắng trong tim tôi, để tôi thấy Pharaon như chính con người ngài. Càng rời xa Pharaon Ekhnaton, tôi càng hiểu rõ hơn chính con người ngài và càng rời xa ngài chừng nào, tôi càng yêu ngài hơn và cầu mong cho ngài mọi điều tốt lành. Càng đến gần Thebes, những ký ức tràn ngập trong trái tim tôi càng sống động, Pharaon Ekhnaton cũng như thần Aton của ngài càng lớn dần lên trong trái tim tôi, xua tan bóng tối của tất cả vị thần khác cũng như của Amon trong tôi.

Tôi lại nhớ tới nỗi sợ hãi mà Amon đã dùng để giam hãm tâm hồn con người, bóp nghẹt khát khao hiểu biết và ngăn không cho bất cứ ai hỏi: "Vì sao?". Tôi cũng nhớ đến vị thần của đảo Crete đã chết, nổi lềnh bềnh trong vịnh nước thối rữa và những người bị hiến tế cho thần này được dạy nhảy trước đàn bò để có thể tiêu khiển cho con bò biển. Nhớ lại tất cả những điều này, tâm trí tôi tràn ngập nỗi căm hờn đối với các vị thần trước đây và bên cạnh họ, Aton tỏa sáng hào quang, vì Aton giải phóng con người khỏi nỗi sợ hãi, Aton là gì đó ở trong tôi và bên ngoài tôi, ngoài tầm hiểu biết của tôi; Aton là vị thần sống động như tạo hóa, hít thở trong tôi và ngoài tôi, như ánh nắng mặt trời rực rỡ sưởi ấm mặt đất và mặt đất bừng nở hoa. Nhưng Aton chỉ ngời sáng trong trái tim tôi, khi tôi ở xa Pharaon Ekhnaton, bởi khi sống gần ngài như ngự y riêng, tôi nhìn ngài như nhìn một con người, trong khi cuộc sống bên ngài là không thể chịu đựng được với những ai muốn giữ tự do cho trái tim mình, bởi Pharaon Ekhnaton muốn áp đặt Aton của ngài cho tất cả mọi người và sự áp đặt đó khiến Aton trở nên đáng ghét với họ và làm họ xa lánh thần, khiến họ thờ Aton vì sợ hãi chứ không phải vì Aton tốt hơn Amon.

Tôi nhận ra tất cả những điều này khi ngược dòng sông dưới bầu trời xanh rực rỡ, trong những tia nắng ấm áp và hoa nở rực trên mặt đất hai bên bờ xung quanh tôi, vì không có gì khiến tâm trí con người thư thái và thanh thản hơn một chuyến đi dài không vướng bận, được thoát khỏi môi trường cũ và sự cô đơn. Khi nghĩ về mình, tôi thấy xấu hổ với chính mình vì sự giàu sang ở Akhetaton đã làm tôi no đủ và thỏa mãn; hành trình đến Syria đã khiến tôi trở nên kiêu căng, ngạo mạn đến mức tin rằng mình biết phải cai trị các vương quốc thế nào và liên minh các dân tộc ra sao. Những lần đàm đạo cùng sứ thần Babylon đã bồi bổ cho trí não tôi, khiến nó đầy ắp sự thông thái trần thế, bởi vì giờ đây khi tôi nghĩ về ông ta, khi những tấm màn che đã rơi khỏi mắt mình, tôi biết rằng sự thông thái của ông ta và của Babylon là sự thông thái nơi trần thế và sự thông thái đó hướng đến trần thế.

Bởi lẽ họ không đọc thiên tính con người từ gan cừu, không giải

mã tâm hồn con người, mà xem xét việc làm và thành công của con người khi nhìn vào hôn nhân, số con cái anh ta có và tội ác của anh ta. Các vì sao di chuyển trên bầu trời đúng như tính toán chính xác của họ và họ thấy các ngôi sao ở những điểm mà họ đã tính toán theo ý muốn của mình, thấy ở đó mùa màng bội thu và những cơn lũ, thời gian trị vì của các vị vua và sự suy tàn của các vương quốc, nhưng họ không thấy được thiên tính trong con người từ các vì sao; như vậy tri thức của họ cũng không phải siêu phàm. Nghĩ về những điều này trên hành trình ngược dòng sông khiến tôi một lần nữa phải cúi đầu thần phục vị thần hiện hữu trong tôi và trong mỗi người, vị thần mà Pharaon Ekhnaton gọi là Aton và coi là vị thần duy nhất. Nhưng tôi không có ý chí và lòng dũng cảm của Pharaon, vì vậy trước trái tim mà chính bản thân mình còn chưa hiểu thấu, tôi cúi đầu thú nhận rằng có bao nhiêu trái tim con người trên thế gian này thì có từng ấy vị thần. Dù vậy, tôi tin vẫn có những người từ khi sinh ra cho đến lúc xuống mồ cứ lang thang mà không hề biết ai là vị thần trong tim mình. Thần linh của mỗi người không phải là tri thức và sự hiểu biết mà còn hơn cả tri thức và sự hiểu biết.

Vậy nên tôi tin vào điều mình hy vọng và thấy mình là một người tử tế và tốt hơn nhiều người khác. Là người thành thật với bản thân và muốn sống trong sự thật, tôi phải thừa nhận rằng trong thâm tâm tôi cảm thấy mình còn tốt hơn cả Pharaon Ekhnaton, bởi vì tôi không cố tình mang điều ác đến cho ai, không ép buộc ai phải tin theo đức tin của mình và thời còn trẻ tôi đã chữa trị cho những người nghèo khó mà không đòi họ quà. Bởi vì khi dong buồm ngược dòng sông cũng như lúc ghé vào bờ để nghỉ lại qua đêm trên thuyền, tôi thấy dấu vết thần của Pharaon Ekhnaton ở khắp nơi. Mặc dù đây là thời điểm tốt nhất để gieo hạt, một nửa ruộng đồng của Ai Cập nằm phơi mình, cỏ dại và ké mọc kín, không ai cày bừa, không ai gieo hạt, và nước lũ đổ đầy bùn vào các kênh rạch mà không ai vét dọn đi.

Amon đã thử thách lòng tin của mọi người và đuổi các cư dân mới ra khỏi vùng đất trước đây là của họ, lại còn nguyền rủa những cánh đồng của Pharaon, khiến nô lệ và nông dân chạy trốn khỏi ruộng đồng của Pharaon vào ẩn náu trong các thành phố vì sợ lời nguyền của Amon. Nhưng một số cư dân mới vẫn sống trong lều của họ, sợ hãi và phẫn nộ, nên tôi đã nói với họ:

- Những kẻ điên kia, sao các người không cày bừa và gieo cấy trên đồng của mình, vì nếu không các người sẽ chết đói khi mùa đông đến?

Nhưng họ giận dữ nhìn tôi, vì tôi mặc trên người loại vải lanh mịn nhất, và đáp:

- Sao chúng tôi phải gieo cấy, khi mà bánh mì mọc lên từ đó đã bị nguyền rủa rằng người ăn nó sẽ chết, như hạt đại mạch bị lốm đốm đã giết con cái chúng tôi.

Akhetaton xa vời với cuộc sống thực đến thế, nên bây giờ tôi mới nghe người dân nói hạt đại mạch lốm đốm giết chết trẻ em. Trước đây tôi chưa bao giờ nghe nói về một căn bệnh như vậy, nhưng nó đã lây lan từ đứa trẻ này sang đứa trẻ khác, bụng chúng bị trướng đến nỗi không chỉ các thầy thuốc mà cả các phù thủy cũng không thể chữa trị, mặc dù những người dân thôn quê theo tập quán vẫn dựa vào phép thuật của phù thủy. Nhưng tôi nghĩ bệnh này không phải do hạt đại mạch mà tin rằng mầm bệnh đến từ nước lũ dâng cao, vì tất cả các căn bệnh mùa đông đều phát sinh từ đó. Nhưng khi nhìn những người không dám làm ruộng mà thà chết đói đó, tôi thấy căn bệnh này đã hủy hoại trái tim họ. Từ đó, tôi không còn kết tội Pharaon mà chỉ buộc tội Amon, kẻ đã đầu độc cuộc sống của người dân bằng nỗi sợ hãi, khiến họ thấy chết còn hơn sống.

Khi dong buồm ngược sông về Thebes, tôi nhìn thấy nhiều điều, thấy đám nô lệ trán đẫm mồ hôi, lưng đầy vết roi và gậy, đang nguyền rủa chủ họ trên những vùng đất màu mỡ, nơi ruộng được cày bừa và hạt giống được gieo trỉa xuống đất bùn. Trong tim tôi, sự bất công này không khác gì điều sai trái trên những cánh đồng bỏ hoang của Aton và sự vô lý của vạt kế sữa trên những cánh đồng màu mỡ. Nhưng sự bồn chồn đã kéo tôi tiến về phía trước và tôi vội vàng giục các tay chèo, khiến mồ hôi vã ra từ trán họ. Họ giơ bàn tay sưng phồng, nổi đầy những vệt da rộp lên tỏ vẻ trách tôi giục họ chèo nhanh. Tôi muốn xoa dịu vết thương của họ bằng bạc và làm dịu cơn khát nơi cổ họng họ bằng bia vì tôi muốn cư xử tốt, nhưng khi họ chèo đến mức mạn sườn uốn sang bên, tôi nghe thấy họ nói với nhau: “Sao chúng ta phải chèo cho con lợn béo này, nếu mọi người đều bình đẳng trước thần của hắn? Để hắn tự chèo một lần cho hắn nếm trải chèo thuyền là như thế nào, để cổ họng hắn khát khô, lòng bàn tay sưng rộp, và hắn thử xoa dịu lòng bàn tay mình bằng bạc nếu có thể”.

Cây gậy bên hông nôn nóng réo gọi tôi, nhưng trái tim tôi tràn ngập niềm vui vì tôi đang trên đường trở về Thebes nên tôi ngẫm nghĩ lời họ nói và hiểu rằng họ đã nói sự thật, vì thế tôi đến bên họ và bảo:

- Này các tay chèo, hãy đưa cho ta một mái chèo.

Rồi tôi đứng chèo cạnh họ, mái chèo bằng gỗ cứng cọ xát làm lòng bàn tay tôi rộp lên, nổi đầy mụn nước và những mụn nước này vỡ ra thành vết thương. Lưng tôi còng xuống, các đường gân nóng như lửa đốt và tôi nghĩ xương sống mình sắp gãy, mỗi hơi thở đau nhói trong lồng ngực. Nhưng tôi tự nhủ lòng: "Lẽ nào mình bỏ dở việc mà mình đã chọn, để cho nô lệ cười và chế nhạo mình? Hằng ngày họ phải chịu đựng như thế này và nhiều hơn nữa. Hãy nếm trải vị mồ hôi và lòng bàn tay sưng phồng của họ để biết cuộc sống của người chèo thuyền như thế nào. Sinuhe, chính ngươi đã từng xin cuộc sống cho được hưởng tràn ly". Vì thế tôi chèo cho đến khi hết hơi và những người hầu khênh tôi lên giường.

Nhưng hôm sau, tôi lại chèo với lòng bàn tay bong da, những tay chèo không cười nhạo tôi nữa mà giục tôi dừng lại và nói:

- Ngài là ông chủ của chúng tôi và chúng tôi là nô lệ của ngài. Ngài đừng chèo nữa, nếu không, sàn sẽ dựng dậy thành mái trên đầu chúng tôi và chúng tôi sẽ đi giật lùi bằng đầu của mình. Đừng chèo nữa, thưa ông chủ Sinuhe của chúng tôi, nếu không ông sẽ kiệt sức, vì mọi thứ đều cần có tôn ti và mỗi người đều có chỗ đứng do thần linh chỉ định, chỗ của kẻ chèo thuyền không phải dành cho ngài.

Nhưng từ đó đến tận Thebes, tôi vẫn chèo cùng họ; thức ăn của tôi là bánh mì và cháo của họ, đồ uống của tôi là bia đắng của nô lệ. Ngày tiếp ngày, tôi đủ sức chèo lâu hơn; ngày lại ngày, chân tay tôi dẻo dai hơn; và ngày qua ngày, tôi vui hơn khi nhận thấy mình không đứt hơi nữa.

Nhưng những người hầu của tôi lo lắng cho tôi và nói với nhau:

- Chắc chắn bọ cạp đã cắn ông chủ của chúng ta hoặc ông ấy hóa điên giống như bao người ở Akhetaton, vì chứng điên rồ dễ bị lây lan nếu như không có bùa chú của phù thủy bảo vệ. Chúng ta không sợ chứng đó, vì chúng ta có sừng của Amon giấu trong quần áo mình.

Dĩ nhiên, tôi không điên, vì tôi không có ý định chèo quá Thebes và hoàn toàn không có ý định trở thành người chèo thuyền trong suốt phần đời còn lại của mình, vì nghề này quá vất vả với tôi.

Thế là chúng tôi đến Thebes và hương vị Thebes ngập tràn đón chúng tôi từ rất xa trên sông. Với một người sinh ra ở Thebes, không mùi hương nào tuyệt vời hơn mùi hương ngọt ngào trong

mũi anh ta, thơm hơn mùi mộc dược. Tôi sai đầy tớ xức thuốc mỡ vào lòng bàn tay cho tôi rồi tắm cho tôi sạch sẽ, mặc cho tôi quần áo đẹp nhất. Chiếc xà rông quàng hông lỏng lẻo trên người tôi, vì bụng tôi đã tóp lại sau những ngày chèo thuyền, khiến họ phải dùng ghim để nó vừa được với tôi. Họ than vãn:

- Ông chủ chúng ta bị bệnh, bụng ông tóp lại, không còn vẻ quý tộc nữa, khiến chúng ta xấu hổ với các đầy tớ quý tộc khác.

Nhưng tôi cười với họ và sai họ đi đến nhà đúc đồng cũ để báo cho Muti biết tôi đã về, vì tôi không còn dám về nhà mình mà không báo trước. Tôi phân phát bạc, vàng cho những người chèo thuyền và nói:

- Vì Aton, hãy đi ăn cho thật căng bụng, sưởi ấm tinh thần các ngươi bằng bia ngọt và vui vẻ với những cô gái Thebes xinh đẹp, vì Aton là người ban phát niềm vui, yêu thích niềm vui giản dị và thương yêu người nghèo hơn người giàu, bởi niềm vui của họ giản đơn hơn niềm vui của những người giàu sang.

Nhưng khi nghe thế, những tay chèo thuyền của tôi sầm mặt, họ di di ngón chân xuống ván thuyền, tay vừa búng búng bạc và vàng của tôi vừa nói:

- Chúng tôi không muốn xúc phạm ông, thưa ông chủ, nhưng liệu bạc và vàng của ông có phải là bạc và vàng bị nguyền rủa không, vì ông nói với chúng tôi về Aton? Chúng tôi không thể nhận bạc, vàng bị nguyền rủa, bởi nó làm bỏng tay chúng tôi và ai cũng biết rằng nó sẽ biến thành đất sét trong tay chúng tôi.

Họ sẽ không bao giờ nói với tôi điều này nếu tôi không chèo thuyền cùng họ khiến họ tin tôi. Tôi trấn an họ:

- Hãy mau đi đi và đổi vàng và bạc lấy bia, nếu các ngươi sợ điều như thế. Nhưng đừng lo, vàng của ta không phải là vàng bị nguyền rủa và bạc của ta cũng không phải là bạc bị nguyền rủa. Nhìn vào dấu in trên đó, các ngươi sẽ thấy đó là vàng và bạc thật từ ngày xa xưa, không bị pha với đồng của Akhetaton. Tuy nhiên, ta vẫn phải nói rằng các ngươi là những kẻ ngu dại, không hiểu điều gì lợi ích cho mình khi sợ Aton, vì Aton không có gì đáng sợ.

Họ đáp lại:

- Chúng tôi không sợ Aton, vì ai lại sợ một vị thần không có quyền năng. Ông biết rõ chúng tôi sợ ai, thưa ông chủ của chúng tôi, mặc dù chúng tôi không dám nói tên của ngài vì Pharaon.

Nhưng nỗi bồn chồn như than hồng trong tim tôi và tôi cũng không muốn đôi co thêm với họ. Vì vậy, tôi để họ đi và họ đi ngay ra cảng, vừa nhảy múa vừa cười và hát những bài hát của người chèo thuyền. Tôi cũng muốn nhảy cẫng lên, cười và hát, nhưng nhảy không hợp với địa vị của tôi và bài hát sẽ tắc nghẹn trong cổ họng tôi. Vì thế tôi đi thẳng đến quán Đuôi Cá Sấu mà không chờ gọi kiệu. Thế là tôi gặp lại Merit sau một thời gian dài xa cách và khi nhìn thấy nàng, niềm khát khao của tôi như tăng lên và trong mắt tôi nàng đẹp hơn bao giờ hết. Tuy nhiên, tôi phải thừa nhận rằng tình yêu, như bao đam mê khác, làm mờ mắt con người ta. Merit không còn quá trẻ nữa mà vào độ chín đẹp nhất của mùa hè cuộc đời nàng, nàng là bạn của tôi và không ai trên thế gian này gần gũi với tôi như nàng. Khi nhìn thấy tôi, nàng cúi đầu rất thấp chào tôi và giơ tay lên, rồi nàng đến bên tôi, để tay lên vai tôi, rồi chạm vào má tôi và mỉm cười nói:

- Sinuhe, Sinuhe, chuyện gì xảy ra với anh mà mắt anh sáng bừng lên như vậy, và anh đã vứt mỡ bụng xuống đường phải không?

- Merit, em yêu của anh, - tôi đáp, - mắt anh sáng vì nỗi khát khao em, mắt anh sáng vì cơn sốt tình yêu và mỡ bụng anh rơi rụng vì đau khổ, dạ dày anh rơi xuống đường khi anh vội vã đến với em đấy, em yêu của anh ạ.

Nàng chùi mắt và nói:

- Ôi, Sinuhe, lời nói dối mới ngọt ngào hơn sự thật làm sao, khi người ta cô đơn và mùa xuân đã bừng nở trong vô vọng. Nhưng vì anh trở về và mang lại mùa xuân cho em, em tin vào những câu chuyện cổ tích, anh yêu quý của em ạ.

Tôi không muốn kể nhiều hơn về cuộc gặp gỡ này với Merit, vì cũng phải kể về Kaptah nữa. Bụng của ông ấy hoàn toàn không xẹp bớt, trái lại ông ấy còn đồ sộ hơn và có nhiều đồ trang sức hơn trước, vòng đeo quanh cổ và cổ tay lẫn cổ chân, và ông ấy đã cho gắn những viên đá quý vào chiếc đĩa vàng che con mắt mù của mình. Khi nhìn thấy tôi, ông ấy vừa khóc vừa mừng rỡ hét lên:

- Đội ơn ngày đưa ông chủ tôi trở về nhà.

Rồi ông ấy dẫn tôi vào một phòng kín, để tôi ngồi trên những tấm thảm mềm và Merit mang đến cho chúng tôi những gì tốt nhất mà Đuôi Cá Sấu có và chúng tôi cùng ăn uống thật vui. Kaptah kể cho tôi nghe về sự giàu có của tôi:

- Sinuhe, ông chủ của tôi, ông khôn ngoan hơn tất cả mọi người, vì

ông còn ranh mãnh hơn những người buôn bán ngũ cốc, vì cho đến nay không mấy ai lừa được họ, vậy mà mùa xuân năm ngoái, ông đã lừa họ bằng sự láu cá của mình, mặc dù có lẽ trong việc này bọ hung cũng có công. Như ông còn nhớ, ông đã lệnh cho tôi phân phát cho cư dân mới tất cả đại mạch của ông để họ làm giống và chỉ yêu cầu họ trả một lấy một, khiến tôi phải kêu lên rằng ông bị điên, vì theo suy nghĩ thông thường đó là một việc làm ngu xuẩn. Ông biết không, nhờ sự tinh ranh của mình mà ông giàu có hơn, giàu gấp đôi so với trước đây. Vậy nên tôi không thể nhớ số tài sản của ông trong đầu nữa và tôi đến khổ với những tay thu thuế của Pharaon, vì lòng tham và sự trơ trẽn của họ ngày càng khủng khiếp hơn trước. Giá đại mạch giảm ngay khi các thương lái nghe tin những cư dân mới nhận được hạt giống, và khi tin đồn về hòa bình lan truyền, giá đại mạch càng giảm mạnh hơn, vì ai cũng bán đại mạch để từ bỏ những cam kết của mình và các thương lái đại mạch bị lỗ nặng, nhiều người nghèo đi. Nhưng khi đại mạch rẻ hơn, tôi mua để tích trữ và mua nhiều không kể xiết với giá cực rẻ, mặc dù đại mạch chưa chín và chưa được thu hoạch. Vào mùa thu, tôi cũng thu gom số lượng đại mạch mà tôi đã phân phát, một lấy một, như ông đã ra lệnh, vậy nên tôi có thể cất giữ số đại mạch trước của tôi vào kho và tôi có thể nói với ông, thưa ông chủ, với tất cả sự tin tưởng, rằng người ta đã lừa dối khi nói lúa mạch của những cư dân mới bị lốm đốm, vì nó sáng như hạt đại mạch khác và không gây hại cho ai cả. Vì vậy, tôi nghĩ các giáo sĩ và các tín đồ của họ đã bí mật vẩy máu vào đại mạch trong các chum của cư dân mới để hạt bị lốm đốm và bắt đầu bốc mùi. Tuy nhiên, đây là một điều nguy hiểm và tôi không muốn ông tiết lộ với bất kỳ ai, hơn nữa không ai tin ông, vì mọi người đều tin rằng đại mạch của cư dân mới bị nguyền rủa và bánh của họ là bánh bị nguyền rủa. Người ta tin như vậy cũng là một lợi thế cho ông, thưa ông chủ. Vì mùa đông đến, giá đại mạch bắt đầu tăng trở lại khi Eje bắt đầu chở nó đến Syria nhân danh Pharaon để đẩy đại mạch của Babylon ra khỏi Syria sau khi đình chiến. Vì vậy đại mạch đắt hơn trước, chưa bao giờ đắt như hiện giờ, cho chúng ta lợi nhuận vô kể, và còn tăng lên nhiều vì ta sẽ giữ đại mạch lâu hơn trong kho, bởi vào mùa thu tới nạn đói sẽ tràn vào Ai Cập. Vì tất cả những lý do này, tôi không biết nói gì hơn là ca ngợi sự tinh ranh tuyệt vời của ông, thưa ông chủ, bởi vì trong thương vụ này, ông còn ranh ma hơn tôi, mặc dù tôi từng nghĩ ông bị điên.

Kaptah rất hào hứng khi kể chuyện và còn tiếp tục:

- Tôi cầu mong phước lành cho thời gian này, khi người giàu càng giàu hơn và con người ta cứ thế giàu lên dù họ muốn hay không. Cả các thương lái ngũ cốc cũng vui mừng, tổ chức tiệc tùng từ

sáng đến tối, từ tối đến sáng và rượu chảy tràn trong các bữa tiệc, vì bất cứ ai mua đại mạch về trữ trong kho cũng giàu có hơn. Quả thực, thời gian này thật kỳ diệu, vì bạc và vàng chảy vào hòm và rương từ những chỗ không ai ngờ. Ông phải biết là, ông chủ của tôi ạ, chỉ bán những chiếc chum không, tôi đã thu được số tiền tương đương với ngũ cốc, và đây không phải là lời nói xạo mà là sự thật rõ ràng, dù không ai tin. Tức là trên khắp Ai Cập, người ta tìm mua những chiếc chum không đã qua sử dụng, bất kể loại nào, khiến những người nấu bia và nấu rượu kêu la ầm ĩ và giật đầu bức tóc vì không còn chum đựng. Quả thực đây là thời gian đáng kinh ngạc, khi một người từ tay không trở nên giàu có, nhưng khi nghe được tin này, tôi đã thuê hàng trăm nô lệ đi săn lùng và kịp thu gom hết tất cả chum rỗng ở Thebes và thực tình, người ta đã cho không nô lệ của tôi những chiếc chum đã sử dụng để họ mang đi cho sân hết mùi hôi. Nếu tôi nói trong mùa đông này tôi đã bán được một ngàn lần một ngàn chiếc chum không, có thể hơi quá một chút nhưng tôi không nói dối nhiều. Có lẽ tôi cũng không nên nói dối nữa, vì sự thật về những cái chum này khó tin hơn tất cả những lời nói dối tuyệt vời nhất của tôi.

- Ai điên mà đi mua những chiếc chum không cơ chứ?

- Tôi hỏi.

Kaptah nheo nheo con mắt còn lại vẻ ranh mãnh và nói:

- Người mua khăng khăng bảo người ở miền Hạ đã tìm ra một cách mới để trữ cá trong nước và muối, nhưng khi tìm hiểu việc này, tôi được biết những chiếc chum này sẽ được chuyển đến Syria. Những chuyến hàng chum lớn được dỡ xuống ở Tanis, và cả ở Gaza, sau đó được các đoàn lữ hành vận chuyển đến Syria, nhưng người Syria làm gì với những chiếc chum rỗng thì không ai có thể hiểu được, mặc dù tôi đã đưa ra câu hỏi này cho nhiều nhà thông thái. Không ai biết tại sao họ trả cho những chiếc chum đã qua sử dụng như trả cho chum mới và họ làm gì với những chiếc chum này.

Chuyện Kaptah kể về những chiếc chum thật đáng ngạc nhiên, nhưng tôi không bận tâm về nó vì chuyện đại mạch quan trọng hơn đối với tôi. Khi nghe Kaptah kể xong, tôi nói:

- Kaptah, hãy bán tất cả những thứ ngươi có, nếu cần, và mua đại mạch, để vào kho nhiều hết mức ngươi có thể và đừng quan tâm đến giá cả. Nhưng đừng mua đại mạch còn chưa nảy mầm trong đất mà chỉ mua những hạt mà mắt ngươi nhìn thấy và có thể rơi

lọt qua kẽ ngón tay ngươi. Ngươi cũng cần xem liệu có thể mua lại số đại mạch đã được chuyển sang Syria hay không, vì mặc dù hiệp ước hòa bình yêu cầu Pharaon giao đại mạch cho Syria, nhưng Syria cũng nhận được đại mạch từ Babylon nên không cần tất cả số đại mạch đó. Bởi vào mùa thu tới, nạn đói sẽ lan đến xứ Kemet, vì thế kẻ bán lúa mạch từ các kho của Pharaon cho Syria để cạnh tranh với đại mạch của Babylon sẽ bị nguyền rủa.

Nghe tôi nói thế, Kaptah lại khen ngợi sự khôn ngoan của tôi và nói:

- Ông nói đúng, thưa ông chủ, vì ông sẽ là người giàu nhất Ai Cập khi những thương vụ này kết thúc may mắn. Tôi nghĩ mình vẫn có thể mua được đại mạch, mặc dù tôi phải trả với giá cắt cổ. Nhưng kẻ mà ông đang nguyền rủa là vị giáo sĩ ngu ngốc Eje, người đã bán đại mạch của Pharaon cho Syria trong khi đại mạch vẫn còn rẻ sau chiến tranh; và với sự ngu ngốc của mình, ông ta đã bán quá nhiều đại mạch cho Syria, đến mức nước này đủ lương thực trong nhiều năm. Ông ta làm điều này vì Syria trả bằng vàng ngay khi mua và ông ta cần vô số vàng cho lễ kỷ niệm tam thập chu niên của Pharaon. Người Syria sẽ không muốn bán lại số đại mạch này nữa, mặc dù các thương lái đã hỏi mua, họ thu gom đại mạch trong suốt mùa đông mà không bán lại hạt nào. Người Syria là những thương lái xảo quyệt và tôi tin rằng họ sẽ đợi đến khi đại mạch được cân bằng vàng ở Ai Cập. Chỉ khi đó, họ mới bán lại cho chúng ta số đại mạch của chính chúng ta và vơ vét vào hòm của họ tất cả vàng từ Ai Cập, ý tôi là số vàng mà chúng ta, ông và tôi, không đủ sức thu gom, thưa ông chủ.

Nhưng rồi tôi mau chóng quên đại mạch và sự khan hiếm đang đe dọa Ai Cập và cả tương lai đã chìm vào màn đen khi hoàng hôn hắt tia sáng cuối cùng rực màu máu của nó lên Akhetaton, vì tôi nhìn vào đôi mắt của Merit và trái tim tôi uống no say vẻ đẹp của nàng, nàng là rượu trong miệng tôi, là dầu xức trên tóc tôi. Chúng tôi chia tay Kaptah, Merit trải thảm của mình cho tôi nằm và tôi không còn ngần ngại gọi nàng là em gái của tôi, mặc dù đôi khi tôi đã nghĩ rằng tôi không bao giờ có thể gọi bất kỳ người phụ nữ nào là em gái nữa. Nhưng sau tất cả những đam mê và thất vọng tuổi trẻ, tình bạn của Merit với tôi như bánh và rượu, làm cho kẻ đói được no và làm dịu cơn khát của người đang khát và nụ hôn từ đôi môi nàng làm tôi say đắm hơn tất cả các loại rượu của vùng núi và của bến cảng. Nhưng sau khi tôi làm dịu cơn đói nàng và dập tắt cơn khát nàng trong tôi, nàng đã nắm tay tôi trong đêm tối và thở đều đều bên cổ tôi; chúng tôi tâm tình với nhau và trái tim tôi không giấu giếm nàng điều bí mật nào. Tuy nhiên, trái tim nàng

vẫn giữ điều bí mật với tôi, mà tôi không đoán được nó là gì, nhưng chắc nó đã được viết trên các vì sao ngay cả trước ngày tôi được sinh ra, vì vậy tôi không muốn bực bội với ký ức của nàng.

Như thế, tình yêu của mình khiến tôi mê đắm và tôi cảm thấy bản lĩnh đàn ông của mình mạnh mẽ hơn thời thanh xuân, vì tuổi trẻ đầy ảo tưởng và yêu đương đau đớn vì ngu ngốc và dại dột, và người trẻ không hiểu được sức mạnh của chính mình, coi sức mạnh là hiển nhiên mà không biết rằng sức mạnh thể chất của con người mất dần đi theo năm tháng khi chạm đến tuổi già. Dẫu vậy, vào những ngày tháng của tuổi già, tôi vẫn ngợi ca tuổi trẻ cùng với những năm tháng trưởng thành của mình, vì có lẽ đói tốt hơn no và có lẽ cơn khát truyền lửa cho suy nghĩ của con người tốt hơn là khi tâm trí đã được rượu làm cho thỏa mãn. Dù sao, trong thời gian ở Thebes này, tôi đã nhận thấy bản lĩnh đàn ông của mình mạnh mẽ hơn cả thời tuổi trẻ, nhưng có lẽ đó chỉ là sự tưởng tượng mà cuộc sống dùng để bịt mắt con người. Vì sự tưởng tượng này, mọi thứ đều đẹp trong mắt tôi và tôi không muốn điều ác cho bất kỳ ai mà muốn tốt cho tất cả mọi người. Thư giãn bên Merit, tôi không còn cảm thấy mình là người xa lạ trên thế gian nữa, mà vòng tay của nàng là nhà của tôi và đôi môi nàng xóa đi sự cô đơn của tôi, thế nhưng cả những điều này cũng chỉ là ảo ảnh mà tôi buộc phải trải qua để rồi không thể nào chịu đựng nổi khi nó tan dần.

Ở Đuôi Cá Sấu, tôi còn gặp lại bé Thoth và lòng tôi ấm lại khi nhìn thấy nó. Cậu bé quàng tay ôm cổ tôi và gọi tôi là "Bố", khiến tôi không thể không mềm lòng vì nó nhớ quá tốt. Merit nói mẹ bé Thoth đã qua đời và nàng đưa nó về sống với mình vì chính nàng đã bế nó trên tay để người ta cắt bao quy đầu cho nó, do vậy theo tập quán tốt đẹp, nàng cam kết chăm sóc, nuôi dưỡng cậu bé vì bố mẹ nó không thể. Thoth cũng đã về sống ở Đuôi Cá Sấu và khách của quán rượu rất yêu chiều cậu bé, mang đến cho Thoth quà và đồ chơi để làm vui lòng Merit. Cả tôi cũng thích Thoth và khi ở Thebes, tôi đã đưa nó về ở cùng ở xưởng đúc đồng trước đây, khiến Muti vô cùng thích thú. Khi nhìn Thoth chơi dưới gốc cây sung dâu, nghe tiếng nó chơi và cãi nhau với những đứa trẻ đường phố, tôi nhớ lại thời thơ ấu của mình ở Thebes và ghen tị với Thoth bé nhỏ. Cậu bé thích ở nhà tôi đến mức thường ngủ lại và tôi đã dạy nó học để giải khuây, mặc dù cậu bé chưa đến tuổi đi học. Khi thấy Thoth là một đứa trẻ thông minh, nhận diện được rất nhanh các ký tự bằng hình vẽ và ký hiệu, tôi quyết định gửi nó vào trường tốt nhất ở Thebes, nơi chỉ con cái giới quyền quý theo học, và Merit xiết đỗi vui mừng về quyết định của tôi. Muti không bao giờ chán nướng bánh mật ong cho Thoth và kể chuyện cổ tích cho nó

nghe, vì bà ấy đã đạt được ước muốn là trong nhà tôi có một đứa bé mà không có mụ vợ, vì mụ vợ có thể quấy rầy bà ấy và hắt nước nóng vào chân bà như các bà vợ thường làm với người hầu sau khi cãi nhau với chồng.

Lẽ ra tôi đã có thể hạnh phúc, nhưng nhiều sự hỗn loạn xảy ra ở Thebes trong thời gian này khiến tôi không thể nhắm mắt làm ngơ. Không ngày nào không có đánh nhau trên đường phố và các khu chợ, người ta ẩu đả nhau đến bị thương, chém toạc đầu nhau trong cơn giận dữ vì Amon và Aton. Lính canh của Pharaon cũng như các quan tòa rất bận rộn vì tuần nào cũng vậy, đàn ông, đàn bà, cả người già và trẻ nhỏ bị trói bằng dây sậy và bị bắt ra khỏi nhà rồi dẫn ra bến cảng, đưa đi lao động khổ sai trên các cánh đồng của Pharaon, và cũng vì Amon mà một số người bị bắt đến các hầm mỏ. Thế nhưng họ không hề ra đi như nô lệ và tội phạm, mà người dân tập trung nơi cầu cảng để tiễn họ và đám đông chen chúc trắng cả các cầu thuyền, gào lên chào họ và ném hoa vào họ, phớt lờ lính canh. Còn họ giơ hai bàn tay bị trói lên và hét to:

- Chúng tôi sẽ sớm trở về.

Một số người còn lắc lắc mạnh đôi tay bị trói và phẫn uất gào lên:

- Nhất định chúng tôi sẽ sớm trở lại và nếm máu của Aton.

Họ kêu lên như thế, và vì dân chúng nên lính canh không dám ngăn cản họ mà chỉ dùng gậy đánh họ khi thuyền đã rời bến.

Như thế, người dân Thebes bị chia rẽ, con xa bố, vợ xa chồng, vì Aton. Như thế, người tôn thờ Aton thì đeo thánh giá sự sống trên cổ hoặc cài trên quần áo, còn những kẻ sùng kính Amon thì xem sừng của Amon là biểu tượng mà từ đó họ nhận ra nhau, và họ đeo sừng Amon lộ liễu trên quần áo hay trên cổ và không ai có thể ngăn cản, vì sừng luôn là hình trang trí được cho phép trên quần áo và đồ trang sức. Nhưng vì sao họ dùng sừng làm dấu hiệu, tôi không biết. Có lẽ đây là sừng con cừu đực của Amon, nhưng một trong nhiều tên khác nhau của Amon cũng được viết giống như từ "sừng" và các giáo sĩ đã tìm được cái tên bị quên lãng này để trao nó cho dân chúng như một dấu hiệu. Nhưng dù là sừng hay tên của Amon, những người đeo nó lật tung giỏ của những người bán cá ngoài chợ, đập vỡ cửa sổ các ngôi nhà, đánh bị thương những người đi lại phía họ và hét lên:

- Chúng tao sẽ húc, sẽ đâm sừng vào Aton.

Còn những người sùng tín Aton bắt đầu giấu trong quần áo những

con dao được rèn theo hình thánh giá. Họ dùng những con dao này để tự vệ và gào lên:

- Chắc chắn thánh giá của chúng tao sắc hơn sừng và bằng thánh giá sự sống, chúng tao sẽ cho chúng bay cuộc đời vĩnh cửu.

Và đúng là với những con dao này, họ đã cho nhiều người đến Nhà Chết để sẵn sàng cho cuộc sống vĩnh cửu. Lính canh không hề săn đuổi mà chỉ bao che cho họ ngay cả khi họ xông lại đánh một sừng đơn độc, giết anh ta, lột hết quần áo rồi vứt xác anh ta ra đường phố.

Tôi ngạc nhiên thấy lực lượng của Aton đã tăng lên rất nhiều ở Thebes trong năm qua và lúc đầu tôi không hiểu tại sao lại thế. Nhưng nhiều cư dân đã trốn đi giờ trở lại Thebes và sau khi mất tất cả và nghèo hơn bao giờ hết, họ cay đắng mang Aton theo và bắt đầu buộc tội các giáo sĩ đã đầu độc đại mạch của họ, các quý tộc đã làm tắc nghẽn hệ thống tưới tiêu và lùa gia súc giẫm nát ruộng đồng của họ. Ngoài ra, những người được học chữ viết mới và theo học tại các trường học của Aton rất cuồng nhiệt với Aton, giống như giới trẻ luôn lớn tiếng chống lại lớp người già nua. Tương tự như vậy, các nô lệ và phu khuân vác tụ tập thành nhóm và nói với nhau:

- Chúng ta đã tiêu hao còn một nửa thế này và còn có gì hơn để mất nữa đâu. Với Aton không có chủ nô và nô lệ, không có gia chủ và đầy tớ, còn với Amon chúng ta phải trả cho mọi thứ.

Nhưng những kẻ cuồng nhiệt nhất với Aton lại là bọn trộm cắp, những kẻ trộm mộ và những kẻ phản bội đã giàu lên rất nhanh qua việc bán đứng, khai sai về người khác và bây giờ sợ bị trả thù. Tương tự như vậy, những kẻ bám lấy Aton là những kẻ nhận bổng lộc từ Aton bằng cách này hay cách khác và muốn được Pharaon ân sủng. Cứ thế, dân Thebes bị chia rẽ, cho đến lúc những người ôn hòa và lương thiện chán ngán tất cả, không còn tin tưởng vào thần linh nào, buồn bã than vãn:

- Amon hay Aton đều cùng một giuộc. Chúng tôi chỉ muốn được yên ổn làm việc của mình, miễn sao no đủ, nhưng lại bị lôi kéo từ phía này sang phía khác đến mức không còn biết mình đang đứng bằng chân hay đầu nữa.

Trong thời gian này, người chịu khổ nhiều nhất chính là người trung dung và để cho người khác giữ đức tin của mình. Rốt cuộc, tất cả xông vào tấn công anh ta, vừa buộc tội vừa gièm pha anh ta

là lười biếng và thờ ơ, ngu ngốc và chai lì, bướng bỉnh và phản bội, cho đến khi anh ta phát bẩn, xé quần áo và nhắm mắt lấy bừa một cây thánh giá hoặc mẩu sừng, theo cách anh ta nghĩ ít phiền toái nhất cho mình.

Thế là mỗi nhà mỗi dấu hiệu, mỗi khu phố mỗi dấu hiệu, các hầm rượu, quán bia và cả nhà vui cũng chọn cho mình một dấu hiệu, vì thế các sừng uống rượu trong hầm rượu riêng, các thánh giá uống bia trong quán bia riêng; còn các cô gái bán hoa, những người hành nghề bên tường thành, lúc đeo thánh giá, lúc đeo sừng ở cổ, tùy theo dấu hiệu nào làm hài lòng khách của họ. Nhưng đêm đêm, khi thánh giá và sừng say xỉn rời hầm rượu và quán bia, họ đều loạng quạng ra đường phố, đập vỡ đèn và thổi tắt đuốc hay nện thình thịch vào cửa sổ các ngôi nhà và choảng nhau mẻ đầu sứt trán, khiến tôi không còn nói được phe nào tệ hơn, thánh giá hay sừng, nhưng cả hai đều làm tôi khiếp sợ.

Cả Đuôi Cá Sấu cũng buộc phải chọn cho mình một dấu hiệu, mặc dù Kaptah không hề muốn như vậy mà chỉ muốn đứng về bất kỳ bên nào ông ấy có thể lấy được bạc. Tuy nhiên, điều này không còn phụ thuộc vào sự lựa chọn của ông ấy nữa, mà đêm đêm người ta vẽ thánh giá sự sống lên tường của quán cùng với những cảnh dâm dục xung quanh. Điều này khá tự nhiên, vì các lái buôn đại mạch rất hận ông ấy vì đã phân phát đại mạch cho cư dân mới khiến họ bị thiệt hại nặng, nên dù ông ấy đã để Merit đứng tên quán trong sách thuế cũng không giúp được gì. Người ta còn nói các giáo sĩ của Amon đã bị đánh đập trong hầm rượu của ông. Khách thường xuyên của quán là những người giàu có đáng ngờ ở bến cảng, những kẻ không chọn cách làm ăn mà bất chấp để giàu có; thủ lĩnh các nhóm trộm mộ cũng rất thích nốc những bát đuôi cá sấu ở đó và bán đồ đào được từ các ngôi mộ cho những kẻ buôn hàng cấm ở phòng sau của quán. Tất cả những người này đều đứng về phía Aton vì Aton đã làm giàu cho họ và họ có thể nhân danh Aton diệt đối thủ của mình, đưa đối thủ của mình đến hầm mỏ bằng cách làm chứng sai trước quan tòa. Cả những kẻ trộm mộ cũng có thể tự bào chữa việc làm của mình khi giải thích rằng, vì đức tin của mình với Aton, họ đã đập phá các ngôi mộ với lòng nhiệt thành để xóa bỏ tên của thần bị nguyền rủa trên các bia mộ.

Khi tôi ở Thebes, không còn nhiều bệnh nhân đến sân nhà tôi nhờ giúp đỡ mà người ta lảng tránh, không nhìn vào mắt tôi, và khi gặp tôi ở một nơi vắng vẻ, họ nói:

- Chúng tôi không muốn điều gì không tốt cho ông, Sinuhe, vợ con chúng tôi bị nhiều căn bệnh hành hạ, khiến chúng tôi tuyệt vọng

và không biết phải làm gì vì không có thầy thuốc nào như ông. Nhưng chúng tôi không còn dám đến nhà ông vì sợ sân nhà ông đã bị nguyền rủa và chúng tôi không muốn tự hại mình.

Họ còn nói thêm:

- Chúng tôi không sợ lời nguyền, vì chúng tôi đã chán ngấy thần linh và của cải chúng tôi còn ít đến nỗi chúng tôi không còn quan tâm đến việc mình sống hay chết. Nhưng chúng tôi sợ lũ sừng, vì chúng phá cửa lều chúng tôi và đánh đập con cái chúng tôi khi chúng tôi đi vắng. Ông cũng biết là ông đã nói quá nhiều về Aton và trên cổ áo ông có dấu hiệu đáng ghét đó.

Tôi nói với họ:

- Ta không bực vì sự ngu ngốc của các ngươi và ta hiểu sự rắc rối mà các ngươi phải chịu. Hãy đến với Amon đi, vì ta nghe nói Amon có cách chữa bệnh rất thần diệu.

Họ nói:

- Sinuhe, ông là một người dũng cảm khi dám nói to mà không sợ lính canh. Thật ra Amon đã chữa nhiều bệnh bằng cách rất khó tin, nhưng bệnh chỉ khỏi trong một thời gian ngắn và chẳng bao lâu sau lại tái phát và còn nặng hơn. Chúng tôi đã biết điều đó, vì thế chúng tôi sợ những cách chữa trị thần bí của Amon, bởi vì chúng trói buộc chúng tôi với lũ sừng đến hết đời, trong khi chúng tôi hoàn toàn không muốn can dự, chỉ muốn tự do sống cuộc sống của mình, không sợ hãi và được yên thân làm việc của mình. Nhưng người ta không cho phép chúng tôi làm điều đó. Vì vậy, hãy tha thứ cho chúng tôi, Sinuhe, nếu vì quyền lợi của mình và của gia đình mình mà chúng tôi không còn dám chào và công khai cúi đầu trước ông như địa vị của ông đáng được nhận.

Nhưng nô lệ và phu khuân vác ở bến cảng vẫn đến nhà tôi khi ngón tay bị kẹt giữa hai thớt cối đá, khi đầu gối bị thương và khi cánh tay bị gãy vì hàng nặng từ tời của cảng rơi trúng. Họ sợ sệt thăm dò xem tôi thế nào và hỏi tôi:

- Có đúng là Aton không, vị thần mà chúng tôi không hiểu vì không có ảnh và tượng, vị thần xếp người giàu và người nghèo ngang nhau và nới lỏng dây trói cho nô lệ? Chúng tôi cũng rất thích được ngả mình dưới những lọng che sang trọng, uống rượu từ những chiếc cốc vàng và để những người khác làm việc cho mình. Chúng tôi biết rằng những người giàu ngày xưa từng làm việc trong hầm mỏ và vợ của họ ăn xin nơi góc phố, những người

trước đó không có gì bây giờ đã nhúng bánh vào rượu và nằm nghỉ đêm dưới bóng râm của những lọng vàng. Nếu đã từng có thời gian như vậy, sao nó không thể quay trở lại và có lẽ Aton này sẽ cho chúng tôi thời gian như vậy chăng?

Tôi chữa lành các ngón tay của họ, bó chân hay tay bị gãy của họ vào chỗ cũ, băng đầu gối của họ và nói:

- Thật tình, đừng hỏi ta điều đó vì ta không biết, chỉ Pharaon Ekhnaton mới có được sự khôn ngoan của Aton và Aton đã cho ngài biết kế hoạch của mình. Nhưng ta biết Aton đặt từng người vào chỗ đứng của riêng họ, ban cho họ màu da và ngôn ngữ. Từ xưa đến nay luôn luôn có nô lệ và từ giờ về sau cũng thế; con người ta phải làm việc bằng chính đôi tay mình, chúng ta không thể làm gì với điều đó, vì thế từng người hãy làm việc theo khả năng của mình. Ta e rằng lời các ngươi nói là những lời nguy hiểm, suy nghĩ của các ngươi là những suy nghĩ đáng sợ mà ta thật không muốn lính canh nghe thấy.

Họ nói:

- Sinuhe, chúng tôi giãi bày với ông vì chúng tôi biết ông là một người ngây thơ và chất phác, khi ông chữa bệnh cho chúng tôi mà không đòi quà và ông không muốn điều ác cho cả một con ruồi. Vì thế chắc chắn ông sẽ không tiết lộ những gì chúng tôi nói. Nhưng ông đã hiểu sai lời chúng tôi, vì bản thân chúng tôi cũng hiểu rằng con người ta phải làm việc bằng đôi tay mình, nhưng vì sao chúng tôi sinh ra làm kiếp nô lệ, làm tôi tớ và tại sao những người khác sinh ra ở lầu son và uống bằng cốc vàng, điều đó chúng tôi không hiểu và muốn có lời giải thích. Nếu không, chúng tôi sẽ bắt đầu tin rằng tất cả những điều này là sai trái, nhầm lẫn và có gì đó rất đáng ngờ ẩn giấu phía sau chúng. Rồi một lúc nào đó, có lẽ chúng tôi sẽ đào điều nghi ngờ đó lên và cho những người quyền quý, giàu có và những người bây giờ đánh chúng tôi bằng gậy nếm trải những điều này.

Sự láo xược của họ khiến tôi kinh ngạc nhưng trong đó có ẩn giấu sự thật và tôi vắt óc suy nghĩ để có thể trả lời họ, nhưng tất cả những hiểu biết của tôi không đủ để trả lời, do đó tôi nói:

- Con người là nô lệ nếu tự cảm thấy mình là nô lệ, nhưng trong thâm tâm, mọi người đều biết mình được tự do.

Nghe thế, họ cười, nhạo báng tôi và nói:

- Nếu ông từng một lần bị gậy nện vào lưng, ông sẽ không nói như

thế.

Họ còn nói thêm:

- Chúng tôi thích ông, Sinuhe ạ, bởi vì ông là một người dại dột và ngớ ngẩn, ông chữa bệnh cho chúng tôi mà không đòi quà. Vì thế, hãy đến cảng với chúng tôi, chúng tôi sẽ giấu ông trong một sọt sậy rỗng và bảo vệ ông khi cuộc săn lùng chó hung sa mạc bắt đầu. Chúng tôi nghĩ nó sẽ sớm bắt đầu thôi, bởi sức chịu đựng của chúng tôi ngày càng suy giảm, dầu của chúng tôi bốc mùi và chúng tôi không còn gì để mất.

Tuy nhiên, không ai dám săn đuổi tôi vì tôi là danh y hoàng gia và tất cả mọi người trong khu nghèo nơi bến cảng đều biết tôi và công việc của tôi. Vì vậy, tường nhà tôi không bị vẽ thánh giá và hình ảnh dâm dục nào, sân nhà tôi cũng không bị ném xác súc vật và ngay cả những kẻ say rượu nói cười ầm ĩ vào buổi tối cũng tránh nhà tôi khi họ hò hét trên các con phố, gọi tên Amon để chọc tức lính canh. Bởi vì sự tôn kính dành cho những người đeo dấu của Pharaon đã ăn sâu trong máu người dân, cho dù các giáo sĩ đã làm tất cả những gì có thể để người dân tin rằng Pharaon Ekhnaton là một pharaon giả.

Nhưng vào một ngày nóng nực, Thoth bé nhỏ đi chơi bị đánh và chạy về nhà, máu chảy ra từ cái mũi nhỏ xíu và nó bị mất một chiếc răng, mặc dù không nên mất răng vào độ tuổi đang thay răng và miệng nó vốn nhìn đã rất nực cười rồi, giờ càng nực cười hơn. Thoth khóc nức nở mặc dù đã cố gắng tỏ ra dũng cảm, còn Muti vô cùng sợ hãi và bắt đầu khóc vì tức giận khi rửa mặt cho thằng bé. Rửa mặt cho Thoth xong, Muti không thể kìm được cơn tức, bàn tay gầy xương xẩu vớ lấy chiếc chày giặt và hét: “Amon hay Aton gì cũng kệ, nhưng lũ con nhà thằng đan sậy phải ăn cái này”. Tôi chưa kịp cản thì bà ấy đã đi ra và một lúc sau, tiếng khóc của mấy thằng nhóc cùng với tiếng chửi bới và cầu cứu của một người đàn ông to tợn bắt đầu vang lên ngoài đường phố. Từ cổng nhà, tôi cùng Thoth hốt hoảng nhìn theo Muti, thấy bà nhân danh Aton đánh cả năm thằng con trai lẫn người đan sậy và vợ anh ta, khiến anh ta hoài công giơ tay che đầu và bắt đầu chảy máu mũi.

Khi quay trở lại, Muti vẫn thở hổn hển vì tức giận, và khi tôi mắng bà và cố gắng giải thích rằng hận thù sẽ làm nảy sinh hận thù, sự trả thù sẽ gieo rắc trả thù, bà ấy còn giơ chày giặt suýt đánh tôi. Nhưng một lát sau, bắt đầu thấy hối hận, bà để vào giỏ mấy cái bánh mật ong với một hũ bia, lấy quần áo chưa dùng cho người đan sậy và làm lành với anh ta cùng với vợ và các con trai anh ta:

“Hãy mắng bọn nhóc của các người, cũng như tôi mắng thằng bé của tôi, ý tôi là con trai của ông chủ tôi. Thật không hay khi những người hàng xóm tốt bắt đầu gây lộn, chửi rủa nhau vì sừng với thánh giá, vì chắc chắn tôi chổng mông mình với bất cứ thần nào làm con trai tôi bị thương và chảy máu mũi”.

Sau lần đó, người đan sậy bắt đầu coi trọng Muti, mặc quần áo bà ấy tặng vào những ngày lễ thánh, các con trai của anh ta làm bạn với Thoth, rủ nhau lấy trộm bánh mật ong từ bếp của chúng tôi và ẩu đả với lũ trẻ thuộc cả phái sừng lẫn phái thánh giá đi vào phố chúng tôi gây rối, và Thoth đã tham gia cùng chúng mà ngay cả đến Seth chắc cũng không phân biệt được thằng bé là sừng hay thánh giá. Nhưng mỗi lần Thoth ra phố chơi tim tôi lại run lên, song tôi không muốn ngăn cản nó, bởi thằng bé phải học cách bảo vệ mình và trưởng thành lên. Tuy nhiên, hằng ngày tôi đều nói với nó: “Thoth ạ, hãy tin ta, lời nói mạnh hơn nắm đấm và kiến thức mạnh hơn sự thiếu hiểu biết”.

5

Tôi không còn nhiều điều để kể về lần ở lại Thebes này của mình, nhưng tôi vẫn muốn nói về Thebes vì sau lần này tôi chỉ có tai họa để kể. Vậy nên tôi xin kể: theo lệnh Pharaon, tôi cũng phải đến hoàng cung, mặc dù tôi rất sợ đến đó vì sợ gặp Mehunefer và phải luồn lách qua lính gác lẫn các cận thần như thỏ luồn lách giữa những bụi cây vì sợ bị đại bàng cắn xé. Tôi đã gặp quốc trượng Eje ở đó và ông ta rất buồn rầu, lo lắng nói thẳng với tôi:

- Sinuhe, mọi việc tuột khỏi tay ta và ta sợ rằng ngày mai sẽ còn tồi tệ hơn. Ngươi hãy cố gắng làm cho Pharaon tỉnh ngộ đi, nếu ngươi có thể, còn nếu không, hãy cho ngài uống thuốc mê để ngài ngủ và quên đi hung mộng của mình, vì lệnh ngài ban ra càng ngày càng điên rồ và ta nghĩ ngài hoàn toàn không hiểu được điều gì đang xảy ra. Nói thật, vị của quyền lực đắng ngắt trong miệng ta, cả tên Horemheb chết tiệt đó cũng đang âm mưu chống lại ta, cho chặn những chuyến hàng đại mạch ta đã gửi đến Syria ở Memphis theo thỏa thuận đình chiến để đổi lấy vàng. Tên Horemheb đó ngày càng láo xược, không còn tuân theo mệnh lệnh của ta mà tự ý cai trị Memphis như là người thay Pharaon, mặc dù hắn biết rất rõ rằng ở đây ta là phụ chính. Quả thật, cây trượng trong tay ta chẳng mấy nữa sẽ mất hết quyền năng và roi

của ta sẽ không còn đắc dụng vì Pharaon đã cấm tử hình và không cho dùng gậy đánh kẻ phạm tội. Làm sao dân chúng có thể tuân thủ pháp luật một khi kẻ trộm không bị chặt tay làm gương cho kẻ khác và không ai còn bị cắt mũi hay tai. Ta thật không thể hiểu, vì những việc này đã luôn được làm ở mọi thời và lẽ ra cần tiếp tục duy trì để giữ nghiêm quốc pháp. Nhưng sự tôn trọng luật pháp có thể được duy trì như thế nào khi luật pháp bị thay đổi hằng ngày theo ý thích bất chợt của Pharaon và những cuộn giấy trước ngai vàng của ta ngày càng mỏng và sờn thủng khi các thư tịch được cào tẩy và sửa chữa liên tục?

Ông ta đau khổ than vãn:

- Các giáo sĩ của Amon như ong, kiến bâu ở cổ ta, họ là những người khôn ngoan và tôn trọng những tập tục trước đây, sẵn sàng hòa giải theo những điều kiện phải chăng và chấp nhận sự cai trị của Aton bên cạnh Amon, vì họ cũng đã hoảng lên với những hạt mầm đáng sợ của Aton và sợ cả sự gieo rắc chúng của chính mình, bởi đến khi dân chúng không còn tôn kính thần linh nào nữa, họ sẽ sống như sắp đến ngày tận thế và nói rằng: "Hãy ăn nào, hãy uống nào, vì ngày mai chúng ta sẽ chết và chết là hết". Hãy tin ta, Sinuhe, tất cả những việc này sẽ kết thúc trong cảnh tan hoang khủng khiếp, nếu Pharaon không tỉnh ra, và nếu ngài không thuận lòng tỉnh lại thì cần phải khoan sọ ngài, vậy nên chúng ta cần ngươi, Sinuhe. Ngươi không phải sợ trách nhiệm của ngự y, vì những người khác sẽ chia sẻ trách nhiệm đó với ngươi; ta đã thu thập rất nhiều lời chấp thuận từ các danh y giải phẫu và nghiên cứu hộp sọ của Nhà Sống và họ đinh ninh rằng bệnh của Pharaon Ekhnaton đã quá nặng, vì vậy khoan sọ là việc làm cấp thiết để chữa những cơn đau đầu liên miên của ngài. Cả hai đùi của ngài cũng ngày một sưng tấy và phù lên đến biến dạng và, như ngươi biết, chỉ ngày một ngày hai thôi, ngài sẽ không nhúc nhích được nữa. Nhiều danh y hàng đầu chẩn đoán rằng nước làm người ngài phù lên cũng sẽ dâng lên đầu nên cần phải hút hết nó ra khỏi đầu ngài.

Tôi không muốn tranh luận về y học với ông ta mà chỉ giễu cợt hỏi:

- Lẽ nào những người chủ phái sừng đã chọn người kế vị ngài hay ông sẽ chọn, giáo sĩ Eje?

Ông ta tối sầm mặt, giơ tay lên và nói:

- Giá như ta vẫn là giáo sĩ và được sống yên ổn ở Heliopolis, thu

gom mật từ những đàn ong và xức mặt mình bằng dầu thánh. Nhưng mụ đàn bà đáng nguyền rủa đó đã đưa ta đến đây và truyền ham muốn quyền lực của mụ vào máu của ta, khiến ta mất hết tự do và bà ta vẫn đuổi theo ta cả trong mơ. Dù đã chết, nhưng bóng ma của bà ta vẫn nhiều lần xuất hiện trong vọng lâu vườn thượng uyển và trong sảnh cung điện. Không, Sinuhe, ai đã từng nếm trải quyền lực, người đó ngày càng muốn nhiều quyền lực hơn và sự thèm khát này là khủng khiếp nhất trong tất cả những ham muốn của con người, nhưng nó cũng mang lại ánh sáng rực rỡ hơn bất kỳ ham muốn nào khác, nếu được thỏa mãn. Ngươi hãy cảm ơn vận may của mình vì đã không biết đến điều này, Sinuhe, Người Cô Đơn ạ. Thật thế, nếu ta là chúa tể của Ai Cập, ta sẽ biết cách trấn an dân chúng và khôi phục tất cả lại như cũ; quyền lực của Pharaon sẽ mạnh mẽ hơn bao giờ hết khi Amon và Aton cùng nhau cai trị và cạnh tranh quyền lực. Tuy nhiên, để làm được như vậy, Aton nên có ảnh tượng để dân chúng có thể hiểu được thần và nhận ra rằng thần không khác gì các vị thần khác, vì Pharaon Ekhnaton đã hiểu sai điều này đến tai hại và phá hết học thuyết và lý tưởng mà ta đã nhồi nhét cho ngài khi ngài vẫn còn là một đứa trẻ. Ông, Sinuhe ạ, ông biết rõ thầy thuốc phải xử trí như thế nào khi bệnh nhân giận phát điên và trở nên cuồng bạo đến mức không thể kiềm chế. Chẳng phải danh y sẽ lấy dao chọc anh ta và cắm sừng vào cổ anh ta cho máu chảy cho đến khi anh ta bình tĩnh lại? Thật thế, giá mà ta có quyền lực, ta sẽ để cho máu chảy và như vậy chắc chắn dân chúng sẽ hết bạo loạn.

Tôi vẫn không muốn tranh luận với ông ta vì tôi không thể chữa được sự dốt nát của ông ta về các vấn đề y khoa. Vì vậy, tôi lại hỏi:

- Ông đã chọn người kế vị ngài rồi sao, giáo sĩ Eje?

Ông ta khùng lên, giơ cao tay phản đối và nói:

- Đừng nói điều đó với ta, vì ta thật sự không phải là một kẻ phản bội quốc vương mà ta trung thành với ngài, như ông biết. Nếu ta có thảo luận với các giáo sĩ cũng chỉ vì lợi ích của ngài và để bảo toàn quyền uy cho ngài. Nhưng một người khôn ngoan luôn có nhiều mũi tên trong ống để chọn chứ không sử dụng một mũi tên duy nhất. Vì vậy, ta chỉ bóng gió cho ông rằng Sekenre ấy chỉ là một cậu trai và Hoàng hậu vĩ đại trước đây cũng từng treo bộ râu hoàng đế quanh cằm và ngồi trên ngai pharaon để trị vì. Như ngươi biết, ta là cha của Hoàng hậu Nefertiti và dòng máu của ta gắn liền với triều đại của quốc vương. Ta không muốn nói gì khác với ngươi, chỉ ám chỉ điều này để ngươi biết điều gì có lợi cho mình. Theo ta biết, ngươi là người bạn quá tốt của tay Horemheb

kiêu kỳ và hợm hĩnh, nhưng anh ta chỉ ngồi trên mũi những ngọn giáo, chỗ ngồi như vậy vốn dĩ không thoải mái và anh ta có thể ngã bất ngờ. Chỉ dòng máu của các pharaon mới kết buộc các ngai vàng với nhau và dòng máu này phải chảy từ trăm năm này sang trăm năm khác như máu thánh trong hoàng cung, gắn kết các vương miện lại với nhau. Nhưng dòng máu này cũng có thể do đàn bà cai trị nếu Pharaon không có con trai.

Những lời ông ta nói khiến tôi kinh hãi, tôi hỏi:

- Ý ông là Horemheb, người bạn của tôi, Horemheb, sẽ ngước lên để giành chiếc vương miện màu đỏ và trắng ư? Điều này thật quá điên rồ và chắc chắn ông đã bị chó dại cắn khi nói như vậy. Chính ông cũng biết là anh ta được sinh ra với phân giữa các ngón chân và đến hoàng cung với tấm vải xám nghèo nàn vắt qua vai.

Nhưng Eje, khuôn mặt sạm đen, sưng phù, u ám và đôi mắt trũng sâu dưới hàng lông mày rậm nhìn tôi vẻ dò xét, rồi nói:

- Ai đọc được lòng dạ con người? Ham muốn quyền lực là ham muốn lớn nhất của con người, nhưng nếu anh ta dám mạo muội nghĩ đến quyền lực, ta sẽ bất ngờ hất anh ta từ trên ngai xuống đất.

Ông ta để tôi đi và những ý nghĩ ong ong trong đầu tôi như ong vỡ tổ, đến nỗi tôi không còn nhớ nhìn ra xung quanh và cứ đi men theo bức tường, vì tất cả những gì ông ta nói về dòng máu hoàng tộc làm lòng tôi như bị thiêu đốt. Hoàng hậu Nefertiti hoàn toàn không có dòng máu hoàng tộc, nhưng nếu Pharaon Ekhnaton qua đời, bà có thể trị vì cho đến khi con gái Meritaton của bà trưởng thành và Sekenre khi đó mới có thể cai trị với tư cách là phu quân của Meritaton. Ngoài Meritaton, chỉ có các con gái khác của Ekhnaton và em gái của Ekhnaton là Baketaton mang dòng máu hoàng gia, không có người con trai nào mang dòng máu hoàng gia ngoài Ekhnaton, điều này được Thái hậu Teje đảm bảo bằng những ma thuật phù thủy và tội ác của mình. Mà không ai biết rằng tôi, Sinuhe, lại có thể là người mang trong mình dòng máu hoàng tộc, dòng máu của Pharaon Đại đế và Công chúa Mitanni. Chỉ những ai có dòng máu thánh mới có quyền kế thừa ngai vàng của các pharaon, do đó tôi có thể có quyền với ngai vàng của các pharaon và chiếc vương miện màu đỏ và trắng, mặc dù không ai biết điều đó.

Nhưng chỉ ý nghĩ đó thôi đã khiến tim tôi run lên, vì trái tim cừu của tôi đã từng khiếp sợ khi chứng kiến việc gieo rắc quyền lực là

như thế nào. Tự trong thâm tâm, tôi thấy không có gì đáng sợ và khủng khiếp hơn trách nhiệm với ngai vàng và vương miện, và tôi không thể hiểu nổi tại sao có người lại tình nguyện tranh giành trách nhiệm như vậy. Vì thế tôi coi lời nói của Eje về những toan tính bí mật của Horemheb là điên rồ và tôi thấy may mắn là số phận đã cho tôi vượt sông trên một chiếc thuyền sậy đến khu dân nghèo vào đêm tôi sinh ra, và tôi đã cầu chúc phước lành cho những ngón tay đen của Hoàng hậu Teje, những ngón tay đã đan sậy và giải thoát tôi khỏi vương miện và tất cả những trách nhiệm này. Nhưng tâm trí con người điên rồ và bất nhất đến nỗi bất chấp tất cả những lý lẽ thuyết phục của lý trí, tâm hồn tôi vẫn phải chịu đựng nỗi cay đắng và cảm thấy điều đã xảy ra thật bất công, cho dù lý trí nói rằng đây là một điều may mắn cho tôi vì trái tim tôi không phải là trái tim của một kẻ cai trị mà là của một người trầm lặng.

Tôi bước đi vô định với những ý nghĩ cay đắng nóng rực trong tim, lang thang không nhìn ra phía trước trong hành lang của cung điện và tất nhiên lao thẳng vào vòng tay của Mehunefer, người quản gia của hoàng gia, mặc dù tôi đã nhất quyết làm mọi cách để tránh gặp bà ta. Nhưng có lẽ những suy nghĩ thầm kín của mình, bất chấp ý định trước đó, đã dẫn tôi thẳng đến chỗ bà ta, vì con người ta nhiều lúc không biết đôi chân mình đang làm gì. Tôi vô cùng hoảng sợ khi nhìn thấy khuôn mặt được tô vẽ dày và đôi mắt đen nhỏ ấy, tiếng lẻng xẻng của vô số trang sức quanh cổ và cổ tay bà ta khiến tôi liên tưởng đến tiếng kêu lọc xọc của chiến xa và tiếng loảng xoảng của khiên khi tôi chạy trên cát sa mạc, cổ tay bị buộc vào sau chiến xa của lính Aziru. Nhưng Mehunefer cũng hốt hoảng không kém khi nhìn thấy tôi, vội vàng nắm lấy tay tôi, chớp chớp mắt liếc nhìn xung quanh và kéo tôi vào sau hàng cột, mặc cho tôi ra sức chống cự. Bà ta vừa đưa tay vuốt ve má tôi vừa sợ sệt, lấm lét nhìn xung quanh và nói:

- Sinuhe, Sinuhe, bồ câu nhỏ của tôi, bò đực trung thành của tôi, vậy là cuối cùng anh đã đến đón tôi. Tôi nói như vậy vì tôi đã đi theo anh đến Akhetaton, nhưng bọn đầy tớ của anh đã đối xử rất tệ với tôi, bắt tôi trở lại thuyền và khi tôi nhảy xuống nước để quay trở lại bờ, chúng lại ném tôi xuống nước lần nữa rồi lấy cọc ẩn tôi khiến tôi suýt chết đuối, phải bơi trở lại thuyền và được những người chèo thuyền lấy mái chèo vớt lên, khiến tôi thấy thật nhục nhã. Tuy nhiên, tôi không thù oán anh vì chuyện này, Sinuhe, mà tôi tin rằng đó là do sự dại dột của bọn đầy tớ nhà anh và bản thân anh không có lỗi. Sau đó, tôi nghe nói anh đã từ Akhetaton đi đến Syria vì một nhiệm vụ nguy hiểm và đã có được danh tiếng lớn trong chuyến đi này. Nhưng Sinuhe, tôi không biết

sẽ kể tất cả với anh ra sao và tôi sợ sẽ làm tổn thương trái tim anh. Bà ta vặn vẹo đôi tay, vô cùng bối rối, đôi mắt đen tránh không nhìn tôi khiến tôi bắt đầu thấy hoảng sợ hơn trước và không thể nghĩ được điều gì khác ngoài việc bà ta có thể điên khùng khăng khăng rằng đã mang bầu với tôi, mặc dù thật ra tôi không hề đụng vào bà ta theo cách ấy. Nhưng bà ta bắt đầu khóc và níu cánh tay tôi, nói:

- Sinuhe, Sinuhe à, bạn yêu quý của tôi, tôi chỉ là một người đàn bà tội nghiệp và lẽ ra anh đừng để tôi một mình như thế. Tôi không biết làm sao để anh hiểu được tôi khi chính anh cũng thủy chung song nhút nhát, nhưng tôi hy vọng anh sẽ hiểu. Anh nên biết là khi anh đi vắng, một người đàn ông khác đã nhìn tôi đầy thèm muốn và tôi đã xiêu lòng.

Bà ta khóc nức nở và đưa tay vỗ nhẹ vào má tôi để an ủi tôi rồi nói tiếp:

- Thực ra anh ta không phải là người xấu và tôi rất hài lòng về anh ta, mặc dù anh ta không phải dạng người như anh, nhưng lại khỏe như bò đực, đánh đập tôi và giật véo tai tôi. Vì thế tôi van anh, Sinuhe, hãy đi đi để anh ta không thấy anh ở đây với tôi, vì sau đó anh ta sẽ đánh tôi dữ hơn trước và tôi không muốn điều đó, mặc dù tôi thấy sự đau đớn mà anh ta gây ra cũng ngọt ngào. Tha lỗi cho tôi, Sinuhe, nếu chuyện này làm trái tim anh tan nát, nhưng tôi không dám ở bên anh lâu hơn nữa.

Bà ta sợ hãi nhìn tôi, có lẽ cũng sợ bị tôi đánh. Tuy nhiên, nhẹ bỗng người như trút được gánh nặng, tôi chỉ muốn cười to và nhảy cẫng lên vì sung sướng, nhưng tôi giả vờ buồn và nói với bà ta:

- Mehunefer xinh đẹp, chúc bà may mắn, vì hạnh phúc của bà là hạnh phúc của tôi. Nhưng hãy biết rằng hình ảnh bà sẽ luôn ở trong trái tim tôi và tôi sẽ không bao giờ quên bà.

Điều đó hoàn toàn đúng, vì tôi biết mình không thể nào quên được người đàn bà gớm ghiếc này. Bà ta cảm động và vỗ nhẹ đôi bàn tay nhăn nheo của mình lên má tôi, khiến tôi nghĩ bà ta sẽ hôn tôi nếu không sợ tình nhân của mình nhìn thấy. Cuối cùng bà ta nói:

- Sinuhe, rượu và nỗi buồn thương đã khiến tôi nói với anh những điều kỳ quặc vào đêm Thái hậu qua đời, mà tôi cũng không nhớ tất cả những gì mình đã nói và tôi hy vọng cả anh cũng sẽ không

nhớ. Nhưng nếu anh nhớ, hãy biết rằng tất cả những gì tôi nói chỉ là lời dối trá và đó là rượu nói qua miệng tôi chứ không phải tôi. Thái hậu là một người phụ nữ tốt, đáng kính trọng và chúng tôi dâng cúng hằng ngày để tưởng nhớ bà và nói về những điều tốt đẹp của bà, nhất là sau khi linh hồn của bà bắt đầu xuất hiện trên lầu trong vườn thượng uyển và đôi khi vào ban đêm ngồi trên ngai vàng của nhà vua trong cung điện với bộ râu hoàng gia trên cằm.

Như thế, tất cả càng thật hư lẫn lộn trong tâm trí tôi, vì rất có thể Mehunefer đã nói dối tôi và bịa ra câu chuyện của mình để khoe khoang khi bị rượu làm cho chếnh choáng. Nhưng Mehunefer đột nhiên ngừng bặt và hét lên, rồi bà ta nhảy ra xa tôi và vừa cố tỏ ra hết sức vui mừng vừa chạy tới viên cai đội Shardana đang đi dọc hành lang về phía chúng tôi. Viên cai đội này là một người to béo, phương phi, đôi mắt đỏ ngầu vì bia và thô lỗ như mắt bò, hai bàn tay to bè như cái xẻng. Hắn ta vung cây roi có treo những vòng tròn bằng đồng quất vào lưng Mehunefer rồi vừa lắc cổ bà ta vừa nói:

- Nhân danh Seth và tất cả ác quỷ, mày lại lén lút với những thằng đàn ông khác đấy hả, con bò cái già kia.

Từ đó tôi suy ra viên cai đội là tình nhân của Mehunefer, người bà ta vừa kể, và tôi vội vàng lẻn đi, vì hắn đúng là một gã to con và dữ tợn.

Tôi còn đến hậu cung chào Công chúa Babylon, người đã đập vỡ vò với Pharaon Ekhnaton, vì Hoàng hậu Nefertiti đã vội vàng gửi nàng từ Akhetaton đến Thebes, nơi những phi tần khác của Pharaon đang ở. Công chúa là một phụ nữ trẻ và đẹp. Nàng thân mật gợi chuyện với tôi vì tôi biết nói ngôn ngữ của nàng, còn nàng đã học chút ít tiếng Ai Cập, nàng nói nghe ngồ ngộ, đáng yêu. Mặc dù rất không hài lòng với việc Pharaon đã không làm tròn bổn phận của ngài đối với mình, nhưng nàng vẫn tận hưởng cuộc sống của mình ở Thebes và hài lòng với việc ở Ai Cập hơn ở trong hoàng cung của Babylon cửa đóng then cài. Rất ngạc nhiên và ngưỡng mộ cuộc sống ở Thebes, nàng nói với tôi:

- Tôi không hề biết rằng phụ nữ có thể được tự do như ở Ai Cập. Tôi không cần phải che mặt trước đàn ông và có thể nói chuyện với bất cứ ai; tôi không phải làm gì mà chỉ việc ra lệnh là có người chèo thuyền đưa mình sang Thebes; tôi được chào đón ở các yến tiệc trong các nhà quyền quý và không ai thấy khó coi nếu tôi cho phép những người đẹp trai đặt tay lên cổ tôi và hôn má tôi. Nhưng

tôi vẫn muốn Pharaon làm tròn nghĩa vụ của mình đối với tôi, để sau đó tôi được tự do hơn nữa và tôi có thể vui vẻ với người mình muốn, bởi vì, nếu tôi hiểu đúng, tập quán ở Ai Cập cho phép làm điều đó, chỉ cần không để lộ cho ai khác biết. Ông có nghĩ Pharaon sẽ sớm gọi tôi đến với ngài để tôi làm tròn nghĩa vụ đối với ngài không, vì khi những người khác vui vẻ xung quanh tôi và kể với tôi bao chuyện thích thú, tôi bắt đầu thấy khó chịu khi mình vẫn chưa được động đến, mặc dù chiếc vò đã bị vỡ ngay trước mặt tôi từ lâu.

Nàng có làn da trắng hơn và đôi mắt nồng nàn hơn mắt của phụ nữ Ai Cập, nên tôi hiểu rõ sự thèm muốn của đàn ông khi họ quàng tay qua cổ nàng. Quả thật, khi nhìn tôi, đôi mắt nàng ánh lên lấp lánh cả một chùm tia nghịch ngợm tinh quái, khiến tôi vô cùng ngượng ngập trước lời nàng nói và không thể trả lời được. Nàng khẽ hé vạt áo trước ra và nói:

- Tôi đoán Pharaon đang lo lắng cho sức khỏe của tôi và đã cử ông là ngự y đến khám cho tôi. Nhưng tôi có thể đảm bảo với ông rằng khí hậu Ai Cập rất thích hợp cho sức khỏe của tôi và điều duy nhất tôi băn khoăn là có lẽ tôi hơi mập để có thể hoàn toàn đáp ứng sở thích của đàn ông Ai Cập. Ông hãy cho tôi biết liệu tôi có mập quá không và tôi có cần giảm cân không? Hãy thật lòng nói điều đó cho tôi với tư cách là một người đàn ông Ai Cập và là người bạn để tôi có thể sửa khiếm khuyết này của mình, vì ở Babylon, phụ nữ càng mũm mĩm thì càng được đàn ông ưa thích, vậy nên tôi đã ăn nhiều đồ ngọt và uống váng sữa để thêm chút da thịt trên người.

Quên mất mình là một danh y, tôi nhìn nàng với con mắt của một người đàn ông Ai Cập và của một người bạn như nàng yêu cầu, tôi đảm bảo với nàng rằng người nàng không có khiếm khuyết gì, rằng phần lớn đàn ông thích thảm mềm hơn thảm cứng và trong việc này không có sự khác biệt giữa đàn ông Babylon và đàn ông Ai Cập. Tuy nhiên, tôi vẫn khuyên nàng nên bỏ đồ ngọt và váng sữa vì cả Pharaon và Hoàng hậu đều gầy và cổ cao, vì vậy cả các quan quyền trong triều đình cũng phải thanh mảnh, có cổ cao và xiêm áo của phụ nữ cũng theo đó mà được thiết kế. Tôi nghĩ những lời tham vấn của tôi đã làm dấy lên những hy vọng hão huyền trong nàng, vì nàng nhìn tôi tin tưởng và nói:

- Tôi có một nốt ruồi nhỏ dưới vú trái, như ông có thể thấy. Nó quá nhỏ nên hơi khó nhận ra, vì vậy ông phải ghé mắt gần hơn để nhìn thấy nó. Mặc dù nhỏ, song nốt ruồi này làm tôi rất khó chịu và tôi muốn ông cắt bỏ nó giúp tôi, vì một số cung nữ từng ở Akhetaton kể với tôi rằng ông làm rất khéo những ca phẫu thuật

kiểu này, khiến người bệnh và cả chính mình cũng thỏa mãn.

Cặp bồng đào của nàng quả thật mơn mởn đầy thanh xuân và thật đáng ngắm nhưng qua lời nói và cử chỉ của nàng, tôi nhận thấy nàng đã bị nhiễm sự cuồng nhiệt của Thebes và tôi không dám phá dấu niêm phong khỏi vò của Pharaon. Vì thế tôi xin lỗi nàng, bảo tôi không mang theo hộp đồ nghề rồi vội vàng rời đi, vì cẩn tắc vô ưu và vì với tôi, cơ thể Merit là tuyệt vời nhất, hơn tất cả các công chúa Babylon. Nhưng tôi đã hiểu hơn về Công chúa và qua nàng tôi thấy được Thebes và hoàng cung qua con mắt của người ngoài, hiểu ra đời sống ở hoàng cung sa đọa đến thế nào, vì thế Công chúa, như một đứa trẻ dễ bắt chước, đã bị lây nhiễm những phong tục tồi tệ nhất của Ai Cập. Vì thế tôi kể lại điều này. Tuy nhiên, tôi phải thừa nhận rằng khi bỏ đi, tôi cảm thấy một nỗi sầu muộn nào đó, nhưng không rõ là vì Công chúa hay vì tất cả những suy nghĩ đang ong ong trong đầu mình, tôi không biết. Dù sao, việc tôi rời khỏi hoàng cung sau khi gặp nàng vẫn dễ dàng hơn so với việc phải nhổ những cái gai nhọn mà Eje đã đâm vào tim tôi.

Tôi vẫn cần kể thêm rằng khi tôi ở Thebes, tư tế Hrihor đã đến nhà tôi trong đêm tối để gặp tôi. Ông ấy nhắc tôi nhớ lại tất cả những gì đã xảy ra giữa chúng tôi và nói:

- Sinuhe, hãy nhớ lời hứa của mình! Thuyền đang lao nhanh theo dòng nước xiết, nhưng ông vẫn kịp nhảy vào khoang nếu muốn.

- Tôi không nhớ đã hứa với ông điều gì, - tôi nói với ông ta.

Ông ta nở nụ cười thông thái, xoay xoay chiếc nhẫn thánh của Amon ở ngón tay cái, gương mặt sáng loáng vì dầu thánh và nói:

- Có thể đầu ông không hứa nhưng lòng ông đã hứa, dù ông không biết điều đó. Tuy nhiên, đầu ông phải nhanh lên để theo kịp trái tim mình, vì mùa đông năm sau nạn đói sẽ đến với xứ Kemet, bệnh tật sẽ theo sát gót nạn đói và máu sẽ chảy theo gót bệnh tật, khi đó người khôn ngoan nhất cũng không còn biết điều gì có thể xảy ra.

- Có thể lũ sẽ dễ dâng cao, - tôi nói với ông ta, - khi đó, nước sẽ tràn ra và cuốn trôi tất cả các con đập. Có thể cơn lũ ông gây ra sẽ cuốn trôi ông và các giáo sĩ của ông, Hrihor ạ, tôi hoàn toàn không thể nói được liệu tôi có lấy làm tiếc vì điều đó hay không. Một trận lũ lớn có thể gây ra nhiều thiệt hại nhưng khi rút đi, nó sẽ để lại một lớp bùn màu mỡ hơn bao giờ hết, vì vậy mùa màng sẽ tốt hơn trước gấp trăm lần.

Hrihor không nổi giận, vẫn giữ được sự trầm tĩnh khôn khéo của mình, và nói:

- Sinuhe, ông nghĩ mình khôn ngoan khi nói bóng gió như vậy, nhưng phép ẩn dụ của ông sai rồi. Tôi có thể nói thẳng với ông rằng người ta đang rèn gươm trong bóng tối và ông có thể nhìn thấy những tia lửa bắn ra từ lưỡi gươm. Gươm được rèn bằng sự điên khùng của Pharaon, bằng sự cuồng nhiệt của phe thánh giá, bằng đói khát, bệnh tật và người ta rèn nó cả bằng máu, cho đến khi nó xuyên qua trái tim của Ai Cập. Nhưng khi trái tim một người bị đâm thủng, người đó sẽ chết và không sống dậy được, chỉ có giòi bọ được hưởng lợi từ anh ta và béo ú. Ông muốn để mặc Ai Cập biến thành một vương quốc giòi bọ ư, Sinuhe? Nhưng dù là lũ lụt hay gươm kiếm, thuyền sẽ lao về phía trước với tốc độ ngày càng nhanh, nhưng ông vẫn có thể nhảy vào, Sinuhe, nếu ông muốn. Nếu nhảy quá muộn, có khi ông sẽ rơi xuống nước và chết đuối. Ông sẽ nhảy, Sinuhe, bụng dạ con người là như thế, ít nhất theo tôi hiểu, và tôi có thể bảo đảm điều đó với ông.

Tôi chỉ có thể trả lời ông ta:

- Không ai biết ngày mai chuyện gì sẽ đến.

Ông ta nghĩ tôi yếu đuối, nhưng ông ta không biết dòng máu vương giả có lẽ đang chảy trong huyết quản của tôi. Điều này có thể lý giải cho nhiều hành động của tôi mà tôi không hiểu và không thể tự lý giải. Nhưng có thể ngay cả điều này cũng là giả dối và huyễn hoặc, giống như mọi điều tưởng tượng khác. Vậy thì có lẽ không ai hiểu được trái tim của chính mình, trong khi nó khiến con người làm những việc mà chính mình không hiểu, cả việc xấu xa lẫn tốt đẹp.

Sau khi nói xong những điều này, Hrihor rời nhà tôi trong đêm tối và chúng tôi chia tay nhau, không như kẻ thù nhưng cũng không phải là bạn hữu. Tôi đã ở Thebes suốt cả mùa xuân, rồi hè đến cùng với nắng nóng và ruồi muỗi trong khu phố của người nghèo, nhưng tôi vẫn ở lại mà không muốn rời đi. Cuối cùng, Pharaon Ekhnaton đã cho tìm tôi vì cơn đau đầu của ngài lại tái phát và tồi tệ hơn nên tôi không thể lần lữa được nữa. Vì thế tôi tạm biệt Kaptah tại Đuôi Cá Sấu và Kaptah nói:

- Thưa ông chủ, tôi đã mua cho ông nhiều đại mạch hết mức có thể và trữ trong kho ở nhiều thành phố. Tôi cũng đã cất giấu đại mạch - người khôn ngoan nhìn về phía trước chứ không ngoái lại đằng sau - bởi vì tất cả những quy định và điều luật điên rồ liên

tục được ban bố gây trở ngại cho công việc hợp pháp của thương lái và biết đâu đại mạch của ông có thể sẽ bị tịch thu, nếu nạn đói xảy ra, để bán cho người dân và thuế vụ sẽ đút túi lợi nhuận, mặc dù điều này chưa từng xảy ra trước đây vì động vào tài sản và đại mạch của người khác là trái với tập quán tốt đẹp. Nhưng tôi tin bất cứ điều gì cũng có thể xảy ra, như quy định mới cấm đưa chum rỗng sang Syria, khiến cho lợi nhuận của tôi bị giảm đáng kể vì phải tốn kém rất nhiều để bí mật chở chúng sang đó. Tôi thực sự không biết mình đang đứng bằng đầu hay trên đôi chân của mình nữa, vì quy định này cũng vô lý như việc người Syria muốn mua chum rỗng. Việc cấm vận chuyển đại mạch sang Syria cũng vậy, nhưng quy định này là điều hiển nhiên, có thể hiểu được, tuy nó được đưa ra quá muộn, bởi vì khắp Ai Cập không còn đến một hạt để mua và gửi đến Syria. Tôi hoàn toàn không phản đối những quy định hay điều luật đó, bởi vì chúng trấn an người dân và theo tập quán, họ dễnh dàng khi ban chúng ra để thương lái có thời gian kiếm lời và không bị thiệt. Nhưng điều luật liên quan đến chum rỗng thật đáng chê trách và vô lý, mặc dù dĩ nhiên có thể lách luật bằng cách đổ đầy nước vào chum trước khi vận chuyển để không còn là chum rỗng và việc chở nước vẫn chưa bị đánh thuế, cho dù thuế vụ của Pharaon đã nghĩ ra nhiều cách đánh thuế khác nhau.

Kaptah còn nói thêm:

- Cứ yên tâm, ông chủ ạ, vì qua mùa đông, nhờ đại mạch của mình, ông sẽ là người giàu nhất Ai Cập, chỉ kém Pharaon, nếu không có gì bất ngờ xảy ra. Nhưng tôi vẫn phải thừa nhận rằng tôi đang hết sức bối rối vì tình hình bất ổn giữa sừng với thánh giá. Nếu tôi công nhận Pharaon là một vị vua giỏi thì chỉ vì tôi đã giàu lên rất nhiều trong thời gian trị vì của ngài, tuy vậy, tôi vẫn muốn quyền trị vì của ngài chấm dứt và tất cả trở lại như trước để tôi có thể bình an và yên tâm tận hưởng sự giàu có của mình dưới sự bảo vệ của các quy định và luật pháp tốt. Tôi không hiểu nổi đám nô lệ của mình nữa, vì bây giờ chúng rất táo tợn và ngày càng hỗn láo hơn, không chịu ăn bột mốc, dầu thiu nữa mà chúng ném bát ăn vào mắt cai đội; thậm chí tôi không dám dùng gậy đánh chúng, vì đã có chuyện nô lệ nhào đến bẻ gãy gậy của chủ và đánh chủ rồi bỏ trốn, điều mà trước đây chưa bao giờ xảy ra. Thế nên cần treo ngược mấy đứa nô lệ đó lên tường để làm gương cho những đứa khác và tôi sẽ không phàn nàn về thiệt hại của mình, cho dù trong số đó có nô lệ của tôi.

Tôi nhắc ông ấy nhớ rằng bản thân ông ấy cũng từng là nô lệ và đã trải qua cuộc sống của nô lệ, nhưng Kaptah rất bực bội về điều này

và nói:

- Đúng, nô lệ là nô lệ và ông chủ là ông chủ, trật tự này là sự xếp đặt tốt nhất, xưa đã thế và sau này vẫn thế. Sự sắp đặt này không có gì sai và tôi là minh chứng tốt nhất cho điều này, vì tôi, vốn là một nô lệ, bây giờ là một người giàu có và béo tốt nhờ khả năng và tài trí vốn có của mình. Điều tương tự có thể xảy ra với bất cứ nô lệ nào nếu hắn có trí thông minh và tài giỏi, biết cách nói dối và trộm cắp như tôi. Chẳng phải trật tự này là sự sắp xếp tốt nhất có thể hay sao, vì nó mang lại cơ hội như nhau cho tất cả mọi người. Ngoài ra, đồ ăn của nô lệ luôn là bột mốc, dầu thiu và bia chua, trong việc này không có gì cần thay đổi. Tương tự như vậy, nô lệ phải bị đánh bằng gậy thường xuyên và thật đau để hắn tin và tôn trọng chủ của mình cũng như ca ngợi với nhau sức mạnh của cánh tay chủ mình, vì một nô lệ không bị đánh bằng gậy sẽ lập tức trở nên táo tợn và nghĩ chủ của mình yếu đuối. Tôi biết rõ hơn ai hết tất cả những điều này, vì bản thân tôi từng là nô lệ, mông và chân tôi đã sưng tấy nhiều lần vì những trận gậy ngọt ngào và điều này không hại tôi mà đã dạy tôi cách ăn trộm và nói dối ngày càng tinh ranh hơn, đến mức tôi cũng vui lòng dạy cho nô lệ của mình.

Thật vô bổ khi tranh cãi với ông ấy về chuyện này, vì thế tôi chia tay ông ấy cũng như Merit và bé Thoth. Thật tệ hại khi tôi không thể đưa họ đi cùng trong chuyến xuôi sông này như tôi từng muốn, vì lệnh của Pharaon yêu cầu tôi phải đi gấp và đương nhiên họ chẳng thích thú gì điều này. Tôi nói với Merit:

- Em và bé Thoth hãy đi cùng anh và ở nhà anh ở Akhetaton, để chúng ta có thể hạnh phúc bên nhau.

Nhưng Merit nói:

- Anh bứng hoa nơi hoang mạc trồng vào đất màu mỡ và tưới nước hằng ngày, hoa sẽ héo rồi chết. Em nghĩ mình cũng thế nếu đến Akhetaton, và tình bạn của anh với em sẽ héo úa, lụi tàn khi anh so sánh em với các cung nữ trong cung, khi họ chỉ trỏ để anh thấy những gì em khác biệt với họ, vì em quá biết đàn bà và cả đàn ông nữa. Ngoài ra, thật không xứng với địa vị của anh, một ngự y, khi có trong nhà một người đàn bà từng lớn lên trong quán rượu, hông với eo bị những kẻ say xỉn sờ mó, cấu véo hết năm này sang năm khác.

Tôi nói với nàng:

- Merit, em yêu của anh, anh sẽ về bên em ngay khi có thể, vì mỗi phút giây thiếu vắng em, anh thấy đói và khát. Nhiều người đã rời Akhetaton mãi mãi không quay lại, có lẽ anh cũng sẽ về với em và sẽ không bao giờ trở lại Akhetaton nữa.

Nhưng Merit nói:

- Anh nói nhiều hơn những gì trái tim anh có thể chịu đựng, Sinuhe ạ. Em hiểu anh và em biết rằng địa vị của anh không cho phép anh từ bỏ Pharaon khi những người khác rời bỏ ngài. Anh có thể từ bỏ ngài vào những quãng thời gian tốt đẹp, nhưng trong những ngày tồi tệ anh không thể làm thế. Trái tim anh là vậy, Sinuhe ạ, có lẽ chính vì thế em là bạn của anh.

Những lời nói của nàng khiến tim tôi nổi loạn và họng tôi như bị kim châm khi nghĩ rằng mình có thể sẽ mất nàng. Vì thế tôi tha thiết nói:

- Merit ạ, trên thế gian có rất nhiều miền đất chứ không phải chỉ có Ai Cập. Anh thấy mệt mỏi với những mâu thuẫn, tranh giành giữa các thần linh và sự điên khùng của các pharaon. Vì vậy, chúng ta hãy cùng nhau trốn đi đâu đó thật xa và sống cùng nhau, em, anh và bé Thoth, không cần lo lắng về ngày mai.

Nhưng Merit mỉm cười, vẻ buồn rầu trong mắt, và nói:

- Lời anh nói thật hão huyền và chính anh cũng biết là không thực tế, nhưng lời nói dối của anh lại làm lòng em vui vì nó chứng tỏ anh yêu em. Tuy nhiên, em không nghĩ anh có thể sống hạnh phúc ở bất kỳ nơi nào khác ngoài Ai Cập một khi anh đã trở lại nơi đây, cũng như em không tin mình có thể sống hạnh phúc ở bất cứ đâu ngoài Thebes. Ai đã từng một lần uống nước sông Nile, anh hẳn biết điều đó. Không, Sinuhe, không ai trốn được khỏi trái tim mình, và anh phải có được tất cả. Vì vậy, theo thời gian, khi em già đi, xấu xí và béo phì, anh sẽ chán em và bắt đầu hận em vì tất cả những gì anh không được nếm trải do em. Em không muốn thế, mà em thà từ bỏ anh.

- Merit ạ, em là nhà của anh và là tổ quốc của anh, - tôi nói. - Em là bánh mì trong tay anh và rượu trong miệng anh, em biết rõ điều đó. Em là người duy nhất trên thế gian khiến anh không còn cô đơn khi ở bên và anh yêu em vì điều đó.

- Đúng thế, - Merit nói với giọng hơi chua chát. - Quả thực, em chỉ là tấm chăn đắp lên nỗi cô đơn của anh, khi em chưa là tấm thảm sờn của anh. Nhưng có lẽ chỉ cần như vậy và em không mong điều

gì khác. Vì vậy, em cũng không kể cho anh bí mật giày vò trái tim em, dù có lẽ anh nên biết, nhưng em sẽ giữ nó cho riêng mình, mặc dù những lúc mềm lòng em từng định nói với anh. Nhưng vì chính anh, em sẽ giấu nó, Sinuhe, chỉ vì chính anh.

Nàng không thổ lộ bí mật của mình với tôi, vì nàng tự trọng hơn tôi và có lẽ cũng cô đơn hơn tôi, mặc dù lúc đó tôi không hiểu và lúc nào cũng chỉ nghĩ đến mình. Tôi tin rằng tất cả đàn ông đều như vậy khi yêu, mặc dù tôi nói điều này không phải để bào chữa cho mình, bởi nếu đàn ông tin rằng họ nghĩ về điều gì khác ngoài bản thân khi yêu thì đó chỉ là ảo tưởng, cũng như bao nhiêu điều khác trên thế gian cũng chỉ là ảo tưởng.

Thế là một lần nữa, tôi rời Thebes trở lại Akhetaton và sau lần này, tôi không còn gì khác để kể ngoài tai họa. Vậy nên tôi muốn kể lể dài dòng như thế về thời gian tôi ở Thebes, mặc dù tất cả những điều này có lẽ cũng chẳng đáng để kể, nhưng tôi vẫn kể vì chính bản thân mình.

Sách thứ mười ba
Vương quốc Aton trên mặt đất

1

Khi tôi trở lại Akhetaton, Pharaon Ekhnaton quả thật đang bị ốm và ngài cần sự chăm sóc của tôi. Hai má ngài hóp lại, gò má nhô cao trên khuôn mặt và cổ ngài còn dài hơn trước, đến mức không thể chịu nổi sức nặng của cả hai vương miện trong các lễ triều, mà đầu ngài ngả trĩu ra sau vì sức nặng ấy. Hai đùi ngài phù thũng, còn cẳng chân gầy như que củi, quầng mắt thâm tím và sưng húp vì những cơn đau đầu triền miên. Ngài không còn nhìn thẳng vào mắt người khác mà ánh mắt cứ lang thang, vô định trong những thế giới nào đó và vì thần của mình, ngài thường quên những người ngài từng nói chuyện cùng. Ngài làm căn bệnh đau đầu càng tồi tệ hơn khi đi ra ngoài giữa trưa nắng chang chang không che ô hay đội mũ hoàng đế, để đầu được hứng những tia sáng phước lành của thần. Nhưng những tia sáng của Aton không ban cho ngài chút phước lành nào mà chỉ đầu độc ngài, khiến ngài mê sảng và thấy những ảo ảnh tồi tệ. Có lẽ thần của ngài cũng như ngài, ban phát lòng tốt và tình yêu thương của mình quá rộng rãi, quá bất ngờ, quá hào phóng và bằng vũ lực, đến mức hậu quả của lòng tốt ấy thật tồi tệ và tình yêu thương ấy gieo rắc hủy diệt xung quanh ngài.

Nhưng vào những khoảnh khắc tỉnh táo, khi tôi dấp khăn ướt lên đầu ngài và dùng các loại thuốc nhẹ để xoa dịu cơn đau cho ngài, ngài nhìn tôi bằng đôi mắt buồn rầu và đau khổ, như thể nỗi thất vọng không nói được bằng lời âm thầm len lỏi vào trái tim ngài.

Cái nhìn đó làm tim tôi đau đớn, khiến tôi lại mến yêu ngài trong sự mềm yếu của ngài và sẵn sàng từ bỏ nhiều hơn, nếu có thể giải thoát cho ngài khỏi tình trạng này. Ngài nói với tôi:

- Sinuhe, lẽ nào những linh ảnh của ta là dối trá và sinh ra từ cái đầu ốm yếu của ta? Nếu thật vậy, cuộc đời khủng khiếp hơn ta nghĩ và không phải cái thiện ngự trị trên thế gian mà là cái ác vô biên. Không thể như thế được. Những linh ảnh ta thấy phải là thật. Ngươi có nghe không, Sinuhe, kẻ bướng bỉnh kia, những linh ảnh của ta phải là thật, mặc dù mặt trời của ngài không còn chiếu sáng trong trái tim ta và bạn bè ta nhổ nước bọt vào giường ta. Ta hoàn toàn không phải là kẻ mù, mà ta nhìn thấu trái tim con người. Ta cũng nhìn thấu trái tim yếu mềm của ngươi và biết ngươi coi ta là kẻ điên, Sinuhe, nhưng ta tha thứ cho ngươi vì ánh sáng đã từng chiếu vào trái tim ngươi.

Khi bị những cơn đau hành hạ, ngài rên rỉ và than thở:

- Sinuhe, súc vật ốm được ân xá bằng vồ, sư tử bị thương bằng giáo nhọn, nhưng con người không được ai xá tội. Nỗi thất vọng của ta còn cay đắng hơn cái chết nơi trần gian, mà ta không sợ chết vì ánh sáng của ngài chiếu trong tim ta và thân thể ta có thể chết nhưng linh hồn ta sống mãi muôn đời và tỏa sáng trong ngài trên khắp cõi trần gian. Sinuhe, ta sinh ra từ mặt trời và ta sẽ trở về với mặt trời, ta mong ước được trở về vì tất cả những thất vọng của mình.

Ngài nói với tôi như thế khi bị ốm và tôi không biết liệu ngài có hiểu những gì mình nói không. Nhưng vào mùa thu, ngài bắt đầu hồi phục nhờ công chữa trị của tôi, dù nếu tôi để ngài chết mà không chạy chữa thì có lẽ tốt hơn. Tuy nhiên, thầy thuốc không thể để bệnh nhân của mình chết nếu còn tài năng để chữa trị; điều này thường gây tai họa cho danh y, nhưng danh y làm gì khác được, mà phải chữa lành cho bệnh nhân, không phân biệt người tốt hay kẻ xấu, người sùng đạo hay báng bổ. Khi mùa thu đến, ngài bắt đầu hồi phục và trong thời gian ấy, ngài khép mình, không nói chuyện với tôi và cả những người khác nữa, mà đôi mắt ngài trở nên cứng rắn.

Nhưng ngài đã nói đúng rằng bạn bè ngài nhổ nước bọt vào giường ngài, vì sau khi sinh năm công chúa cho ngài, Hoàng hậu Nefertiti đã chán ngài, bắt đầu hận ngài và chỉ muốn làm tổn thương ngài bằng mọi cách. Vì vậy, khi hạt đại mạch thứ sáu bắt đầu nảy mầm trong bụng Nefertiti, đứa trẻ chỉ mang dòng máu các pharaon trên danh nghĩa, vì bà đã để cho hạt giống lạ lọt vào

dạ con của mình. Và một khi đã phá rào, bà không còn coi trọng bất kỳ ranh giới nào nữa mà ăn nằm với bất kỳ ai, vào lúc nào bà muốn, kể cả với bạn Thotmes của tôi. Bà cũng không mất nhiều thời gian tìm người ân ái, vì vẻ đẹp của bà vẫn còn lộng lẫy dù đã qua tuổi thanh xuân, và trong ánh mắt, nụ cười giễu cợt của bà ẩn chứa điều gì đó như bùa ngải khiến cánh đàn ông không thể kiềm chế được mình. Với lòng cay đắng và căm hận, bà cố tình nhằm vào những người trung thành với Pharaon Ekhnaton, ăn nằm với họ để kéo họ ra khỏi ngài, khiến vòng người yêu kính, chở che Pharaon Ekhnaton quanh ngài ngày càng nới lỏng.

Ý chí của Hoàng hậu thật kiên định, trí tuệ sắc bén đến đáng sợ, và một người đàn bà sẽ rất nguy hiểm nếu ý định xấu xa của bà ta đi kèm với trí tuệ và sắc đẹp, càng nguy hiểm hơn nếu tất cả những điều này còn đi kèm với quyền lực của một hoàng hậu. Trong nhiều năm, Nefertiti này đã trói mình vào những xiềng xích bền chắc. Trong nhiều năm, Nefertiti này đã bằng lòng với việc mỉm cười và cai trị bằng sắc đẹp của mình, thỏa mãn với đồ trang sức, rượu bia, thơ phú và bỡn cợt. Nhưng chắc chắn điều gì đó đã vỡ vụn trong bà khi bà sinh cô con gái thứ năm và tin rằng mình sẽ không bao giờ sinh được con trai, do lỗi của Pharaon Ekhnaton. Mà cũng đúng, điều này thật trái với tự nhiên và có thể làm rối trí đàn bà. Tuy nhiên, cần nhớ rằng dòng máu đen của giáo sĩ Eje chảy trong huyết quản của bà ta, dòng máu của dối trá, lừa lọc và tham vọng sai trái, nên không có gì ngạc nhiên khi Hoàng hậu trở thành người như thế này.

Nhưng cũng phải có mấy lời để biện hộ rằng trong ngần ấy năm trước đó không ai có thể nói xấu bà và không có tin đồn xấu nào về bà, mà Hoàng hậu đã chung thủy và bao bọc Pharaon Ekhnaton bằng tất cả sự dịu dàng âu yếm của một người phụ nữ đang yêu, bảo vệ sự điên rồ của ngài và tin vào những ảo ảnh ngài thấy. Chính vì vậy, nhiều người đã vô cùng kinh ngạc trước sự thay đổi đột ngột và sự độc ác của bà và coi đó là dấu hiệu của lời nguyền rủa đang ngự trên Akhetaton như bóng ma chết chóc. Vì bà sa đọa quá đỗi nên người ta đồn rằng bà ăn nằm cả với những người hầu, lính Shardana và phu đào mộ, mặc dù tôi không muốn tin điều này. Khi muốn có điều gì để gièm pha, người ta thích thổi phồng và phóng đại tất cả những gì đã xảy ra, mặc dù trong sự xấu xa tội lỗi của bà ta đâu còn gì để thổi phồng, mà bản thân Hoàng hậu đã là hiện thân của tai ương.

Tuy nhiên, tôi không muốn lên án bà quá gay gắt, vì bất kỳ người đàn bà nào cũng có thể điên lên nếu đã từng là người đẹp nhất và là một hoàng hậu, thông minh, tinh tế, được muôn dân ngưỡng

mộ nhưng lại bị trói buộc với một người chồng luôn bị kích động vì những ảo ảnh, buộc bà năm lại năm như bò cái chửa đẻ mà chỉ được cho sinh con gái và chỉ nói về Aton ngay cả trên giường. Hơn nữa, vốn thông minh nên khi đã sáng mắt ra và tình thương biến thành thù hận, Nefertiti nhận thấy Pharaon Ekhnaton chỉ gieo rắc tai ương xung quanh mình và làm lung lay cả vương triều của chính mình nên thảm họa là không tránh khỏi. Vì vậy, ham mê đổi bại của Hoàng hậu đối với đàn ông có thể không phải là sự cuồng nhiệt muộn màng, mà là sự tính toán lạnh lùng khi bà muốn giành sự ủng hộ của những người vốn trung thành với Pharaon và của tầng lớp quyền quý trong vương quốc về cho mình và để đạt được mục đích này, bà dùng phương thức an toàn nhất mà một người đàn bà xinh đẹp được ban cho. Nhưng tất cả những điều này chỉ là suy nghĩ của riêng tôi về bà ấy và cũng hoàn toàn có thể khác với suy nghĩ của người khác.

Pharaon Ekhnaton thu mình trong cô đơn và thức ăn của ngài là bánh của người nghèo, đồ uống của ngài là nước sông Nile, vì ngài muốn thanh lọc cơ thể để lấy lại vầng hào quang của mình và ngài tin rằng rượu và thịt đã làm giảm khải tượng của mình.

Trong khi không có tin tức tốt đẹp nào truyền đến Akhetaton từ thế giới bên ngoài thì từ Syria, Aziru đã gửi cho Pharaon rất nhiều bảng đất sét với đủ điều phàn nàn, ca thán. Ông ta viết rằng lính của ông ta muốn trở về nhà để chăn gia súc, làm ruộng và vui vẻ với vợ con vì họ là những người hiền lành, chỉ muốn bình yên, nhưng từ hoang mạc Sinai, những toán cướp liên tục vượt qua các cột mốc biên giới tàn phá Syria và chúng được trang bị vũ khí Ai Cập, do quân đội Ai Cập chỉ huy và sử dụng cả chiến xa Ai Cập, vì vậy chúng là hiểm họa thường trực cho Syria và Aziru không thể cho lính của mình trở về nhà; cả viên trấn thủ ở Gaza cũng hành xử rất thất lễ, trái với nội dung và tinh thần của hiệp ước hòa bình, khi ông ta đóng cổng Gaza không cho các thương nhân và đoàn lữ hành ôn hòa vào thành mà dựa trên sự cân nhắc tinh quái của mình để chọn thương gia nào được phép buôn bán ở Gaza. Aziru còn ghi ra bao lời than vãn khác và muốn tình hình này phải chấm dứt, bởi vì nếu không ông ta không thể đảm bảo được điều gì sẽ xảy ra.

Cả Babylon cũng rất tức giận vì Ai Cập cạnh tranh với Babylon về lương thực ở Syria, và vua Burraburiash không hài lòng chút nào với những món quà làm của hồi môn mà ông ta nhận được từ Pharaon, cho là không đủ và đưa ra tất cả những yêu cầu tối thiểu mà Pharaon phải đáp ứng nếu muốn giữ trọn tình hữu hảo với Burraburiash.

Sứ giả thường trực của Babylon tại Akhetaton nhún vai, dang tay và dứt râu, nói:

- Quốc vương tôi giống như một con sư tử, bồn chồn gồng người lên trong ổ của mình và căng mũi ra đón gió để ngửi những gì gió mang theo. Ngài đặt niềm tin vào Ai Cập, nhưng nếu Ai Cập thực sự nghèo đến mức không thể gửi cho ngài đủ vàng để tuyển mộ những người đàn ông khỏe mạnh cho đội quân hung bạo của mình và để chế tạo chiến xa, thì tôi không biết điều gì sẽ xảy ra. Quốc vương tôi luôn muốn kết bạn với một Ai Cập hùng mạnh và giàu có, và liên minh này bảo đảm hòa bình thế giới, vì cả Ai Cập và Babylon đều đủ giàu, không cần gây chiến tranh mà muốn giữ tất cả nguyên trạng vì sự giàu có của mình. Nhưng tình bạn với một Ai Cập yếu ớt và nghèo nàn chẳng có nghĩa lý gì đối với quốc vương tôi, mà chỉ là gánh nặng đối với ngài và tôi có thể kể là ngài đã rất sửng sốt và kinh hoàng khi Ai Cập từ bỏ Syria vì sự nhu nhược của mình. Nhưng việc nhà mình cấp thiết hơn việc nhà người và Babylon phải nghĩ về lợi ích Babylon. Mặc dù tôi rất yêu quý Ai Cập và mong muốn mọi điều tốt đẹp nhất cho Ai Cập, nhưng lợi ích của đất nước tôi quan trọng hơn lợi ích của Ai Cập và tôi không lấy làm ngạc nhiên nếu mình phải sớm rời khỏi đây để trở về Babylon, mặc dù điều đó sẽ khiến tôi rất buồn phiền.

Ông ta nói như thế và không người sáng suốt nào có thể phủ nhận sự khôn ngoan trong lời nói đó. Thế là vua Burraburiash không còn gửi đồ chơi và trứng nhuộm phẩm màu đến Akhetaton cho người vợ ba tuổi của mình, mặc dù nàng là con gái của Pharaon và dòng máu thiêng chảy trong huyết quản của Công chúa.

Thay vào đó, một phái đoàn của người Hittite đến Akhetaton, trong đó có nhiều quan lại chủ chốt. Họ nói họ đến để củng cố tình bạn truyền thống giữa Ai Cập và xứ Hatti, đồng thời tìm hiểu về phong tục tập quán của người Ai Cập mà họ đã được nghe kể và làm quen với quân đội Ai Cập để học hỏi những điều bổ ích về kỷ luật và trang bị vũ khí của quân đội. Họ cư xử dễ mến, chân thật và đem tới những món quà lớn cho các quan quyền trong triều. Trong số quà tặng cho Tut trẻ tuổi, chồng của Ankhsenaton và là phò mã của Pharaon Ekhnaton, có một con dao bằng kim loại màu xanh lam, sắc và bền hơn tất cả những con dao khác, khiến cậu trai trẻ rất hài lòng và không biết làm thế nào để đối đãi họ một cách tốt nhất. Ở Akhetaton chỉ có tôi mới có con dao tương tự, con dao mà viên cai đội bến cảng người Hittite được tôi chữa lành bệnh tặng cho, như tôi đã kể, và tôi khuyên Tut mạ vàng và bạc con dao theo kiểu của người Syria, như tôi đã đặt làm ở Simyra. Thế là con dao trở thành một vũ khí được trang trí tuyệt đẹp và

Tut thích nó đến mức cậu ta nói rằng cậu muốn mang nó theo cùng khi xuống mồ. Hóa ra cậu ta chỉ là một cậu bé ốm yếu và nghĩ đến cái chết nhiều hơn bạn bè cùng trang lứa.

Các viên quan Hittite này thật sự là những người dễ mến và có học thức, trên khiên và áo choàng của họ có hình mặt trời có cánh và cặp rìu sáng lấp lánh. Cánh mũi to dũng mãnh và khuôn cằm kiên nghị cùng đôi mắt đầy vẻ hoang dã của họ vô cùng quyến rũ với các phụ nữ quyền quý trong hoàng cung, những người yêu thích mọi thứ mới mẻ theo bản tính đàn bà. Vậy nên những viên quan này có rất nhiều bạn ở Akhetaton và từ sáng đến tối, từ tối đến sáng, họ được chào đón, được mời dự tiệc tùng trong cung điện của các quý tộc cho đến khi mệt nhoài và vừa cười vừa kêu nhức đầu. Họ nói:

- Chúng tôi biết những tộc người hay ganh ghét đã bịa đặt nhiều câu chuyện khủng khiếp về vương quốc chúng tôi. Vì thế chúng tôi rất vui khi chính mình đến chào các quý ngài để quý ngài có thể tận mắt thấy chúng tôi là những người văn minh và nhiều người trong chúng tôi có thể đọc và viết. Chúng tôi hoàn toàn không ăn thịt sống và uống máu trẻ em như người ta bịa đặt, mà chúng tôi biết ăn uống theo cách Syria lẫn Ai Cập. Chúng tôi cũng là những người chuộng hòa bình, không hiếu chiến, sẽ tặng cho quý ngài đủ loại quà cáp và không đòi hỏi lại điều gì ngoài những kiến thức mà chúng tôi thấy có thể có ích nhằm xây dựng đất nước mình đến tầm cao tri thức và văn minh như đất nước các ngài. Chúng tôi đặc biệt quan tâm cách bộ tộc Shardana của các ngài sử dụng vũ khí và cũng rất mê các cỗ chiến xa nhỏ gọn, mạ vàng của các ngài mà những cỗ xe thô thiển, mộc mạc và nặng nề của chúng tôi không thể nào sánh được. Các ngài cũng không nên tin những lời nhảm nhí mà dân tị nạn Mitanni đã bịa đặt về chúng tôi, những lời thốt ra từ miệng họ vì sự uất hận cay đắng khi họ hèn nhát bỏ chạy khỏi đất nước của mình. Chúng tôi thề rằng đã không có gì tồi tệ xảy ra với họ nếu họ ở lại và tiếp tục khuyên họ quay về đất nước của mình, sống hòa thuận với chúng tôi và chúng tôi sẽ không oán giận gì về những chuyện nhảm nhí họ bịa đặt, vì chúng tôi hiểu rõ nỗi khổ đau của họ. Nhưng cả các ngài cũng phải hiểu rằng xứ Hatti là một vùng đất nhỏ bé và chúng tôi có đông trẻ em bởi vì vua Shubbiluliuma vĩ đại của chúng tôi rất yêu con trẻ. Vậy nên chúng tôi cần thêm đất cho trẻ em và đồng cỏ mới cho gia súc, mà ở Mitanni chúng tôi có những thứ ấy vì đàn bà Mitanni chỉ sinh một hoặc nhiều nhất là hai con. Hơn nữa, chúng tôi không thể chịu được khi thấy áp bức và bất công diễn ra ở Mitanni và thành thật mà nói, người dân Mitanni đã cầu cứu chúng tôi, nên chúng tôi tiến vào địa phận của họ để giải phóng

chứ không phải xâm lược đất nước họ. Giờ đây, chúng tôi có đủ đất ở Mitanni cho mình, cho con cái và đàn gia súc, chúng tôi không còn nghĩ về cuộc chinh phục mới nào nữa vì chúng tôi là một dân tộc yêu chuộng hòa bình, chúng tôi chỉ muốn có đủ đất cho người dân của mình và khi có được điều đó, chúng tôi hoàn toàn thỏa mãn.

Họ giơ thẳng cốc rượu lên và hết lời ngợi ca Ai Cập và những người đàn bà thèm thuồng nhìn bờ gáy, cơ bắp và đôi mắt man dại của họ. Họ còn nói:

- Ai Cập là một vương quốc tuyệt vời và chúng tôi yêu đất nước này. Nhưng có lẽ đất nước chúng tôi cũng sẽ có điều gì đó để học hỏi và chúng tôi tin rằng quốc vương chúng tôi sẽ rất vui lòng chu cấp một chuyến đi và ăn ở tại đất nước chúng tôi cho các quý tộc Ai Cập yêu mến và muốn học hỏi phong tục của chúng tôi. Có khi quốc vương chúng tôi sẽ tặng quà cho họ nữa, vì ngài rất thích người Ai Cập và yêu trẻ em. Về chuyện trẻ em, đức vua chúng tôi muốn vợ chúng tôi sinh nhiều con, nhưng những phụ nữ xinh đẹp Ai Cập không cần phải sợ chúng tôi, vì chúng tôi biết ân ái với họ như những người văn minh, không làm cho họ mang thai, và chúng tôi ân ái theo cách của người Ai Cập, giống như ở đây chúng tôi ăn uống theo tập quán Ai Cập đấy.

Cứ thế họ nói rất nhiều điều tốt đẹp với các quý tộc Akhetaton và không ai giấu giếm họ điều gì, nhưng tôi nghĩ họ mang mùi chết chóc đến Akhetaton và tôi nhớ về xứ sở buồn tẻ của họ và những phù thủy bị đóng cọc hai bên đường ở đó. Vì vậy, tôi không buồn khi họ rời Akhetaton.

Thành phố Thiên Đường không còn như xưa mà sự náo nhiệt đã chế ngự người dân nơi đây và chưa bao giờ ở Akhetaton người ta ăn uống, chơi bời và đùa giỡn vô độ như trong thời gian này. Những ngọn đuốc rừng rực từ tối đến sáng trước nhà của giới quyền quý và tiếng nhạc, tiếng nói cười từ trong nhà họ vọng ra không dứt từ sáng đến khuya. Sự cuồng nhiệt cũng lây lan sang đám gia nhân và nô lệ, khiến những người này cũng dám say xỉn, lảo đảo trên đường phố giữa ban ngày chẳng nể nang ai, mà những trận đòn roi cũng không làm họ sợ. Nhưng tất cả những niềm vui này là niềm vui bệnh hoạn, không làm con người ta thỏa mãn, mà như cơn sốt bào mòn, thiêu cháy họ, vì họ muốn vui để có thể quên được tương lai. Một sự im ắng đầy chết chóc đột nhiên bao phủ khắp Akhetaton giữa cơn náo nhiệt, mọi người vui vẻ hát hò và nhậu nhẹt say sưa, đến mức tiếng cười đông cứng lại trong cổ họng và họ sợ hãi nhìn nhau, quên mất những lời định nói. Một

mùi tơm tởm, lạ lùng, ngọt lợm không ai biết từ đâu cũng lan đến Akhetaton, và những mùi thơm ngào ngạt đến mấy, hương nhang tốt đến mấy cũng không xua được mùi đó khỏi mũi mọi người. Mùi này ngửi thấy rõ nhất vào sáng sớm và chiều tối khi mặt trời lặn, không bốc lên từ sông hay các ao cá, cũng không phải từ hồ thánh Aton, và mặc dù những cống rãnh đã được khai thông, dọn dẹp nhưng mùi vẫn không bớt đi, nhiều người bảo đó là mùi của tai ương, mùi của Amon.

Một niềm đam mê kỳ lạ cũng cuốn hút các nghệ sĩ, họ vẽ, chạm khắc hăng say hơn bao giờ hết, như thể họ thấy thời gian trôi đi rất nhanh không thể nắm bắt được và họ muốn thể hiện hết tài năng của mình trước khi thời gian ngừng lại. Họ nhiệt thành cường điệu sự thật; các nhát đục và nét cọ của họ bóp méo sự thật thành tranh, tượng biếm họa; họ ganh đua xem ai tạo ra được các hình mẫu ngày càng kỳ quái và phóng đại sự thật hơn, cho đến khi khẳng định mình đã thể hiện được đường nét và chuyển động chỉ bằng một vài nét vẽ. Họ bằng lòng thể hiện giấc mơ và ánh mắt con người bằng một đường cong duy nhất; họ vẽ những bức tranh về Pharaon Ekhnaton khiến người già kinh hãi, cường điệu cái cổ gầy và cặp đùi phù thũng của ngài mặc dù thật ra ở những chỗ ấy không còn gì để thổi phồng. Họ đã vẽ những bức tranh về Pharaon Ekhnaton khiến tôi nghĩ chỉ những người hết sức thù hận ngài mới có thể vẽ như thế. Nhưng họ rất hãnh diện về các bức tranh cũng như các bức tượng của mình, và nói: “Quả thật, tranh và tượng trước đây chưa bao giờ được vẽ và tạc như thế này”.

Nhưng tôi nói với Thotmes bạn tôi:

- Pharaon Ekhnaton đã nhấc anh lên từ cát bụi và cho anh thành bạn của ngài, sao anh lại tạc ngài như thể đang thù hận ngài, và sao anh lại nhổ nước bọt lên giường ngài và làm hoen ố tình bạn của ngài?

- Đừng dí mũi vào những điều anh không hiểu, Sinuhe ạ, - Thotmes vặc lại tôi. - Có thể tôi ghét ông ta, nhưng tôi còn ghét bản thân mình hơn. Cơn sốt sáng tạo đang hừng hực trong tôi và chưa bao giờ đôi tay tôi khéo léo hơn lúc này; có lẽ khi không hài lòng với chính mình và thù hận mình thậm tệ, người nghệ sĩ sáng tạo được những điều lớn lao hơn là khi tự mãn và yêu quý bản thân. Tất cả màu sắc và hình khối tôi tạo ra đều từ chính mình, sự đa dạng tôi tạo ra cũng từ chính mình và tôi khắc mình vào trong mỗi bức tượng đá để sống mãi muôn đời. Vì vậy, không ai có thể bằng tôi, tôi hơn tất cả những người khác, không có quy tắc nào

mà tôi không thể phá bỏ, tôi vượt lên mọi chuẩn mực trong nghệ thuật của mình và tôi là thần linh hơn là một con người. Khi tạo ra màu sắc và hình thể, tôi ganh đua với Aton của ông ta và tôi sẽ thắng, bởi vì tất cả những gì Aton tạo ra đều sẽ mất đi, còn những gì tôi sáng tạo ra sẽ còn mãi mãi.

Nhưng bạn tôi nói như thế khi đã uống rượu cả buổi sáng trước đó và tôi đã tha thứ cho anh ấy, vì sự đau khổ hiện rõ trên khuôn mặt anh và từ trong sâu thẳm ánh mắt anh, tôi thấy anh thật bất hạnh.

Tất cả những điều này xảy ra khi mùa màng đã được thu hoạch trên các cánh đồng và nước dâng lên rồi nước lại rút đi. Mùa đông đến kéo theo nạn đói vào đất Ai Cập, khiến không ai còn biết những ngày tới điều bất hạnh gì sẽ xảy ra. Vừa lúc đó, tin đồn lan khắp nơi là Aziru đã mở hầu hết các thành phố Syria cho người Hittite, các chiến xa tấn công của Hittite đã tràn qua sa mạc Sinai và tấn công Tanis, tàn phá các vùng hạ lưu xung quanh Tanis.

2

Trong khi những tin này lan rộng, Eje từ Thebes và Horemheb từ Memphis đến Akhetaton để triều kiến Pharaon Ekhnaton xem còn cứu được gì. Là ngự y riêng của ngài, tôi có mặt tại cuộc triều kiến này vì tôi sợ Pharaon sẽ bị kích động và cơn đau của ngài lại tái phát khi phải nghe và chịu đựng những điều tồi tệ. Nhưng Pharaon dè dặt, lãnh đạm đến lạ lùng và hoàn toàn không mất bình tĩnh mà lắng nghe những gì Eje và Horemheb muốn nói.

Giáo sĩ Eje nói với ngài:

- Các kho lương của Pharaon trống rỗng và năm nay xứ Kush đã không đóng thuế như các năm trước, mặc dù thần đã đặt tất cả hy vọng của mình vào đấy. Nạn đói đang hoành hành khắp vương quốc và dân chúng đào rễ các loài cây sống trong bùn để ăn, họ xé vỏ cây ăn quả để ăn, bắt cào cào, bọ cánh cứng và cả ếch để ăn. Đã có nhiều người đã chết và sẽ còn nhiều người hơn nữa, vì ngay cả khi được coi sóc chặt chẽ, kho lương của Pharaon vẫn không đủ cho tất cả mọi người, còn các thương nhân lại bán ngũ cốc với giá quá đắt khiến người nghèo không thể mua được. Dân chúng đang rất lo lắng, sợ hãi và rời bỏ các vùng quê chạy vào thành phố, còn dân các thành phố chạy về các làng quê và ai cũng nói:

“Đây là sự trả thù của Amon và chúng ta phải chịu đựng vì thần mới của Pharaon”. Vì vậy, tâu quốc vương, xin ngài hãy thỏa hiệp với các giáo sĩ và trả lại quyền lực cho Amon để muôn dân có thể cầu nguyện và dâng cúng cho thần này và bình tâm trở lại. Hãy trả lại đất của Amon cho Amon để Amon canh tác, vì người dân không dám gieo trồng trên đất của Amon, còn đất của ngài bị bỏ hoang, bởi người ta nói đó là đất bị nguyền rủa. Xin quốc vương hãy thỏa hiệp ngay với Amon, nếu không thần sẽ rũ bỏ mọi trọng trách và sẽ không gánh chịu các hậu quả.

Còn Horemheb nói:

- Tâu quốc vương, Burraburiash đã mua hòa bình từ người Hittite, Aziru đã quy phục trước áp lực của họ, mở cửa thành phố cho họ vào và liên minh với họ. Binh lính của họ ở Syria nhiều như cát biển, chiến xa của họ nhiều như sao trời và đây là ngày tận thế của Ai Cập, vì họ rất mưu mẹo, chở nước trong các chum và vò vào sa mạc, vì họ không có hải đội. Họ đã chuyển đến sa mạc một lượng nước khổng lồ đựng trong chum, để khi mùa xuân đến, một đội quân lớn nhất cũng có thể hành quân qua hoang mạc mà không sợ chết khát. Phần lớn chum sành này, họ đã mua từ Ai Cập và các thương lái đã bán chum vò rỗng cho họ vì lòng tham. Các chiến xa của Aziru và quân Hittite, vì quá nôn nóng nên đã tiến vào đánh thăm dò tại Tanis và phần đất thuộc Ai Cập, như vậy là phá vỡ hiệp ước hòa bình. Mặc dù những xâm phạm này nhỏ và không gây ra những thiệt hại lớn, nhưng thần đã cho lan truyền trong dân chúng những thông tin về sự xúc phạm ghê gớm này cùng với sự tàn ác vô độ của quân Hittite để dân chúng sẵn sàng cho chiến tranh. Thời gian vẫn còn, Pharaon Ekhnaton. Xin ngài hãy truyền lệnh thổi tù và, giương cao cờ hiệu và tuyên bố chinh phạt. Xin hãy chiêu tập tất cả những ai còn sức cầm vũ khí đến nơi luyện tập; hãy ra lệnh thu gom tất cả đồng trên khắp cả nước để rèn giáo và mũi tên, để quyền lực của ngài sẽ được bảo vệ. Thần sẽ bảo vệ và đem lại cho Ai Cập một cuộc chiến chưa từng có, đánh bại lũ Hittite và lấy lại Syria cho ngài. Thần sẽ làm được tất cả những việc này nếu tất cả quốc khố và lương thảo của Ai Cập được chu cấp cho quân đội của thần. Khi đó cái đói sẽ biến cả một kẻ hèn nhát thành người lính. Amon hay Aton đều như nhau, vì dân chúng sẽ phải quên Amon khi có chiến tranh và trong chiến trận, nỗi lo của họ sẽ bùng phát ra ngoài và chiến thắng vẻ vang sẽ củng cố quyền lực của ngài mạnh hơn trước. Thần hứa với bệ hạ một cuộc chiến thắng lợi, Ekhnaton, bởi vì thần là Horemheb, con trai của chim ưng, được sinh ra để lập những chiến công hiển hách và đây là thời khắc mà thần mong đợi suốt cả đời mình.

Nghe thế, Eje vội vàng nói:

- Đừng tin Horemheb, Pharaon Ekhnaton, con trai yêu quý của ta, vì miệng lưỡi anh ta nói lời dối trá và anh ta thèm khát quyền lực của con. Hãy thỏa hiệp với các giáo sĩ của Amon và tuyên chiến, nhưng đừng bao giờ trao quyền thống lĩnh cho Horemheb mà giao cho một chiến binh già dặn, giàu kinh nghiệm, người đã đọc kỹ binh thư từ trong các bảng viết thời các pharaon vĩ đại và người mà Pharaon có thể hoàn toàn tin tưởng.

Horemheb nói:

- Giáo sĩ Eje, nếu chúng ta không đứng trước Pharaon, tôi sẽ không ngần ngại vả vào cái mồm thối của ông. Ông suy bụng mình ra bụng người và miệng lưỡi ông nói lời dối trá, vì ông đã bí mật thương lượng với các giáo sĩ Amon và thỏa hiệp với họ sau lưng Pharaon. Nhưng thưa quốc vương, thần sẽ không phản lại chàng trai trẻ mà thần đã lấy tấm vải choàng vai của mình đắp cho nơi sa mạc gần Thebes, mà mục đích của thần là sự vĩ đại của Ai Cập và chỉ thần mới có thể bảo vệ được Ai Cập.

Pharaon Ekhnaton hỏi họ:

- Các khanh đã nói hết chưa?

Cả hai cùng đáp:

- Chúng thần đã nói hết.

Lúc đó Pharaon nói:

- Ta phải thức và cầu nguyện trước khi đưa ra quyết định của mình. Nhưng ngày mai, hãy triệu tập muôn dân, tất cả mọi người, những ai yêu mến ta, quan quyền cũng như hạ dân, ông chủ cũng như tôi tớ; hãy triệu cả những phu mỏ trên núi rời nơi ở của họ, vì qua họ ta muốn nói với tất cả thần dân của mình và cho họ biết quyết định của ta.

Họ tuân lệnh ngài và truyền gọi dân chúng tập trung lại vào ngày hôm sau. Eje nghĩ rằng Pharaon sẽ hòa giải với Amon, còn Horemheb tin rằng ngài sẽ tuyên chiến với Aziru và quân Hittite. Nhưng suốt đêm hôm đó, Pharaon đã thức, cầu nguyện và bồn chồn đi đi lại lại trong các sảnh, không ăn uống gì và không nói chuyện với bất kỳ ai, khiến tôi là ngự y rất lo lắng cho ngài. Ngày hôm sau, người ta kiệu ngài ra ngự trước dân chúng và với nét mặt sáng láng và rạng rỡ như mặt trời, ngài giơ tay lên cao và từ

trên ngai nói với dân chúng:

- Vì sự yếu đuối của ta mà hiện giờ nạn đói hoành hành tại Ai Cập, vì sự yếu đuối của ta nên kẻ thù đe dọa biên giới vương quốc, và các ngươi phải biết người Hittite đang chuẩn bị tấn công Ai Cập từ Syria và gót chân kẻ thù sẽ sớm giày xéo lên xứ đất đen. Tất cả những điều này đang xảy ra vì sự yếu đuối của ta, vì ta không thật sự hiểu hết ý định của thần mình và không thực hiện ý muốn của ngài. Nhưng bây giờ thần của ta đã hiển linh với ta. Aton đã hiện lên với ta và lẽ phải của ngài đang bùng cháy trong trái tim ta, nên ta không còn yếu đuối và ta không do dự nữa. Ta đã lật đổ thần giả, nhưng vì sự yếu đuối của mình, ta đã để tất cả các thần khác của Ai Cập cai trị cùng với vị thần duy nhất Aton và bóng của những thần ấy đã phủ kín Ai Cập. Vì vậy ngày hôm nay, hãy hạ bệ tất cả những thần cổ xưa của xứ Kemet và hãy để hào quang của Aton là ánh sáng duy nhất cai trị Kemet. Ngày hôm nay, hãy hạ bệ tất cả các thần cũ để vương quốc Aton được khai sinh trên mặt đất.

Dân chúng bắt đầu ầm ào rộ lên kinh hoàng khi nghe những lời này của Pharaon, nhiều người giơ tay cao, nhiều người quỳ mọp xuống đất trước mặt ngài. Nhưng Pharaon Ekhnaton đã cao giọng và tiếp tục nói to hơn:

- Này các ngươi, những kẻ yêu quý ta, hãy đi đi và hạ bệ tất cả các vị thần cũ của xứ Kemet, hãy dỡ bỏ bàn thờ, đập vỡ tượng thần, đổ nước thánh của họ xuống đất, dỡ bỏ đền thờ họ, tẩy xóa tên họ khỏi tất cả bia ký; hãy vào tất cả hầm mộ đục xóa hết tên họ để bảo vệ Ai Cập. Hỡi các triều thần, hãy cầm chùy trong tay; hỡi các nghệ sĩ, hãy đổi đục lấy rìu; hỡi những người thợ xây, hãy cầm lấy búa của mình và đi đến tất cả các vùng đất, tất cả các thành phố và làng mạc lật đổ các vị thần cũ và xóa tên của họ. Như thế, ta sẽ xóa bỏ quyền lực của quỷ dữ khỏi Ai Cập.

Lúc đó, rất nhiều người quá hoảng sợ đã bỏ chạy khỏi quảng trường trước Pharaon, nhưng ngài đã hít một hơi thật sâu, mặt đỏ bừng cuồng nhiệt, và tiếp tục gào lên:

- Từ hôm nay, vương quốc Aton ngự trị trên mặt đất, vậy nên sẽ không còn nô lệ và quý tộc, ông chủ và người hầu, mà tất cả sẽ bình đẳng và tự do trước Aton, không ai bị bắt phải gieo trồng trên đất của người khác và không ai bị buộc phải quay cối đá của người khác, mà ai cũng được tự do đi và đến theo ý muốn của mình. Pharaon đã ban truyền!

Dân chúng không còn ầm ào nữa mà đứng câm lặng và nhìn ngài chằm chằm. Một sự câm lặng chết chóc bao trùm Akhetaton và tôi ngửi thấy mùi tử thần trong mũi mình. Nhưng khi họ chằm chằm nhìn Pharaon Ekhnaton, hình ảnh ngài lớn dần trong mắt họ và sự phấn khích, rạng rỡ trên mặt ngài làm họ lóa mắt; sức mạnh của ngài truyền sang mọi người, khiến họ bắt đầu gào hét đầy hứng khởi và nói với nhau: "Điều này trước đây chưa bao giờ xảy ra, nhưng chắc chắn thần của ngài đã nói qua ngài và chúng ta phải vâng lời ngài".

Thế là dân chúng tản đi trong kích động và tranh cãi với nhau, bắt đầu đánh đấm nhau và những người trung thành với Pharaon đã đánh chết những người già cả dám chống lại ngài ở các góc phố của Akhetaton.

Khi dân chúng tản đi hết, giáo sĩ Eje mới nói với Pharaon:

- Ekhnaton, hãy vứt ngay vương miện và bẻ gãy trượng trong tay đi, vì những lời người nói đã lật đổ ngai vàng.

Pharaon Ekhnaton nói với ông ta:

- Những lời ta nói đã làm tên ta trở thành bất tử và quyền lực của ta trường tồn trong trái tim mọi người.

Eje xoa tay và nhổ nước bọt xuống đất trước mặt Pharaon, rồi lấy chân di đám nước bọt xuống cát và nói:

- Nếu vậy, ta sẽ rũ bỏ mọi trách nhiệm và làm theo cách ta nghĩ là tốt nhất vì trước kẻ điên, ta không có nghĩa vụ phải biện bác cho những việc làm của mình.

Ông ta định đi, nhưng Horemheb đã tóm lấy cánh tay và gáy ông ta, dễ dàng giữ ông ta lại, mặc dù ông ta là một người đàn ông to khỏe. Horemheb nói:

- Eje, ngài là quốc vương của ông, ông phải tuân lệnh, Eje ạ! Chớ có phản lại ngài, vì nếu ông làm vậy chắc chắn tôi sẽ đến và đâm dao lút bụng ông, dù tôi phải dùng tiền của mình chiêu mộ quân lính cho mình để làm điều đó. Điều này tôi đã từng nói và tôi thường không nói dối. Đúng là ngài ấy quá điên và tôi không tin sự điên rồ này sẽ đem đến điều gì tốt đẹp, nhưng tôi vẫn yêu quý quốc vương cả trong sự điên rồ của ngài; tôi sẽ trung thành đứng bên ngài, bởi vì tôi đã tuyên thệ trước ngài và đã một lần lấy tấm choàng vai đắp cho ngài khi ngài ốm yếu. Cũng có chút khôn ngoan trong sự điên rồ ấy của ngài, vì nếu ngài chỉ lật đổ tất cả thần linh cũ, nội

chiến sẽ xảy ra, nhưng bằng cách giải phóng nô lệ ở các cối xay và trên các cánh đồng, ngài sẽ xáo trộn những hỗn loạn do giáo sĩ gây ra và kéo dân chúng về phía mình, mặc dù hậu quả của những việc này là hỗn loạn hơn trước. Với tôi, dĩ nhiên, mọi việc đều như nhau, nhưng chúng ta phải làm gì với quân Hittite, Pharaon Ekhnaton?

Pharaon Ekhnaton ngồi buông thõng tay trên đầu gối, không trả lời. Horemheb nói tiếp:

- Xin quốc vương hãy cấp cho hạ thần vàng và lương thảo, vũ khí, chiến xa và ngựa, quyền chiêu mộ binh lính và quyền chiêu tập lính canh từ tất cả các thành phố ở miền Hạ, thần tin rằng thần sẽ đẩy lùi cuộc tấn công của quân Hittite.

Lúc đó, Pharaon ngước đôi mắt đỏ hoe trên khuôn mặt đã tắt ngấm mọi cuồng tín mê say và nói nhỏ:

- Horemheb, ta cấm ngươi tuyên chiến. Nhưng nếu dân chúng muốn bảo vệ xứ đất đen, ta không thể ngăn cản. Ta không có lương ăn và vàng, nói chi đến vũ khí để cấp cho ngươi; mà nếu có, ta cũng không cấp, vì ta không muốn lấy cái ác chống lại cái ác. Ngươi có thể cho quân phòng thủ ở Tanis theo cách ngươi muốn, nhưng đừng để máu chảy, đầu rơi và chỉ tự vệ nếu ngươi bị tấn công.

- Được, sẽ như ý ngài. - Horemheb nói. - Đều là rác rưởi cả. Tôi sẽ chết ở Tanis theo lệnh ngài, vì ngay cả đội quân dũng cảm nhất và thiện chiến nhất cũng không thể phòng thủ được lâu nếu không có lương thảo và vàng. Nhưng tôi bỏ qua mọi do dự, thưa Pharaon Ekhnaton, và tôi sẽ phòng thủ theo cách của mình. Xin ngài bảo trọng!

Anh ta bỏ đi và Eje cũng rời đi, chỉ còn tôi ở lại với Pharaon Ekhnaton. Ngài nhìn tôi với đôi mắt mệt mỏi khôn tả và nói:

- Nói xong ta kiệt sức, Sinuhe ạ, nhưng ta vẫn thấy hạnh phúc dù mệt mỏi. Ngươi định làm gì, Sinuhe?

Những lời Pharaon nói khiến tôi hoảng sợ, nên tôi kinh ngạc nhìn ngài. Ngài mệt mỏi cười và hỏi:

- Ngươi có yêu quý ta không, Sinuhe?

Khi tôi thừa nhận rằng tôi yêu quý ngài, bất kể ngài điên khùng đến độ nào, Pharaon nói:

- Sinuhe, nếu yêu quý ta, ngươi biết rất rõ ngươi phải làm gì. Lý trí tôi phản đối ý định của ngài, dù trong thâm tâm tôi biết rõ ngài muốn tôi làm gì. Cuối cùng, tôi cáu kỉnh nói:

- Thần nghĩ ngài cần thần như cần một ngự y, còn nếu không, thần sẽ ra đi. Nhưng thần là một kẻ đập phá tượng tồi, cánh tay thần quá yếu để cầm búa, song hãy để ý muốn của ngài thành hiện thực. Dân chúng chắc chắn sẽ xé toạc da thần, lấy đá đập nát óc thần và treo ngược xác thần lên tường, nhưng điều đó sẽ khó làm ngài cảm động. Vì vậy, thần sẽ đi Thebes vì ở đó có rất nhiều đền và mọi người biết thần.

Pharaon không trả lời tôi thêm bất cứ điều gì và tôi tức giận bỏ đi, vì theo tôi những điều này quả là điên rồ nhất. Ngài ngồi lại một mình trên ngai vàng, còn tôi đến gặp Thotmes vì tôi cần trút bỏ nỗi lòng với một người bạn. Horemheb ngồi trong xưởng của Thotmes và một họa sĩ già nát rượu tên là Bek đang uống rượu cùng với họ, còn những người hầu của Thotmes đang gói buộc đồ đạc để chuẩn bị cho chuyến đi của anh ấy.

- Nhân danh Aton, - Thotmes nói, nâng cao cốc vàng của mình. - Không còn người giàu sang hay kẻ thấp hèn, nô lệ hay ông chủ, và tôi, người có đôi bàn tay thổi hồn cho đá, sẽ đi phá bỏ những bức tượng thần xấu xí. Vì vậy, chúng ta hãy uống cùng nhau, hỡi các bạn thân mến, vì tôi nghĩ rằng cuộc sống của chúng ta chỉ còn dăm ba ngày nữa thôi.

Chúng tôi cùng uống và Bek bảo:

- Ngài đã nâng tôi từ bùn đen lên ngang hàng mình và nói tôi là bạn ngài, mỗi khi tôi bán hết cả áo quần để có tiền uống, ngài lại cho tôi quần áo mới, lẽ nào tôi không làm việc này để ngài vui lòng. Tôi chỉ mong cái chết không đau đớn lắm, vì ở làng tôi, những người nông dân đều ác độc và có thói quen đáng buồn là khi tức giận vung liềm lên, dùng nó rạch bụng những kẻ không ưa họ.

Horemheb nói:

- Tôi thật tình không ghen tị với các ông, dù tôi có thể cam đoan rằng quân Hittite có nhiều cách giết người ghê tởm hơn nhiều. Dù sao tôi cũng sẽ tuyên chiến với quân Hittite và đẩy lùi chúng, vì tôi rất tin vào vận may của mình. Một lần trong hoang mạc ở Sinai, tôi đã thấy một bụi cây cháy mà không tàn đi và từ đó tôi biết mình sinh ra để làm những việc lớn. Tuy nhiên, làm việc lớn

mà tay không thì thật khó, nhưng quân lính của tôi có lẽ sẽ khiến quân Hittite kinh hồn bằng cách ném cứt vào chúng.

Tôi chêm vào:

- Nhân danh Seth và tất cả ác quỷ, hãy nói cho tôi biết tại sao chúng ta yêu quý và nghe lời ngài, mặc dù chúng ta biết ngài điên và những lời ngài nói là điên rồ. Hãy giải thích điều này cho tôi, nếu các anh biết.

- Ông ấy chẳng ảnh hưởng gì đến tôi, - Bek nói. - Nhưng tôi là một gã già nát rượu và cái chết của tôi không gây hại cho bất cứ ai, vì thế tôi làm ông ấy hài lòng và trả giá bằng tất cả những năm tháng say xỉn mà tôi đã trải qua bên cạnh ông ấy.

- Tôi không hề yêu quý ông ta, mà đúng ra là ghét, - Thotmes gay gắt nói. - Chính vì thế tôi đi và làm theo các mệnh lệnh của ông ta, vì tôi căm thù ông ta và muốn ông ta biến thật nhanh. Quả thực, tôi quá ngán ngẩm với tất cả và tôi hy vọng cái chết sẽ đến thật nhanh.

Nhưng Horemheb lại nói:

- Các cậu nói dối, mấy con lợn kia. Hãy thừa nhận đi, rằng khi ngài nhìn vào mắt các cậu, cột sống bẩn thỉu của các cậu bắt đầu run lên và các cậu muốn mình lại là trẻ thơ, chơi đùa với những chú cừu non trên cánh đồng. Tôi là người duy nhất mà ánh mắt ngài không tác động đến, nhưng số phận của tôi gắn liền với số phận ngài theo cách khác và tôi phải thừa nhận rằng tôi yêu ngài, mặc dù ngài hành xử như một mụ đàn bà ẩm ương và có giọng nói chói tai.

Như thế, chúng tôi vừa nói chuyện vừa cùng nhau uống rượu, ngắm nhìn những con thuyền căng buồm xuôi, ngược sông và rất nhiều người rời bỏ Akhetaton. Nhiều người quyền quý, giàu sang bỏ chạy với những đồ đạc quý nhất của họ, nhưng cũng nhiều người đi phá tượng các vị thần Ai Cập theo lệnh của Pharaon, vừa đi vừa hát thánh ca ca tụng Aton. Tôi nghĩ họ sẽ không hát được lâu nữa mà bài ca sẽ nghẹn lại trong cổ họng khi họ đối mặt với những người dân đang giận dữ trong các đền thờ. Chúng tôi uống rượu cả ngày, nhưng rượu không làm chúng tôi vui vì tương lai như một cái hố đen ngòm trước mặt và câu chuyện của chúng tôi càng lúc càng đượm vị đắng cay.

Hôm sau, Horemheb lên thuyền trở lại Memphis và từ đó đến Tanis. Trước khi anh ấy đi, tôi hứa sẽ cho anh ấy vay thật nhiều

vàng mà tôi có thể lấy được từ Thebes và sẽ gửi cho anh một nửa số lúa mạch mà tôi có, nửa còn lại tôi định để dùng cho mục đích riêng của mình. Có lẽ đây đúng là sai lầm do sự yếu đuối của tôi gây ra và nó quyết định cuộc đời tôi: Tôi đã phân ra hai nửa, một cho Ekhnaton và một cho Horemheb, mà không đưa cho riêng ai tất cả.

3

Thotmes và tôi đi Thebes. Còn cách Thebes rất xa, chúng tôi đã thấy những cái xác lập lờ trôi về phía mình. Những cái xác trương phồng, nổi lềnh bềnh, trôi xuôi và chúng tôi thấy trong số đó có những cái đầu cạo trọc của giới giáo sĩ, những thi thể quý tộc và bình dân, lính canh và nô lệ; từ tóc tai, quần áo và nước da, có thể phân biệt được những cái xác này đã từng là ai trong cuộc đời cho đến khi chúng đen sậm lại và phân hủy hay bị cá sấu nuốt trọn. Cá sấu không cần phải bơi ngược sông lên Thebes để ăn được thịt người, mà khắp các thị trấn và làng mạc ven sông, nhiều người chết trong những ngày này, xác bị ném xuống sông khiến bầy cá sấu trở nên kén chọn khi lựa tìm thức ăn. Cá sấu là một loài cá khôn ngoan, thích ăn thịt mềm của đàn bà, trẻ em và xác béo mẫm của những người quyền quý hơn là thịt dai nhằng của nô lệ và phu khuân vác. Nếu cá sấu có trí khôn, điều này là chắc chắn, tôi nghĩ chúng đã ca tụng Aton rất nhiều trong những ngày này.

Cả dòng sông dậy mùi chết chóc và gió thổi mùi khói khen khét từ Thebes xộc vào mũi chúng tôi trong màn đêm. Thotmes nhạo báng nói:

- Có vẻ như vương quốc Aton đã thực sự đến trên mặt đất rồi.

Nhưng trái tim yếu đuối của tôi đã trơ lỳ ra và tôi nói:

- Thotmes, điều thế này trước đây chưa từng xảy ra và thế giới sẽ không bao giờ có được cơ hội như thế này nữa, nướng bánh mà không xay hạt. Hiện giờ cối xay của Aton đang nghiền ngũ cốc, chúng ta hãy lấy bột nướng bánh vì Pharaon Ekhnaton, bởi chắc chắn thế giới đang thay đổi và cuối cùng trước Aton tất cả mọi người đều là anh em.

Nhưng Thotmes uống rượu để xua mùi tử thần ra khỏi mũi và nói:

- Tha lỗi cho tôi nếu tôi lấy rượu để kìm nén sự yếu đuối của mình, vì thành thật mà nói tôi đang rất sợ và đầu gối tôi như nhũn thành nước khi nghĩ rồi đây chúng ta sẽ phải chứng kiến những gì. Vì thế trong những lúc như thế này, đơn giản nhất là uống đến say mèm, vì khi say con người ta không nghĩ quá nhiều về cả sự sống lẫn cái chết và trong mắt anh ta, con người và thần linh trở nên bình đẳng như nhau.

Khi chúng tôi đến Thebes, nhiều nơi trong thành phố đang cháy, nhiều ngọn lửa cũng bốc lên từ thành phố chết khi dân chúng đào mộ và đốt thi thể đã ướp của các giáo sĩ. Từ trên tường thành, người ta bắn tên vào thuyền chúng tôi mà không ai thèm hỏi chúng tôi đang tìm gì, và khi cập bờ, chúng tôi thấy những người cuồng tín phe thánh giá đang đẩy những người theo phe sừng xuống nước và dùng cọc đâm, chọc cho đến khi họ sặc nước chết. Vậy nên chúng tôi đoán các vị thần cũ đã bị lật đổ và Aton đã chiến thắng.

Chúng tôi đến quán Đuôi Cá Sấu và gặp Kaptah ở đó. Ông ấy đã cởi quần áo đắt tiền, bôi bùn lên tóc và mặc lên người bộ đồ xám tồi tàn. Ông ấy cũng đã tháo miếng vàng che con mắt mù và sốt sắng cho những kẻ nô lệ rách rưới và phu khuân vác có vũ khí nốc rượu thoải mái rồi nói với họ:

- Hỡi những người anh em, hãy vui chơi và ăn mừng, vì hôm nay là ngày hội lớn, không còn ông chủ hay nô lệ, người quyền quý hay kẻ thấp hèn, mà tất cả mọi người đều được tự do đi và đến. Do đó, hôm nay hãy uống rượu tôi khoản đãi và tôi hy vọng anh em sẽ nhớ đến quán của tôi khi vận may mỉm cười với anh em, mỗi khi vớ được bạc hoặc vàng trong các đền thờ thần giả hay từ nhà của những tên chủ độc ác. Bởi tôi cũng là nô lệ như anh em, sinh ra là kiếp nô lệ và lớn lên cũng là nô lệ; một mắt của tôi, bị lão chủ độc ác dùng bút gỗ chọc mù, là bằng chứng cho điều đó; lão ta tức giận vì tôi đã uống cạn một hũ bia của lão và đổ đầy nước vào đó. Những bất công như vậy sẽ không bao giờ xảy ra nữa, sẽ không ai phải nếm gậy chỉ vì là nô lệ, cũng không ai phải làm việc tay chân chỉ vì là nô lệ, mà tất cả đều được vui chơi và hưởng thụ, chạy nhảy và giải trí, bao lâu tùy thích.

Huyên thiên xong những điều này, ông ấy mới nhận ra tôi với Thotmes và hơi xấu hổ về lời nói của mình, ông vội vã dẫn chúng tôi vào một phòng kín và nói:

- Tốt nhất là các ông khoác những bộ quần áo rẻ tiền hơn lên người và lấy bùn bôi bẩn tay và mặt mình, vì nô lệ và cửu vạn

đang đi trên khắp các đường phố ngợi ca Aton, nhân danh Aton dùng gậy đánh tất cả những người mà họ cho là quá béo và không lao động chân tay. Nhưng họ đã tha thứ cho sự phì nộn của tôi, bởi trước đây tôi đã từng là nô lệ và đã phát lúa mạch cho họ, giờ lại cho họ uống rượu không phải trả tiền. Nhưng hãy cho tôi biết điều xui xẻo nào đưa các ông đến Thebes vào đúng lúc này, vì Thebes là một thành phố đáng sợ với giới quyền quý trong những ngày này.

Chúng tôi cho ông ấy xem rìu và búa tạ của chúng tôi và nói chúng tôi đến phá bỏ tượng của các thần giả và đục xóa tên thần khỏi tất cả các dòng chữ khắc chạm. Kaptah gật đầu tỏ vẻ khôn ngoan và nói:

- Kế hoạch của các ông nghe có lẽ khôn đấy và được lòng dân chúng, miễn là các ông cẩn thận để người dân không biết các ông là ai, vì nhiều thay đổi có thể xảy ra và lũ sừng sẽ trả thù các ông nếu chúng giành lại quyền lực. Tôi không tin cuộc sống này có thể kéo dài, vì người nô lệ lấy ngũ cốc từ đâu để sống và trong khi nổi loạn, họ đã làm những việc khiến nhiều người trước kia theo phe thánh giá phải do dự và chuyển sang phe sừng để lập lại trật tự. Tuy nhiên, sắc lệnh giải phóng nô lệ của Pharaon Ekhnaton là rất sáng suốt và có tầm nhìn xa, vì như thế tôi có thể đuổi tất cả nô lệ không biết việc và già nua của tôi đi để khỏi tốn lương ăn và dầu rán đắt đỏ. Tôi không còn phải nuôi và lo chỗ ở cho nô lệ với phí tổn cao nhất, mà chỉ cần thuê họ làm việc bất cứ khi nào tôi muốn, trả công cho họ theo ý mình và đuổi họ đi khi không cần nữa. Vì tất cả những điều này, tôi hết lời ca ngợi Pharaon Ekhnaton về sự thông thái của ngài và tôi nghĩ những người khác cũng sẽ ngợi ca ngài một khi đã chịu khó ngẫm nghĩ về vấn đề và hiểu ra quyền lợi của mình.

Tôi nói với ông ấy:

- Kaptah, về ngũ cốc, hãy nhớ là ta đã hứa dành cho Horemheb một nửa lúa mạch của chúng ta để anh ta có thể tuyên chiến với quân Hittite và ngươi phải nhanh chóng cho thuyền chở số này đến Tanis. Nửa còn lại, ngươi cho xay thành bột, làm bánh và phát cho những ai đang đói khát trong tất cả các thị trấn và làng mạc mà ngươi trữ ngũ cốc của chúng ta. Khi phát bánh cho dân chúng, tôi tớ của ngươi không được nhận tiền mà phải nói: “Đây là bánh của Aton, hãy nhận lấy và nhân danh Aton cầu nguyện cho Pharaon Ekhnaton và thần của ngài”.

Nghe thế, Kaptah giật xé quần áo của mình, vì đó chỉ là quần áo của nô lệ và xé nó không thiệt hại gì lớn, rồi ông ấy lấy tay giật tóc

khiến bùn khô bay mù và kêu van thảm thiết:

- Việc đó sẽ khiến ông trở nên nghèo khổ, thưa ông chủ, và sau này tôi sẽ kiếm tiền từ đâu được. Sự điên rồ của Pharaon đã nhiễm sang ông và ông đang đi giật lùi bằng đầu mình. Ôi, tội nghiệp thân tôi khi buộc phải thấy cả cái ngày mà đến cả bọ hung cũng không thể giúp chúng ta nữa, vì sẽ không ai cầu phúc cho ông về việc phát chẩn bánh và gã Horemheb đáng nguyền rủa đó sẽ rất trơ tráo đáp lại những cái thư đòi nợ của tôi và bảo tôi đích thân đến chỗ hắn nhận lại số vàng mà tôi đã cho hắn vay nhân danh ông. Hắn ta còn tệ hơn một tên cướp, gã Horemheb bạn của ông ấy, vì kẻ cướp sẽ chỉ lấy những gì hắn muốn lấy, còn Horemheb hứa sẽ trả lãi cho những gì gã lấy, làm các chủ nợ điên lên bằng hy vọng viển vông để rồi họ vỡ mật vì tức giận. Nhưng ông chủ ơi, từ ánh mắt của ông, tôi thấy ông không đùa và vì vậy lời kêu ca của tôi chẳng ích gì, mà tôi phải làm theo ý ông, mặc dù điều đó sẽ làm ông nghèo đi.

Chúng tôi bỏ Kaptah lại cho ông ấy gạ gẫm nô lệ và cò kè mặc cả các đồ vật quý giá mà cửu vạn trộm được từ đền ở phòng phía sau quán. Tất cả những ai thật thà, lương thiện đều đóng chặt cửa, ở lại trong nhà; đường phố vắng tanh, một vài ngôi đền mà các giáo sĩ ẩn trốn đã bị đốt và đang cháy. Chúng tôi vào những ngôi đền đã bị cướp phá để đục xóa tên các vị thần khỏi những dòng chữ khắc và gặp những người trung thành khác của Pharaon cũng đang làm việc đó. Chúng tôi quai mạnh búa tạ và đập búa tay, hăng đến nỗi lửa bắn ra từ đá. Bằng cách này, chúng tôi cố thuyết phục bản thân rằng mình đang làm một việc quan trọng, rằng những nhát búa sẽ giúp chúng tôi mở ra một kỷ nguyên mới cho Ai Cập, nên chúng tôi đập búa không ngừng, cổ tay tê cứng, lòng bàn tay bong rát. Chúng tôi làm công việc đó hết ngày này sang ngày khác không kịp nghỉ, không cả ăn, không cả ngủ vì nơi cần đập phá nhiều vô kể và đôi khi những người ngoan đạo bị các giáo sĩ xúi giục xông đến quấy nhiễu công việc của chúng tôi, ném đá vào chúng tôi, lấy gậy đe dọa chúng tôi, nhưng chúng tôi đã vung búa đuổi họ đi và trong cơn cuồng nhiệt, Thotmes đã dùng búa bổ đôi đầu một tư tế già nhất quyết bảo vệ thần của ông ta. Vì sự cuồng si mỗi ngày một dâng cao, chúng tôi cắm cúi làm để có thể nhắm mắt trước tất cả mọi việc đang diễn ra xung quanh mình.

Dân chúng bị đói khát, thiếu thốn và các nô lệ và cửu vạn, sau thời gian mừng vui cho tự do của mình, đóng những cây gậy xanh, gậy đỏ ở bến cảng và lập những đội quân tự vệ riêng, đi cướp nhà của phe sừng và những người giàu có để lấy lương thực, dầu ăn và những đồ đạc quý của những người này phát cho dân chúng mà

lính canh của Pharaon không thể ngăn cản. Thật ra, Kaptah có thuê người xay đại mạch và nướng bánh, nhưng người dân đã giật ngay bánh từ những đầy tớ này và nói: "Bánh này là bánh cướp của người nghèo, vì thế phát cho người nghèo là đúng". Không ai cầu phúc cho tôi vì tôi đã sai phát đại mạch cho họ mà vì việc này tôi đã làm mình khánh kiệt chỉ trong một tuần trăng.

Bốn mươi ngày, bốn mươi đêm đã trôi qua như thế, sự hỗn loạn ngày càng gia tăng ở Thebes, những người trước đây chỉ ngồi cân vàng giờ đứng ăn xin ở các góc phố, còn những người vợ của họ bán khuyên vòng, trang sức cho đám nô lệ để có thể mua bánh mì cho con cái họ. Rồi một đêm Kaptah đến nhà tôi và nói:

- Ông chủ ơi, đã đến lúc ông phải trốn đi vì vương quốc Aton sắp sụp đổ hoàn toàn rồi và tôi nghĩ không người lương thiện nào sẽ tiếc nuối khi điều đó xảy ra. Luật pháp và trật tự sẽ được lập lại nhưng trước tiên người ta sẽ cho cá sấu ăn và cho ăn nhiều hơn bao giờ hết, vì các giáo sĩ muốn tẩy sạch dòng máu ác quỷ khỏi Ai Cập.

- Sao ngươi biết? - Tôi hỏi ông ấy.

Ông ấy thản nhiên đáp:

- Chẳng phải tôi luôn là một người theo phái sừng trung thành và đã bí mật cầu nguyện cho Amon đó sao? Tôi cũng đã cho các giáo sĩ vay nhiều vàng, vì họ sẽ trả lãi một phần tư, có khi đến một nửa và cầm đất của Amon lấy vàng. Eje đã thỏa hiệp với các giáo sĩ để cứu mạng sống của mình và các giáo sĩ đã lôi kéo được nửa số vệ binh đứng về phía họ. Tất cả những người giàu có và giới quý tộc của Ai Cập cũng đã quy tụ dưới bóng Amon, các giáo sĩ đã cho gọi người da đen từ xứ Kush đến, chiêu mộ lính Shardana đến nay vẫn đang cướp bóc các làng quê về đánh thuê cho họ. Thật vậy, ông chủ Sinuhe ơi, không lâu nữa đâu, cối xay sẽ bắt đầu quay và đại mạch sẽ được xay, nhưng bánh nướng từ bột đại mạch ấy là công của Amon, vì tôi đã quá vất vả với sự hỗn loạn này mặc dù nó đã khiến tôi trở nên rất giàu có.

Tôi vô cùng sửng sốt trước những lời ông ấy nói và hét lên:

- Pharaon Ekhnaton sẽ không bao giờ chuẩn thuận việc ấy.

Nhưng Kaptah vừa cười ranh mãnh vừa chà ngón trỏ lên con mắt mù và nói:

- Họ không còn xin phép Pharaon nữa. Thành phố Akhetaton đã

bị nguyền rủa và bất cứ ai còn ở lại đó đều chết dần chết mòn. Khi giành được quyền lực về tay mình, họ sẽ chặn tất cả các con đường dẫn đến đó; họ cũng chặn cả sông, khiến bất cứ ai ở lại đó đều sẽ chết đói. Ông thấy đấy, họ sẽ buộc Pharaon trở lại Thebes và cúi đầu thờ phụng Amon.

Lúc ấy mọi suy nghĩ của tôi sáng rõ hơn và tôi thấy trước mắt mình khuôn mặt của Pharaon Ekhnaton với đôi mắt phản chiếu nỗi thất vọng còn đau đớn hơn cả cái chết. Vì thế tôi nói:

- Kaptah, điều nhục nhã này không bao giờ được xảy ra. Ta và ngươi đã cùng nhau đi qua nhiều con đường, vì vậy, Kaptah, chúng ta hãy cùng nhau đi hết con đường này. Mặc dù ta đã nghèo đi vì phân phát hết lúa mạch của mình, nhưng ngươi vẫn còn giàu. Vì thế hãy mua vũ khí, giáo và cung tên, càng nhiều càng tốt; hãy lấy vàng của mình mua lính canh về phe mình và ngươi phải phát vũ khí cho nô lệ và phu khuân vác nơi bến cảng, thuê các đội lính canh bảo vệ họ và Pharaon. Kaptah, ta không biết những chuyện này rồi sẽ ra sao, nhưng thế giới chưa bao giờ có được một cơ hội thế này để tất cả trở nên mới mẻ so với trước. Khi đất đai được phân chia, của cải của những người giàu có được phân phát cho dân nghèo, vườn cây của họ trở thành sân chơi cho con cháu nô lệ thì chắc chắn thiên hạ sẽ bình yên, của ai nấy giữ, ai nấy làm việc theo ý mình và mọi việc sẽ tốt đẹp hơn trước.

Nhưng Kaptah bắt đầu run bần bật và nói:

- Ông chủ của tôi ơi, tôi hoàn toàn không muốn lại bắt đầu làm việc tay chân khi về già. Họ đã bắt các quý tộc quay cối xay đá, lấy gậy đánh họ, bắt vợ và con gái các nhà quyền quý và người giàu sang phục vụ kẻ nô lệ và cửu vạn trong các tửu điếm, những việc làm hoàn toàn không tốt mà chỉ thấy tồi tệ. Sinuhe, ông chủ ơi, đừng bắt tôi theo con đường đó, vì khi nghĩ về nó, tôi nhớ đến ngôi nhà tối tăm mà tôi đã một lần theo ông đi vào, mặc dù tôi đã thề với ông là sẽ không bao giờ nói với ông về nó nữa, nhưng bây giờ tôi nói vì phải nói. Ông chủ ơi, ông lại quyết bước vào ngôi nhà tối tăm mà không biết điều gì chờ mình ở đó, có thể khi vào đó ông sẽ lại thấy một quái vật đang thối rữa và một cái chết bốc mùi tanh nồng, tởm lợm đang đợi mình. Bởi vì từ tất cả những gì đã và đang xảy ra, tôi thấy thần này của Pharaon Ekhnaton cũng khủng khiếp như thần đảo Crete. Không, thưa ông chủ, một lần nữa tôi sẽ không theo ông đến nhà của Minotauros.

Ông ấy không khóc lóc, van xin như ngày trước mà nói với tôi nghiêm nghị và bắt tôi thề sẽ từ bỏ ý định của mình. Cuối cùng

ông nói:

- Nếu ông không nghĩ đến bản thân và tôi thì ít nhất hãy nghĩ đến Merit và bé Thoth, những người yêu quý ông. Hãy đưa họ ra khỏi đây và giấu họ ở một nơi an toàn vì khi Amon bắt đầu xay ngũ cốc, tính mạng của họ ở đây sẽ không còn an toàn nữa.

Nhưng sự cuồng tín đã làm tôi mù quáng và tôi nghĩ những lời cảnh báo của ông ấy là điên rồ nên tôi ngạo mạn nói với ông ấy:

- Ai lại bức hại một phụ nữ và một thằng bé kia chứ? Trong nhà ta họ sẽ được an toàn, vì Aton sẽ thắng và Aton phải thắng. Nếu không, cuộc đời không còn đáng sống nữa. Dân chúng có trí khôn của mình và biết Pharaon chỉ muốn tốt cho mình. Làm sao dân chúng lại muốn quay trở lại vương quốc của bóng tối và sống trong sợ hãi. Ngôi nhà tối mà ngươi nói đến chính là nhà của Amon chứ không phải là nhà của Aton. Một vài vệ binh bị mua chuộc và một vài kẻ quyền quý hèn nhát chắc chắn sẽ không thể lật đổ Aton khi ngài có phía sau mình tất cả dân chúng.

Kaptah nói:

- Tôi đã nói điều cần nói và sẽ không nhắc lại nữa. Nhưng tôi đang điên tiết muốn kể cho ông một bí mật nho nhỏ, nhưng vì bí mật đó không phải của tôi nên tôi không thể kể và có lẽ điều đó cũng không tác động đến ông khi ông đang trong cơn cuồng dại của mình. Vì vậy, đừng buộc tội tôi, thưa ông chủ, nếu sau này ông quỳ sụp và chà xát mặt mình vào đá trong tuyệt vọng. Đừng buộc tội tôi nếu quái vật nuốt chửng ông. Còn tôi thì đâu quan trọng gì, vì tôi vốn chỉ là một nô lệ và tôi không có con cái để chúng khóc than trước cái chết của tôi. Vì vậy, tôi sẽ đi theo ông, thưa ông chủ, trên con đường cuối cùng này, mặc dù tôi biết việc ta làm là vô ích. Vậy chúng ta hãy cùng nhau bước vào ngôi nhà tối, thưa ông chủ, như một lần trước đây, và tôi sẽ đi theo ông, nhưng nếu ông cho phép, tôi sẽ lại mang theo một vò rượu.

Từ hôm đó trở đi, Kaptah bắt đầu uống và uống từ sáng đến tối, từ tối đến sáng, nhưng khi say ông ta vâng lệnh tôi và sai người hầu của mình phát vũ khí ở bến cảng theo những nhóm gậy xanh, đỏ và bí mật cho gọi các cai đội cảnh binh đến Đuôi Cá Sấu và mua chuộc họ gia nhập phe người nghèo chống người giàu. Mà khi uống khó phân biệt được Kaptah với những người khác, vì họ cũng uống không ngừng nghỉ, Thotmes uống, nô lệ uống chiến lợi phẩm cướp được, người giàu bán đồ trang sức cuối cùng cũng để mua rượu và tất cả đều nói: “Hãy ăn và uống đi, bởi ai biết ngày

mai chuyện gì sẽ đến".

Một hôm, nhà thơ nọ của Thebes, từng uống nợ Kaptah rất nhiều khiến Kaptah buộc phải liên tục cho ông ta uống để thỉnh thoảng lấy lại tiền, đến quán Đuôi Cá Sấu. Ông ta bước vào quán, mắt sáng ngời, tay vò tóc và nói:

- Tôi vừa nghĩ ra một điều rất tuyệt, điều lớn lao nhất và quan trọng nhất trong những gì từng được nghĩ ra, huyền diệu hơn tất cả suy nghĩ và linh ảnh của Pharaon. Mọi thứ xảy ra xung quanh chúng ta đều xấu xa và sai trái, điều trái đạo lý lại chiến thắng công lý, sự nhẫn tâm đè bẹp lòng hào hiệp và tính hiểm độc thắng sự ngây thơ. Nhưng điều này không đáng buồn, bởi tất cả chỉ là một giấc mơ và khi chúng ta tỉnh giấc sau cái chết, giấc mơ biến mất và không làm phiền chúng ta nữa. Tôi sẽ không nói gì nếu những giấc mơ của chúng ta vẫn đẹp như trước đây, nhưng bây giờ những điều chúng ta mơ đều khủng khiếp, những hung mộng mà ta thà thức dậy còn hơn. Vì vậy, tôi nói: Không có Thebes, không có dòng sông, không có Ai Cập, không có cánh đồng, không có thành phố, không có người giàu, không có kẻ nghèo, không có ông chủ hay nô lệ, mà tất cả chỉ là một giấc mơ buồn tẻ và cả Pharaon cùng ảo ảnh của ngài cũng chỉ là một giấc mơ của tôi. Nhưng bây giờ tôi ngán những giấc mơ của tôi lắm rồi vì chúng còn tệ hại hơn dư vị chua lòm, đắng ngắt khi giã rượu sau nhiều ngày uống. Vì thế tôi muốn thúc mình thức dậy và khi tôi thức dậy sẽ không còn Ai Cập hay Pharaon.

Nói xong, ông ta lấy con dao đá cứng mà ông thường cạo râu đâm toạc cổ họng mình, bất ngờ đến mức không ai kịp cản; máu của ông dính vào ghế và thảm, khiến Kaptah bị thiệt hại nặng vì cái chết của ông ta.

Nhưng những lời ông ta nói đã lan truyền khắp Thebes, khiến nhiều người vốn hiền lành và điềm đạm quá mệt mỏi với sự điên loạn của thời cuộc đã nói với nhau: "Cuộc đời chúng ta chỉ là một giấc mơ tồi tệ và cái chết là sự thức tỉnh ngọt ngào. Vì vậy, chúng ta hãy bình tâm bước từ hành lang tối tăm của cuộc sống ra nơi bình minh của tử thần". Thế là nhiều người đã tự sát và một số cũng giết cả vợ con mình để họ không phải chứng kiến và hứng chịu tất cả sự tàn ác xảy ra ở Thebes chỉ vì Aton.

Nạn đói và sự hỗn loạn hoành hành Thebes vào những ngày này, khi vương quốc Aton đến mặt đất và cơn mê sảng chiếm lĩnh tâm trí con người, khiến họ không uống rượu mà vẫn ngất ngưởng. Ai ủng hộ thánh giá, ai không, cũng thế cả, chỉ duy nhất một điều

còn có nghĩa, đó là vũ khí và nắm đấm chắc nịch với tiếng hô to, vì ai có sức hét to nhất, lời của người đó sẽ được lắng nghe. Nếu trên phố ai đó nhìn thấy bánh mì trong tay người khác, anh ta liền giật lấy và nói: "Hãy đưa tôi bánh mì của anh vì chẳng phải trước Aton chúng ta là anh em hay sao và thật không phải khi tôi đói mà anh tọng bánh đến ních bụng". Nếu ai đó thấy người đi lại phía mình mặc đồ vải lanh mịn, anh ta sẽ nói: "Hãy cho tôi quần áo của anh, vì nhân danh Aton chúng ta là anh em và thật không phải là anh em khi kẻ mặc đẹp người mặc xấu".

Nếu thấy một mẩu sừng trên cổ áo hoặc trong áo quần ai đó, họ sẽ bắt anh ta quay cối đá, đào rễ cây hoặc phá dỡ những căn nhà bị cháy, nhưng cũng có người bị đâm chết và số khác bị ném xuống nước làm mồi cho cá sấu, vì cá sấu đến cầu thuyền Thebes mà không ai xua chúng đi, tiếng quai hàm táp mồi và tiếng đuôi đập nước của chúng hòa lẫn với tiếng người cãi lộn quanh đống gậy xanh và gậy đỏ.

Không còn trật tự, luật lệ nào nữa vì những kẻ hét to nhất đã gào lên: "Nhân danh Aton, chúng ta phải duy trì trật tự và kỷ luật, vì thế chúng ta hãy gom tất cả ngũ cốc và chia cho nhau; không được mạnh ai nấy lấy mà chỉ chúng ta, những người khỏe nhất, cùng nhau cướp, giật rồi phân chia thứ cướp được cho những người khác".

Rồi những kẻ to mồm nhất lập nhóm và lấy gậy đánh những kẻ tự ý giành giật, cướp bóc dữ tợn hơn bao giờ hết và giết bất cứ ai chống lại mình. Trong số họ có những kẻ bị cắt mũi và tai vì đã phạm những tội nhục nhã, những kẻ có vết cùm ở cổ chân và dấu gậy vụt trên lưng, nhưng họ rất tự hào về những vết này, phô bày sự nhục nhã đó cho dân chúng thấy và nói: "Chúng tôi đã phải chịu đựng những điều này vì Aton, lẽ nào chúng tôi lại không được đền bù?".

Không thể phân biệt được họ với những người phe sừng từng bị đày tới các hầm mỏ và với những người phe thánh giá vừa trở về chen lẫn trong dân chúng. Nhưng không ai động vào khu hoàng cung ở bên kia sông vì đó là nhà của Pharaon và Eje vẫn mang trượng và roi của Pharaon, bảo vệ các giáo sĩ của Amon ở đó.

Thế là hai lần ba mươi ngày đã trôi qua, vương quốc Aton trên mặt đất không tồn tại được lâu hơn thế mà tan rã vì các đội quân da đen được thuyền chở đến từ xứ Kush và lính Shardana mà Eje thuê đã bao vây thành phố, chặn tất cả các con đường và cửa sông nên không ai có thể chạy thoát. Quân sừng nổi dậy khắp thành

phố, các giáo sĩ lấy vũ khí từ trong hang sâu của Amon phát cho họ; ai không có vũ khí nung đầu gậy trong lửa, lấy thiếc bọc nùi bếp, dùi gỗ cán bột và lấy vòng khuyên đàn bà rèn làm đầu mũi tên. Phe sừng nổi dậy và cùng với họ là tất cả những ai mong muốn điều tốt lành cho Ai Cập, cả những người hiền lành, trầm tính, khoan dung và muốn bình yên cũng vùng dậy phản kháng: "Chúng tôi muốn trật tự cũ được thiết lập lại, vì chúng tôi đã ngán đến tận cổ thứ trật tự mới và Aton đã cướp của chúng tôi quá đủ rồi".

4

Nhưng tôi, Sinuhe, đã nói với dân chúng: - Có thể quá nhiều điều sai trái đã xảy ra trong những ngày này, có thể bất công đã chà đạp lên công lý và nhiều người vô tội đã phải chịu đựng oan khiên, nhưng Amon là thần của nỗi sợ hãi, của bóng tối và thống trị mọi người vì sự thiếu hiểu biết của họ. Aton là vị thần duy nhất vì ngài sống trong chúng ta và bên ngoài chúng ta, không có thần linh nào khác. Vì vậy, hãy chiến đấu cho Aton, tất cả nô lệ và kẻ nghèo hèn, cửu vạn và đầy tớ, vì các người không còn gì để mất và nếu Amon thắng, chắc chắn các người sẽ chịu ách nô lệ và chết. Hãy chiến đấu vì Pharaon Ekhnaton, bởi chưa bao giờ có ai như ngài được sinh ra trên mặt đất và thần linh đã nói qua miệng của ngài; chưa bao giờ có cơ hội như thế này để đổi thay thế giới, trước ngài đã không có và sau ngài cũng sẽ không có.

Nhưng đám nô lệ và cửu vạn cười tôi và nói:

- Sinuhe, đừng nói với chúng tôi những điều nhảm nhí về Aton, vì tất cả thần linh đều giống nhau và tất cả pharaon đều như nhau. Nhưng ông là một người tốt, Sinuhe, mặc dù ông rất cô đơn, ông đã băng bó cánh tay bị gãy, chữa lành đầu gối bị đâm của chúng tôi mà không đòi quà cáp. Vì vậy hãy buông cây chùy trong tay, đằng nào ông cũng không vung được nó vì ông không thể thành chiến binh và quân sừng sẽ giết ông nếu họ nhìn thấy nó trong tay ông, còn chúng tôi không muốn tai họa đến với ông. Với chúng tôi chết cũng không sao vì tay chúng tôi đã nhuốm máu và chúng tôi đã sống những ngày tốt đẹp, nằm dưới bóng râm của lọng che lấp lánh và uống rượu từ cốc vàng, mặc dù chúng tôi không còn biết tất cả những thứ đó có đáng hay không. Dù sao bữa tiệc của chúng tôi đang đến hồi kết và chúng tôi muốn chết với vũ khí trên tay,

bởi sau khi được tự do và có những ngày tốt đẹp, chúng tôi sẽ không vào tròng nô lệ lần nữa. Hãy chữa lành vết thương và xoa dịu cơn đau cho chúng tôi nếu ông muốn, nhưng đừng nắm chùy vung vẩy giữa chúng tôi, vì cảnh này làm chúng tôi tức cười ôm bụng, lăn lộn, giáo rơi khỏi tay, dễ dàng thành mồi cho người da đen, lính Shardana và lũ sừng của Amon.

Những lời họ nói khiến tôi thấy xấu hổ, vì vậy tôi đã quẳng cây chùy, về nhà lấy tráp đồ nghề thầy thuốc và đi đến Đuôi Cá Sấu để chữa vết thương cho họ. Cuộc chiến ở Thebes đã diễn ra ba ngày ba đêm, biết bao người đã đổi thánh giá thành sừng và gia nhập phe sừng, nhiều người hơn đã hạ vũ khí và trốn trong nhà, trong hầm rượu, kho chứa ngũ cốc và chui vào những sọt rỗng ở bến cảng. Nhưng nô lệ và phu khuân vác vẫn chiến đấu, những người dũng cảm nhất lại là những người ít nói nhất; sát cánh bên cạnh họ là những người đã bị cắt mũi, xẻo tai, vì họ biết đằng nào cũng bị nhận ra. Suốt ba ngày ba đêm liền, nô lệ và cửu vạn đốt các khu nhà và hỗn chiến trong đêm dưới ánh lửa; cả binh lính da đen và Shardana cũng đốt nhà, cướp phá và giết chết bất cứ ai chẳng may hiện ra trước họ, dù người đó là thánh giá hay sừng. Chỉ huy của họ và kẻ bao vây thành phố chính là Pepitaton, kẻ đã ra lệnh tàn sát dân chúng trên Đại lộ Nhân Sư và trước đền thờ Amon, nhưng bây giờ tên của lão ta lại là Pepitamon và Eje đã chọn lão vì lão là người có chức vị và học thức cao nhất trong các võ quan của Pharaon.

Nhưng tôi, Sinuhe, tôi băng vết thương cho các nô lệ và chữa những cái đầu bị đâm toạc của dân cửu vạn ở Đuôi Cá Sấu; Merit cắt tất cả quần áo của tôi và xống áo của nàng cũng như của Kaptah làm băng băng vết thương cho họ, còn bé Thoth mang rượu cho những người cần xoa dịu cơn đau. Những người bị thương đều trở lại trận chiến, nếu có thể, và vào ngày cuối cùng, cuộc chiến chỉ còn diễn ra trong bến cảng và khu phố nghèo; lính da đen và Shardana vốn quen với chiến trận chém dân như gặt lúa, đến nỗi máu chảy dọc theo các ngõ hẹp và máu từ bờ đá cầu thuyền chảy xuống sông. Chưa bao giờ ở xứ Kemet thần chết có một mùa bội thu như vào ngày đó, vì nếu một người phe thánh giá gục xuống và nằm dài không thể đứng lên, thì lính da đen và phe sừng dùng giáo đâm anh ta và nô lệ cũng như cửu vạn cũng làm vậy với người phe sừng. Nhưng tôi không biết nhiều về việc này, vì tôi băng bó vết thương ở Đuôi Cá Sấu và tôi làm tất cả những điều này vì Pharaon Ekhnaton, tôi nghĩ vậy mặc dù không chắc lắm, bởi vì con người ta thường không hiểu trái tim của chính mình.

Nhưng cửu vạn và nô lệ đã chọn trong số họ những người khỏe nhất, có tiếng hô to nhất làm người dẫn đầu và những người này đã tới Đuôi Cá Sấu giữa trận hỗn chiến để dùng rượu lấy lại sức. Họ đã say mùi máu và mê mẩn trận mạc, cười với tôi và vỗ bàn tay rắn chắc vào vai tôi, nói:

- Chúng tôi đã dành cho ông một cái sọt tốt ở cảng để ông có thể trốn, Sinuhe ạ, vì chắc chắn ông không muốn bị treo ngược trên tường cạnh chúng tôi vào tối nay. Chẳng phải đã đến lúc ông phải trốn đi sao, Sinuhe, vì những vết thương được băng sớm hay muộn cũng sẽ bị đâm toạc ra, vô ích lắm.

Nhưng tôi nói lại với họ:

- Tôi là danh y hoàng gia, không ai dám động vào tôi. Nghe thế, họ cười tôi nhiều hơn trước và uống thêm nhiều rượu rồi quay lại trận chiến.

Cuối cùng Kaptah đến bên tôi và nói:

- Nhà ông cháy rồi, ông Sinuhe ơi! Quân sừng đã lấy dao đâm Muti, vì bà ấy đã dùng chày giặt đe dọa chúng khi chúng đốt nhà ông. Đã đến lúc ông phải khoác lên người vải lanh mịn nhất và đeo, cài lên tất cả những biểu hiệu chứng tỏ địa vị của ông, may ra mới thoát được. Vì vậy, hãy bỏ những nô lệ và tên cướp bị thương này lại và theo tôi vào phòng sau, chúng ta phải thay quần áo để đàng hoàng theo địa vị của mình đón tiếp các thủ túc của giáo sĩ Eje. Tôi đã giấu khỏi bọn cướp một vài vò rượu để có thể làm dịu cơn giận dữ của các giáo sĩ lẫn các cai đội và tiếp tục nghề nghiệp lương thiện của mình.

Cả Merit cũng quàng tay qua cổ tôi và van xin tôi:

- Sinuhe, hãy cứu lấy mình, nếu không vì mình thì hãy vì em và bé Thoth.

Nhưng những đêm mất ngủ, nỗi thất vọng, chết chóc và âm thanh ầm ào của bạo loạn đã làm tôi cuồng điên lên, đến nỗi tôi không còn biết mình muốn gì mà chỉ nói:

- Ta làm gì với nhà của ta, ta làm gì với chính bản thân mình, ta làm gì đây với nàng và với bé Thoth. Máu đổ xuống là máu của anh em ta trước thần Aton và ta không muốn sống nữa nếu vương quốc Aton sụp đổ.

Nhưng tại sao tôi lại nói những lời điên rồ như vậy, tôi không biết;

ai đó khác trong tôi đã nói chứ không phải trái tim yếu đuối của tôi.

Tôi không biết liệu mình có kịp trốn thoát hay cứu được gì nữa không, vì chỉ lát sau lính da đen và Shardana đã phá cửa quán rượu xông vào, dẫn đầu là một giáo sĩ đầu cạo trọc, mặt bôi dầu thánh bóng nhẫy. Họ bắt đầu giết những người bị thương đầy máu me đang nằm trên sàn; tay giáo sĩ dùng sừng thánh chọc thủng mắt họ; lính da đen, người vẽ đầy sọc trắng, nhảy nhảy trên đầu họ khiến máu từ vết thương của họ phun ra. Tay giáo sĩ gào lên:

- Đây là ổ của Aton, hãy lấy lửa tẩy sạch nó đi.

Chúng đâm thủng đầu Thoth bé nhỏ và dùng giáo giết chết Merit đang cố sức ôm bé vào lòng để che chắn ngay trước mặt tôi mà tôi không thể bảo vệ họ. Tay giáo sĩ đã đập sừng vào đầu tôi, tiếng kêu của tôi tắc nghẹn trong cổ họng và tôi không còn biết những gì xảy ra sau đó.

Tôi tỉnh lại trong con hẻm trước Đuôi Cá Sấu và lúc đầu không biết mình đang ở đâu, chỉ nghĩ rằng tôi đã mơ hoặc đã chết. Tay giáo sĩ đã đi, toán lính đã hạ giáo xuống và uống rượu mà Kaptah mời, tay cai đội vung chiếc roi bện bạc xua chúng đi tiếp tục cuộc chiến và Đuôi Cá Sấu cháy rừng rực trước mặt tôi như bãi sậy khô ven bờ sông vì nó toàn bằng gỗ. Lúc đó tôi nhớ lại tất cả và gượng đứng dậy, nhưng sức tôi đã phản tôi. Không thể đứng dậy được, tôi bắt đầu bò đến cánh cửa đang cháy rồi trườn vào đống lửa để đến chỗ Merit và Thoth. Lửa khiến những sợi tóc thưa thớt sém quăn, quần áo tôi bén lửa, tay và đầu gối cũng cháy cho đến khi Kaptah gào khóc lao đến và kéo tôi ra khỏi đống lửa, rồi vần tôi trong cát để dập tắt lửa trên quần áo tôi. Nhìn tất cả cảnh tượng này, đám lính cười phá lên, đập tay xuống đầu gối và Kaptah nói với chúng:

- Chắc ông ấy hơi lẫn rồi vì giáo sĩ đập sừng vào đầu ông ấy, vì thế tay giáo sĩ sẽ bị trừng phạt. Ông ấy là ngự y hoàng gia, nên không ai được động vào; ông ấy cũng là giáo sĩ bậc nhất, dù phải mặc xuềnh xoàng rách rưới và che giấu các sắc hiệu danh giá của mình để tránh cơn phẫn uất của dân chúng.

Tôi ngồi trong cát bụi đường phố, hai bàn tay bỏng ôm đầu, nước mắt chảy ròng ròng từ đôi mắt cháy sém và gào khóc thảm thiết:

- Merit ơi, Merit ơi, ơi Merit của ta!

Nhưng Kaptah thúc tôi rất mạnh và lắp bắp:

- Im đi, lão điên. Bao tai họa ông gây ra cho tất cả chúng ta vẫn chưa đủ sao mà còn điên rồ thế?

Khi tôi vẫn không im, ông ấy ghé mặt sát gần tôi và đau đớn thì thầm:

- Liệu tất cả những việc này có đủ làm ông sáng mắt ra không, thưa ông chủ, vì bây giờ ông thực sự đã mất hết rồi, mất nhiều hơn là ông biết. Bởi vậy tôi bảo cho ông hay, mặc dù đã quá muộn, rằng Thoth là con trai ông, thằng bé là hạt giống của ông, nảy mầm khi lần đầu tiên ông ôm ấp Merit và ân ái với cô ấy. Tôi kể với ông điều này để ông tỉnh lại, vì cô ấy đã không muốn kể cho ông biết, bởi cô ấy bản lĩnh và cô đơn, còn ông bỏ cô ấy lại vì Pharaon và Akhetaton. Nó là giọt máu của ông, thằng Thoth bé nhỏ ấy, nếu ông không điên đến mất trí thì hẳn ông đã thấy mắt mình trong mắt thằng bé và nét môi khóe miệng của nó giống hệt ông. Tôi có thể từ bỏ mạng sống của mình, nếu tôi có thể cứu nó, nhưng vì sự điên rồ của ông mà tôi không thể cứu thằng bé, còn Merit không muốn bỏ ông đi. Vì sự điên rồ của ông mà cả hai đã chết nên tôi hy vọng bây giờ ông sẽ tỉnh lại, thưa ông chủ.

Điều Kaptah nói khiến tôi chết lặng và tôi chằm chằm nhìn ông ấy, hỏi:

- Có đúng thật thế không?

Nhưng khi nghĩ về mọi chuyện, tôi không cần câu trả lời của ông ấy để biết rằng đó là sự thật. Vì vậy tôi ngồi trong cát bụi đường phố, không khóc nổi và cũng không còn cảm thấy đau đớn, mà tất cả đông cứng và khép lại trong tôi, trái tim tôi cũng lạnh cứng và tôi không còn bận tâm đến những gì đã xảy ra với mình.

Đuôi Cá Sấu cháy trước mặt tôi, lửa bốc ngùn ngụt, cuồn cuộn phun khói và bồ hóng lên đầu tôi, thi thể nhỏ bé của Thoth và cơ thể xinh đẹp của Merit bốc cháy cùng với quán. Thi thể họ bị thiêu rụi cùng các nô lệ và cửu vạn và tôi thậm chí không thể giữ họ sống mãi muôn đời. Thoth là con trai tôi và nếu điều tôi nghĩ là đúng thì dòng máu thánh của các pharaon đã chảy trong huyết quản của nó như trong huyết quản của tôi. Nếu tôi biết điều đó có lẽ tất cả đã khác, bởi lẽ vì con trai mình, con người ta có thể làm những việc mà anh ta không bao giờ làm nếu chỉ vì bản thân mình. Nhưng giờ tất cả đã quá muộn và máu thánh của con tôi đã cháy cùng với máu của nô lệ và cửu vạn, con tôi không còn nữa và tôi biết có lẽ Merit đã giấu không cho tôi nhận con cũng vì bí mật khủng khiếp của tôi, chứ không chỉ vì niềm kiêu hãnh và sự cô

đơn của chính nàng. Do đó tôi ngồi trong cát bụi đường phố giữa khói than và đau đớn, những ngọn lửa từ thi thể họ nóng rát mặt tôi.

Sau lúc này, mọi việc với tôi đều rối loạn, mơ hồ nên tôi để mặc Kaptah ẩn tôi đến nơi ông ấy muốn và đi theo mà không cưỡng lại. Ông ấy đưa tôi đến chỗ Eje và Pepitamon đang ngồi xét xử trên những chiếc ghế vàng ở cầu thuyền bằng đá nơi bến cảng, vì cuộc hỗn chiến đã kết thúc, tuy lửa vẫn còn cháy trong khu phố nghèo, và lính cùng quân sừng dẫn tù nhân đến trước họ. Những ai bị bắt với vũ khí trên tay đều bị treo ngược trên tường; những ai bị phát hiện có đồ vật cướp được trong người bị ném xuống nước làm mồi cho cá sấu; những ai trên cổ áo hay quần áo có thánh giá của Aton bị đánh bằng gậy và bị bắt đi lao động khổ sai; đàn bà bị giao cho lính và người da đen để mua vui cho họ, còn trẻ em được giao cho Amon để nuôi dạy trong đền. Vì thế, xác chết rải đầy trên bờ sông ở Thebes và vì muốn có được sự ủng hộ của các giáo sĩ, Eje thật nhẫn tâm nói:

- Ta sẽ tẩy sạch máu ác khỏi đất Ai Cập.

Pepitamon cũng trong cơn cuồng nộ vì nô lệ và phu khuân vác đã cướp phá nhà của ông ta, mở chuồng mèo và ăn thức ăn của mèo, lấy sữa và kem của mèo cho con cái của họ nên mèo của ông ta bị chết vì đói khát và trở nên hoang dại. Vì thế, cả ông ta cũng không tha thứ, xót thương, mà chỉ hai ngày sau, tất cả tường thành trong thành phố đều đầy những xác đàn ông bị treo ngược trên tường.

Còn các giáo sĩ vui mừng dựng lại tượng Amon trong đền thờ của thần và dâng cúng đồ lễ lớn cho thần. Tượng của tất cả các vị thần khác cũng được dựng lại về chỗ cũ và các giáo sĩ tuyên bố với dân chúng:

- Đói khát và nước mắt sẽ không bao giờ có ở xứ Kemet nữa, vì Amon đã trở lại và sẽ ban phước cho tất cả những ai tin vào thần. Chúng ta lại gieo trồng trên các cánh đồng của Amon, hạt giống của Amon sẽ cho vụ mùa bội thu gấp ngàn lần, sự no đủ và giàu có sẽ trở lại Ai Cập.

Tuy nhiên, nạn đói ở Thebes còn lớn hơn bao giờ hết và không nhà nào không có nước mắt rơi, vì lính Shardana và lính da đen đã tàn nhẫn cướp bóc Thebes. Thậm chí không phân biệt ai thánh giá ai sừng, chúng hãm hiếp đàn bà, bán trẻ em làm nô lệ mà Pepitamon hay Eje không thể ngăn cản chúng vì chúng nói:

- Quyền lực ở trên đầu ngọn giáo của chúng ta và ở đầu cây chùy chiến đấu của chúng ta. Vì vậy, hãy câm miệng và chớ làm phiền chúng ta.

Không còn pharaon nào nữa ở Ai Cập, vì các giáo sĩ đã tuyên bố Ekhnaton là pharaon giả và nguyền rủa thành phố của ngài, người kế vị ngài phải trở về Thebes, quy phục Amon và dâng lễ cho Amon trước khi các giáo sĩ đồng ý công nhận người đó là pharaon.

Thấy sự hỗn loạn này, Eje giao cho Pepitamon quyền chỉ huy Thebes và vội vàng đi Akhetaton để khuyên Pharaon Ekhnaton từ bỏ ngai vàng và củng cố quyền lực của mình với sự giúp đỡ của người kế vị Pharaon. Ông ta nói với tôi:

- Sinuhe, hãy đi theo tôi, có lẽ tôi cần lời khuyên của thầy thuốc để thuyết phục Pharaon giả.

Tôi nói với ông ta:

- Eje, tôi sẽ đi theo ông, vì tôi muốn nhận đủ những mất mát của mình.

Nhưng ông ta không hiểu tôi muốn nói gì với câu nói ấy.

5

Thế là tôi đi cùng giáo sĩ Eje trở lại Akhetaton để gặp Pharaon bị nguyền rủa. Ở Tanis, Horemheb cũng đã nghe được những gì xảy ra ở Thebes và những gì xảy ra ở khắp nơi hai bên bờ sông nên vội vàng lệnh cho binh lính cùng quân khí lên các thuyền chiến và dong buồm đến Akhetaton. Khi đội chiến thuyền của anh ấy ngược sông, các thị trấn và làng mạc hai bên sông đã trở lại bình yên, các ngôi đền lại được mở cửa, tượng của các thần được dựng lại vào chỗ cũ và tôi nghĩ cá sấu lại thả sức cầu phúc cho Horemheb. Nhưng anh ấy vội đến Akhetaton cùng lúc với Eje để tranh giành quyền lực với vị giáo sĩ, nên anh ân xá cho tất cả những nô lệ đã hạ vũ khí và không trừng phạt bất cứ ai tự nguyện đổi thánh giá của Aton lấy sừng của Amon. Vì vậy, dân chúng nhiệt liệt ca ngợi sự khoan dung của anh ấy, mặc dù sự khoan dung ấy không đến từ tâm, mà anh ấy chỉ muốn giữ lại những người đàn ông đủ sức cho cuộc chiến. Cả các giáo sĩ ở khắp nơi dọc hai bên sông cũng hết lời ca ngợi anh ấy khi đoàn thuyền chiến

lướt qua, vì anh ấy cho mở lại các ngôi đền đã đóng cửa, dựng lại các tượng thần đã bị dỡ bỏ và thỉnh thoảng cũng dâng cúng cho các thần vào những lúc anh ấy vui vẻ.

Nhưng thành phố Akhetaton là vùng đất bị nguyền rủa, các giáo sĩ và quân sừng canh gác tất cả các con đường dẫn đến đó và giết tất cả những ai chạy trốn khỏi đó, nếu họ không đồng ý đổi thánh giá của mình thành sừng và dâng cúng cho Amon. Họ cũng lấy dây xích đồng chặn sông để không ai có thể thoát ra ngoài theo đường sông. Tuy nhiên, hầu hết những người tị nạn đều vui lòng thờ phụng Amon và nguyền rủa Aton, bởi vì ngay cả dân chúng ở Akhetaton cũng đã mệt mỏi chán ngán với Aton. Tôi cũng không nhận ra Akhetaton nữa khi từ trên thuyền nhìn vào thành phố vì sự im lặng chết chóc bao trùm khắp nơi, hoa đã tàn héo trong các công viên, cỏ xanh cháy khô vàng úa vì các vườn cây không còn ai vun tưới và chăm tỉa. Cũng không còn chim chóc hót trong những bụi cây đã bị mặt trời thiêu cháy mà thành phố tràn ngập vị ngọt lợm giọng, cái mùi đáng sợ của lời nguyền mà không ai rõ nguyên nhân. Giới quyền quý đã rời bỏ nhà mình, đám gia nhân bỏ trốn từ trước, thợ xây và thợ mỏ cũng rời bỏ thành phố của họ, để lại tất cả nồi niêu trong bếp, vì không ai dám mang theo thứ gì ra khỏi thành phố bị nguyền rủa. Những con chó đã chết trong chuồng sau khi tru sủa và những con ngựa mòn mỏi, thiếu ăn chết trong chuồng vì đám người hầu đã cắt đứt gân chân của chúng trước khi trốn chạy. Như thế, Akhetaton tuyệt đẹp đã là thành phố chết và phả mùi tang tóc vào tôi khi tôi đến đó.

Nhưng Pharaon Ekhnaton vẫn còn trong cung điện Akhetaton, thân quyến của ngài ở lại đó cùng ngài và những người hầu cận trung thành nhất cũng ở lại với ngài vì Aton; các cận thần già cả nhất trong triều, những người không thể nghĩ đến cuộc sống ở đâu khác ngoài ở cạnh Pharaon, cũng ở lại hoàng cung, vì họ đã sống suốt đời ở đó. Họ cũng không biết gì về những gì xảy ra ở thế giới bên ngoài, vì vài tuần trăng qua, không có sứ giả nào đến Akhetaton. Thực phẩm trong hoàng cung cũng đã hết, nên theo ý muốn của Pharaon Ekhnaton, thức ăn của tất cả mọi người là bánh khô và cháo mạch của người nghèo. Tuy nhiên, những người táo bạo nhất đã lấy giáo đâm cá dưới sông hay ném gậy giết chim và ăn trong bí mật.

Giáo sĩ Eje bảo tôi đến gặp Pharaon trước để kể cho ngài biết tất cả những chuyện đã xảy ra, vì Pharaon tin tưởng tôi bởi tôi từng là bạn ngài. Thế là tôi lại diện kiến Pharaon, nhưng mọi thứ trong tôi đã đông cứng, chai sạn và tôi không còn thấy nỗi buồn hay niềm vui, mà trái tim tôi lãnh đạm với ngài. Pharaon ngước khuôn mặt

xám xịt, gầy mòn về phía tôi, đôi bàn tay mềm nhũn để trên đầu gối, nhìn tôi với đôi mắt mờ đục và hỏi:

- Sinuhe, lẽ nào ngươi là người duy nhất quay lại với ta? Tất cả những người trung thành với ta đâu? Tất cả những người yêu quý ta và ta quý mến ở đâu?

Tôi nói với ngài:

- Tâu Pharaon, các thần cũ lại cai trị Ai Cập và các giáo sĩ dâng lễ cho Amon ở Thebes trước sự vui mừng của dân chúng. Họ đã nguyền rủa ngài, Pharaon Ekhnaton, nguyền rủa thành phố của ngài và đời đời nguyền rủa tên ngài; họ đang đục bỏ tên ngài khỏi tất cả các kinh sách và dòng chữ thánh.

Ngài nôn nóng động đậy bàn tay, sự cuồng tín lại hiện rõ trên mặt khi ngài nói:

- Ta không hỏi điều gì đã xảy ra ở Thebes, mà ta hỏi: "Những kẻ trung thành của ta đâu, những người ta đã yêu thương ở đâu?".

Tôi đáp lại ngài:

- Thưa Pharaon, Hoàng hậu kiều diễm Nefertiti của ngài vẫn ở bên cạnh ngài. Các công chúa con ngài cũng ở bên cạnh ngài. Sekenre trẻ tuổi đâm cá dưới sông và Tut chơi trò đám tang với búp bê như trước. Những người khác có gì cần bận tâm đâu ạ?

Ngài hỏi:

- Bạn Thotmes của ta, cũng là bạn của ngươi và là người ta yêu mến, ở đâu? Anh ta ở đâu, người nghệ sĩ đã thổi hồn vào đá?

- Anh ấy đã chết vì ngài, thưa Pharaon Ekhnaton, - tôi đáp.

- Lính da đen đã đâm anh ấy và ném xác anh ấy xuống sông làm thức ăn cho cá sấu, vì anh ấy trung thành với ngài. Có thể anh ấy đã khạc nhổ vào giường ngài, nhưng bây giờ đừng nhớ đến chuyện đó, khi chó hung sa mạc đang sủa trong khu xưởng hoang tàn của anh ấy và các môn đệ của anh ấy đã chạy trốn, bỏ lại chỏng chơ đồ nghề và các bức tượng mà có thể anh ấy đã tạc sự bất tử vào.

Pharaon Ekhnaton động đậy bàn tay như thể đang gỡ mạng nhện trên mặt. Sau đó, ngài đọc cho tôi tên của tất cả những người mà ngài từng yêu quý, và về một số tên, tôi nói:

- Anh ấy đã chết vì ngài, thưa Pharaon Ekhnaton. Còn phần lớn tên khác, tôi nói:

- Anh ta đã vận bộ quần áo đẹp nhất khi dâng đồ tế cho Amon và nguyền rủa tên của ngài, thưa Pharaon Ekhnaton.

Cuối cùng, tôi nói:

- Vương quốc Aton đã bị lật đổ, thưa Pharaon Ekhnaton. Không còn vương quốc Aton trên mặt đất, mà Amon đã nắm quyền trở lại.

Ngài nhìn chằm chằm về phía trước với đôi mắt lờ đờ, bồn chồn cử động đôi bàn tay nhợt nhạt và nói:

- Được rồi, được rồi, ta đã biết tất cả những điều ấy. Ảo giác của ta đã nói với ta điều đó. Vương quốc vĩnh hằng không vừa với những giới hạn trần gian. Tất cả sẽ lại như trước và nỗi sợ hãi, sự oán giận và bất công sẽ thống trị thế giới. Vì vậy, có lẽ tốt hơn nếu ta chết đi và có lẽ sẽ tốt hơn nếu ta không bao giờ được sinh ra trên cõi đời này để thấy tất cả những điều xấu xa đang xảy ra trên mặt đất.

Lúc đó, sự mù quáng của ngài khiến tôi tức giận và tôi nóng nảy nói:

- Ngài đã không thấy dù chỉ một chút những điều ác độc đã xảy ra chỉ vì ngài, thưa Pharaon Ekhnaton. Máu của con ngài không chảy xuống tay ngài và trái tim ngài đã không đông cứng vì tiếng kêu gào trước khi chết của người phụ nữ ngài yêu. Vì thế, lời ngài nói là những lời ngu ngốc, thưa Pharaon Ekhnaton.

Pharaon mệt mỏi nói:

- Vậy hãy tránh xa ta ra, Sinuhe, bởi vì ta xấu xa độc ác đến thế. Tránh xa ta để ngươi không phải đau khổ thêm vì ta nữa. Tránh xa ta ra vì ta đã phát ngán khi nhìn mặt ngươi cũng như tất cả những người mà ta chỉ thấy vẻ dã thú trên khuôn mặt họ.

Nhưng tôi ngồi xuống sàn trước mặt ngài và nói:

- Tôi sẽ không rời xa ngài, thưa Pharaon Ekhnaton, vì tôi muốn nếm trải hết số phận mình và chắc chắn vì số phận ấy mà tôi đã sinh ra trên thế gian này và điều này đã được viết trên các vì sao trước ngày tôi được sinh ra.

Vậy nên ngài hãy biết là giáo sĩ Eje đang đến với ngài và ở biên giới

phía bắc thành phố này, Horemheb đã lệnh thổi tù và và cắt đứt dây xích đồng chặn ngang dòng sông để dong buồm đến với ngài.

Ekhnaton khẽ mỉm cười rồi dang tay ra và nói:

- Eje và Horemheb, tội đồ và chiến binh, vậy họ là những người trung thành duy nhất và đang đến với ta.

Sau đó, ngài không nói gì với tôi nữa, mà tôi cũng không nói gì thêm với ngài, chúng tôi chỉ lắng nghe âm thanh tí tách êm nhẹ của đồng hồ nước cho đến khi giáo sĩ Eje và Horemheb bước tới trước mặt Pharaon. Họ đã to tiếng cãi nhau trước khi đến, mặt cả hai tối sầm vì giận dữ. Họ nặng nhọc thở và cùng lúc lên tiếng với Pharaon, không thèm để ý gì đến tước vị của ngài nữa.

Eje nói:

- Pharaon Ekhnaton, người phải thoái vị, nếu muốn giữ mạng sống của mình. Hãy nhường ngôi cho Sekenre và để cậu ấy trở về Thebes làm lễ hiến tế Amon, các giáo sĩ sẽ xức dầu cho cậu ấy lên làm Pharaon và đội vương miện màu đỏ và trắng lên đầu cậu ấy.

Còn Horemheb nói:

- Ngọn giáo của thần sẽ bảo vệ vương miện cho ngài, Pharaon Ekhnaton, nếu ngài trở về Thebes và làm lễ hiến tế Amon. Các giáo sĩ có thể quở trách, nhưng thần sẽ quất roi bắt họ yên và họ sẽ thôi rền rĩ khi ngài tuyên bố thánh chiến để giành lại Syria cho Ai Cập.

Pharaon Ekhnaton nhìn cả hai với khuôn mặt tiều tụy và nở nụ cười chết chóc.

- Ta sống và chết là Pharaon, - ngài nói. - Ta không đời nào chịu hiến tế cho thần giả, và sẽ không bao giờ chịu tuyên bố chiến tranh để giữ lấy quyền lực của mình bằng máu. Đây là lời của Pharaon.

Nói xong ngài kéo vạt áo che mặt và bỏ đi, để lại ba chúng tôi với nhau trong đại sảnh với mùi tử thần trong cánh mũi.

Eje bất lực dang tay ra và nhìn Horemheb. Cả Horemheb cũng dang hai tay ra và nhìn ông ta. Tôi ngồi bệt xuống sàn vì đầu gối chỉ chực khuỵu xuống và nhìn họ. Bất ngờ Eje mỉm cười rất gian manh và nói:

- Horemheb, những ngọn giáo ở dưới quyền của anh và ngai vàng là của anh. Hãy đội lên đầu mình hai chiếc vương miện mà anh khao khát.

Nhưng Horemheb cười nhạo ông ta và nói:

- Tôi không ngu đến thế. Hãy giữ vương miện bẩn thỉu của mình nếu ông muốn, vì những ngọn giáo sẽ xuyên qua mông tôi nếu tôi gắng ngồi lên mũi giáo, mà tôi còn không có dòng máu hoàng tộc sau mình nữa. Ông thừa biết rằng mọi thứ không thể trở lại như xưa sau tất cả những gì đã xảy ra, mà nạn đói và chiến tranh đang đe dọa Ai Cập, nếu tôi giành lấy vương miện bây giờ, dân chúng sẽ buộc tội tôi về tất cả những điều xấu xa sẽ xảy ra và ông sẽ dễ dàng lật đổ tôi khi thấy thời cơ đến.

Eje nói:

- Vậy thì Sekenre, nếu cậu ấy đồng ý trở lại Thebes. Nếu không thì Tut. Tut chắc chắn đồng ý. Vợ của cả hai mang dòng máu thánh. Hãy để các cậu ấy chịu cơn thịnh nộ của dân cho đến thời điểm thuận lợi hơn.

- Vậy là ông muốn nấp dưới bóng họ để trị vì, - Horemheb nói.

Nhưng Eje đáp:

- Anh quên là anh có quân đội và anh phải đánh bại lũ Hittite. Nếu anh làm được điều đó, không ai mạnh hơn anh ở xứ Kemet.

Họ cãi nhau như thế cho đến khi nhận ra rằng số phận của họ gắn liền với nhau và người này không thể thiếu người kia. Vì vậy, cuối cùng Eje nói:

- Horemheb, thành thật mà nói, ta đã cố gắng lật đổ anh bằng tất cả khả năng của mình, nhưng bây giờ anh đã mạnh hơn ta, con trai chim ưng ạ, không có anh, ta không làm được gì, bởi nếu quân Hittite kéo đến, ta sung sướng gì với quyền lực của mình và thậm chí ta còn không tưởng tượng nổi người như Pepitamon có thể tuyên chiến với quân Hittite, dù hắn ta rất thạo làm đao phủ hay gây đổ máu. Vì vậy, Horemheb, hãy lấy ngày này làm ngày bắt đầu của liên minh giữa hai chúng ta, vì cùng nhau chúng ta có thể cai trị Ai Cập, còn thiếu nhau, cả hai chúng ta sẽ bị lật đổ. Không có ta, quân đội anh sẽ bất lực và không có quân đội của anh, Ai Cập sẽ sụp đổ. Vì vậy, nhân danh tất cả các vị thần của Ai Cập, chúng ta hãy thề rằng kể từ ngày này trở đi, chúng ta là một. Ta đã là một ông già, Horemheb, ta muốn nếm trải vị ngọt của quyền uy, còn

anh còn trẻ và anh vẫn còn thời gian để chờ đợi.

- Tôi không thèm khát những chiếc vương miện, mà chỉ muốn một cuộc chiến tốt cho lũ bọ bẩn thỉu của mình, - Horemheb nói. - Nhưng về những chuyện này, tôi cần một sự cam kết của ông, Eje, vì nếu không ông sẽ phản lại tôi ngay khi có cơ hội. Tôi quá hiểu con người ông.

Eje vung tay ra, nói:

- Ta có thể đảm bảo gì cho anh, Horemheb? Quân đội không phải là sự bảo đảm lâu dài hay sao?

Mặt Horemheb đỏ bừng, anh ta bối rối nhìn dọc theo các bức tường và chà dép trên nền đá, như thể muốn dí ngón chân mình vào sâu trong cát. Rồi anh ta nói:

- Tôi muốn có được Công chúa Baketaton làm vợ. Đúng vậy, tôi muốn đập vỡ vò cùng nàng, dù bầu trời và mặt đất có nút toác, ông cũng không ngăn được tôi.

Eje kêu lên:

- A ha, giờ thì ta hiểu anh muốn gì và anh thông minh hơn ta nghĩ, nên ta tôn trọng anh. Công chúa đã đổi tên lại thành Baketamon, các giáo sĩ cũng không có gì chê trách Công chúa và dòng máu thánh của Pharaon Đại đế chảy trong huyết quản của người. Quả thật, khi kết hôn với Công chúa, anh sẽ có quyền hợp pháp với vương miện, Horemheb, và quyền ấy tốt hơn quyền của chồng các con gái Ekhnaton, vì chúng chỉ mang dòng máu Pharaon giả. Quả là anh đã tính toán rất khôn ngoan, Horemheb, nhưng ta không thể đồng ý việc này, ít nhất là chưa, vì khi đó ta hoàn toàn nằm trong tay anh và ta không còn quyền uy gì đối với anh nữa.

Horemheb hét lên:

- Hãy giữ lấy vương miện bẩn thỉu của ông, Eje. Tôi thèm khát nàng hơn cả vương miện và tôi thèm muốn nàng ngay từ lần đầu tiên tôi nhìn thấy sắc đẹp của nàng trong hoàng cung. Tôi khát khao được hòa lẫn máu mình với dòng máu của Pharaon Đại đế, để các vị vua của Ai Cập có thể được sinh ra từ bên hông tôi. Ông chỉ thèm khát vương miện thôi, Eje. Vậy hãy lấy nó khi thời cơ chín muồi, những ngọn giáo của tôi sẽ gìn giữ ngai vàng của ông, nhưng hãy cho tôi Công chúa, tôi sẽ trị vì sau ông, dù ông sống lâu đến đâu, vì tôi có thời gian để đợi, như ông nói.

Eje đưa tay xoa miệng và suy nghĩ một lúc lâu, nét mặt ông ta càng lúc càng tỏ ra vừa lòng hơn khi đã thấy ra được một cái móc để có thể móc hàm Horemheb đến nơi ông ta muốn. Tôi ngồi trên sàn nghe họ nói chuyện và ghê sợ về tâm địa con người khi họ có thể chia sẻ vương miện với nhau, dù Pharaon Ekhnaton vẫn đang sống và hít thở trong cung thất kế bên. Cuối cùng, Eje nói:

- Anh đã chờ Công chúa của mình rất lâu rồi và có lẽ phải kiên nhẫn chờ thêm một thời gian nữa, vì trước tiên anh sẽ tiến hành một cuộc chiến khốc liệt và chiến tranh không thích hợp cho việc chuẩn bị đám cưới. Mà thuyết phục Công chúa cũng cần có thời gian, vì Công chúa rất khinh rẻ anh khi anh sinh ra với phân giữa các ngón chân. Nhưng ta, chỉ có ta, mới có đủ phương cách để thuyết phục Công chúa, và Horemheb ạ, nhân danh tất cả các vị thần của Ai Cập, ta thề với anh rằng vào ngày ta đội lên đầu mình chiếc vương miện đỏ và trắng, chính tay ta sẽ đập vỡ vò giữa các người và anh sẽ có được Công chúa. Ta không mặc cả thêm về chuyện này nữa, vì lúc đó ta cũng sẽ đặt mình vào tay anh.

Horemheb cũng không cố nì nèo thêm mà chỉ nói:

- Thôi được, chúng ta hãy lo xong cho tốt cả cái việc bẩn thỉu này, và tôi cũng không tin là ông sẽ dềnh dàng với những việc vô ích, vì ông quá thèm khát những chiếc vương miện mà thật ra chỉ là đồ chơi trẻ con.

Trong niềm phấn khích, anh ta đã hoàn toàn quên tôi, nhưng khi nhìn ra quanh mình, anh thấy tôi và quá đỗi sửng sốt nói:

- Sinuhe, cậu vẫn ở đây ư? Đây là một ngày tồi tệ, vì cậu đã nghe những điều không thích hợp với những cái tai không xứng, bởi vậy tôi nghĩ rằng tôi phải giết cậu, mặc dù tôi không hề muốn vì cậu là bạn của tôi.

Những lời của anh khiến tôi chỉ muốn cười khi nghĩ rằng cả hai, Eje và Horemheb, đều không xứng đáng chia nhau vương miện, trong khi tôi, có lẽ là người chính danh xứng đáng, người thừa kế duy nhất của các pharaon vĩ đại và dòng máu thánh chảy trong huyết quản, lại ngồi im trên sàn nghe. Vì thế tôi không thể nén được tiếng cười của mình, mà đưa tay che miệng và cười khinh khích, the thé như một bà già. Eje rất bực tức vì giọng cười của tôi và nói:

- Không đáng cười chút nào, Sinuhe, vì đây là những chuyện nghiêm trọng. Tuy nhiên, chúng ta sẽ không giết ngươi ngay cả

khi ngươi đáng bị như vậy, nhưng vì ngươi đã nghe tất cả, nên có thể sẽ tốt hơn nếu ngươi làm chứng giữa chúng ta. Ngươi không bao giờ được kể với bất kỳ ai những gì mình đã nghe ở đây ngày hôm nay, vì chúng ta cần ngươi và chúng ta trói buộc ngươi vào mình, chúng ta trói buộc ngươi với mình bằng sợi dây bền chắc hơn mọi lời thề nguyền, vì có lẽ chính ngươi cũng hiểu đã đến lúc Pharaon Ekhnaton phải chết. Vì vậy, là ngự y của Pharaon, ngươi phải khoan hộp sọ của Pharaon ngay hôm nay và phải đảm bảo rằng con dao của ngươi cắm đủ sâu vào sọ ngài để ngài chết như tục lệ đòi hỏi.

Còn Horemheb nói:

- Tôi không nhúng tay mình vào chuyện này, vì nó đã quá bẩn rồi khi chạm vào tay Eje. Tuy nhiên, Eje nói đúng. Pharaon Ekhnaton phải chết để Ai Cập được giải nguy. Không còn cách nào khác.

Tôi tiếp tục bịt miệng khúc khích cho đến khi bình tĩnh lại và nói:

- Là một thầy thuốc, tôi không thể khoan hộp sọ của Pharaon vì không có đủ lý do và trách nhiệm nghề nghiệp không cho phép tôi làm việc đó. Nhưng các người đừng lo, với tư cách một người bạn, tôi sẽ pha thuốc tốt cho ngài. Uống thuốc đó rồi, ngài sẽ ngủ và không bao giờ thức dậy, như thế tôi sẽ tự trói buộc mình với các người để các người không bao giờ sợ tôi nói điều gì về các người.

Nói rồi, tôi lấy cái lọ thủy tinh sặc sỡ mà một lần Hrihor đã đưa cho tôi và pha thuốc vào rượu trong một cái cốc vàng; mùi thuốc cũng dễ chịu. Tôi bê cái cốc trên tay và cả ba chúng tôi cùng đến phòng của Pharaon Ekhnaton. Ngài đã cởi vương miện, để roi và cây trượng xuống bên cạnh vương miện và nằm nghỉ trên giường, khuôn mặt xám xịt và đôi mắt đỏ ngầu. Eje tò mò đến sờ mó những chiếc vương miện và thử sức nặng của chiếc roi vàng trên tay rồi nói:

- Pharaon Ekhnaton, bạn Sinuhe của ngài đã pha cho ngài một loại thuốc tốt. Hãy uống đi, ngài sẽ khỏi và ngày mai chúng ta sẽ tiếp tục bàn về những việc khó khăn.

Pharaon ngồi dậy trên giường, đưa tay cầm chiếc cốc và lần lượt nhìn từng người chúng tôi, ánh mắt mệt mỏi của ngài xuyên qua tôi khiến sống lưng tôi run rẩy vì sức mạnh từ cái nhìn của ngài. Rồi ngài nói với tôi:

- Người ta lấy chùy ân xá cho một con vật ốm. Ngươi thương xót và ân xá ta, phải vậy không, Sinuhe? Nếu vậy, ta cảm ơn ngươi vì

điều đó, vì sự thất vọng của ta còn cay đắng hơn cái chết trần thế và cái chết ngày hôm nay với ta ngọt ngào hơn cả mộc dược.

- Xin uống đi, thưa Pharaon Ekhnaton, - tôi nói với ngài.

- Uống vì Aton của ngài.

Cả Horemheb cũng nói:

- Uống đi, Ekhnaton, bạn của tôi. Uống đi để cứu Ai Cập. Tôi sẽ lại che chở sự yếu ớt của ngài bằng tấm choàng vai của tôi, như một lần trước đây trong sa mạc ngoài Thebes.

Pharaon Ekhnaton uống, nhưng tay ngài run mạnh khiến rượu tràn ra quai hàm. Khi ấy, ngài đưa cả hai tay cầm lấy cốc, uống cạn rồi lại nằm thẳng xuống giường, tựa gáy xuống gối gỗ. Cả ba chúng tôi nhìn chằm chằm vào ngài một lúc lâu song ngài không nói với chúng tôi lời nào nữa, mà nhìn chằm chặp vào những ảo ảnh của mình với đôi mắt đỏ và mờ dần. Sau một lúc, cơ thể ngài bắt đầu run lên như thể ngài bị lạnh, Horemheb cởi tấm vải choàng trên vai và phủ lên người ngài, còn Eje lấy các vương miện của ngài và đội lên đầu mình bằng cả hai tay.

Thế là Pharaon Ekhnaton tắt thở; tôi đã cho ngài uống tử thần và ngài uống cái chết từ tay tôi. Nhưng tại sao tôi làm điều đó, tôi không biết, bởi con người ta không hiểu được lòng mình. Tuy nhiên, tôi không nghĩ mình làm đến mức đó vì Ai Cập mà chính là vì Merit và Thoth bé nhỏ, con trai tôi. Tôi cũng không làm điều đó vì tình yêu đối với ngài mà vì sự hận thù và cay đắng của tôi và vì tất cả những tai họa mà ngài đã gây ra. Nhưng trên tất cả, tôi đã làm điều đó vì nó được viết trong các ngôi sao rằng tôi phải sống hết số phận mình. Khi nhìn ngài chết, tôi nghĩ mình đã nhận đủ phận mình, nhưng con người ta không biết được chính lòng mình và lòng người vô độ, vô độ hơn cá sấu dưới sông.

Thấy Pharaon đã chết, chúng tôi rời hoàng cung, cấm người hầu quấy rầy vì ngài đã ngủ. Mãi đến sáng hôm sau, người hầu mới thấy thi thể ngài và lớn tiếng khóc than, tiếng kêu than, khóc lóc vang khắp hoàng cung, mặc dù tôi nghĩ rằng nhiều người thấy nhẹ nhõm bớt nhờ cái chết của ngài. Nhưng Hoàng hậu Nefertiti đứng bên cạnh giường ngài không khóc và không ai có thể hiểu nổi bà đang nghĩ gì. Tuy nhiên, bà vẫn đưa bàn tay xinh đẹp chạm vào những ngón tay gầy guộc của Pharaon Ekhnaton và vuốt má ngài khi tôi đến để giao thi thể ngài cho Nhà Chết theo trọng trách của mình. Nhà Chết và hoàng cung là nơi duy nhất còn sống động

ở thành phố Akhetaton. Rồi tôi tiễn đưa Pharaon Ekhnaton đến Nhà Chết và giao thi thể ngài vào tay những người ngâm tẩm thi thể để họ bảo quản thi thể ngài sống mãi đời đời.

Theo quốc pháp và truyền thống, Sekenre trẻ tuổi là Pharaon, nhưng cậu ta thất thần vì đau buồn và nhìn chằm chằm xung quanh mà không thể thốt ra một lời nào rõ ràng, vì cậu ta đã quen nhận lấy tất cả suy nghĩ của mình từ Pharaon Ekhnaton. Eje và Horemheb thuyết phục cậu ta và bảo cậu ta phải gấp rút đến Thebes để dâng đồ hiến tế Amon nếu cậu ta muốn giữ vương miện trên đầu mình. Nhưng cậu ta không tin họ, vì cậu ta rất trẻ con và nằm mơ giữa ban ngày. Vì vậy, cậu ta nói:

- Tôi sẽ đem ánh sáng của Aton đến với dân chúng, xây dựng đền thờ phụ vương tôi, Ekhnaton, và thờ phụng ông như một vị thần trong đền, bởi vì phụ vương không giống như những người khác.

Người ta kể về tính nết trẻ con của cậu Sekenre này là khi đội lính canh theo hàng ngũ chỉnh tề, trật tự trốn khỏi thành phố bị nguyền rủa, cậu ta chạy theo sau họ khóc lóc, cầu xin họ trở lại vì Pharaon và nói với họ: "Chắc chắn các ngươi không thể từ bỏ nhà cửa, vợ con mình như thế này". Nhưng lính Shardana và người Syria đã cười và chế nhạo cậu ta, một viên đội Shardana vạch quần mình ra và vừa cho cậu ta xem "chim" vừa nói: "Cái của này ở đâu, ở đấy là nhà và vợ con chúng ta". Như thế, với tính trẻ con, Sekenre đã làm ô uế phẩm giá hoàng gia của mình khi khóc lóc và cầu xin những người lính đánh thuê quay trở lại.

Nhận thấy sự cứng đầu của cậu ta, Eje và Horemheb bỏ đi. Ngày hôm sau xảy ra chuyện, rằng vì đói nên cậu ta xuống sông để ném lao đâm cá, thuyền sậy của cậu ta bị lật và cậu bị cá sấu ăn thịt. Ít nhất là nghe kể lại như vậy, song tôi không biết thực hư thế nào. Tuy nhiên, tôi không tin Horemheb là người đã sai giết cậu ta mà có nhiều khả năng hơn là Eje, người đang muốn trở lại Thebes thật nhanh để giành lấy quyền lực.

Sau đó, Eje và Horemheb đến gặp Tut trẻ tuổi; cậu bé đang ở trong cung điện, chơi trò đám tang với búp bê trên sàn nhà như thường lệ và vợ cậu là Công chúa Ankhsenaton cùng chơi với cậu ta. Horemheb nói:

- Chào Tut, đã đến lúc cậu phải đứng dậy khỏi sàn nhà bẩn thỉu đó, bởi bây giờ cậu là pharaon.

Tut ngoan ngoãn đứng dậy, đi ngay đến ngồi lên ngai vàng và nói:

- Tôi là pharaon à? Tôi hoàn toàn không ngạc nhiên về điều đó, vì tôi luôn cảm thấy mình giỏi hơn những người khác và việc tôi trở thành pharaon là đúng. Tôi sẽ lấy roi trừng phạt tất cả những kẻ làm những điều sai trái và với cây trượng của mình, tôi sẽ chăm nom những người ngoan hiền và mộ đạo.

Eje nói:

- Đừng nói những điều ngu dốt nữa, Tut. Hãy làm theo mọi điều ta bảo, không được cằn nhằn gì hết. Trước tiên, chúng ta phải theo một đoàn rước trang trọng đến Thebes và ở Thebes, cháu cúi lạy Amon trong đền thờ lớn của ngài và dâng lễ cho ngài, các giáo sĩ sẽ xức dầu cho cháu và đặt chiếc vương miện màu đỏ và trắng lên đầu cháu. Cháu hiểu không?

Tut ngần ngừ một lúc rồi hỏi:

- Nếu cháu đến Thebes, người ta có xây cho cháu một lăng mộ giống như cho tất cả các pharaon vĩ đại không, các giáo sĩ có lấy đồ chơi, và ngai vàng, và giường đẹp cho vào đầy lăng mộ của cháu không? Vì những ngôi mộ này ở Akhetaton chật chội và xấu xí, mà cháu không muốn chỉ có những bức tranh trên tường mộ của mình, cháu muốn đồ chơi thật và cả con dao xanh tuyệt vời mà cháu được người Hittite tặng, cháu muốn mang nó theo xuống mộ.

- Chắc chắn các giáo sĩ sẽ xây cho cháu một ngôi mộ lớn, - Eje quả quyết. - Tut, cháu là một cậu bé khôn ngoan vì việc đầu tiên cháu nghĩ đến ngay khi trở thành pharaon là lăng mộ của mình, khôn ngoan hơn chính cháu nghĩ đấy. Nhưng trước hết, cháu phải đổi tên của mình. Tên Tutankhaton sẽ không được các giáo sĩ Amon chấp thuận. Vậy nên kể từ hôm nay, tên của cháu là Tutankhamon.

Tut hoàn toàn không phản đối mà chỉ muốn học cách viết tên mới của mình vì cậu ta không biết các ký hiệu để viết tên Amon. Thế là lần đầu tiên, tên Amon được viết xuống ở Akhetaton. Nhưng khi thấy Tutankhamon trở thành pharaon và mình bị quên hoàn toàn, Nefertiti đã mặc lên người bộ xống áo đẹp nhất, cho xức dầu thơm lên tóc và thân thể mình, mặc dù đang là góa phụ để tang chồng, rồi đi đến thuyền của Horemheb để gặp anh ta và nói:

- Thật nực cười khi một đứa con trai chưa đến tuổi thành niên trở thành pharaon và người cha Eje đáng nguyền rủa của ta đã tước đoạt từ tay ta quyền nuôi dưỡng nó và dùng quyền lực của nó để

trị vì Ai Cập, cho dù ta là hoàng thái hậu. Cả cánh đàn ông cũng thích ngắm nhìn ta, gọi ta là một phụ nữ đẹp và ta được cho là người phụ nữ đẹp nhất Ai Cập, mặc dù điều này dĩ nhiên là tâng bốc. Vì vậy hãy nhìn ta xem, Horemheb, cho dù nỗi buồn đã làm mắt ta mờ đi và làm lưng ta còng xuống. Hãy nhìn ta, Horemheb, vì thời gian là quý giá; ngươi có các tay giáo dưới quyền mình, ngươi và ta có lẽ nên cùng nhau lên kế hoạch cho mọi việc, những điều có lợi cho Ai Cập. Ta công khai nói với ngươi những điều này, vì ta chỉ mong điều tốt nhất cho Ai Cập và ta biết rằng cha ta, Eje đáng nguyền rủa ấy, là lão già tham lam và xảo quyệt, có thể sẽ gây nhiều tai họa cho Ai Cập.

Horemheb nhìn Nefertiti và bà ta hé mở vạt áo trước mặt anh, vừa đung đưa quyến rũ vừa nói lều chỉ huy trên thuyền này quá nóng. Bà ta không biết chút gì về thỏa thuận bí mật giữa Horemheb và Eje, và vì là một phụ nữ, có lẽ bà ta đoán được phần nào nỗi niềm khát khao Horemheb dành cho Baketamon, nhưng bà ta nghĩ với sắc đẹp của mình, bà ta dễ dàng đánh bật nàng công chúa khờ khạo và kiêu ngạo ra khỏi tâm trí Horemheb. Trong hoàng cung này, bà ta đã quá quen với những chiến thắng dễ dàng khi để những vị khách khạc nhổ vào giường của Pharaon.

Nhưng sắc đẹp của bà ta không tác động gì đến Horemheb, mà anh ta chỉ lạnh lùng nhìn bà ta và nói:

- Tôi đã bôi trát quá đủ phân, rác lên người mình ở thành phố bị nguyền rủa này rồi nên không còn muốn làm bẩn mình thêm vì bà nữa, Nefertiti xinh đẹp. Hơn nữa, tôi còn phải đọc cho các lục sự viết nhiều văn thư liên quan đến cuộc chiến nên không có thời gian để đùa giỡn với bà.

Những điều này Horemheb đã kể cho tôi nghe sau đó, và chắc chắn có hơi thổi phồng khi kể, nhưng tôi nghĩ điểm chính là có thật, vì kể từ ngày ấy Nefertiti thù Horemheb đến uất hận, tìm đủ mọi cách để hại và làm hoen ố danh tiếng của anh ta; ở Thebes, bà ta làm thân với Công chúa Baketamon và việc này đã gây cho Horemheb bao nhiêu hậu họa, như sau này tôi sẽ buộc phải kể ra. Sẽ khôn ngoan hơn nhiều nếu như Horemheb không xúc phạm bà ta mà vẫn giữ tình bạn và bày tỏ sự trìu mến với bà trong nỗi buồn tang tóc. Nhưng Horemheb không còn muốn nhổ nước bọt xuống thi thể của Pharaon Ekhnaton nữa, bởi có một điều kỳ lạ là Horemheb vẫn yêu quý Pharaon Ekhnaton, dù đã cho xóa tên và hình ảnh của ngài khỏi tất cả các kinh sách, bia ký và phá nát đền thờ Aton ở Thebes. Để làm chứng cho điều này, tôi phải kể là chính Horemheb đã sai những người thân tín chuyển thi thể của

Pharaon Ekhnaton ra khỏi mộ của ngài ở Akhetaton và bí mật giấu nó như một thi hài vô danh trong mộ của mẹ ngài ở Thebes để thi thể của Ekhnaton không rơi vào tay các giáo sĩ. Vì các giáo sĩ muốn đốt xác Ekhnaton và rải tro xuống sông để linh hồn đáng nguyền rủa của ngài phải muôn đời lang thang trong các hốc hẻm của địa ngục, nhưng Horemheb đã kịp hành động trước họ, cho giấu xác của Ekhnaton. Tuy nhiên, điều này chỉ xảy ra rất nhiều năm về sau.

6

Được Tutankhamon ưng thuận, Eje vội vàng sai kiếm thuyền và cả triều đình lên thuyền rời bỏ thành phố Akhetaton, khiến nơi đây không còn ai sinh sống trừ những người ngâm tẩm thi thể của Nhà Chết, những người sẽ giữ xác ướp của Pharaon Ekhnaton sống mãi muôn đời trong lăng mộ mà ngài đã sai đục đá, xây cho mình ở trái núi phía đông. Thế là những người dân cuối cùng chạy trốn khỏi Thành phố Thiên Đường, vội vã đến mức không ai ngoái nhìn lại. Trong hoàng cung, nồi bát vẫn chồng chơ trên bàn giữa bữa ăn và đồ chơi của Tut vẫn nằm lăn lóc trên sàn để cậu chơi mãi trò đám tang không chán.

Gió sa mạc thổi bật tung các ô cửa sổ và cát rơi khắp sàn nhà, những đàn vịt chập chờn bay mãi muôn đời trong các bãi sậy xanh ngắt và đàn cá sặc sỡ bơi trong làn nước mát. Các khu vườn Akhetaton lại trở thành hoang mạc, những ao cá trong vườn khô trơ đáy, các mương tưới bị tắc nghẽn và cây ăn trái chết khô. Đất sét vỡ vụn từ tường các ngôi nhà, các mái nhà đổ sụp vào trong, thành phố Akhetaton biến thành đống đổ nát, chó hung sa mạc tru sủa trong các phòng sảnh trống trơn và làm ổ trên những chiếc giường êm ái dưới lọng che sặc sỡ. Thành phố Akhetaton đã chết như thế và chết nhanh hệt như khi ý muốn của Pharaon Ekhnaton đã thổi nó mọc lên nơi hoang vắng. Không ai dám lẻn vào đống đổ nát của nó để lấy những đồ quý giá bị chôn vùi hoài phí dưới lớp đất sét rã vụn, vì vùng đất này vĩnh viễn bị nguyền rủa và Amon sấy khô tay chân bất kỳ ai dám bước vào đây. Vì vậy, thành phố Akhetaton biến mất như chưa từng tồn tại, biến mất tựa một giấc mơ, một ảo ảnh.

Phía trước đoàn thuyền của Pharaon Tutankhamon, đội thuyền chiến của Horemheb lao đi như cơn lốc, trấn an dân chúng các

vùng hai bên sông. Anh ta lập lại trật tự cho Thebes, chấm dứt nạn cướp bóc và không ai còn bị treo ngược trên tường vì Aton, bởi anh ta cần tất cả những ai còn sức chiến đấu cho cuộc chiến. Eje ra lệnh giương cờ hiệu của Pharaon mới dọc hai bên Đại lộ Nhân Sư và các giáo sĩ đã chuẩn bị nghi lễ hoành tráng nghênh đón Pharaon mới trong ngôi đền lớn. Tôi, Sinuhe, đã thấy Pharaon mới ngồi trong kiệu được rước đi dọc theo Đại lộ Nhân Sư, theo sau là Hoàng hậu Nefertiti và các con gái của Pharaon Ekhnaton; chiến thắng của Amon thật hoàn hảo. Các giáo sĩ xức dầu cho Pharaon mới trước tượng Amon ở nơi linh thiêng nhất và trước dân chúng, đặt chiếc vương miện màu đỏ và trắng, vương miện hoa huệ và giấy cói, vương miện của miền Thượng và miền Hạ lên đầu ngài để dân chúng thấy rằng Pharaon đã được họ tận tay trao quyền lực. Đầu họ cạo nhẵn, mặt họ bôi dầu thánh và Pharaon dâng cho Amon tất cả sự giàu có mà Eje đã vắt kiệt được từ đất nước đang kiệt quệ. Nhưng Hrihor đã thỏa thuận với Horemheb rằng Amon sẽ cho anh ta vay của cải của mình để phục vụ chiến tranh, vì những thông điệp đáng báo động lại đến từ hạ lưu và Horemheb đã thổi phồng lên để gieo rắc nỗi kinh hoàng và sợ hãi về quân Hittite trong dân chúng.

Dân chúng Thebes reo mừng cho Amon và Pharaon mới, dù ngài vẫn còn là một đứa trẻ, bởi lòng người thật khờ dại, luôn đặt hy vọng và niềm tin vào tương lai mà không học được chút gì từ những sai lầm của mình và luôn tưởng tượng ngày mai sẽ tốt hơn ngày hôm nay. Vậy nên dân chúng đứng đầy hai bên Đại lộ Nhân Sư, trước đền thờ và tất cả sân trước, vui mừng hò hét chào đón Pharaon mới và rắc hoa trên đường đi của ngài. Nếu ai đó không hò hét mà chỉ đứng lặng thinh và lầm lì thì cán giáo của binh lính Eje và Horemheb dạy họ biết phải làm gì nếu muốn yên lành.

Nhưng ở bến cảng và trong các khu phố nghèo, các đống đổ nát vẫn âm ỉ cháy, mùi khói khét lẹt từ đó bốc lên và sông sặc mùi tanh nồng của máu và xác chết. Từ trên mái đền, quạ và chim ăn thịt vươn chiếc cổ dính đầy máu quàng quạc, no nê đến mức không còn sức cất cánh bay lên; cá sấu dưới sông cũng no nê đến mức không còn muốn quẫy đuôi mà chỉ nằm ườn trên bờ, há rộng mõm cho những con chim nhỏ rỉa và làm sạch đồ ăn gớm ghiếc còn dính đầy trên răng chúng. Đây đó, len lỏi giữa đống đổ nát và những ngôi nhà bị cháy, đàn bà và trẻ nhỏ sợ hãi đào bới, tìm những đồ dùng trong ngôi nhà cũ của mình; con cái của những nô lệ và phu khuân vác đã bị giết đi theo sau các cỗ chiến xa của Pharaon để nhặt những hạt ngũ cốc chưa tiêu từ phân ngựa, vì nạn đói khủng khiếp vẫn hoành hành ở Thebes. Đi trên những cầu thuyền vẫn còn bốc mùi máu tanh tưởi, nhìn những chiếc sọt

trống rỗng và thuyền bè không có hàng hóa, tôi, Sinuhe, nghĩ đến Merit và Thoth bé bỏng đã chết vì Aton và trái tim điên dại của tôi.

Bước chân đưa tôi đến đống đổ nát của Đuôi Cá Sấu và tôi nghĩ đến lời Merit từng nói với tôi: "Có lẽ em chỉ là tấm chăn che nỗi cô đơn của anh, khi em không phải là tấm thảm của anh". Tôi cũng nghĩ đến Thoth bé bỏng, con trai tôi, dù khi ấy tôi không biết điều này, tôi thấy Thoth mũm mĩm trước mặt mình, vòng tay ôm cổ tôi và áp má vào má tôi. Mùi khói cay xè xộc vào mũi tôi khi tôi đi trong cát bụi bến cảng, và tôi thấy trước mặt mình thi thể Merit bị giáo đâm xuyên và cái mũi cùng mái tóc xoăn mềm đẫm máu của Thoth bé nhỏ. Tôi thấy tất cả hình ảnh này trước mắt mình và nghĩ cái chết của Pharaon Ekhnaton thật dễ dàng quá. Tôi nghĩ trên thế gian không có gì khủng khiếp hơn và nguy hiểm hơn những ảo mộng của các pharaon, vì chúng gieo rắc máu me, chết chóc và chỉ vỗ béo cá sấu. Tôi nghĩ như vậy khi bước đi trên bến cảng hoang vắng và từ phía xa trước ngôi đền vẳng đến tai tôi tiếng hò reo vui mừng của đám đông khi họ chào đón Pharaon Tutankhamon và tưởng tượng rằng cậu bé ngớ ngẩn chỉ mơ có lăng mộ đẹp này sẽ xóa bỏ bất công và lập lại hòa bình, đem lại thịnh vượng cho xứ Kemet.

Cứ thế, tôi bước đi theo sự dẫn lối của đôi chân mình và nhận ra tôi lại chỉ còn một mình; dòng máu tôi đã chảy phí hoài trong Thoth và chảy đi không trở lại nữa, tâm trí tôi không còn chút hy vọng nào về sự bất tử hay cuộc sống trường tồn, mà cái chết với tôi như sự nghỉ ngơi, như giấc ngủ và như nồi than hồng nóng ấm trong đêm lạnh lẽo. Thần của Pharaon Ekhnaton đã tước hết của tôi tất cả niềm vui và hy vọng, và tôi hiểu ra tất cả thần linh đều trú ngụ trong những ngôi nhà tối không có đường ra. Pharaon Ekhnaton đã uống cái chết từ tay tôi, nhưng điều này không đền bù được cho tôi bất cứ điều gì và với cái chết, ông đã uống vào trái tim mình sự quên lãng khoan dung. Nhưng tôi sống và không thể quên. Vậy nên nỗi phẫn uất như nước kiềm bào mòn tim tôi và tôi thấy căm giận tất cả mọi người, thấy căm giận cả đám dân chúng đang như bầy gia súc la hét trước đền thờ, ngu ngốc, dại dột hệt như trước đây và không học được gì từ những điều họ từng phải nếm trải.

Trên bến cảng đầy những đống đổ nát, tan hoang, chết chóc, nhưng từ đống sọt rỗng xuất hiện một hình người bò đến gần tôi. Đó là một người đàn ông nhỏ thó, gầy gò, chân tay teo tóp vì thiếu ăn từ nhỏ. Anh ta lè cái lưỡi đen thẫm ướt môi và nhìn tôi với đôi mắt điên dại rồi hỏi:

- Có phải ông là Sinuhe, ngự y hoàng gia đã băng bó vết thương cho người nghèo vì Aton không?

Anh ta bật cười ghê rợn, rồi nhổm dậy, chỉ ngón tay vào tôi và nói:

- Có phải ông là Sinuhe, người đã phân phát cho dân chúng bánh mì và nói: "Đây là bánh của Aton, hãy lấy và ăn vì Aton". Nếu phải, hãy vì tất cả thần linh âm phủ cho tôi một mẩu bánh mì, vì tôi đã trốn lũ lính canh mấy ngày nay và không dám xuống sông uống nước. Nhân danh tất cả các thần linh địa ngục, hãy cho tôi một mẩu bánh mì, vì nước miếng đã khô trong miệng tôi và bụng tôi sẽ xanh lại như cỏ.

Nhưng tôi không có bánh mì để cho, mà anh ta cũng không chờ đợi điều đó, vì anh ta đến chỉ để chế giễu tôi bởi nỗi phẫn uất của chính mình. Anh ta nói:

- Tôi từng có một túp lều, dù nó tồi tàn và tanh nồng mùi cá, song đó là lều của tôi. Tôi từng có vợ, dù cô ấy xấu xí, đói khát và gầy gò, nhưng cô ấy là vợ tôi. Tôi đã có những đứa con, dù chúng chịu đói khát ngay trước mắt tôi, nhưng chúng là con tôi. Túp lều của tôi giờ ở đâu, vợ tôi và các con tôi giờ ở đâu? Sinuhe, thần Aton của ông đã đưa họ đi, Aton, kẻ hủy diệt và tàn phá tất cả, đã đưa họ đi và tôi không còn gì khác ngoài rác rưởi trong nắm tay mình, và tôi sắp chết, nhưng tôi không hối tiếc.

Anh ta ngồi bệt xuống trước mặt tôi, ấn nắm tay vào cái bụng sưng phồng, đôi mắt điên dại nhìn chằm chằm về phía trước và thì thầm với tôi:

- Sinuhe, có lẽ trò chơi của chúng ta dù sao cũng có ích, vì dù tôi sẽ chết và đồng đội của tôi cũng chết, có thể ký ức về chúng tôi vẫn còn lại ở miệng dân chúng. Ký ức về chúng tôi có thể còn mãi trong trái tim của những người làm việc chân tay và bị gậy đánh vào lưng; họ sẽ vẫn nhớ đến chúng tôi khi Aton của ông đã bị lãng quên từ lâu và cái tên của Pharaon bị nguyền rủa của ông đã bị tẩy xóa khỏi tất cả kinh sách. Có thể ký ức mờ nhạt về chúng tôi sẽ còn mãi trong tâm trí dân chúng, trẻ em sẽ biết về chúng tôi qua những giọt sữa đắng cay của mẹ chúng và sẽ học từ sai lầm của chúng tôi. Khi đó, chúng sẽ biết ngay khi mới sinh ra điều mà chúng tôi phải học. Chúng sẽ biết không có sự khác biệt giữa người với người và máu là máu, dù nó chảy ra từ một trái tim đói khát hay từ một trái tim no đủ. Chúng biết nô lệ và người nghèo không nên tin lời các pharaon hay ngự y hoàng gia, không nên tin luật pháp hay lời của người quyền quý, mà chỉ dựa vào sức mạnh

nắm đấm của mình và chúng cần ban hành luật lệ của riêng mình. Ai không đứng về phía mình là chống lại mình và trong việc này không có sự thương xót hay phân biệt giữa mọi người. Trong trái tim mình, Sinuhe, cả ông cũng không đứng về phía chúng tôi. Vì thế ông chống lại chúng tôi, mặc dù ông đã phát cho chúng tôi bánh mì và nói với chúng tôi những lời sáo rỗng về Aton của Pharaon. Tất cả thần linh đều giống nhau, tất cả các pharaon đều giống nhau và tất cả các quan quyền đều giống nhau, cho dù chính họ không thừa nhận điều đó. Tôi, Meti, người làm cá, nói điều này mà không có gì phải ân hận về lời nói của mình, bởi vì tôi sẽ sớm chết, xác tôi sẽ bị ném xuống sông và biến mất, không còn tôi nữa. Nhưng cái gì đó của tôi sẽ còn lang thang trên mặt đất và điều khiến ông nhận ra tôi là sự bồn chồn trong trái tim người nô lệ, là đốm than bí mật trong mắt họ và là vị đắng trong sữa của những bà mẹ gầy gò khi họ cho những đứa con khốn khổ của mình bú. Tôi, Meti, người làm cá, sẽ làm mọi thứ lên men cho đến khi tất cả nở bùng và mẻ bột lớn cuối cùng được nướng.

Qua lời nói và ánh mắt của anh ta, tôi nhìn thấy nỗi bất hạnh và sợ hãi đã khiến tâm trí anh ta trở nên u tối. Nhưng anh ta đã đưa bàn tay đầy sẹo quờ quạng chạm vào đầu gối tôi, giữ tôi lại và lầm bầm:

- Ông, Sinuhe, người biết đọc, biết viết và đã học rất nhiều, tất nhiên ông nghĩ rằng người làm cá không biết nghĩ, nhưng tôi đã có nhiều ngày đêm suy nghĩ trong khi nhai cỏ và mút lớp muối mặn mòi trên nan đan giỏ cá, dù suy nghĩ là việc làm rất khó và khiến người ta đau đầu. Vì thế, tôi đã biết sai lầm của chúng tôi là gì và tại sao chúng tôi phải chết. Vì chúng tôi từng có quyền lực và đất đai từng là của chúng tôi, nhưng chúng tôi không biết sử dụng quyền lực của mình mà chỉ bằng lòng với việc cướp bóc, tranh giành mồi thu được và nhậu nhẹt đến say xỉn vì ai cũng muốn được lợi nhiều nhất từ quyền lực của mình. Chúng tôi ăn và uống đến no nê khi lẽ ra phải giết, giết và giết không ngừng cho đến khi không còn ai không đứng về phía mình. Nhưng chúng tôi đã không học được nghệ thuật giết người trong sự khốn khổ, nghèo đói của mình, mà chúng tôi quá coi trọng sinh mạng con người, cho đến khi con mèo Pepitamo và lão Eje đen đúa dạy chúng tôi nghệ thuật chém giết bằng việc giết tất cả chúng tôi. Bài học này đã quá muộn để chúng tôi học, nhưng khi trốn trong chiếc sọt sậy rỗng, tôi đã mơ thấy rất nhiều cảnh giết chóc và tôi để lại những ác mộng này cho các thế hệ sau làm của thừa kế, những giấc mộng lẻn đi trong bóng tối khi tôi đã chết, len lỏi vào giấc mơ của những nô lệ và người nghèo khổ cho đến khi ngón tay và ngón chân họ bắt đầu run lên; họ mơ những giấc mơ của tôi khi tôi đã chết từ

lâu.

Anh ta chằm chằm nhìn tôi với đôi mắt bừng bừng như đang sốt và siết chặt đầu gối tôi bằng đôi tay đầy sẹo. Lúc đó tôi quỳ xuống chỗ đầy bụi đất trước mặt anh ta, giơ hai tay lên và nói:

- Người làm cá Meti, ta thấy ngươi giấu dao dưới tấm áo rách rưới của ngươi. Hãy giết ta đi, nếu nghĩ ta có tội. Hãy giết ta đi, Meti, vì ta quá mệt mỏi khi mơ thấy những giấc mơ và ta không còn vui thích gì nữa. Hãy giết ta nếu ngươi thấy việc ấy có thể trả thù cho mình. Ta không thể làm gì khác cho ngươi được nữa.

Anh ta lấy con dao đánh vảy cá từ thắt lưng ra, quệt đi quệt lại lưỡi dao vào lòng bàn tay đầy sẹo của mình và nhìn tôi cho đến khi mắt trở nên mờ đục, rồi anh ta bắt đầu khóc, vứt con dao đi và nói:

- Giết người chẳng ích gì, bây giờ tôi hiểu điều đó, việc chém giết không đem lại lợi ích gì cả vì lưỡi dao mù quáng đâm vào kẻ có tội và cả người vô tội. Không, Sinuhe, hãy quên lời tôi nói và tha thứ cho sự độc ác của tôi, vì khi một người cầm dao đâm vào người khác chính là đâm vào anh em mình và có lẽ chúng tôi, những người nô lệ khốn khổ, hiểu điều đó trong tim mình, vì thế chúng tôi không thể giết người. Và có lẽ vì thế, cuối cùng chúng tôi mới là người chiến thắng, chứ không phải những người đã giết chúng tôi. Họ là người thua và đánh mất chính mình khi giết người. Sinuhe, người anh em của tôi, có lẽ sẽ đến ngày con người coi người khác là anh em mình mà không giết người ấy. Vậy hãy để tiếng khóc của tôi làm của thừa kế cho những người anh em khi tôi chết. Hãy để tiếng khóc của Meti, người làm cá, len lỏi vào giấc mơ của người nghèo và nô lệ. Hãy để những bà mẹ ru những đứa con gầy guộc của họ bằng tiếng khóc của tôi. Thỉnh thoảng, hãy để tiếng khóc của tôi nức nở khi các thớt đá đang xay, để bất cứ ai nghe được bằng trái tim có thể tìm thấy những người anh em xung quanh họ.

Anh ta vỗ nhẹ bàn tay đầy sẹo vào má tôi, những giọt nước mắt nóng hổi từ mắt anh ta rơi xuống tay tôi và mùi tanh nồng của người làm cá từ anh ta xộc vào mũi tôi khi anh ta nói:

- Hãy đi đi, Sinuhe, người anh em của tôi, kẻo lính gác bắt gặp ông và ông có thể bị hại vì tôi. Đi đi, nhưng hãy để tiếng khóc của tôi theo từng bước chân ông cho đến khi đôi mắt ông mở to nhìn thấy tất cả những gì tôi thấy lúc này, để cuối cùng những giọt nước mắt của tôi sẽ quý giá hơn ngọc trai và đá quý với ông. Vì vào giây phút

này, tôi không chỉ khóc một mình, mà trong tôi, họ hàng của những người bị bắt làm nô lệ và những người thua đang khóc. Nước mắt của tôi là nước mắt của hàng triệu, hàng triệu con người đã làm mặt đất già nua và đầy sẹo từ nước mắt của họ. Nước chảy trong sông là nước mắt của những người sống trước chúng ta, còn nước mưa rơi xuống mặt đất nơi xứ lạ là nước mắt của những người sinh ra sau chúng ta nơi trần thế. Khi biết điều này, ông không còn cô đơn nữa, Sinuhe ạ.

Anh ta gục xuống đất trước mặt tôi, những ngón tay co quắp của anh cào bụi đất trên cầu thuyền, và nước mắt anh rơi xuống thành những hạt ngọc tròn xam xám trong cát bụi. Nhưng tôi không hiểu lời anh ta nói dù tôi đã sẵn sàng chết dưới tay anh ta, do đó tôi chạy khỏi anh ta và đưa bàn tay ướt đẫm nước mắt của anh ta chùi vào tấm choàng vai của mình, mùi của anh ta đọng lại ghê ghê trong mũi tôi. Thế là tôi quên anh ta và đi theo bước chân mình, sự phẫn uất như nước kiềm bào mòn trái tim tôi, vì tôi thấy nỗi buồn đau và cô đơn của chính mình lớn hơn nỗi buồn đau và cô đơn của bất cứ ai.

Thế là đôi chân đã đưa tôi đến đống đổ nát của ngôi nhà đúc đồng trước đây. Những đứa trẻ giật mình sợ hãi, vội vã lẩn đi và những người vợ đang đào đống đổ nát để tìm kiếm đồ dùng gia đình cũng che mặt lại khi thấy tôi.

Ngôi nhà trước đây là xưởng đúc đồng đã bị cháy trụi, những bức tường đất sét dính đầy bồ hóng nhô cao, ao trong vườn đã cạn nước, những cành sung trụi lá và đen thui. Nhưng ai đó đã dựng một cái lều trên đống hoang tàn và tôi thấy một vò nước ở đó. Muti, mái tóc hoa tiêu dính bùn, đi về phía tôi với đôi chân bị thương khập khiễng. Tôi nghĩ có khi đó là bóng ma của bà ấy và tôi chợt rùng mình, nhưng bà ấy cúi gập người trước mặt tôi, đầu gối run run và chua chát nói:

- Đội ơn ngày đã đưa ông chủ tôi về nhà.

Bà ấy không thể nói thêm lời nào nữa, vì nỗi uất hận làm giọng bà nghẹn lại và bà ngồi bệt xuống đất, đưa tay che mặt để không phải nhìn tôi. Cơ thể gầy guộc của bà đầy vết thương do quân sừng đánh, chân bà bầm tím, nhưng các vết thương đã thành sẹo và tôi thấy không thể làm gì được nữa sau khi đã kiểm tra chúng bất chấp sự ngăn cản của bà. Tôi hỏi bà:

- Kaptah ở đâu?

- Kaptah đã chết, - bà đáp. - Người ta nói những người nô lệ đã giết ông ta khi thấy ông ta cho lính của Pepitamon uống rượu và phản bội họ.

Nhưng tôi không tin lời bà ấy, vì tôi biết Kaptah không thể chết, Kaptah sẽ luôn sống sót dù chuyện gì xảy ra đi nữa.

Thấy tôi không tin, Muti vô cùng bực tức và nói:

- Sinuhe, chắc bây giờ ông thấy nhẹ nhõm và dễ dàng cười, sau khi đã đạt được tất cả điều mình mong muốn và nhìn thấy Aton của ông ăn mừng. Tất cả đàn ông đều giống nhau và tất cả những điều xấu xa trên thế gian đều xuất phát từ đàn ông, vì đàn ông không bao giờ chịu trưởng thành mà mãi mãi là những đứa trẻ ranh, lấy đá ném nhau và đánh nhau bằng gậy, đấm vào mũi nhau đến chảy máu và ham muốn lớn nhất của họ là mang lại đau khổ cho những ai yêu thương họ và mong cho họ điều tốt lành. Sinuhe, không phải tôi lúc nào cũng thực sự mong điều tốt cho ông sao, vậy mà tôi được trả công bằng gì? Một cái chân què, những vết thương trên người do quân sừng đánh và một nắm đại mạch mốc để nấu cháo. Nếu vì bản thân thì tôi không bao giờ than vãn, mà vì Merit, người đã quá tốt với ông, người mà ông đã cố tình đẩy vào cái chết, như thể chính ông đâm dao vào trái tim cô ấy, bởi vì ông là một gã đàn ông. Tôi đã khóc đến cạn nước mắt vì bé Thoth mà tôi coi như con đẻ của mình, nướng bánh mật ong và hết lòng yêu thương để hãm bớt bản tính đàn ông hung dữ của cậu bé. Nhưng ông đâu để ý đến những điều này, mà chắc chắn ông hài lòng về đây, thân thể bị đánh đập, mặt mày ghẻ lở và phung phí hết của cải của mình, để nghỉ ngơi dưới căn lều mà tôi đã khó nhọc, vất vả dựng lên trên đống đổ nát của nhà ông và để tôi cho ông ăn. Tôi cược rằng khi mặt trời chưa kịp lặn, ông lại bắt đầu mè nheo đòi bia và ngày mai, ông sẽ đánh tôi bằng gậy khi tôi không chăm chỉ hầu hạ ông, bắt tôi thay ông làm việc để ông có thể nằm khoèo vì đó là bản chất của đàn ông và tôi không hề ngạc nhiên vì điều đó.

Bà đay nghiến tôi như thế mà không nghĩ gì tới lời mình nói, cho đến khi tiếng rầy la của bà trở nên quá thân thuộc với tôi khiến tôi nhớ đến mẹ Kipa, nhớ đến Merit và lòng tôi tràn ngập nỗi xót xa, uất ức không thể nào tả nổi và nước mắt tôi trào ra. Thấy thế, bà hốt hoảng nói:

- Ông phải biết chứ, Sinuhe, gã đàn ông điên rồ kia, rằng tôi không có ý xấu với lời mình nói mà chỉ cốt để ông sáng mắt ra. Thực ra tôi vẫn còn cất giấu một vốc hạt và sẽ xay ngay bây giờ rồi nấu cho

ông bát cháo ngon, rồi tôi sẽ rải sậy khô trên đống đổ nát kia làm nệm cho ông nằm, dần dần ông nên hành nghề lại và chúng ta sẽ sống qua ngày được. Nhưng ông cũng đừng lo lắng về việc này, vì tôi đã đi giặt thuê cho các nhà giàu có nhiều quần áo dính máu và tôi còn có thể kiếm thêm được nữa. Tôi nghĩ tôi có thể vay được một hũ bia từ nhà vui, nơi quân lính lấy làm doanh trại, để ông có thể khuây khỏa lòng mình. Đừng khóc lóc thảm thiết thế, Sinuhe con trai ta, vì khóc đâu còn ích lợi gì; con trai là con trai, là phải nghịch ngợm, khiến những người mẹ, người vợ phải khổ sở vì những trò quái quỷ, và ta làm gì được với những điều ấy, xưa đã thế và sau này vẫn thế. Nhưng tôi không muốn ông mang những vị thần mới về ngôi nhà này nữa, bởi nếu ông làm vậy, tôi e rằng khắp Thebes sẽ không còn đá. Tôi không muốn thế, mặc dù tôi chỉ là một mụ già tầm thường và không thể khuyên nhủ một người đàn ông có học. Tôi yêu quý Merit hơn cả con gái ruột của mình, nếu như tôi biết chút gì về việc này, vì tôi không có con đẻ, vì tôi là mụ đàn bà xấu xí và rất khinh thường đàn ông. Nhưng tôi cũng buộc phải nói rằng Merit không phải là người phụ nữ duy nhất trên thế gian, mà trên thế gian còn có những người đàn bà khác để ông vui cùng, miễn là ông ngừng khóc, bình tĩnh lại và để thời gian trôi đi. Thực vậy, Sinuhe, thời gian là liều thuốc nhân từ nhất, thời gian sẽ như cát phủ lên nỗi buồn của ông, và ông sẽ thấy trên thế gian này còn có những người đàn bà khác có thể xoa dịu thứ của quý nhỏ bé dưới khố ông, rồi ông sẽ thỏa mãn và lại béo lên, một khi đó là cái việc quan trọng nhất đối với đàn ông. Ôi trời ơi, Sinuhe, ông chủ của tôi, sao ông lại gầy đến thế, má đã hõm sâu đến nông nỗi này. Nhưng tôi sẽ nấu cháo ngon cho ông ăn, sẽ làm món rau nghiền từ mầm sậy non và vay cả bia cho ông uống, miễn là ông đừng khóc nữa.

Lời bà ấy nói khiến tôi xấu hổ vì đã để nước mắt rơi, nên tôi bình tĩnh lại và nói:

- Tôi hoàn toàn không đến đây để làm phiền bà, Muti yêu quý, mà tôi lại đi ngay đây và có thể rất lâu không trở lại, nếu như có trở lại một lúc nào đó. Vì vậy trước khi đi, tôi muốn nhìn lại ngôi nhà nơi tôi đã từng hạnh phúc, tôi muốn xòe tay vuốt ve thân cây sung dâu sần sùi của tôi, và tôi muốn đưa tay chạm vào ngưỡng cửa bằng đá nhà mình, nơi gót chân Merit và Thoth nhỏ bé đã làm mòn vẹt.

Đừng lo cho tôi, Muti ạ, tôi không thể ăn hạt mì của bà vì tôi biết ở Thebes đang rất thiếu thốn, mà tôi sẽ cố gắng gửi cho bà ít bạc để bà có thể chi dùng khi tôi đi vắng. Nhưng vì những lời của bà, tôi cầu xin phước lành cho bà, Muti ạ, như thể bà là mẹ tôi, vì bà là

một phụ nữ nhân hậu, mặc dù lời nói của bà đôi khi chọc đau như ong bắp cày.

Muti bắt đầu sụt sịt và dùng mu bàn tay thô ráp lau nước mũi, không cho tôi đi mà nhóm lửa và chuẩn bị thức ăn cho tôi từ chỗ lương thực còn lại ít ỏi của mình, khiến tôi buộc phải ăn để không làm phật lòng bà, dù mỗi miếng ăn cứ nghẹn đắng lại trong cổ họng. Muti nhìn tôi ăn, gật gù và vừa khịt mũi vừa nói:

- Ăn đi, Sinuhe, ăn đi, gã đàn ông điên rồ kia, mặc dù hạt mạch của tôi ẩm mốc, thức ăn của tôi kinh khủng và cháy khét, mà tôi không hiểu chuyện gì xảy ra với tôi hôm nay, khi loay hoay mãi mới nhóm được lửa và bánh mì lấm đầy tro. Nhưng ăn đi, Sinuhe, vì thức ăn sẽ chữa lành mọi phiền muộn, thức ăn làm người khỏe ra, làm tâm hồn sảng khoái và không gì tốt hơn thức ăn khi con người ta đã khóc rất nhiều và thấy mình quá cô đơn. Tôi đoán ông lại đi và cái đầu ngu ngốc của ông lại lao vào mọi ô lưới và cạm bẫy giăng trên đường ông đi, nhưng tôi không thể làm gì được và tôi không thể ngăn cản ông. Vì vậy, hãy ăn đi để có đủ sức, Sinuhe, rồi trở lại nữa. Tôi sẽ cầu nguyện cho ngày ông quay lại, thưa ông chủ, và tôi sẽ trung thành đợi ông. Cũng đừng lo lắng cho tôi, nếu ông thiếu bạc, như tôi đoán, vì ông đã phân phát hết của cải của mình cho nô lệ và người nghèo, những người không cảm ơn ông về điều đó mà chế nhạo sự ngu dại của ông. Đừng lo lắng cho tôi, tuy tôi đã già và khập khiễng vì bị thương, nhưng tôi rất dẻo dai và sẽ kiếm đủ bánh ăn bằng việc giặt thuê và nấu nướng, chừng nào ở Thebes còn bánh, miễn là ông trở lại, thưa ông chủ.

Thế là tôi ngồi đến tối trên đống đổ nát của ngôi nhà vốn là xưởng đúc đồng trước đây và ngọn lửa nhỏ bà Muti nhóm đã chiếu ánh sáng cô đơn lên bóng tối đầy muội than. Nhưng dù sao đây là ngôi nhà duy nhất mà tôi có trên thế gian. Vì thế, tôi đưa tay vuốt ve cái thân sần sùi của cây sung dâu và nghĩ có thể mình sẽ không bao giờ trở lại; tôi đưa tay vuốt ve bậc cửa cũ nát của ngôi nhà và nghĩ chắc chắn mình sẽ không bao giờ trở lại; rồi tôi đưa tay chạm vào các nốt sần trên bàn tay người mẹ, Muti, và nghĩ có lẽ tốt nhất là tôi không bao giờ trở lại vì tôi luôn mang đau khổ và bất hạnh đến cho những người yêu thương tôi. Bởi vậy, thà tôi sống và chết trong cô đơn, như tôi đã cô đơn đến trong đêm tối trên con thuyền sậy trôi xuôi dòng sông vào đêm tôi được sinh ra.

Khi các vì sao đã nhấp nháy và lính gác bắt đầu dùng thân giáo đập vào khiên của họ trong các con hẻm đổ nát của bến cảng để làm dân chúng sợ, tôi tạm biệt Muti và rời ngôi nhà vốn là xưởng đúc đồng ở khu nghèo của Thebes để trở lại hoàng cung của

Pharaon một lần nữa. Khi tôi đi dọc các con phố ra bờ sông, bầu trời đêm lại rực đỏ phía trên Thebes, ánh đèn từ các con phố chính chiếu sáng vào màn đêm và âm thanh dữ dội của các nhạc cụ từ phố trung tâm vọng đến tai tôi, vì đêm nay là đêm lên ngôi của Pharaon Tutankhamon và đêm lễ hội ở Thebes.

7

Nhưng cũng trong đêm đó, các giáo sĩ già đã miệt mài làm việc trong đền thờ Sekhmet, dọn sạch cỏ mọc giữa các viên đá lát nền, đặt tượng đầu sư tử vào chỗ cũ, phủ lên nó vải lanh đỏ và trang trí với những phù hiệu của chiến tranh và chết chóc. Vì sau khi đặt lên đầu Tutankhamon vương miện của cả hai vương quốc, đỏ và trắng, hoa huệ và giấy cói, Eje nói với Horemheb:

- Thời khắc của tướng quân đã đến, con trai chim ưng. Hãy ra lệnh thổi tù và tuyên bố cuộc chiến bắt đầu. Hãy để máu như cơn lũ tẩy sạch vùng đất Kemet để tất cả trở lại như trước và dân chúng quên đi ký ức về Pharaon giả.

Vì vậy ngày hôm sau, khi Pharaon Tutankhamon cùng hoàng phi của mình chơi trò đám tang với búp bê trong hoàng cung và các giáo sĩ Amon say quyền lực, đốt hương thánh trong ngôi đền lớn và nguyền rủa tên Pharaon Ekhnaton đến muôn đời, Horemheb ra lệnh thổi tù và ở tất cả các góc phố, các cánh cổng bằng đồng của đền Sekhmet được mở tung và Horemheb cùng đội quân danh dự của mình diễu hành dọc theo Đại lộ Nhân Sư vào hiến tế cho thần Sekhmet. Các giáo sĩ đã được nhận phần của mình, thợ đục đá đã dùng đục phá đá ở tất cả các thánh đường, cung điện và lăng mộ để vĩnh viễn xóa sạch cái tên Pharaon Ekhnaton bị nguyền rủa khỏi tất cả các kinh sách, bia ký để ký ức về ngài sẽ bị lãng quên. Pharaon Tutankhamon đã có phần của mình, vì các thợ xây hoàng gia đã bàn bạc với nhau về địa điểm xây lăng mộ cho ngài. Eje đã nhận được phần của mình, là cánh tay phải của Pharaon, ông ta cai trị xứ Kemet, ấn định thuế, luật lệ, việc cống nạp, việc thưởng phạt và đồng ruộng của pharaon. Giờ đến lượt Horemheb cũng được nhận phần mình và tôi theo anh ta đến đền Sekhmet vì anh ta muốn cho tôi thấy quyền lực của mình trong sự huy hoàng vĩ đại của nó, khi giờ đây, cuối cùng anh ta cũng có được cuộc chiến mà anh ta đã mưu tính và theo đuổi suốt cuộc đời.

Tuy nhiên, tôi cũng phải có lời khen Horemheb rằng vào thời

điểm anh ta thắng cuộc, anh ta coi khinh mọi sự hào nhoáng bề ngoài và chỉ muốn gây ấn tượng với dân chúng bằng cách ứng xử mộc mạc của mình. Vì vậy, anh ta đến đền thờ trong cỗ chiến xa vững chắc, trên bờm ngựa không có ngù rủ và hai bên bánh xe không có vàng sáng loáng. Thay vào đó, những mảnh đồng ở hai bên xe được đánh bóng sắc lẹm; lính giáo và lính cung diễu hành thẳng tắp phía sau anh ta, tiếng bước chân trần của họ trên đá Đại lộ Nhân Sư nhịp nhàng, dũng mãnh như tiếng sóng biển vỗ vào vách đá và lính da đen đánh thùng thùng những chiếc trống bọc da người lúc diễu hành.

Dân chúng lặng lẽ và sợ hãi nhìn theo dáng người cao lớn của anh ta nhô cao lên trên cỗ chiến xa dẫn đầu và các đội quân của anh ta lấp loáng sự no đủ trong khi cả vương quốc đang đương đầu với nạn đói. Dân chúng im lặng nhìn đoàn diễu hành của Horemheb đến đền Sekhmet như thể họ đoán được sau đêm lễ hào nhoáng, say sưa này, những đau khổ của họ sẽ bắt đầu. Đến trước đền, Horemheb rời cỗ xe và đi bộ vào đền, theo sau là các phò tá; các giáo sĩ, mặt mũi, tay chân và quần áo vẫn còn dính máu tươi, đón họ rồi dẫn họ đến trước tượng Sekhmet. Nữ thần được khoác một chiếc áo choàng đỏ thẫm, chiếc áo đẫm máu vật hiến tế dính chặt vào thân hình đá của thần, bộ ngực đá vồng lên đầy kiêu hãnh và máu rỉ xuống từng giọt từ dưới chiếc áo. Trong ánh nhập nhoạng của ngôi đền, cái đầu sư tử hung dữ của thần dường như đang chuyển động và đôi mắt đá quý nhìn chằm chằm vào Horemheb khi anh ta bóp đến vỡ quả tim vẫn còn nóng hổi của vật hiến tế trong bàn tay mình trước bàn thờ và cầu xin nữ thần ban cho chiến thắng. Các giáo sĩ vừa hoan hỉ nhảy điệu múa ăn mừng xung quanh anh ta vừa dùng dao tự gây thương tích cho mình và đồng thanh hét lên:

- Hãy là người chiến thắng trở về, Horemheb, con trai chim ưng. Hãy trở về là người chiến thắng, nữ thần sẽ hạ xuống bên tướng quân, sống động và trần truồng ôm ấp ngài.

Nhưng Horemheb không để điệu nhảy múa và tiếng reo hò của các giáo sĩ quấy rầy sự bình tâm của mình mà lạnh lùng, trang nghiêm thực hiện các nghi lễ theo phong tục, sau đó rời khỏi đền. Trong khi anh ta làm lễ hiến tế, đám đông dân chúng hoảng sợ theo tiếng tù và mời gọi kéo đến tập trung ở sân đền và quảng trường phía ngoài đền. Khi ra khỏi đền, Horemheb giơ hai bàn tay dính máu lên và nói với dân chúng:

- Hãy nghe ta nói, hỡi muôn dân xứ Kemet, vì ta là Horemheb, con trai chim ưng, ta mang chiến thắng và vinh quang muôn đời

trong tay mình cho tất cả những ai muốn theo ta vào cuộc thánh chiến. Ngay lúc này đây, các cỗ chiến xa của quân Hittite đang làm rung chuyển sa mạc Sinai, tiền quân của chúng đang tàn phá miền Hạ và chưa bao giờ xứ Kemet bị đe dọa nghiêm trọng như lúc này, bởi vương triều Kykos cổ xưa so với quân Hittite vẫn còn hiền lành và nhân đức. Quân Hittite đang đến đông vô kể và sự tàn ác của chúng thật khủng khiếp với tất cả các bộ tộc. Chúng sẽ phá hủy nhà của các ngươi, chọc mù mắt các ngươi, hãm hiếp vợ các ngươi và bắt con các ngươi làm kiếp nô lệ xoay cối, xay đá. Hạt đại mạch không mọc được nơi chiến xa của chúng đi qua và đồng ruộng biến thành hoang mạc nơi vó ngựa của chúng giày xéo. Vì vậy, cuộc chiến mà ta tuyên bố chống lại chúng là một cuộc chiến thần thánh, bởi đó là cuộc chiến vì mạng sống của các ngươi và vì các thần linh của xứ Kemet, vì con cái và nhà cửa của các ngươi. Nếu chiến thắng, chúng ta sẽ chinh phục lại Syria sau khi đánh bại quân Hittite và lấy lại sự giàu có của xứ Kemet; sự thịnh vượng trước đây cũng sẽ trở lại và mỗi một người dân lại được no đủ. Những kẻ ngoại bang đã làm nhục xứ Kemet quá lâu rồi, sự yếu kém thảm hại và các loại vũ khí nực cười của chúng ta đã bị chế nhạo một thời gian quá dài rồi. Thời khắc đã điểm và ta sẽ khôi phục lại danh tiếng thiện chiến của Kemet. Những ai tự nguyện theo ta, ta sẽ bảo đảm đủ lương thực, ta sẽ bảo đảm đủ phần chiến lợi phẩm cho người ấy, và chiến lợi phẩm sẽ nhiều vô kể để những ai cùng ta trở về trong ngày chiến thắng sẽ giàu có, hơn nhiều so với những gì họ từng mơ ước. Còn ai không tự nguyện theo ta mà chỉ đi vì bắt buộc, người đó sẽ phải è cổ vác quân dụng của những người khác, phải chịu đựng sự chế nhạo và thấy nhục nhã vì không được nhận phần chiến lợi phẩm. Vì vậy, ta tin tưởng và hy vọng rằng tất cả đàn ông trên đất Ai Cập, những ai có trái tim đàn ông và có thể giơ giáo bằng cánh tay mình sẽ tự nguyện theo ta. Bây giờ chúng ta thiếu thốn mọi thứ và nạn đói bám sát gót chúng ta, nhưng sự dư dả sẽ đến sau chiến thắng và tất cả những ai chết trong trận chiến giành tự do cho xứ Kemet sẽ bước thẳng vào cánh đồng hạnh phúc, không phải lo lắng về việc lưu giữ thi thể của mình mà thần linh Ai Cập sẽ chăm sóc anh ta. Chỉ cố gắng hết sức mới giành được đại thắng. Vì vậy, hỡi đàn bà Ai Cập, hãy bện tóc mình thành dây cung và vui vẻ tiễn chồng và con các ngươi vào cuộc thánh chiến. Hỡi đàn ông Ai Cập, hãy rèn vòng của các ngươi thành mũi giáo và đi theo ta, ta sẽ cho các ngươi một cuộc chiến chưa từng thấy trên mặt đất. Linh hồn của các pharaon vĩ đại sẽ sống dậy chiến đấu cùng chúng ta. Tất cả thần linh Ai Cập, trước tiên là Amon linh thiêng, sẽ chiến đấu bên cạnh chúng ta. Chúng ta sẽ đuổi quân Hittite khỏi xứ đất đen như một trận lũ cuốn lùa rơm trên đường đi của nó. Chúng ta sẽ giành lại sự giàu

có của Syria và lấy máu rửa sạch nỗi nhục của Ai Cập. Hãy nghe ta, tất cả quốc dân. Horemheb, con trai chim ưng, người chiến thắng, hiệu triệu.

Nói xong, anh ta hạ bàn tay đầy máu xuống bên hông, vồng ngực rắn chắc phập phồng gấp gáp vì anh ta đã cố sức nói, gào rất to. Anh ta vừa dứt lời, tiếng tù và vang lên, quân lính đập mũi giáo vào khiên và giậm chân xuống đất, đây đó vang lên tiếng hô từ trong đám đông, cho đến khi tiếng hô ấy nổi lên thành bão, cả đám đông gào lên mừng vui và giơ cao tay, máu dâng lên đầu, họ gào to hơn, mặc dù tôi nghĩ nhiều người không biết tại sao họ lại gào. Horemheb mỉm cười và bước lên cỗ chiến xa. Quân lính dẹp đường cho anh ta, dân chúng cuồng lên vì mừng vui chào đón anh ta ở cả hai bên Đại lộ Nhân Sư. Lúc ấy, tôi hiểu ra rằng niềm vui lớn nhất của người dân là được hò hét cùng nhau, chứ không phải họ hét vì điều gì, vì khi hét lên cùng người khác, ai nấy đều cảm thấy mình mạnh mẽ và việc để họ vui mừng gào lên là việc luôn luôn đúng. Còn Horemheb khá hài lòng và từ trên cỗ chiến xa kiêu hãnh giơ tay lên vẫy vẫy.

Anh ta cho đánh chiến xa thẳng đến bến cảng để bước lên chiến thuyền của thống lĩnh và vội vã rời đi Memphis, vì anh ta đã ở lại Thebes quá lâu và theo các nguồn tin thân cận nhất, quân Hittite đang chăn thả ngựa ở Tanis. Tôi lên thuyền theo anh ta và không ai ngăn tôi khi tôi đến gần anh ta và nói:

- Horemheb, Pharaon Ekhnaton đã chết, vì thế tôi không còn là danh y khoan sọ hoàng gia nữa, mà có thể tự do đi, về theo ý muốn của mình và không gì cản được tôi. Vì vậy tôi định theo anh và ra trận cùng anh, vì với tôi bây giờ, tất cả đều như nhau và tôi không còn vui vẻ với bất cứ điều gì. Nói thật, tôi muốn được thấy cuộc chiến mà cả đời mình anh luôn nhắc đến sẽ mang lại điều phúc lành gì. Tôi thật sự muốn thấy điều đó và muốn thấy liệu quyền lực của anh có tốt hơn của Ekhnaton hay không, hay chỉ các linh hồn của địa ngục cai trị thế giới.

Horemheb hết sức mừng rỡ và nói:

- Cầu mong đây là điềm tốt, mặc dù tôi không thể nghĩ rằng anh, Sinuhe, sẽ là người đầu tiên tình nguyện bước vào cuộc chiến này. Không, tôi không tin được điều này từ anh vì tôi biết anh thích sự nhàn hạ và chiếc giường êm ái hơn là những gian khổ của chiến trường. Thực tình tôi đã nghĩ anh sẽ canh giữ những lợi ích của tôi ở Thebes khi cần mẫn gieo trồng sự quen biết của anh trong hoàng cung, nhưng có lẽ như thế này tốt hơn, vì anh là người đàn

ông chân chất, ai cũng có thể dắt mũi anh và kể lể cho anh nghe chuyện của mình, vậy nên nếu anh theo tôi, ít nhất tôi sẽ có một thầy thuốc giỏi bên mình và tôi nghĩ mình cần một người như thế. Quả thật, Sinuhe, lính của tôi đã đúng khi gọi anh là Con Trai Lừa Hoang khi chúng ta cùng nhau chiến đấu chống lại quân Khabiri, vì rõ ràng anh có trái tim của lừa hoang bởi anh không sợ quân Hittite.

Trong khi anh ta nói chuyện với tôi, các tay chèo đẩy thuyền rời cầu thuyền rồi hạ mái chèo xuống nước và con thuyền căng buồm lướt trên sông, hàng cờ hiệu bay phấp phới. Dân đứng trắng kín bến cảng của Thebes và tiếng reo hò của họ như một cơn bão tràn đến tai chúng tôi. Horemheb hít một hơi thật sâu, mỉm cười và nói:

- Lời hiệu triệu của tôi đã có sức khích lệ mạnh với dân chúng, anh thấy chứ. Nhưng chúng ta vào khoang thống lĩnh của tôi đi, vì tôi muốn rửa sạch máu thiêng khỏi tay.

Tôi theo anh ta vào khoang thống lĩnh trên thuyền, anh ta đuổi viên ký lục của mình ra ngoài rồi rửa sạch vết máu trên tay, ngửi ngửi tay và lạnh lùng nói:

- Nhân danh Seth và tất cả các ác quỷ, tôi không thể nào tin là các giáo sĩ của Sekhmet vẫn làm lễ hiến tế người. Nhưng mấy lão già đó chắc rất phấn khích, vì ít nhất là đã bốn mươi năm cổng đền Sekhmet không được mở. Khi họ đòi tù nhân Hittite và Syria cho lễ hiến tế, tôi không khỏi ngạc nhiên, nhưng đã chiều theo ý họ.

Nghe lời này của anh ta, tôi kinh hãi đến nỗi đầu gối mềm rũ, nhưng Horemheb vẫn thản nhiên nói tiếp:

- Nếu biết điều đó, chắc chắn tôi không cho phép, và Sinuhe, anh có thể tin là tôi đã rất kinh hoảng khi nhận vào tay mình một trái tim người còn ấm máu trước bàn thờ. Vì thế tôi phải rửa tay ngay, nhưng nếu Sekhmet chịu hỗ trợ vũ khí cho chúng tôi, thì việc đó cũng đáng, vì tôi thật sự cần nhiều sự trợ giúp nhất có thể và hơn thế nữa, mặc dù tôi nghĩ một vài lưỡi giáo được rèn có lẽ sẽ tốt hơn và chắc chắn hơn sự ban phước của Sekhmet. Nhưng chúng ta hãy trao cho các giáo sĩ những gì thuộc về họ, họ sẽ để chúng ta yên.

Anh ta lại bắt đầu tự khen lời hiệu triệu dân chúng của mình và hy vọng tôi cũng sẽ tán dương tài hùng biện của anh ta, nhưng tôi nói rằng tôi thích lời kêu gọi của anh ta với các binh sĩ của mình ở

Jerusalem hơn. Horemheb không giấu tự ái và nói:

- Nói chuyện trước binh lính và kêu gọi dân chúng là hai chuyện rất khác nhau và khi có dịp anh sẽ lại nghe tôi nói trước binh lính. Nhưng lời hiệu triệu tôi nói trước đền thờ Sekhmet cũng là nói cho hậu thế, vì tôi đoán nó sẽ được khắc vào đá và được lưu giữ cho muôn đời sau. Do đó, phải chọn ngôn từ khác với khi nói với binh lính trước khi ra trận và phải dùng những từ ngữ đẹp đẽ, hùng hồn khiến dân chúng thán phục, khiến họ lóa mắt nhìn đen thành trắng. Chắc tôi đã không hoài công học đọc và tìm đọc các ghi chép ngày xưa những gì các pharaon và tướng lĩnh đã nói với dân chúng. Nhưng vì anh không am hiểu, tôi phải giải thích cho anh biết bài nói của tôi có tất cả những gì mà lời hiệu triệu mọi thời cần có khi tuyên bố bắt đầu cuộc chiến. Thứ nhất, tôi tuyên bố cuộc chiến chống lại người Hittite là một cuộc chiến tự vệ và khích lệ người dân vùng lên chống lại kẻ xâm lược đã vượt qua biên giới Ai Cập vào tàn phá đất nước. Điều này nói rộng ra là đúng, mà tôi cũng không giấu giếm rằng tôi muốn giành lại Syria về cho Ai Cập. Thứ hai, tôi chỉ ra rằng mọi việc sẽ tốt đẹp với tất cả những ai tự nguyện đi theo tôi, còn sẽ rất thảm hại với những ai miễn cưỡng ra trận. Thứ ba, tôi giải thích rằng đây là một cuộc thánh chiến và tôi kêu gọi tất cả thần linh Ai Cập giúp đỡ. Thật ra, tôi không hiểu tại sao đất nước này lại thiêng liêng hơn đất nước khác, hay các vị thần Ai Cập lại mạnh hơn các vị thần Hittite, nhưng theo như những gì tôi đã đọc từ các bản khắc và nghe các chiến binh xưa kể lại thì trong lời hiệu triệu khi bắt đầu cuộc chiến phải có lời kêu gọi các thần linh và một vị tướng giỏi luôn phải nhớ đến thần linh khi nói. Dân chúng thích điều ấy dù nó có thật sự có ích hay không và cả anh nữa, Sinuhe, cũng phải công nhận rằng lời hiệu triệu của tôi tác động mạnh tới dân chúng, mặc dù để cho chắc chắn, tôi đã sai người của mình lẫn vào đám đông, hét lên ca ngợi tôi. Anh cũng cần lưu ý, Sinuhe ạ, là tôi đã hứa với họ chiến thắng mà không thổi phồng những khó khăn đang ở phía trước chúng ta, vì theo thời gian dân chúng sẽ phải nếm trải khó khăn và đau khổ nên không có lý do gì để làm họ lo sợ quá sớm. Nhưng trong cuộc chiến này, phải qua nhiều gian khổ mới đến được chiến thắng và khi ra trận với những đội quân chưa qua rèn luyện, không giáo mác và không chiến xa chống lại quân Hittite, tôi thấy mình như một cậu bé lấy thân sậy khô chọc vào mõm sư tử. Tuy nhiên, tôi tin tưởng chiến thắng cuối cùng sẽ thuộc về mình, vì tôi được sinh ra để làm những việc lớn lao, chỉ sợ rằng rất nhiều người sẽ phải chết trước khi đến được lúc đó.

- Horemheb, - tôi hỏi anh ta, - điều gì không thiêng liêng với anh?

Anh ta ngẫm nghĩ một lúc rồi đáp:

- Một người cầm quân và cai trị vĩ đại phải nhìn thấu qua tất cả ngôn từ và mọi điều tưởng tượng, nhưng bản thân phải biết sử dụng ngôn từ và khả năng tưởng tượng như vũ khí trong tay mình. Tôi thừa nhận, Sinuhe ạ, rằng chiến tranh là gian truân và làm cuộc sống tẻ nhạt, nhưng có lẽ cảm giác mình cai trị người khác bằng ý chí của mình và dùng họ làm nên việc lớn sẽ mang lại niềm vui khác. Khi còn trẻ hơn, tôi tin vào giáo và chim ưng của mình, bây giờ tôi chỉ còn tin vào ý chí và tôi biết rằng ý chí của mình là số phận của mình. Nhưng ý chí của tôi bào mòn tôi như thể viên mài bào mòn đá. Vì thế, tôi không có một phút nghỉ ngơi, đêm cũng như ngày, khi thao thức cũng như khi ngủ và khi muốn nghỉ ngơi một lát, tôi không có cách nào ngoài việc uống đến say xỉn. Khi còn trẻ hơn, tôi tin vào tình bạn và cũng tin rằng mình yêu người phụ nữ ấy, sự miệt thị và chống đối của nàng làm tôi điên lên, nhưng bây giờ tôi biết với tôi không ai là cái đích để đạt được mà ai cũng chỉ là công cụ, và người phụ nữ ấy chỉ còn là công cụ đối với tôi. Tôi, Horemheb, là trung tâm của tất cả, mọi thứ bắt đầu từ tôi và tất cả sẽ quay lại với tôi. Tôi là Ai Cập, tôi là muôn dân. Vì vậy, khi làm cho Ai Cập vĩ đại và hùng mạnh trở lại, tôi làm cho mình trở nên vĩ đại và hùng mạnh. Không điều gì đúng đắn và vừa vặn hơn, như anh hiểu, Sinuhe ạ.

Lời nói của anh ta có lẽ sẽ tác động đến ai đó chưa từng biết anh ta, nhưng tôi biết anh ta khi còn là một thanh niên khoác lác và ở Hetnetsut tôi đã gặp cha mẹ anh ta, hai người sặc mùi pho mát và gia súc, cho dù anh ta đã nâng họ lên tầng lớp cao quý. Vậy nên tôi không thể kính trọng anh ta, dù rõ ràng anh ta đang cố gắng dùng lời nói biến mình thành thần thánh trước mặt tôi. Nhưng tôi giấu suy nghĩ của mình trước anh ta và bắt đầu kể cho anh ta nghe về chuyện Công chúa Baketamon đã rất phẫn nộ khi không được dành cho một vị trí danh giá trong đoàn hộ giá lễ ăn mừng của Tutankhamon. Horemheb lắng nghe tôi như nuốt từng lời và mời rượu tôi để tôi có thể kể cho anh ta nghe nhiều hơn về Baketamon. Thế là chúng tôi uống rượu khi xuôi dòng sông về phía Memphis và khi chiến xa của quân Hittite đang tàn phá miền Hạ.

Sách thứ mười bốn
Cuộc chiến thần thánh

1

Để chiêu mộ binh lính và quân lương cho cuộc thánh chiến, Horemheb đã hiệu triệu tất cả những người giàu của Ai Cập đến bản doanh của mình ở Memphis và nói với họ:

- Tất cả các ngươi đều giàu có, còn ta chỉ là mục đồng sinh ra với kẽ chân đầy phân. Nhưng Amon đã ban phước cho ta và Pharaon đã trao cho ta sứ mệnh chỉ huy cuộc chiến; kẻ thù đang đe dọa đất nước ta lại vô cùng tàn bạo và đáng sợ, như các ngươi đã biết quá rõ. Ta rất vui khi biết tất cả các ngươi đã đồng lòng rằng chiến tranh đòi hỏi sự hy sinh của mọi người, vì thế các ngươi đã giảm bớt lượng ngũ cốc dành cho nô lệ của mình và cho các nông phu, tăng giá tất cả các mặt hàng trên khắp Ai Cập. Từ những việc làm và lời nói của các ngươi, ta hiểu rằng các ngươi cũng đã sẵn sàng cho những hy sinh lớn lao vì bổn phận mà vị thế của các ngươi đòi hỏi. Điều này là thật tốt và khiến ta rất vui, bởi để có chi phí cho cuộc chiến, chiêu mộ binh lính, sản xuất chiến xa và nhiều việc khác thuộc về chiến tranh mà các ngươi không hiểu, ta quyết định vay một phần tài sản của các ngươi và vì điều này đã sai thu thập dữ liệu về các ngươi qua sổ sách sưu thuế, nhưng vẫn không hài lòng về việc này nên ta đã cho tìm hiểu thêm những việc khác về các ngươi, vậy nên ta biết được tất cả tài sản mà các ngươi đã giấu thuế vụ trong thời kỳ Pharaon giả. Nhưng giờ đây, Pharaon thật cai trị dưới danh nghĩa Amon, các ngươi không cần phải giấu giếm tài sản của mình mà có thể công khai và tự hào đóng góp cho

cuộc chiến. Vì vậy, mỗi người phải ngay lập tức cho ta vay một nửa tài sản của mình, không quan trọng tài sản đó bằng vàng bạc, ngũ cốc hay lừa ngựa và cỗ xe, mà miễn là các ngươi phải thật nhanh.

Nghe điều này, đám người giàu kêu than ầm ĩ và dứt áo xống nói:

- Pharaon giả đã làm chúng tôi khánh kiệt và giờ chúng tôi là những người nghèo khổ, số liệu mà ngài thu thập được về chúng tôi là sai lệch. Nhưng ngài lấy gì đảm bảo nếu chúng tôi cho ngài vay một nửa tài sản của mình; ngài sẽ trả cho chúng tôi với lãi suất bao nhiêu?

Horemheb thân thiện nhìn họ và nói:

- Lời đảm bảo của ta là chiến thắng mà ta mong muốn sẽ giành được càng sớm càng tốt với sự giúp đỡ của các ngươi, những người bạn quý mến. Nếu ta không chiến thắng, quân Hittite sẽ đến và lấy đi của các ngươi tất cả, vì thế ta nghĩ sự đảm bảo này là hoàn toàn xứng đáng. Về lãi suất, ta muốn thỏa thuận riêng với từng người và hy vọng rằng thỏa thuận đó sẽ làm hài lòng các ngươi. Nhưng các ngươi đã kêu van quá sớm, bởi ta vẫn chưa nói xong. Ta yêu cầu các ngươi cho ta vay một nửa tài sản của mình ngay lập tức, chỉ cho vay thôi, những người tốt bụng ạ. Sau bốn tuần trăng, các ngươi phải cho ta vay một nửa những gì còn lại, và sau một năm, cho vay tiếp một nửa số còn lại mà theo cách này các ngươi vẫn còn tài sản của mình. Chính các ngươi sẽ tính được mình còn lại bao nhiêu là tốt nhất, nhưng ta tin chắc các ngươi vẫn còn đủ để múc đầy bát cháo cho đến cuối đời mình, vì vậy ta hoàn toàn không cướp của các ngươi.

Lúc đó, những người giàu vừa lăn lộn trước mặt anh ta vừa kêu ca và gào khóc rất thảm thiết; họ đập trán xuống sàn đến tóe máu và gào lên rằng thà họ đầu hàng quân Hittite còn hơn. Horemheb giả vờ kinh ngạc và nói:

- Nếu vậy, ta sẽ làm theo ý muốn của các ngươi, song ta nghĩ rằng binh lính của ta, những người xả thân trong cuộc chiến, sẽ đau khổ ghê gớm khi biết các ngươi không muốn mất gì cho chiến tranh. Thật tình mà nói, ta đang nghĩ có khi binh lính của ta đang cầm thừng trên tay, đứng đợi trước cửa nhà tất cả các ngươi để trói các ngươi, đưa lên thuyền chở đi và nộp cho quân Hittite, như các ngươi muốn. Điều này khiến ta vô cùng thất vọng và không hiểu được các ngươi vui sướng gì với tài sản còn lại của mình, khi chính các ngươi, mắt bị đâm thủng, lưng còng vì quay cối xay đá

của người Hittite. Nhưng chính các ngươi muốn thế nên tốt nhất là ta sẽ bảo cho binh lính biết ý định của các ngươi.

Nghe đến đây, những người giàu kinh hoàng hét lên, sụp xuống ôm đầu gối anh ta và vừa đồng ý với tất cả những gì anh ta yêu cầu vừa nguyền rủa anh ta thậm tệ. Nhưng anh ta an ủi họ:

- Ta gọi các ngươi đến đây vì ta biết các ngươi yêu quý Ai Cập và sẵn sàng hiến dâng thật nhiều cho Ai Cập. Các ngươi cũng là những người giàu nhất Ai Cập và mỗi người tự làm giàu theo nỗ lực của mình. Vì thế, ta tin chắc các ngươi sẽ sớm giàu có trở lại, bởi vì người giàu sẽ ngày càng giàu hơn, mặc dù đôi lúc cũng nên bị ép để phần thừa mứa ứa ra ngoài. Hỡi các quý ông thân mến, các ngươi là vườn cây quý giá mà ta vô cùng yêu quý, dù ta có ép các ngươi như ép lựu khiến nước hạt trào ra qua kẽ tay, nhưng là người làm vườn giỏi, ta không muốn làm hỏng những cây đang cho trái ngọt, mà chỉ vừa lòng với việc đôi lúc thu hoạch quả. Các ngươi cũng cần nhớ rằng ta sẽ đem đến cho các ngươi một cuộc chiến vĩ đại, lớn hơn những gì các ngươi mơ ước. Trong chiến tranh, ai đã giàu sẽ giàu hơn và sẽ càng giàu hơn nữa nếu càng trụ lại được lâu trong cuộc chiến, không bất cứ thế lực nào trên thế giới, kể cả thuế vụ của pharaon, có thể ngăn cản được việc này. Vì vậy, các ngươi phải cảm ơn ta mới phải và ta sẽ ban phước lành trọn vẹn của ta cho các ngươi khi để các ngươi trở về nhà. Hãy yên tâm về và chăm cho mình béo tốt trở lại như ký sinh trùng bụng đầy trứng vì điều đó không ai ngăn cấm được. Ta không ngăn cấm việc các ngươi thỉnh thoảng gửi thêm quà cho ta, bởi vì các ngươi phải nhớ rằng ta sẽ chinh phục lại Syria. Các ngươi biết rất rõ ý nghĩa của vùng đất đó đối với Ai Cập và nhất là với các ngươi, nếu ta nhớ đến các ngươi với đầy thiện ý khi chinh phục xong Syria. Vậy cứ kêu khóc đi nếu các ngươi muốn và nếu làm như thế khiến các ngươi dễ chịu hơn; ta sẵn lòng nghe tiếng khóc của các ngươi, bởi nó như tiếng vàng leng keng bên tai ta.

Bằng cách đó, anh ta đã xua đám người giàu khỏi bản doanh. Họ vừa than khóc bỏ đi vừa bứt xé quần áo, nhưng khi vừa bước ra cửa, họ ngừng khóc rồi bắt đầu háo hức tính xem mình sẽ bị thiệt hại bao nhiêu và lên kế hoạch làm cách nào thu lại được. Còn Horemheb nói với tôi:

- Tôi đã cho họ món quà là cuộc chiến và từ lúc này, họ có thể đổ tội cho quân Hittite về tất cả những điều tệ hại sẽ xảy ra khi họ cướp bóc người dân, cũng như Pharaon có thể đổ tội cho quân Hittite về nạn đói và sự khốn khổ sẽ theo chiến tranh tràn đến xứ Kemet. Vì cuối cùng, dĩ nhiên, người dân sẽ phải gánh chịu tất cả;

kẻ giàu sẽ cướp lại của người dân gấp nhiều lần những gì họ cho tôi vay, sau đó tôi sẽ ép họ để mỡ phải chảy ra. Với tôi, việc này thích hợp hơn việc thu thuế chiến tranh, vì nếu tôi thu thuế chiến tranh từ người dân, họ sẽ nguyền rủa tôi, nhưng khi tôi lấy từ kẻ giàu cho cuộc chiến, người dân sẽ cầu nguyện cho tôi và cho là tôi công tâm. Bởi tôi phải thật cẩn trọng bảo vệ danh tiếng của mình cho vị thế cao quý mình sắp bước lên.

Lúc này, cả đồng bằng ngập trong biển lửa; các toán tuần tra Hittite đã đốt cháy làng mạc và để cho ngựa của chúng ăn lúa mạch đang lên xanh. Từng đoàn, từng đoàn tị nạn chạy đến Memphis và kể những câu chuyện khủng khiếp về sự tàn phá điên cuồng của quân Hittite, khiến nỗi sợ hãi bóp nghẹt tim tôi, chân tay tôi bủn rủn và tôi giục Horemheb phải khẩn trương lên. Nhưng anh ta bình thản mỉm cười và nói:

- Phải hoàn toàn án binh bất động, mặc dù trong nỗi nôn nóng của mình, anh chê trách tôi làm như thế. Sự nguy hiểm đe dọa Ai Cập không lớn lắm cho đến khi bộ binh Hittite vượt qua được sa mạc tiến vào xứ đất đen. Nghệ thuật chiến tranh của chúng chủ yếu dựa vào sức mạnh của chiến xa, nhưng ở xứ đất đen, hệ thống mương máng sẽ cản trở chiến xa di chuyển và chúng sẽ mất thời gian chuyển binh từ nơi này sang nơi khác, tàn phá những làng mạc thứ yếu và xéo nát các cánh đồng. Trong nước càng khan hiếm ngũ cốc, càng nhiều đàn ông Ai Cập vui vẻ đến dưới đuôi sư tử của tôi, nơi mà ai cũng biết sẽ có lương ăn và cả bia uống.

Quả thật, người đói khát, người mất nhà cửa và gia đình vì Aton không còn nghĩ đến mạng sống của mình, người thèm muốn chiến lợi phẩm và thích phiêu lưu, tất cả từ khắp Ai Cập đổ về Memphis. Horemheb phớt lờ các giáo sĩ, tha tội cho tất cả những ai đã từng đóng góp vào việc xây dựng vương quốc Aton và thả tù nhân từ các mỏ đá để họ sung vào lính. Thế là Memphis nhanh chóng giống như một doanh trại rộng lớn và cuộc sống trở nên bất yên, người ta ẩu đả và đánh nhau bị thương hằng đêm trong các nhà vui và tửu quán, còn dân lành chỉ ở trong nhà, sống trong hoảng loạn và sợ hãi. Nhưng từ các binh xưởng vang lên tiếng búa chát chúa của thợ rèn rèn tên, giáo và nỗi sợ hãi, căm thù quân Hittite lan rộng đến mức ngay cả những người đàn bà nghèo cũng hiến tặng đồ trang sức bằng đồng của họ.

Thuyền từ các hải đảo và từ Crete vẫn cập bến Ai Cập và vì chiến tranh, Horemheb trưng dụng tất cả thuyền bè, thuê các thủy thủ và thuyền trưởng về phục vụ mình. Anh ta cũng bắt giữ các thuyền chiến của Crete và thuyết dụ thủy thủ các thuyền này

phục vụ Ai Cập, vì các thuyền chiến này căng buồm chạy dọc biển từ cảng này sang cảng khác mà không muốn quay trở lại Crete vì không biết chuyện gì đang xảy ra ở đó. Họ nghe nói một cuộc nổi dậy của nô lệ đã nổ ra ở Crete và thành phố cao nguyên của giới quyền quý này đã cháy như những ngọn đuốc sáng rực đến tận ngoài khơi trong nhiều tuần liền. Nhưng không ai biết rõ chuyện gì đã thật sự xảy ra ở Crete và các thủy thủ Crete vẫn quen nói dối, khiến không ai tin lời họ. Có người quả quyết quân Hittite đã tấn công Crete, nhưng sao điều đó có thể xảy ra được, vì người Hittite không phải là dân biển, tôi thật sự không hiểu nổi. Số khác lại kể rằng những toán dân da trắng bí ẩn đã dong thuyền từ phía bắc xuống tiêu diệt và cướp bóc Crete, đánh bại thủy quân Crete khi hầu hết thuyền chiến đang canh giữ đường biển gần Syria. Nhưng người Crete lại khăng khăng rằng tai họa xảy ra vì thần Crete đã chết. Vì vậy, họ vui lòng làm thuê cho Ai Cập, trong khi các thuyền của Crete đến Syria đã được Aziru và người Hittite thuê lại.

Dù thế nào, những việc này đều rất có lợi cho Horemheb, vì cả vùng biển đã hoàn toàn hỗn loạn, tất cả đánh giết nhau để giành giật thuyền. Một cuộc nổi dậy chống lại Aziru cũng đã nổ ra ở Tyros và những người sống sót lên thuyền đến Ai Cập để trốn, đầu hàng và gia nhập quân đội của Horemheb. Bằng cách này, Horemheb chiêu mộ được các đội thuyền, trang bị thành thuyền chiến với đội thủy thủ giàu kinh nghiệm, nhưng tất cả những việc này tốn kém bao nhiêu tôi không định tính làm gì, vì việc đóng và trang bị thuyền chiến ngày càng đắt đỏ hơn, khiến chiến tranh trên biển tiêu tốn nhiều vàng hơn bất cứ cuộc chiến nào trên đất liền.

Khi những điều này xảy ra, Gaza vẫn còn cố thủ vững vàng ở Syria và Horemheb cùng quân đội của mình rời Memphis sau vụ mùa khi lũ bắt đầu đổ về. Anh ta gửi tin vượt vòng vây đến Gaza bằng đường bộ và đường biển. Chiếc thuyền chở đầy ngũ cốc cập cảng Gaza trong đêm đem theo lệnh của Horemheb: "Hãy giữ lấy Gaza! Hãy giữ vững Gaza bằng mọi giá!". Khi những kẻ phá tường rầm rầm đập cổng Gaza và mái các tòa nhà trong thành phố phừng phừng bốc cháy mà không ai kịp dập, những mũi tên lao vút vào trong thành mang theo lời nhắn: "Horemheb ra lệnh: Hãy giữ lấy Gaza!". Và khi quân Hittite ném những hũ nút kín đựng đầy rắn độc vào phía trong các bức tường thành, chúng vỡ ra và trong đó chỉ có đầy đại mạch và lệnh của Horemheb: "Hãy giữ lấy Gaza!". Tôi không thể hiểu làm cách nào mà Gaza có thể cầm cự nổi trong vòng vây của liên quân Hittite và Aziru, nhưng viên trấn thủ thành cau có, kẻ từng nhìn thấy tôi được kéo lên tường thành trong cái giỏ, chắc chắn rất xứng đáng với danh tiếng mà anh ta

nhận được khi giữ vững Gaza cho Ai Cập.

Khi nước sông bắt đầu dâng cao, Horemheb rời Memphis, gấp rút tiến về hướng Tanis và dồn toàn lực đoàn chiến xa tấn công quân Hittite tại chỗ ngoặt của sông, nơi quân Hittite chăn thả ngựa vì nghĩ dòng sông sẽ bảo vệ chúng khỏi bị tấn công bất ngờ từ ba phía. Nhưng tận dụng màn đêm, quân Horemheb đã đào sâu thêm những con mương khô cạn suốt mùa hè và không ai dọn dẹp, để nước sông tràn vào đầy ắp. Sáng ra, quân Hittite mới biết mình đã bị bao vây trên một hòn đảo, bốn bề là nước, khiến những cỗ chiến xa của chúng trở nên vô dụng. Chúng bắt đầu đập phá chiến xa và giết ngựa; thấy thế, Horemheb vô cùng tức giận vì anh ta đã làm tất cả cốt để giành được những chiến xa nguyên vẹn và đàn ngựa khỏe mạnh về tay mình. Vì vậy, anh ta cho thổi tù và, hạ lệnh tấn công quân Hittite, và các đội quân Ai Cập dù chưa qua huấn luyện đã dễ dàng đánh bại quân Hittite khi chúng rời các cỗ chiến xa xuống chiến đấu trên mặt đất. Bằng cách này, Horemheb đã thu được một trăm cỗ chiến xa với ba trăm con ngựa; anh ta vội vàng cho sơn lên các cỗ xe cờ hiệu Ai Cập, đóng ấn chiến mã Ai Cập lên những con ngựa vừa thu được. Nhưng ý nghĩa của chiến thắng to lớn hơn nhiều so với chiến lợi phẩm vì sau trận này, người Ai Cập không còn tin rằng quân Hittite là bất khả chiến bại.

Sau trận chiến, Horemheb thu gom tất cả chiến xa và chiến mã rồi dẫn đầu đoàn quân tiến thẳng đến Tanis, để lại bộ binh chậm chạp và đội xe tải lương phía sau. Mặt bừng bừng nhiệt huyết, anh ta nói với tôi:

- Một khi anh định đánh thì hãy đánh trước và đánh thật mạnh.

Vì vậy, anh ta phóng đến Tanis cùng các cỗ chiến xa, để mặc vùng hạ lưu cho quân Hittite cướp phá, rồi từ Tanis, anh ta tiếp tục tiến thẳng vào sa mạc, đánh bại các đội quân Hittite bảo vệ kho dự trữ nước và lần lượt chiếm hết các kho nước trong sa mạc. Quân Hittite đã chuẩn bị hàng ngàn, hàng trăm ngàn chum nước trong sa mạc cho bộ binh của chúng, vì chúng không phải là dân biển và cũng không dám mạo hiểm đổ bộ bằng đường biển vào Ai Cập. Không xót thương ngựa chiến, Horemheb cùng các đội quân của mình phóng về phía trước. Rất nhiều ngựa chết trong cuộc tiến quân thần tốc này, nhưng những người chứng kiến cuộc tiến quân kể lại rằng hàng trăm chiến xa lao nhanh trong sa mạc khiến cát sa mạc tạo thành một cột bụi vươn tận trời cao và anh ta bay về phía trước không khác gì một cơn lốc. Đêm đêm, thêm nhiều đống lửa hiệu được đốt sáng trên các sườn núi kéo dài tận Sinai, để quân ô hợp từ nơi ẩn nấp xông ra tấn công và tiêu diệt đội lính gác

Hittite và các kho chứa ở khắp nơi trong sa mạc. Từ đó lan truyền một huyền thoại rằng Horemheb trong hình dáng một cột bão lốc vào ban ngày và cột lửa vào ban đêm vượt qua sa mạc Sinai tấn công Syria. Sau chuyến chinh phạt này, danh tiếng của anh ta ngày càng tăng, đến mức người ta bắt đầu kể về anh ta như kể truyền thuyết về các vị thần và không chỉ dân Ai Cập mà cả người Syria cũng kể những giai thoại về anh ta và có lẽ họ có đủ lý do để làm như thế.

Horemheb lần lượt đánh chiếm các kho nước ở Sinai khiến quân Hittite hết sức bất ngờ; chúng không tưởng tượng nổi rằng anh ta dám tấn công vào sa mạc trong khi quân tiên phong của chúng đang cướp phá ở hạ lưu và biết quá rõ điểm yếu của Ai Cập. Các đội chiến binh của chúng cũng không tập trung một chỗ, mà buộc phải phân tán vào các thị trấn và làng mạc của Syria chờ Gaza thất thủ, vì vùng quanh Gaza và rìa sa mạc không thể nuôi nổi một đội quân quá lớn mà quân Hittite đã dồn về Syria để buộc Ai Cập quy phục. Người Hittite rất cẩn trọng trong cuộc chiến, chỉ tấn công khi biết chắc ưu thế đang thuộc về mình và các chỉ huy đã đánh dấu trên đĩa đất sét mọi bãi chăn thả, nguồn nước và làng mạc trong khu vực chúng định tấn công. Vì sự đề phòng này, chúng đã trì hoãn tấn công nên cuộc đột kích của Horemheb đã làm chúng bất ngờ, vì trước đó chưa ai dám tấn công chúng trước và vì chúng nghĩ Ai Cập không có đủ chiến xa để thực hiện một cuộc tấn công lớn như vậy. Quân Hittite vô cùng bối rối khi các chiến xa của Horemheb xuất hiện bên rìa sa mạc ở Syria và mất nhiều thời gian để do thám và tìm hiểu về số lượng chiến xa cũng như mục đích của cuộc đột kích.

Nhưng không ai ngoài Horemheb biết mục đích của cuộc đột kích, mà ngay cả anh ta cũng không biết một cách tường tận, vì sau này anh ta mới kể với tôi rằng ý định của anh ta cũng chỉ là phá hủy các kho nước của quân Hittite trên sa mạc nhằm cản phá cuộc tấn công của chúng và trì hoãn nó thêm một năm nữa để trong thời gian đó có thể yên tâm cho quân đội luyện tập và chuẩn bị cho một cuộc chiến lớn. Nhưng chiến thắng ngoài dự định đã khiến anh ta choáng váng và lính điều khiển chiến xa của anh ta hoa mắt vì chiến thắng quá dễ dàng. Do đó, anh ta đánh chiến xa lao thẳng đến Gaza như cơn gió lốc, tấn công quân bao vây từ phía sau, xé lẻ chúng, phá hủy các cỗ máy phá tường và đốt cháy doanh trại của chúng. Nhưng Horemheb không thể vào được thành Gaza vì khi nhận ra lượng chiến xa ít ỏi của đối phương, quân bao vây phản công lại, và viên trấn thủ cau có và cứng đầu của pháo đài Gaza lại không chịu mở cổng thành ngay cả cho Horemheb khi sự hỗn loạn diễn ra khắp nơi.

Cứ đà này, Horemheb sẽ bị tổn thất nặng nề nếu quân bao vây có chiến xa tấn công, nhưng các chiến xa này đã được chia ra thành từng đội nhỏ dọc Syria, vì việc bao vây Gaza không cần đến chúng, đồng thời quân Hittite và Aziru muốn cho ngựa nghỉ ngơi, ăn no dưỡng sức trước cuộc tấn công lớn vào Ai Cập. Nhờ vậy, Horemheb quay lại sa mạc và kịp phá hủy các kho nước bên rìa sa mạc ở Syria trước khi quân Hittite điên cuồng tập trung đủ chiến xa để phản công. Vì thận trọng, chúng không muốn đặt các đội chiến xa quý giá của mình vào vòng nguy hiểm, mà muốn nắm chắc phần thắng nên đã trì hoãn để tập hợp đủ chiến xa đánh lại Horemheb, vì chỉ một đội một trăm chiến xa cũng đủ sức đánh tan đoàn chiến xa đã quá kiệt sức và mệt lả vì chặng hành quân dài của Horemheb. Từ sự thật này suy ra, Horemheb đã đoán rất đúng là mình đang có chim ưng bên cạnh và nhớ lại bụi cây cháy ở vùng núi Sinai nên anh ta đã truyền lệnh tới lính giáo và lính cung, đốc thúc các đội quân tiến nhanh vào sa mạc dọc theo con đường do quân Hittite làm với hàng ngàn, hàng trăm chum nước để sẵn hai bên đường đủ cung cấp cho một đoàn bộ binh lớn. Thế là anh ta quyết định tiếp tục cuộc chiến trong sa mạc, dù sa mạc thích hợp hơn với các chiến xa và sức mạnh của Hittite chủ yếu dựa vào các cỗ chiến xa của chúng. Nhưng tôi nghĩ anh ta không còn cách nào khác, vì sau khi đã tránh được để không đụng đầu với quân Hittite đang điên cuồng trở lại sa mạc, anh ta cũng như lính chiến xa và ngựa đã quá mệt mỏi và có thể không sống sót nổi để trở về miền Hạ. Mà Horemheb lại không muốn bỏ mặc những người lính dũng cảm của mình chết đói trong sa mạc nên quyết định ở lại với họ và kêu gọi toàn quân tiến vào sa mạc, một điều chưa từng xảy ra trước đây, vì các pharaon vĩ đại khi lâm chiến ở đất Naharani luôn cho thuyền chở quân tới các thành phố Syria vào mùa thu, rồi từ đó tiếp tục tiến theo đường bộ. Nhưng khi ấy Syria thuộc quyền cai trị của Ai Cập, còn dưới quyền của Horemheb chỉ có Gaza và anh ta không có ưu thế trên biển.

Tất cả những gì tôi kể trên đây về cuộc tấn công quân Hittite đầu tiên của Horemheb, tôi nghe lại từ anh ta và người của anh ta cùng với những huyền thoại sau này người ta lan truyền, chứ bản thân tôi không đi cùng anh ta vì nếu đi cùng, chắc chắn tôi không còn sống để kể lại. Chỉ những người lính mạnh mẽ và ngoan cường nhất mới có thể đi cùng anh ta. Anh ta để tôi lại ở miền Hạ và đi theo bộ binh, với lý do là hoàn cảnh trong lúc tấn công không cho phép chữa trị hoặc băng bó vết thương, mà ai bị rơi khỏi chiến xa hay bị thương ở đâu sẽ nằm lại ở đó và được chọn dùng dao tự cắt cổ mình hay phó mặc cho lòng thương hại của quân Hittite. Anh ta nghĩ những người bị thương có quá đủ điều

để nghĩ khi nằm trên đất trong vũng máu của chính mình, do đó họ sẽ không kịp có thời gian và cũng không thấy vết thương đau đớn, hoặc cũng chẳng thiết băng bó hay bôi thuốc mỡ vào vết thương. Đúng như người ta kể lại, hầu hết những người rơi khỏi chiến xa đều chọn dùng dao, song một số ít vẫn rơi vào tay quân Hittite và bị chúng lột da làm ví và túi thêu trong lúc ngưng chiến, vì người Hittite rất thành thạo những nghề thủ công như vậy.

Nhưng những điều này thật đến mức nào, tôi không thể nói, vì Horemheb vốn rất thích khoe khoang và lính chiến xa của anh ta còn phét lác hơn nhiều. Ý tôi muốn nói là chỉ một số ít người còn sống sau cuộc chiến và không phải mọi điều họ kể lại đều đáng tin. Có những huyền thoại thậm chí ngớ ngẩn và tôi cũng không muốn kể, những huyền thoại kiểu như Horemheb trong hình chim ưng bay trước đoàn chiến xa của anh ta khiến ngựa Hittite sợ chạy tán loạn, hay hình ảnh cột lốc xoáy và cột lửa mà tôi đã kể ở trên, nhưng tôi chỉ kể nhằm chỉ ra huyền thoại này được bắt đầu như thế nào. Dù sao, với cuộc tấn công chớp nhoáng này, anh ta đã chiếm được các kho nước ở sa mạc mà quân Hittite đã vất vả và tốn kém tích trữ hàng trăm ngàn chum nước trong một thời gian dài; anh ta đã giãn được vòng vây hãm Gaza và khích lệ quân phòng thủ pháo đài bằng việc gửi tới họ thông điệp được cả đội quân đứng trước bức tường thành đồng thanh gào lên: "Hãy giữ lấy Gaza! Vì Ai Cập, hãy giữ lấy Gaza!".

Còn chiến lợi phẩm từ cuộc đột kích này là rất ít ỏi và những lính chiến xa theo anh ta hoàn toàn không giàu lên chút nào sau cuộc chinh chiến này, vì chum nước lại chỉ là chum khi nước trong đó đã uống cạn, dù nước trong sa mạc đôi khi quý như vàng. Trước thành Gaza, những binh lính làm trái lệnh cấm của Horemheb, rời khỏi chiến xa để xuống tranh giành, cướp bóc trong doanh trại quân Hittite, đều bị chết thảm thương, đầu cắm trên đầu cọc, mặt nhăn nhó hướng về những bức tường cao của Gaza, da bị nhét đầy thân sậy làm đệm nằm và đệm gối đầu trong lều của các chỉ huy Hittite.

Nhưng có lẽ vì tôi không phải chiến binh mà chỉ là thường dân và là thầy thuốc nên không đánh giá đủ tầm quan trọng của cuộc đột kích này. Có thể cuộc tấn công đã thật sự cứu được Ai Cập, như Horemheb tuyên bố, và những người lính đi theo anh ta vì thế xứng đáng nhận được vinh quang mãi mãi. Nhưng với niềm vinh quang ấy, họ không thể cắt cho mình quần áo, cũng không thể xây nhà, mua vườn tược và đất đai để an hưởng tuổi già và tôi nghĩ nhiều người trong số họ sẵn lòng đổi vinh quang này lấy một vốc

bạc nếu họ được lựa chọn, bởi họ rên rỉ vì chiến lợi phẩm quá ít và không có gì trong tay.

Nếu tôi có mặt trong cuộc tấn công này, có thể tôi đánh giá nó theo cách khác, vì chắc chắn trong những lúc cấp bách ngặt nghèo, trong tiếng rầm rầm của các cỗ chiến xa và trong chiến thắng có điều gì đó làm ta mê mẩn, làm người lính say hơn rượu và quên đi nỗi đau khổ của mình. Còn tôi chỉ thấy dấu vết của cuộc tấn công này từ trên chiếc kiệu của mình trong sa mạc khi theo bộ binh hành quân thần tốc bám sau Horemheb trong cái nóng như đổ lửa và bụi mù trời. Tôi không thấy gì ngoài những xác chiến binh từ trên chiến xa rơi xuống chỗ này chỗ kia, cổ bị ngoẹo và cái bụng đen sì bị kền kền sa mạc rỉa nát. Tôi không thấy gì ngoài những xác ngựa chết đói đã khô, những chiếc chum vỡ nước tràn ra cát, xác của lính gác Hittite bị các toán cướp và quân ô hợp ở sa mạc cướp bóc sau khi quân Horemheb phóng qua, những cái xác bị cắt xẻo và cắm vào đầu những chiếc cọc dựng xung quanh các trạm chứa nước làm dấu hiệu chiến thắng. Vì vậy, cũng hiểu được vì sao tôi không biết nhiều để kể về những vinh quang bất diệt và những chiến thắng làm mê mẩn như tôi đã kể về sự chịu đựng và cái chết.

Sau vài tuần đói lả, hành quân đến kiệt sức trong sa mạc, cho dù nước có thừa mứa sau mỗi ngày đường nhờ quân Hittite, đêm đó chúng tôi thấy một cột lửa bốc lên từ ngọn núi phía sau sa mạc và biết được Horemheb với đội chiến xa đang ở đó chờ chúng tôi. Đêm sa mạc này đã in sâu vào tâm trí vì tôi thao thức không ngủ được, và suốt đêm trên đỉnh núi phía xa, cột lửa màu đỏ phát sáng, bốc khói và vừa bắn lên các tia lửa vừa làm nhợt đi ánh sáng của các vì sao bằng màu đỏ của nó. Đêm sa mạc lạnh lẽo sau ngày nắng thiêu đốt, những người lính, sau nhiều ngày hành quân sục chân trần vào cát giữa những bụi gai, giờ la hét và than vãn trong giấc mộng như thể các linh hồn ma quỷ đang trêu ghẹo họ. Chắc vì thế, dân đen mới nghĩ sa mạc đầy ma quỷ. Nhưng vào sáng sớm tinh mơ, tiếng tù và vang lên và đoàn quân lại tiếp tục đi, dù mỗi ngày lại có thêm nhiều người vì không quen hành quân và mang vác đồ nặng đã gục xuống và nằm lại, vì hiệu lệnh lửa của Horemheb luôn thúc chúng tôi tiến lên phía trước và từ khắp nơi trong sa mạc, từng toán cướp rách rưới, đen sạm và quân ô hợp lao về phía ngọn lửa, mắt liếc thèm thuồng nhìn những hành trang, giáo mác và những cỗ xe bò đực kéo của chúng tôi. Họ không đi lẫn vào đoàn quân mà chỉ nhắm theo hướng ngọn lửa của Horemheb, và tôi nghĩ có lẽ họ sẵn sàng xông vào cướp bóc chúng tôi cũng như quân Hittite.

Nhưng khi đến gần doanh trại của Horemheb, chúng tôi thấy đường chân trời của sa mạc chìm trong màn mây bụi vì quân Hittite đang kéo đến để chiếm lại những kho nước của chúng. Các tiểu đội quân do thám Hittite tiến dọc theo sa mạc trên chiến xa và lao đến gần đội quân đi đầu của chúng tôi, gây kinh hoàng cho những ai chưa quen đối đầu với chiến xa và hơn nữa chưa từng chiến đấu bằng giáo và cung. Vì thế đội quân chúng tôi trở nên hỗn loạn, nhiều người khiếp hãi bỏ chạy vào sa mạc và quân Hittite từ trên chiến xa xuyên giáo vào người họ. May thay, Horemheb đã phái một số chiến xa còn di chuyển được từ doanh trại của anh ta đến tiếp viện và sự vì nể của Hittite với quân Horemheb lớn đến mức chúng bỏ lại chúng tôi ở đó và rút quân. Nhưng cũng có thể sự việc xảy ra không phải do vì nể, mà chúng được lệnh đến dò la và quấy rối chúng tôi chứ không giao chiến.

Dù sao, bộ binh của chúng tôi khi thấy quân Hittite tháo chạy đã rất phấn khích, lính giáo vừa vung giáo đe dọa chúng vừa hét lớn, còn lính cung đã phí phạm cả đống mũi tên, bắn theo sau các cỗ xe. Song tất cả đều lén liếc nhìn những đám bụi vẫn bốc lên như những bức tường mây nơi chân trời và nói về Horemheb để khích lệ nhau:

- Không phải lo, vì đôi cánh tay mạnh mẽ của tướng quân sẽ bảo vệ chúng ta. Đừng lo, vì ngài sẽ như chim ưng quào cổ quân Hittite, móc mắt chúng và làm chúng mù.

Nhưng nếu họ nghĩ sẽ được nghỉ ngơi khi đến doanh trại Horemheb và sẽ được anh ta khen ngợi vì đã hành quân rất nhanh trên cát sa mạc làm đôi chân trần tróc hết da thì họ đã lầm to. Bởi Horemheb đã đón chúng tôi với đôi mắt đỏ ngầu đầy mệt mỏi, nét mặt giận dữ; vừa đập đập chiếc roi vàng dính đầy máu và bụi, anh ta vừa gầm lên:

- Các ngươi chết dí ở đâu, lũ bọ bẩn thỉu kia? Các ngươi la cà ở đâu, lũ trẻ xấu xa? Ta sẽ rất vui đấy nếu đầu lâu các ngươi trắng hếu trong cát ngay ngày mai, bởi quá hổ thẹn khi nhìn các ngươi. Các ngươi bò đến như rùa, sặc mùi mồ hôi và cứt bò, đến nỗi ta phải dùng ngón tay bịt chặt lỗ mũi, khi những chiến binh tốt nhất của ta đổ máu vì vô số vết thương và đàn ngựa quý giá của ta thở dốc như sắp chết. Còn bây giờ hãy đào, những chàng trai Ai Cập, đào vì mạng sống của các ngươi; và việc này thích hợp nhất với các ngươi vì suốt cả cuộc đời, các ngươi đã quen đào bùn, những khi ngón tay bẩn thỉu của các ngươi không ngoáy mũi hay gãi đít.

Các tân binh Ai Cập chưa qua huấn luyện không hề tức giận vì

những lời này của anh ta mà còn reo lên và vừa lớn tiếng nhắc lại cho nhau nghe vừa cười vui hể hả. Mới nhìn thấy Horemheb, ai nấy đều thấy như đã thoát được khỏi sa mạc đáng sợ, vào được chỗ ẩn nấp an toàn. Họ quên đôi bàn chân bị trầy xước và cái lưỡi khô quắt lại của mình, bắt đầu đào những hào đất sâu theo hướng dẫn của Horemheb và đóng cọc gỗ giữa những tảng đá, căng dây sậy giữa các cọc, vần và lăn những tảng đá lớn từ trên núi xuống hẻm.

Những người lính chiến xa mệt mỏi của Horemheb từ các hang trên núi và các lều che bước ra, khập khiễng đến gần họ để cho họ thấy những vết thương và khoe khoang chiến công của mình; không một ai, ngay cả trong tình trạng tệ hại, không gượng dậy để khoe chiến công nhằm khích lệ lính đào hào là những giáo thủ, cung thủ và khơi sự ganh đua trong họ. Vào buổi sáng, khi thấy quân Hittite đang tiến đến gần rìa sa mạc như vũ bão, họ đã tin chắc rằng mình sẽ chết, nhưng sự xuất hiện của lính bộ binh đã khích lệ họ, vì cả đám cùng hy sinh vẫn tốt hơn từng người một chết; trong số hai ngàn năm trăm lính chiến xa chỉ còn lại khoảng năm trăm người còn đủ sức chiến đấu và ngựa của họ loạng choạng vì mệt mỏi, đầu thõng xuống, mõm quệt trên cát.

Cứ như thế trong ngày hôm đó, đại đa số chiến binh từng hàng từng hàng nối nhau đến địa điểm đóng quân của Horemheb và ngay khi vừa đến nơi, họ bị Horemheb bắt đi đào hào và dựng chướng ngại vật để chặn đường vào sa mạc của chiến xa Hittite. Rồi anh ta truyền lệnh tới các nhóm lính đang dềnh dàng, mệt mỏi sau cuộc hành quân rằng tất cả phải đến được địa điểm đóng quân trong đêm, vì khi trời sáng những ai còn lần chần nơi sa mạc sẽ chết thảm khốc trong tay quân Hittite nếu đội chiến xa của chúng phá vỡ được rào cản từ sa mạc và hẻm núi. Nhưng không ai biết được số quân đã đến, và Horemheb cũng không cho ai đếm, vì biết con số không còn có ích cho ai nữa, và số quân hiện có là rất ít so với toàn bộ lực lượng của quân Hittite.

Nhưng binh lính Ai Cập đã được khích lệ rất nhiều khi họ thấy lực lượng đông đảo của mình giữa sa mạc và mù quáng tin tưởng rằng Horemheb sẽ đánh bại quân Hittite và cứu họ thoát khỏi chúng. Nhưng khi dựng các chướng ngại vật, và căng dây sậy giữa các cột gỗ trên nền cát phẳng hay lăn các tảng đá, họ thoáng thấy các chiến xa Hittite trong đám bụi mù và nghe cả tiếng hô xung phong của chúng. Lúc đó, cánh mũi họ lạnh ngắt, họ nhìn ra xung quanh và kinh khiếp, các chiến xa và những lưỡi hái đáng sợ của chúng đang tiến đến.

Nhưng đêm đã tới, quân Hittite không muốn tấn công khi chưa quen trận địa và chưa biết sức mạnh của đối phương. Vì vậy chúng dựng trại trong hoang mạc, cắt bụi gai cho ngựa ăn và đốt lửa trại; ánh lửa trải xa tít tắp hút tầm mắt, lấp lánh trong màn đêm sa mạc. Suốt đêm, quân do thám của chúng trên các cỗ chiến xa hạng nhẹ lao đến chỗ các chướng ngại vật, giết lính gác và tiến vào gây chiến dọc trận địa mà Horemheb đã cho dựng lên hai bên sa mạc. Nhưng từ cả hai bên rìa, nơi không thể dựng chướng ngại vật, các toán cướp sa mạc và quân ô hợp đã tận dụng bóng đêm, bất ngờ xông ra ném dây thòng lọng kéo lính do thám Hittite khỏi chiến xa, bắt giữ xe và ngựa của chúng khiến nhiều tên không thể quay trở lại vì đã đánh xe quá sâu vào sa mạc, xa vùng bảo vệ của quân Hittite.

Tiếng loảng xoảng của chiến xa, tiếng gào hấp hối của binh lính, tiếng vù vù của mũi tên bay và tiếng va đập của vũ khí vẫn vang rền trong đêm tối, khiến những người lính chưa qua chiến trận vô cùng sợ hãi và không dám ngủ. Nhưng Horemheb đã an ủi họ:

- Hãy ngủ ngon, lũ chuột đầm lầy của ta, ngủ đi, nghỉ ngơi và bôi dầu vào bàn chân trầy xước của các ngươi, vì ta thức để canh giấc ngủ và bảo vệ các ngươi.

Còn tôi không ngủ mà suốt đêm đi lòng vòng trong doanh trại chữa cho lính chiến xa bị thương và anh ta cũng khích lệ tôi:

- Hãy chữa lành họ, Sinuhe, bằng tất cả tài năng của anh, vì thế gian chưa bao giờ thấy những chiến binh dũng cảm hơn họ và mỗi người trong số họ đáng giá một trăm và có khi một ngàn kẻ du thủ du thực. Hãy chữa cho họ, vì tôi rất yêu quý những con bọ bẩn thỉu này của mình, họ biết cách điều khiển ngựa, biết sử dụng dây cương và tôi không có lính được huấn luyện để thay thế họ. Vì vậy tôi sẽ trả cho anh một deben vàng cho mỗi chiến binh được anh chữa chạy để đủ sức chiến đấu.

Nhưng tôi rất tức giận vì cuộc hành quân vất vả qua sa mạc, dù tôi được ngồi trên kiệu suốt chặng đường, cổ họng tôi khô khốc vì bụi sa mạc đắng chát và trong thâm tâm, tôi oán hận khi nghĩ mình sẽ phải chết trong tay quân Hittite vì sự ngoan cố ngu ngốc của Horemheb, cho dù tôi thường không sợ chết. Vì thế tôi giận dữ nói với anh ta:

- Giữ vàng cho riêng anh hoặc chia sẻ với những con bọ mồ côi này của anh để họ thấy mình giàu có dù chỉ trong giây lát trước khi chết, vì ngày mai chắc chắn tất cả chúng ta sẽ chết khi bị anh dẫn

vào cái bẫy đáng sợ nơi sa mạc này. Tôi hết lòng cứu chữa những con bọ này của anh chỉ vì bản thân mình, vì tôi nghĩ họ là những người duy nhất có thể chiến đấu trong đội quân này, còn những kẻ đến đây cùng tôi sẽ phát điên và bỏ chạy ngay khi tận mắt thấy tên Hittite đầu tiên. Tôi đã thấy họ run người, chùn bước vì một cành cây gãy trong bóng tối, tôi đã nghe tiếng họ đồng thanh cầu cứu các vị thần Ai Cập khi một con thỏ từ trong hốc đá nhảy ra ngang qua đường họ đi. Rõ ràng là họ rất dũng cảm đập vỡ đầu nhau trên đường phố Thebes và nếu tụ thành nhóm, có lẽ họ dám cắt cổ một khách bộ hành cô đơn để cướp ví của anh ta, nhưng trong sa mạc, họ giống như những con cừu bị dẫn đến lò mổ, vừa be be vừa ngoan ngoãn theo anh để rồi chỉ một phút sau đã điên cuồng, hoảng loạn chạy trốn. Vậy nên vì chính mình, tôi sẽ chữa chạy cho những con bọ này của anh với hy vọng rằng nhờ một vận may khó tin, sự dũng cảm của họ sẽ cứu mạng chúng ta. Nhưng khôn ngoan nhất là anh chọn những con ngựa nhanh nhất, rồi cùng tôi phóng về miền Hạ để anh có thể tập hợp được một đội quân mới tốt hơn.

Horemheb đưa tay xoa mũi và ranh mãnh nhìn tôi rồi nói:

- Lời khuyên của anh thật xứng với sự thông thái của anh, Sinuhe ạ, và chắc chắn tôi đã nghe theo lời khuyên của anh từ trước nếu tôi khôn ngoan. Nhưng tôi rất yêu những con bọ bẩn thỉu của mình và không thể bỏ mặc họ chết trong sa mạc, dù tôi có thể dễ dàng trốn thoát một mình và cho phá hủy các kho nước rồi hoãn cuộc chiến đến năm sau. Điều gì khiến tôi không trốn đi, tôi thật sự không biết, vì bất cứ người khôn ngoan nào cũng sẽ làm như vậy ở địa vị tôi, mà nói cho cùng, sau này tôi có thể dựng một đài tưởng niệm cho những con bọ của mình và khắc tên họ vào đá, để họ sống mãi muôn đời. Nhưng tôi sẽ không làm như thế, vì vậy chúng ta không có cách nào hơn là đánh bại quân Hittite ở sa mạc này. Vấn đề thật đơn giản, Sinuhe ạ. Chúng ta sẽ đánh bại quân Hittite vì chúng ta không còn cách nào khác, và có lẽ tôi đã khá khôn ngoan khi đưa quân đội vào sa mạc, vì ở đây họ không còn nơi để chạy trốn mà phải chiến đấu cho tính mạng của mình, dù muốn hay không. Nhưng tôi nghĩ tốt nhất là tôi lên xe mình ngủ và uống rượu để sáng ra tôi sẽ nôn nao khó chịu, bởi vì cơn nôn nao khiến tôi dễ bị kích động và chiến đấu tốt hơn khi tỉnh táo.

Anh ta đi đến cỗ xe của mình, nghiêng bình rượu và tôi nghe tiếng rượu chảy ồng ộc trong đêm tĩnh lặng cho đến khi từ một nơi nào đó phía xa lại bắt đầu nghe thấy tiếng ầm ào của những cỗ xe cùng với tiếng binh lính Ai Cập hét lên trong sợ hãi và bỏ chạy tán loạn vào bóng tối từ khu vực chướng ngại vật. Binh lính nhìn anh ta

đầy ghen tị, anh ta đưa hũ rượu cho bất cứ ai đi qua, để họ được uống từ cái hũ mà chính anh ta đang uống. Anh ta vừa cho họ uống vừa la mắng họ:

- Bụng các ngươi như thùng không đáy, các ngươi uống cạn hũ của ta, khiến ta không còn say được nữa và những cái mõm bẩn thỉu của các ngươi làm bẩn hũ của ta.

Anh ta đấm vào vai họ, gọi tên từng người và nhắc họ nhớ về những gì họ đã hứng chịu ở mặt trận Gaza, khi họ bị quấn vào dây cương khiến ngựa lồng lên đá họ.

Thế là đêm trôi qua và bình minh lên như một bóng ma xam xám nơi sa mạc, mang theo mùi chết chóc và những con kền kền. Những con ngựa chết và những cỗ chiến xa đổ lăn lóc trước các chướng ngại vật và lính Hittite ngã khỏi chiến xa bị đàn kền kền mổ vào mắt. Rạng sáng, Horemheb ra lệnh thổi tù và, tập hợp quân lính tại chân núi.

2

Trong khi quân Hittite lấy cát dập tắt các đống lửa trên sa mạc, đóng yên ngựa và mài sắc vũ khí, Horemheb nói đôi lời với binh lính của mình. Anh ta tựa lưng vào ghềnh đá lởm chởm, vừa nhai bánh khô vừa cắn miếng hành trên tay ăn kèm với bánh rồi lớn tiếng nói trước toàn quân:

- Nhìn ra phía trước, các ngươi sẽ thấy một cảnh tượng vô cùng kỳ lạ, vì quả thật Amon đã trao lũ Hittite vào tay chúng ta và hôm nay chúng ta sẽ làm những việc lớn lao. Hẳn các ngươi đã thấy, bộ binh Hittite không kịp đến đây mà còn đang luẩn quẩn ở rìa sa mạc vì không có đủ nước. Nếu vẫn muốn tấn công Ai Cập, đội chiến xa của chúng phải mở đường và giành lại các kho trữ nước. Lúc này ngựa của chúng đang khát nước và thiếu thức ăn, bởi vì ta đã đốt cháy tất cả kho của chúng và lấy búa đập vỡ các chum nước từ đây cho đến tận Syria. Do vậy, quân Hittite phải dùng chiến xa mở đường ngay hôm nay, còn không chúng sẽ phải đánh chiến xa trở về Syria hoặc đóng quân lại đây để chờ tiếp tế và không thể chiến đấu được. Nếu khôn ngoan, chúng sẽ từ bỏ cuộc chiến và trở về Syria, nhưng chúng là những kẻ tham lam, chúng đã đổ tất cả vàng, bạc của Syria vào những chum đầy nước dọc sa mạc phía sau chúng ta và quyết đánh để giành lại. Đó là lý do ta nói rằng

Amon đã trao chúng vào tay chúng ta, vì khi chúng lao về phía chúng ta, ngựa của chúng sẽ vướng vào các vật cản chúng ta đã dựng và chúng không thể dùng sức mạnh đánh lại chúng ta, vì sức mạnh của quân Hittite nằm ở sự thần tốc của các chiến xa, nhưng các mương, hào mà các ngươi không quản công sức và dũng cảm đào được cùng với những tảng đá và dây thừng đã giăng sẽ phá vỡ mũi tấn công của chúng.

Horemheb nhổ vỏ hành ra khỏi miệng rồi lại cắn mẩu bánh mì khô bằng những chiếc răng to, chắc, và nhai bánh cho đến khi quân lính bắt đầu giậm chân và la hét như những đứa trẻ háo hức muốn nghe thêm chuyện cổ tích. Horemheb chau mày nói tiếp:

- Lạy Seth và tất cả ác quỷ, các đầu bếp của quân đội đã nướng cứt chuột bỏ vào bánh mì của ta hay cơn say rượu khiến miệng ta có vị cứt thế này? Những con chuột đồng của ta, các ngươi phải biết là đêm qua ta không thể không uống đến say chỉ vì niềm vui sướng khi nghĩ đến việc lính Hittite sa vào tầm đâm của giáo các ngươi vì sự ngu ngốc của chúng. Nhưng dù vậy, ta cũng sẽ cho treo ngược vài tên lính hậu cần lên tường thành vì thứ bánh cứt chuột này. Ta làm điều đó không phải vì các ngươi mà vì cái miệng cao quý của ta, nên các ngươi chỉ phí công cười và ọ lên như bò trước mặt ta. Chúng cho các ngươi ăn bánh nướng với phân gia súc ta cũng mặc, vì với ta những cục phân mà bầy ngựa của những con bọ bẩn thỉu của ta ị xuống còn quý hơn cả đám các ngươi. Các ngươi thấy đấy, ta sợ chính các ngươi sẽ để quân Hittite thoát vì sự khốn nạn của mình, bởi các ngươi không phải là lính chiến mà chỉ là lũ chuột đồng hôi hám. Vậy nên ta phải bảo cho các ngươi rằng những cây gậy các ngươi cầm trong tay là giáo và mũi giáo không phải dùng để cào lưng, mà các ngươi phải dùng chúng đâm vào bụng quân Hittite. Và ta nhắc đám lính cung, các ngươi chắc chắn đang nghĩ mình là những người hùng vĩ đại khi giương cung, bắn tên lên không trung và hét lên như lũ trẻ: "Nhìn kìa, tên của tôi bay cao làm sao". Các ngươi phải nhắm mũi tên vào quân Hittite và nếu các ngươi là những người lính thật sự, biết ngắm đích như những người lính, các ngươi sẽ chọc thủng mắt quân Hittite bằng mũi tên của mình. Nhưng những chỉ dẫn như vậy với các ngươi thật vô ích, vì thế ta khuyên các ngươi chỉ nhắm vào ngựa của chúng, vì ngựa là mục tiêu to hơn và đằng nào các ngươi cũng không bắn trúng được những tên lính đứng trên chiến xa. Càng để ngựa đến gần, các ngươi càng dễ bắn trúng hơn dù không phải là lính thiện xạ, và ta khuyên các ngươi nên làm như thế, vì ai lãng phí tên sẽ bị ta quất roi, khiến kẻ đó chỉ mong mình không bao giờ được sinh ra. Chúng ta không đủ lực để lãng phí bất cứ mũi tên nào. Hãy nhớ rằng các mũi tên được rèn từ trâm cài

của các bà vợ Ai Cập và vòng cổ chân của gái làng chơi, nếu điều này làm các ngươi vui thích. Với lính giáo, ta ra lệnh: Khi ngựa đến gần, hãy dùng cả hai tay chống giáo xuống đất và hướng mũi giáo vào bụng ngựa thì các ngươi sẽ không gặp nguy hiểm, mà kịp nhảy sang một bên trước khi ngựa ngã lên đầu các ngươi. Nếu bị ngã xuống đất, các ngươi hãy dùng dao cắt gân chân ngựa, vì đó là cách duy nhất để cứu mình trước khi bánh xe lăn qua và nghiền nát các ngươi. Đó là nhiệm vụ của các ngươi, hỡi lũ chuột sông Nile.

Anh ta ngửi ngửi mẩu bánh trong tay vẻ gớm ghiếc, ném nó đi rồi nhấc cái hũ lên miệng tu thật nhiều nước cho dã rượu. Sau đó anh ta tiếp tục nói:

- Chắc lời ta nói với các ngươi như nước đổ đầu vịt, vì khi nghe tiếng gào thét của quân Hittite và tiếng chiến xa của chúng ầm ầm chạy, các ngươi sẽ lại khóc lóc và vùi đầu vào cát vì ở đây không có váy áo của mẹ để các ngươi nấp vào. Phòng việc đó xảy ra, ta phải nói với các ngươi rằng nếu quân Hittite chọc thủng vòng ngoài và đến được các kho nước ở phía sau chúng ta, tất cả các ngươi sẽ toi mạng trước khi trời tối, còn may mắn nhất thì chỉ trong một vài tuần trăng nữa, da của các ngươi sẽ được các mụ đàn bà ở Byblos và Sidon kẹp trong nách làm túi đi chợ, không thì các ngươi sẽ gào khóc trên tường thành, chân tay què quặt hoặc quay cối xay bột trong trại Azuri với đôi mắt bị chọc thủng. Điều này sẽ xảy ra nếu quân Hittite chọc thủng phòng tuyến, vì khi đó chúng ta sẽ bị bao vây và không có đường thoát, mà tất cả sẽ toi mạng. Nhưng ta cũng phải thú thật rằng bây giờ chúng ta cũng không có lối thoát và nếu chúng ta bỏ tuyến phòng thủ đã dựng, rút lui về phía sau thì chiến xa của quân Hittite sẽ đánh ta tan tác như nước lũ cuốn trôi đám rơm khô. Ta nói điều này để không ai nảy ra ý định chạy trốn vào sa mạc. Nhưng để ngăn các ngươi nhầm hướng kẻ thù, ta sẽ bố trí năm trăm con bọ dũng cảm của ta ở một khoảng cách thích hợp phía sau các ngươi, để ít nhất một lần chúng có thể cười thỏa chí khi thấy các ngươi chiến đấu, vì quả thật chúng đáng được hưởng tiếng cười ấy, và bất cứ kẻ nào cố tình chạy trốn hoặc nhầm hướng sẽ bị giáo của chúng đâm chết hoặc bị dao cắt cứa, khiến những con bò đực hoang dã thành bò kéo ngoan ngoãn. Vì vậy, hãy biết rằng nếu cái chết hiện ra lù lù trước mặt các ngươi, thì một cái chết chắc chắn hơn chờ các ngươi ở phía sau, nhưng chiến thắng và vinh quang cũng hiển hiện trước mặt các ngươi, vì ta tin chắc rằng hôm nay chúng ta sẽ đánh bại quân Hittite nếu mỗi chúng ta nỗ lực hết sức. Lũ chuột cống thân yêu của ta, các ngươi biết là tất cả chúng ta đều bị quẳng vào cùng một vũng bùn và chúng ta không còn lựa chọn nào khác

ngoài việc đánh bại quân Hittite, mà để đánh bại chúng, không có cách nào khác ngoài việc xông về phía chúng và đâm thủng da chúng bằng mọi vũ khí mà các ngươi được phân phát. Đây là cách duy nhất, vì thế ta thân chinh đi theo, cùng chiến đấu bên cạnh các ngươi với cây roi trong tay và sẽ không phải lỗi của ta nếu roi của ta quất các ngươi nhiều hơn là quất quân Hittite, nhưng điều này tùy thuộc hoàn toàn vào chính các ngươi, lũ chuột cống dũng cảm của ta.

Quân lính như bị bỏ bùa khi nghe anh ta nói, quên đổi thế đứng và quên cả quân Hittite. Phải thú thật rằng tôi bắt đầu lo sợ vì các chiến xa Hittite đã tiến gần đến tuyến phòng thủ từ các hướng như những đám mây bụi, nhưng tôi nghĩ chắc Horemheb đã cố tình kéo dài thời gian để truyền sự bình thản của mình sang quân lính và tránh cho họ sự chờ đợi nghẹt thở trước cuộc tấn công. Cuối cùng từ vị trí trên cao của mình, anh ta nhìn ra sa mạc, giơ tay lên và nói:

- Các bạn chiến xa Hittite của chúng ta đang tiến đến, ta cảm tạ tất cả thần linh Ai Cập về điều này, vì quả thực Amon đã làm chúng mù quáng tin tưởng quá nhiều vào sức mạnh của chúng và chiến đấu theo ý chúng ta. Hãy đi đi, hỡi những con chuột lấm bùn sông Nile, ai nấy hãy trở về chỗ đã bố trí cho mình, sau đó không ai được rời khỏi vị trí khi chưa được lệnh. Và các ngươi, những con bọ yêu quý của ta, hãy đi theo những con ốc sên với thỏ rừng này và chăm sóc chúng, khi cần thiết, hãy thiến chúng như thiến những con nhân sư nếu chúng cố chạy trốn. Ta có thể nói với các ngươi: Hãy chiến đấu vì các vị thần của Ai Cập, chiến đấu cho miền đất đen, chiến đấu cho vợ con các ngươi. Nhưng lời nói ấy thật nhảm nhí và vô ích vì các ngươi sẵn sàng đái vào mắt vợ mình để được sống sót bỏ chạy. Vì vậy ta kêu gọi: Hỡi lũ chuột hôi của Ai Cập, hãy chiến đấu cho chính mình, chiến đấu vì mạng sống của chính mình và đừng bỏ cuộc, vì các ngươi không có cách giải cứu nào khác. Còn bây giờ hãy chạy đi, các chàng trai của ta, hãy chạy thật nhanh, nếu không thì chiến xa tấn công của Hittite sẽ đến tuyến phòng thủ trước các ngươi và trận chiến sẽ kết thúc trước khi kịp bắt đầu.

Anh ta để binh lính tản đi và họ lao đến vị trí được giao ở tuyến phòng thủ, vừa chạy vừa gào lên, nhưng họ gào vì quyết tâm hay sợ hãi, tôi thật sự không thể nói, và tôi không tin bản thân họ biết điều đó. Horemheb lững thững bước theo sau họ, còn tôi ngồi lại trên sườn núi để theo dõi cuộc chiến từ một khoảng cách an toàn vì tôi là thầy thuốc và tính mạng của tôi đáng quý.

Chiến xa của quân Hittite đã xuất hiện trên cao nguyên, đến dưới chân các ngọn đồi và dừng lại đó để dàn trận. Những cờ hiệu sặc sỡ và những mặt trời có cánh tỏa tia nắng trên các cỗ xe của chúng, những chiếc ngù đung đưa trên đầu ngựa và những tấm vải dày dặn nhiều màu che chắn bên hông ngựa để bảo vệ chúng khỏi trúng tên, tạo ra một cảnh tượng hoành tráng và đáng gờm. Rõ ràng là chúng đã chuẩn bị tấn công với tất cả sức mạnh và dồn toàn bộ lực lượng vào địa hình trống trải với con đường dẫn đến các kho chứa nước mà Horemheb đã vội vàng cho chặn lại bằng các chướng ngại vật sơ sài. Chúng không lao vào các hẻm chật hẹp len giữa các ngọn đồi dựng đứng dẫn ra hai bên và không tản ra rìa sa mạc, nơi các toán cướp và quân ô hợp trấn giữ cả hai bên sườn quân Horemheb. Nếu chúng tản ra rìa sa mạc, quãng đường đến các kho chứa nước sẽ quá xa với ngựa của chúng. Do thiếu nước và thức ăn cho ngựa, chúng dựa vào sức mạnh và tài nghệ chiến tranh của mình, vì thế mà chưa dân tộc nào ngăn được đường tiến quân của chúng. Các chiến xa Hittite chiến đấu theo các phân đội sáu cỗ xe, mười phân đội sáu cỗ xe hợp thành một chiến đoàn và tôi nghĩ chúng có tất cả sáu mươi chiến đoàn, đối đầu với các đội quân chưa được huấn luyện của Horemheb, bởi người Hittite rất kỹ tính và thích những con số rõ ràng. Nhưng các chiến xa hạng nặng, mỗi chiếc có ba ngựa và ba chiến binh, mới là tâm điểm và khi nhìn vào những cỗ chiến xa hạng nặng ấy, tôi không hiểu bằng cách nào quân của Horemheb có thể chặn được cuộc tấn công của chúng, vì chúng di chuyển chậm chạp, nặng nề như những thuyền chiến trong sa mạc và nghiến nát mọi thứ trên đường đi.

Sau khi tiếng tù và cất lên, các chỉ huy giương cao cờ hiệu và đoàn chiến xa bắt đầu di chuyển rồi từ từ tăng tốc; nhưng khi chúng đến gần các chướng ngại vật, tôi ngạc nhiên thấy từng con ngựa riêng rẽ lao ra như tên bắn từ giữa các cỗ chiến xa, trên lưng mỗi con là một chiến binh nằm ép xuống, tay bám chặt vào bờm ngựa và hai gót chân đạp mạnh vào hai bên hông ngựa để thúc nó lao lên nhanh hơn. Tôi không hiểu nổi tại sao chúng lại cho ngựa dự phòng của các cỗ xe lao ra bãi chiến trận mà không được bảo vệ, cho đến khi tôi thấy những kỵ binh này vươn người xuống đất trong khi vẫn treo mình trên lưng ngựa và vừa bám chặt vào bờm ngựa, vừa dùng dao, rìu chặt đứt những sợi dây sậy căng giữa các cọc cắm trên mặt đất mà lính Horemheb đã giăng nhằm quấn chân những con ngựa kéo chiến xa. Còn những con ngựa khác lao thẳng vào khoảng trống giữa các chướng ngại vật và các kỵ binh đứng trên lưng ngựa lao giáo đi. Chúng không ném giáo vào quân Ai Cập, mà ném mạnh xuống đất đến mức mũi giáo cắm thẳng

xuống và ở đầu mỗi cán giáo có một cờ hiệu sặc sỡ lung lay. Mọi việc xảy ra nhanh như chớp, nhanh hơn tôi có thể diễn tả và tôi chưa hiểu ra mục đích của chúng, vì sau khi chém đứt các sợi dây và cắm mũi giáo xuống đất, các kỵ binh quay ngựa lại và phi hết cỡ, lẩn vào phía sau các cỗ chiến xa, dù nhiều tên trong số chúng đã rơi khỏi lưng ngựa vì trúng tên từ phía sau bắn tới và nhiều con ngựa gục ngã, nằm giãy giụa và rống lên trên mặt đất.

Nhưng khi các đội chiến xa hạng nhẹ Hittite bắt đầu tấn công, tôi chứng kiến một cảnh tượng lạ lùng: Horemheb từ hàng quân của mình phía sau tuyến phòng thủ phóng ra, một mình xông thẳng về phía các chiến xa đang lao đến và tôi nhận ra anh ta, vì anh ta cao hơn tất cả những người lính sông Nile thấp lùn một cái đầu. Khi nhìn thấy thế, tôi đứng dậy, tay siết chặt nắm đấm và gào lên, nhưng Horemheb đã rút từng ngọn giáo có cờ hiệu trên cán mà quân Hittite ném cắm xuống đất và ném ra xa, khiến chúng rung bần bật và cắm sâu vào trong cát. Tài trí quân sự của anh ta nhanh hơn tất cả những người khác, vì anh ta đã hiểu ra mục đích của việc cắm những ngọn giáo này; những kỵ binh dày dạn kinh nghiệm nhất của quân Hittite đã cắm giáo và cờ hiệu để đánh dấu những điểm phòng thủ yếu nhất và đánh đột phá dễ thành công nhất.

Trong đội quân Ai Cập chỉ có Horemheb nhận ra điều này và anh ta có đủ dũng khí để rút giáo cắm sang chỗ khác nhằm đánh lạc hướng quân Hittite. Một vài lính theo gương anh ta, chạy tới các chướng ngại vật, nhổ giáo lên và quay trở lại, mang theo cờ hiệu bên mình làm dấu hiệu chiến thắng.

Dĩ nhiên, điều này cũng gây hoang mang cho quân Hittite nhưng tôi nghĩ chỉ có tài trí tinh nhanh của Horemheb mới cứu được Ai Cập vào sáng hôm đó, vì nếu quân Hittite có thể sử dụng toàn bộ sức mạnh ban đầu, tấn công đột phá vào các điểm mà các kỵ binh của chúng đã đánh dấu thì quân Ai Cập chắc chắn không thể đẩy lùi chúng được.

Nhưng lúc đó tôi vẫn chưa hiểu ra những điều này mà nghĩ hành động lao đến chỗ đội chiến xa Hittite của Horemheb chỉ là một trò đùa trẻ con điên rồ, vì thế tôi đã mắng anh ta và nghĩ anh ta làm thế chỉ vì muốn khích lệ quân lính của mình. Có lẽ trên thế giới này không hành động nào dũng cảm hơn việc một mình chạy trên trận địa trống trải đối mặt với các cỗ chiến xa, nhưng có lẽ một người lính giàu kinh nghiệm có thể làm điều đó mà không gặp nhiều nguy hiểm nếu anh ta biết cân nhắc giữa sức mạnh và kỹ năng của mình với tốc độ của chiến xa và trở về nơi ẩn nấp

trước khi bị chiến xa đè bẹp. Có lẽ vì thế, Horemheb không rơi vào tình thế nguy hiểm mà trái lại, tất cả quân lính đã hò reo, hoan hô lòng dũng cảm, bất chấp nguy hiểm tới tính mạng của anh ta.

Khi Horemheb vừa kịp quay trở về nơi an toàn giữa quân lính của mình, các chiến xa hạng nhẹ của quân Hittite đã đến chỗ các chướng ngại vật và tấn công ập vào chỗ có cờ hiệu như những mũi nhọn thọc sâu vào trận địa phòng thủ. Cuộc tấn công đầu tiên này gây nên những âm thanh khủng khiếp và bụi từ vó ngựa và bánh xe bay lên không trung dày đến mức từ trên triền núi, tôi không thể thấy được diễn biến cuộc chiến. Tôi chỉ kịp thấy những mũi tên bắn ra hạ gục một vài con ngựa trước các chướng ngại vật, nhưng quân Hittite đã khéo léo tránh các cỗ xe bị lật và tiếp tục tấn công. Sau này tôi được biết tại một vài điểm, các chiến xa Hittite hạng nhẹ đã vượt qua tất cả các chướng ngại vật, cho dù bị tổn thất nặng nề. Tuy nhiên, chúng không tiếp tục tiến lên mà dừng lại theo từng tốp và các chiến binh dự bị nhảy xuống khỏi xe để lăn các tảng đá sang một bên, dọn đường cho các chiến xa hạng nặng đang chờ tới lượt mình.

Với chiến công này của quân Hittite, một chiến binh từng trải sẽ nhận ra trận chiến thế là đã kết thúc, nhưng những con chuột đồng chưa qua huấn luyện của Horemheb chỉ nhìn thấy những con ngựa đang lăn lộn, giãy giụa trước các chướng ngại vật và hí vang trong các hố. Họ thấy quân Hittite bị tổn thất nặng nề và nghĩ mình đã chặn được cuộc tấn công của quân thù bằng tài nghệ và sự dũng cảm. Do đó họ phấn khích và sợ hãi gào lên, giương giáo lao đến các cỗ xe bị chặn đang luồn lách trên mặt đất, dùng dao cắt gân chân ngựa và kéo những tên lính đánh chiến xa xuống, còn các lính cung bắn những tên đang vần, lăn những tảng đá. Horemheb để họ mặc sức xông pha theo ý muốn. Ưu thế về quân số đã giúp họ thu được vô số chiến xa và háo hức giao chúng cho những con bọ của Horemheb, vì bản thân họ không biết điều khiển chiến xa và sợ hãi không dám leo lên vì sợ bị rơi mà chỉ quanh quẩn bên đầu ngựa. Horemheb không hề cho họ biết rằng trận chiến sẽ kết thúc khi các chiến xa hạng nặng xung trận mà chỉ tin vào vận may của mình và cái hào sâu anh ta đã sai đào giữa thung lũng, phía sau các đội quân và lấy bụi cây cùng cành cây phủ kín. Các chiến xa hạng nhẹ chưa kịp đến đó và cứ nghĩ chúng đã dẹp được hết tất cả chướng ngại vật.

Sau khi dọn sạch một lối đi đủ lớn cho các chiến xa hạng nặng, những binh lính Hittite còn sống sót leo lên chiến xa rồi vội vàng đánh xe chạy, khiến quân Horemheb hết sức phấn khích, nghĩ rằng mình đã chiến thắng, đâm giáo vào những con ngựa đã sa

xuống hố và bị cắt gân chân, còn những tên lính Hittite bị rơi khỏi chiến xa thì gắng sức bò, vừa nấp giữa các tảng đá. Nhưng Horemheb vội ra lệnh thổi tù và, cho lăn đá về lại chỗ cũ và cắm xiên giáo xuống cát, mũi giáo hướng về phía kẻ tấn công làm vật cản, vì anh ta không thể làm gì khác, mà buộc phải cho quân lui sang khoảng trống hai bên nơi các chướng ngại vật đã bị phá bỏ để tránh tổn thất binh lính một cách vô ích, vì nếu không, những chiếc lưỡi hái to dài của các chiến xa hạng nặng quay theo bánh xe sẽ rào rào chém quân lính của anh ta xuống đất như cắt cỏ.

Anh ta làm điều này vào phút cuối vì đồng hồ nước chỉ kịp đo khoảng thời gian ngắn nhất và khi đám mây bụi trong thung lũng vẫn chưa tan thì các chiến xa hạng nặng, tinh hoa và là niềm kiêu hãnh của quân đội Hittite, đã rầm rầm, ầm ào lao đến nghiền nát dưới chúng mọi vật cản. Kéo chúng là những con ngựa to lớn, cao hơn ngựa Ai Cập đến một ức, đầu được bảo vệ bằng tấm kim loại và hai bên hông được áo giáp len dày che kín. Các bánh xe của chúng nhẹ nhàng gạt sang bên cả những tảng đá nặng và chúng lao thẳng vào những đám mây bụi mù mịt và những con ngựa cao lớn bẻ gãy các ngọn giáo cắm trên mặt đất như bẻ gãy đám sậy khô. Những tiếng gào thét, kêu khóc vang lên từ thung lũng khi các chiến xa lao về phía trước và khi nghe thấy tiếng kêu thảm thiết kinh hoàng của những người bị đè bẹp dưới bánh chiến xa và cắt đôi bởi lưỡi hái, tôi lại đứng dậy nhìn xung quanh nhưng không thấy bất kỳ hướng nào có đường thoát cho mình.

Cho đến khi từ trong đám mây bụi, các cỗ xe to lớn của quân Hittite rầm rầm hiện ra trên thung lũng và chen chúc tiến về trước thành hàng dài với những con ngựa kéo trong áo giáp len sặc sỡ như những con quái vật kỳ lạ, những cái sừng đồng từ tấm kim loại che đầu chĩa ra phía trước như những chiếc gai thật dài, tôi nghĩ không sức mạnh nào trên trái đất này có thể chặn đường tiến của chiến xa Hittite. Bởi phía trước chúng không còn chướng ngại vật nào, cũng không có lính Ai Cập nào chặn đường đi của chúng đến các kho chứa nước trên sa mạc, vì họ đã rút khỏi thung lũng, dạt lên các triền đồi hai bên theo lệnh của Horemheb. Lính chiến xa Hittite vừa hét lên vừa đánh xe về phía trước, những đám mây bụi phía sau cuồn cuộn bốc lên bay vào không trung che mờ chân trời, khiến tôi nằm sấp mặt xuống đất, phẫn uất khóc cho Ai Cập và miền Hạ không ai bảo vệ, cũng như cho tất cả những ai giờ đây phải chết vì sự ngoan cố đến ngu ngốc và những ý tưởng điên rồ của Horemheb.

Nhưng quân Hittite không lóa mắt trước chiến thắng, mà thả đá xuống đường để hãm tốc độ chiến xa, để các chiến xa hạng nhẹ lại

tiến lên trước dò địa hình, vì những chiến binh Hittite giàu kinh nghiệm luôn thận trọng và đề phòng mọi tình huống bất ngờ, mặc dù chúng rất coi thường quân Ai Cập và chưa hề biết đến sự nham hiểm của người Ai Cập. Tuy nhiên, khó mà kìm lại được sự tấn công của các chiến xa hạng nặng một khi nó đã bắt đầu, vì khi đã có đà, những con ngựa cao lớn đó không ngừng lao về phía trước, chúng sẽ làm đứt dây cương và làm gãy, vỡ các cỗ xe nếu bị ghìm lại quá thô bạo. Vì vậy những người lái chiến xa có một loại giáo lưỡi rộng để có thể chặt đứt bắp chân ngựa của mình trong trường hợp khẩn cấp, nhất thiết phải dừng cỗ xe lại.

Nhưng lần này, chúng thấy không có lý do gì phải làm như vậy mà cho ngựa của mình dàn thành hàng ngang, lao về phía trước, không đề phòng gì cho đến khi mặt đất phía dưới chúng bất ngờ sụp xuống và các chiến xa lao xuống một nấm mồ khổng lồ mà những người xúc bùn sông Nile đã đào và ngụy trang bằng các bụi cây. Hào mộ này chắn ngang toàn thung lũng, từ sườn đồi này sang sườn đồi kia và các chiến xa hạng nặng đổ ập xuống đó; hàng chục chiếc bay lộn nhào xuống trước khi những người đánh xe, vì quá bất ngờ, kịp lái cho ngựa chạy dọc hai bên rìa hào mộ; thế là hàng chiến xa tan tác. Khi nghe thấy tiếng hét của quân Hittite, tôi ngẩng đầu lên khỏi mặt đất và nhìn thấy một cảnh tượng thật kinh hoàng cho đến khi bụi bốc lên che phủ tất cả.

Nếu quân Hittite đủ điềm tĩnh và tin mình có khả năng thất trận, chúng vẫn có thể cứu được ít nhất một nửa số chiến xa và gây thất bại nặng nề cho quân Ai Cập. Vì chúng có thể đánh xe dọc theo mép hào rồi quay ngựa lại với tốc độ nhanh nhất và trở lại cao nguyên xuyên qua những chướng ngại vật đã bị chúng phá thủng. Nhưng chúng không thể hiểu rằng mình đã bại trận, vì chúng không quen bị đánh bại và thậm chí trong thâm tâm cũng không thể thừa nhận rằng quân đội Hittite có thể bị đánh bại. Vì thế, chúng không hề có ý định chạy trốn khỏi đường của bộ binh Ai Cập vốn không có chiến xa đi kèm mà cho ngựa chạy lên sườn đồi cheo leo để có thể dừng lại trên đỉnh đồi, quay lại quan sát địa hình, rồi xuống khỏi chiến xa, tìm cách vượt qua hào mộ, giải cứu đồng đội đã rơi xuống dưới hào và chờ đám mây bụi lắng xuống để nhận định hướng tấn công tiếp theo vào quân Ai Cập.

Nhưng Horemheb không có ý định chờ chúng kịp hoàn hồn, mà ra lệnh thổi tù và rồi tuyên bố với quân lính của mình rằng phép thuật của anh ta đã làm trật bánh các cỗ chiến xa Hittite, nên quân Hittite bị vô hiệu hóa. Anh ta phái lính cung đến sườn đồi để bắn tên, quấy rối quân Hittite và sai quân lính dùng bụi cây và chổi quét đất để càng nhiều bụi hơn bốc lên không trung, một

phần làm rối loạn quân Hittite, một phần để ngăn lính mình hoảng sợ khi nhìn thấy quân Hittie vẫn còn nhiều chiến xa nguyên vẹn để sẵn sàng tiếp tục cuộc chiến. Đồng thời, anh ta ra lệnh cho một số đội quân lăn các tảng đá từ sườn đồi xuống và dựng lại các chướng ngại vật đã bị phá vỡ để chuẩn bị cho một chiến thắng thật hoàn hảo và tịch thu nguyên vẹn các chiến xa Hittite.

Trong khi đó, các đội chiến xa hạng nhẹ của quân Hittite cắm trại trên chỗ bằng phẳng để cho ngựa uống nước, sửa chữa yên cương và vặn chặt lại các nan bánh xe. Nhìn thấy bụi bốc lên giữa các ngọn đồi và nghe thấy tiếng la hét, tiếng vũ khí vang chát chúa, chúng tin rằng các cỗ xe tấn công hạng nặng của mình đang lùa quân Ai Cập quanh trận địa và tiêu diệt họ như giết một lũ chuột.

Được những đám mây bụi che chắn, Horemheb phái những lính giáo dũng cảm nhất xuống hào để ngăn lính Hittite cứu những đồng đội của chúng bị rơi xuống hố và ngăn chúng lấp các hào. Còn các đội quân còn lại, anh ta lệnh cho lăn những tảng đá lớn ra phía trước và dùng xe bò kéo đến chỗ các chiến xa, dồn chúng vào nơi chật hẹp, khiến chúng không thể di chuyển. Dọc theo sườn đồi, những tảng đá lớn đã nhanh chóng được vần về phía các chiến xa, vì người Ai Cập khai thác đá và trong quân đội của Horemheb có quá nhiều người từng đục đá trong các mỏ đá.

Quân Hittite bắt đầu rối loạn khi những đám mây bụi không lắng xuống vì không thể nhìn thấy gì, và nhiều tên lính bị trúng tên ngã nhào khi đứng trên cỗ xe cố gắng nhìn ra xung quanh. Các chỉ huy Hittite tranh cãi nhau và không biết phải xử trí ra sao, vì chúng chưa bao giờ được huấn luyện phải làm gì trong trận chiến kiểu này. Sau một hồi tranh cãi, chúng cử một vài chiến xa lao vào giữa đám mây bụi để do thám trận địa của quân Ai Cập, nhưng các chiến xa này không quay trở lại vì ngựa vấp phải đá và lính đánh xe bị lính giáo của Horemheb kéo ra khỏi chiến xa rồi giết. Cuối cùng, các chỉ huy quân Hittite lệnh thổi tù và, tập hợp các chiến xa lại và sẵn sàng cho một cuộc tấn công để có thể quay lại bãi bằng tổ chức lại đội ngũ. Nhưng khi tấn công trở lại theo đúng con đường đã đến, chúng không còn nhận ra đường nữa mà ngựa vấp phải dây và bẫy, các cỗ xe kềnh càng bị lật trên đá, cuối cùng chúng buộc phải xuống xe và chiến đấu trên bộ. Chúng là những binh lính dũng cảm, dạn dày kinh nghiệm trận mạc và đã giết nhiều quân Ai Cập, nhưng chúng không quen chiến đấu trên bộ, mà quen đứng trên chiến xa phía trên kẻ thù. Vì thế, chúng đã bị quân Horemheb đánh bại.

Trời dần tối, gió từ sa mạc thổi đến xua những đám mây bụi khỏi thung lũng, để lộ trận địa và thất bại khủng khiếp của quân Hittite, vì chúng đã mất hầu hết chiến xa hạng nặng và rất nhiều chiến xa và ngựa cùng với tất cả trang bị đã bị quân Horemheb tịch thu nguyên vẹn. Nhưng binh lính của Horemheb, mệt mỏi và bị kích động bởi sự ác liệt của trận chiến, bởi tình trạng thương tích và mùi máu, cũng vô cùng sợ hãi khi nhìn thấy những tổn thất của chính quân mình, vì xác lính Ai Cập nằm trong thung lũng nhiều hơn xác lính Hittite gấp nhiều lần. Những binh lính sống sót kinh hoàng nói với nhau: "Đây là một ngày khủng khiếp và cũng may là chúng ta không nhìn xung quanh khi đánh nhau vì nếu nhìn thấy quân Hittite đông như kiến và số quân mình đã ngã xuống, chắc chắn tim chúng ta sẽ thót lên miệng và chúng ta đã không thể chiến đấu như sư tử thế".

Nhưng chứng kiến sự thất bại khủng khiếp của mình, những tên lính Hittite sống sót đã bật khóc và nói: "Những cỗ xe hạng nặng của chúng ta, tinh hoa và niềm tự hào của quân đội chúng ta, đã tiêu tan; trời cao và mẹ đất đã bỏ rơi chúng ta. Sa mạc này chắc chắn không còn là của mẹ đất nữa mà là đất của loài quỷ dữ. Vì vậy, chúng ta không chiến đấu nữa, chúng ta buông vũ khí". Thế là chúng ném giáo xuống đất ở trước mặt và giơ hai tay lên trời. Horemheb sai trói chúng bằng dây thừng như trói các tù nhân và tất cả những con chuột bùn của sông Nile đến gần, ngạc nhiên nhìn chúng, đưa ngón tay chạm vào vết thương của chúng, nhặt từ mũ và quần áo của chúng những hình mặt trời có cánh và hình rìu đôi.

Trong khung cảnh hỗn độn khủng khiếp đó, Horemheb đi khắp các đội quân, mắng mỏ họ với những lời ghê sợ nhất, quất nhẹ họ bằng chiếc roi vàng của anh ta và xướng tên những người lính mà anh ta thấy nổi bật trong trận chiến, gọi họ là con, là những chú chuột đồng yêu quý của mình. Anh ta sai phát rượu, bia cho họ và cho họ được phép tước lột đồ của những kẻ đã chết, cả lính Hittite lẫn lính Ai Cập, để họ thấy rằng mình cũng có phần chiến lợi phẩm. Còn chiến lợi phẩm quý giá nhất mà anh ta nhận được là những cỗ chiến xa hạng nặng với những chiến mã không bị thương và khỏe khoắn, điên cuồng cắn, đá tứ tung cho đến khi được cho ăn, uống thừa mứa và những người lính quen chăn thả ngựa của Horemheb âu yếm nói với chúng rằng hãy phục vụ Ai Cập. Mặc dù đáng sợ, song ngựa là loài vật khôn ngoan và hiểu được lời nói của con người. Vì vậy, chúng ngoan ngoãn về với Horemheb, phục vụ anh ta khi đã đủ thức ăn và nước uống. Nhưng làm sao chúng có thể hiểu được tiếng Ai Cập khi chỉ quen nghe thứ ngôn ngữ khó hiểu của người Hittite, tôi không thể hiểu.

Tuy nhiên, binh lính của Horemheb đảm bảo với tôi rằng chúng hiểu tất cả những gì họ nói, và tôi phải tin họ khi nhìn thấy những con vật to lớn và hoang dã này chịu để họ chăm sóc và cởi bộ giáp len nặng nề, nóng nực ra khỏi cái lưng đẫm mồ hôi của chúng.

Ngay đêm hôm đó, Horemheb đã gửi tin đến các toán cướp và quân ô hợp vẫn đóng ở hai bên rìa sa mạc, kêu gọi tất cả những tên dũng cảm gia nhập các đội chiến xa, về làm lính bọ bẩn thỉu của mình, vì những người sống ở sa mạc biết chăm sóc ngựa hơn người Ai Cập vốn rất sợ ngựa. Tất cả kỵ sĩ vui mừng chấp thuận lời kêu gọi của anh ta và rất vui thích với các chiến xa hạng nặng và những con ngựa cường tráng. Sói, chó hung sa mạc và quạ núi cũng vui thích hệt như thế, kéo đến từng đàn xé mổ xác chết, không phân biệt lính Ai Cập hay lính Hittite.

Tuy nhiên, tôi không buộc phải nghĩ đến những điều này, vì tôi có quá nhiều việc để làm, chữa chạy cho những người bị thương, khâu liền các vết thương, kéo những cẳng chân, cánh tay bị bong gân, trẹo khớp và khoan các hộp sọ bị chùy của lính Hittite đập méo. Mặc dù có nhiều người phụ mổ và khâu vết thương giúp tôi, nhưng phải mất ba ngày ba đêm mới băng bó, cứu chữa được tất cả những người bị thương và trong thời gian này cũng có nhiều người chết vì bị thương quá nặng. Nhưng tôi không được làm công việc này trong tĩnh lặng, mà tai tôi liên tục bị tiếng ầm ào của các trận chiến quấy nhiễu, vì quân Hittite vẫn chưa chịu tin vào thất bại của mình. Ngày hôm sau, chúng tấn công bằng những chiến xa hạng nhẹ để hòng lấy lại những chiến xa tấn công đã mất. Sang ngày thứ ba, chúng cố sức phá bỏ các vật chướng ngại, vì không dám quay trở lại Syria báo cáo tổn thất với các tướng lĩnh của mình

Nhưng vào ngày thứ ba, Horemheb không chỉ phòng thủ nữa mà ra lệnh dỡ bỏ các chướng ngại vật và đưa những con bọ rác rưởi của mình và các chiến xa thu được của quân Hittite ra giao chiến. Những chiến xa này truy đuổi các chiến xa hạng nhẹ của quân Hittite và chia rẽ chúng ra, nhưng họ cũng bị tổn thất nhiều vì quân Hittite nhanh hơn và quen điều khiển chiến xa hơn, khiến tôi lại có thêm nhiều việc phải làm. Nhưng Horemheb nói những tổn thất này là không tránh khỏi, vì chỉ trong chiến trận, những tân binh rác rưởi của anh ta mới học được cách điều khiển ngựa và chiến xa; và sẽ học được tốt khi kẻ thù đang ở thế bất lợi và sợ hãi, hơn là khi chúng đã được nghỉ ngơi, được trang bị lại và các chiến xa của chúng đã sẵn sàng đối đầu với chiến xa của Ai Cập.

- Chúng ta sẽ không bao giờ thắng được Syria nếu ta không có

chiến xa để chống lại chiến xa, - Horemheb nói. - Vì vậy, toàn bộ cuộc chiến diễn ra bằng chướng ngại vật này chỉ là trò trẻ con và chúng ta sẽ không thu được gì với nó, cho dù chúng ta chặn được cuộc tấn công của quân Hittite vào Ai Cập.

Anh ta rất mong quân Hittite sẽ cho bộ binh vào sa mạc để đánh anh ta vì trong sa mạc, quân Hittite sẽ là miếng mồi ngon cho anh ta khi không có đủ nguồn cung cấp nước. Nhưng người Hittite khôn ngoan và học hỏi nhanh, chúng giữ quân của mình ở Syria với hy vọng Horemheb vì lóa mắt trước chiến thắng mà sẽ cho quân từ sa mạc đến Syria, dễ dàng trở thành miếng mồi cho binh lính và đội chiến xa giàu kinh nghiệm đang hồi phục của chúng. Tuy nhiên, thất bại vừa qua của chúng đã gây ra hỗn loạn lớn ở Syria, nhiều thành phố đã nổi dậy chống lại Aziru và đóng cửa thành, vì chán ngấy với tham vọng quyền lực của Aziru và lòng tham của người Hittite, đồng thời cũng hy vọng giành được sự ủng hộ của Ai Cập khi mơ tưởng một chiến thắng nhanh chóng. Vì các thành phố của Syria luôn xung đột với nhau và các do thám của Horemheb đã kích động trạng thái bất ổn trong người dân ở đó, lan truyền những tin đồn đáng sợ và thổi phồng thất bại trên sa mạc của quân Hittite.

Horemheb cho quân lính nghỉ ngơi trên Núi Chiến Thắng và bàn bạc với quân do thám của mình để đưa ra những chiến lược mới, và tiếp tục gửi đến Gaza đang bị bao vây mọi ngả đường thông điệp: "Hãy giữ lấy Gaza". Anh ta biết rằng Gaza không thể chịu đựng được cuộc vây hãm lâu hơn nữa và để giành lại được Syria, anh ta phải có một căn cứ trên bờ biển. Trong lúc chờ đợi, anh ta cho người len lỏi vào hàng ngũ binh lính, kể lể về sự giàu có của Syria và các nữ giáo sĩ của đền thờ Ishtar, những người có tài nghệ làm các chiến binh dũng cảm thỏa mãn và vui vẻ. Tôi không biết anh ta chờ đợi điều gì cho đến một đêm kia, từ sa mạc bên phía Syria, một người gầy gò, tiều tụy lén lút đến gần các chướng ngại vật nộp mình và cầu xin gặp Horemheb. Quân lính chế nhạo sự táo tợn của gã, nhưng Horemheb đồng ý tiếp gã và khi nhìn thấy Horemheb, gã cúi gập người, tay thõng xuống đầu gối, mặc dù bộ đồ gã mặc là của người Syria. Rồi gã đặt lòng bàn tay lên một mắt của mình, như thể sợ bị đá ném. Thấy thế, Horemheb nói:

- Kìa, chắc bọ hung không đốt mắt ngươi đó chứ?

Tôi tình cờ ở trong lều anh ta khi việc này xảy ra và thấy lời nói đó thật ngu ngốc vì bọ hung là con vật vô hại và không đốt bất cứ ai. Nhưng gã kia nói:

- Đúng là bọ hung đã đốt mắt tôi vì ở Syria có mười lần mười bọ hung, và tất cả chúng đều rất độc.

Horemheb nói:

- Chào ngươi, người dũng cảm, ngươi có thể nói thoải mái, vì danh y trong lều ta đây là người ngốc và dĩ nhiên không hiểu gì.

Tên do thám nghe thế mới nói:

- Ông chủ của tôi, tướng quân Horemheb, cỏ khô đã đến.

Gã không nói gì nữa, nhưng qua đó tôi đoán gã là do thám của Horemheb; và Horemheb vội vã ra khỏi lều chỉ huy và ra lệnh đốt lửa hiệu trên đỉnh núi; chỉ một lúc sau, ngọn lửa hiệu bừng sáng trên tất cả các triền núi từ Núi Chiến Thắng đến tận miền Hạ. Bằng cách này, Horemheb gửi thông điệp đến Tanis rằng đội thuyền chiến phải dong buồm ra biển đến Gaza và chấp nhận giao chiến với thủy quân Syria, trừ khi tránh được giao tranh.

Sáng hôm sau, Horemheb ra lệnh thổi tù và, cả đoàn quân lên đường xuyên qua sa mạc về phía Syria; các cỗ chiến xa đi trước dẫn đầu từng phân đội nhỏ, khai chiến để mở đường và chọn nơi hạ trại cho đoàn quân nghỉ trên đường đi. Nhưng sao Horemheb lại dám giao chiến với quân Hittite trên địa hình bằng phẳng, tôi không thể hiểu. Nhưng các đội quân vẫn sẵn sàng theo anh ta, mơ về sự giàu có của Syria và chiến lợi phẩm dồi dào, cho dù khi nhìn từng khuôn mặt họ, tôi như thấy dấu ấn của tử thần. Nhưng tôi vẫn lên kiệu và theo họ, bỏ lại sau mình Núi Chiến Thắng, bỏ lại xương của lính Hittite và lính Ai Cập yên bình nằm lại bên nhau, làm trắng dần thung lũng bị chẹn kín những chướng ngại vật.

3

Giờ đã đến lúc phải kể về cuộc chiến ở Syria, nhưng tôi không có nhiều điều để kể, bởi vì tôi không hiểu về chiến tranh, và trong mắt tôi tất cả các cuộc chiến đều giống nhau, tất cả những thành phố bị cháy, những ngôi nhà bị cướp đều giống nhau và những người vợ nức nở, những thi thể bị xé toạc đều như nhau, dù tôi tình cờ bắt gặp hay nhìn thấy ở đâu. Vì thế, những điều tôi kể sẽ rất đơn điệu nếu kể tất cả mọi điều mình thấy, vì cuộc chiến ở Syria kéo dài ba năm và đó là một cuộc chiến khốc liệt và tàn

nhẫn, làm rất nhiều người thiệt mạng, đến mức những ngôi làng ở Syria trở nên hoang tàn, cây ăn quả bị đốn trụi trong vườn và các thành phố trở nên trống vắng.

Nhưng trước tiên, tôi phải kể về mưu lược của Horemheb, vì anh ta đã không do dự cho quân vượt qua cột đá mốc biên giới vào Syria và phá hủy các cột do Aziru cho dựng, lại còn cho phép lính của mình cướp bóc làng mạc và vui vẻ với đàn bà Syria để họ được nếm thành quả chiến thắng. Anh ta tiến quân thẳng đến Gaza và khi biết được ý định đó, quân Hittite đã tập trung lực lượng vào một dải đất rộng gần Gaza để chặn đường tiến và tiêu diệt quân của anh ta, vì địa hình này rất thích hợp cho những trận đánh bằng chiến xa và chúng tin chắc mình sẽ chiến thắng. Nhưng tiết trời đã sang đông từ lâu nên chúng phải cho ngựa ăn cỏ khô và thức ăn gia súc mua từ các thương nhân Syria. Trước trận chiến, ngựa của chúng bị ốm và bắt đầu run rẩy khi được đóng yên, phân ngựa chuyển sang màu xanh lục và nhão nhoét, và nhiều con đã chết. Vậy nên lực lượng chiến xa của Horemheb đã có thể giao chiến ngang ngửa với đội chiến xa của Hittite và sau khi đánh bại các chiến xa của chúng, anh ta dễ dàng đánh tan tác bộ binh Hittite đang hoảng loạn. Lính giáo và lính cung của anh ta đã làm nốt việc mà các chiến xa đã bắt đầu, khiến quân Hittite phải chịu những tổn thất lớn chưa từng có và trên bãi chiến trường, xác quân Hittite và Syria cũng nhiều như xác lính Ai Cập, khiến nơi này được gọi là Bãi Xương Người. Khi đến doanh trại của chúng, việc Horemheb làm trước tiên là ra lệnh đốt các kho chứa thức ăn gia súc, vì những thức ăn này đã bị trộn lẫn nhiều lá cây độc làm cho ngựa Hittite bị bệnh, nhưng lúc đó tôi thật không biết bằng cách nào Horemheb đã làm được việc ấy.

Thế là Horemheb đã đến được trước thành Gaza và đánh tan tác đội quân bao vây thành trong khi quân Hittite và Syria bỏ chạy đến các thành phố và đồn trú kiên cố ở miền nam Syria. Cùng lúc ấy, cả thủy quân Ai Cập cũng dong thuyền đến cập cảng Gaza, sau khi bị đánh tơi tả và nhiều thuyền vẫn còn cháy trong trận hải chiến kéo dài hai ngày ở ngoài khơi Gaza. Thủy quân Ai Cập chạy trốn vào cảng Gaza và nhiều thuyền bị đắm khi đụng phải chướng ngại vật che kín cảng trước khi viên trấn thủ cẩn trọng của Gaza tin lời họ và cho phép dỡ bỏ các chướng ngại vật; và hạm đội liên quân của Syria và Hittite cũng bỏ chạy đến Tyros và Sidon để củng cố lực lượng; vì cả hai bên đều rút lui nên trận hải chiến vẫn chưa phân thắng bại. Nhưng ngay sau trận này, Horemheb đã có thể vận chuyển thực phẩm, vũ khí và binh lính đến Gaza bằng đường biển, cũng như cho những lính bị thương và ốm yếu của mình lên thuyền về Ai Cập.

Ngày những cánh cổng bất khả chiến bại được rộng mở ra cho đoàn quân của Horemheb nay vẫn là ngày lễ trên khắp Ai Cập và vào ngày mùa đông này, Ngày thần Sekhmet, trẻ con chơi trò đánh nhau bằng chùy gỗ và giáo sậy, tái hiện cuộc bao vây Gaza. Có lẽ chưa bao giờ có thành phố nào được bảo vệ kiên cường hơn Gaza và chắc chắn viên trấn thủ Gaza hoàn toàn xứng đáng với mọi danh tiếng mà anh ta được nhận vì đã bảo vệ Gaza. Vì vậy tôi nhắc đến tên anh ta, cho dù tôi vẫn thấy nhục nhã bởi anh ta đã chứng kiến tôi được kéo lên tường thành Gaza trong một cái giỏ sậy như thế nào. Tên anh ta là Roju.

Lính của anh ta gọi anh ta là Cổ Vẹo và tôi nghĩ cái tên này mô tả đúng ngoại hình và tính khí của anh ta, vì tôi chưa từng gặp ai ngang ngạnh và đa nghi hơn anh ta. Sau chiến thắng, Horemheb đã cho thổi tù và suốt một ngày dài trước thành Gaza, đến khi Roju tin và cho mở cổng. Ngay cả khi đó, lúc đầu anh ta cũng chỉ cho một mình Horemheb bước vào trong cổng thành, bởi anh ta nghi ngờ Horemheb là một người Syria cải trang. Cuối cùng, khi tin chắc Horemheb đã đánh bại quân Hittite, Gaza không còn gặp nguy hiểm nữa và cuộc bao vây đã kết thúc, anh ta cũng không tỏ ra quá vui mừng mà vẫn cáu kỉnh như trước vì không vừa ý với việc Horemheb là tổng tư lệnh ở Gaza, ở cấp cao hơn và chỉ huy anh ta, vì trong nhiều năm bị vây hãm, anh ta đã quen mình là người ra lệnh cho tất cả.

Thật ra tôi cũng nên kể thêm về Roju Cổ Vẹo này, vì anh ta là một người khá kỳ cục và gây ra nhiều xung khắc ở Gaza vì sự ngang ngạnh của mình. Tôi nghĩ anh ta là một kẻ điên rồ, bướng bỉnh và đầu óc anh ta có vấn đề, nhưng nếu anh ta không như vậy, có lẽ quân Hittite và Aziru đã chiếm được Gaza từ lâu. Tôi không nghĩ anh ta có thể làm được gì ở nơi nào khác, mà thần linh hay vận may đã đưa anh ta đến Gaza, một nơi hoàn toàn phù hợp với khả năng của anh ta. Ban đầu, anh ta bị đày đến Gaza do liên tục cãi lệnh cấp trên, vì Gaza là một thành phố nhỏ bé và thứ yếu so với các thành phố khác của Syria, một nơi đày ải thích đáng, và chỉ những việc xảy ra sau này mới biến nó thành quan trọng. Đúng ra, chính Roju là người biến nó thành quan trọng vì anh ta đã không hàng phục Aziru như các thành phố khác.

Nhưng trước tiên, tôi phải kể về việc chúng tôi đến Gaza và thành này trông như thế nào khi chúng tôi đến. Tôi đã kể các tường thành ở Gaza cao đến nỗi tôi rất sợ bị gãy cổ khi tay Roju này ra lệnh dùng dây kéo tôi lên tường thành sau khi đã làm tay và đầu gối tôi bỏng rộp vì hắc ín đun chảy. Những bức tường này đã cứu Gaza vì chúng được xây bằng những phiến đá khổng lồ, móng

được xây từ xửa xưa và không ai biết người xây là ai, theo dân gian thì chính những người khổng lồ đã xây chúng. Vì thế, quân Hittite không thể làm được gì nhiều với những bức tường này, nhưng những phần tường bị chúng dùng máy ném đá đập vỡ và tháp canh bị đổ khi chúng đào đất dưới chân tường với sự che chắn của hàng khiên đã cho thấy năng lực quân sự tài giỏi của chúng.

Cả khu phố cổ bên trong tường thành đã bị thiêu rụi gần hết và không một ngôi nhà nào còn nguyên mái. Khu phố mới bên ngoài tường thành bị Roju Cổ Vẹo cho đốt cháy và phá hủy hoàn toàn ngay khi anh ta nghe tin về cuộc nổi dậy của Aziru và anh ta đã dùng quyền lực của chính mình để làm điều này vì tất cả những phò tá của anh ta phản đối và dân chúng phẫn nộ, đe dọa anh ta nếu anh ta cho phá hủy thành phố của họ. Với việc làm này, Roju đã vô tình làm dân Syria ở Gaza nổi loạn trước khi họ kịp phối hợp với nhau, bởi vì kế hoạch của Aziru là các thành phố có quân Ai Cập đồn trú sẽ chỉ nổi dậy sau khi binh lính và chiến xa của anh ta đến được trước cổng thành. Thế nên chỉ với lực lượng quân đồn trú, Roju cũng có thể dẹp tan cuộc bạo loạn, không cần quân tiếp viện mà Ekhnaton sẽ không gửi đến; và anh ta đã nhấn chìm cuộc bạo loạn trong biển máu, khiến dân chúng kinh hoàng và không ai dám nghĩ đến việc nổi dậy chống lại anh ta nữa. Vì nếu ai đó bị bắt với vũ khí trên tay và đầu hàng rồi cầu xin khoan hồng, Roju sẽ nói: "Hãy cho hắn một chùy vào đầu vì đã ngoan cố chống lại ta và xin khoan hồng". Nếu ai đầu hàng mà không xin khoan hồng, Roju sẽ nổi điên và nói: "Hãy nện chùy vào đầu tên phiến quân ngoan cố này, kẻ dám kiêu hãnh ngẩng cao đầu trước mặt ta". Nếu những người vợ cùng bầy con đến gặp anh ta để cầu xin sự sống cho chồng và cha mình, anh ta sẽ ra lệnh giết hết không thương xót: "Hãy giết hết tụi Syria rác rưởi này, những kẻ không biết rằng ý chí của ta cao hơn của chúng, như bầu trời ở trên mặt đất".

Vì vậy, không ai có thể nói điều gì vừa lòng anh ta, mà anh ta ngửi thấy sự xúc phạm và chống đối trong mọi lời nói với mình. Nếu người ta cảnh báo anh ta rằng Pharaon cấm xảy ra đổ máu, anh ta sẽ nói: "Ta là pharaon ở Gaza". Sự ngạo mạn của anh ta thật khủng khiếp, nhưng tôi phải thừa nhận rằng anh ta chỉ nói câu này khi quân Aziru bao vây Gaza.

Nhưng cuộc vây hãm của Aziru chỉ là trò trẻ con so với cuộc bao vây khốc liệt và kiên định của quân Hittite. Vì cả ngày lẫn đêm, quân Hittite ném lửa vào pháo đài và nhà cửa, ném rắn độc trong các hũ đất sét bịt kín vào thành và hũ vỡ tan khi rơi xuống nền đá Gaza, ném xác xúc vật và tù binh Ai Cập vào bằng máy ném khiến thân thể họ bị đập vào tường thành nát bét. Khi chúng tôi vào

được trong thành, chỉ còn ít người sống sót và từ trong xó xỉnh những ngôi nhà bị cháy, chỉ có mấy người đàn bà với người già gầy tong như những cái bóng khủng khiếp đứng dậy chào chúng tôi. Tất cả trẻ em ở Gaza đều đã chết và tất cả đàn ông bị bắt làm cho đến chết dưới làn roi của Roju để đắp lại những chỗ hổng trên các bức tường thành. Không người sống sót nào tỏ vẻ vui mừng khi thấy quân Ai Cập kéo vào thành qua những cánh cổng đã bị phá đổ, chỉ có những người đàn bà vung nắm đấm gầy guộc về phía chúng tôi và những người già chửi mắng chúng tôi. Horemheb sai phân phát cho họ ngũ cốc với bia và nhiều người trong số họ đã chết ngay đêm đó trong đau đớn tột cùng, vì lần đầu tiên được ăn đến căng bụng với lượng thức ăn của cả tháng, khiến cái dạ dày rỗng lâu ngày của họ không chịu đựng nổi. Tôi cũng nghĩ trong thời gian bị bao vây, họ đã không chịu nổi vì nỗi kinh hoàng và hận thù đến bất lực khiến cuộc sống không còn là niềm vui đối với họ nữa.

Nếu có thể, tôi muốn mô tả Gaza như tôi nhìn thấy trong ngày chiến thắng ấy khi chúng tôi tiến vào qua những cánh cổng đã bị phá. Tôi muốn mô tả những tấm da người khô quắt treo trên tường thành và những sọ người đen sì đang bị quạ rỉa. Tôi muốn mô tả nỗi kinh hoàng của những ngôi nhà bị cháy và những đống xương gia súc đen bồ hóng trên những con hẻm đầy những bức tường nhà mục nát.

Tôi muốn mô tả cái mùi khủng khiếp, mùi của chết chóc và dịch bệnh trong thành phố bị vây hãm khiến binh lính của Horemheb phải dùng ngón tay bịt chặt mũi. Tôi muốn mô tả tất cả những điều này để đưa ra một ý niệm về ngày chiến thắng vĩ đại và lý giải vì sao từ tận đáy lòng, tôi không thể vui trong ngày Ai Cập đón mừng chiến thắng này.

Tôi cũng muốn mô tả những người lính còn sống sót của Roju Cổ Vẹo: hai bên sườn gầy tóp, đầu gối sưng tấy và lưng đầy vết roi. Tôi muốn mô tả đôi mắt của họ, không còn là mắt người mà lóe sáng màu lục như mắt của dã thú trong bóng của những bức tường. Họ giơ cao ngọn giáo trong đôi tay yếu ớt của mình và gào lên với Horemheb: “Hãy giữ lấy Gaza, hãy giữ lấy Gaza!”

Tôi không biết họ hét lên như thế là để nhạo báng anh ta, một việc mà họ không hề có lý do để làm, hay họ hét lên như thế vì trong hộp sọ khốn khổ của họ không chứa đựng ý nghĩ mang tính người nào. Tuy nhiên, họ không ở trong tình trạng khốn khổ như người dân thành phố mà được ăn uống; Horemheb cho giết gia súc để họ được ăn thịt tươi và phân phát cho họ bia rượu, thứ anh ta có rất

nhiều sau khi lính của anh ta cướp phá doanh trại của quân Hittite và các nhà kho của quân bao vây. Họ không đủ kiên nhẫn đợi thịt chín trong các chảo lớn mà dùng tay xé thịt sống nhai ngấu nghiến và say mèm sau những hớp bia đầu tiên, đến mức bắt đầu nghêu ngao những bài hát tục tĩu và huênh hoang về những việc mình làm.

Nhưng họ cũng có rất nhiều điều để khoe và trong những ngày đầu, không binh lính nào của Horemheb, kể cả những con bọ dạn dày của anh ta, muốn thi ba hoa với họ, vì ai cũng biết những người lính ở pháo đài này vượt quá sức chịu đựng của con người để giữ Gaza cho Ai Cập. Họ hết lời ca ngợi Horemheb, người đã cho họ uống đến say mèm, gửi đến họ những lời khích lệ khi họ bị vây hãm và đêm đêm gửi cho họ đại mạch Syria trong những chiếc thuyền nhỏ len lỏi qua dãy thuyền bao vây. Họ cũng ca ngợi mưu lược của Horemheb vì khi đại mạch đã cạn và lính phải săn chuột để ăn trong pháo đài thì lương thực đựng trong các hũ sành bắt đầu vượt qua tường thành rơi vào trong và chính quân Hittite đã ném đại mạch trong các hũ bịt kín vào Gaza; đồng thời với đại mạch, họ nhận được thông điệp của Horemheb trong mỗi hũ: "Hãy giữ lấy Gaza!". Những điều siêu phàm này đã khích lệ họ trong cơn quẫn bách, khiến họ coi Horemheb ngang với thần linh.

Horemheb tặng mỗi người lính Gaza sống sót một sợi dây chuyền vàng và việc đó không gây tốn kém cho anh ta nhiều lắm vì họ chỉ còn lại không quá hai trăm người đủ sức chiến đấu. Do vậy, việc họ giữ được Gaza là một điều kỳ diệu. Anh ta cũng cho họ những nữ tù nhân Syria trong trại của quân Hittite để họ mua vui với những người này và quên đi những đau khổ đã phải chịu đựng, nhưng vì mòn mỏi, đói khát quá lâu, những người lính Gaza tội nghiệp này không còn biết vui với đàn bà nữa, mà dùng giáo và dao đâm, rạch họ, lấy tiếng kêu đau đớn của họ làm niềm vui theo thói quen của quân Hittite. Họ học được rất nhiều thói quen mới từ quân Hittite trong cuộc vây hãm, ví như lột da tù nhân khi còn sống và treo tấm da lên tường. Nhưng họ lại nói họ đâm, rạch những phụ nữ Syria này vì là người Syria, và họ nói: "Đừng để chúng tôi nhìn thấy người Syria nào vì nếu thấy, chúng tôi sẽ đánh và bóp cổ người đó".

Horemheb tặng Roju Cổ Vẹo một chiếc vòng cổ bằng vàng được mạ men trắng, có gắn những viên ngọc bích, và một chiếc roi bằng vàng rồi cho lính của mình reo hò, tôn vinh anh ta, đến mức tiếng hô của họ làm bức tường thành Gaza như rung chuyển. Tất cả bọn họ đều chân thành reo vui và vô cùng ngưỡng mộ Roju, người đã giữ vững Gaza. Khi tiếng reo hò lắng xuống, Roju ngờ

vực sờ chiếc vòng quanh cổ mình và hỏi:

- Thưa Horemheb, tướng quân coi tôi là ngựa hay sao mà trang điểm cho tôi bằng dây cương vàng, và có thật chiếc roi này được bện bằng vàng ròng không, hay chỉ là vàng pha của người Syria?

Rồi anh ta nói thêm:

- Tướng quân hãy đưa lính của mình ra khỏi thành phố này, vì sự đông đúc của họ quấy nhiễu tôi quá thể, làm tôi đêm đêm không thể ngủ được trong tháp của mình khi họ làm ầm ĩ, mặc dù tôi từng ngủ rất ngon khi quân phá tường đập ầm ầm và lửa cháy xèo xèo xung quanh tôi. Hãy đưa lính của tướng quân ra khỏi thành phố này, vì ở Gaza tôi là pharaon; nếu điên lên, tôi sẽ sai lính của tôi đánh lính của ngài và giết họ nếu họ vẫn làm ầm ĩ và quấy nhiễu giấc ngủ của tôi.

Quả thật, sau khi cuộc vây hãm chấm dứt, Roju Cổ Vẹo mất ngủ triền miên, ngay cả thuốc ngủ cũng không giúp được anh ta và rượu cũng vô hiệu dụng, thậm chí còn làm giấc ngủ của anh ta tệ hơn. Đêm đêm anh ta nằm trên giường, lật đi lật lại trong đầu danh sách đồ quân dụng trong kho của pháo đài mà anh ta đã thuộc nằm lòng, cố gắng nhớ ra từng món đã được sử dụng vào việc gì, từng ngọn giáo đã được ném vào đâu; anh ta cố nhớ tất cả những điều điên rồ khác, đến mức không thể nào ngủ được nữa. Cho đến một hôm, anh ta nhún nhường đến chỗ Horemheb và nói

- Tướng quân là ông chủ của tôi và là chỉ huy của tôi. Vì thế hãy cho trừng phạt tôi đi, bởi tôi chịu trách nhiệm với Pharaon về tất cả những gì ngài đã tin tưởng giao phó, nhưng tôi không thể làm được, vì rất nhiều giấy tờ đã bị cháy khi quân Hittite ném những hũ lửa vào phòng tôi và trí nhớ của tôi không thể nhớ lại mọi thứ vì đã bị suy giảm rất nhiều do thao thức và giấc ngủ kém. Tôi nghĩ mình nhớ hết mọi thứ, nhưng đúng ra trong kho phải có bốn trăm dây đai buộc đuôi lừa mà tôi không thể tìm thấy chúng ở đâu nữa; bọn coi kho cũng không tìm thấy, mặc dù tôi đánh chúng mỗi ngày đến nỗi chúng không thể ngồi hoặc đi được nữa mà phải chạy bò lổm ngổm trên sàn. Horemheb, tôi biết tìm bốn trăm dây đai này ở đâu, vì tất cả lừa trong pháo đài đã bị chúng tôi làm thịt từ lâu và chúng không cần dây buộc đuôi nữa. Nhân danh Seth và tất cả ác quỷ, Horemheb, hãy cho đánh tôi ở nơi công cộng và trừng phạt tôi, vì tôi rất sợ Pharaon nổi giận và tôi sẽ không bao giờ dám diện kiến ngài, như địa vị của tôi đòi hỏi, trừ khi tôi tìm thấy số dây đó.

Horemheb cố gắng trấn an anh ta và nói sẽ rất vui lòng tặng anh ta bốn trăm dây đai buộc đuôi lừa để sổ sách và hàng trong kho khớp với nhau. Nhưng điều đó khiến Roju lo lắng hơn, anh ta nói:

- Rõ ràng là ngài tìm cách dụ tôi lừa dối Pharaon, vì nếu tôi nhận từ ngài số dây này, chúng hoàn toàn không phải là những dây đai đuôi lừa mà Pharaon muốn tôi giữ khi giao quyền chỉ huy Gaza cho tôi. Chắc ngài làm điều này để triệt hạ tôi và buộc tôi tội nhận hối lộ trước Pharaon, vì ngài ghen tị với danh tiếng của tôi và muốn trở thành người chỉ huy Gaza. Có lẽ ngài đã sai bọn lính ngỗ ngược của mình đánh cắp những dây đai đuôi lừa này từ kho của tôi để buộc tội tôi. Vì thế tôi không đồng ý với lời đề nghị xảo quyệt của ngài, vì tôi quyết giữ Gaza và binh lính của tôi quyết giữ Gaza chừng nào chúng tôi vẫn còn sống sót; và tôi sẽ tìm được bốn trăm dây đai đuôi lừa này, dù có phải đập vỡ tất cả đá Gaza.

Nghe thế, Horemheb lo lắng cho tâm trạng của anh ta nên thuyết phục anh ta đi Ai Cập, về với vợ con để dưỡng sức sau những tổn thương, vất vả mà anh ta phải gánh chịu trong cuộc vây hãm. Nhưng lẽ ra Horemheb không nên làm thế vì đề nghị này càng khiến Roju tin chắc là Horemheb đang đe dọa quyền lực của mình và muốn chiếm đoạt Gaza của anh ta. Vì vậy, anh ta nói:

- Gaza là Ai Cập của tôi, các bức tường thành Gaza là vợ tôi và các tháp Gaza là con tôi. Nhưng tôi sẽ mổ bụng vợ tôi và chặt đầu các con tôi, nếu tôi không tìm lại được những chiếc dây buộc đuôi lừa bị mất này.

Anh ta đã phớt lờ Horemheb, ra lệnh hành quyết một viên coi kho từng ở bên cạnh anh ta và chịu đựng tất cả những khó khăn của cuộc vây hãm, rồi bắt quân lính dùng đòn bẩy và cuốc chim cạy, lật nền của các tòa tháp lên để tìm dây đai đuôi lừa. Khi tận mắt thấy cảnh phá hoại này, Horemheb ra lệnh nhốt anh ta trong phòng, canh giữ cẩn thận và xin tôi lời khuyên với tư cách là thầy thuốc. Sau khi nói chuyện thân mật với Roju, mặc dù anh ta không tin tôi là bạn mà nghi ngờ tôi dùng mưu để leo lên chức chỉ huy Gaza, tôi nói với Horemheb:

- Người này sẽ không bình tâm lại nếu anh và binh lính của anh không rời Gaza để anh ta lại được đóng cổng thành và cai trị Gaza như một pharaon theo cách của anh ta.

Nhưng Horemheb nói:

- Nhân danh Seth và tất cả ác quỷ, tôi làm thế nào được khi chưa

có thuyền từ Ai Cập đưa binh lính, vũ khí và lương thực đến để tôi có thể bắt đầu cuộc chiến ở Joppa. Cho đến khi ấy, các tường thành của Gaza là nơi ẩn náu duy nhất, nhưng nếu tôi cùng các đội quân của mình ra ngoài thành, tất cả những gì tôi đã giành được cho đến bây giờ sẽ tan thành mây khói.

Tôi lưỡng lự nói:

- Có lẽ sẽ hạnh phúc hơn cho chính anh ta nếu tôi khoan sọ và cố gắng chữa lành cho anh ta, vì trong thời gian ở đây, tôi biết anh ta đã phải chịu đựng rất nhiều và bây giờ nên trói anh ta vào giường. Nếu không, anh ta có thể gây hại cho chính mình hoặc cho anh.

Nhưng Horemheb không muốn cho khoan sọ người anh hùng nổi tiếng nhất Ai Cập vì điều này có thể gây nguy hiểm cho danh tiếng của chính anh ta nếu Roju chết, vì tôi không thể đảm bảo cho tính mạng của Roju, vì khoan sọ luôn không an toàn và đầy rủi ro. Vì thế, anh ta bảo tôi đến gặp Roju và với sự giúp đỡ của những người lính lực lưỡng, tôi trói Roju vào giường và cho anh ta uống thuốc ngủ. Nhưng đôi mắt anh ta lóe sáng xanh lục như mắt ác thú trong ánh lờ mờ của chiếc giường và anh ta giãy giụa, thịnh nộ trào sùi bọt mép và bảo tôi:

- Ta không phải là chỉ huy của Gaza sao, tên chó hung sa mạc của Horemheb kia? Giờ ta mới nhớ ra, trong hầm ngục của pháo đài có một tên do thám Syria đã sa vào bẫy của ta trước khi thằng chủ của ngươi đến và vì phải lo quá nhiều việc nên ta quên treo nó lên tường. Tên do thám này rất xảo quyệt và ta biết chắc là hắn đã giấu bốn trăm dây đai đuôi lừa đó. Hãy đưa hắn đến đây cho ta để ta bắt hắn ói những sợi dây chết tiệt đó ra để ta lại ngủ được.

Anh ta huyên thiên như điên và lải nhải mãi về tên do thám Syria, đến nỗi tôi phát chán và sai đốt đuốc rồi đi xuống ngục tối, nơi có cả đống xác chết bị xích vào tường và bị chuột của pháo đài gặm. Cai ngục là một lão già mù vì sống cả đời trong hầm tối của Gaza; lão thuộc lòng mọi lối đi lại, nhận ra các hành lang mà không cần đuốc. Tôi gặng hỏi lão về tên do thám Syria bị bắt giam trước khi cuộc bao vây kết thúc, nhưng lão ta thề và khăng khăng cam đoan rằng tất cả các tù nhân đã chết vì trước tiên bị tra tấn trong các cuộc khảo cung, sau đó bị bỏ đói, bỏ khát theo lệnh của Roju. Nhưng thái độ của lão già khiến tôi nghi ngờ. Vì vậy, tôi tra vấn và đe dọa lão cho đến khi lão ta nằm phục xuống trước mặt tôi và van xin:

- Tha mạng cho tôi, thưa ngài, vì suốt cuộc đời mình tôi đã trung

thành phục vụ Ai Cập và vì Ai Cập, tôi đã tra tấn tù nhân và lấy trộm thức ăn của chúng. Nhưng tên do thám này không phải là người bình thường, lưỡi hắn kỳ lạ, líu lo như chim sơn ca và hắn đã hứa sẽ cho tôi tài sản lớn nếu tôi cho hắn ăn và giữ tính mạng hắn cho đến khi Horemheb đến. Hắn cũng hứa giúp mắt tôi sáng lại, nếu tôi để hắn sống, vì bản thân hắn từng bị mù cho đến khi một danh y tài giỏi chữa lành một mắt cho hắn và hắn hứa đưa tôi đến gặp vị danh y đó, để ông này chữa lành cho tôi và tôi có thể lại sống trong thành phố giữa mọi người và tận hưởng sự giàu có của mình. Hắn đã nợ tôi hơn hai triệu deben vàng vì bánh mì và nước uống mà tôi đã đưa cho hắn. Tôi đã không nói với hắn là cuộc bao vây đã kết thúc và Horemheb đã đến Gaza, để hắn nợ tôi nhiều hơn nữa vì bánh mì và nước hằng ngày tôi mang đến cho hắn. Hắn muốn ngay sau khi Horemheb đến, tôi bí mật đưa hắn đến gặp Horemheb; hắn thề với tôi là Horemheb sẽ thả hắn và cho hắn nhiều dây chuyền vàng. Tôi tin lời hắn vì chắc chắn không ai có thể cưỡng lại cái lưỡi líu lo của hắn. Tôi chỉ định đưa hắn đến gặp Horemheb khi hắn nợ tôi đủ ba triệu deben vàng. Con số này chẵn nên dễ nhớ với trí nhớ của tôi.

Nghe lão ta nói, đầu gối tôi bắt đầu run lên và trái tim tôi như tan ra trong lồng ngực, vì tôi tin mình biết lão ta đang nói về ai. Nhưng tôi buộc tim mình chai lại và nói với lão:

- Lão già ạ, có lẽ chừng đó vàng thì cả Ai Cập và Syria cũng không có đâu. Từ những lời ngươi nói, ta đoán người đó là một kẻ dối trá khủng khiếp và đáng bị trừng phạt. Vì thế, hãy đưa ta đến chỗ hắn ta ngay và cầu xin tất cả thần linh của ngươi, đừng để điều tồi tệ nào xảy ra với hắn ta, vì ngươi phải lấy cái đầu mù của mình chịu trách nhiệm về hắn ta đấy.

Lão già vừa khóc lóc thảm thiết, gào lên cầu cứu Amon, vừa dẫn tôi đến cuối ngục rồi lách vào một cái hầm nhỏ mà lão đã lấy đá chẹn lại, ngăn với các hầm khác để lính của Roju không tìm thấy nó. Dùng đuốc rọi vào hầm, tôi thấy một người đàn ông bị xích vào tường, trên người là bộ đồ Syria đã bị xé toạc, lưng đầy vết thương và bụng như một cái túi nhiều nếp gấp thõng xuống giữa hai đầu gối. Một mắt của ông ta bị mù và trong ánh sáng của ngọn đuốc, ông ta giương con mắt còn sáng nhìn về phía tôi, chớp chớp mắt và giơ tay che ánh sáng làm mắt đau nhói sau nhiều tuần ở trong bóng tối. Ông ta nói với tôi:

- Phải ông không, Sinuhe, ông chủ của tôi? Tạ ơn ngày đã đưa ông đến với tôi, nhưng hãy bảo thợ rèn mau mau cắt đứt xích này và mang cho tôi một hũ rượu, để tôi có thể quên đi những cực nhục

này. Hãy sai nô lệ tắm rửa và xức cho tôi những loại dầu tốt nhất, bởi vì tôi đã quen với sự no đủ, với cuộc sống xa hoa và những tảng đá lát sàn sắc nhọn này đã mài mòn da dưới mông tôi. Tôi cũng không phản đối nếu ông sai sửa soạn cho tôi một chiếc giường êm ái và đưa tới đó một vài trinh nữ Ishtar, bởi vì cái bụng của tôi không còn cản trở tôi tận hưởng khoái lạc yêu đương, mặc dù tôi đã ăn hơn hai triệu deben bánh mì chỉ trong mấy ngày, tin hay không tùy ông.

- Kaptah, Kaptah, - tôi kêu lên và quỳ xuống trước mặt ông ấy, ôm lấy đôi vai bị chuột cắn của ông. - Ngươi thật vô phương cứu chữa, mà ở Thebes người ta nói ngươi đã chết nhưng ta không tin, vì ta nghĩ ngươi không bao giờ chết và bằng chứng rõ nhất cho điều đó là ta tìm thấy ngươi còn sống ở đây và khỏe mạnh trong cái hang đầy xác chết này, mặc dù có lẽ bất cứ ai trong số những kẻ đã chết trong xiềng xích xung quanh ngươi đều là những người tử tế và đáng kính trọng hơn ngươi. Tuy nhiên, ta rất mừng khi thấy ngươi còn sống.

Nhưng Kaptah lại bảo:

- Ông vẫn huyên thiên, phù phiếm như trước đây, Sinuhe, ông chủ của tôi. Đừng nói với tôi về thần linh vì trong cơn hoạn nạn của mình, tôi đã kêu van tất cả các vị thần mà tôi biết, kể cả thần của Babylon lẫn thần của Hittite, nhưng chẳng thần nào cứu giúp tôi, mà tôi buộc phải ăn đến nghèo kiết xác vì tên cai ngục tham lam. Chỉ có bọ hung của chúng ta mới giúp tôi khi dẫn ông đến đây, vì thằng trấn thủ pháo đài này là một tên điên, không tin lời nói phải quấy, sai lính bắt tôi và tra tấn tôi một cách dã man đến mức tôi phải hét lên như một con bò trên bàn tra tấn của chúng. Nhưng may là tôi vẫn giữ được bọ hung của chúng ta, vì khi thấy điều gì sắp xảy ra, tôi liền giấu thần vào một chỗ đáng phải tủi hổ trong người mình để che giấu thần, nhưng có lẽ bọ hung đã vui lòng ở đó vì thần đã dẫn ông đến với tôi. Điều thần diệu như thế này chỉ có thể xảy ra nhờ bọ hung linh thiêng của chúng ta.

Ông ấy đưa cho tôi xem bọ hung vẫn còn dính đầy phân vì thần được cất giấu ở chỗ khó chịu. Tôi bảo thợ rèn cắt xích cho ông ấy rồi dẫn ông về phòng tôi trong pháo đài, vì ông rất yếu và lại bị thong manh bởi mắt chưa quen được với ánh sáng ban ngày. Về phòng mình, tôi sai nô lệ tắm rửa, xức dầu và mặc cho ông ấy một bộ vải lanh tốt nhất rồi cho ông mượn dây chuyền vàng, vòng tay và các đồ trang sức khác, lại còn sai người cạo râu, xoăn tóc cho ông ấy để ông có thể xuất hiện theo đúng địa vị của mình. Suốt thời gian được nô lệ chăm sóc và mặc quần áo, ông ấy ăn thịt,

uống rượu và ợ những hơi dài đầy vẻ no đủ. Trong lúc đó, lão cai ngục gào khóc sau cánh cửa, vừa cào, đá vào cánh cửa vừa hét lên rằng Kaptah nợ lão hai triệu ba trăm sáu mươi lăm nghìn deben vàng cho mạng sống và thức ăn trong ngục tối. Lão ta không bớt một cắc nào từ con số này, với lý do lão đã liều mạng sống của mình để cứu Kaptah và ăn cắp đồ ăn cho ông ấy từ nguồn thực phẩm khan hiếm của pháo đài. Từ đó, tôi hiểu rằng ở Gaza còn có những kẻ điên khùng khác ngoài viên trấn thủ pháo đài, Roju. Cuối cùng, bực tức vì tiếng gào thét và khóc lóc của lão ta, tôi nói với Kaptah:

- Horemheb đã đến Gaza được hơn một tuần và lão già đã phản bội ông, vì thế ông không hề mắc nợ lão. Ta sẽ sai lính cho lão ta ăn roi và nếu cần thiết, đám lính có thể cắt cổ lão vì lão là lão già gian xảo, kẻ đã gây ra cái chết của nhiều tù nhân.

Nhưng Kaptah rất hoảng sợ khi nghe tôi nói vậy, liên tục ợ rồi uống rượu pha và nói:

- Tôi không thể cho làm việc đó vì là người trung thực và một thương gia, tôi phải thực hiện lời hứa của mình để giữ danh tiếng và tôi không lừa ai hết, mặc dù có lẽ cả Ai Cập cũng không có nhiều vàng như số vàng tôi đã nợ lão già đó. Tôi đã nghĩ mình sẽ chết vì sự ngu ngốc của tên trấn thủ Gaza, nên mới chọc ghẹo lão ta và hứa với lão ta bất cứ điều gì lão đòi hỏi vì tôi nghĩ mình sẽ không còn sống để trả nợ. Nếu biết mình sẽ sống sót, tất nhiên tôi sẽ tha hồ mặc cả với đòi hỏi của lão ta, nhưng khi ngửi thấy mùi bánh trong tay lão, tôi quên hết vì cơn đói của mình.

Tôi dụi mắt và lau mồ hôi trán, sợ hãi nhìn ông ấy chằm chằm và hỏi:

- Có đúng ông là Kaptah không? Không, ta không thể tin điều đó, mà tin là đá của pháo đài này ẩn chứa lời nguyền và bất cứ ai ở lại đây lâu sẽ phát điên. Vì vậy, ông cũng đã phát điên và không còn là Kaptah trước đây nữa. Có thật là ông sẽ trả cho lão già tất cả những gì ông nợ lão không và lấy gì để trả? Vì sau vương quốc Aton, ta nghĩ ông cũng nghèo như ta và của cải của ông đã tan thành tro bụi.

Nhưng Kaptah đã ngà ngà vì rượu và nói:

- Tôi là một người ngoan đạo, sùng kính thần linh và giữ lời hứa của mình. Vì thế tôi sẽ trả nợ cho lão ta đến deben cuối cùng, nhưng tất nhiên lão phải cho tôi thời gian để trả và tôi không tin

là cái đầu ngu ngốc của lão hiểu được số vàng tôi nợ lão nhiều đến thế nào; nhưng chắc lão sẽ rất vui nếu được tôi cân cho vài deben vàng, vì trong suốt đời mình ngón tay lão chưa bao giờ được cầm vàng mềm. Quả thật, tôi nghĩ lão ta sẽ vui đến phát điên nếu nhận được dù chỉ một deben vàng từ tôi, nhưng điều này không giải thoát tôi khỏi lời nói và món nợ của mình. Tôi không hiểu mình có thể có được tất cả số vàng này từ đâu, vì tôi đã mất rất nhiều tài sản trong cuộc bạo loạn ở Thebes, phải khổ nhục chạy trốn khỏi Thebes, bỏ mặc tài sản của mình lại đó khi nô lệ và cửu vạn nghĩ rằng tôi đã phản bội họ theo Amon và muốn giết tôi. Nhưng sau đó tôi đã giúp Horemheb rất nhiều việc ở Memphis và khi tôi buộc phải trốn khỏi Memphis vì sự hận thù của nô lệ theo tôi đến tận đó, tôi đã giúp cho Horemheb những việc lớn hơn khi làm một thương gia sống ở Syria, bán đại mạch và thức ăn gia súc cho người Hittite. Vì vậy, tôi tính rằng Horemheb đã nợ tôi ít nhất nửa triệu deben vàng và có khi còn hơn, vì tôi buộc phải từ bỏ việc buôn bán của mình và trốn đến Gaza trên một chiếc thuyền nhỏ khiến tính mạng luôn bị đe dọa trên biển. Người Hittite đã rất căm giận khi ngựa của họ bị ốm sau khi ăn thức ăn mà tôi đã bán cho họ. Nhưng không ngờ, tôi phải đối mặt với một mối nguy hiểm còn lớn hơn khi trốn đến Gaza, vì tay trấn thủ điên khùng của Gaza đã tống tôi vào tù vì coi tôi là do thám của Syria và tra tấn tôi về tội làm gián điệp. Chắc chắn hắn ta đã cho treo da tôi trên tường nếu lão cai ngục ngu ngốc này không giấu tôi và nói tôi đã chết trong ngục. Vì thế, tôi phải trả nợ cho lão ta.

Nghe ông ấy nói, tôi mới sáng mắt ra và nhận thấy Kaptah đúng là người phụng sự Horemheb tốt nhất ở Syria và là người cầm đầu nhóm do thám của anh ta, bởi người đàn ông khát nước đến lều Horemheb trên Núi Chiến Thắng đã che tay lên một mắt để báo rằng anh ta đã được người một mắt cử đến. Nhận ra điều này, tôi cũng hiểu rằng không ai khác có thể làm được như Kaptah ở Syria, vì không ai sánh được với Kaptah về mưu mẹo và sự tinh ranh. Nhưng tôi đã nói với ông ấy:

- Cứ cho là Horemheb nợ ông rất nhiều vàng, nhưng ông dùng tay bóp nát đá để đãi vàng còn dễ hơn là đòi nợ từ anh ta. Ông biết rất rõ rằng anh ta sẽ không bao giờ trả nợ.

Kaptah nói:

- Đúng thế, và tôi biết Horemheb là một kẻ lòng dạ sắt đá và vô ơn bạc nghĩa, thậm chí còn vô ơn hơn cả tay trấn thủ điên rồ của Gaza, người mà tôi đã nhờ tay quân Hittite ném lương thực cho trong những hũ đậy kín. Vì chúng tin rằng những chiếc hũ đó

chứa đầy rắn độc mà tôi đã hết sức mạo hiểm bắt gom từ sa mạc và để chứng minh điều đó, tôi đã cho đập vỡ một hũ và những con rắn bò ra đã cắn ba lính Hittite, khiến chúng chết trong một khắc đồng hồ nước nên sau đó quân Hittite không muốn mở thêm chiếc hũ chứa đại mạch nào nữa, mà trả rất hậu hĩnh cho tôi để mua những hũ này. Vì thế, mỗi hạt đại mạch đến Gaza trong những chiếc hũ này đều buộc Horemheb phải trả bằng vàng theo độ nặng của chúng, mà có lẽ hơn thế nữa, vì đại mạch đắt như giá trị của nó và cái cách đáng xấu hổ mà tay trấn thủ Gaza đã đối xử với tôi khiến đại mạch càng đắt hơn. Tất nhiên, tôi thậm chí không nghĩ Horemheb sẽ trả nợ cho tôi, nhưng hắn sẽ phải giao lại cho tôi quyền khai thác cảng với tất cả các khoản thu được từ các thành phố của Syria mà hắn đã chinh phục cũng như sẽ phải giao cho tôi toàn bộ thị trường muối của Syria và nhiều hơn thế nữa.

Lời ông ấy nói rất khôn ngoan, nhưng tôi vẫn thấy ngạc nhiên và hỏi:

- Ông vẫn định cố sức và làm việc cả đời để có đủ vàng trả nợ cho lão điên đang ngồi chửi bới sau cửa phòng ta ư?

Kaptah uống rượu và chép chép miệng rồi nói:

- Thật đáng để nằm vài tuần trên phiến đá cứng trong ngục tối và uống nước thối để thấy được đầy đủ giá trị của một chỗ nằm êm ái với ánh sáng chói chang và vị rượu ngon trong miệng. Nhưng không, Sinuhe, không, tôi không điên như ông nghĩ đâu. Tuy nhiên, lời hứa là lời hứa và vì thế chúng ta không còn cách nào khác, mà ông phải chữa lành mắt cho lão già như tôi đã hứa để tôi có thể dạy lão ta chơi xúc xắc với tôi. Lão là một người ham chơi xúc xắc trước khi bị mù và buộc phải sống triền miên trong bóng tối và tôi sẽ chơi xúc xắc với lão; tất nhiên, tôi có thể làm gì được nếu lão ta thua tôi khi chơi xúc xắc, chắc chắn ông sẽ đoán ra là tôi chơi xúc xắc với lão ta với tiền cược cao nhất.

Lúc này tôi mới hiểu đây là cách duy nhất để Kaptah có thể thoát khỏi món nợ của mình trong danh dự, vì Kaptah là một cao thủ chơi xúc xắc nếu ông ấy được sử dụng xúc xắc mà mình chọn. Vậy nên tôi hứa sẽ đem hết mọi khả năng của mình để chữa cho lão già nhìn thấy được, ít nhất là đủ để phân biệt các mặt xúc xắc; đổi lại, Kaptah hứa sẽ gửi cho Muti thật nhiều bạc để Muti dựng lại ngôi nhà của xưởng đúc đồng cũ ở Thebes và có đủ cái ăn cái mặc khi tôi đi vắng. Chúng tôi đồng ý với nhau như thế, nên tôi gọi lão cai ngục vào và Kaptah cam đoan với lão rằng ông ấy sẽ trả nợ, chỉ

cần lão cho ông ấy thời gian. Tôi kiểm tra mắt của lão và thấy lão bị mù hoàn toàn không phải do bóng tối, mà do bệnh mắt lâu ngày không được chữa trị. Ngày hôm sau, tôi dùng kim chữa lành mắt cho lão theo cách chữa của người Mitanni mà tôi đã học được. Nhưng lão sẽ nhìn thấy được trong bao lâu, tôi không dám bảo đảm vì mắt được chữa lành bằng kim sẽ mau tạo sẹo và sau đó thị lực không thể phục hồi được nữa.

Tôi cũng dẫn Kaptah đến gặp Horemheb. Anh ta hết sức vui mừng khi thấy ông ấy, ôm chặt ông ấy và gọi ông là người hùng, cam đoan với ông ấy rằng cả Ai Cập biết ơn ông ấy vì những chiến công lớn mà ông ấy đã bí mật làm cho Ai Cập và không đòi hỏi sự biết ơn. Nhưng khi nghe những lời Horemheb nói, mặt Kaptah méo xệch, nước mắt giàn giụa, ông ấy bắt đầu khóc và nói:

- Hãy nhìn bụng tôi, nó đã xẹp lép như một chiếc túi da nhăn nheo khi tôi phục vụ ông, hãy nhìn cái mông và đôi tai đầy vết thương của tôi bị đàn chuột trong hầm ngục của Gaza cắn nham nhở chỉ vì ông, Horemheb ạ. Ông chỉ nói với tôi về sự biết ơn của Ai Cập, nhưng sự biết ơn không cho dạ dày tôi đến một hạt đại mạch, sự biết ơn không cho rượu làm ướt cổ họng tôi và tôi không nhìn thấy ở đâu những túi vàng mà ông đã hứa cho tôi vì những việc tôi đã làm, dù tôi đã tin chắc rằng ông sẽ dành cho tôi một phần từ tất cả những chiến lợi phẩm mà ông thu được. Không, Horemheb, tôi không đòi ông trả ơn, nhưng yêu cầu ông, người đàn ông đáng kính, trả nợ cho tôi, vì tôi cũng phải trả món nợ của mình cho những người khác và vì ông mà tôi đã phải vay những món nợ khổng lồ, nhiều hơn những gì ông có thể tưởng tượng nổi.

Nhưng khi nghe Kaptah nói về vàng, Horemheb cau mày và bắt đầu bực bội quất roi vàng vào bắp chân mình và nói:

- Kaptah, lời ngươi nói như tiếng ruồi vo ve trong tai ta và ngươi nói như một kẻ ngu, miệng đầy bùn đất. Ngươi biết rất rõ là ta không có chiến lợi phẩm để chia cho ngươi và tất cả số vàng mà ta lấy được đều dành cho cuộc chiến chống lại quân Hittite. Bản thân ta rất nghèo và chỉ có vinh quang là phần thưởng duy nhất. Vì thế, ta hy vọng ngươi sẽ chọn một thời điểm thích hợp hơn để nói với ta về vàng, nhưng tất nhiên ta có thể làm cho ngươi một việc là bỏ tù những người mà ngươi mắc nợ và buộc họ với những tội danh khác nhau và treo họ lên tường, vậy là ngươi thoát nợ.

Kaptah không muốn dùng cách nhẫn tâm như vậy, nhưng Horemheb đã cười với vẻ oán giận và vừa quất quất roi vàng vào chân vừa nói:

- Ai giàu, kẻ đó là tội phạm, vì người ta chỉ có thể tích cóp được nhiều vàng bằng sự nhẫn tâm, bắt chẹt và cướp đoạt của người nghèo. Quả thật, ở đâu có nhiều vàng, ở đó ta luôn có thể dệt và bện thêm cả đống những lời buộc tội cần thiết và không ai có thể nói ta đã xử nhầm, mà kẻ tội phạm trong lương tâm biết mình có tội. Vậy nên ta muốn hỏi ngươi, Kaptah, làm thế nào mà tay Roju trấn thủ Gaza ấy lại sai tra tấn ngươi như một do thám Syria và nhốt ngươi trong ngục kín, vì cứ cho là hắn điên nhưng hắn cũng là một quân nhân tốt và chắc hắn phải có lý do nào đó để làm như vậy.

Khi ấy Kaptah xé cái áo đẹp của ông ấy để chứng tỏ mình vô tội và ông ấy xé nó dễ dàng vì đó là áo của tôi nên ông ấy chẳng mất gì mà chỉ tôi bị tổn hại. Ông ấy vừa hét lên vừa đưa tay đập vào ngực mình mà nói:

- Horemheb, Horemheb, chẳng phải ông vừa nói với tôi về lòng biết ơn và giờ ông lại buộc tội tôi với những bằng chứng không thật. Chẳng phải tôi đã đầu độc ngựa của quân Hittite và đã gửi đại mạch vào Gaza trong những chiếc hũ đậy kín, chẳng phải tôi đã thuê những người dũng cảm vào sa mạc lấy cho ông những thông tin về các đội quân của Hittite đó ư, và tôi hay ai đã thuê nô lệ lấy dao rạch các bao nước trên các chiến xa của quân Hittite khi chúng đến đánh ông trong sa mạc? Tôi đã làm tất cả những điều này vì ông và vì Ai Cập mà không nghĩ đến tiền công, do vậy sẽ công bằng và đúng mực khi tôi cũng làm cho phía Hittite và Aziru những việc không gây nhiều tổn thất cho ông. Vì vậy, tôi có trong người một đĩa đất sét được Aziru cấp cho làm vật tùy thân khi chạy vào Gaza để thoát cơn giận dữ điên cuồng của quân Hittite, vì chúng biết tôi đã làm ngựa của chúng ốm chết khiến chúng bị thất bại ở Bãi Xương Người. Vì người khôn cần sẵn sàng cho mọi tình huống, không nên chỉ có một mũi tên mà phải có nhiều mũi dự phòng trong ống tên. Tôi mà ngu ngốc thì có ích gì cho ông, tôi làm được gì cho ông và cho Ai Cập nếu da tôi bị treo khô trên tường, biết đâu quân Hittite đã chiếm được Gaza trước khi ông đến; vậy nên tôi phải mang theo vật phòng thân do Aziru cấp, để nếu cần có thể phản Gaza và giúp Hittite nếu quá lâu ông vẫn không chịu đến và vì thế quân Hittite chiếm được Gaza. Tôi đã cẩn thận giấu đĩa đất sét của Aziru trong quần áo của mình, nhưng Roju này là một kẻ đa nghi, lính của hắn đã xé quần áo tôi và thấy đĩa đất sét, dù tôi đã cố lấy tay che con mắt mù và nói về những bọ hung độc của Syria, như chúng ta đã thỏa thuận với nhau. Nhưng sau khi thấy đĩa đất sét của Aziru, Roju không còn tin vào những mật hiệu đó nữa mà sai đè tôi, kéo dài người tôi trên bàn cho đến khi tôi hét lên như một con bò và nhận mình là do thám của Aziru

để hắn ta không vặt tay chân tôi ra khỏi người tôi, vì nếu không còn tay chân, tôi sẽ hoàn toàn vô dụng đối với ông, đúng không Horemheb, hay tôi nói sai?

Nhưng Horemheb cười ông ấy và nói:

- Vậy hãy giữ những đau khổ ấy làm tiền công của mình, Kaptah quý mến. Ta biết ngươi và ngươi biết ta, vì thế đừng có lải nhải với ta về vàng nữa vì những lời như vậy làm ta phát bực và dễ nổi giận.

Nhưng Kaptah vẫn bướng bỉnh không chịu thôi và cuối cùng cò kè được từ Horemheb độc quyền mua và bán tất cả chiến lợi phẩm ở Syria. Như vậy, chỉ mình ông ấy được quyền mua chiến lợi phẩm từ binh lính ở doanh trại quân Hittite ở Bãi Xương Người và các đội quân bao vây Gaza và đổi những thứ đó lấy bia, rượu, trò xúc xắc và đàn bà. Ngoài ra, chỉ mình ông ấy có quyền mua và bán hoặc trao đổi các chiến lợi phẩm của Pharaoh và Horemheb lấy các trang thiết bị mà quân đội cần. Chỉ riêng quyền này đã đủ đưa ông ấy thành người giàu có, vì vô số thương nhân từ Ai Cập và thương nhân từ các thành phố của Syria, bị tính hám lời dụ dỗ và bất chấp quân Hittite và Aziru, đã đi thuyền đến Gaza để buôn chiến lợi phẩm, mua tù nhân làm nô lệ và sau khi Kaptah nhận được độc quyền, bất kỳ ai được phép buôn bán ở Gaza đều phải chia phần cho ông ấy sau mỗi thương vụ.

Nhưng Kaptah vẫn chưa thỏa mãn, ông ấy còn đòi độc quyền như thế đối với tất cả chiến lợi phẩm mà quân đội của Horemheb có thể sẽ thu được ở Syria, và Horemheb đã đồng ý với đòi hỏi đó sau khi cân nhắc, vì anh ta không mất gì khi hứa và bản thân anh ta không phải là thương gia, còn Kaptah đã hứa sẽ cho anh ta rất nhiều quà để có được quyền này.

Thế nhưng Kaptah vẫn không hài lòng mà ông ấy thấy xúc phạm nặng nề bởi những lời nói của Horemheb. Sau khi từ chỗ Horemheb về lại phòng tôi, chúng tôi cùng nhau uống rượu và Kaptah trở nên buồn rầu rồi than thở về sự vô ơn của thế nhân và nói:

- Lẽ dĩ nhiên và thật rõ ràng là người khôn ngoan luôn đứng về bên thắng cuộc và chuẩn bị sẵn sàng từ trước để đứng về bên thắng cuộc, bất kể việc xảy ra thế nào. Tất nhiên tôi không thể sống và buôn bán ở Syria mà không phục vụ Aziru và người Hittite, nên nếu Horemheb thua trận, tôi phải trao Gaza cho người Hittite, dù việc này sẽ làm lương tâm tôi cắn rứt; vì người Hittite

am hiểu việc buôn bán hơn Horemheb, do vậy tôi sẽ hưởng lợi từ họ ít hơn từ Horemheb, nhưng may thay điều đó không xảy ra và tôi cảm ơn bọ hung của chúng ta. Thật vậy, sự vô ơn là tiền công của nhân thế, các cửu vạn và nô lệ của Thebes cũng nguyền rủa tôi, mặc dù tôi đã cho họ uống rượu không phải trả tiền và mua vũ khí cho họ bằng tiền của ông, thưa ông chủ; và làm như thế, tôi tự đặt mình vào tình thế rất nguy hiểm trong mắt của Amon. Mà có lẽ Amon sẽ không bao giờ tha thứ cho tôi về việc này nếu lúc ấy tôi không chỉ cho người của Pepitamon đến kho vũ khí bí mật của nô lệ và đến bắt thủ lĩnh của các cửu vạn khi tôi biết thế nào Aton cũng thua. Việc này có gây hại đến ai đâu mà lại cứu sống nhiều người, còn các thủ lĩnh của nô lệ và cửu vạn sớm hay muộn cũng sẽ sa vào tay Amon và cũng không phải là lỗi của tôi khi Eje và Pepitamon ngồi trên cầu cảng Thebes và ra lệnh ném xác họ cho cá sấu. Cả tôi cũng bị thiệt hại nặng nề khi Đuôi Cá Sấu bị cháy, vì trong các hầm và phòng sau của quán, tôi đã cất giấu tất cả đồ dùng, vật dụng mà đám nô lệ và cửu vạn cướp được, sau đó tôi mua lại với giá hời và đổi rượu với họ. Tôi còn thiệt hại nhiều hơn thế khi đám nô lệ vô cớ săn lùng tôi, đốt các cối xay, nhà xưởng, các kho chứa ngũ cốc của tôi ở Thebes, dù Thebes đã yên bình trở lại. Mà ông Sinuhe ạ, đám nô lệ tàn nhẫn này đã đổ vấy cho tôi về thất bại của chúng. Vì vậy, chúng săn lùng tôi, khiến tính mạng tôi luôn bị đe dọa ở Thebes, chúng còn qua đám chèo thuyền nhắn tin cho nô lệ và cửu vạn ở Memphis, khiến tôi cũng không được an toàn ở đó, dù Horemheb có cho bảo vệ tôi. Vì thế tôi buộc phải trốn đến Syria, nhưng cuộc chạy trốn này đã đem lại may mắn cho tôi, vì tôi lại giàu có và khi cuộc chiến này kết thúc, tôi sẽ giàu hơn bao giờ hết, có lẽ giàu hơn bất kỳ người Ai Cập nào, tất nhiên với điều kiện là Horemheb giành chiến thắng, điều mà tôi hoàn toàn không nghi ngờ gì nữa mà sẽ chăm chỉ cầu xin bọ hung của chúng ta, xức dầu cho thần và hằng ngày dâng cho thần phân tươi của bò trắng để Horemheb chiến thắng. Vì tôi đã ngán lũ Hittite đến tận cổ, chúng thật bủn xỉn, sổ sách kỹ càng tất cả các vụ mua bán, nên rất khó cướp được từ chúng. Còn về đám nô lệ vô ơn của Thebes, như chính ông cũng thấy, Sinuhe, tôi hoàn toàn đứng về phe chúng chừng nào quyền lực ở Thebes còn trong tay chúng và tôi có thể hưởng lợi từ chúng; không thể coi là tội của tôi nếu tôi kể cho các giáo sĩ Amon những việc làm của chúng cũng như tên những kẻ đứng đầu và tiết lộ các dấu hiệu nhận diện chúng cho các giáo sĩ Amon, bởi nếu đám nô lệ thắng thì chúng cũng không phải chịu tí tổn thất nào từ việc này, nhưng vì nô lệ không thắng, ít nhất là tôi giữ được mạng sống của mình với thiện ý của Amon, và chắc chắn tôi sẽ được hưởng lợi nhiều từ thiện ý của Amon nếu tôi có thể ở lại Thebes. Tôi biết rất rõ người ta không coi hành xử

như thế là chính trực, cả ông cũng vậy, Sinuhe, ông chủ của tôi; từ bản tính của mình, ông luôn là một người chân chất và ngờ nghệch, còn tôi trước đây là nô lệ, sinh ra trong một túp lều đất sét và không được ai đỡ dậy nếu vấp ngã. Vậy nên tôi phải tự lo cho bản thân và lợi ích của mình, và tôi không thể hiểu con người ta được lợi lộc gì từ thanh danh của mình nếu nằm trên nền đất, cổ bị đâm thủng. Không, Sinuhe ạ, người khôn ngoan luôn luôn đứng về bên thắng cuộc và không được coi đó là điều nhục nhã đối với bản thân, mà tốt hơn là anh ta hãy ca ngợi sự khôn ngoan của mình vì nó giúp cuộc sống của anh ta trở nên dễ dàng, đơn giản và mang lại cho anh ta nhiều lợi lộc.

Kaptah đã nói với tôi như thế, nhưng sự khôn ngoan của ông ấy làm rượu trong miệng tôi đắng ngắt và khi nghĩ đến những lời ông ấy nói, tôi thấy tất cả những gì xảy ra dưới ánh mặt trời đều trở nên phù phiếm trong tâm trí, vì trong tâm trạng phẫn uất của mình, tôi phải thừa nhận rằng sự khôn ngoan của ông ấy là cốt lõi của tất cả sự thông thái trong cuộc đời trần thế và rằng tất cả mọi điều nằm ngoài sự khôn ngoan ấy chỉ được tưởng tượng ra. Ngồi trong pháo đài Gaza, mùi da người đang thối rữa trên tường thành xộc vào mũi tôi, mọi thứ đều trở nên vô nghĩa trong tâm trí tôi. Chủ nghĩa anh hùng là hư ảo, mưu mẹo là phù hoa, vinh quang là phù phiếm, việc tốt cũng không khác việc xấu nhiều lắm và trong mắt tôi không còn sự khác biệt giữa các việc con người làm, mà tất cả những gì con người làm đều vô nghĩa.

Nhưng khi lắng nghe tiếng ồn ào của đám lính say xỉn trong những con hẻm bẩn thỉu của thành phố ở bên dưới và tiếng la hét của đám đàn bà trong lều của các thương gia, Kaptah vừa hài lòng xoa tay vừa nói:

- Sự khôn ngoan của tôi không phải là thật khôn ngoan sao, Sinuhe, vì bản thân ông đã chứng minh là nó đúng khi ngồi trước mặt tôi, nghèo nàn vì sự xuẩn ngốc và yếu đuối của chính mình, mặc dù ông đã từng giàu có, là một trong những người giàu nhất Ai Cập, trước khi ông bắt tôi phân phát của cải của mình bằng bánh của Aton cho kẻ nghèo vì sự yếu đuối và ngu ngốc của ông. Bởi thực ra ông từng có tất cả những gì người ta mơ ước, ông có một người vợ, dù ông không đập vỡ vò với nàng trước mặt thiên hạ, và ông cũng có một đứa con trai, nhưng vì sự điên rồ của mình, ông đã hiến tế họ cho thần chết. Đúng thế, Sinuhe, trước mặt tôi, ông là một gã đàn ông nghèo và đau khổ với khuôn mặt nhăn nheo như thể ông thường xuyên ăn phải trái cây chua, còn tôi khỏe khoắn và béo tốt trở lại với mùi kem thơm trên da và rượu làm ấm cơ thể tôi, mỗi giọt bia đám lính uống dưới kia mang

vào ví tôi những đồng cắc, mỗi tiếng kêu của gái làng chơi trong lều của các thương gia si tình làm leng keng đồng trong túi tôi. Vì thế, hãy vứt bỏ sự điên rồ của mình đi, Sinuhe, hãy sống như một con người giữa mọi người và nhìn nhận cuộc sống như nó có thật trong hiện thực, đừng cố gắng thay đổi cuộc sống theo điều ông tưởng tượng, vì không ai có thể thay đổi quy luật cuộc sống và con người ta rất bảo thủ.

Tôi không nói gì mà chỉ rời khỏi chỗ ông ấy, về ngả mình xuống giường và cố ngủ nhưng không ngủ được, vì giấc ngủ của tôi bị đám nô lệ quấy rầy khi họ tông những súc gỗ có quấn các vòng đồng vào tường thành và lắc đập khiến loảng xoảng trước cửa phòng viên trấn thủ Roju để gã nghĩ rằng Gaza vẫn đang bị bao vây và ngủ thiếp đi trong bình an. Có lẽ gã ngủ được cũng nên, nhưng tôi thì không, mà trằn trọc cho đến khi Merit sống động bước vào giấc ngủ và bé Thoth nô đùa trong giấc ngủ của tôi để sáng dậy lòng tôi nặng trĩu, miệng tôi đắng ngắt như ăn phải cả túi mật.

4

Tôi còn phải kể thêm, rằng sau khi các đội quân dự phòng từ Ai Cập dong buồm đến nơi, các đội quân tại chỗ đã sửa sang lại tất cả chiến xa, đã gom đủ ngựa chiến từ miền nam Syria và được luyện tập trên bãi bằng phía trước Gaza, Horemheb mới ra lời hiệu triệu, tuyên bố anh ta tiến vào giải phóng chứ không phải chinh phục Syria. Trước đây, các trấn, thành của Syria luôn được tự do buôn bán và hoàn toàn độc lập, dưới trướng tổng trấn của họ trong sự bảo trợ khoáng đạt của Ai Cập, nhưng Aziru, với cách thức cai trị khủng khiếp, đã lừa phản, giành tất cả quyền thống trị và ông ta đã ngay lập tức xóa bỏ lệ cha truyền con nối của các tiểu vương và thu tô thật nặng các thành phố. Thêm nữa, với lòng tham vô độ, ông ta đã bán Syria cho Hittite, một dân tộc tàn ác và có các tập tục kinh hoàng mà người dân Syria đã tận mắt chứng kiến hằng ngày, khiến Syria không còn số phận nào khác hơn là phải làm nô lệ cho người Hittite và rơi vào tình trạng hỗn loạn đầy bất an, dù có lẽ Hittite chưa để lộ hết bộ mặt thật của mình mà trước hết chỉ muốn đánh bại Ai Cập. Vì vậy, Horemheb, người bất khả chiến bại, con trai chim ưng, đã đến Syria để giải phóng miền đất này, giải phóng các làng mạc và thành phố khỏi ách nô lệ, mở cửa giao thương và cho các tiểu vương quay lại cai trị để, dưới sự

bảo trợ của Ai Cập, Syria có thể giàu có và thịnh vượng trở lại. Anh ta hứa sẽ triệt hạ nạn cướp bóc, trả tự do và độc lập hoàn toàn cho thành phố nào đuổi được người Hittite ra khỏi tường thành của mình và đóng cổng thành trước Aziru. Còn những thành phố vẫn ngoan cố chống cự, anh ta thề sẽ đốt hết, cướp hết, phá hết và bắt dân thành phố đó làm kiếp nô lệ và xóa bỏ vĩnh viễn các bức tường thành.

Horemheb cho phát lời hiệu triệu này khi cùng quân đội và chiến xa của mình tiến về hướng Joppa, cùng lúc cho hạm đội của mình dong buồm dọc theo bờ biển đến phong tỏa cảng Joppa. Anh ta cho do thám truyền đi lời hiệu triệu này đến tất cả các thành phố của Syria, gây ra rất nhiều hỗn loạn và bất an nhằm đạt mục đích duy nhất là làm các kẻ thù của anh ta bất hòa, cắn xé lẫn nhau. Nhưng là một người thận trọng, Kaptah vẫn ở lì trong tường thành Gaza, đề phòng nhỡ đâu Horemheb thua trận, vì quân Hittite và Aziru đã tập trung một lực lượng lớn trong nội địa. Kaptah nêu lý do là ông ấy không thể chịu đựng thêm những vất vả gian lao của một chiến dịch khó khăn nào nữa sau những đau khổ mà ông ấy đã chịu đựng trong hầm ngục ở Gaza và giữ tôi lại ở đó để tôi có thể chữa lành bệnh cho ông ấy.

Roju Cổ Vẹo làm thân và kết bạn với Kaptah, vì Kaptah chữa anh ta khỏi bệnh ảo tưởng khi kể cho anh ta hay rằng chính quân lính của anh ta đã bí mật lấy bốn trăm dây đai đuôi lừa trong kho đó để ăn vì dây đai bằng da mềm và có thể nhai nhá cho đỡ đói. Nghe thế, Roju nổi khùng lên đến mức suýt làm đứt dây trói, anh ta mắng mỏ thậm tệ binh lính của mình nhưng sau đó tha tội cho họ vì họ đã bảo vệ Gaza. Anh ta nói với họ:

- Quả thật ta nợ Pharaon những dây đai đuôi lừa đó, nhưng bây giờ ta có thể yên tâm giải thích rồi vì ta đã biết những dây đai đó biến đi đâu và ta không trừng phạt các ngươi, mặc dù các ngươi đáng bị trừng phạt, vì ta rất vui khi nghe kể các ngươi đã nện nhừ tử những con bọ, con chuột của Horemheb trong các ngõ hẻm của thành phố, đánh chúng vỡ đầu và gây cho chúng vô số thương tích để dạy chúng phải hành xử thế nào ở Gaza. Bởi vậy, ta sẽ tha không trừng phạt các ngươi vì những chiếc dây đai đáng nguyền rủa này, và ta sẽ bỏ tiền túi trả cho Pharaoh miễn là các ngươi nện bất cứ con chuột bẩn thỉu nào của Horemheb nếu chúng hăm dọa, chặn đường các ngươi. Đánh chúng bằng chùy gỗ, đâm chúng bằng gậy nhọn và dắt gái của chúng đi, trộn cứt cừu vào bia của chúng để tâm trí ta yên và ta có thể ngủ được.

Từ đó, Roju hồi phục hoàn toàn và có thể ngủ say, mặc dù lính của

anh ta đã gây cho Horemheb rất nhiều điều phiền toái, bởi Horemheb nghĩ mình không thể trừng phạt các anh hùng của Gaza vì những trò quái quỷ của họ, mặc dù họ đã khiến cuộc sống của lính anh ta ở Gaza trở nên không thể chịu nổi. Sau khi Horemheb cho xuất quân đến Joppa, Roju cho đóng cổng Gaza và thề không để bất kỳ ai đưa quân vào Gaza nữa, rồi uống rượu với Kaptah và xem ông ta chơi xúc xắc với lão cai ngục, vì khi Horemheb kéo quân đi, Kaptah mới thắng lại được một triệu rưỡi deben vàng từ lão già mà tôi chữa lành mắt.

Thế là họ uống rượu và chơi xúc xắc từ sáng đến tối, cãi nhau, giữa chừng ném xúc xắc vào mặt nhau, nhổ nước bọt vào lòng bàn tay rồi lại hất cốc đổ xúc xắc lăn xuống sàn, vì lão cai ngục rất keo kiệt, chỉ muốn chơi với số tiền đặt cược nhỏ và khóc lóc, than vãn sao mình lại thua, như thể số vàng mà lão bị thua là vàng của chính lão chứ không phải chỉ là tưởng tượng. Nhưng khi Horemheb bao vây Joppa, Kaptah đã hăng lên, bắt lão nâng tiền cược của mình và khi có tin đến rằng ở Joppa Horemheb đã phá tường thành làm hổng nhiều chỗ, sẵn sàng cho các cuộc tiến công, Kaptah đã vặt lão già trong vài trận cuối khiến lão nợ ông ấy gần một trăm ngàn deben vàng. Nhưng Kaptah là người hào phóng, tha cho lão ta món nợ đó vì lão đã cứu mạng ông và giữ ông khỏi chết đói trong ngục tối của Gaza. Ông ấy còn cho lão quần áo mới và vài nắm bạc khiến lão khóc vì vui sướng và cầu nguyện cho ông ấy, gọi ông ấy là ân nhân.

Liệu Kaptah có gian lận và chơi bằng xúc xắc đã đánh dấu hay không, tôi không thể nói. Tôi chỉ biết là ông ấy chơi rất tài và đã gặp may mắn lạ kỳ trong trò xúc xắc. Tiếng đồn về ván chơi kéo dài nhiều tuần với vốn đặt cọc hàng triệu deben này đã lan truyền khắp Syria và lão già không lâu sau đó đã bị mù trở lại, sống những năm tháng tuổi già của mình trong một túp lều nhỏ ở gần tường thành Gaza. Khách lữ hành từ cả các thành phố khác cũng ghé thăm lão và lão đã kể cho họ nghe về những ván chơi mà lão nhớ từng lần ném xúc xắc, thậm chí vẫn nhớ sau nhiều năm, vì người mù thường có trí nhớ tốt. Lão tự hào nhất khi kể về lần ném cuối cùng của mình khi lão mất một trăm năm mươi nghìn deben vàng chỉ trong một lần ném, vì trước đây chưa có ai chơi xúc xắc cao siêu như vậy và lão tin rằng chẳng có ai sau lão dám chơi một ván đặt cược cao như vậy. Lão sống rất hạnh phúc trong túp lều của mình bên cổng thành Gaza, khách thập phương mang quà cho lão để lão kể cho nghe về trò chơi xúc xắc, nên lão không bao giờ phải chịu cảnh thiếu thốn mà sống tốt hơn cả nếu như Kaptah trả cho lão một khoản tiền hưu cho tuổi già của lão. Sức mạnh của những điều tưởng tượng tác động đến trái tim con người lớn đến

như thế.

Sau khi Horemheb chiếm được Joppa, Kaptah vội vã đến đó; tôi cũng đi theo ông ấy và lần đầu tiên tôi tận mắt thấy một thành phố giàu có trong tay những kẻ chinh phục. Thật ra trước khi quân của Horemheb tấn công vào thành qua các chỗ đã phá được trên tường thành, những người dũng cảm nhất trong dân chúng Joppa đã nổi dậy chống lại Aziru và quân Hittite để gìn giữ và bảo vệ thành phố khỏi bị cướp phá, nhưng Horemheb không nương tay với họ, vì cuộc nổi dậy của họ không giúp ích gì hơn cho anh ta và anh ta cho binh lính của mình cướp phá Joppa trong hai tuần. Kaptah đã kiếm được một khối tài sản kếch sù ở Joppa vì quân lính đã đem những tấm thảm đắt tiền, những đồ đạc vô giá và những bức tượng thần mà họ không thể mang đi đổi lấy bạc và rượu, mà ở Joppa chỉ cần có một đôi vòng đồng là mua được một người phụ nữ xinh đẹp, học hành tử tế.

Đúng là chỉ ở Joppa, tôi mới thấy con người ta độc ác với nhau thế nào, vì không chuyện kinh hoàng nào không xảy ra ở Joppa khi binh lính cướp bóc và đốt cháy thành phố trong cơn say. Họ đốt nhà mà không thèm dập đám cháy chỉ nhằm nhìn được rõ hơn trong đêm để cướp bóc và hãm hiếp đàn bà, tra tấn các thương nhân, bắt họ chỉ nơi cất giấu của cải. Có những tên lính thích đứng ở góc phố, lấy chùy đập hoặc dùng giáo đâm chết bất cứ người Syria nào đi về phía họ, dù là đàn ông hay đàn bà, người già hay trẻ nhỏ. Tim tôi chai cứng lại ở Joppa khi chứng kiến sự tàn ác của con người và tất cả những gì đã xảy ra trước đó ở Thebes vì Aton đều không thấm gì so với những gì đã xảy ra ở Joppa vì Horemheb. Bởi Horemheb đã cố tình cho lính của mình tự do hoành hành ở Joppa để buộc họ trung thành hơn với mình. Vì bất cứ ai đã từng can dự đều không thể quên được cảnh cướp bóc ở Joppa và chính từ đây, cướp bóc đã ăn sâu vào máu của quân lính Horemheb nên không gì có thể ngăn cản họ trong trận chiến, và họ coi thường cái chết, chém giết để giành được những thú vui như họ đã có ở Joppa. Horemheb cho binh lính thỏa sức cướp bóc tàn nhẫn ở Joppa cũng là để trói họ chặt hơn vào mình, bởi sau khi đã làm như vậy họ sẽ không còn hy vọng gì ở lòng nhân từ của lính Syria nếu bị bắt làm tù binh, vì lính của Aziru sẽ lột da sống bất cứ kẻ nào đã cướp phá ở Joppa. Nhưng để tránh rơi vào số phận của Joppa, rất nhiều thị trấn nhỏ dọc bờ biển đã nổi dậy và đuổi quân Hittite ra khỏi thành và mở cổng đón Horemheb.

Tôi không muốn kể thêm về tất cả những gì đã xảy ra ở Joppa vào những ngày đêm xảy ra cướp phá, bởi vì khi kể, tim tôi như hóa đá trong lồng ngực và tay tôi lạnh ngắt. Vì vậy, tôi chỉ nói rằng khi

Horemheb tấn công, ngoài quân đồn trú của Aziru và binh lính Hittite, ở Joppa có gần hai mươi ngàn dân, nhưng khi quân Horemheb rời đi, ở đó chỉ còn không hơn ba trăm người sống sót.

Horemheb đã giải phóng Syria như vậy đấy và tôi đi theo những đội quân của anh ta, chữa trị vết thương cho binh lính và nhìn thấy tất cả những điều độc ác mà con người có thể gây ra cho người khác. Cuộc chiến kéo dài ba năm, Horemheb đã thắng quân Hittite và Aziru trong nhiều trận chiến và cũng hai lần chiến xa của Hittite đã bất ngờ tấn công và gây tổn thất lớn cho quân Horemheb ở Syria, buộc anh ta phải rút vào cố thủ sau tường thành của các thành phố anh ta đã đánh chiếm được. Nhưng anh ta vẫn giữ thông đường biển nối với Ai Cập và hải đội của Syria không đánh bại được hải đội đã quen với thủy chiến của anh ta.

Sau mấy lần thua trận, anh ta đều nhận được quân tiếp viện từ Ai Cập và lại tập trung lực lượng vào các cuộc tấn công mới; các thành phố của Syria thành hoang phế và con người ẩn náu trong các hẻm núi như loài hoang dã. Những vùng quê hoang tàn; các đội quân tàn ác đã phá sạch ruộng vườn và chặt hạ cây ăn trái để kẻ thù của mình không còn nguồn sống từ vùng đất mình cai trị. Sức người và sức của của Ai Cập đã bị phung phí ở Syria như thế và Ai Cập giống như bà mẹ xé xiêm áo và rắc tro lên tóc khi nhìn những đứa con của mình đang chết, vì dọc theo dòng sông từ miền Hạ đến miền Thượng không còn một làng mạc hay thị trấn, bãi biển hay nơi trú ngụ nào chưa có đàn ông và trai tráng chết ở Syria vì sự vĩ đại của Ai Cập.

Cuộc chiến của Horemheb ở Syria kéo dài ba năm và trong những năm này, tôi đã già đi nhiều hơn tất cả những năm tháng trước đây của đời mình cộng lại, tóc rụng hết, lưng còng xuống và khuôn mặt nhăn nheo như trái cây khô. Quầng mắt thâm mọng thõng xuống vì tất cả những gì tôi buộc phải thấy; tôi sống khép mình, hay càu nhàu, la mắng mọi người và nói những lời cay nghiệt với bệnh nhân, giống như nhiều lương y cả cuộc đời chỉ muốn điều tốt lành nhưng lúc về già lại thành ra như thế. Về mặt này, tôi không khác các lương y khác, cho dù tôi buộc phải thấy nhiều điều hơn họ.

Vào năm thứ ba, dịch hạch bùng phát ở Syria, vì dịch hạch luôn theo sát chiến tranh, khi có quá nhiều xác chết thối rữa ở cùng một nơi. Đúng vậy, vào năm thứ ba của cuộc chiến, cả Syria như một bãi chứa xác thối rữa và không biết bao nhiêu dân tộc, bao nhiêu bộ tộc đã bị xóa tên trong cuộc chiến nên tiếng nói và phong tục của họ vĩnh viễn chìm vào quên lãng. Dịch hạch đã giết

cả những người còn sống sót sau cuộc chiến, trong đó có rất nhiều lính của Horemheb và lính Hittite, đến mức không thể tiếp tục cuộc chiến và các đội quân chạy dạt đến những vùng núi và sa mạc nơi dịch không lan đến. Bệnh dịch hạch không phân biệt người cao sang và kẻ thấp hèn, người giàu có và kẻ nghèo khổ, mà giết bất cứ ai và không loại thuốc thông thường nào chữa trị được; người mắc dịch hạch quấn áo quanh đầu làm chăn, ngả người xuống giường và ba ngày sau là chết. Còn những ai khỏi được, bệnh dịch hạch để lại những vết sẹo khủng khiếp trong nách và bẹn, nơi hạch đùn bóng mủ ra khỏi cơ thể khi người bệnh đang dần khỏi.

Căn bệnh kỳ quái khi gieo rắc chết chóc và cũng bất thường hệt như thế khi được chữa khỏi, vì không phải những người khỏi bệnh là những ai mạnh nhất và khỏe nhất, mà thường là những kẻ ốm yếu và đói khát nhất, như thể căn bệnh không nhận đủ chất dinh dưỡng từ cơ thể họ nên không đủ sức giết người. Vì thế khi chữa cho những ai mắc bệnh dịch hạch, tôi để bệnh nhân chảy máu nhiều nhất có thể để làm họ suy yếu và hoàn toàn không cho họ ăn trong thời gian bị bệnh. Tôi đã chữa rất nhiều người khỏi bệnh theo cách này, nhưng cũng có nhiều người chết trong tay tôi dù tôi đã cố hết sức chữa trị nên tôi không biết liệu cách chữa của mình có đúng không. Tuy nhiên, tôi vẫn phải chữa cho người bệnh bằng cách nào đó để họ tin vào tay nghề của tôi, vì nếu bệnh nhân không còn tin là mình sẽ khỏi và không tin vào tay nghề của người thầy thuốc chữa cho mình, người đó dễ chết hơn nhiều so với những ai tin. Cách chữa bệnh dịch hạch của tôi cũng tốt hơn nhiều cách khác vì bệnh nhân không phải trả tiền quá nhiều.

Dịch hạch theo các đội thuyền lan đến Ai Cập, nhưng không giết hại nhiều người ở đây như ở Syria, và dịch cũng đã suy yếu ở Ai Cập nên nhiều người khỏi hơn là chết vì nó. Theo mùa nước, dịch hạch đã biến mất khỏi Ai Cập trong cùng năm và tiết đông đã mang nó rời Syria nên Horemheb lại có thể tập trung quân đội, tiếp tục cuộc chiến. Mùa xuân năm đó, anh ta cùng các đoàn quân vượt núi đến mặt trận cao nguyên phía trước Megiddo và đánh bại quân Hittite trong một trận chiến lớn, buộc người Hittite xin anh ta đình chiến, vì khi Burraburiash ở Babylon thấy Horemheb giành thắng lợi, quốc vương này thêm lòng can đảm và nhớ tới thỏa ước của mình với Ai Cập. Ông ta mạnh bạo chống lại Hittite và cho quân tiến vào đất cũ của Mitanni, đánh đuổi quân Hittite khỏi các đồng cỏ của họ ở Naharani. Vì thế, quân Hittite đã thương lượng hòa hoãn với Horemheb khi nhận ra chúng không còn gì để thắng ở một Syria đã mất, vì chúng là những người lính khôn ngoan và là những người đàn ông cẩn trọng và tằn tiện,

không muốn chỉ vì vinh quang hão huyền mà đặt đội chiến xa của mình vào thế nguy hiểm, đội chiến xa mà chúng rất cần để dẹp loạn ở Babylon.

Horemheb rất mừng về việc đình chiến vì các đội quân của anh ta đã bị tiêu hao nhiều; chiến tranh đã vắt kiệt Ai Cập và anh ta muốn xây dựng lại Syria để thúc đẩy việc buôn bán và kiếm lợi từ Syria. Nhưng điều kiện hòa hoãn mà anh ta đưa ra là Hittite phải từ bỏ Megiddo, nơi Aziru lấy làm thủ đô và đã cho xây những tường thành và tháp canh bất khả chiến bại. Vậy nên phía Hittite đã bắt Aziru và gia quyến của ông ta ở Megiddo, tước hết số của cải khổng lồ mà Aziru đã vơ vét từ khắp Syria về Megiddo, xích Aziru cùng hai con trai và vợ, Keftiu, giao cho Horemheb. Để cam kết hòa bình và chứng minh thiện chí của mình, chúng đã cho đưa Aziru và gia đình ông ta đến doanh trại Horemheb, lần lữa việc chuyển giao Megiddo cho đến khi cướp sạch nó, xua các đàn cừu và gia súc vùng Amori ra khỏi miền đất mà theo thỏa thuận đình chiến thuộc quyền kiểm soát của Ai Cập. Horemheb cho thổi tù và, báo hiệu chiến tranh kết thúc và tổ chức tiệc tùng linh đình với các hoàng thân và chỉ huy quân Hittite, nhậu nhẹt thâu đêm với họ và khoe khoang những việc làm của mình. Nhưng anh ta ra lệnh sẽ hành quyết Aziru cùng gia đình vào sáng hôm sau trước đông đảo quân lính và các chỉ huy quân Hittite, như một cách biểu thị rằng hòa bình sẽ tồn tại vĩnh cửu từ nay về sau giữa Ai Cập và xứ Hatti.

Vì vậy tôi không muốn tham dự các bữa tiệc của anh ta, mà đi vào túp lều nơi Aziru bị giam; lính gác không dám cản tôi đến với ông ta vì tôi là danh y của Horemheb và họ đã biết tôi là một kẻ tồi tệ, dám dùng những lời cay đắng và độc địa chống lại Horemheb nếu tôi muốn. Nhưng tôi đến với Aziru vì ông ta không còn người bạn nào trên khắp Syria, bởi một người bị giam cầm, bị tước đoạt hết của cải và bị xử phải chết một cái chết nhục nhã thì không còn bạn bè. Tôi đến với ông ta vì tôi biết ông ta rất yêu cuộc sống và tôi muốn trấn an tinh thần cho ông ta bằng tất cả những gì tôi đã buộc phải thấy trong đời, rằng cuộc đời không đáng sống cho lắm. Hơn nữa, là một thầy thuốc, tôi cũng muốn nói với ông ta rằng cái chết sẽ dễ dàng, dễ hơn nhiều so với những đau buồn và gian khổ của cuộc sống. Cuộc sống như ngọn lửa nóng thiêu đốt ta, còn cái chết là dòng nước đen ngòm của sự lãng quên. Tôi muốn nói tất cả những điều này với ông ta vì sáng hôm sau ông ta phải chết và tôi biết dù sao ông ta cũng sẽ không thể ngủ được vì rất yêu cuộc sống. Nhưng nếu ông ta không muốn nghe tôi, tôi sẽ lặng yên ngồi bên cạnh để ông ta khỏi cô đơn. Người ta có thể dễ dàng sống không có bạn bè, nhưng thật khó chết khi không có người bạn

nào, nhất là khi còn sống, người đó đã đội vương miện trên đầu và ra lệnh cho tất cả thần dân.

Vì vậy tôi đi vào túp lều tối nơi ông ta bị giam trong xiềng xích, vì tôi không muốn ông ta nhìn thấy mình trong ánh sáng ban ngày; tôi đã tránh sang bên và lấy áo che mặt khi ông ta và gia đình bị giải đến trại của Horemheb theo cách nhằm hạ nhục ông ta, để binh lính chế nhạo ông ta, ném rác rưởi và phân ngựa lên đầu ông ta. Dù gì ông ta cũng là một người đàn ông rất kiêu hãnh và chắc chắn sẽ không muốn tôi nhìn thấy trong sự tủi nhục của mình, vì tôi đã thấy ông trong những ngày tháng đẹp nhất, đầy quyền uy và sức mạnh. Vì vậy, ban ngày tôi tránh ông ta để tối đến mới vào lều giam, lính gác vừa giơ giáo lên cao cho tôi đi qua vừa nói với nhau:

- Chúng ta hãy để ông ta đi, vì ông ta là Sinuhe, là danh y, và việc ông ta làm chắc chắn là được phép. Nếu không, chắc ông ta sẽ xỉ vả chúng ta thậm tệ hoặc phù phép làm chúng ta mất hết tính đàn ông, vì ông ta là một kẻ tồi tệ và miệng lưỡi ông ta cắn đau hơn cả bọ cạp.

Trong bóng tối của túp lều giam, tôi cất tiếng:

- Aziru, vua Amori, ông sẽ tiếp một người bạn vào đêm cuối cùng trước khi chết chứ?

Trong bóng tối, tôi nghe tiếng Aziru thở nặng nề, tiếng xiềng xích loảng xoảng và ông ta nói:

- Tôi không còn là vua và tôi không có bạn, nhưng có phải ông đấy không, Sinuhe, vì trong bóng tối tôi nhận ra giọng ông.

Tôi đáp:

- Tôi là Sinuhe.

- Lạy Marduk và tất cả ác quỷ địa ngục, - Aziru nói, - nếu ông đúng thật là Sinuhe, hãy cho mang ánh sáng đến đây mau, bởi tôi đã quá chán chường khi phải nằm trong bóng tối và không lâu nữa tôi sẽ nằm trong bóng tối cả đời. Lũ Hittite đáng nguyền rủa đã xé rách quần áo của tôi và giẫn nát chân tay tôi, vì vậy hình ảnh tôi sẽ không còn gì đẹp trong mắt ông, nhưng là thầy thuốc, có lẽ ông đã quen với những cảnh tượng tồi tệ hơn, mà tôi cũng không hổ thẹn về điều gì cả, vì trước cái chết con người ta không cần hổ thẹn về nỗi khổ nhục của mình. Sinuhe, hãy cho mang ánh sáng vào lều để tôi nhìn thấy mặt ông và nắm tay ông trong tay tôi, bởi

lòng tôi xót xa và nước mắt tôi tuôn trào vì vợ và các con trai tôi. Thêm nữa, Sinuhe, nếu có thể ông lấy cho tôi một hũ bia mạnh để cổ họng khô khốc của tôi được thấm ướt và ngày mai tôi sẽ kể với các vị thần nơi địa ngục về tất cả những việc làm tốt của ông. Đến một giọt bia tôi cũng không trả nổi nữa rồi, vì quân Hittite đã cướp đến miếng đồng cuối cùng của tôi.

Tôi gọi lính canh mang đến một ngọn đèn mỡ và thắp sáng nó lên, vì khói đuốc bình thường làm mắt tôi cay xè và nước mũi chảy. Lính canh mang đến một ngọn đèn mỡ rồi đốt lên, và tôi lấy từ họ một hũ bia Syria mà họ đã giấu để hút cho qua thời gian trong bóng đêm vì tối hôm đó Horemheb tổ chức tiệc và họ tin rằng viên giám quản sẽ lờ đi cho họ. Aziru nặng nhọc nhổm dậy, vừa rên rỉ vừa ngồi lên, tôi giúp đặt ống hút vào miệng ông ta để ông ta hút bia Syria đặc sệt làm từ hạt đại mạch và mạch nha. Khi ông ta hau háu hút bia, tôi nhìn ông ta trong ánh sáng chập chờn của ngọn đèn mỡ, mái tóc rối bù đã bạc nhiều và bộ râu đẹp bị dứt nhổ khi quân Hittite tra tấn ông ta làm những mảng da lớn trên cằm bị toạc ra. Các ngón tay nham nhở, sứt sẹo, móng tay đen thẫm vì máu và xương sườn bị gãy, khiến ông ta rên lên khi thở; uống xong ông ta khạc nhổ ra cả bia và máu. Sau khi uống no và khạc nhổ đủ, ông ta nhìn ngọn lửa đèn và nói:

- Ồ, ánh sáng thật nhân từ và rạng rỡ biết bao với đôi mắt mệt mỏi của tôi khi đã nằm quá lâu trong bóng tối, nhưng ngọn đèn chập chờn và rồi sẽ lụi tàn như đời người, cũng chập chờn rồi tàn lụi. Nhưng tôi vẫn cảm ơn ông, Sinuhe ạ, về ánh sáng và bia này, và tôi rất muốn tặng ông cái gì đó để đền đáp, nhưng ông biết là tôi không còn gì để tặng ông vì những người bạn Hittite của tôi đã đánh bật khỏi miệng tôi cả những chiếc răng ông mạ vàng cho tôi vì lòng tham của chúng.

Nói sau ai cũng nói lời khôn được, vậy nên tôi không muốn nhắc việc tôi đã cảnh báo ông ta về người Hittite, mà chỉ nắm lấy bàn tay bị dập nát của ông, giữ nó trong tay mình, khiến ông chúi mái đầu kiêu hãnh vào giữa hai bàn tay tôi và khóc, nước mắt từ đôi mắt sưng mọng và bị đánh đến thâm đen lã chã rơi xuống tay tôi nóng ấm. Khóc xong rồi, ông ta nói với tôi:

- Trong những ngày vinh quang, tươi đẹp của mình, tôi đã không che giấu tiếng cười và niềm vui của mình trước mặt ông, vậy sao tôi lại phải ngượng vì những giọt nước mắt trong nỗi đau buồn này của mình. Nhưng ông phải biết, Sinuhe, rằng tôi không khóc vì bản thân hay vì sự giàu sang và ngôi báu của mình, cho dù tôi luôn tham lam giữ chặt lấy uy quyền và của cải của thế giới trần

tục này, mà tôi khóc vì vợ tôi, Keftiu, vì đứa con trai lớn to khỏe, dũng cảm và vì đứa con trai út bé bỏng của tôi bởi vì ngày mai họ cũng phải chết với tôi.

Tôi nói với ông ta:

- Aziru, quốc vương của Amori, ông hãy nhớ rằng cả Syria như một ngôi mộ thối rữa vì lòng tham quyền lực của ông. Biết bao người đã chết vì ông, Aziru. Vì thế, ngày mai ông sẽ chết vì thua trận, điều này đúng và hợp lẽ, và có lẽ cũng tốt khi người thân của ông chết theo ông. Nhưng ông phải biết là tôi đã cầu xin Horemheb cho vợ và các con trai của ông được sống và sẵn lòng trao cho anh ta những món quà lớn vì điều đó, nhưng anh ta đã từ chối. Horemheb từ chối, vì anh ta muốn tẩy xóa giống nòi, thanh danh của ông và thậm chí cả ký ức về ông khỏi Syria. Vì thế đến cả một ngôi mộ, anh ta cũng không cho ông, Aziru ạ, mà xác ông sẽ bị tước xé. Anh ta không muốn những người đàn ông Syria từ nay về sau tập trung bên mộ ông, nhân danh ông mà thề nguyền độc địa Aziru ạ.

Nghe thế, Aziru vô cùng sợ hãi và nói:

- Sinuhe, vì thần Baal của tôi, sau khi tôi chết hãy dâng cúng thịt và rượu cho tôi trước tượng thần Baal của Amori để tôi khỏi phải lang thang đói khát muôn đời nơi cõi âm tăm tối. Hãy làm như vậy cho cả Keftiu mà ông từng yêu quý, mặc dù ông đã trao nàng cho tôi vì tình bạn của chúng ta và hãy làm như vậy cho các con trai tôi để tôi có thể chết một cách thanh thản mà không phải lo lắng cho chúng. Tôi không muốn xỉ vả Horemheb vì quyết định của anh ta, vì có lẽ tôi cũng sẽ làm tương tự với anh ta và dòng họ anh ta nếu anh ta rơi vào tay tôi. Thành thật mà nói, Sinuhe ạ, tôi khóc đấy, song tôi cũng vui mừng vì gia đình tôi được chết cùng tôi và máu của chúng tôi sẽ chảy về một cội, vì ở cõi âm tôi sẽ không nguôi day dứt khi nghĩ đến việc trên mặt đất có người khác ôm ấp Keftiu và vần vò thân thể tuyệt đẹp của nàng. Vì nàng có rất nhiều người mê đắm và bao nhà thơ đã ca ngợi cơ thể phổng phao, phồn thực của nàng. Các con trai tôi chết cũng tốt hơn, vì chúng sinh ra để làm vua và đội vương miện từ thuở nằm nôi nên tôi không muốn chúng trở thành nô lệ ở Ai Cập và phải chịu kiếp sống tôi đòi.

Ông ta lại bắt đầu hút bia và ngật ngà trong nỗi khốn cùng của mình, dùng ngón tay đau cào cào ghét và phân mà binh lính đã ném lên người ông, rồi nói tiếp:

- Sinuhe, bạn của tôi, ông kết tội tôi, nhưng ông đã lầm khi nói vì tôi mà Syria thành mồ chôn thối rữa, vì tôi chỉ có tội là đã thua trong cuộc chiến và để cho quân Hittite phản bội mình. Thật ra nếu tôi thắng, người đời sẽ bảo tất cả những điều tàn ác đã xảy ra là lỗi của Ai Cập, còn tên của tôi sẽ được vinh danh. Nhưng vì tôi đã thua, người ta đổ vấy và bảo mọi điều tàn ác là lỗi của tôi và cả Syria nguyền rủa tên tôi.

Ông ta say mềm vì chất bia đậm đặc và giơ đôi tay bị cùm giật mái tóc xơ xác, gào lên:

- Ôi Syria, ôi Syria! Nỗi đau của ta, niềm hy vọng của ta, tình yêu của ta! Vì sự vĩ đại của người, ta đã làm tất cả, vì tự do của người, ta đã nổi dậy phản kháng, nhưng đến ngày ta chết, người chối bỏ ta và nguyền rủa tên ta. Ôi, Byblos diệu kỳ, ôi, Simyra rực rỡ, ôi Sidon gian xảo, ôi, Joppa mạnh mẽ! Ôi, các ngươi, tất cả các thành phố lấp lánh ánh ngọc trai trên vương miện của ta, sao các ngươi lại ruồng bỏ ta? Nhưng ta yêu các ngươi quá đỗi nên không thể căm hận các ngươi vì sự ruồng rẫy đó, ta yêu Syria chính vì thế, vì đó là Syria xảo quyệt, độc ác, thất thường và sẵn sàng làm phản. Các dòng họ mất đi, các dân tộc trỗi dậy và biến mất, các vương triều đổi thay, danh vọng và vinh quang vụt tắt như một cái bóng. Nhưng hãy trường tồn, mãi trường tồn, hỡi những thành phố kiêu hãnh của ta! Hãy lấp lánh sáng ngời cùng những bức tường trắng trên bờ biển bên chân những dãy núi đỏ sậm, hãy lấp lánh muôn đời để cát bụi thân ta theo gió từ sa mạc thổi đến ôm lấy các ngươi!

Nỗi buồn như cơn lũ tràn vào tâm trí tôi khi ông ta nói thế và tôi nhận ra ông ta vẫn bị cầm tù trong những ảo mộng của mình. Tôi không muốn giết chết những ảo mộng đó vì chúng đã an ủi ông vào đêm cuối cùng trước khi đến với tử thần. Vì thế tôi giữ đôi tay bị dập nát của ông ta trong tay mình và ông rên rỉ bóp chặt tay tôi, nói:

- Sinuhe, tôi không ân hận về cái chết cũng như những lần bại trận của mình, vì phải thật liều lĩnh thì mới có thể thắng và chiến thắng cùng với sự vĩ đại của Syria đã hiển hiện trong tầm tay tôi. Suốt cuộc đời mình, tôi luôn mạnh mẽ trong tình yêu, điên cuồng trong cơn giận và tôi không thể nghĩ cho mình một cuộc sống nào khác, tôi cũng không muốn thay đổi dòng chảy cuộc đời mình và tôi không ân hận về bất cứ việc gì mình đã làm, mặc dù những việc làm của tôi đã đan kết thành một sợi dây bền chắc, trói chặt tôi và đưa tôi đến một cái chết nhục nhã, khiến thân xác tôi bị vứt làm đồ ăn cho chó hung sa mạc. Nhưng Sinuhe, bản tính tôi vốn

tò mò và trong huyết quản tôi có dòng máu thương nhân, giống như tất cả những người Syria. Ngày mai tôi sẽ phải chết và cái chết đang đánh thức tính tò mò trong tôi trỗi dậy nên tôi muốn biết có cách nào để mua chuộc thần chết và lừa dối các vị thần không, vì trong tâm trí tôi, ý nghĩ về thế giới bên kia và hành trình vĩnh cửu như một cái bóng tối tăm, mờ ảo đáng sợ. Nhưng ông, Sinuhe, ông đã gom vào tâm hồn mình sự thông thái của mọi miền đất, hãy cho tôi biết làm cách nào mua chuộc được thần chết.

Tôi lắc đầu nói với ông ấy:

- Không, Aziru, con người có thể lừa dối và mua chuộc bất cứ điều gì khác. Anh ta có thể mua chuộc tình yêu và quyền lực, thiện và ác, trí óc và trái tim mình, nhưng không thể mua được sinh và tử. Nhưng đêm nay, khi ngọn đèn của ông vẫn đang chập chờn, tôi nói với ông đây: Chết không có gì đáng sợ, Aziru ạ, chết là tốt. So với tất cả những điều xấu xa đang xảy ra trên thế gian, cái chết là người bạn tốt nhất của con người. Là một thầy thuốc, tôi không còn tin nhiều vào thế giới bên kia và là một người Ai Cập, tôi không còn tin vào miền tây và việc giữ gìn thi thể nữa, mà với tôi cái chết giống như một giấc ngủ dài, như đêm mát mẻ sau một ngày nóng bức. Đúng thế đấy Aziru ạ, cuộc sống là cát bụi nóng bỏng, còn cái chết là dòng nước mát. Trong cái chết, đôi mắt đang khép lại của anh không nhìn thấy gì nữa; trong cái chết, trái tim anh lặng im và không còn than vãn; trong cái chết, đôi tay mệt mỏi của anh không còn muốn làm việc; trong cái chết, đôi chân rụng rời của anh không còn muốn lấm bụi của những con đường dài vô tận nữa. Cái chết là vậy đấy, Aziru, bạn của tôi, nhưng vì tình bạn của chúng ta, tôi vẫn vui lòng dâng cúng ông và gia đình ông nhiều rượu và thịt trước thần Baal của xứ Amori. Tôi sẽ dâng lễ cho ông và gia đình ông cho xứng với vương quyền của ông, nếu điều đó an ủi ông, mặc dù bản thân tôi không tin nhiều lắm vào đồ cúng tế. Tuy nhiên cẩn tắc vô áy náy, vì thế tôi sẽ làm lễ dâng cúng cho ông để ông không phải chịu đói và khát nơi cõi âm, cho dù cõi đó không hề tồn tại.

Aziru hào hứng hẳn lên trước những lời tôi nói và dặn:

- Khi làm lễ, ông hãy cúng cho tôi những con cừu của Amori, vì đó là loại cừu béo nhất trong tất cả các loại cừu và thịt chúng tan chảy trong miệng tôi. Đừng quên cúng cho tôi thận của chúng, vì đó là món tôi ưa thích, và nếu có thể, hãy cúng cho tôi rượu của Sidon đã được pha với mộc dược, vì máu tôi vốn thích rượu nặng và thức ăn béo. Tôi cũng xin ông cúng cho tôi một chiếc giường thoải mái và chắc chắn, chịu được những cú đẩy, dập mạnh, vì với

danh vị quốc vương, thật không thích hợp nằm trên cỏ như một gã chăn gia súc, mặc dù mặt đất không rung rinh, như những chiếc giường chắc nhất cũng phải rung rinh dưới sức nặng của Keftiu.

Ông ta liệt kê thêm một loạt thứ mà ông ta muốn tôi dâng cúng cho ông và thích thú, vui mừng như một đứa trẻ khi nghĩ đến tất cả những thứ tốt đẹp mà ông ta có thể được mang theo đến cõi âm. Nhưng cuối cùng, ông ta lại buồn bã, nặng nề thở dài và ngả cái đầu bị đánh vào tay mình và nói:

- Sinuhe, nếu ông làm tất cả những điều này cho tôi, ông thực sự là bạn của tôi và tôi không hiểu vì sao ông sẽ làm, bởi vì tôi đã gây ra rất nhiều mất mát, đau khổ cho ông cũng như cho tất cả người dân Ai Cập. Ông cũng đã nói với tôi những điều đẹp đẽ về cái chết và có lẽ đúng như ông nói, cái chết chỉ là một giấc ngủ dài, là một dòng nước mát. Nhưng dù thế, tim tôi vẫn đau nhói khi nghĩ đến cành táo đang nở hoa trên đất Amori, nghe trong tai mình tiếng cừu kêu và thấy bầy cừu non nhảy nhót trên sườn núi. Tim tôi nhói đau nhất là khi nghĩ về mùa xuân trên đất Amori, những bông huệ tây bắt đầu xòe cánh và hương thơm của nhựa huệ tây, vì hoa huệ là một loài hoa vương giả, thích hợp với thân thể tôi. Nghĩ về tất cả những điều này, trái tim tôi đau nhói khi biết rằng mình sẽ không bao giờ nhìn thấy xứ sở Amori nữa, không vào mùa xuân cũng không vào mùa thu, không phải trong cái nóng của mùa hè cũng như gió lạnh của mùa đông. Nhưng dù thế, nỗi đau của tim tôi lại ngọt ngào khi tôi nghĩ về vùng đất Amori.

Chúng tôi đã nói chuyện như thế suốt đêm trong lều giam Aziru và nhớ lại những lần chúng tôi gặp nhau khi tôi ở Simyra, cả hai chúng tôi vẫn còn trẻ và khỏe. Aziru cũng kể cho tôi nghe đủ chuyện về thời thơ ấu của ông ta, nhưng tôi sẽ mất quá nhiều thời gian nếu kể về tuổi thơ của ông vì tuổi thơ của mỗi người đều giống nhau và ký ức tuổi thơ vì vậy chỉ có giá trị đối với bản thân mỗi người. Sáng sớm, nô lệ của tôi mang bữa sáng đã được chuẩn bị cho chúng tôi, lính gác không ngăn lại vì cũng được nhận bữa sáng. Các nô lệ mang ra thịt cừu nóng hổi, béo ngậy cùng với gạo lứt nấu trong dầu béo và rót rượu mạnh Sidon pha với mộc dược vào cốc chúng tôi. Tôi cũng bảo nô lệ của mình rửa sạch bụi bẩn trên người cho Aziru, rũ sạch những mẩu rác mà người dân ném lên đầu ông ấy, rồi chải, uốn tóc và che râu ông bằng một dải lưới được tết bằng chỉ vàng. Tôi lấy áo choàng hoàng gia che lên quần áo rách mướp của ông và sợi dây xích; vì không thể tháo sợi xích đồng mà quân Hittite đã đóng ông vào nên tôi không thể cho ông mặc một bộ quần áo mới. Các nô lệ của tôi cũng làm như vậy với

Keftiu và hai con trai của ông, nhưng Horemheb không cho Aziru gặp vợ và các con trai trước khi đến nơi hành quyết.

Khi thời khắc ấy đến gần, Horemheb từ lều mình bước ra cùng với các hoàng thân Hittite say xỉn, tựa tay vào vai họ và cười thành tiếng. Tôi đến chỗ Horemheb và nói:

- Horemheb, đúng là tôi đã làm cho anh nhiều việc và có lẽ đã cứu sống anh khi rút mũi tên độc ra khỏi đùi anh ở Tyros và chữa lành cho anh. Vì tất cả những việc ấy, anh cũng hãy làm cho tôi điều này, hãy để Aziru chết mà không phải chịu nhục nhã, vì ông ta là quốc vương của Syria và đã chiến đấu rất kiên cường. Vinh quang của anh sẽ tăng nếu anh để ông ta chết mà không hổ thẹn, những người bạn Hittite của anh đã tra tấn ông ta quá nhiều và giẫn nát chân tay ông ta khi ép ông ta khai nơi cất giữ của cải.

Horemheb sầm mặt khi nghe những lời của tôi vì anh ta đã nghĩ ra nhiều cách man rợ để kéo dài cái chết của Aziru và tất cả đã sẵn sàng cho điều đó. Mờ sáng, toàn bộ quân lính đã tập trung dưới chân gò hành quyết và binh lính tranh giành nhau để có được chỗ tốt nhất cho một ngày thú vị. Horemheb dàn xếp việc này không phải vì anh ta thích tra tấn và muốn chứng kiến sự đau đớn của Aziru, mà muốn mua vui cho binh lính của mình và gieo rắc nỗi kinh hoàng khắp Syria, để không ai dám tơ tưởng đến việc nổi dậy làm loạn sau cái chết khủng khiếp của Aziru. Tôi phải nói điều này vì danh dự của Horemheb; anh ta không phải là một người có bản tính độc ác như người ta vẫn kể, mà anh ta một chiến binh và cái chết chỉ là vũ khí trong tay anh ta. Tuy nhiên, anh ta vẫn thích để cho những câu chuyện kể nói quá lên sự tàn ác của mình để làm kẻ thù sợ hãi và dân chúng kính trọng mình. Anh ta nghĩ rằng dân chúng kính trọng một ông vua độc ác hơn một quân vương nhân từ và họ coi sự khoan dung của nhà cai trị là một điểm yếu.

Vậy nên Horemheb bực tức với tôi và bỏ tay khỏi cổ Hoàng tử Shubattu rồi đứng đung đưa trước mặt tôi và bắt đầu quất roi vàng vào chân mình, nói với tôi:

- Sinuhe, anh mãi mãi là cái gai chọc mạn sườn ta và ta bắt đầu chán anh rồi, vì không như những người biết điều, với bất cứ ai thành công, giành được vinh quang và giàu có, anh phẫn uất, giễu cợt và trách mắng, còn nếu ai đó gục ngã và thua trận, anh là người đầu tiên vỗ về và an ủi họ. Anh biết rất rõ ta đã gặp nhiều khó khăn và mất nhiều phí tổn mới đưa được về đây những tên đao phủ thiện nghệ nhất từ khắp các miền hoang mạc xa xôi chỉ vì Aziru này và chỉ riêng việc lắp đặt các đồ nghề tước xé và nung

đốt của chúng lên đồi cho cả quân đội nhìn thấy cũng đã tốn cả đống bạc. Ta không thể tước đoạt thú vui của lũ chuột bùn của ta vào những phút cuối này nữa rồi, vì cả lũ chúng đều đã biết bao lần bị bệnh tật và đổ máu với vô số vết thương vì tên Aziru này.

Hoàng tử Hittite, Shubattu, đập mạnh tay vào lưng anh ta và cười, rồi gào lên:

- Horemheb, tướng quân nói đúng. Chẳng lẽ tướng quân lại muốn tước đi niềm vui của chúng tôi, vì để giữ niềm vui cho tướng quân, chúng tôi đã không róc thịt từ chân tay hắn ta, mà chỉ cẩn thận rứt và kẹp bằng những chiếc kìm và đinh vít gỗ.

Nhưng với sự ngạo mạn của mình, Horemheb không thích câu nói này của Shubattu, mà cũng chẳng vui thú gì khi Shubattu đập vào lưng mình. Vì thế anh ta cau mày nói:

- Shubattu, ngài say rồi. Tôi không có ý định gì với Aziru ngoài việc cho cả thế giới thấy bất cứ ai đặt lòng tin vào người Hittite sẽ nhận số phận thế nào. Nhưng vì đêm nay chúng ta đã kết bạn và đã uống nhiều chén huynh đệ, nên tôi sẽ tha cho đồng minh này của ngài và vì tình bạn của chúng ta, tôi sẽ cho hắn một cái chết dễ dàng.

Những lời của Horemheb khiến Shubattu tức điên lên, khuôn mặt trở nên méo xệch và tái nhợt, bởi người Hittite rất dễ nổi xung nếu bị xúc phạm, mặc dù ai cũng biết họ sẽ phản bội và bán đứng đồng minh của mình mà không nghĩ đến danh dự, một khi không còn lợi lộc gì từ đồng minh mà có thể có lợi hơn khi phản bội họ. Mà thật ra mọi dân tộc và mọi thống lĩnh khôn ngoan đều hành xử như vậy, nhưng người Hittite làm điều đó trơ trẽn hơn các dân tộc khác và cũng không bận tâm tìm ra nguyên do và lời giải thích cần thiết để hoa mỹ hóa sự việc và làm cho nó trở nên đúng đắn. Nhưng Shubattu vẫn tức giận, buộc các chỉ huy Hittite khác phải lấy tay bịt miệng anh ta rồi kéo anh ta ra xa Horemheb và giữ anh ta cho đến khi cơn thịnh nộ ngớ ngẩn làm anh ta nôn hết rượu ra và bình tĩnh trở lại.

Nhưng Horemheb đã ra lệnh đưa Aziru bước ra khỏi lều giam và vô cùng kinh ngạc khi thấy ông ta bước tới trước đám đông, đầu ngẩng cao và kiêu hãnh như một vị vua, trên vai khoác chiếc áo choàng hoàng gia. Aziru đã ăn thịt mỡ và uống rượu mạnh, lắc lắc đầu ngạo mạn và cười thành tiếng khi bước đến nơi hành quyết, hét to chế giễu các chỉ huy và lính gác của Horemheb. Tóc ông được chải và uốn xoăn, mặt sáng loáng dầu thơm và qua đầu các

binh sĩ, ông hét với lên chỗ Horemheb:

- Này Horemheb, gã Ai Cập bẩn thỉu. Đừng sợ ta nữa nhé, vì ta đang bị xiềng xích và ngươi không cần phải nấp sau rừng giáo của quân lính mình. Hãy đến gần ta, để ta chùi bàn chân lấm đầy phân rác của ta lên chiếc áo choàng của ngươi, vì quả thực trong đời mình ta chưa từng nhìn thấy cái trại lính nào bẩn thỉu hơn thế này và ta muốn bước đến trước mặt thần Baal của ta bằng đôi chân sạch sẽ.

Nghe những lời ấy, Horemheb vô cùng thích thú, cười phá lên và hét lại Aziru:

- Ta không thể đến gần ngươi vì mùi Syria làm ta phát ốm, mặc dù ngươi đã lấy trộm áo choàng từ đâu đó để che thân thể bẩn thỉu của mình. Nhưng chắc chắn ngươi là một người dũng cảm, Aziru, khi ngươi cười ngạo nghễ trước tử thần. Bởi vậy ta sẽ cho ngươi một cái chết dễ dàng vì danh tiếng của ta.

Anh ta sai vệ sĩ của mình áp giải Aziru và ngăn quân lính ném bùn lên người ông ta. Những con bọ bẩn thỉu của Horemheb vây quanh Aziru và lấy cán giáo đập vào miệng bất kỳ kẻ nào cố gào lên chế nhạo Aziru, vì họ không còn hận thù Aziru bởi tất cả những đau đớn ông đã gây ra cho họ nữa, mà cảm phục sự dũng cảm của ông. Họ cũng giải cả Hoàng hậu Keftiu và hai con trai của Aziru đến nơi hành quyết. Keiftiu trang điểm theo cách đàn bà vẫn làm, vẽ mặt đỏ và trắng; hai cậu con trai, hai hoàng tử kiêu hãnh, cũng bước đến nơi hành quyết, người anh dắt tay em. Nhìn thấy họ, Aziru trở nên yếu đuối và nói:

- Keftiu, Keftiu, ngựa cái trắng của ta, con ngươi của ta và tình yêu của ta, ta rất lấy làm tiếc, vì ta mà nàng cũng phải theo ta đến cõi chết, bởi vì cuộc đời với nàng vẫn còn đầy hấp dẫn.

Nhưng Keftiu nói:

- Tâu quốc vương, xin quốc vương đừng buồn vì tiện thiếp, bởi tiện thiếp sẽ theo người đến vương quốc của tử thần. Vì quốc vương là phu quân của thiếp, khỏe như bò mộng và thiếp không nghĩ có người đàn ông nào khác có thể thỏa mãn thiếp như phu quân. Trong cuộc đời này, thiếp cũng đã chia rẽ quốc vương với những người đàn bà khác và trói buộc người với riêng mình. Vì vậy, thiếp sẽ không để quốc vương một mình vào cõi chết mà thiếp sẽ đi theo để giám sát và ngăn cản người vui vẻ với những phụ nữ khác, vì chắc chắn tất cả phụ nữ xinh đẹp đã đến nơi đó

trước đều đang đợi quốc vương. Vì vậy, cẩn tắc vô áy náy, thiếp sẽ theo quốc vương ngay cả khi thiếp được sống. Thật ra, thiếp sẽ thắt cổ tự vẫn bằng chính tóc của mình để theo người, thưa quốc vương yêu kính, vì trước đây thiếp chỉ là nô lệ nhưng quốc vương đã phong thiếp làm hoàng hậu và thiếp đã sinh cho người hai đứa con trai dũng cảm.

Aziru vui mừng khôn xiết trước lời nói của Keftiu, ông ta sung sướng đến ngạo mạn và nói với các con trai:

- Hai con trai xinh đẹp của ta! Các con là hoàng tử khi được sinh ra trên thế gian. Hãy là hoàng tử cả khi chết, để ta không hổ thẹn về các con. Hãy tin ta, chết không làm ta đau đớn hơn nhổ một cái răng trong miệng. Vì vậy, hãy can đảm lên, các con trai xinh đẹp của ta.

Nói rồi ông ta quỳ xuống đất trước mặt đao phủ, rồi lại quay về phía Keftiu và nói:

- Ta đã quá chán chường khi nhìn lũ Ai Cập hôi hám xung quanh mình và ta ngán ngẩm nhìn những ngọn giáo đẫm máu của chúng. Vì thế, hãy để lộ bầu vú tươi như hoa của ái khanh cho ta, Keftiu, để ta có thể ngắm nhìn vẻ đẹp của nàng khi ta chết và ta chết cũng hạnh phúc như khi sống với nàng.

Keftiu để lộ bầu vú đồ sộ của mình ra cho ông ta và đao phủ giơ thanh kiếm nặng nề lên, chỉ bằng một nhát chém đầu ông lìa khỏi cổ. Đầu ông ta bay đến chân Keftiu và từ thân thể cường tráng của ông, một dòng máu khỏe mạnh phun ra với tốc độ phi thường trong những nhịp tim cuối cùng đã bắn tóe lên quần áo của hai cậu con trai làm chúng sợ hãi và đứa bé bắt đầu run rẩy. Nhưng Keftiu đã nhấc đầu Aziru lên khỏi mặt đất, hôn lên đôi môi sưng tấy của ông và dùng tay vuốt ve đôi má rách xước rồi áp vào giữa hai bầu vú mềm mại của mình và nói với các con trai:

- Nhanh lên, các con trai dũng cảm của mẹ, đừng sợ hãi, hãy theo phụ vương, các con trai nhỏ bé, vì mẹ mong mỏi đi theo phụ vương các con.

Nghe thế, cả hai đứa con trai ngoan ngoãn quỳ xuống, tay đứa lớn vẫn nắm chặt bàn tay em mình đầy chở che và đao phủ nhẹ nhàng chặt đứt cái cổ mảnh khảnh của cả hai. Sau khi lấy chân gạt thi thể của hai đứa trẻ sang một bên, đao phủ cũng bằng một nhát duy nhất cắt phăng chiếc cổ trắng trẻo mập mạp của Keftiu, vậy nên họ chết thật dễ dàng. Rồi Horemheb cho ném thi thể họ vào

hố xác làm thức ăn cho bầy thú.

5

Bạn tôi, Aziru, đã chết như thế mà không cố mua chuộc tử thần, còn Horemheb đã đình chiến với Hittite, mặc dù cả anh ta cũng như Hittite đều biết rằng thỏa thuận đình chiến này chỉ là tạm thời, vì Sidon, Simyra, Byblos và Kadesh vẫn còn nằm trong tay Hittite và Hittite đã biến Kadesh thành một pháo đài lớn kiên cố, làm căn cứ quyền lực của mình ở miền bắc Syria. Nhưng vào thời điểm đó, cả Horemheb lẫn người Hittite đều thấy mệt mỏi vì chiến trận liên miên và Horemheb quá mừng khi có thể đình chiến vì anh ta có những lợi ích cần giám sát ở Thebes, còn phải dẹp yên xứ Kush và người da đen, những kẻ đã nổi loạn vì quá tự do và không còn muốn nộp tô cho Ai Cập.

Trong suốt những năm này, Pharaon Tutankhamon trị vì Ai Cập, mặc dù ngài vẫn chỉ là một cậu bé và chỉ lo xây lăng mộ cho mình, còn dân chúng đổ tội cho ngài tất cả những đau khổ, mất mát do chiến tranh gây ra và vô cùng căm ghét ngài. Họ nói:

- Chúng ta có thể mong đợi gì từ một pharaon có vợ mang dòng máu của pharaon bị nguyền rủa?

Eje không những không ngăn cấm những lời đàm tiếu của thiên hạ vì chúng có lợi cho ông ta, mà còn cho lan truyền trong dân chúng những câu chuyện về sự vô lo và lòng tham của Tutankhamon khi ngài sai thu gom tất cả của cải của Ai Cập cho lăng mộ của mình. Ngoài ra, ngài còn thu thuế mai táng từ người dân, đến mức bất cứ ai chết ở Ai Cập đều phải trả cho ngài một khoản thuế để thi thể của mình được lưu giữ vĩnh viễn. Nhưng Eje chính là người đã gieo ý định này vào đầu ngài, vì ông ta biết làm như thế sẽ khiến dân chúng căm giận.

Suốt thời gian đó, tôi không về Thebes mà đi theo quân đội, chịu đủ mọi gian khổ và thiếu thốn, vì quân lính cần kỹ năng chữa bệnh của tôi, nhưng những người đến từ Thebes kể rằng Pharaon Tutankhamon gầy gò, ốm yếu và một căn bệnh bí hiểm nào đó bào mòn thân thể ngài. Họ nói hình như cuộc chiến ở Syria đã làm tiêu hao sức lực của Pharaon vì mỗi khi nhận được tin về chiến thắng của Horemheb, ngài lại đổ bệnh, nhưng nếu tin thất bại của Horemheb báo về thì Pharaon hồi phục và dậy khỏi giường. Họ

cũng nói rằng tất cả đều như bị bùa phép và bất kỳ ai thật sự lưu tâm đều có thể thấy rõ sức khỏe của Pharaon Tutankhamon phụ thuộc vào cuộc chiến ở Syria như thế nào.

Nhưng, thời gian trôi đi, Eje ngày càng sốt ruột và ông ta thường xuyên nhắn tin cho Horemheb: "Lẽ nào tướng quân không muốn chấm dứt cuộc chiến và đem lại hòa bình cho Ai Cập? Bởi tôi đã là một lão già và mệt mỏi với việc chờ đợi. Horemheb, chiến thắng nhanh lên và mang hòa bình về cho Ai Cập để ta có thể nhận được phần mình theo giao ước của chúng ta và ta sẽ lo phần cho tướng quân nữa!".

Vì tất cả những việc này nên tôi không hề ngạc nhiên khi chiến tranh kết thúc và chúng tôi đang dong buồm ngược dòng sông trên những chiếc thuyền chiến trong đội hình chiến thắng và cờ hiệu tung bay thì nhận được tin Pharaon Tutankhamon đã lên thuyền vàng của Amon cha mình đi về miền tây. Người ta kể rằng Pharaon Tutankhamon đã lên cơn đau dữ dội vào đúng ngày tin Megiddo thất thủ và đình chiến truyền về Thebes. Nhưng các thái y của Nhà Sống tranh cãi với nhau về nguyên nhân dẫn đến cái chết của ngài và người ta đồn rằng dạ dày ngài bị thâm đen vì chất độc, nhưng không ai biết chắc điều gì về cái chết của ngài. Dân chúng bảo ngài chết vì sự ác độc của chính mình khi chiến tranh kết thúc, bởi niềm vui lớn nhất của ngài là thấy Ai Cập đau khổ và chịu đựng, nhưng tôi biết khi Horemheb ấn dấu triện của mình lên đĩa đất sét thỏa ước hòa bình, chắc chắn anh ta đã giết ngài như thể chính tay anh ta đâm một nhát dao vào tim ngài, vì Eje chỉ mong chờ hòa bình để gạt Tutankhamon ra khỏi đường đi của mình và ngồi lên ngai vàng của các pharaon như "vị vua của hòa bình".

Vì vậy, chúng tôi phải bôi bẩn mặt, hạ cờ chiến thắng sặc sỡ trên các chiến thuyền xuống và Horemheb đã tức giận cho cắt dây, tháo gỡ và thả xuống sông các quản cơ, cai đội Syria và Hittite mà anh ta đã sai treo ngược đầu trước mũi thuyền của mình theo cách của các pharaon vĩ đại. Cả những con bọ rác rưởi của anh ta cũng bực tức và thóa mạ Tutankhamon rằng khi sống không đem lại cho họ niềm vui mà lúc lìa trần còn lấy mất điều ấy của họ. Anh ta cho họ theo về để vui mừng chiến thắng ở Thebes, sau khi đã để lại những con chuột bùn nhằm khôi phục Syria và nhân tiện vỗ béo mình bằng sự phì nhiêu của Syria sau những gian khổ của chiến tranh.

Họ cáu kỉnh chơi xúc xắc trên thuyền bằng những chiến lợi phẩm thu được ở Syria và đánh nhau vì những cô gái mà họ mang theo

từ Syria về để bán ở Thebes sau khi đã hãm hiếp, giày vò họ chán chê. Họ đánh nhau mặt sưng húp, làm nhau bị thương và hát những bài ca tục tĩu thay cho những bài than khóc buồn bã, đến nỗi dân chúng mộ đạo tụ tập trên bờ để nhìn các thuyền chiến, hết sức kinh sợ trước hành xử của họ. Không thể nghĩ những con bọ bẩn thỉu này của Horemheb là người Ai Cập, vì nhiều người trong số họ ăn mặc theo kiểu Syria hoặc Hittite sau khi thu những bộ quần áo đẹp này làm chiến lợi phẩm, chèn lẫn lộn những từ và câu chửi Syria và Hittite trong lời nói của mình; nhiều người hạ mình phục vụ thần Baal ở Syria và mang theo thần Baal về Ai Cập. Tôi không có lý do gì để trách cứ họ về điều này vì bản thân tôi đã dâng cúng nhiều đồ uống và thịt cho thần Baal của Amori trước khi rời Syria để tưởng nhớ người bạn Aziru của tôi, nhưng tôi kể điều này để cho thấy tại sao dân chúng tránh xa họ và sợ họ như sợ người lạ, cho dù rất tự hào về những chiến thắng của họ ở Syria.

Còn binh lính của Horemheb thì lạ lẫm nhìn ngó Ai Cập, một Ai Cập họ không nhìn thấy trong nhiều năm qua, vì họ không còn thấy Ai Cập là đất nước mà từ đó họ đã ra trận và cả tôi cũng không còn nhận ra Ai Cập nữa. Vì ở bất cứ nơi nào thuyền chúng tôi cập bến để qua đêm trên đất liền, chúng tôi chỉ thấy nỗi buồn, sự khốn khổ và nghèo đói. Quần áo của người dân loang lổ, chỗ xám, chỗ sặc sỡ sau nhiều lần giặt, khuôn mặt khô và thô ráp vì thiếu dầu bôi, đôi mắt đói khát, ngờ vực và trên lưng dân nghèo đầy dấu gậy của những người thu sưu thuế. Các tòa nhà chung đã xuống cấp, chim chóc làm tổ trên mái nhà các quan tòa của Pharaon và những viên gạch rơi xuống đường để lại tường các tòa nhà của Pharaon thủng lỗ chỗ. Đường sá không được tu bổ trong nhiều năm vì thiếu nhân công, khi những người sống của Ai Cập bị dồn cho cuộc chiến ở Syria; các bờ kênh tiêu nước bị sụt xuống và các mương tưới um tùm cỏ trên các cánh đồng.

Chỉ có những đền miếu sầm uất với những hình ảnh, chữ khắc bằng vàng và màu đỏ tươi ca ngợi Amon lấp lánh trên các bức tường và các giáo sĩ của Amon béo tốt, đầu trọc lốc lấp lánh dầu thơm. Trong khi họ ngấu nghiến nhai thịt cúng tế, dân nghèo uống nước sông Nile với bánh mì khô và cháo và những người đàn ông trước đây giàu có, uống rượu từ những chiếc cốc sặc sỡ thì bây giờ sẽ mãn nguyện nếu họ có được một hũ bia nhạt một lần trong mỗi tuần trăng. Tiếng cười của phụ nữ và tiếng trẻ đùa vui không còn vang lên hai bên bờ sông mà ở đó chỉ có những người đàn bà vung cánh tay gầy guộc đập chày giặt, đám trẻ rón rén trên đường như những con vật sợ sệt vì bị đánh và đào bới rễ thủy sinh trong bùn ăn cho đỡ đói. Chiến tranh đã làm Ai Cập thành như thế và lấy đi tất cả những gì Aton đã tích trữ được. Vì vậy dân chúng không

còn vui mừng với hòa bình nữa mà sợ hãi khi nhìn thấy đội thuyền chiến của Horemheb ngược dòng sông.

Nhưng những cánh én vẫn lao vút trên mặt nước nhanh như tên bay, những con hà mã vẫn gầm gừ trong đám sậy nơi bãi sông hoang vắng và bầy cá sấu duỗi chân nghỉ ngơi nơi mép nước, mõm há hốc để những con chim nhỏ bé làm sạch răng. Chúng tôi uống nước sông Nile từ trên thuyền, không nơi nào trên thế giới có nước giống nước sông Nile và làm dịu cơn khát như thế. Chúng tôi hít thở mùi bùn, nghe tiếng sậy thì thầm trong gió, nghe tiếng vịt kêu và Amon trên thuyền vàng của ngài lướt qua trên bầu trời xanh ngắt và chúng tôi biết mình đã về đến cố hương.

Rồi đến một ngày, phía sau dòng sông thấp thoáng nhô lên ba ngọn núi cao, ba vệ sĩ vĩnh cửu của Thebes; chúng tôi thấy mái đền khổng lồ và trong mắt chúng tôi, những chóp vàng của các ngọn tháp tỏa vào không trung những tia chớp sáng lóa. Chúng tôi thấy những ngọn núi phía tây và thành phố của những người chết trải dài ngút mắt, thấy những cầu thuyền bằng đá của Thebes, thấy bến cảng và những con hẻm chạy dài vô tận, hai bên được viền bằng những túp lều đất sét của những khu phố nghèo, thấy những khu phố giàu có và những biệt thự của giới quý tộc giữa cảnh sắc rực rỡ của hoa và cây cỏ xanh tươi. Lúc đó chúng tôi hít thở sâu hơn và các tay chèo thả mái chèo xuống nước với niềm vui mới và binh lính của Horemheb bắt đầu la hét om sòm, quên đi cả nỗi đau lẫn niềm vui.

Thế là tôi lại trở về Thebes và tôi quyết định sẽ không bao giờ rời đi nữa, vì mắt tôi đã nhìn thấy đủ sự xấu xa của con người và không có gì mới để nhìn thấy dưới bầu trời cũ nữa. Vậy nên tôi quyết định ở lại Thebes và sống những năm tháng còn lại của mình trong cảnh nghèo khó trong ngôi nhà vốn là xưởng đúc đồng cũ ở khu phố nghèo của thành phố, vì tôi đã dùng cho tang lễ của Aziru tất cả những món quà quý giá mà tôi nhận được ở Syria trong chiến tranh bằng tài năng chữa bệnh của mình, bởi tôi không muốn giữ lại sự giàu có ấy. Những thứ đó có mùi máu trong mũi tôi và tôi sẽ không thấy vui nếu dùng chúng cho riêng mình. Vì thế, tôi đã dành cho Aziru tất cả những gì tôi có được trên mảnh đất của ông ta và nghèo khó trở về Thebes.

Nhưng tôi vẫn chưa nhận đủ khổ đau mà mình phải chịu, vì số phận đã định trước bắt tôi phải làm một việc tôi không hề muốn và việc đó khiến tâm trí tôi hoảng sợ, song tôi không thể lảng tránh nó, vì thế tôi lại phải rời Thebes một lần nữa trong vòng một vài ngày. Vì Eje và Horemheb đã khôn ngoan giăng lưới, thực

hiện các kế hoạch của họ và tin rằng quyền uy nằm trong tay mình, nhưng quyền uy thoát ra mà họ không hề hay biết và số phận của Ai Cập đang rẽ sang hướng khác vì tính khí thất thường của đàn bà. Vậy nên tôi vẫn phải kể về Hoàng hậu Nefertiti và Công chúa Baketamon trước khi có thể kết thúc câu chuyện của mình và được bình tâm. Nhưng để kể về họ, tôi phải bắt đầu một sách mới và hãy để đây là sách cuối cùng mà tôi viết và tôi viết cho chính mình để giải thích vì sao tôi, người được sinh ra như một danh y, lại trở thành một kẻ giết người.

Sách thứ mười lăm
Horemheb

1

Theo thỏa thuận với Horemheb, nhiếp chính Eje đã sẵn sàng đội lên đầu mình vương miện pharaon sau tang lễ của Pharaon Tutankhamon. Để đạt được mục đích này, ông ta vội vàng cho tẩm ướp thi thể Tutankhamon và làm lễ mai táng ngài, ngừng việc phá đá xây lăng cho ngài, để nó chỉ là một lăng mộ nhỏ, tầm thường bên cạnh lăng mộ của các pharaon vĩ đại và giữ lại cho mình phần lớn của cải mà Tutankhamon dự định đem theo xuống mồ. Nhưng cũng theo thỏa thuận, ông ta phải thuyết phục Công chúa Baketamon chấp thuận làm vợ Horemheb để anh ta có quyền hợp pháp đòi ngai vàng của Ai Cập cho mình sau khi Eje chết, mặc dù anh ta sinh ra với phân dính giữa các kẽ chân. Ông ta đã dàn xếp điều này với các giáo sĩ để Công chúa Baketamon xuất hiện trước Horemheb trong hình dạng nữ thần Sekhmet tại đền Sekhmet, khi Horemheb ăn mừng chiến thắng của mình sau quốc tang, và dâng mình cho Horemheb trong đền, như thế hôn nhân của họ sẽ được thần linh ban phép và Horemheb cũng trở nên thiêng liêng. Eje đã cùng với các giáo sĩ dàn xếp như vậy, nhưng Công chúa Baketamon đã chuẩn bị một kế hoạch của riêng mình rất cẩn thận, và tôi biết chắc Hoàng hậu Nefertiti đã xúi giục Công chúa làm việc này vì bà căm hận Horemheb và muốn mình trở thành người đàn bà quyền lực nhất Ai Cập bên cạnh Baketamon nếu mưu đồ thành công.

Kế hoạch của họ thật vô đạo và khủng khiếp, chỉ có đầu óc của

một người đàn bà đầy đau khổ, thù hận mới sản sinh ra một âm mưu như thế. Kế hoạch của họ hoang tưởng đến mức chỉ riêng sự hoang tưởng ấy đã khiến nó suýt thành công vì không ai nghĩ được điều như thế mà nếu có thì họ cũng sẽ coi việc đó là không thể. Chỉ khi mưu đồ này bị bại lộ, người ta mới hiểu vì sao quân Hittite đã sốt sắng đề nghị hòa hoãn và sẵn lòng giao Megiddo và Amori, sẵn sàng chấp nhận nhượng bộ trong giải pháp hòa bình. Vì người Hittite là những người khôn ngoan, họ giữ trong ống tên một mũi tên dự phòng, mũi tên mà cả Horemheb lẫn Eje không hề đoán biết, và khi chấp nhận hòa bình, họ tin rằng họ không mất gì khi sẵn sàng nhượng bộ. Lẽ ra Horemheb phải nghi ngờ sự sốt sắng ấy, nhưng thắng lợi về quân sự khiến anh ta mù quáng và bản thân anh ta muốn hòa bình để ổn định quyền lực của mình ở Ai Cập và cuối cùng là giành được Công chúa Baketamon làm vợ, vì anh ta đã đợi Baketamon trong quá nhiều năm và sự đợi chờ đã khiến lòng thèm khát dòng máu hoàng tộc của anh ta càng dữ dội đến độ không chịu nổi. Vậy nên anh ta không muốn nghi ngờ bất cứ điều gì và không nhận ra sự xảo quyệt của Hittite.

Sau khi Pharaon băng hà và bị buộc phải thần phục Amon, Hoàng hậu Nefertiti không thể chịu nổi khi nghĩ rằng mình bị gạt sang bên trong việc trị vì Ai Cập và rằng bất cứ người phụ nữ nào trong hoàng cung cũng ngang hàng với bà. Bất chấp tuổi tác, bà vẫn rất đẹp, cho dù nhan sắc của bà đã tàn phai và được mài đi rửa lại nhiều lần với nhiều loại mỹ phẩm và thời gian chăm sóc. Với sắc đẹp ấy, bà đã chinh phục cho mình rất nhiều vương hầu Ai Cập, những người cả đời sống trong hoàng cung như những kẻ lười biếng, vô dụng xung quanh vị pharaon tầm thường của họ. Với trí thông minh và ranh mãnh của mình, bà cũng trở thành bạn của Công chúa Baketamon và thổi niềm kiêu hãnh bẩm sinh của Baketamon thành ngọn lửa hừng hực thiêu đốt trái tim Công chúa, khiến niềm kiêu hãnh đó mang đầy vẻ bệnh hoạn hơn là lòng kiêu hãnh thường thấy của con người; nàng quá kiêu ngạo về dòng máu thánh của mình, đến mức không cho phép bất kỳ người bình thường nào chạm vào mình, thậm chí không cho phép ai được lướt qua chỗ bóng mình in xuống. Cho đến lúc ấy, Công chúa vẫn ngạo mạn giữ mình trinh nguyên bởi nàng cho rằng khắp Ai Cập không có người đàn ông nào xứng với mình, vì nàng mang dòng máu của các pharaon vĩ đại trong huyết quản. Rồi nàng qua độ tuổi kết hôn thông thường; tư tưởng bất khả xâm phạm thấm sâu vào tâm trí nàng, khiến nàng trở nên bệnh hoạn, và tôi nghĩ có khi một cái giường phu thê êm ấm sẽ chữa khỏi bệnh cho nàng. Nhưng nàng vẫn rất xinh đẹp, dáng điệu và vẻ kiêu sa của nàng đã giúp cho nhan sắc nàng trẻ mãi với thời gian và nàng bảo vệ,

chăm dưỡng nhan sắc đó, không cho cả nô tỳ chạm vào người mình.

Nefertiti tìm đủ mọi cách để kích động tính ngạo mạn của Baketamon khiến Công chúa tin rằng mình sinh ra để làm những việc vĩ đại, rằng mình phải cứu Ai Cập khỏi tay những kẻ tiếm quyền thấp hèn. Nefertiti kể cho Công chúa về nữ hoàng Hatshepsut vĩ đại, người đã gắn bộ râu hoàng đế lên cằm, đeo thắt lưng đuôi sư tử và cai trị Ai Cập trên ngai vàng của các pharaon. Họ cùng nhau hành hương đến ngôi đền đá sáng ngời có các cột trắng lóa của Hatshepsut, đi trên những gờ nổi trồng đầy cây hương đào của đền, ngắm nhìn tượng của các nữ hoàng vĩ đại và Nefertiti quả quyết với Baketamon rằng sắc đẹp của nàng tựa nhan sắc của Hatshepsut.

Nefertiti cũng nói với Công chúa rất nhiều điều xấu xa về Horemheb, khiến Baketamon, với niềm kiêu hãnh vốn có của mình, bắt đầu khiếp sợ Horemheb, người xuất thân từ tầng lớp thấp hèn nhưng cao hơn hẳn các bậc vương tôn Ai Cập một cái đầu và cũng vạm vỡ hơn, và nàng không thể chịu được ý nghĩ Horemheb sẽ bắt nàng quy phục và dùng vũ lực với nàng theo cách thô bạo của đám võ biền, làm ô uế dòng máu thánh của nàng. Nhưng trái tim con người thường bất nhất và thất thường, vì thế tôi nghĩ nàng bắt đầu căm hận Horemheb chỉ vì sức mạnh và sự cuồng nhiệt của Horemheb đã cuốn hút nàng từ lúc nào không rõ và nàng đã ngắm nhìn anh ta quá nhiều khi chàng trai cường tráng Horemheb mới đến hoàng cung, đã thấy người nóng bừng, nhột nhạt trước ánh mắt của anh ta mặc dù nàng chưa bao giờ tự thừa nhận điều đó.

Vì tất cả những điều đó nên Nefertiti đã dễ dàng thuyết phục được nàng khi mưu đồ của Eje và Horemheb trở nên quá rõ ràng và Pharaon Tutankhamon ngày càng ốm o tiều tụy khi cuộc chiến ở Syria đi đến hồi kết. Tôi không tin là Eje giấu Nefertiti âm mưu của mình vì Nefertiti là con đẻ của ông ta. Do vậy, Nefertiti dễ dàng phát hiện ra rằng Eje và Horemheb đã bí mật dàn xếp một ván bài lớn đến mức nào. Nhưng Nefertiti căm ghét cha mình, vì ông ta đã gạt bà sang bên sau khi đã lợi dụng bà hết mức, coi như không có bà trong hoàng cung vì bà là hoàng hậu của pharaon đã bị nguyền rủa và không cho phép bà tham dự các nghi lễ của hoàng gia. Tôi nghĩ còn có những lý do khác khiến Nefertiti ghét Eje cha mình, nhưng tôi không muốn kể ra vì không dám chắc; tôi cũng không tin tất cả những lời đồn thổi ở hoàng cung, mặc dù tôi biết cung điện vàng của pharaon là một ngôi nhà tối tăm và bên trong những bức tường của nó ẩn chứa rất nhiều điều khủng

khiếp. Tôi chỉ nói rằng sự hòa quyện giữa sắc đẹp và trí thông minh trong một người đàn bà mà trái tim đã bị thời gian làm chai cứng như đá là một sự kết hợp nguy hiểm, nguy hiểm hơn những lưỡi dao trần và cứa xé hơn lưỡi hái đồng gắn trên các cỗ chiến xa. Tôi cũng không tin trên thế gian có gì nguy hiểm và có sức hủy diệt gớm ghiếc hơn một người phụ nữ quá đủ xinh đẹp, quá đủ thông minh song thiếu thiện tâm. Mưu đồ mà Nefertiti đan dệt nên đã chứng minh quá rõ điều này và bà ta đã thuyết phục Công chúa Baketamon cùng can dự.

Kế hoạch xảo quyệt này đã bại lộ vì sau khi về đến Thebes, vì nôn nóng Horemheb bắt đầu lượn lờ quanh nơi ở của Công chúa Baketamon để có thể nhìn thấy và nói chuyện với nàng, mặc dù Baketamon không muốn tiếp anh ta. Horemheb bất ngờ nhận ra sứ giả của Hittite đang xin gặp Baketamon, ngạc nhiên khi thấy Baketamon tiếp sứ giả Hittite và ngạc nhiên khi vị ấy ở chỗ Công chúa lâu đến thế. Vậy nên với quyền lực của mình, không cần hỏi ai, anh ta đã sai bắt giam sứ giả Hittite, còn viên sứ giả Hittite đầy vẻ hợm hĩnh đã đe dọa anh ta và nói với anh ta những lời mà chỉ những người chắc chắn về quyền uy của mình mới dám thốt ra.

Horemheb đã kể lại tất cả cho Eje và đêm đến, họ dùng vũ lực đột nhập vào cung thất của Baketamon, giết các nô lệ bảo vệ Công chúa và tìm thấy bức thư bí mật mà Baketamon đã giấu trong đống tro của bếp than. Đọc xong những đĩa đất sét này, họ vô cùng kinh hoảng, nhốt Baketamon ngay trong cung của nàng và ra lệnh canh giữ cả Công chúa và Nefertiti thật nghiêm cẩn. Ngay đêm đó, họ đã đến nhà tôi, vốn là xưởng đúc đồng mà Muti đã thuê dựng lại sau trận hỏa hoạn với số bạc Kaptah gửi về. Họ đến trong đêm trên một chiếc kiệu đơn sơ, mặt che kín. Muti cho họ vào nhà dù ban đầu không nhận ra họ là ai và mắng nhiếc họ thậm tệ khi họ yêu cầu bà ấy đánh thức tôi dậy. Nhưng tôi chưa ngủ, bởi sau khi từ Syria trở về, tôi ngủ rất kém vì tất cả những gì tôi buộc phải thấy ở Syria. Vậy nên tôi nhỏm dậy khỏi giường ngay khi tiếng càu nhàu của Muti chưa dứt, châm đèn và ra tiếp những người khách mà tôi nghĩ đang cần tôi chữa bệnh. Nhưng tôi vô cùng kinh ngạc khi nhận ra họ và sai Muti mang rượu cho chúng tôi rồi cho bà ta đi ngủ tiếp, mặc dù Horemheb sợ đến mức muốn giết Muti vì Muti đã nhìn thấy mặt họ và có thể nghe chuyện của chúng tôi. Tôi chưa bao giờ thấy Horemheb sợ hãi đến thế và điều này khiến tôi rất thích thú. Vì thế tôi nói:

- Chắc chắn tôi không để anh giết Muti, anh hẳn đang đau đầu nên mới nói những điều ngớ ngẩn thế. Muti già rồi, lại lãng tai và đêm ngủ ngáy như hà mã. Nếu để ý, anh sẽ nghe thấy tiếng ngáy của bà

ta ngay đấy. Vì thế hãy uống rượu đi và tin rằng không cần phải sợ một bà già.

Nhưng Horemheb cáu kỉnh nói:

- Sinuhe, tôi không đến đây để nói với anh về chuyện ngáy hay không. Mạng người ở đâu cũng như nhau thôi vì Ai Cập đang lâm nguy và anh phải cứu Ai Cập.

Eje xác nhận lời của Horemheb:

- Thật sự Ai Cập đang lâm nguy, Sinuhe ạ. Cả ta đây cũng đang gặp nguy hiểm và có lẽ từ trước đến nay chưa bao giờ có hiểm họa lớn như vậy đe dọa Ai Cập. Vì thế chúng ta cần tới anh trong cơn nguy khốn của mình, Sinuhe ạ.

Nhưng tôi chua chát cười họ và xòe lòng bàn tay trống không của mình cho họ xem. Lúc ấy, Horemheb lấy ra những đĩa đất sét của vua Shubbiluliuma và đưa cho tôi đọc, anh ta cũng cho tôi xem cả bản sao của những bức thư mà Baketamon đã gửi đến Khattushash cho vua Hittite trước đình chiến. Đọc những bức thư này, tôi không còn cười được nữa và rượu mất hết vị trong miệng tôi, vì Baketamon đã viết cho quốc vương Hittite như sau:

"Tôi là con gái của Pharaon và dòng máu thiêng chảy trong huyết quản tôi, còn ở Ai Cập lại không có một người đàn ông nào xứng với tôi. Tôi nghe nói ngài có nhiều con trai. Vậy hãy cho một người trong số họ đến với tôi, để tôi cùng đập vỡ vò với người ấy và hãy để con trai ngài cùng tôi cai trị xứ Kemet."

Bức thư này kỳ lạ đến mức lúc đầu một người cẩn trọng như Shubbiluliuma không thể tin ngay, nên đã gửi một đĩa đất sét cho Baketamon qua sứ giả bí mật của mình, lời lẽ đầy ngờ vực, hỏi Công chúa về các đòi hỏi của nàng. Nhưng Baketamon đã xác nhận lời đề nghị của mình trong một bức thư mới, khẳng định với quốc vương rằng vương triều Ai Cập đứng về phía nàng và các giáo sĩ Amon đều ủng hộ nàng. Bức thư này đã thuyết phục được Shubbiluliuma về ý muốn chân thành của Baketamon. Vì vậy, quốc vương đã vội vã đình chiến với Horemheb và hiện đang chuẩn bị cho con trai mình là Shubattu đến Ai Cập. Shubattu sẽ rời Kadesh vào một ngày thuận lợi với rất nhiều quà tặng cho Baketamon và theo như đĩa đất sét cuối cùng, vị hoàng tử đang trên đường đến Ai Cập cùng đoàn hộ tống.

Trong khi tôi đọc những bức thư này, Eje và Horemheb bắt đầu cãi nhau. Horemheb nói với Eje:

- Đây là phần thưởng cho tất cả những gì tôi đã làm cho ông đây ư, đây là sự đền ơn cho công lao đánh bại quân Hittite và sự chịu đựng vô vàn gian khổ của tôi đây ư? Nói thật nhé, tôi hẳn sẽ được nhiều hơn nếu để lại Ai Cập một con chó mù để bảo vệ quyền lợi cho mình khi xông pha nơi biên ải, còn hơn ông, không có ích gì cho tôi hơn một kẻ dắt gái, cứ nằng nặc đòi tiền mà đến cái đít của cô ta cũng không cho tôi thấy. Đúng thật đấy Eje, ông là đồ rác rưởi nhất mà tôi từng gặp và tôi sẽ phải ân hận về cái ngày mà tôi đã nắm bàn tay đen đúa của ông để cấu kết với ông. Bây giờ tôi không còn cách nào khác ngoài việc cho quân bọ bẩn thỉu của tôi đánh chiếm Thebes và giành lấy cho mình cả hai vương miện.

Nhưng Eje giải thích:

- Các giáo sĩ không bao giờ chấp thuận điều đó, hơn nữa chúng ta vẫn chưa biết phe phái đó lớn đến mức nào và liệu Baketamon sẽ được bao nhiêu giáo sĩ và thành viên hoàng gia ủng hộ. Ta không thèm tính đến dân chúng, vì họ chỉ là những con bò bị ta buộc dây quanh cổ và bất cứ ai ta cũng có thể dắt đến chỗ nào mình muốn. Không, Horemheb, nếu Hoàng tử Shubattu đến Thebes và đập vỡ vò với Baketamon, quyền lực của chúng ta sẽ chấm dứt, mà chúng ta lại không thể ngăn chặn hắn bằng vũ lực, vì điều đó sẽ dẫn đến một cuộc chiến mới, trong khi Ai Cập lúc này không thể chịu thêm một cuộc chiến nào nữa bởi cuộc chiến mới sẽ phá tan quyền lực của chúng ta và xóa sạch mọi thứ chúng ta đã bỏ công gây dựng. Tôi đúng là một con chó mù, nhưng việc thế này trước đây chưa từng xảy ra nên làm sao tôi có thể đoán được. Vì thế, Sinuhe sẽ phải giúp chúng ta.

- Lạy tất cả thần linh Ai Cập, - tôi kinh ngạc kêu lên. - Làm sao tôi có thể giúp được các ông, vì tôi chỉ là một thầy thuốc, làm sao tôi có thể xoay cái đầu của người đàn bà điên về phía Horemheb được?

Horemheb nói:

- Anh đã một lần giúp chúng tôi, đâm lao thì phải theo lao, dù muốn hay không. Anh phải đi gặp Hoàng tử Shubattu và phải làm sao đó để hắn ta không đến được Ai Cập. Thực hiện điều đó bằng cách nào, chúng tôi không biết và thậm chí không muốn biết. Tôi chỉ nói là chúng ta không thể lộ liễu cho giết hắn ta trên đường đi vì điều đó sẽ gây nên một cuộc chiến mới với người Hittite, mà tôi muốn chính mình là người chọn thời gian bắt đầu một cuộc chiến mới.

Lời anh ta nói khiến tôi kinh sợ và đầu gối tôi bắt đầu run, tim tôi tan thành nước và lưỡi líu lại trong miệng khi tôi nói:

- Đúng là tôi đã một lần giúp các anh, cho dù tôi làm việc đó vì mình cũng như vì Ai Cập, nhưng hoàng tử này không làm điều gì xấu với tôi, chỉ một lần duy nhất tôi thấy anh ta ở gần lều của anh vào ngày Aziru bị hành quyết. Không, Horemheb, anh không biến tôi thành sát thủ được, tôi thà chết còn hơn vì không có tội ác nào đáng hổ thẹn hơn thế, và cho dù tôi đã cho Pharaon Ekhnaton uống tử thần, song tôi làm điều đó vì chính ngài, vì ngài bị bệnh và tôi là bạn của ngài.

Nhưng Horemheb cau mày và bắt đầu quất roi vào chân mình, còn Eje nói:

- Sinuhe, anh là người biết cân nhắc và thận trọng, vì thế chắc anh cũng hiểu rằng chúng ta không thể nhấn chìm cả vương quốc dưới tấm chiếu phu thê của một thị nữ tính khí bất thường. Hãy tin ta đi, không còn cách nào khác đâu. Hoàng tử Shubattu phải chết trên đường đến Ai Cập và hắn chết vì tai nạn hay vì bệnh, việc đó không liên quan đến ta, miễn là hắn chết. Vì vậy, anh phải lên đường đến sa mạc Sinai gặp hắn ta ngay với vai trò danh y do Công chúa Baketamon cử đi đón hắn ta và khám xem hắn có thích hợp làm chồng hay không. Hắn ta sẽ tin điều đó ngay và sẽ ân cần tiếp đón anh, hỏi anh rất nhiều về Baketamon, vì Hoàng tử cũng chỉ là con người và ta nghĩ hắn đang rất tò mò tự hỏi Ai Cập sẽ trói buộc hắn với một phù thủy như thế nào đây. Này Sinuhe, nhiệm vụ của anh sẽ dễ dàng và anh sẽ không khinh rẻ những món quà mà việc này sẽ mang lại cho anh khi thành công vì khi xong việc, anh sẽ trở thành một người giàu có.

Horemheb nói:

- Hãy chọn nhanh đi, Sinuhe, sống hay chết. Anh phải hiểu là nếu anh từ chối, chúng tôi không thể để anh sống sau khi đã nghe tất cả những điều này, dù anh ngàn lần là bạn tôi. Bí mật này là bí mật của các pharaon, không ai được biết. Sinuhe, cái tên mà mẹ anh đã đặt cho anh là một điềm xấu, vì anh phải nghe quá nhiều bí mật của các pharaon. Chỉ cần để lộ một lời, tôi sẽ cắt ngang cổ anh từ tai này sang tai kia dù tôi không vui gì khi làm điều đó, bởi anh là người phụng sự chúng tôi tốt nhất và chúng tôi không thể giao việc này cho ai khác. Một tội ác chung đã trói anh vào với chúng tôi và cả tội ác này chúng tôi cũng sẵn sàng chia sẻ với anh, một khi anh nghĩ rằng cứu Ai Cập khỏi quyền uy của một người đàn bà điên và lũ Hittite là tội ác.

Thế là tôi thấy mình bị mắc kẹt trong một tấm lưới do chính mình đan và tấm lưới này thật chắc chắn, cầm tù tôi mà tôi không thể cắt bỏ bất cứ mắt lưới nào trong đó. Những việc tôi đã làm là sợi dây trói tôi mà chính tôi đã bện nó và một đầu sợi dây này đã được xâu từ những năm tháng xa xưa, luồn qua cái đêm Pharaon vĩ đại băng hà, xuyên qua lần Ptahor đến thăm bố Senmut của tôi năm ấy và được xỏ vào chiếc thuyền sậy dong xuống dòng nước quạnh hiu vào đêm tôi ra đời. Thế nhưng đúng vào lúc cho Pharaon Ekhnaton uống tử thần, tôi đã vĩnh viễn gắn chặt số phận mình với số phận của Horemheb và Eje, mặc dù lúc đó trong nỗi buồn đau và sự phẫn uất của mình, tôi không hề hay biết.

- Horemheb, anh thừa biết tôi không sợ chết, - tôi đáp lại, nhưng chỉ hoài công bảo vệ mình, vì cho dù tôi đã nói rất nhiều về cái chết, mời gọi cái chết đến với mình, nhưng thần chết vẫn là một vị khách ghê tởm, lạnh lùng trong đêm tối và tôi cũng không muốn một con dao cùn day day cứa cổ họng mình.

Tôi viết tất cả những điều này cho riêng mình nên tôi không tô vẽ bản thân và vì thế lấy làm hổ thẹn thú nhận rằng ý nghĩ về cái chết trong đêm đó đã làm tôi vô cùng sợ hãi, nhất là vì nó đến với tôi bất ngờ và tôi không kịp chuẩn bị đón nhận nó. Nếu có thời gian chuẩn bị, có thể tôi đã không sợ đến mức ấy. Nhưng rồi tôi nghĩ đến đàn én lao vun vút trên sông; tôi nghĩ đến rượu bến cảng; nghĩ đến món ngỗng quay kiểu Thebes của Muti và thấy cuộc sống bỗng trở nên ngọt ngào, đáng sống. Thế là tôi nghĩ đến Ai Cập và nghĩ rằng Ekhnaton phải chết để Ai Cập tồn tại, để Horemheb có thể dùng vũ khí đẩy lùi cuộc tấn công của Hittite. Nhưng Ekhnaton là bạn tôi, còn vị hoàng tử ngoại quốc này hoàn toàn xa lạ với tôi và chắc chắn đáng phải chết đến ngàn lần vì những tai họa anh ta gây ra trong cuộc chiến. Tại sao tôi lại không giết anh ta để cứu Ai Cập, vì tôi đã từng cho Ekhnaton uống thuốc độc để cứu Ai Cập. Tôi bắt đầu buồn ngủ rũ rượi và vừa ngáp vừa nói:

- Cất dao đi, Horemheb, vì chỉ nhìn thấy chiếc dao cùn thôi mà tôi đã sợ lắm rồi. Thôi được, tôi sẽ làm như anh nói. Tôi sẽ cứu Ai Cập khỏi sự cai trị của người Hittite, nhưng tôi thật sự chưa biết bằng cách nào làm được việc đó và tôi nghĩ mình cũng sẽ mất mạng thôi, vì chắc chắn người Hittite sẽ giết tôi nếu hoàng tử của họ chết. Nhưng tính mạng của tôi có nghĩa lý gì lắm đâu và tôi không muốn người Hittite cai trị Ai Cập, tôi làm việc này không vì quà tặng hay những lời hứa tốt đẹp, mà tôi làm chỉ vì việc này đã được viết lên các vì sao ngay cả trước ngày tôi sinh ra và tôi không thể tránh được. Vì vậy, hãy nhận lấy vương miện của các người từ tay

tôi, Horemheb và Eje, hãy cầm lấy vương miện của các người và hãy cầu nguyện cho tôi, vì tôi, thầy thuốc Sinuhe tầm thường, sẽ cho các người thành pharaon.

Khi nói điều này, tôi chỉ muốn bật cười thành tiếng vì ý nghĩ có lẽ dòng máu thánh chảy trong huyết quản tôi và tôi mới là người duy nhất có quyền thừa kế các pharaon, trong khi Eje vốn chỉ là một giáo sĩ mặt trời vô danh, còn cha mẹ của Horemheb có mùi của gia súc và pho mát. Tôi giơ tay che miệng, cười khúc khích như một mụ già và tự cười mình khi nghĩ rằng nếu trong tôi có đủ sự cứng rắn và hà khắc như trong Horemheb, hoặc sự lạnh lùng, xảo quyệt như trong Eje, có lẽ tôi đã có thể làm chủ cuộc đời mình, vừa chứng minh nguồn gốc vừa đòi quyền thừa kế ngai vàng của các pharaon. Trong thời kỳ đầy biến động như thế này, điều gì cũng có thể xảy ra, nhưng quyền uy làm tôi sợ hãi, vương miện đẫm máu của các pharaon khiến tôi kinh hoảng và chảy trong huyết quản của tôi là dòng máu mặt trời hòa quyện với dòng máu hoàng hôn, yếu ớt của Mitanni. Vì thế tôi chỉ cười vào lòng bàn tay mình và không thể kìm được, vì khi bị tổn thương hay xúc phạm, tôi bắt đầu cười và khi sợ hãi, tôi đi ngủ. Ở điểm này, tôi nghĩ mình khác với nhiều người khác.

Tiếng cười của tôi làm Horemheb khó chịu, đến nỗi anh ta bắt đầu cau mày và quất roi vàng vào chân mình, nhưng Eje vẫn bình thản vì ông ta đã già và mệt mỏi, không quan tâm đến việc người khác cười hay khóc mà chỉ quan tâm đến chính mình. Vào lúc này, tôi thấy cả hai không còn khoác bộ lông sặc sỡ của những ảo tưởng trên người và thấy họ như những tên cướp đang tước đoạt thân thể của một người Ai Cập đang hấp hối, tôi thấy họ như những đứa trẻ thích chơi đùa với vương miện và những biểu tượng quyền uy, ham muốn và tham vọng xiềng xích họ nên họ không bao giờ có thể hạnh phúc. Vì vậy, tôi đột nhiên nín lặng, nhìn về tương lai và nói với Horemheb:

- Horemheb, bạn của tôi, chiếc vương miện nặng lắm. Anh sẽ cảm nhận được điều đó vào buổi tối một ngày nắng nóng, khi đàn gia súc được lùa đến bờ sông uống nước và mọi tiếng ồn lặng tắt xung quanh anh.

Nhưng Horemheb nói:

- Anh hãy nhanh lên vì thuyền đang đợi và anh phải gặp Shubattu trong sa mạc Sinai trước khi anh ta cùng đoàn hộ tống kịp đến Tanis.

Thế là một lần nữa tôi buộc phải rời Thebes ngay lập tức vào lúc nửa đêm. Horemheb cấp cho tôi chiếc thuyền nhanh nhất của anh ta và tôi cho đưa tráp đồ dùng nghề y của mình lên thuyền cùng với phần ngỗng nướng kiểu Thebes còn lại mà Muti nấu cho tôi vào bữa tối. Tôi cũng cho mang rượu lên thuyền làm bạn đồng hành vì tôi không còn thật sự quan tâm đến những gì đã xảy ra với mình nữa.

2

Trên thuyền, tôi có thời gian suy nghĩ và khi đã nghĩ quá đủ, tôi tìm mọi cách cho thuyền đi nhanh hơn, như lấy gậy làm nhịp giục đội chèo thuyền và hứa cho họ thật nhiều quà. Vì càng nghĩ về công việc, tôi càng hiểu rõ hơn mối hiểm nguy lớn như đám mây cát đen ngòm bốc lên từ sa mạc đang đe dọa Ai Cập. Tôi có thể dễ dàng biện hộ cho mình rằng tất cả những gì tôi làm là vì Ai Cập, nhưng con người ta không dễ dàng biện minh cho việc làm của mình như vậy và rượu của hành động không bao giờ là rượu nguyên chất mà đã được pha. Tôi viết điều này cho chính mình, vì thế tôi thừa nhận rằng có lẽ tôi đã không làm việc này nếu đêm đó tôi không sợ khi cái chết đến nhà mình bất ngờ đến thế. Nhưng khi nhận làm việc này, tôi đã tô điểm cho nó bằng mọi cách và khoác cho nó chiếc áo lông sáng màu của ảo tưởng cho đến khi chính tôi cũng tin rằng tôi đã cứu được Ai Cập bằng hành động của mình. Tuy nhiên khi về già, tôi không còn tin vào điều đó nữa, còn khi ngồi trên chiếc thuyền xuôi nhanh trên dòng sông, tôi rất vội và cơn sốt hành động hừng hực trong tôi, mí mắt tôi sưng mọng và tôi không thể ngủ được.

Tôi lại chỉ còn một mình và cô đơn hơn ai hết, vì tôi không thể để lộ mình thêm với bất kỳ ai và cũng không thể xin bất kỳ ai giúp mình trong việc phải làm này. Bởi bí mật của tôi là bí mật của các pharaon và nếu bị bại lộ sẽ có hàng ngàn, hàng vạn người phải chết. Vì vậy tôi phải tinh ranh hơn rắn và khi ý thức được rằng nếu bị lộ thì sẽ chết rất đau đớn trong tay quân Hittite, tôi buộc mình phải dùng thủ đoạn và mưu mẹo.

Vì thế, như có tiếng nói giục giã trong tâm, xui tôi hãy vứt bỏ tất cả và trốn đi, ẩn náu ở một nơi nào đó thật xa như Sinuhe, người trùng tên với tôi trong câu chuyện cổ, đã làm khi tình cờ biết được bí mật của pharaon, tôi chỉ muốn chạy trốn, để mặc cho định

mệnh dâng cao nhấn chìm Ai Cập và nếu tôi chạy trốn, có lẽ mọi việc đã khác và có lẽ thế giới ngày nay sẽ khác, nhưng thế giới sẽ tốt hơn hay xấu đi, tôi không thể nói. Nhưng khi tuổi tác nhiều hơn, tôi nhận ra rằng tất cả vua chúa cuối cùng đều giống nhau, tất cả các dân tộc cuối cùng đều giống nhau, không có sự khác biệt lớn ai là vua chúa và dân tộc này áp bức dân tộc kia, vì dân nghèo, nói cho cùng luôn phải chịu cực khổ. Vì thế, có lẽ cũng vậy thôi cho dù tôi để mọi việc cho gió cuốn đi và mình bỏ trốn. Nhưng nếu chạy trốn, chắc chắn tôi cũng sẽ không bao giờ hạnh phúc nữa. Tuy nhiên, cũng không có nghĩa là bây giờ tôi hạnh phúc hơn, bởi những tháng ngày hạnh phúc của tôi đã trôi qua cùng với tháng năm tuổi trẻ của mình.

Tôi đã không chạy trốn vì tôi yếu đuối, mà khi con người ta quá yếu mềm, họ thà để mặc cho ý chí của người khác dẫn dắt mình thậm chí vào những việc làm đáng sợ, hơn là tự lựa chọn con đường riêng của mình. Thật vậy, nếu con người ta quá yếu đuối, anh ta thà để mặc người khác dắt mình vào cõi chết hơn là cố gắng cắt bỏ sợi dây đang kéo mình, và tôi nghĩ có nhiều người yếu đuối và tôi không phải là người duy nhất.

Vậy nên Hoàng tử Shubattu phải chết và bên hũ rượu dưới cái lọng vàng trên thuyền, tôi ngồi moi hết kiến thức và tài năng để nghĩ cách giết anh ta sao cho việc làm của mình không bị bại lộ và Ai Cập không phải chịu trách nhiệm cho việc ấy. Đây là một việc khó khăn vì Hoàng tử Shubattu đi cùng đoàn hộ tống tương xứng với tước vị của anh ta và người Hittite vốn đa nghi nên chắc chắn sẽ canh phòng nghiêm ngặt để giữ an toàn cho Hoàng tử. Và cho dù nếu chúng tôi có đối đầu tay đôi ở sa mạc, tôi không thể giết anh ta bằng tên hay giáo nếu đủ sức làm vậy, vì tên và giáo sẽ để lại dấu vết và tội ác sẽ bị bại lộ. Tôi lại nghĩ liệu mình có thể rủ anh ta cùng đi tìm thằn lằn chúa có mắt đá xanh lục rồi xô anh ta xuống hẻm núi, để rồi có thể kể là anh ta vấp chân và bị ngã gãy cổ. Nhưng mẹo này thật trẻ con và tôi biết đoàn tùy tùng sẽ không để anh ta vượt khỏi tầm mắt và vào sa mạc vì họ phải chịu trách nhiệm về tính mạng của anh ta trước vua cha là Shubbiluliuma Đại đế. Tôi gần như chắc chắn rằng mình sẽ không có cơ hội gặp riêng anh ta, và các đại thần Hittite luôn có gia nhân chuyên nếm trước thức ăn và đồ uống đề phòng độc tố nên tôi không thể đầu độc anh ta theo cách thông thường.

Vậy nên tôi nhớ lại trong đầu tất cả những chuyện kể về những độc dược bí mật của các giáo sĩ và trong hoàng cung. Tôi biết có những cách như cho độc tố vào trái cây từ lúc nó còn xanh trên cây và khi quả chín, người nào ăn nó sẽ chết. Tôi cũng biết có

những cuộn giấy mà người mở ra sẽ chết từ từ, và hương thơm của một số loại hoa sau khi qua tay các giáo sĩ sẽ gây chết người. Nhưng tất cả đều là bí mật của các giáo sĩ mà tôi không thể biết và tôi nghĩ nhiều câu chuyện trong số này chỉ là giai thoại. Và cho dù chúng có thật đi nữa và chính tôi cũng biết cách, tôi không thể bắt đầu trồng cây ăn quả trong sa mạc; tôi biết Hoàng tử Hittite sẽ không tự mình giở cuộn giấy mà để việc đó cho thư lại và người Hittite cũng không có thói quen ngửi hoa mà chỉ lấy roi quật đứt nhành hoa và lấy chân giẫm lên nó.

Càng nghĩ về tất cả những việc này, tôi càng thấy nhiệm vụ của mình quá khó khăn và ước ao giá mà tôi được những mưu mẹo của Kaptah trợ giúp, nhưng tôi không thể kéo Kaptah vào việc này, vả lại Kaptah còn ở lại Syria để đòi nợ chứ chưa vội trở về Ai Cập và ông ta cho rằng thời tiết Syria tốt cho ông ta hơn thời tiết Ai Cập. Vì vậy, tôi cố vận dụng tất cả óc sáng tạo và chắt lọc hết kiến thức nghề y của mình, vì tử thần là người quen của thầy thuốc và thầy thuốc có thể mời cái chết hay sự sống đến với bệnh nhân của họ bằng thuốc của mình. Nếu Hoàng tử Shubattu bị ốm và tôi được phép chữa trị cho ngài ta, tôi có thể an tâm điều trị cho ngài ta đến chết bằng các thao tác của nghề y mà không thầy thuốc thạo nghề nào có thể chê trách được điều gì về cách điều trị của tôi, vì từ xưa đến nay các danh y luôn hỗ trợ nhau chôn cất người chết. Nhưng Shubattu không bị bệnh và nếu có, anh ta sẽ để các thái y Hittite chữa trị chứ không gọi một danh y Ai Cập.

Tôi đã kể nhiều như vậy về những cân nhắc, tính toán của mình để cho thấy việc mà Horemheb giao cho tôi khó khăn đến mức nào, nhưng tôi không muốn nấn ná lâu hơn với những gì mình nghĩ, mà sẽ chỉ kể những gì tôi đã làm. Trong Nhà Sống tại Memphis, tôi lấy thêm dược liệu vào tráp thuốc và không ai ngạc nhiên với những loại thuốc tôi kê đơn, vì một loại độc dược gây chết người đối với một người bình thường qua tay một danh y lại có thể là thuốc chữa bệnh.

Sau đó tôi liền đi ngay đến Tanis rồi lên kiệu ở đó và quân đồn trú cử một vài chiến xa hộ tống tôi đi theo đường chiến sự lớn xuyên qua Syria vào sâu trong sa mạc. Tôi muốn ngồi kiệu trong dáng vẻ một thầy thuốc và một người đã quá quen với tiện nghi nhàn nhã, để sự vội vàng quá mức của mình không làm đội hộ tống tôi và quân Hittite nghi ngờ.

Horemheb đã có những nguồn tin rất đúng về hành trình của Shubattu, vì tôi gặp anh ta và đoàn tùy tùng tại một nguồn nước có tường cao bao quanh cách Tanis ba ngày đường. Shubattu cũng

ngồi kiệu để giữ sức và có rất nhiều lừa đi cùng, trên lưng chúng thồ những bao, gói nặng và nhiều món quà quý cho Công chúa Baketamon. Các chiến xa hạng nặng bảo vệ chuyến đi của anh ta và những chiến xa hạng nhẹ do thám, dò đường phía trước, vì vua Shubbiluliuma đã lệnh cho Hoàng tử đề phòng mọi điều bất ngờ do biết quá rõ rằng chuyến đi này sẽ khiến Horemheb tức tối. Nếu Horemheb định sai quân ô hợp đến ám sát Hoàng tử trong sa mạc, anh ta cũng không thể làm được, vì để đánh bại đoàn hộ tống Hoàng tử, phải cần đến một đội quân chính quy được trang bị chiến xa và điều đó có nghĩa là chiến tranh bùng nổ.

Nhưng quân Hittite tỏ ra rất lịch sự và đáng mến với tôi và các cai đội trong đoàn tùy tùng khiêm tốn của mình, theo cách mà họ lịch sự và đáng mến khi nghĩ mình được cho không thứ mà dùng vũ khí cũng không thể chinh phục được. Họ đón chúng tôi vào trại mà họ dựng để qua đêm, giúp những người lính Ai Cập dựng lều cho chúng tôi và cho rất nhiều lính canh đứng quanh các lều với lý do bảo vệ chúng tôi khỏi bọn cướp và sư tử sa mạc để đêm chúng tôi có thể ngủ yên. Nhưng khi biết tôi được Công chúa Baketamon cử đến, Hoàng tử Shubattu tò mò cho gọi tôi đến lều mình để nói chuyện với tôi.

Thế là tôi diện kiến Shubattu trong lều của ngài; Hoàng tử là một người trẻ trung, cương nghị, đôi mắt to và trong vắt khi không say, như lần đầu tiên tôi nhìn thấy ngài trước lều của Horemheb ở Megiddo vào buổi sáng Aziru bị giết. Niềm vui và nỗi tò mò làm khuôn mặt đen sạm của Hoàng tử hơi ửng hồng, mũi ngài là mũi chim săn mồi, to và kiêu hãnh, hàm răng lóe lên trắng nhởn như răng thú ăn thịt khi ngài cười thật vui lúc thấy tôi. Tôi trao cho ngài thư của Công chúa Baketamon, bảng đất sét mà Eje đã giả mạo, hai tay để thẳng xuống đầu gối trước mặt ngài với tất cả sự tôn kính, như thể ngài đã là quốc vương của mình. Tôi thấy rất buồn cười khi ngài ăn vận theo kiểu Ai Cập để tiếp tôi và thấy ngượng ngập trong bộ quần áo vì không quen. Ngài ta nói với tôi:

- Vì hoàng phi tương lai của ta đã tin tưởng ngươi và ngươi là danh y hoàng gia, ta sẽ không giấu ngươi bất cứ điều gì. Vậy nên ta nói rằng một hoàng tử khi kết hôn là đã trói buộc với vương phi của mình, vương quốc của ái phi ta sẽ là vương quốc của ta, phong tục của Ai Cập là phong tục của ta và ta đã cố gắng hết sức để làm quen và hiểu các tập quán đó nên ta không còn là người lạ khi đến Thebes. Ta cũng đang nóng lòng chờ đợi để được nhìn thấy tất cả các kỳ quan của Ai Cập mà ta đã nhiều lần nghe kể và được làm quen với các vị thần vĩ đại của Ai Cập mà từ nay cũng là thần của ta. Nhưng điều khiến ta nóng lòng nhất là được gặp

hoàng phi vĩ đại của ta, vì ta phải lập ra một triều đại mới ở Ai Cập và cùng nàng sinh những đứa con. Vậy nên hãy kể cho ta tất cả về nàng, cho ta biết về kích cỡ, hình dáng cũng như vòng hông của nàng, như thể ta đã là người Ai Cập. Ngươi không được giấu ta bất cứ điều gì về nàng, mà ngươi có thể tin tưởng ta cũng như ta tin ngươi như anh trai mình.

Hoàng tử bày tỏ lòng tin của mình như thế trong khi viên lãnh binh vũ khí tuốt trần đứng sau ngài và toán lính Hittite gác ở cửa lều chĩa mũi giáo vào lưng tôi. Nhưng tôi cứ làm như không biết mà cúi rạp đầu sát đất trước mặt ngài ta và nói:

- Công chúa Baketamon quyền quý của tôi là một trong những phụ nữ xinh đẹp nhất Ai Cập. Vì dòng máu linh thiêng, Công chúa giữ gìn trinh tiết; tuy nhiều tuổi hơn ngài nhưng người có vẻ đẹp trường tồn với khuôn mặt như trăng rằm và đôi mắt hình trái xoan như hoa sen. Là một danh y, tôi có thể bảo đảm với ngài rằng hông của Công chúa vẫn sinh được con dù hẹp như hông của tất cả phụ nữ Ai Cập. Vì tất cả những việc này, Công chúa đã phái tôi đi đón ngài để người được thuyết phục rằng dòng máu hoàng tộc của ngài xứng với dòng máu thánh thiêng liêng của Công chúa và cơ thể ngài đáp ứng tất cả các yêu cầu một người chồng cần có để ngài không làm người thất vọng và Công chúa đang nóng lòng đón chờ ngài bởi trong đời mình, Công chúa chưa bao giờ biết mùi đàn ông.

Hoàng tử Shubattu ưỡn ngực, giơ cùi chỏ lên ngang vai để phô bày bắp tay và nói với tôi:

- Cánh tay ta căng được cả những cây cung cứng nhất và hai bắp đùi ta có thể siết một con lừa tắt thở. Khuôn mặt ta cũng không có khiếm khuyết gì, như ngươi thấy, thậm chí ta không nhớ nổi lần mình bị ốm lần gần đây nhất là khi nào.

Tôi nói với ngài ta:

- Ngài rõ là một chàng trai thiếu kinh nghiệm, không am tường phong tục Ai Cập, vì ngài tưởng công chúa Ai Cập là một cây cung để căng và một con lừa để kẹp giữa hai bắp đùi. Hoàn toàn không phải vậy, mà đúng là tôi phải giảng cho ngài một vài bài về nghệ thuật phòng the của người Ai Cập để ngài khỏi thấy thẹn thùng trước mặt Công chúa. Bà chủ của tôi, Công chúa quyền quý, đã sáng suốt khi sai tôi, một lương y, đi đón ngài để giới thiệu cho ngài những phong tục của người Ai Cập.

Lời nói của tôi đã thật sự xúc phạm Hoàng tử Shubattu, vì ngài là một chàng trai kiêu ngạo và luôn khoe khoang sức vóc đàn ông của mình như thói quen của người Hittite. Các lãnh binh của ngài ta phá lên cười và điều này càng xúc phạm ngài hơn, khiến mặt ngài tái nhợt vì tức giận và hai hàm răng nghiến ken két. Nhưng ngài muốn tỏ vẻ khoan dung theo cách Ai Cập nên nói vẻ rất bình thản:

- Ta không phải là một chàng trai thiếu kinh nghiệm như ngươi nghĩ mà ngọn giáo của ta đã đâm thủng nhiều bịch da và ta không nghĩ công chúa của ngươi phải thất vọng khi ta dạy cho nàng nghệ thuật của người xứ Hatti.

- Thưa Hoàng tử, - tôi nói, - tôi tin vào sức mạnh của ngài, nhưng ngài hẳn đã nhầm khi nói ngài thậm chí không nhớ nổi lần cuối cùng mình bị bệnh là khi nào, vì là một thầy thuốc, tôi thấy từ mắt và má ngài rằng ngài đang bị bệnh và là một thầy thuốc, tôi biết bụng ngài lục bục làm ngài khó ở.

Nói cho cùng thì có lẽ ai cũng tin là mình có bệnh nếu bị buộc nghe đủ lâu về nó và bắt đầu nghe ngóng bệnh trạng của chính mình. Trong thâm tâm mỗi người, ai cũng mong được nuông chiều, được chữa trị, chăm sóc và các lương y từ cổ chí kim ai cũng biết điều này, nhờ vậy họ làm giàu rất nhanh. Nhưng trong việc này, tôi còn có thêm một lợi thế là tôi biết các nguồn nước ở sa mạc chứa dung dịch kiềm nên những ai không quen sẽ dễ bị tiêu chảy. Vậy nên Hoàng tử Shubattu rất kinh ngạc khi nghe tôi nói thế và hét lên:

- Chắc ngươi nhầm rồi, Sinuhe, Người Ai Cập ạ, bởi ta hoàn toàn không thấy mình bị ốm, dù phải thừa nhận rằng bụng ta luôn lục bục và ta đã buộc phải ngồi lom khom bên vệ đường suốt cả ngày. Mà thật không hiểu làm sao ngươi biết được, là danh y chắc chắn ngươi giỏi hơn thái y của ta, kẻ đã không lưu ý đến sự khó chịu của ta.

Ngài vừa tự nghe ngóng vừa thử đưa tay lên sờ mắt và trán rồi nói:

- Đúng là ta thấy mắt mình cay xè vì cả ngày chỉ nhìn chằm chằm vào cát đỏ sa mạc và trán ta nóng ran, tâm trạng không tốt như ta muốn.

Tôi nói với Hoàng tử:

- Tốt nhất là thái y của ngài kê cho ngài một toa thuốc giúp yên

bụng và ngủ ngon. Vì chứng đau bụng ở sa mạc rất khó chịu và gây bất tiện. Bản thân tôi biết cả một đội lính Ai Cập đã chết trong sa mạc vì đau bụng khi hành quân đến Syria. Không ai biết chứng bệnh này do đâu, một vài người nói đó là do gió độc sa mạc, những người khác lại bảo do nguồn nước và một số ít đổ lỗi cho các đàn châu chấu. Nhưng tôi tin sáng mai ngài sẽ lại khỏe mạnh và có thể tiếp tục cuộc hành trình nếu tối nay thái y của ngài pha cho ngài toa thuốc thích hợp.

Nghe đến đây, Hoàng tử bắt đầu trầm ngâm, hai mắt nheo nheo rồi ngài liếc nhìn các lãnh binh của mình và ranh mãnh nói với tôi như một cậu bé:

- Sinuhe, hãy pha cho ta một toa thuốc thích hợp vì chắc ngươi biết chứng bệnh đau bụng kỳ lạ của sa mạc này tốt hơn thái y của ta.

Nhưng tôi không ngu ngốc như ngài ta nghĩ mà giơ tay lên, lòng bàn tay hướng ra từ chối và nói:

- Ồ không. Tôi không dám pha thuốc cho ngài, vì nếu thể trạng của ngài xấu đi, ngài sẽ buộc tội tôi và nói tôi là người Ai Cập muốn điều ác cho ngài. Nhưng thái y của ngài cũng làm được điều đó như tôi và tốt hơn tôi vì ông ta biết thể trạng và các bệnh trước đây của ngài, ông ta không cần phải làm gì khác hơn là kê cho ngài một toa thuốc đơn giản để làm bụng ngài chắc lại.

Hoàng tử mỉm cười với tôi và nói:

- Có lẽ lời khuyên của ngươi có lý, vì ta muốn ăn và uống cùng ngươi để ngươi kể ta nghe về hoàng phi của ta và phong tục Ai Cập, chứ ta không muốn phải liên tục chạy ra sau lều lom khom giữa chừng câu chuyện của ngươi.

Rồi ngài cho gọi thái y của mình, một người Hittite rầu rĩ, đa nghi, và chúng tôi, hai danh y, nói chuyện với nhau. Nhận thấy tôi không muốn ganh đua với mình, ông ta bắt đầu mến tôi và làm theo lời khuyên của tôi, pha thuốc làm chắc bụng cho Hoàng tử. Theo lời khuyên của tôi, ông ta pha liều thuốc này khá mạnh, vì tôi có mục đích của mình khi đưa ra lời khuyên này. Nhưng sau khi pha xong, ông ta uống trước từ trong cốc, sau đó mới đưa cho Hoàng tử để đảm bảo rằng thuốc không độc. Từ cách pha chế và hòa các thuốc với nhau, tôi thấy ông ta là một thầy thuốc giỏi chuyên môn, nhưng lời tôi nói đã làm ông ta bối rối và tôi nghĩ ông ta tin tôi có tay nghề cao hơn nên đã nghe theo lời khuyên của

tôi khi chữa cho bệnh nhân của mình.

Tôi biết Hoàng tử không bị ốm và không cần thuốc cũng khỏi, nhưng tôi muốn đoàn tùy tùng tin rằng ngài bị bệnh và muốn bụng ngài yên để thuốc mà tôi cho ngài uống sẽ ở yên trong bụng ngài, không bị thải ra trước thời gian tôi muốn. Trước bữa ăn mà Hoàng tử đã sai nấu để đãi tôi, tôi vào lều mình uống dầu ăn; bất chấp cơn buồn nôn và dù hết sức khó chịu, tôi uống đầy một bụng dầu để cứu mạng mình. Sau đó, tôi mang theo một cút rượu nhỏ chỉ vừa đủ cho hai cốc mà tôi đã pha thuốc độc và gắn xi lại từ trước. Rồi tôi quay trở lại lều của Hoàng tử và ngồi xuống tấm thảm của ngài, ăn thức ăn được đầy tớ phục vụ, uống rượu được những người tiếp rượu rót vào cốc và kể nhiều chuyện hài hước về phong tục Ai Cập làm cho Hoàng tử cùng các lãnh binh của ngài cười, dù suốt cả buổi tôi chỉ muốn nôn. Hoàng tử Shubattu thậm chí còn cười phô hàm răng sáng loáng và vỗ tay vào lưng tôi, nói:

- Sinuhe, ngươi là một người vui tính, dù là người Ai Cập. Thông hiểu Ai Cập rồi, ta sẽ cho ngươi làm thái y riêng của ta và phong ngươi là danh y hoàng gia. Đúng là ta đến nghẹt thở vì cười và quên cả chứng đau bụng khi ngươi kể cho ta nghe về tục kết hôn của người Ai Cập, nhưng những phong tục này đều rất nhàm chán dù có đôi việc trong số đó khá hay đấy và ta nghĩ người Ai Cập tìm ra những cách này để tránh có con. Vì thế, ta muốn dạy cho người Ai Cập nhiều tập quán của người Hittite và cho các quan lại của ta làm người đứng đầu các địa phương Ai Cập; ta nghĩ điều này sẽ tốt cho Ai Cập, nhưng trước tiên ta phải trao cho Công chúa những gì thuộc về nàng.

Hoàng tử đã ngà ngà vì rượu, đập tay lên đầu gối và cười, nói:

- Nói thật, ta chỉ ước Công chúa đang nằm ngay đây trên thảm của ta vì những câu chuyện của ngươi kích động ta ghê gớm, Sinuhe ạ, và ta muốn làm nàng rên lên vì sung sướng. Thề với trời cao thiêng liêng và mẹ đất vĩ đại, ta muốn cả Ai Cập reo lên vì vui sướng, bởi khi đất Hatti và Ai Cập hợp nhất thì không vương quốc nào trên thế giới có thể địch nổi uy quyền của chúng ta và chúng ta sẽ bắt cả bốn phương thế giới quy phục dưới trướng mình và quyền lực của chúng ta sẽ lan rộng từ đất này sang đất khác, từ biển này đến biển kia. Nhưng trước hết, Ai Cập phải lấy sắt kìm cặp thân thể mình, để lửa nung đốt trái tim mình, để tất cả người Ai Cập đều tin rằng cái chết tốt hơn sự sống. Hãy để tất cả những điều này xảy ra và xảy ra thật nhanh.

Hoàng tử nâng cốc lên và uống, rồi lại rót một ít rượu xuống mẹ

đất và hất chỗ rượu còn lại trong cốc lên không trung để dâng cúng trời cao. Tất cả những người Hittite đều đã ngà ngà say và những câu chuyện vui tôi kể đã xua tan sự đa nghi trong họ. Thừa lúc ấy, tôi nói:

- Thưa Hoàng tử Shubattu, tôi không muốn xúc phạm ngài và rượu của ngài, nhưng chắc là ngài chưa từng thưởng thức rượu Ai Cập, vì nếu ngài đã một lần nếm rượu Ai Cập, tất cả các loại rượu khác sẽ nhạt như nước trong miệng ngài và ngài sẽ không còn thấy thích bất kỳ loại rượu nào khác. Vì vậy, xin Hoàng tử tha thứ cho tôi nếu tôi uống rượu của mình, vì tôi chỉ say được bằng rượu của chính mình. Bởi vậy tôi luôn mang theo rượu của mình trong các bữa tiệc.

Tôi lắc lắc cút rượu của mình rồi rề rà mở xi gắn miệng cút cốt để cho Hoàng tử thấy và vừa giả đò ngà ngà say, vừa rót rượu vào cốc mình rồi uống và nói:

- À, đây là rượu của Memphis, rượu của các kim tự tháp, cân đo bằng vàng, một loại rượu mạnh, ngọt và dễ say của Ai Cập mà không loại rượu nào trên thế gian này sánh nổi.

Rượu này quả là rất mạnh và ngon, và tôi đã hòa nó với mộc dược khiến mùi thơm lan khắp căn lều khi tôi mở nắp cút, nhưng qua mùi rượu và mộc dược, tôi cảm nhận được vị tử thần trong lưỡi mình. Vì thế, rượu trào xuống cằm khi tôi uống, còn người Hittite lại nghĩ rằng tôi đã say. Hoàng tử Shubattu trở nên tò mò và chìa cốc của mình cho tôi, nói:

- Này, ta không còn là người lạ với ngươi nữa, mà ngày mai ta là chủ ngươi và pharaon của ngươi. Vì vậy, hãy để ta nếm thử rượu này, vì nếu ngươi không cho ta nếm, ta không tin nó đặc biệt như ngươi nói.

Nhưng tôi áp chặt cút rượu vào ngực mình, cương quyết từ chối và nói:

- Chỗ rượu này không đủ cho hai người và tôi không còn loại rượu ngon này để mang theo mình nữa, mà tối nay tôi muốn uống say vì đây là ngày vui với tất cả mọi người Ai Cập và là ngày hợp nhất vĩnh cửu Ai Cập và vương quốc Hatti.

- Hi ha ha, - tôi vừa hít hà như một con lừa vừa ôm chặt cút rượu vào lòng và nói. - Người yêu của ta, hôn thê của ta, tình yêu bé bỏng của ta, cổ họng ta là nhà của nàng, dạ dày ta là tổ ấm của nàng và ta sẽ không để người lạ nào chạm vào nàng.

Đám tùy tùng Hittite gập lưng cười ngặt nghẽo, tay đập vào đầu gối, còn Shubattu, vốn luôn có được mọi thứ mình muốn, giơ cốc về phía tôi và nằn nì tôi cho ngài được nếm rượu của tôi. Cuối cùng, tôi vừa khóc vừa rót hết rượu từ trong cút ra đầy cốc của ngài. Thật dễ để khóc vào giây phút ấy vì tôi vô cùng sợ hãi.

Nhưng khi đã có rượu rồi, Shubattu nhìn xung quanh như thể bản năng vừa cảnh báo và theo cách của người Hittite, ngài đưa cốc cho tôi và nói:

- Hãy uống trước nào, vì ngươi là bạn của ta và ta muốn tỏ rõ sự ưu ái với ngươi.

Hoàng tử nói vậy vì cũng thấy ngượng nếu để lộ sự đa nghi của mình và bắt người nếm rượu của mình uống trước. Tôi uống một ngụm dài từ cốc của ngài và sau khi tôi uống, Hoàng tử dốc cạn cốc, nhấp nhấp miệng và nghiêng nghiêng đầu lắng nghe cơ thể mình rồi nói:

- Sinuhe, đúng là rượu của ngươi rất mạnh, bốc lên đầu như khói và cháy như lửa trong dạ dày ta, nhưng vị chát nằm lại nơi miệng ta và ta muốn súc cái vị này của Ai Cập ra khỏi miệng mình bằng rượu của miền núi cao.

Hoàng tử lại rót đầy cốc bằng rượu của mình rồi uống cạn và tôi biết độc dược sẽ chưa ngấm vào ngài ngay mà phải đến sáng, vì dạ dày của ngài chắc và ngài đã ăn rất nhiều.

Tôi uống nhiều rượu, hết tửu lượng của mình, và giả vờ say, rồi đợi khoảng nửa thời gian đồng hồ nước nữa trước khi cho dìu về lều của mình để tránh gây nghi ngờ cho người Hittite. Khi khoảng thời gian thích hợp trôi qua, tôi mới bảo họ đưa tôi về lều mình, tay ôm chặt cút rượu không vào ngực không rời, không bỏ quên lại để họ không thể kiểm tra. Nhưng ngay sau khi lính Hittite đặt tôi xuống giường, nói vài lời chọc ngoáy, đùa cợt rồi bỏ tôi lại một mình, tôi vội vàng nhổm dậy, đút ngón tay vào cổ họng để nôn cho rỗng dạ dày, cho ra hết dầu ăn bảo vệ và chất độc khỏi dạ dày. Nhưng nỗi kinh hoàng của tôi quá lớn khiến mồ hôi túa ra đầm đìa khắp người và đầu gối tôi run rẩy, và có lẽ chất độc đã phần nào ngấm vào tôi. Vì vậy tôi súc dạ dày mình nhiều lần và uống thuốc xổ để nôn thốc nôn tháo hết lần này đến lần khác cho đến khi tôi nôn chỉ vì sợ chứ không phải do thuốc tẩy ruột.

Cho đến khi kiệt sức, mềm nhũn như một mớ giẻ ướt, tôi mới rửa sạch cút rượu rồi đập nó vỡ vụn và chôn các mảnh trong cát. Sau

đó, tôi nằm trên giường trằn trọc và run bần bật vì sợ hãi và vì độ mạnh của độc dược; từ trong bóng tối, khuôn mặt tươi cười và đôi mắt to trong suốt như nước của Shubattu nhìn tôi suốt đêm. Bởi ngài là một chàng trai khôi ngô, và tôi không thể quên được khuôn mặt ngài khi nằm trong bóng tối, tôi không thể quên được nụ cười kiêu hãnh và vô tư cũng như hàm răng trắng đều của ngài.

3

Tính kiêu ngạo của người Hittite đã giúp tôi, vì khi Shubattu thấy khó chịu vào sáng hôm sau, ngài không muốn thừa nhận mình bị ốm hay cho dừng cuộc hành trình để nghỉ ngơi vì chứng bệnh dạ dày, mà đã ngồi kiệu đi, dù phải cố sức lắm mới lên được kiệu. Vì thế chúng tôi tiếp tục cuộc hành trình cả ngày và khi tôi đi qua kiệu của Hoàng tử, ngài vẫy tay về phía tôi, hét gọi và gượng cười. Hôm đó, thái y riêng đã cho ngài thêm hai loại thuốc chống tiêu chảy và giảm đau, như thế chỉ làm bệnh ngài nặng thêm và làm độc dược ngấm vào dạ dày ngài hết mức, vì biết đâu chứng bệnh tiêu chảy nặng vào buổi sáng đã có thể cứu sống ngài.

Nhưng đến chiều, Hoàng tử nằm bất tỉnh trên kiệu, mắt trợn ngược, mặt hõm xuống và tái xanh khiến thái y của ngài vô cùng hoảng sợ và gọi tôi đến giúp. Cả tôi cũng hốt hoảng khi thấy thể trạng tiều tụy của ngài, mà tôi cũng không cần giả vờ kinh hoảng, vì nỗi sợ hãi đã khiến tôi lạnh cóng giữa ban ngày và vì độc dược nên tôi thấy người rất yếu. Nhưng tôi nói mình đã nhận biết các triệu chứng ấy và là của chứng bệnh dạ dày nơi sa mạc mà tôi đã cảnh báo Shubattu tối hôm trước qua vẻ mặt ngài, mặc dù ngài không tin tôi. Đoàn lữ hành dừng lại và chúng tôi chăm sóc Shubattu trên kiệu của ngài, cho ngài uống thuốc hồi sức, thuốc tẩy và chườm đá nóng lên bụng ngài; từ đầu đến cuối, tôi nhìn xem danh y Hittite trộn thuốc thế nào và cạy hai hàm răng nghiến chặt của ngài ra để đổ thuốc buộc ngài uống. Tôi biết ngài sắp chết và muốn dùng hết khả năng xoa dịu cơn đau cho ngài với những lời khuyên và để ngài chết dễ dàng vì tôi không thể làm gì hơn cho ngài.

Tối đến, chúng tôi khiêng Hoàng tử về lều của ngài, đoàn tùy tùng Hittite bắt đầu kêu van, than khóc xung quanh lều, xé quần áo, rắc cát lên tóc và dùng dao tự gây thương tích, vì họ sợ cho tính

mạng mình và biết rõ vua Shubbiluliuma sẽ không tha cho họ nếu Hoàng tử chết. Tôi túc trực bên cạnh giường Hoàng tử Shubattu cùng với danh y Hittite, khói từ những ngọn đuốc bay ra khiến mắt tôi cay xè, nước mũi chảy và tôi nhìn chàng trai trẻ đẹp này hôm qua còn mạnh mẽ, khỏe mạnh và hạnh phúc, hôm nay đã từ từ tàn lụi và trở nên xấu xí, xanh xao trong mắt tôi.

Tôi nhìn Hoàng tử đang chết, đôi mắt sáng như ngọc của ngài mờ dần và bắt đầu rỉ máu, hai con ngươi chỉ còn là hai đốm đen nhỏ bằng đầu kim. Nước giãi và chất nhầy làm cho răng ngài ố vàng, làn da mất đi sắc khỏe khoắn, dán chặt vào hõm má và ngài nắm chặt bàn tay thành nắm đấm, ấn móng tay vào lòng bàn tay trong cơn đau. Thái y Hittite liên tục khám, kiểm tra bệnh tình của ngài trong tuyệt vọng và đầy nghi ngờ, nhưng các triệu chứng của ngài không khác với các triệu chứng của bệnh dạ dày khi trở nặng và những gì mà căn bệnh dạ dày tai quái có thể gây ra đều xảy ra với ngài. Vì vậy không ai nghĩ đến độc dược, mà dù có nghĩ đến, họ cũng không thể buộc tội tôi, vì tôi đã cùng uống rượu đó và uống từ cốc của ngài nên họ không nghĩ ra bất cứ cách gì tôi có thể dùng để bí mật đầu độc Shubattu. Tôi đã tinh vi thực hiện nhiệm vụ của mình vì lợi ích to lớn của Ai Cập, nên lẽ ra tôi có thể tự hào về tài năng của mình, nhưng tôi hoàn toàn không hãnh diện về điều đó khi nhìn Hoàng tử Shubattu đang lịm dần.

Sáng hôm sau, khi cái chết cận kề, ngài tỉnh lại và như đứa trẻ bị ốm, khẽ gọi mẹ. Hoàng tử khẽ khàng rên rỉ và gọi: “Mẹ ơi! Mẹ ơi! Mẹ xinh đẹp của con ơi!”. Bàn tay ngài yếu ớt siết chặt ngón tay tôi và cái chết hiện ra trong mắt ngài. Nhưng khi cái chết đến gần hơn và những cơn đau dịu đi, Hoàng tử nở nụ cười trẻ thơ rạng rỡ và ngài nhớ ra rằng mình mang dòng máu hoàng gia. Vì thế, Hoàng tử gọi các lãnh binh dẫn đoàn tùy tùng lại gần và nói:

- Không được buộc tội bất kỳ ai về cái chết của ta vì tử thần, chứng bệnh dạ dày nơi sa mạc, đã đến bên ta và danh y giỏi nhất xứ Hatti cùng danh y Ai Cập tài năng nhất đã chữa trị cho ta. Nhưng tài năng của họ không thể giúp ta, vì ý định của trời cao và mẹ đất là ta phải chết; chắc chắn sa mạc không thuộc quyền năng của mẹ đất mà thuộc về thần linh Ai Cập và bảo vệ Ai Cập. Vì vậy, tất cả các ngươi phải biết rằng đã là người Hittite thì không vào sa mạc và cái chết của ta là bằng chứng về điều này. Sự thất bại của các cỗ chiến xa của chúng ta trong sa mạc cũng là bằng chứng về điều này cho dù chúng ta đã không tin. Vì vậy, hãy cho các danh y món quà xứng với tước hiệu của ta khi ta chết, và ngươi, Sinuhe, hãy chào Công chúa Baketamon giúp ta, hãy nói rằng ta giải thoát cho nàng khỏi lời hứa của mình và ta vô cùng tiếc nuối vì không thể

bế nàng lên giường cưới của mình để tận hưởng niềm khoái lạc của hai ta. Đúng thế, hãy chuyển lời chào này của ta đến nàng, vì khi ta đi vào cõi chết, nàng hiện lên lãng đãng trong các giấc mộng của ta như nàng công chúa trong những câu chuyện thần tiên và ta sẽ chết với vẻ đẹp trường tồn của nàng trong mắt mình, mặc dù ta chưa bao giờ được tận mắt thấy nàng.

Hoàng tử mỉm cười khi chết, như thể sau những cơn đau dữ dội, cái chết đến với ngài như hạnh phúc rạng ngời và đôi mắt mờ dần của ngài thấy những linh ảnh kỳ diệu trước khi khép hẳn lại. Tôi run lên khi nhìn ngài và lúc ấy, tôi thấy ngài chỉ là một con người giống như tôi và tôi cũng không còn nghĩ về sắc tộc, tiếng nói hay màu da của ngài, mà chỉ biết ngài đã chết qua tay tôi và vì sự độc ác của tôi, mặc dù là một con người, ngài là anh em của tôi. Trái tim đã chai cứng của tôi, vì tất cả những cái chết mà tôi phải chứng kiến trong suốt cuộc đời, nay lại run lên khi nhìn Hoàng tử Shubattu tắt thở. Vì vậy, nước mắt tôi trào ra chảy dài xuống má; tôi xé quần áo và gào lên: "Người ơi, người anh em của tôi ơi, đừng chết!".

Nhưng tôi không thể làm được gì nữa với cái chết của Hoàng tử, đoàn tùy tùng đã cho thi thể ngài ngập trong rượu mạnh và mật ong để có thể chuyển thi thể đến khu lăng mộ của hoàng gia Hittite ở vùng núi Khattushash, nơi chim ưng và chó sói canh giữ giấc ngủ vĩnh hằng của các vị vua. Họ vô cùng cảm động trước nỗi đau xót và những giọt nước mắt chân thành của tôi và thể theo yêu cầu của tôi, họ vui lòng viết lên đĩa đất sét những dòng chứng thực rằng tôi hoàn toàn không có lỗi gì trong cái chết của Hoàng tử Shubattu mà đã đem hết tài năng, kiến thức để cứu ngài khỏi cái chết do căn bệnh gây ra. Họ viết lời xác nhận này bằng chữ viết Hittite và ấn triện riêng của họ rồi đóng ấn triện của Hoàng tử Shubattu xuống phía dưới dòng chữ, để không tai họa nào giáng xuống đầu tôi ở Ai Cập vì cái chết của Hoàng tử. Họ nhìn nhận Ai Cập theo tập quán của mình và tin rằng Công chúa Baketamon sẽ cho giết tôi khi tôi trở về Ai Cập báo tin Hoàng tử Shubattu đã chết.

Thế là tôi đã cứu Ai Cập khỏi ách cai trị của Hittite bằng việc làm của mình và lẽ ra tôi phải hài lòng với điều ấy, nhưng tôi hoàn toàn không hài lòng, mà chỉ có cảm giác rằng cái chết luôn theo dấu chân tôi bất cứ nơi nào tôi đến. Tôi lớn lên thành thầy thuốc để chữa bệnh cho mọi người bằng kỹ năng của mình và gieo trồng sự sống thay vì cái chết, nhưng bố và mẹ tôi đã chết vì tội lỗi của tôi, Minea chết vì sự yếu đuối của tôi, Merit và bé Thoth chết vì sự mù quáng của tôi và Pharaon Ekhnaton chết vì sự căm giận của

tôi, vì tình bạn của tôi và vì Ai Cập. Tất cả những người tôi yêu quý đều chết đau đớn, tức tưởi vì tôi. Rồi cả Hoàng tử Shubattu cũng chết vì tôi, mặc dù tôi quý mến ngài khi ngài hấp hối và không còn muốn ngài chết nữa. Vì vậy, tôi bắt đầu sợ cả đôi mắt lẫn đôi tay mình khi tôi trở lại Tanis và tin rằng tai họa sẽ theo tôi tới bất cứ nơi nào tôi đến.

Tôi quay trở lại Tanis rồi từ đó dong buồm đến Memphis và từ Memphis, tôi trở lại Thebes. Ở Thebes, tôi cho thuyền cặp vào bến thuyền hoàng cung rồi đến trước Eje và Horemheb. Họ đón tôi và tôi nói với họ:

- Ý muốn của các ông đã thành hiện thực. Hoàng tử Shubattu đã chết trong sa mạc Sinai và bóng đen từ cái chết của anh ta sẽ không phủ xuống Ai Cập.

Họ vô cùng vui mừng trước lời tôi nói và Eje lấy sợi dây chuyền vàng của nhiếp chính đang treo trên cổ mình đeo vào cổ tôi, còn Horemheb nói:

- Hãy kể điều này với cả Công chúa Baketamon, vì nàng sẽ không tin nếu chúng tôi kể cho nàng mà cứ nghĩ tôi đã cho giết Hoàng tử Hittite vì ghen tuông.

Tôi đến gặp Công chúa Baketamon và nàng tiếp tôi. Nàng đã tô má và môi màu đỏ gạch, nhưng tử thần rình rập trong đôi mắt sẫm màu hình trái xoan của nàng. Tôi nói với Công chúa:

- Thưa Công chúa, người cầu hôn Công chúa, Hoàng tử Shubattu, đã giải thoát Công chúa khỏi lời hứa của mình trước khi chết, vì người đã chết trong sa mạc Sinai vì bệnh dạ dày, mà với tất cả tài năng của mình, tôi đã không cứu được người và cả danh y riêng của người cũng đành bó tay.

Công chúa tháo những chiếc vòng vàng ra khỏi cổ tay mình, xâu chúng vào cổ tay tôi và nói:

- Sinuhe, tin ngươi vừa báo là tốt đấy và ta cảm ơn ngươi đã báo, vì ta đã được thụ phong làm nữ tu Sekhmet và bộ xiêm áo màu đỏ của ta đã được dệt và thêu cho lễ mừng chiến thắng. Tuy nhiên, ta bắt đầu hiểu quá rõ về chứng bệnh dạ dày Ai Cập này và ta cũng biết cả em trai ta, Pharaon Ekhnaton, người ta yêu như người chị yêu em, đã chết vì cùng căn bệnh. Vì vậy, ngươi ngàn đời đáng bị nguyền rủa, Sinuhe ạ, mồ mả ngươi bị nguyền rủa, tên tuổi ngươi mãi mãi bị lãng quên, vì ngươi đã biến ngai vàng của các pharaon thành sân chơi của phường trộm cướp và ngươi làm ô nhục dòng

máu thánh của các pharaon trong ta.

Tôi cúi đầu thật thấp và đặt hai tay lên ngang đầu gối trước mặt Công chúa và nói:

- Hãy coi chuyện xảy ra như lời Công chúa nói.

Rồi tôi rời khỏi cung thất của Công chúa và nàng liền sai nô tỳ theo sau tôi quét sạch sàn cho đến bậc cửa của hoàng cung.

4

Trong thời gian này, thi thể của Pharaon Tutankhamon đã được tẩm ướp xong để trường tồn với cái chết, và Eje vội vàng sai các giáo sĩ chuyển ngài đến lăng mộ vĩnh cửu của ngài, được đào và xây bằng đá ở vùng núi phía tây trong thung lũng lăng mộ của các pharaon. Ngài nhận được rất nhiều quà nhưng kho báu của ngài rất khiêm tốn, vì Eje đã lấy trộm mất phần lớn; mộ của ngài thật nhỏ nhoi bên cạnh mộ của các pharaon vĩ đại và nghi thức an táng cũng đơn giản, vô vị như cuộc sống của ngài giữa các món đồ chơi của mình trong hoàng cung. Sau khi đóng niêm phong lên cửa mộ ngài xong, Eje tuyên bố mãn tang, sai kéo cờ hiệu vui lên các cột của Đại lộ Nhân Sư, còn Horemheb cho các chiến xa của mình đến chiếm giữ tất cả các quảng trường và các giao lộ của Thebes. Nhưng không ai nổi dậy phản đối Eje lên ngôi pharaon, vì dân chúng đã mệt mỏi và kiệt sức như con thú bị những mũi giáo đâm chọc, dồn đuổi dọc suốt con đường dài vô tận, cũng không ai hỏi ông ta có quyền gì với vương miện hay mong đợi điều gì tốt lành từ ông ta.

Thế là Eje trở thành pharaon và các giáo sĩ mà ông ta mua chuộc với vô số quà cáp đã xức dầu thánh cho ông ta trong đền cả, đội lên đầu ông ta vương miện màu đỏ và trắng, vương miện có hình giấy cói và hoa huệ, vương miện của vương quốc Hạ và vương quốc Thượng. Ông ta được rước ra trước dân chúng trên chiếc thuyền vàng của Amon, dân chúng hét lên ca ngợi ông ta vì ông ta đã sai phát cho họ bánh và bia là món quà quý hiếm với người dân Thebes, vì Ai Cập đã trở nên nghèo đến thế. Nhưng tôi biết và nhiều người khác cũng biết rằng quyền uy của ông ta chỉ là ảo mộng và từ nay Horemheb sẽ trở thành người cai trị thật sự của Ai Cập vì phía sau anh ta có cả rừng cung và giáo. Nhiều người thầm kinh ngạc tại sao Horemheb lại không nắm lấy quyền về tay mình

mà lại để Eje già nua và bị căm ghét thừa kế ngai vàng của các pharaon.

Nhưng Horemheb biết rõ những gì anh ta làm, vì cơn thịnh nộ của dân chúng vẫn chưa nguôi, đau khổ của Ai Cập vẫn chưa dứt, trong khi những nguồn tin khẩn cấp từ xứ Kush báo về đã kéo anh ta vào một cuộc chiến khác chống lại người da đen. Sau khi ổn định quyền lực của Ai Cập ở miền nam và cho chôn lại những cột đá mốc biên giới ở bên kia các dốc núi, anh ta biết mình phải đương đầu với một cuộc chiến khác với Hittite vì Syria. Vì vậy, anh ta muốn dân chúng kết tội Eje về tất cả những đau khổ, đói khát mà họ phải chịu và vào một lúc nào đó sau này sẽ ca ngợi anh ta, Horemheb, người chiến thắng, người đem lại hòa bình và là một quốc vương khả kính.

Eje không nghĩ như thế, mà quyền uy và sự lộng lẫy của những chiếc vương miện đã làm ông ta hoa mắt và ông ta hoan hỉ thực hiện bổn phận của mình trong giao kèo đã mặc cả với Horemheb vào ngày Pharaon Ekhnaton tạ thế. Vậy nên các giáo sĩ đã long trọng rước Công chúa Baketamon đến đền thờ Sekhmet, mặc cho nàng chiếc áo choàng đỏ của nữ thần, trang điểm cho nàng những đồ trang sức của nữ thần và nâng nàng lên bệ thờ Sekhmet. Horemheb cùng các đội quân của anh ta đến ngôi đền ăn mừng chiến thắng trong cuộc chiến chống Hittite và giải phóng Syria vừa qua. Cả Thebes reo mừng chiến công của anh ta và trước ngôi đền, anh ta phân phát vòng vàng và huy chương cho binh lính rồi cho họ đi vào thành phố. Sau đó, anh ta bước vào đền và các giáo sĩ đóng cánh cổng bằng đồng lại phía sau anh ta. Sekhmet xuất hiện trước mặt anh ta trong hình hài Công chúa Baketamon và anh ta đón nhận phần của mình, vì anh ta là một người lính và anh ta đã chờ đợi rất lâu.

Đêm đó, Thebes mừng lễ hội Sekhmet, ánh đuốc và đèn đỏ rực trên bầu trời Thebes; đoàn bọ bẩn thỉu của Horemheb uống cạn tất cả các quán rượu và quầy bia, phá cửa các nhà thổ và làm đám con gái khóc váng khắp các đường phố. Nhiều người bị thương vào đêm hôm đó và lính tráng đốt vài ngôi nhà trong lúc ăn mừng, nhưng không có thiệt hại lớn nào xảy ra và vào sáng sớm, binh lính lại kéo đến tập trung trước đền Sekhmet để được thấy Horemheb bước ra khỏi đền. Họ reo hò ầm ĩ, mắng mỏ và chửi rủa tục tĩu bằng nhiều thứ tiếng vì quá ngạc nhiên khi thấy cánh cổng đồng từ từ mở ra và Horemheb xuất hiện, mặt, tay, và vai đầy những vết xước tóe máu như thể bị một con sư tử cào cấu bằng móng vuốt của nó, vì quả thật Sekhmet đã rất trung thành với hình đầu sư tử cái của thần. Điều này khiến binh lính của anh ta

vô cùng phấn khích, vì thế họ càng yêu quý anh ta hơn. Nhưng các giáo sĩ đã đưa Công chúa Baketamon đến bờ sông trong một chiếc kiệu bịt kín và Công chúa trở lại hoàng cung mà không xuất hiện trước dân chúng.

Công chúa đi rồi, binh lính xông vào đền, gom nhặt những mảnh xiêm áo đỏ của Công chúa vương vãi trên nền, chia cho nhau để làm kỷ niệm và lấy những mảnh vải ấy làm bùa chú khi tán tỉnh những người đàn bà không thích họ. Đêm tân hôn của Horemheb bạn tôi diễn ra như vậy và anh ta vui sướng đến mức nào tôi không thể biết, vì ngay sau đó Horemheb đã tập hợp các đội quân của mình và kéo đến dốc núi đầu tiên ở phía nam để bắt đầu cuộc chiến mới trên đất Kush. Còn các giáo sĩ của Sekhmet không thiếu đồ hiến tế, trong lúc anh ta giao chiến mà họ béo ra và phồng, phù lên với quá nhiều thịt và rượu trong đền.

Giáo sĩ Eje vô cùng sung sướng, lóa mắt trước quyền uy của mình và nói với tôi:

- Không còn ai cao hơn ta ở miền đất Kemet này, và ta sống hay ta chết có gì khác đâu, vì pharaon không bao giờ chết mà sống mãi muôn đời và nếu ta có chết, ta sẽ lên thuyền vàng của Amon cha ta và dong buồm trên bầu trời đến thẳng miền tây. Điều này thật tuyệt vời vì ta không muốn Osiris cân đo trái tim ta trong chiếc cân của thần, và các bồi thẩm của thần, toàn khỉ đầu chó chính trực, có thể đưa ra những lời buộc tội tệ hại chống lại ta và ném cha ta vào họng Hà Bá. Vì ta đã già rồi và đêm đêm những việc ta đã làm nhìn ta từ trong bóng tối. Vì thế, ta rất hài lòng khi mình là pharaon và không còn phải sợ cái chết.

Ông ta đã nói với tôi như thế vì việc làm của tôi đã trói chặt tôi với ông ta, và tôi không thể nói xấu ông ta mà không nói xấu chính mình. Ông ta đã già và mệt mỏi, đầu gối run rẩy trong mỗi bước đi, khuôn mặt già nua nhăn nheo và mái tóc đen đã nhuốm bạc. Vì thế, ông ta cảm thấy cô đơn và tìm đến tôi vì những tội ác chung đã trói buộc chúng tôi với nhau và ông ta không giấu tôi điều gì. Nhưng tôi cười chua chát và chế nhạo ông ta:

- Ông là một lão già và tôi đã nghĩ ông khôn ngoan hơn đấy. Lẽ nào ông tin là thứ dầu hôi rình của các giáo sĩ đã thay đổi đời ông mãi mãi. Thật ra, dù đội vương miện trên đầu hay không, ông vẫn là ông già ấy và không lâu nữa, tử thần sẽ đến gặp ông và ông sẽ không còn trên đời này.

Khi ấy, miệng ông ta bắt đầu run lên, nỗi hoảng sợ hiện lên trong

mắt và ông ta lớn tiếng kêu than rồi nói:

- Lẽ nào ta đã hoài công làm tất cả những việc xấu xa? Lẽ nào ta đã hoài công gieo rắc cái chết quanh mình suốt cuộc đời? Không, chắc chắn ngươi sai rồi, Sinuhe ạ, các giáo sĩ sẽ cứu ta khỏi vực sâu địa ngục và giữ thân xác ta mãi mãi trường tồn. Thi thể ta linh thiêng, vì ta từng là pharaon và việc làm của ta cũng thiêng liêng, không ai có thể buộc tội ta về những việc ta làm, vì ta là pharaon.

Như thế, đầu óc ông ta bắt đầu mụ mị đi và ông ta không còn vui thú gì với quyền uy của mình nữa. Mà thật ra ông ta không còn ham thích bất cứ điều gì, vì quá sợ chết nên ông ta giữ gìn sức khỏe của mình, không dám uống rượu, chỉ ăn bánh khô và sữa đun sôi. Cơ thể ông ta đã quá tàn tạ, không thể ân ái với đàn bà được nữa vì trong những ngày còn sung sức, ông ta đã đầu độc mình bằng nhiều loại thuốc kích dục khác nhau và giành được sự sủng ái của Hoàng hậu Teje. Thời gian càng trôi đi, ông ta càng sợ bị ám sát và có nhiều ngày ông ta không dám đụng đến thức ăn, thậm chí không dám hái quả trong vườn thượng uyển, vì sợ quả trên cây bị đánh thuốc độc từ khi còn xanh. Thế là ông ta bị những việc làm của chính mình bủa vây trong những ngày về già và trong nỗi sợ hãi, ông ta càng đa nghi và độc ác, đến nỗi triều thần tránh xa ông ta, nô lệ lẩn trốn khi ông ta đến và hoàng cung trở nên hoang tàn khi ông ta còn là Pharaon trên ngai vàng.

Nhưng hạt đại mạch giống đã bắt đầu nảy mầm trong cơ thể Công chúa Baketamon, vì các giáo sĩ đã tính chính xác thời gian của nàng có lợi cho Horemheb, và trong cơn tức giận bất lực, Công chúa đã tự hủy hoại cơ thể và làm cho nhan sắc thật tàn tạ nhằm giết chết đứa con trong dạ, bất chấp tính mạng của mình. Tuy nhiên, sự sống trong cơ thể nàng mạnh hơn cái chết và khi thời gian đến, nàng đã đau đớn, khó khăn sinh hạ cho Horemheb một đứa con trai vì hông nàng hẹp và hài nhi quá lớn; các danh y cùng nô lệ phải giấu hài nhi đi, không cho Công chúa thấy để nàng không làm hại nó. Trong dân gian sau đó đã lưu truyền rất nhiều câu chuyện về đứa trẻ này và sự ra đời của nó, dân chúng kể rằng nó được sinh ra với đầu sư tử, một vài người nói nó được sinh ra với chiếc mũ trên đầu. Nhưng tôi có thể làm chứng rằng đứa bé không có gì khác thường, nó bụ bẫm, khỏe mạnh và từ xứ Kush, Horemheb đã nhắn tin về ra lệnh ghi vào sách vàng của hoàng cung tên Ramses cho thằng bé.

Horemheb vẫn tham chiến ở xứ Kush, các chiến xa của anh ta đã tràn qua các đồng cỏ từ đầu đến cuối xứ, gây thiệt hại lớn cho người da đen, vì người da đen không có kinh nghiệm chiến đấu

với các chiến xa. Anh ta cho đốt làng mạc, nhà tranh của họ, bắt vợ con họ về Ai Cập làm nô lệ, còn đàn ông trai tráng, anh ta bắt vào lính, huấn luyện thành chiến binh và họ trở thành những chiến binh tốt vì không còn nhà cửa, vợ con. Khi chinh chiến ở xứ Kush, Horemheb cũng dùng cách này xây dựng một quân đội mới chống lại người Hittite, vì lính da đen là những người có sức khỏe, không sợ chết một khi đã kích động mình đến cuồng nhiệt theo tiếng trống linh thiêng và nhảy theo hàng dài xung quanh trống.

Horemheb đã gửi về Ai Cập rất nhiều nô lệ để trồng trọt trên các cánh đồng và sai lùa những đàn gia súc lớn từ xứ Kush đến Ai Cập nên lương thực dần dà dồi dào hơn trên đất Kemet, trẻ em không còn thiếu sữa, các giáo sĩ không thiếu thịt thà và đồ cúng tế. Nhưng rất nhiều bộ tộc đã rời bỏ nơi sinh sống của họ ở xứ Kush, chạy dạt vào những khu rừng rậm nằm ngoài cột đá biên giới Ai Cập, nơi trú ngụ của voi và hươu cao cổ, làm đất đai xứ Kush hoang vắng trong nhiều năm. Nhưng điều này không gây thiệt hại nhiều cho Ai Cập, vì kể từ thời Ekhnaton, dân xứ Kush không còn nộp thuế cho Ai Cập, mặc dù dưới thời các pharaon vĩ đại đây là nguồn thu dồi dào nhất của Ai Cập, hơn cả Syria.

Sau hai năm chinh chiến ở xứ Kush, Horemheb trở về Thebes với rất nhiều chiến lợi phẩm, phân phát quà cho dân Thebes, ăn mừng chiến thắng trong mười ngày đêm khiến mọi công việc ở Thebes ngưng lại; những người lính say xỉn bò lổm ngổm dọc các đường phố kêu be be như lũ dê và đàn bà Thebes đã sinh những đứa trẻ có nước da nâu đen. Horemheb bế con trai trên tay, dạy con tập đi và kiêu hãnh nói:

- Nhìn này Sinuhe, từ trong lòng ta sinh ra một triều đại mới và dòng máu thánh chảy trong huyết quản con trai ta, mặc dù ta sinh ra với phân giữa các ngón chân.

Anh ta cũng đến gặp Eje, nhưng Eje đóng chặt cửa và sợ hãi dồn cả đống ghế lẫn giường đến chặn cửa, đồng thời hét toáng lên qua cánh cửa bằng giọng the thé già nua:

- Horemheb, cút khỏi đây ngay vì ta là pharaon và ta biết rất rõ ngươi đến đây giết ta để lấy vương miện đội lên đầu ngươi.

Nhưng Horemheb cười hồn hậu với ông ta, đá tung cánh cửa rồi ấn ông ta xuống giường, lắc lắc ông ta và nói:

- Ta sẽ không giết ông, con cáo già của ta, ta sẽ không giết ông, lão mối của ta, vì với ta ông còn quan trọng hơn cả một nhạc phụ và

tính mạng của ông rất quý với ta. Đúng là phổi của ông đang rên rỉ, nước giãi đang chảy ra từ miệng ông và đầu gối của ông đang run rẩy, nhưng ông phải cố chịu đựng, Eje ạ. Ông phải gắng chịu thêm một cuộc chiến nữa để Ai Cập có pharaon, người hứng chịu các cơn thịnh nộ của dân chúng khi ta đi vắng.

Nhưng Eje không tin những lời anh ta nói mà chỉ khóc lóc thảm thiết, hai tay run rẩy ôm đầu gối anh ta và cầu xin cho mạng sống của mình. Khi ấy, Horemheb thương hại ông ta và bỏ đi, nhưng sau đó đã giám sát ông ta bằng cách cho những người thân tín của mình giữ các chức tước cao trong triều để đề phòng Eje làm những điều ngu ngốc khi anh ta đi vắng. Thời của Eje đã hết và ông ta chỉ còn là một lão già điên khùng, đầu bạc, phải khó khăn lắm mới giữ được vương miện trên cái đầu run run vì sợ của mình trong các nghi lễ trước quốc dân.

Horemheb đã mang về cho Baketamon vợ mình những món quà lớn và quý, nào cát vàng đựng trong giỏ đan, da lông sư tử mà anh ta đã hạ bằng cung tên, lông đà điểu và những con linh dương sống, nhưng Baketamon thậm chí không muốn nhìn những món quà ấy. Nàng nói với anh ta: "Ngươi có thể là phu quân của ta trước mọi người và ta đã sinh cho ngươi một đứa con trai. Hãy hài lòng với điều đó, vì nghe đây: nếu ngươi chạm vào ta một lần nữa, ta sẽ khạc nhổ lên giường của ngươi và phản bội ngươi như chưa có người vợ nào phản bội chồng mình như thế. Để làm nhục ngươi, ta sẽ ăn nằm với nô lệ hay cửu vạn, hay ngủ trong chợ Thebes với những kẻ lái lừa, và không một gã đàn ông hạ đẳng nào mà ta không ăn nằm để hạ nhục ngươi nếu ngươi vẫn dám động vào ta. Vì trong mắt ta, khắp Ai Cập chẳng có ai hạ đẳng như ngươi, bàn tay ngươi và cả cơ thể ngươi tanh mùi máu, đến nỗi ta buồn nôn khi ngươi đến gần ta".

Nhưng sự chống đối của Công chúa càng làm dục vọng của Horemheb cháy bỏng hơn, và khi nhìn hai má hóp lại, vòng hông thon thả, cái miệng giễu cợt của nàng, anh ta bắt đầu thở hổn hển và thấy khó giữ yên được đôi tay mình. Vì vậy, anh ta đến gặp tôi và đau khổ than vãn:

- Sinuhe, tại sao lại thế này! Tôi đã làm gì xấu mà vợ tôi xa lánh giường của tôi. Anh biết là tôi đã làm mọi cách để chinh phục nàng và có danh tiếng tốt để xứng đáng với địa vị của nàng. Và anh biết là tôi không thường xuyên ăn nằm với những đàn bà đẹp mà đám lính dẫn đến lều của tôi như phần chia chiến lợi phẩm mà tôi đã trao cho những con bọ bẩn thỉu của mình để chúng vui vẻ. Thật thế, tôi có thể đếm trên đầu ngón tay và ngón chân những

người đàn bà tôi ăn nằm cùng trong bao năm qua, song họ đều không hề đem đến cho tôi hứng thú, mà khi ôm ấp họ tôi chỉ nghĩ đến nàng, Baketamon, và Baketamon mê hoặc tôi như mặt trăng. Đây là thứ bùa chú gì mà làm thịt da tôi xót xa và châm chích tâm hồn tôi như nọc rắn độc vậy?

Tôi nói với anh ta:

- Đừng quan tâm đến người phụ nữ điên ấy, chính nàng đau khổ hơn anh nhiều vì tính kiêu ngạo của mình. Thebes đầy rẫy đàn bà xinh đẹp và thậm chí một ả nô lệ thấp kém nhất cũng có thể đem lại cho anh thứ nàng cho.

Nhưng Horemheb nói:

- Sinuhe, anh nói trái với lòng mình, vì anh biết rất rõ rằng không thể ra lệnh cho tình yêu.

Tôi cảnh cáo anh ta:

- Vậy anh đừng cố ra lệnh cho tình yêu của nàng, vì điều đó sinh ra tội ác.

Nhưng Horemheb không tin tôi mà nói.

- Sinuhe, hãy cho tôi thuốc để tôi cho nàng uống để ngủ, và tôi có thể đến bên nàng và ân ái với nàng, vì thật ra người phụ nữ này nợ tôi rất nhiều ân ái.

Tôi từ chối và không cho anh ta loại thuốc như vậy, nhưng anh ta quay sang các thầy thuốc khác và họ đã cho anh ta những loại thuốc nguy hiểm khiến phụ nữ cuồng dại và làm bụng dạ họ bừng bừng khiến họ nghĩ lửa đang bùng cháy trong người mình. Horemheb đã bí mật cho Baketamon uống những loại thuốc đó và được thỏa mãn dục vọng với nàng, nhưng sau khi vùng ra khỏi vòng tay của anh ta, Baketamon còn căm thù anh ta hơn và nói: "Hãy nhớ những gì ta đã nói với ngươi và nhớ rằng ta đã cảnh báo ngươi".

Tuy nhiên, Horemheb đã mù quáng và điên dại trong dục vọng vô độ của mình, anh ta tiếp tục ép Công chúa uống rượu và thuốc mê cho đến khi nàng ngủ và chỉ tỉnh dậy khi bị động đến người, vì vậy không thể chống cự khi Horemheb cưỡng đoạt nàng. Nhưng Horemheb vui và thỏa mãn với nàng đến đâu, tôi không thể nói mà chỉ nghĩ niềm vui của anh ta thật cay đắng và tình yêu trở nên chua xót với anh ta. Vì thế, anh ta nhanh chóng trở lại Syria để

chuẩn bị cho cuộc chiến chống lại Hittite, vì anh ta nói:

- Các pharaon vĩ đại đã dựng cột đá biên giới của Ai Cập ở Kadesh và ta chỉ yên lòng khi các chiến xa của ta vào được Kadesh chìm trong biển lửa.

Khi nhận ra một hạt đại mạch giống nữa đã bắt đầu nảy mầm xanh trong mình, Công chúa Baketamon lui về cung thất và không muốn gặp bất kỳ ai mà một mình chôn chặt nỗi nhục nhã vào lòng. Đám hầu hạ và nô lệ phải mang thức ăn để cạnh cửa cho nàng và nàng ăn ít đến mức các thái y sợ nàng sẽ chết. Khi thời gian sinh nở đến gần, họ cho người bí mật canh gác vì sợ nàng sẽ sinh con một mình và thả con vào thuyền sậy trôi sông như những người mẹ sợ nhục thường làm khi sinh con. Song Công chúa không làm gì như thế, mà khi thời khắc ấy đến, nàng cho gọi các thái y, những cơn đau đẻ đã đem đến cho nàng nụ cười trên môi và nàng đã sinh cho Horemheb một đứa con trai và đặt tên nó là Sethos mà không hỏi ý Horemheb. Nàng căm hận con mình đến mức đặt cho nó cái tên của thần Seth và gọi nó là "sinh ra từ thần Seth".

Khi đã hồi phục sau sinh nở, nàng sai xức dầu lên người và vẽ mặt, mặc đồ vải lanh hoàng gia rồi sai đám nữ nô lệ chèo thuyền đưa mình sang bên kia sông và một mình đến Chợ Cá Thebes. Ở đó, nàng gợi chuyện những người lái lừa, những người kín nước, những người làm cá và nói với họ:

- Ta là Công chúa Baketamon và là vợ của Horemheb, tể tướng Ai Cập. Ta đã sinh hạ cho ông ta hai con trai, nhưng ông ta là một người đàn ông tẻ nhạt và lười biếng, người tanh mùi máu và ta không thích thú gì với ông ta. Vì vậy, hãy vui vẻ với ta, để ta cũng có thể vui vẻ với các người, vì ta rất thích bàn tay đầy sẹo của các người lẫn mùi rác rưởi khỏe mạnh trên da các người và ta cũng thích mùi cá.

Đám đàn ông ở Chợ Cá hết sức kinh ngạc trước lời nói của nàng, sợ hãi và tránh xa nàng, nhưng nàng ngoan cố bám theo và nói cười, rủ rê họ và khoe cho họ thấy sắc đẹp của mình:

- Ta không đủ xinh đẹp với các người hay sao mà các người ngại ngùng? Có thể ta già và xấu, nhưng ta không đòi các người quà mà chỉ cần mỗi người cho ta một hòn đá, lớn nhỏ tùy các ngươi chọn cho mỗi lần ân ái; nếu ta làm cho ai đó được sung sướng hơn, người ấy hãy mang cho ta hòn đá to hơn và hãy tin là ta sẽ làm hết sức để đem lại đê mê cho các người.

Điều như thế này chưa bao giờ xảy ra với những người đàn ông ở Chợ Cá và tôi nghĩ cũng chưa bao giờ xảy ra trên khắp đất Ai Cập. Vậy nên họ nhìn nàng đầy thèm khát, mắt họ lóe sáng vì vẻ đẹp của nàng, vải lanh hoàng gia nàng quàng trên người quyến rũ họ và mùi dầu thơm nàng xức bốc lên đầu họ. Họ nói với nhau:

- Chuyện như thế này chưa bao giờ xảy ra. Chắc chắn đây là nữ thần hiện ra với chúng ta vì thần thấy chúng ta dễ thương. Vậy nên chúng ta sẽ sai nếu chống lại ý thần linh, vì thần không như đám đàn bà trần tục chúng ta thường thấy và niềm vui mà thần chào mời chúng ta chắc chắn là một niềm vui linh thiêng.

Một vài người còn nói:

- Ít nhất thì niềm sung sướng này cũng rẻ, vì đám phụ nữ da đen cũng không bán mình rẻ hơn thế đâu mà ít nhất cũng sẽ đòi một mẩu đồng cho mỗi lần vui vẻ. Chắc chắn đây là một nữ thần lầu xanh đang thu thập đá để xây một ngôi đền mới cho nữ thần mèo Bast, vì thế chúng ta sẽ làm vui lòng thần bằng việc thực hiện ý nguyện của thần.

Thế là những người đàn ông ở Chợ Cá, sau một hồi ngập ngừng, lưỡng lự, nói hết điều này đến điều khác, theo nàng đến bãi sậy ven bờ sông, nơi bọn họ tránh được ánh mắt dòm ngó của mọi người. Những người làm cá nói với nhau:

- Chúng ta đừng theo cô ta, vì biết đâu cô ta từ thủy cung hiện lên và sẽ kéo chúng ta xuống thủy cung, có khi cô ta chính là thần đầu mèo, đầu cô ta sẽ biến thành đầu mèo và cô ta sẽ chồm lên trên hai chân sau, cào cấu, vặt của quý của chúng ta nếu chúng ta ôm cô ta vào lòng để ân ái.

Thế nhưng họ vẫn bám theo nàng vì bị sắc đẹp và mùi thơm của nàng bỏ bùa; những tay lái lừa cười nhạo những người làm cá và nói:

- Mặc kệ cho đầu cô ta biến thành đầu cá, mà chúng tôi cũng không sợ chân sau của cô ta miễn là được vui thú cùng cô ta.

Baketamon ăn nằm cả ngày với những người đàn ông Chợ Cá trong bãi sậy ven sông và làm hết sức mình để đem khoái lạc đến cho họ, để họ vui vẻ mang đá đến cho nàng. Nhiều người mang đến những tảng đá to được mua từ đám thợ đục đá với giá hời, họ cảm kích với khoái lạc nàng cho họ đến thế. Họ nói với nhau:

- Quả thật chúng tôi chưa từng gặp người đàn bà nào như vậy,

miệng như có mật tan chảy, vú như táo chín, vòng tay ôm nóng như than hồng để nướng cá.

Họ giục nàng sớm trở lại Chợ Cá và hứa để dành nhiều đá, những hòn đá lớn cho nàng, còn nàng mỉm cười thẹn thùng và cảm ơn họ về lòng tốt và niềm khoái lạc mà họ đã mang lại cho nàng. Tối đến khi trở lại hoàng cung, nàng đã phải thuê một chiếc thuyền chắc hơn ở bãi sông để chở theo toàn bộ số đá mà nàng đã gom góp được trong ngày.

Vậy nên hôm sau, nàng lấy một chiếc thuyền lớn hơn và sai đám nô tỳ chèo đến Thebes rồi để họ đợi ở bến thuyền, còn mình đi đến Chợ Rau. Ở đó nàng gợi chuyện những nông dân đến Thebes vào lúc mờ sáng với bò và lừa từ trang trại của họ, những người có đôi bàn tay chai sạn lấm lem bùn đất và làn da thô rám dưới ánh nắng mặt trời; nàng cũng bắt chuyện với những người quét dọn đường phố và dọn hốt phân ở hố xí; và chuyện trò với đám gác chợ, những người cầm cây giáo gỗ chỉ cho từng người bán hàng chỗ của họ trong chợ. Nàng nói với họ:

- Ta là Công chúa Baketamon và là vợ của Horemheb, tể tướng Ai Cập. Ta đã sinh hạ cho ông ta hai con trai, nhưng ông ta là một người đàn ông tẻ nhạt và lười biếng, trong người ông ta không có chút sinh lực nào để đem đến khoái lạc cho ta. Ông ta còn tệ bạc với ta và cướp đi những đứa con yêu quý của ta và đuổi ta ra khỏi nhà của mình khiến ta không có lấy một mái lều để trú thân. Vì vậy, hãy đến ân ái cùng ta để ta cũng được hưởng niềm khoái lạc từ các ngươi. Ta cũng không đòi hỏi các ngươi quà cáp gì ngoài một hòn đá nhỏ từ mỗi người, và ta tin chắc rằng đến những con bé da đen ở Thebes cũng không chịu cho các ngươi niềm khoái lạc rẻ thế này.

Những người nông phu, quét rác và gác chợ da đen hết sức kinh hãi trước lời nói của nàng và bức xúc nói với nhau:

- Cô ta không thể nào là công chúa được vì chưa bao giờ có công chúa nào hành xử như thế này.

Nhưng nàng đã ngọt ngào dụ dỗ họ và cởi xiêm áo khoe cho họ thấy sắc đẹp của mình rồi đi trước, dẫn họ ra bãi sậy bên sông, khiến họ bỏ mặc xe rau quả, cả bò và lừa của mình, bỏ những đường phố chưa quét dọn và đi theo nàng. Họ nói với nhau bên bờ sông:

- Đâu phải ngày nào người nghèo cũng được dâng tận miệng món

ngon thế này, mà da cô ta cũng không làm ta nhớ đến nước da đen nhẻm của các bà vợ, còn xiêm áo của cô ta là hàng của quý tộc, da cô ta là da của người quý phái và mùi của cô ta là mùi của người cao sang. Vì thế, chúng ta sẽ là đồ ngu nếu không tận hưởng niềm vui mà cô ta ban cho chúng ta và chúng ta hãy cố gắng đem đến cho cô ta trong khả năng tốt nhất của mình sự khoái lạc mà cô ta không có, vì cô ta là người vợ bị bỏ rơi.

Thế là họ ân ái với nàng rồi mang đá đến cho nàng. Những nông phu mang cho nàng đá lát từ bậc thềm các quán rượu, lính canh mang đến những viên đá lấy trộm từ các tòa nhà của pharaon để được hưởng khoái lạc với nàng. Nhưng sau khi hoan lạc với nàng, họ bắt đầu thấy sợ, và bàn với nhau:

- Nếu cô ta đúng là vợ của Horemheb, thì khi nghe được chuyện này, Horemheb sẽ đến và giết chúng ta, vì ông ta đáng sợ hơn sư tử, ngạo mạn và coi trọng danh dự của mình, mặc dù bản thân không thể đem lại cho vợ mình khoái lạc. Nhưng nếu chúng ta có nhiều người thì ông ta không thể giết tất cả, vì ông ta không thể giết cả Thebes chỉ vì vợ mình. Do đó, hãy giúp cô ta kiếm được nhiều đá, vì lợi ích của chính chúng ta thôi.

Nói rồi, họ quay lại Chợ Rau và kể với bạn bè, người quen về niềm hoan lạc vừa được nếm trải và đưa những người này đến bãi sậy, khiến ngày hôm đó, bãi sậy bị giẫm nát thành một lối mòn rộng và đến chập tối, cả bãi sậy giống như bãi hà mã quần nhau. Chợ Rau hỗn loạn, vô số sọt hàng bị mất trộm, những con lừa khát nước hí vang ở các góc phố, lũ bò rống ồm ồm và các chủ quán bia đôn đáo chạy dọc trên phố, vừa kêu khóc vừa dứt tóc vì những viên đá lát bậc cửa quý giá của họ đã bị mất. Chập tối, Công chúa Baketamon thẹn thùng cảm ơn tất cả những người đàn ông Chợ Rau vì sự thân thiện của họ đối với nàng và khoái lạc mà họ mang lại cho nàng. Rồi họ giúp nàng chất đá lên thuyền và chiếc thuyền chứa đầy đá nặng nhấn sâu vào nước chỉ chực chìm làm các nô tỳ khó nhọc lắm mới chèo được chiếc thuyền sang sông, cập bến của hoàng cung.

Tối hôm đó, khắp Thebes đều biết chính nữ thần đầu mèo đã hiện hình cho dân chúng thấy và hoan lạc với họ, và những lời đồn đại càng lúc càng kỳ lạ lan khắp Thebes, vì những người vốn không tin vào thần linh đã nghĩ ra những lời giải thích khác. Họ nói:

- Vào thời kim tự tháp, các vị thần còn hiển linh với con người nhưng thế giới đã già nua lắm rồi và thần linh sẽ không còn hiển linh với con người nữa. Bởi vậy, người đàn bà này phải thuộc hàng

quý phái bậc cao, vì bà ta dám hành xử như thế.

Hôm sau, Công chúa Baketamon đi đến Chợ Than và vui thú với những người đàn ông bán than, đến chiều tối đám sậy bên bờ sông Nile đầy muội than và bị giẫm nát. Các giáo sĩ của nhiều ngôi đền nhỏ xót xa than phiền, vì những người đàn ông Chợ Than là những người vô đạo, đã không chút hổ thẹn khi dỡ đá đền thờ để đổi lấy thú vui mà còn liếm mép khoe với nhau:

- Quả thật chúng tôi đã được nếm món ngon thiên đàng, môi cô ta tan chảy trong miệng chúng tôi, đôi vú như than hồng nóng rực trong tay chúng tôi và trước đây chúng tôi chưa từng biết trên đời lại có niềm hoan lạc đến nhường này.

Nhưng khi lời khoe khoang rằng nữ thần đã xuất hiện trong dân chúng lần thứ ba lan đến Thebes thì một sự xáo động lớn đã chế ngự Thebes, khiến ngay cả những người đàn ông chân thật cũng trốn vợ đến các quán rượu, gỡ đá từ các tòa nhà của pharaon trong đêm và sáng hôm sau, tất cả đàn ông Thebes, ai nấy kẹp một hòn đá trong nách đi từ chợ này sang chợ khác, nóng lòng chờ đợi sự xuất hiện của nữ thần đầu mèo. Còn các giáo sĩ thấy lo lắng và sai lính canh đi lùng bắt người đàn bà đã gây ra quá nhiều lộn xộn và những lời đồn đại ngớ ngẩn.

Nhưng ngày hôm đó Công chúa Baketamon không sang Thebes, chỉ nghỉ ngơi thư giãn trong hoàng cung cho bớt mệt mỏi sau những vất vả, mỉm cười với tất cả những ai nói chuyện với mình, tỏ ra rất dịu dàng, dễ mến, ngượng ngùng vươn uốn người trong khi nói và lấy tay che miệng khi ngáp. Triều thần hết sức ngạc nhiên về cách ứng xử này của nàng vì không ai đoán được rằng Công chúa chính là người đàn bà bí ẩn đã xuất hiện trước dân chúng ở Thebes và ân ái cùng những người đốt than và những người làm cá.

Công chúa Baketamon xem những hòn đá có kích thước và màu sắc khác nhau mà mình thu gom được rồi gọi người thợ cả trông coi việc xây dựng chuồng gia súc của pharaon đến vườn thượng uyển và dịu dàng nói với anh ta:

- Ta đã thu gom những viên đá này từ bờ sông và chúng đều thiêng liêng đối với ta, mỗi viên đều gắn với mỗi ký ức vui sướng của ta, đá càng to thì sự vui sướng càng lớn. Vì thế, ngươi hãy dùng những viên đá này xây cho ta một vọng lâu để ta có mái che đầu mình, vì chồng ta hờ hững với ta và đuổi ta ra khỏi nhà ông ấy, như ngươi chắc cũng đã nghe và biết quá rõ. Hãy xây cho ta

vọng lâu rộng rãi, tường cao và bắt đầu xây ngay đi, vì ta sẽ thu gom thêm đá cho ngươi theo mức ngươi cần mà không phải lo giữa chừng thiếu đá.

Người thợ cả xây chuồng trại là một người đàn ông tuềnh toàng, chiếc khố xám màu tro vì bụi của đá đẽo bám vào, đôi vai nổi u vì gánh đá và anh ta không quen nói chuyện với những người quyền quý. Vì vậy, anh ta lúng túng di di ngón chân trên đất trước mặt Công chúa Baketamon, mắt nhìn xuống và khúm núm nói:

- Bẩm Công chúa Baketamon cao quý, tôi e mình không đủ tài để xây dựng một vọng lâu xứng đáng với tước vị của người. Những viên đá có kích thước và màu sắc khác nhau nên lắp ghép chúng không hề dễ, mà đòi hỏi phải có khiếu thẩm mỹ tuyệt vời. Vì vậy, tốt hơn là Công chúa cho gọi một thợ cả cao sang nào đó chuyên xây đền thờ hay một nghệ nhân khéo tay để làm việc này, vì tôi sợ sự vụng về của mình sẽ làm hỏng suy nghĩ cao đẹp của Công chúa, làm lãng phí vô số đá Công chúa thu gom về.

Nhưng Công chúa Baketamon thẹn thùng chạm tay vào cục u trên vai anh ta và nói:

- Ôi, người vác đá xây chuồng gia súc, ta chỉ là một phụ nữ nghèo bị chồng ruồng rẫy và ta không thể gọi những thợ xây cao sang đến phục vụ mình. Ta cũng không thể tặng ngươi một món quà xứng đáng như ta muốn khi ngươi xây vọng lâu này, nhưng khi vọng lâu xây xong, ta sẽ cùng ngươi ngắm nhìn nó, và nếu ta vừa ý, ta sẽ ân ái với ngươi trong vọng lâu này, ta hứa đấy. Vì ta không có gì khác để thưởng cho ngươi, nhưng ta có thể đem đến cho ngươi một niềm vui nho nhỏ khi ta chưa đến nỗi già và xấu, hãy coi đó là tiền công của ngươi. Ta cũng tin ngươi sẽ mang lại khoái lạc cho ta, vì ngươi là một người đàn ông cường tráng, cánh tay ngươi rắn chắc, còn ta là một người đàn bà nhỏ bé và ta thèm khát khoái lạc vì chồng ta không làm ta thỏa mãn, như ngươi chắc biết rõ.

Lời Công chúa nói và sự đụng chạm của nàng khiến người thợ xây chuồng gia súc hết sức phấn kích, anh ta ngắm nhìn sắc đẹp của nàng và nhớ lại tất cả những chuyện cổ tích trong đó công chúa yêu những người đàn ông bình thường và ân ái cùng họ. Anh ta rất sợ Horemheb, nhưng ham muốn dục vọng của anh ta mạnh hơn nỗi sợ và những lời của Baketamon mời gọi, ve vuốt anh ta. Vì vậy, anh ta vội vàng bắt tay vào xây vọng lâu trong vườn của hoàng cung từ những viên đá do Baketamon thu gom và xây nó bằng tất cả khả năng của mình; giống như đang trong cơn mộng

du, anh ta xây điều ao ước ấy của mình bằng những viên đá lên tường vọng lâu. Ham muốn, đam mê và tình yêu của anh ta đã biến anh ta thành một nghệ sĩ lớn; vì ngày ngày được nhìn ngắm Công chúa Baketamon, trái tim anh ta bừng lửa và bùng cháy thành tro như cây sậy khô dưới ánh mắt hình trái xoan của Công chúa. Anh ta làm việc như một kẻ điên, sụt cân, xanh xao vì công việc và niềm khao khát; bằng những viên đá có kích thước và màu sắc khác nhau, anh ta xây một vọng lâu mà trước đây chưa một ai từng thấy.

Nhưng trong khi vọng lâu đang xây, số đá mà Baketamon thu gom đã dần hết và Công chúa phải kiếm thêm. Vì vậy, nàng lại cho người chèo thuyền đưa mình đến Thebes, thu nhặt đá từ khắp các khu chợ, từ hẻm Nhân Sư và vườn của các ngôi đền, đến nỗi cuối cùng không nơi nào ở Thebes mà nàng không đến để thu nhặt đá. Những người đàn ông mang đá đến cho Công chúa đã che giấu nàng trước đám lính canh, nhưng cuối cùng đội lính canh của các giáo sĩ và của pharaon đã tìm được nàng và định bắt rồi giải nàng đến trước các quan tòa vì những hành xử của nàng. Nhưng Công chúa ngẩng cao đầu đầy kiêu hãnh và nói với lính canh:

- Ta là Công chúa Baketamon và ta muốn xem ai dám phán xử ta, bởi dòng máu linh thiêng chảy trong huyết quản ta và ta là người thừa kế vương quyền của các pharaon. Tuy nhiên, ta không trừng phạt các ngươi vì sự ngu ngốc của các ngươi mà sẽ vui lòng ân ái với cả các ngươi vì các ngươi là những người đàn ông đẹp trai và cường tráng. Nhưng để được điều đó, ai trong các ngươi cũng phải mang về cho ta một viên đá và hãy lấy đá từ nhà của các quan tòa hay từ đền miếu. Đá càng to thì niềm hoan lạc ta ban cho càng lớn và ta sẽ giữ lời hứa của mình, sẽ làm hết sức mình và trong việc này ta đã khá thuần thục rồi.

Những người lính canh nhìn Công chúa và sự điên khùng của những người đàn ông Thebes khác đã lan sang họ; thế là họ cũng đi, dùng giáo nạy lấy những tảng đá lớn từ cổng nhà các quan tòa và sân đền thờ Amon rồi mang đến cho nàng và Công chúa đã hào phóng giữ lời hứa của mình với họ. Nhưng tôi phải có đôi lời rằng vẫn nên coi trọng Công chúa, vì nàng không bao giờ trơ trẽn và táo tợn khi thu gom đá, mà ân ái với đám đàn ông xong, nàng ngượng ngùng quấn mình trong xiêm áo, mắt nhìn xuống đất và không cho phép ai chạm vào mình nữa. Nhưng những lần sau đó, Công chúa phải vào các nhà vui và nhờ những bức tường che chắn, bí mật thu gom đá và nàng đã đến rất nhiều nhà vui ở các khu phố nghèo; với bất kỳ ai, nàng cũng chỉ đòi một viên đá cho niềm hoan lạc mà mình đem đến cho họ. Vì vậy, chủ của các nhà

vui kiếm được rất nhiều từ Công chúa và sẵn lòng mời nàng đến với họ, nhưng mỗi ngày nàng chỉ đến một nhà vui mới để tránh lính canh và các đám đông.

Đến lúc này, mọi người ai cũng đã biết những việc Công chúa làm và người trong cung cấm kéo đến vườn thượng uyển để bí mật nhìn tòa vọng lâu mà người thợ xây chuồng gia súc xây bằng đá do Công chúa mang về. Nhìn thấy chiều cao của các bức tường và số lượng đá lớn, nhỏ trên tường, các cung nữ đều đưa tay che miệng và kêu lên vì sửng sốt. Nhưng không ai dám nói bất cứ điều gì với Công chúa, không ai dám nhắc nhở nàng; còn Eje, người lẽ ra có thể dùng quyền uy của Pharaon để ngăn cản Công chúa, khi nghe kể về việc làm của nàng lại hết sức vui mừng với tất cả sự điên rồ của tuổi già và đoán việc này sẽ gây tổn hại cho Horemheb, vì ông ta mừng rỡ với tất cả những gì gây hại cho Horemheb.

Nhưng Horemheb đang chinh chiến ở Syria, đã đánh chiếm được Sidon, Simyra, Byblos từ tay người Hittite và gửi nhiều chiến lợi phẩm, nô lệ về Ai Cập cùng rất nhiều món quà lớn quý giá cho vợ mình. Mọi người ở Thebes ai cũng biết chuyện gì đang xảy ra trong hoàng cung, nhưng không một ai dám cả gan báo cho Horemheb về những việc làm của Công chúa; những người vốn được anh ta trao cho quyền cao chức trọng trong triều cũng nhắm mắt trước việc làm của Baketamon và nói với nhau:

- Đây là xích mích trong gia đình, người đàn ông khôn ngoan thà đặt tay vào giữa các thớt đá hơn là xen vào giữa vợ chồng người khác vì sẽ bị cả hai căm ghét.

Vì thế, Horemheb không được biết bất cứ điều gì về những chuyện xảy ra ở Thebes trong thời gian anh ta chinh chiến ở Syria, và tôi nghĩ đó là điều tốt nhất cho Ai Cập, vì nếu biết việc làm của Baketamon, chắc chắn tâm trí anh ta sẽ không yên trong khi đang phải lo chiến trận.

5

Tôi đã kể nhiều về những gì xảy ra với người khác trong thời gian giáo sĩ Eje trị vì Ai Cập, nhưng chưa kể về mình. Điều này dĩ nhiên có lý do, vì bản thân tôi không còn nhiều điều để kể. Dòng đời tôi không còn nổi sóng mà chầm chậm, yên ả lắng xuống rồi kẹt lại trong vũng nước cạn. Tôi sống những năm ấy của đời mình

dưới sự chăm sóc của Muti trong căn nhà vốn là xưởng đúc đồng mà Muti đã dựng lại sau khi bị đốt cháy, đôi chân tôi đã rã rời đi trên những con đường đầy bụi, đôi mắt tôi đã mệt mỏi nhìn thấy sự bất an của thế giới và trái tim tôi đã mỏi mòn vì những điều phù phiếm xảy ra trên thế giới. Vì vậy, tôi ở trong nhà, khép mình và không khám cho bệnh nhân ở nhà nữa mà chỉ thỉnh thoảng chữa bệnh cho hàng xóm và đôi khi cho những người nghèo nhất vì họ không có quà để biếu các thầy thuốc khác. Tôi cho đào một cái ao mới trong sân nhà, thả vào đó những con cá sặc sỡ và có những ngày dài, tôi ngồi suốt dưới gốc sung dâu trong tiếng lừa kêu trên đường phố trước nhà và lũ trẻ con chơi đùa trong bụi đất, ngắm nhìn lũ cá chầm chậm bơi trong ao nước mát. Cây sung dâu đầy bồ hóng từ lần bị cháy lại bắt đầu nhú những lá xanh trên cành và Muti chăm sóc tôi chu đáo, nấu cho tôi đồ ăn ngon, để tôi uống rượu vừa đủ bất cứ khi nào tôi muốn và cẩn thận để tôi ngủ đủ, không cho làm việc quá sức.

Thế nhưng thức ăn đã mất hết vị trong miệng tôi và rượu không mang lại cho tôi niềm vui, chỉ làm tôi nhớ lại tất cả những việc làm xấu xa của mình vào những buổi tối khi tiết trời dịu mát, nhớ lại khuôn mặt khi hấp hối của Pharaon Ekhnaton và khuôn mặt khôi ngô của Hoàng tử Shubattu. Vậy nên tôi không còn muốn dùng tài năng của mình chữa bệnh cho mọi người, bởi đôi tay tôi là đôi tay tội lỗi, chỉ gieo rắc cái chết, cho dù tôi ước mong đôi tay mình hữu ích. Nên tôi chỉ ngắm nhìn những con cá dưới ao trong vườn nhà mình và ghen tị với chúng, loài có máu lạnh và ham muốn rụt rè, sống cả đời dưới nước và không phải hít thở không khí nóng nực trên mặt đất.

Khi ngồi trong vườn nhìn ngắm cá, tôi tâm sự với trái tim mình và nói:

- Hãy trấn tĩnh lại, trái tim loạn nhịp kia, vì lỗi không phải của mi, mà tất cả mọi chuyện xảy ra trên đời cả thiện lẫn ác đều điên dại, đều không có đích đến mà chỉ có lòng tham, nỗi căm hờn và dục vọng thống trị thế giới. Lỗi không phải của mi, Sinuhe, vì con người mãi mãi là như thế và sẽ không bao giờ thay đổi. Năm tháng trôi đi, con người sinh ra và con người chết đi, cuộc sống của họ như một luồng gió nóng và con người không hạnh phúc khi sống mà chỉ hạnh phúc trong cái chết. Vì vậy, không có sự phù phiếm nào lớn hơn cuộc đời con người, lỗi không phải của mi, mà con người vẫn luôn như vậy theo thời gian. Mi hoài công dìm con người xuống dòng sông thời gian, vì tâm anh ta không thay đổi và anh ta sẽ nhô lên khỏi sông hệt như khi bước xuống. Mi hoài công thử thách con người bằng chiến tranh và sự khốn cùng, bằng dịch

bệnh và hỏa hoạn, bằng thần linh và giáo mác, vì những gì phải trải qua sẽ chỉ khiến con người chai cứng lại cho đến khi anh ta tồi tệ hơn cả cá sấu, do đó chỉ người chết mới là người tốt.

Nhưng trái tim tôi phản đối:

- Hãy ngắm cá thôi, Sinuhe, nhưng ta vẫn sẽ không để cho anh bạn yên chừng nào anh bạn còn sống, mà mỗi ngày trong cuộc đời anh bạn, ta sẽ nói: "Chính anh là người có tội", và mỗi đêm trong cuộc đời anh bạn, ta sẽ len lỏi vào trong giấc ngủ của anh: "Sinuhe, anh là người có tội, vì ta, trái tim của anh, vô độ hơn cá sấu và ta muốn anh được nhận đủ những gì của mình".

Tôi điên lên với trái tim mình:

- Mi là trái tim gàn dở và ta ngán mi quá rồi, vì mi chỉ đem đến cho ta rắc rối, khó chịu, buồn phiền và đau khổ trong suốt cuộc đời ta. Ta biết quá rõ lý trí ta là kẻ sát nhân và lý trí ta có bàn tay nhớp nhúa, nhưng số lần giết người của ta không thấm gì so với số vụ giết người xảy ra trên mặt đất và không ai quy tội ta. Vì thế, ta hoàn toàn không hiểu tại sao mi cứ lải nhải rằng ta có tội và không để cho ta được yên, vì ta là ai mà cứu rỗi thế giới và ta là ai mà thay đổi bản tính con người.

Nhưng trái tim tôi nói:

- Ta không nói về những vụ anh bạn giết người và cũng không quy tội cho anh, cho dù đêm đêm và ngày ngày, ta gõ thình thịch cho anh từ: "tội phạm, tội phạm". Hàng ngàn rồi hàng ngàn người đã chết vì anh bạn, Sinuhe. Họ chết vì đói khát và dịch bệnh, chết vì vũ khí và thương tật, chết dưới bánh xe của chiến xa, chết đói trên đường hành quân nơi sa mạc. Vì anh bạn, những hài nhi đã chết trong dạ con của mẹ chúng; vì anh bạn, những cây gậy đã nện xuống những cái lưng còng, vì anh bạn mà bất công chà đạp công lý, vì anh bạn mà lòng tham thắng tính thiện lương, vì anh bạn mà phường trộm cắp cai trị thế giới. Quả thật, biết bao người đã chết vì anh, Sinuhe ạ. Màu da của họ khác nhau và lưỡi họ nói những ngôn ngữ khác nhau, nhưng họ đã chết một cách vô tội, Sinuhe ạ, vì họ không có được tri thức của anh và tất cả những người đã chết và sẽ chết đều là anh em của anh, và họ sẽ chết vì anh và anh là kẻ duy nhất có tội. Vậy nên tiếng khóc của họ len lỏi vào giấc ngủ của anh, tiếng khóc của họ lấy đi hương vị thức ăn ngon trong miệng anh và tiếng khóc của họ phá tan mọi niềm vui của anh, Sinuhe ạ.

Nhưng tôi đã luyện tâm hồn mình chai sạn và nói với trái tim mình:

- Đàn cá là anh em của ta vì chúng không biết thốt ra những từ ngữ viển vông. Đàn sói nơi sa mạc là anh em của ta, những con sư tử độc ác là anh em của ta, nhưng con người thì không phải vì con người luôn biết việc họ làm.

Trái tim tôi chế nhạo tôi:

- Có thật con người biết việc mình làm không? Đúng là anh bạn biết và anh bạn có tri thức, vì thế ta bắt anh bạn chịu đau khổ cho đến ngày cuối cùng của cuộc đời vì tri thức của mình, còn những người khác thì không. Vì vậy, chỉ mình anh bạn là kẻ có tội, Sinuhe ạ.

Lúc đó, tôi vò xé quần áo mình và gào to:

- Hãy để những hiểu biết của ta bị nguyền rủa, hãy để đôi tay ta bị nguyền rủa, hãy để đôi mắt ta bị nguyền rủa! Nhưng đáng bị nguyền rủa nhất là trái tim ngu ngốc của ta, trái tim không cho ta được yên trong những ngày tháng của cuộc đời mình và bịa đặt những điều sai trái để buộc tội ta. Hãy đưa ngay cho ta cái cân của Osiris để cân trái tim dối trá của ta và hãy để cho bốn mươi con khỉ đầu chó chính trực của ngài xét xử ta vì ta tin chúng hơn trái tim khốn khổ của mình.

Từ trong bếp, Muti vội vàng bước ra, nhúng một cái áo xuống nước ao rồi quấn quanh đầu tôi và chườm bình lạnh vào trán tôi. Bà mắng tôi xa xả, bắt tôi lên giường và ép tôi uống đủ loại thuốc lá vị đắng chát cho đến khi tôi trấn tĩnh lại. Tôi bị ốm một thời gian dài và trong thời gian đó, tôi nói với Muti về cán cân của Osiris, bảo bà ta đưa tôi cái cân bột và nói với bà về Merit và bé Thoth. Bà chăm sóc tôi tận tình và tôi nghĩ bà rất vui khi có thể giữ tôi trong giường và cho tôi ăn. Sau đó bà nghiêm khắc cấm tôi không được ngồi trong vườn dưới ánh nắng mặt trời vì tóc tôi đã rụng hết và cái đầu hói của tôi không thể chịu được những tia độc hại của mặt trời. Nhưng tôi đâu ngồi dưới nắng, mà ngồi trong bóng râm mát mẻ của cây sung dâu, ngắm nhìn những con cá, anh em của tôi, vì chúng không biết nói.

Nhưng thời gian trôi, tôi đã khỏe lại, trầm lặng hơn trước, bình tâm hơn trước và cũng đã giảng hòa với trái tim mình nên trái tim tôi không còn hành hạ tôi nhiều nữa. Tôi không còn nói với Muti về Merit và bé Thoth nữa mà chỉ giữ họ trong tâm mình và biết

rằng họ phải chết để sức chịu đựng của tôi cạn kiệt và tôi cô đơn, vì nếu họ ở bên tôi thì tôi đã đủ đầy, hạnh phúc và trái tim tôi đã im lặng. Nhưng tôi cần phải luôn cô đơn theo số phận đã được an bài và vì thế mà tôi đã một mình trôi dọc sông trong chiếc thuyền sậy vào đêm tôi cất tiếng khóc chào đời.

Sau khi bình phục, tôi bí mật mặc quần áo thô ráp của người nghèo, cởi đôi dép dưới chân ra rồi rời khỏi ngôi nhà vốn là xưởng đúc đồng và không trở lại nữa. Tôi đi đến bến thuyền và khuân vác đồ đạc với những người khuân vác cho đến khi lưng tôi đau và đôi vai vẹo đi. Tôi đến Chợ Rau và nhặt những mớ rau hỏng làm thức ăn cho mình rồi tôi đến Chợ Than, đạp bệ lò của thợ đốt than và thợ rèn. Tôi làm công việc của nô lệ và phu khuân vác, ăn bánh mì và uống bia của họ và nói với họ:

- Không có sự khác biệt giữa con người với con người, ai cũng trần trụi sinh ra trên đời và trái tim con người là thước đo duy nhất. Không thể đo con người bằng màu da hay ngôn ngữ, cũng không thể đo bằng quần áo hay đồ trang sức, và không thể đo con người bằng sự giàu có hay nghèo khó của họ mà chỉ bằng trái tim. Vì vậy, người lương thiện tốt hơn kẻ ác độc, công lý tốt hơn bạo lực, ngoài ra tôi không biết gì khác, và đây là tất cả kiến thức của tôi.

Tôi nói với họ như thế trước những túp lều đất sét của họ vào lúc chập choạng khi những người vợ nhóm lửa trên đường phố và mùi cá rán dâng lên trong không khí, tràn ngập khu phố nghèo. Họ cười tôi và nói:

- Sinuhe, ông thật ngớ ngẩn khi làm công việc của nô lệ, dù ông biết đọc và biết viết. Chắc chắn ông đã phạm tội gì rồi và muốn ẩn náu nơi đây, và lời ông nói sặc mùi Aton, người mà chúng tôi không còn được phép nhắc đến tên. Tuy nhiên, chúng tôi sẽ không báo ông cho lính canh, mà sẽ giữ ông lại với chúng tôi để được giải khuây bằng những lời nói điên rồ của ông. Nhưng ít nhất ông không nên so sánh chúng tôi với những người Syria bẩn thỉu và những người da đen khốn khổ, vì tuy chỉ là nô lệ và phu khuân vác, chúng tôi vẫn là người Ai Cập và là người Ai Cập, chúng tôi tự hào về màu da và ngôn ngữ, quá khứ và tương lai của chúng tôi.

Tôi nói với họ:

- Đó là lời nói điên rồ, vì chừng nào con người còn ngạo mạn và coi mình tốt đẹp hơn người khác, thì chừng đó xiềng xích, gậy gộc, giáo mác và quạ đen còn theo sát gót chân họ. Vì vậy, con người

chỉ nên được đánh giá theo tâm họ và tâm của tất cả mọi người đều như nhau, tâm người này không tốt hơn tâm kẻ khác, vì tất cả nước mắt đều cùng là nước và cùng mặn, dù đó là nước mắt của người da đen, người da nâu hay người Syria, nước mắt của người nghèo hèn hay người cao quý.

Nhưng họ cười phá lên với tôi và đập tay vào đầu gối, nói:

- Ông quả thật là một gã điên rồ, và chắc ông chưa từng trải nghiệm cuộc đời mà đã lớn lên trong một cái bao. Vì con người không thể sống nếu không cảm thấy mình tốt hơn người khác và không có người nào khốn khổ đến mức không cảm thấy mình tốt hơn người khác về mặt nào đó. Người này tự hào về sự khéo léo của đôi tay, người kia tự hào về sức mạnh của đôi vai, kẻ trộm tự hào về những mánh khóe, quan tòa tự hào về sự thông thái, kẻ tham lam tự hào về lòng tham, kẻ tiêu hoang tự hào về sự hoang phí, người vợ tự hào về đức hạnh, gái điếm tự hào với tính lẳng lơ. Không gì mang lại cho con người niềm vui lớn hơn khi biết mình trội hơn người khác về một mặt nào đó. Bởi vậy chúng tôi rất vui khi thấy chúng tôi khôn ngoan và tinh ranh hơn ông, mặc dù chúng tôi là những người nghèo khổ và nô lệ, còn ông biết đọc và biết viết.

Tôi nói với họ:

- Nhưng người tốt hơn kẻ gian ác và sự công bằng tốt hơn sự bất công.

Nhưng họ trở nên tức giận và đáp lại:

- Điều gì là tốt và điều gì là xấu? Nếu chúng tôi giết một lão chủ gian ác luôn lấy gậy đánh chúng tôi, ăn cắp thức ăn của chúng tôi và bỏ đói vợ con chúng tôi thì việc làm của chúng tôi là việc làm tốt, nhưng lính canh lại giải chúng tôi ra trước mặt quan tòa của pharaon, cắt tai, xẻo mũi chúng tôi và treo ngược chúng tôi lên tường. Đó là công lý, nhưng công lý phụ thuộc vào các quả cân được dùng để cân đo, và công lý với chúng tôi thường là bất công, vì chúng tôi không được phép đặt những quả cân của mình lên bàn cân công lý và quả cân của các quan tòa của pharaon khác với quả cân của chúng tôi.

Họ mời tôi ăn cá mà vợ họ rán và tôi uống bia nhạt của họ rồi nói:

- Giết người là tội ác hèn hạ nhất mà con người có thể phạm; giết người vì việc thiện cũng là tội ác như giết người vì cái ác, nên không nên giết một người mà hãy chữa cho anh ta khỏi tính ác

độc.

Lúc đó, họ đưa tay che miệng và nhìn xung quanh rồi la lối:

- Chúng tôi không bao giờ muốn giết ai, vì roi và gậy đã buộc chúng tôi phải nhún nhường, phải nuốt hết những lời mắng mỏ, sỉ nhục và xúc phạm mà không giết bất kỳ ai. Nếu ông muốn chữa cho mọi người khỏi tính ác độc và đem công lý thay cho bất công thì hãy đến gặp những người quyền quý, giàu có và các quan tòa của pharaon và nói với họ những điều này, vì chúng tôi nghĩ ông gặp nhiều điều ác độc và bất công ở chỗ họ hơn ở chỗ chúng tôi.

Họ nói thế và vừa cười vừa dùng khuỷu tay hích và nháy mắt với nhau. Nhưng tôi nói với họ:

- Tôi muốn nói với các người hơn vì các người là dân và đông như cát và sao trời, mọi điều ác độc và bất công đều đến từ các người, cũng như mọi điều tốt lành đều đến từ các người. Các người cũng có lỗi vì khi người ta nói với các người: "Đi đi", các người đi và làm tất cả những gì họ sai khiến. Cả những người mộ lính của pharaon cũng thường đến với các người, cho các người đồng, mảnh vải rồi đặt giáo vào tay các người và đưa các người ra trận. Nếu các người không làm theo, họ sẽ trói các người vào dây thừng và dẫn các người ra trận trong xiềng xích. Trong chiến tranh, các người đâm và giết những người giống như mình. Các người đâm thủng bụng anh em mình và rất tự hào về những việc làm ấy. Nhưng tất cả sự chém giết đều đáng khinh, máu sẽ đổ và sẽ chảy lên đầu các người. Vì thế, các người hoàn toàn không vô can.

Đôi ba người trong số họ ngẫm nghĩ về lời tôi nói và thở dài:

- Thật ra chúng tôi không ai vô tội, nhưng chúng tôi đã sinh ra trong một thế giới xấu xa, và chúng tôi bắt đầu cuộc sống bằng tiếng khóc khi rời bụng mẹ, vì vậy tiếng khóc đeo bám chúng tôi trên mọi nẻo đường đời. Nô lệ là thân phận muôn đời của chúng tôi và các giáo sĩ dùng phép thuật buộc chúng tôi phục vụ ông chủ của mình ngay cả sau khi chết bằng cách sai khắc tên chúng tôi vào những bức tranh gỗ theo ông chủ xuống mồ. Nhưng dù sao, ông cũng hãy đến gặp những người giàu có và quyền quý để nói về những điều này, vì theo suy nghĩ của chúng tôi, điều ác và sự bất công từ họ mà ra, bởi vì quyền lực ở trong tay họ. Nhưng đừng trách chúng tôi nếu họ cắt tai ông vì những lời ông nói và bắt ông đến hầm mỏ hoặc treo ngược ông lên tường, vì những lời ông nói là những lời nguy hiểm. Nếu ai đó trong chúng tôi nói những lời như vậy, chúng tôi sẽ không dám nghe anh ta dù chúng tôi lắng

nghe ông, bởi rõ ràng ông là một gã đàn ông dại dột và vô hại. Nhưng nguy hiểm nhất là những điều ông nói về chiến tranh, vì giết người trong chiến tranh là vinh quang của người lính và Horemheb, tướng quân vĩ đại của chúng ta, sẽ giết ông không chút do dự nếu nghe ông nói điều này với mọi người, mặc dù bản thân ông ta là một người đàn ông vô tích sự, không thể làm hài lòng ngay cả vợ mình.

Tôi nghe theo lời khuyên của họ và rời khỏi túp lều đất sét của họ. Tôi đi theo những con phố lớn của Thebes với đôi chân trần, trên người là bộ quần áo màu xám của người nghèo, nói chuyện với các thương nhân, những người trộn cát vào bột mì; tôi nói chuyện với các ông chủ cối xay, những kẻ lấy ống bịt miệng nô lệ để họ không ăn được bột mà họ xay; tôi nói chuyện với các quan tòa, những người cướp tài sản thừa kế của những đứa trẻ mồ côi và xử án sai để được nhận những món quà lớn. Tôi đã nói chuyện với tất cả bọn họ, lên án những việc làm và sự gian ác của họ, khiến họ hết sức kinh ngạc.

Họ bảo nhau:

- Tay thầy thuốc Sinuhe này là ai mà dám nói những lời táo bạo, dù trên người chỉ khoác áo nô lệ? Chúng ta phải cẩn trọng, vì ông ta chắc là do thám của Pharaon. Nếu không, làm sao ông ta dám mạnh mồm nói với chúng ta như vậy.

Vì thế, họ nghe tôi nói không chán, các thương gia gọi tôi vào phòng và tặng quà cho tôi, các chủ cối xay đãi tôi rượu, các quan tòa hỏi ý kiến tôi và phán xử theo lời khuyên của tôi. Thế là họ đưa ra các phán quyết ủng hộ người nghèo chống lại người giàu, mặc dù họ đã nhận được từ người giàu những món quà lớn, và điều này làm dấy lên một sự bất mãn lớn và ở Thebes, người ta nói:

- Ngay cả quan tòa của pharaon cũng không còn đáng tin nữa, chính họ còn gian dối hơn những tên trộm mà họ xét xử.

Nhưng khi tôi đến nhà các vị quyền quý, họ chế nhạo tôi, xuýt chó ra cắn tôi và sai người hầu lấy roi đuổi tôi ra khỏi sân, vì vậy tôi vô cùng xấu hổ và co cẳng chạy, quần áo rách bươm, chân tay bị trầy xước, máu chảy dọc đường phố Thebes trong khi đàn chó vẫn đuổi theo sau. Mọi người đập tay lên đầu gối cười nhạo tôi, các thương gia và quan tòa của pharaon thấy nỗi nhục nhã của tôi và không còn tin lời tôi nữa mà đuổi tôi ra khỏi nhà họ và gọi lính gác dùng cán giáo đánh tôi. Họ nói với tôi:

- Nếu ông lại đến nhà buộc tội chúng tôi với những lời đối trá, chúng tôi sẽ truy tố ông tội truyền bá những lời ác độc và xúi giục dân chúng và quạ sẽ mổ thi thể ông trên tường.

Lúc đó, tôi trở về ngôi nhà vốn là xưởng đúc đồng cũ ở khu phố nghèo trong hổ thẹn, thấy mọi cố gắng của mình đều vô ích, vì cái chết của tôi không đem lại lợi lộc cho bất cứ ai, chỉ có lũ quạ sung sướng. Muti kêu than thảm thiết và chắp hai tay trên đầu mình khi nhìn thấy tình trạng thảm hại của tôi. Bà lau rửa cơ thể tôi và vừa bôi mỡ lên vết thương cho tôi vừa bực tức mắng mỏ tôi:

- Quả là bản tính đàn ông không thể chữa chạy được và ông nên xấu hổ, Sinuhe ạ, khi trốn nhà ra đi vào lúc tuổi già thế này dù đầu ông đã hói và cổ ông đã nhăn nheo. Có phải ông đã đổi quần áo sang trọng của mình để lấy rượu trong các quán rượu và đánh nhau trong nhà thổ khiến đầu nổi cục, chân bị trầy xước không. Ông không cần trốn khỏi nhà để uống rượu, mà từ giờ trở đi tôi sẽ để cho ông uống bao nhiêu tùy thích, tôi không ngăn ông nữa. Ông cũng có thể mời bạn nhậu đến nhà, nếu ông muốn, vì tôi bồn chồn không yên trong những ngày và đêm ông không về nhà. Cả Kaptah cũng hỏi và lo lắng cho ông vì ông ta đã trở về Thebes và ông không còn cô đơn nữa.

Bà ấy bôi thuốc mỡ tốt lên những vết thương và chỗ xước rồi cho tôi mặc quần áo sạch và rầy la tôi gay gắt:

- Chắc chắn sẽ tốt hơn nếu người ta cắt béng cái của nợ bé tẹo dưới khố của đàn ông, vì nó làm ông ta say xỉn và hổ thẹn, cãi vã và ẩu đả đến tận già. Sinuhe ạ, nếu ông không kìm được tính đực của mình tốt hơn, thì hãy lấy vợ về nhà mình hoặc mua một đứa nô tỳ trẻ để nó thỏa mãn ham muốn và an ủi ông, đồng thời ban ngày có thể giúp tôi trong việc nội trợ vì tôi đã già, tay run và món rán cứ bị cháy trong khi tôi trộn nước sốt. Đánh lộn trong nhà thổ vì những ả đàn bà tà dâm là không xứng đáng với ông, Sinuhe ạ. Đáng ra ông phải biết điều đó và hổ thẹn về việc làm của mình.

Những lời bà ấy nói xúc phạm tôi ghê gớm vì tôi không nghĩ mình đã già lắm, dù đầu tôi đã hói. Tuy nhiên, tôi không dám kể cho bà ấy biết vì sao tôi bỏ trốn khỏi nhà, mà cứ để bà tin tôi là một kẻ say xỉn và thích đàn đúm như những gã đàn ông khác, để bà không nhốt tôi vào phòng tối, lấy quần áo ướt quấn quanh người tôi, giữ tôi trong giường và gọi thầy thuốc đến thả đỉa vào khuỷu đầu gối tôi. Vì chắc chắn bà ấy sẽ làm thế nếu tôi kể tôi đến gặp người nghèo và đến gặp những người quyền quý nói về cái ác và cái thiện, về công lý và bất công. Vì vậy, tôi để bà ấy rầy la tôi theo ý

thích và ngỗng rán của bà tan chảy ngon lành trong miệng tôi sau khi tôi đã ăn bánh mì và cá rán trong dầu thiu của nô lệ và rượu của bà ngọt ngào trong miệng tôi sau khi tôi đã uống bia nhạt của người nghèo. Tim tôi dịu lại và tôi độ lượng ngẫm nghĩ về những việc làm của mình theo cách nghĩ của một thầy thuốc và nhận ra rằng với con mắt của thầy thuốc, tôi đã mắc bệnh và lẽ ra tôi phải được khoan sọ để khỏi bệnh, vì tôi không còn bằng lòng với thế gian như nó vốn có, mà tự coi mình có tội trong bất cứ điều xấu xa nào xảy ra trên thế gian.

Vì thế, tôi lại ngồi xuống trong khu vườn của mình dưới bóng cây sung dâu, ngắm nhìn những con cá câm lặng trong ao và tâm trí tôi trầm tĩnh lại khi nhìn chúng trong tiếng lừa kêu trên con phố trước nhà và khi nhìn những đứa trẻ chơi trò trận giả, ném phân lừa vào nhau. Kaptah cũng đến thăm tôi, vì quả thật ông ấy đã trở về Thebes, không còn sợ nô lệ và phu khuân vác mà bây giờ lại trở nên thật nhún nhường. Ông ấy oai vệ đến nhà tôi, mười tám nô lệ da đen khênh chiếc kiệu được trang trí và sơn màu, còn ông ấy ngồi trong kiệu trên những tấm thảm mềm và dầu xức đắt tiền nhỏ từ trán xuống mặt để ông ấy khỏi ngửi thấy mùi hôi thối của khu phố nghèo. Ông ấy đã lại béo lên rất nhiều và một thợ kim hoàn Syria đã làm cho ông con mắt mới bằng vàng và đá quý thay cho con mắt bị mù. Ông ấy rất tự hào về nó mặc dù nó cọ xát rất khó chịu trong hốc mắt, nên ông đã gỡ nó ra khi ngồi xuống cạnh tôi dưới gốc sung dâu vì không ai thấy chúng tôi.

Trước tiên, ông ấy ôm tôi và sung sướng òa khóc vì được gặp tôi. Ông ấy nặng như một ngọn núi khi nghiêng người đặt đôi bàn tay to bè của mình lên vai tôi và dưới sức nặng ấy, chiếc ghế mà Muti mang ra cho ông ấy sụp xuống, vỡ ra từng mảnh nên ông cuốn vạt áo của mình lên và ngồi xuống đất trước mặt tôi. Ông ấy kể với tôi rằng cuộc chiến ở Syria sắp kết thúc và đội chiến xa của Horemheb đã đến được Kadesh nhưng không đủ sức đánh chiếm Kadesh. Ông ấy khoe khoang về sự giàu có của mình và những thương vụ lớn mà ông đã làm ở Syria; ông ấy kể đã mua một lâu đài cũ trong khu quyền quý và thuê hàng trăm thợ xây dựng xây lại nó cho xứng với sự giàu có của mình, vì việc sở hữu và trông coi một quán rượu ở bến cảng không còn thích hợp với danh giá của ông ấy nữa.

Ông ấy bảo với tôi:

- Tôi đã nghe nhiều lời xấu xa về ông ở Thebes, Sinuhe, ông chủ của tôi, người ta nói ông đã kích động người dân chống lại Horemheb và các quan tòa cũng như những người quyền quý rất

giận ông, vì ông đã buộc tội họ, nói họ phạm nhiều sai trái và bất công. Tôi khuyên ông nên cẩn trọng, vì nếu ông vẫn tiếp tục nói những lời nguy hiểm như thế, họ sẽ đày ông đến hầm mỏ. Nhưng cũng có thể họ không dám làm thế vì ông vẫn có ân nghĩa với Horemheb, nhưng nhà ông đã bị cháy một lần và cũng có thể trong một đêm tối nào đó, họ sẽ lại đến đánh chết ông, đốt nhà ông thành tro, nếu ông vẫn tiếp tục nói những lời như thế và kích động kẻ nghèo chống lại người giàu. Vậy nên hãy kể cho tôi nghe thực ra ông bị sao vậy và điều gì khiến kiến bò vào đầu ông, để tôi có thể giúp ông, như những người hầu trung thành luôn phải giúp đỡ ông chủ của mình.

Tôi cúi đầu trước mặt ông ấy và kể cho ông ấy nghe tất cả những gì tôi đã nghĩ và đã làm, kể nỗi niềm của trái tim tôi. Ông ấy nghe tôi nói, gật gật đầu khiến đôi má dày ụ sệ xuống. Nghe tôi nói xong, ông ấy bảo:

- Tôi biết ông là người đơn giản và điên khùng, ông chủ Sinuhe của tôi ạ, song tôi đã nghĩ sự điên khùng của ông sẽ đỡ dần theo tuổi tác. Thế nhưng ông còn điên khùng hơn, dù đã tận mắt chứng kiến tất cả những điều xấu xa xảy ra vì Aton và chính Aton đã phá nát niềm vui của ông. Có thể ông đã bị nhiễm bệnh của Ekhnaton ở Akhetaton, song tôi nghĩ bệnh này của ông phát sinh là do nhàn rỗi, vì sự nhàn rỗi nên những ý tưởng bất chợt, vớ vẩn quấy rầy ông. Nên sẽ tốt hơn nếu ông lại bắt đầu hành nghề của mình và dùng tài năng của mình nghiên cứu hộp sọ của con người và chữa bệnh cho họ, bởi một người khỏi bệnh sẽ mang lại nhiều lợi ích hơn tất cả những lời nói của ông, những điều chỉ làm tổn thương bản thân ông và những người bị ông dụ dỗ bằng lời nói của mình. Còn nếu không muốn hành nghề của mình, ông có thể dành thời gian cho một sở thích hữu ích nào đó, như những người giàu nhàn rỗi vẫn làm. Tôi nghĩ ông không săn hà mã được, mà có lẽ cũng không thích mùi mèo, dù ông có thể thành người nổi tiếng khi nuôi các giống mèo thuần chủng như Pepitamo. Nhưng chắc chắn ông có thể sưu tập những bi ký cổ và lập thành danh mục; có thể thu thập các vật dụng và đồ trang sức được chạm khắc, rèn đúc từ thời các kim tự tháp; có thể sưu tầm các nhạc cụ Syria hoặc tranh, tượng của các vị thần da đen được binh lính trở về từ cuộc chiến ở xứ Kush rao bán. Thật vậy, Sinuhe, trên thế gian này có vô số cách để con người dùng thời gian nhàn rỗi của mình, để những suy nghĩ viển vông không quấy rầy anh ta. Đàn bà và rượu hoàn toàn không phải là cách giết thời gian tồi tệ nhất và trò chơi xúc xắc nhanh chóng xua tan cơn gió độc, mặc dù đó là những trò chơi nguy hiểm đối với một kẻ yếu đuối như ông, thưa ông chủ Sinuhe của tôi, nếu ông cho phép tôi được nói vậy.

Nhưng vì Amon, hãy chơi xúc xắc, hãy vung vãi vàng của ông vào đàn bà, hãy rượu chè say sưa, làm bất cứ điều gì, miễn là ông không hủy hoại bản thân bằng những lời nói vô bổ, vì tôi rất yêu quý ông và tôi không muốn điều xấu đến với ông, thưa ông chủ Sinuhe của tôi.

Ông ấy nói thêm:

- Trên đời không có gì hoàn hảo cả, rìa các ổ bánh mì thường bị cháy sém, trái cây nào cũng bị sâu đục và con người ta khi uống rượu đều cảm thấy khó chịu sau cơn say. Tương tự thế, không có công lý nào hoàn hảo mà mọi công lý đều bao hàm sự bất công, ngay cả những việc làm tốt cũng có thể dẫn đến hậu quả xấu và những ý định tốt nhất lại có thể gieo rắc nhiều chết chóc nhất, như trường hợp của Ekhnaton đã dạy ông. Nhưng nhìn tôi đây, ông chủ Sinuhe của tôi, tôi bằng lòng với khiếm khuyết của mình và béo tốt lên trong sự hòa hợp với thần linh và con người, các quan tòa của pharaon cúi đầu trước tôi, mọi người ca tụng tên tôi; trong khi đó những con chó đái vào chân ông. Sinuhe, hãy bình tâm lại, ông chủ của tôi, vì ông không có lỗi, thế giới là như vậy, xưa đã thế và sau này vẫn thế.

Tôi vô cùng ghen tị nhìn thân hình béo tốt và sự giàu có của ông ấy, vì ông ấy có thể bình tâm như thế, nhưng tôi nói:

- Cứ như ông nói đi, Kaptah. Tôi sẽ bình tâm và lại bắt đầu hành nghề của mình, nhưng hãy nói cho tôi biết người ta còn nhớ đến Aton và vẫn nguyền rủa Aton không, vì ông nhắc đến Aton, mặc dù tên của ngài đã bị cấm không được nhắc đến và tên của ngài đã khiến nhiều người bị đày vào hầm mỏ và bị treo ngược trên tường.

Kaptah nói:

- Đúng là Aton đã bị lãng quên nhanh cũng như khi các cột trụ của Akhetaton sụp đổ, những bức tường vỡ vụn và cát lấp đầy sàn các ngôi nhà. Nhưng tôi đã thấy một số nghệ sĩ vẽ những bức tranh theo phong cách của Aton, những người kể chuyện kể những câu chuyện nguy hiểm, hình thánh giá Aton được vẽ trên cát ở chợ và trên các bức tường nhà vệ sinh công cộng, vì vậy Aton có lẽ vẫn chưa hoàn toàn bị quên lãng.

- Cứ như ông nói đi, Kaptah, - lúc đó tôi hứa với ông ấy. - Tôi sẽ bình tâm, bắt đầu hành nghề lại và dần dần tôi cũng sẽ tập sưu tầm những thứ mà ông gợi ý, nhưng vì không muốn bắt chước người khác nên tôi sẽ sưu tầm những gì người khác không sưu

tầm, tôi sẽ "sưu tầm" tất cả những người còn nhớ tới Aton.

Nhưng Kaptah cho là tôi nói đùa, và cười với những lời tôi vừa nói như với lời bỡn cợt tếu táo, vì cũng như tôi, ông ấy biết rõ rằng Aton đã gây ra cho Ai Cập và cho bản thân tôi biết bao điều tồi tệ đến như thế nào. Sau đó, chúng tôi chuyện trò vui vẻ về nhiều việc và Muti mang cho chúng tôi rượu và chúng tôi cùng uống cho đến khi nô lệ của ông ấy đến, đỡ ông ấy đứng dậy, vì ông ấy khó tự mình đứng lên do quá to béo, và ông ấy ngồi kiệu rời nhà tôi. Hôm sau, ông ấy gửi cho tôi rất nhiều quà làm cuộc sống của tôi trở nên xa hoa và dễ chịu, để tôi không thiếu gì mà chỉ vui sống, nếu tôi còn biết thích thú, mừng vui.

6

Thế là tôi lại cho treo tấm biển thầy thuốc trên cửa nhà mình, bắt đầu hành nghề lại và yêu cầu bệnh nhân trả quà tùy theo khả năng của họ, còn những bệnh nhân nghèo, tôi không bắt trả quà cáp, nên trong sân nhà tôi từ sáng đến tối đầy kín bệnh nhân và tôi không được lợi nhiều từ tài năng chữa trị của mình. Khi chữa cho bệnh nhân, tôi thận trọng hỏi họ về Aton vì không muốn làm họ sợ và cũng không muốn họ đồn thổi những lời xấu xa về tôi, khiến danh tiếng vốn đã đủ xấu của tôi ở Thebes càng thêm tệ hại. Nhưng theo thời gian, tôi nhận ra rằng Aton đã bị lãng quên, không còn ai hiểu ngài nữa mà chỉ những kẻ cuồng tín và chịu nhiều bất công mới nhớ đến ngài và xây dựng lại hình ảnh của ngài trong tâm thức họ theo mức độ cuồng tín cũng như những bất công mà họ phải chịu đựng, còn thì thánh giá Aton được dùng như dấu hiệu phù thủy độc ác nhằm hãm hại con người.

Khi nước lũ lại rút xuống, giáo sĩ Eje qua đời; nghe kể ông ta chết đói vì sợ bị đầu độc nên không dám ăn bất cứ thứ gì, kể cả bánh từ bột do chính mình xay, nặn và rán trong hoàng cung, vì ông ta nghĩ hạt đại mạch đã bị đầu độc nhằm vào ông ta ngay khi mới trổ bông trên đồng. Khi ấy, Horemheb chấm dứt cuộc chiến ở Syria, để người Hittite nắm quyền tại Kadesh vì anh ta không đủ sức chiếm nó, và hân hoan, dong buồm ngược sông trở về Thebes ăn mừng tất cả chiến công của mình. Anh ta không coi Eje là một pharaon đích thực nên không để tang sau khi Eje chết, mà tuyên bố ông ta là một pharaon giả, gây ra chiến tranh liên miên, tăng sưu thuế gây đau khổ cho Ai Cập. Ngay sau khi Eje chết, Horemheb

chấm dứt chiến tranh và cho đóng cổng đền Sekhmet, khiến dân chúng tin rằng anh ta hoàn toàn không muốn chiến tranh mà chỉ phải tuân theo lệnh của pharaon độc ác. Vì vậy, người dân hân hoan chào đón anh ta trở về, ca ngợi anh ta và binh lính của anh ta.

Nhưng ngay sau khi về đến Thebes, việc đầu tiên Horemheb làm là cho gọi tôi đến gặp để nói chuyện và anh ta nói với tôi:

- Sinuhe, bạn của tôi, giờ tôi đã nhiều tuổi hơn lúc chúng ta chia tay, tâm trí tôi luôn bị giày vò vì những lời anh nói, buộc tội tôi là một kẻ khát máu, chỉ mang đến tai họa cho Ai Cập. Nhưng giờ đây tôi đã có được những gì tôi muốn và đã giành lại sự huy hoàng vĩ đại cho Ai Cập, nên không hiểm họa ngoại bang nào còn đe dọa Ai Cập, bởi tôi đã bẻ gãy mũi giáo của Hittite, để việc chinh phục Kadesh lại cho Ramses con trai tôi, vì bản thân tôi đã nếm trải quá đủ mùi vị chiến tranh và muốn xây dựng cho con tôi một vương quốc vững mạnh. Lúc này, Ai Cập thật bẩn, như một trại gia súc nghèo khổ rách nát, nhưng rồi anh sẽ thấy, nhanh thôi, tôi bắt đầu lùa phân rác ra khỏi Ai Cập như thế nào và tôi sẽ lấy công lý thay vào những bất công, phân xử từng người theo việc làm của họ, người siêng năng theo sự siêng năng của họ, kẻ lười biếng theo sự lười biếng của anh ta, kẻ trộm cắp theo hành vi trộm cắp của hắn ta và người phạm tội theo tội lỗi của họ. Thật vậy, Sinuhe bạn ơi, những ngày xưa huy hoàng sẽ trở lại Ai Cập cùng với tôi và tất cả sẽ như xưa. Vì vậy tôi cũng sẽ ra lệnh xóa tên Tutankhamon và Eje đáng thương khỏi danh sách các pharaon, như tên của Ekhnaton đã bị xóa khỏi danh sách các vị vua, như thể thời của họ chưa bao giờ tồn tại và tôi sẽ tính triều đại của tôi bắt đầu từ cái đêm Pharaon Đại đế qua đời, khi tôi đến Thebes với ngọn giáo trong tay và chim ưng bay phía trước.

Anh ta trở nên buồn bã và dựa đầu vào bàn tay, chiến tranh để lại những vết nhăn trên khuôn mặt anh ta và đôi mắt chất chứa nỗi buồn khi anh ta nói:

- Quả thật thế giới bây giờ đã khác với hồi chúng ta còn trai tráng, khi người nghèo có đủ những thứ họ cần và dầu hay mỡ đều không thiếu trong những căn lều đất sét. Nhưng những ngày xưa ấy sẽ trở lại cùng với tôi, Sinuhe ạ, Ai Cập sẽ phồn thịnh và giàu có. Tôi sẽ cho thuyền bè của mình đến Punt; tôi sẽ mở lại các mỏ đá và các mỏ khoáng sản từ lâu hoang phế để xây dựng các ngôi đền lớn hơn xưa và để thu gom vàng, bạc và đồng vào kho của pharaon. Thật đấy, mười năm nữa thôi anh sẽ không nhận ra Ai Cập nữa, Sinuhe ạ, vì anh sẽ không còn thấy những người ăn xin và người

tàn tật trên đất Kemet. Vì kẻ yếu đuối sẽ nhường chỗ cho những người đáng sống; tôi sẽ tẩy sạch dòng máu yếu đuối và bệnh tật khỏi Ai Cập, cũng như sẽ xóa sạch nạn gian tà và trộm cướp để Ai Cập lại trở thành một dân tộc hùng mạnh, sẽ chinh phục toàn thế giới dưới sự lãnh đạo của các con trai tôi.

Nhưng tôi không hân hoan trước những lời anh ta nói, mà ngược lại chúng làm bụng dạ tôi nhộn nhạo, sự lạnh giá gặm nhấm tim gan tôi. Vì thế, tôi không cười mà đứng câm lặng trước anh ta. Anh ta nổi nóng, đôi mày cau lại như trước và bắt đầu quất roi vàng vào bắp chân mình, nói:

- Sinuhe, anh vẫn sưng sỉa, ủ ê như trước và trong mắt tôi, anh như một bụi gai cằn cỗi, không hiểu sao tôi lại nghĩ mình sẽ rất vui khi thấy anh. Anh là người đầu tiên tôi cho gọi ngay, trước khi tôi kịp bế con trai mình vào lòng và ôm ấp vợ tôi, Baketamon, vì chiến tranh đã khiến tôi cô đơn, uy quyền đã làm tôi cô độc, khiến tôi không còn có ai ở Syria để chia sẻ niềm vui và nỗi buồn của mình, mà khi nói với ai điều gì, tôi luôn phải cân nhắc lời nói của mình theo ý định và mong muốn của tôi về người ấy. Nhưng tôi không muốn bất cứ điều gì từ anh, tôi chỉ muốn có tình bạn của anh thôi, Sinuhe ạ. Nhưng hình như tình bạn của anh với tôi đã không còn và anh không còn vui khi gặp tôi nữa.

Tôi cúi đầu thật sâu trước mặt anh ta, trái tim cô đơn của tôi gào thét vì anh ta, và tôi nói:

- Horemheb, trong những người bạn chung thời trai trẻ của chúng ta, anh là người duy nhất còn sống sau tất cả những gì đã xảy ra, vì thế tôi luôn yêu quý anh. Bây giờ uy quyền trong tay anh, anh sẽ sớm đội lên đầu mình vương miện của cả hai vương quốc và không ai có thể ngăn cản sức mạnh của anh được nữa. Vì vậy tôi cầu xin anh, Horemheb, để Aton trở lại. Vì người bạn Ekhnaton của chúng ta, hãy cho Aton trở lại; vì tội ác khủng khiếp của chúng ta, hãy phục hồi Aton để tất cả các dân tộc có thể là anh em với nhau và sẽ không có sự khác biệt giữa con người và con người, cũng như sẽ không bao giờ có chiến tranh nữa.

Nghe thế, Horemheb lắc đầu thương hại và nói:

- Sinuhe ạ, anh vẫn điên rồ như trước. Anh không hiểu sao, Ekhnaton đã ném đá xuống nước và nước bắn lên rất mạnh, nhưng tôi đã dàn mặt nước phẳng lại, như thể ngài ta chưa hề tồn tại. Anh không hiểu sao, chim ưng của tôi đã đưa tôi đến hoàng cung gặp Ekhnaton vào đêm Pharaon Đại đế qua đời để Ai Cập

không sụp đổ mà vẫn tồn tại sau ngài, vì thần linh không muốn Ai Cập đổ nát. Vì thế tôi khôi phục lại mọi thứ trước đây, vì con người không bao giờ hài lòng với hiện tại mà trong mắt anh ta chỉ có quá khứ là tốt lành và tương lai sẽ tốt đẹp. Tôi sẽ nối kết quá khứ và tương lai. Tôi sẽ vắt người giàu, những kẻ đã quá giàu, và tôi cũng sẽ ép thần linh, những vị thần quá mỡ màng béo tốt, để trong vương quốc của tôi người giàu không quá giàu, người nghèo không quá nghèo và không con người hay thần linh nào tranh giành quyền lực với tôi. Nhưng nói với anh chỉ vô ích, vì anh không hiểu suy nghĩ của tôi. Suy nghĩ của anh là suy nghĩ của kẻ yếu thế và bất lực, những kẻ không có quyền sống trên đời, mà chỉ được sinh ra để kẻ mạnh chà đạp và họ đáng bị chà đạp. Vậy nên các dân tộc yếu bị các dân tộc mạnh chèn ép, kẻ lớn cướp miếng ăn từ miệng của kẻ bé. Xưa đã thế và sau này vẫn thế.

Thế là Horemheb và tôi chia tay nhau, không còn là bạn bè như trước. Khi tôi bước ra khỏi nhà anh ta, anh ta đến với các con trai, ôm chặt chúng vào lòng và ném chúng lên cao trong niềm vui sướng của mình, rồi từ phòng các con, anh ta đi đến cung thất của Công chúa Baketamon và nói với nàng:

- Ái phi của ta, nàng như mặt trăng ngời ngợi trong tâm trí ta suốt những năm tháng qua và ta nhớ nàng khôn xiết. Giờ đây việc của ta đã xong và nàng sẽ sớm là một hoàng hậu anh minh bên cạnh ta, dòng máu thánh trong nàng cho nàng quyền ấy. Rất nhiều máu đã đổ vì nàng, Baketamon ạ. Các thành phố đã bị đốt cháy vì nàng và tiếng kêu than của dân chúng vang vọng đến trời cao cũng vì nàng ở bất cứ nơi nào quân đội của ta đi qua. Lẽ nào ta không được nhận phần thưởng của mình?

Baketamon mỉm cười trìu mến với anh ta và e lệ đặt tay lên vai anh ta và nói:

- Horemheb, phu quân của thiếp, tướng quân vĩ đại của Ai Cập, chắc chắn phu quân sẽ được nhận phần thưởng của mình. Vì thế, thiếp đã cho xây trong vườn của thiếp một vọng lâu, một vọng lâu từ xưa tới nay không đâu sánh bằng để thiếp đón phu quân theo cách phu quân đáng được hưởng và thiếp đã tự mình thu gom từng viên đá từ các bức tường khi bị nỗi khát khao chế ngự trong lúc chờ đợi phu quân. Chúng ta hãy đến vọng lâu để phu quân được nhận phần thưởng của mình trong vòng tay của thiếp và để thiếp mang đến cho phu quân niềm hoan lạc.

Horemheb vô cùng sung sướng với những lời Công chúa nói và Baketamon thẹn thùng nắm lấy tay anh ta và dẫn anh ta ra khu

vườn, các cung nữ vội ẩn nấp, nín thở vì kinh hoảng khi nghĩ điều gì sẽ xảy ra, cả đám nô lệ và chăn ngựa cũng chạy trốn để lại hoàng cung vắng lặng. Thế là Baketamon đưa Horemheb đến vọng lâu của mình, nhưng khi Horemheb không kiên nhẫn thêm được nữa, muốn ôm choàng lấy Công chúa thì Baketamon đã dịu dàng ngăn lại và nói:

- Horemheb, hãy kìm bản tính đàn ông của mình một chút, để thiếp có thể kể cho phu quân biết thiếp đã xây vọng lâu này khó nhọc thế nào, vì thiếp hy vọng phu quân nhớ những gì thiếp đã nói khi phu quân cưỡng ép thiếp lần cuối. Vì thế, hãy nhìn kỹ những viên đá này và biết rằng mỗi viên đá trên tường và dưới sàn, mà chúng đâu có ít, là kỷ vật cho một lần truy hoan của thiếp trong vòng tay của một người đàn ông khác. Thiếp đã xây vọng lâu này bằng niềm hoan lạc của mình để vinh danh phu quân, Horemheb ạ. Viên đá trắng và to đó là của một người làm cá được thiếp làm cho đê mê mang đến, viên đá xanh lục kia thiếp có được từ người dọn nhà xí ở Chợ Than và tám viên đá nâu liền nhau kia là của một người bán rau ôm ấp thiếp bao lâu cũng không mệt và ca tụng hết lời niềm hoan lạc mà thiếp trao cho anh ta. Horemheb, chừng nào phu quân còn kiên nhẫn, thiếp sẽ kể cho phu quân nghe sự tích của từng viên đá và chúng ta còn nhiều thời gian. Chúng ta vẫn còn bao nhiêu năm chung sống và về già cũng sẽ ở bên nhau, nhưng thiếp tin mình có đủ chuyện để kể về những viên đá này cho đến lúc già, mỗi lần phu quân muốn ôm ấp thiếp.

Ban đầu, Horemheb không tin những lời nàng nói mà coi đó là những lời đùa cợt điên rồ và cử chỉ thẹn thùng của Công chúa đã lừa anh ta. Nhưng khi nhìn vào đôi mắt hình trái xoan của Baketamon, anh ta thấy trong đó nỗi căm hận, thứ đáng sợ hơn cả cái chết, và tin lời Công chúa. Khi hiểu ra, anh ta điên lên vì giận dữ và rút phắt con dao Hittite của mình ra để giết Baketamon, người đã nhục mạ phẩm giá đàn ông và tính phù phiếm của anh ta với cái cách khủng khiếp đến như thế. Nhưng Baketamon lập tức vạch trần bầu vú ra trước mặt anh ta và nói đầy giễu cợt:

- Đâm đi, Horemheb, hãy dùng dao hất vương miện trên đầu ngươi đi vì ta là nữ tu của Sekhmet, mang dòng máu linh thiêng. Nếu ngươi giết ta, ngươi sẽ mất quyền hợp pháp để ngồi lên ngai vàng của các pharaon.

Lời nói của Baketamon khiến Horemheb kìm mình lại, vì anh ta phải hòa ái với Baketamon, bởi chỉ có cuộc hôn nhân với Baketamon mới giúp anh ta hợp pháp kế vị ngai vàng của các pharaon. Như thế, Baketamon đã gông cùm anh ta và anh ta

không làm được gì nàng, mà sự trả thù của Baketamon thật hoàn hảo vì Horemheb thậm chí không dám phá vọng lâu của nàng và nó cứ hiện ra trước mắt anh ta mỗi ngày khi anh ta từ trong cung điện của mình nhìn ra. Ngẫm nghĩ, cân nhắc mọi chuyện, anh ta thấy không còn cách nào khác ngoài việc giả vờ không biết gì về những việc làm của Baketamon. Vì nếu anh ta cho phá dỡ vọng lâu, mọi người sẽ nhận ra rằng anh ta biết việc Baketamon đã để cho bàn dân thiên hạ ở Thebes khạc nhổ vào giường của anh ta như thế nào. Vì vậy, anh ta thà chịu đựng những lời chê cười của dân chúng sau lưng mình hơn là hạ mình công khai nỗi ô danh. Nhưng từ đó trở đi, anh ta không còn động chạm hay quấy rầy Baketamon nữa mà sống một mình, và tôi cũng buộc phải có lời khen Baketamon, vì Công chúa không bắt tay vào xây thêm công trình mới mà bằng lòng với vọng lâu xinh đẹp của mình.

Chuyện xảy ra với Horemheb là vậy đấy và tôi không nghĩ rằng anh ta còn vui mừng nhiều lắm với vương miện của mình, khi các giáo sĩ xức dầu cho anh ta và đội chiếc vương miện đỏ và trắng, hoa huệ và giấy cói, của miền Thượng và miền Hạ lên đầu anh ta. Anh ta trở nên đa nghi và không còn tin tưởng hoàn toàn vào bất cứ ai mà luôn nghĩ rằng mọi người đang cười nhạo sau lưng mình vì Baketamon. Thế là Horemheb vĩnh viễn chịu một cái gai nhọn trong hông mình và nỗi đau trong tim không bao giờ phai. Anh ta cũng không thể vui vẻ với bất kỳ người phụ nữ nào nữa, vì những tổn thương phải chịu với anh ta là quá khủng khiếp. Vậy nên anh ta lấy công việc để làm chai đi nỗi buồn tủi và uất hận, bắt đầu lùa phân rác ra khỏi Ai Cập để trả lại mọi thứ trước đây cho Ai Cập và đem công lý thay cho bất công.

7

Để thật công tâm, tôi cũng phải kể về những việc Horemheb đã làm rất tốt, vì dân chúng đã ngợi ca, tán tụng tên anh ta, coi anh ta là một vị vua tốt và chỉ sau những năm đầu anh ta nắm quyền, người dân đã xếp anh ta vào hàng những pharaon vĩ đại của Ai Cập. Anh ta đã vắt ép những kẻ giàu có và quyền quý, không cho phép bất cứ ai trở nên quá giàu hoặc quá cao sang ở Ai Cập, để không ai có thể tranh giành quyền lực với anh ta và việc này làm cho dân chúng hết sức hài lòng. Anh ta trừng phạt những quan tòa giả và khôi phục quyền lợi cho người nghèo; anh ta cải cách thuế vụ bằng việc lấy từ quốc khố của pharaon trả lương cho

những người thu thuế, không cho họ còn quyền bòn rút thuế từ người dân để làm giàu cho mình.

Tâm trí mãi mãi không yên, anh ta miệt mài vi hành dọc đất nước, từ châu này sang đạo khác, từ làng nọ đến tổng kia để điều tra những việc làm sai trái. Và những cái tai bị cắt, những cái mũi đầy máu của những người thu thuế lạm quyền đánh dấu hành trình của anh ta; tiếng gậy vụt chan chát và tiếng gào khóc vang lên khắp những nơi anh ta đến xét xử. Ngay cả người nghèo cũng có thể trực tiếp tâu bày việc của họ với anh ta, các quan lại dưới quyền anh ta không dám ngăn cản người nghèo đến gặp anh ta và anh ta công minh phân xử cho họ. Anh ta lại cho thuyền đến xứ Punt và vợ con các thủy thủ lại khóc trên bến cảng, lấy đá cào xước mặt theo tập quán tốt đẹp, và Ai Cập đã giàu có lên rất nhiều, vì mỗi năm có ba trong mỗi mười thuyền trở về mang theo rất nhiều của cải. Anh ta cũng xây dựng nhiều ngôi đền mới và ban cho các vị thần những gì thuộc về thần linh, theo danh vị và quyền lợi của thần, không thiên vị bất kỳ vị thần nào, trừ Horus, và không thiên vị ngôi đền nào, trừ đền Hetnetsut, nơi mọi người tôn thờ hình ảnh của chính anh ta như một vị thần và cúng tế bò đực cho anh ta. Vì tất cả những việc này, dân chúng đã cầu nguyện cho anh ta, hết lời ca ngợi anh ta và kể biết bao nhiêu câu chuyện lạ kỳ về anh ta ngay khi anh ta đang sống.

Kaptah cũng làm ăn rất phát đạt và mỗi năm lại giàu có hơn, đến nỗi không một người đàn ông nào ở Ai Cập có thể cạnh tranh được với ông ấy về độ giàu có. Vì không có vợ con nên ông ấy trao cho Horemheb quyền thừa kế để những ngày cuối đời được sống yên ổn và ngày càng thu vén thêm được nhiều của cải. Chính vì vậy, Horemheb không siết ông ấy tồi tệ như siết những người giàu có khác ở Ai Cập, và không cho những người thu thuế hoạnh họe ông ấy quá nhiều.

Kaptah thường mời tôi đến nhà mình, ở khu thượng lưu và có vườn cây, nằm trọn cả một khoảng đất giữa các con phố, khiến ông không có đến một người hàng xóm nào để thi thoảng quấy rầy ông. Ông ấy ăn bằng bát đĩa tráng vàng, trong nhà ông nước chảy ra từ vòi bạc kiểu Hy Lạp, bồn tắm bằng bạc, bệ ngồi nhà xí bằng gỗ mun và tường nhà xí ốp toàn đá quý tạo thành những bức tranh rất đẹp mắt. Ông ấy cho tôi ăn những món tuyệt ngon, cho tôi uống rượu thời các kim tự tháp và khi ông ấy ăn, các nhạc công, ca sĩ và các vũ nữ xinh đẹp và nổi tiếng nhất của Thebes trình diễn những điệu nhảy điêu luyện nhất để ông tiêu khiển. Tuy nhiên, ông ấy không có nhiều lạc thú với đàn bà vì cái bụng của ông ấy cản trở đường đi của tình ái và ông chọn thỏa mãn cho

cái bụng mình hơn là vui thú với phụ nữ.

Ông ấy cũng tổ chức những bữa tiệc linh đình, giới thượng lưu giàu có Ai Cập rất vui lòng đến nhà ông ấy, mặc dù ông sinh ra là nô lệ và trong cách cư xử vẫn giữ nhiều thói quen từ thuở nô lệ như lấy tay vắt xỉ mũi, ợ rất to trong bữa ăn. Ông ấy là một chủ nhà hào phóng, phân phát những món quà quý giá cho khách của mình và những lời khuyên liên quan đến thương mại của ông thật tinh ranh và khôn ngoan, vậy nên ai cũng được lợi từ việc kết bạn với ông ấy. Những lời nói và câu chuyện của ông ấy thật khôi hài và kỳ cục, ông thường khoác lên người áo quần nô lệ để tiêu khiển các vị khách và kể cho họ nghe đủ lời dối trá lừa lọc theo thói quen của nô lệ, vì ông ấy quá giàu có nên chẳng sợ lời nhạo báng nào về quá khứ của mình, mà còn ngạo mạn vênh váo trước giới quyền quý Ai Cập rằng trước kia mình từng là nô lệ. Ông ấy nói với tôi:

- Sinuhe, ông chủ của tôi ơi, tạo hóa thật kỳ lạ, khi con người đủ giàu, anh ta không thể nghèo đi mà chỉ ngày càng giàu hơn, ngay cả khi anh ta không muốn giàu thêm nữa. Nhưng sự giàu có của tôi bắt nguồn từ ông, Sinuhe ạ, vì thế tôi luôn luôn công nhận ông là ông chủ của tôi, và ông sẽ không phải chịu túng thiếu trong những ngày còn sống, mặc dù vì chính bản thân mình, ông cứ nghèo khó lại tốt hơn, bởi ông không biết dùng của cải đúng cách mà với của cải ấy, ông chỉ gieo rắc hỗn loạn và gây ra nhiều tai họa. Vì vậy, đúng là tốt hơn khi ông đã phung phí hết của cải của mình trong những ngày tháng tồi tệ của pharaon giả, vì tôi sẽ trông coi lợi ích cho ông và lo sao cho ông không thiếu thứ gì mà ông đòi hỏi.

Ông ấy cũng ưu ái các nghệ sĩ và họ đã chạm hình ông vào đá và khắc ông thành người quyền quý và tinh tế; họ đẽo tạc thân thể ông thật thanh tú, bàn tay và bàn chân nhỏ, gò má cao và trong các bức tượng, cả hai mắt của ông đều nhìn thấy, ông ngồi trầm tư, chân vắt chéo, cuộn giấy trên đầu gối với cây viết trong tay, dù ông chưa bao giờ thậm chí gắng học đọc và viết mà các thư lại của ông đọc, viết và tính những con số lớn thay ông. Những bức tượng này khiến Kaptah và các giáo sĩ Amon rất thích chí. Ông ấy đã trao những món quà lớn cho các giáo sĩ Amon khi từ Syria trở về để được an lành với thần linh và họ đã cho phép dựng tượng ông trong ngôi đền lớn và ông đã tự trả công cho bức tượng này.

Kaptah cũng cho xây cho mình một lăng mộ hùng vĩ ở thành phố của người chết và các nghệ sĩ đã vẽ lên tường lăng mộ rất nhiều bức hình về cuộc sống hằng ngày và những thú vui của ông. Họ vẽ ông ấy rất quý phái, đủ hai mắt và không có bụng to, vì ông ấy

muốn lừa thần linh và đến miền tây cực lạc trong hình dạng ông ấy muốn chứ không phải dáng hình vốn có của mình, dù trong cuộc sống thường ngày ông ấy chỉ muốn được là chính bản thân vì như thế đỡ phiền hà hơn là phải tỏ ra quyền quý. Để đánh lừa thần linh, ông ấy cho làm một cuốn tử thư để đặt vào lăng. Đây là cuốn tử thư được chế tác công phu nhất và phức tạp nhất trong những cuốn sách tôi từng thấy, gồm mười hai cuộn, cả tranh và các bản viết với nhiều bài thần chú để trấn an các linh hồn nơi địa ngục và thêm cân Osiris với những quả cân giả và hối lộ những con khỉ đầu chó chính trực. Ông ấy làm tất cả những việc này bởi theo ông ấy cẩn tắc vô ưu, dù ông không tài nào nhớ nổi thần chết mà sùng kính bọ hung của chúng tôi hơn bất kỳ vị thần nào.

Nhưng tôi mừng cho Kaptah vì sự giàu có và hạnh phúc của ông ấy, cũng như tôi mừng cho tất cả mọi người về niềm vui và sự mãn nguyện của họ và tôi không còn muốn tước đi của họ những điều họ tưởng tượng ra nếu những viễn ảnh ấy khiến họ hạnh phúc. Vì thật ra cuộc đời con người được thêu dệt nên theo viễn cảnh bằng nhiều cách. Vì vậy, sự thật là tồi tệ và cay đắng với con người và với nhiều người; thà giết họ đi còn hơn làm tiêu tan các viễn cảnh của họ. Vì vậy tôi không cố ý phá vỡ điều người khác tưởng tượng nếu họ hạnh phúc với chúng và không vì chúng mà làm việc ác mà chỉ hài lòng những gì mình tưởng tượng ra.

Nhưng viễn cảnh không làm trán tôi mát hơn, niềm vui không làm trái tim tôi an nhiên và công việc cũng không làm tôi tự tại, mặc dù trong những năm này tôi đã làm rất nhiều việc, chữa lành không biết bao nhiêu bệnh nhân và tôi cũng đã mấy lần khoan sọ người, phần lớn khỏi bệnh và chỉ có ba người chết nên tôi đã có tiếng là người khoan sọ giỏi. Tôi bất mãn suốt đời và có lẽ tôi đã nhiễm từ Muti tính cay nghiệt của bà ấy, thói quen lầu bầu, ca cẩm của bà ấy đã lây sang tôi, khiến tôi không ngớt ca thán, mắng mỏ tất cả những người tôi gặp. Tôi quở trách Kaptah về tính háu ăn, tôi trách mắng người nghèo về sự lười biếng, người giàu về sự ích kỷ, các quan tòa về sự thờ ơ của họ. Tôi không vừa lòng với bất kỳ ai mà bất mãn với tất cả mọi người và chế nhạo họ một cách thậm tệ. Nhưng tôi không bao giờ giễu cợt bệnh nhân và trẻ con mà gắng chữa chạy và không gây quá nhiều đau đớn không cần thiết cho họ; tôi còn bảo Muti phát những chiếc bánh mật ong bà ấy rán cho những cậu bé trên phố mà đôi mắt của chúng khiến tôi nhớ đến đôi mắt sáng của Thoth.

Mọi người nói về tôi:

- Gã Sinuhe này là một lão già sầu não và cay nghiệt, lá gan ông ta

sưng vù và túi mật trào khỏi miệng khi ông ta nói, vì vậy ông ta già đi quá sớm, không còn biết vui với cuộc sống của mình nữa. Những việc làm xấu xa của ông ta cũng đeo bám ông ta khiến đêm ông ta không ngủ được. Vậy nên chúng ta hãy nhân từ và bỏ qua cho ông ta, vì lưỡi ông ta đâm bản thân mình nhiều hơn là châm chọc chúng ta.

Quả đúng như vậy, sau khi đã rầy la, mắng mỏ chán chê và rơi nước mắt xót xa cho những kẻ lười không có lương thực, sau khi đã cởi áo mình khoác lên người những gã say, xin lỗi những kẻ giàu sang về những lời mắng mỏ của mình, tôi tin vào sự công tâm của các quan tòa. Tôi làm thế bởi tôi vẫn còn yếu đuối và không thể đổi thay bản tính của mình.

Nhưng tôi cũng còn nói xấu về Horemheb và trong mắt tôi, tất cả việc làm của anh ta đều xấu xa; tôi oán trách nhất những con bọ bẩn thỉu được anh ta nuôi bằng quốc khố của pharaon, sống một cuộc đời lười biếng và luôn khoe khoang về những chiến công của mình trong các quán bia và nhà vui, đâm thủng đầu và chém đứt chân tay nhau trong các cuộc ẩu đả, hãm hiếp con gái của người nghèo khiến đàn bà con gái không còn thấy an toàn trên đường phố Thebes. Nhưng Horemheb đã bỏ qua cho những con bọ bẩn thỉu của mình tất cả những gì họ làm và luôn giải thích những việc làm đó theo hướng tốt nhất. Nếu người nghèo xin gặp Horemheb thưa kiện về việc của con gái họ thì anh ta nói đáng ra họ phải tự hào vì nhờ binh lính phối giống mà Ai Cập sẽ có dòng máu tốt khỏe mạnh. Vì Horemheb căm ghét đàn bà và chỉ coi họ là người sinh ra những đứa trẻ chứ không cho họ nhân phẩm gì khác.

Những người muốn tốt cho tôi thường nhắc nhở tôi không được nói xấu về Horemheb, đưa tay bịt miệng tôi khi tôi lớn tiếng nói xấu anh ta ở nơi đông người, vì họ sợ cho tôi cũng như sợ cho chính họ; họ lảng xa tôi, để tôi lại một mình. Vì thời gian trôi qua, Horemheb càng trở nên đa nghi với tất cả mọi người và muốn biết tất cả những gì dân chúng nói về mình, nên chẳng bao lâu sau, không một nơi công cộng hay quán rượu nào không có tai mắt của Horemheb lắng nghe lời ca thán và oán trách của dân chúng. Tôi cũng phải thừa nhận rằng bằng cách này, Horemheb biết được rất nhiều việc làm sai trái mà dân chúng không dám kêu van đến anh ta và anh ta đã trừng phạt những kẻ làm sai rất nghiêm khắc. Nhưng những người dám chỉ trích việc làm của anh ta còn phải chịu cực nhiều hơn thế, biết bao người đã bị đánh tóe máu và biết bao người bị đày đến các hầm mỏ và mỏ đá vì đã nói lời cay độc, một vài người bị coi là phù thủy và bị ném làm mồi cho cá sấu.

Nhưng Horemheb nuôi tai mắt của mình bằng ngân khố của pharaon, nên họ không được thưởng từ những lần cấp thông tin và cũng không được nhận tài sản của những người đã bị họ ẩn vào cõi chết. Thế nên người ta có thể thoát khỏi tai họa do miệng lưỡi mình gây nên bằng cách tặng quà cho tai mắt của Horemheb, cho họ uống thật nhiều rượu, và người nghèo thoát được bằng cách để vợ hoặc con gái của mình ngủ với những người này, nên tai mắt của Horemheb sống nhàn hạ, phè phỡn và hăng hái phục vụ chủ.

Chính Horemheb đã nói: "Ta đã ban cho mỗi người theo công sức bỏ ra và cả người nghèo cũng được nhận đầy đủ theo phận mình, mỡ hoặc dầu có đủ trong các lều đất sét. Ta cũng rất vui khi lại thấy những đứa trẻ béo khỏe ở Ai Cập vì trẻ em là của cải của Ai Cập và những thằng bé khỏe mạnh sẽ trở thành những người lính tốt, còn những bé gái béo khỏe sẽ đẻ nhiều con hơn những đứa gầy gò. Nhưng nhàn rỗi sinh ra lười biếng, xa xỉ sinh ra bất an và những lời nói độc hại. Vì thế ta phải kiểm soát quyền lực của mình, bởi nếu không chẳng còn lâu nữa, dân Ai Cập sẽ quá cứng đầu dưới sự chăn dắt của cây trượng quyền uy của ta".

Vì vậy, anh ta bắt dân chúng làm việc công ích quá sức, bắt xây những con đường lát đá, bắt đào những con kênh lớn để người dân không kịp có âm mưu chống lại anh ta trong những ngày nhàn rỗi của thời hưng thịnh. Nên trong thời gian anh ta trị vì, người dân như bò đực ngày càng béo ra nhưng luôn bị một ngọn giáo hích bên mạn sườn nên không bao giờ được yên ổn nghỉ ngơi. Horemheb sai khắc chạm các ảnh tượng và văn bia vào những ngôi đền anh ta cho xây dựng để ca ngợi những việc làm và chiến công của mình, nên hằng ngày người dân thấy ngay trước mắt mình Pharaon đã khôi phục lại Ai Cập như thế nào, công lý thay cho bất công và mỗi người dân được nhận đủ phần mình như thế nào. Cả những người kể chuyện rong ngồi trên thảm ở cổng thành hay góc phố cũng ca tụng những việc làm hiển hách của anh ta, kể những câu chuyện thần tiên về sự ra đời của anh ta và Horemheb ưu ái tặng quà, ban phát cho họ lương ăn, dầu và bia. Nhưng đám người kể chuyện rong thường khó bảo và thích đùa bỡn, không có gì là thiêng liêng với họ, vì thế họ thêu dệt thêm nhiều sợi chỉ sặc sỡ vào các câu chuyện kể của mình, khiến người nghe buộc phải cười. Nhưng bản thân Horemheb vì quá tự phụ nên không nhận ra những người kể chuyện mà anh ta ban thưởng đã bí mật chế nhạo anh ta trong chuyện kể của họ, cũng không phải tất cả người nghe đều hiểu người kể chuyện mà họ chỉ há hốc mồm và giơ tay lên cao tỏ vẻ kinh ngạc khi những người này kể rằng Horemheb được sinh ra khi thần Horus dừng chân ở Hetnetsut trong chuyến du hành của mình để lom khom bên vệ đường.

Nhưng thời gian trôi qua và Horemheb trở nên đa nghi hơn, rồi một hôm lính của ông ta đến nhà tôi, xỏ dép vào chân tôi, quấn quần áo quanh người tôi và dùng cán giáo đuổi người bệnh khỏi sân nhà tôi để đưa tôi đến gặp Horemheb. Lúc đó mùa xuân vừa đến, nước đã rút bớt và những đàn én chí chóe lao vun vút như tên bắn trên dòng sông chở đầy phù sa vàng. Toán lính ẩn tôi đến trước mặt Horemheb. Ông ta đã già đi nhiều trong những năm sau này, cổ còng xuống, khuôn mặt ngả vàng và cơ bắp nổi như những cái mấu nhỏ trên thân thể gầy gò và dài ngoẵng. Ông ta nhìn tôi với đôi mắt không còn chút niềm vui nào và gọi tên tôi, nói:

- Sinuhe, ta đã nhiều lần cho răn đe ông, nhưng ông phớt lờ những lời cảnh cáo ấy của ta, vẫn cứ nói với người dân rằng nghề lính là nghề đáng khinh bỉ nhất và thấp hèn nhất trong tất cả các nghề, ông còn bảo những đứa trẻ thà chết trong bụng mẹ còn hơn sinh ra làm lính và hai hoặc ba đứa con với một người đàn bà là đủ, không cần phải đẻ thêm nữa, và người mẹ hạnh phúc khi nuôi dạy ba đứa con sẽ tốt hơn là bất hạnh và nghèo khó khi nuôi chín hay mười đứa. Ông còn nói tất cả các vị thần đều như nhau, tất cả các ngôi đền đều là những ngôi nhà tối tăm và ông nói thần của Pharaon giả vĩ đại hơn tất cả các thần khác. Ông còn bảo người ta không nên bán hay mua người khác làm nô lệ, lại còn nói nông dân là người sở hữu đất mà họ canh tác và sở hữu nhà kho mà họ dùng để thu hoạch mùa màng, mặc dù đất đai là của pharaon hay thần linh. Ông còn nói cách ta trị vì không khác ách cai trị của người Hittite là mấy và ông còn nói nhiều điều rồ dại hơn thế nữa, nên nếu là người khác, chỉ nói ít hơn thế nhiều đã phải đập đá trong mỏ đá một thời gian dài. Ta đã kiên nhẫn với ông, Sinuhe ạ, vì ông từng là bạn của ta và chừng nào giáo sĩ Eje còn sống, ta còn cần ông bởi ông là nhân chứng duy nhất của ta chống lại lão. Nhưng bây giờ ta không cần đến ông nữa, vì chừng nào ông còn sống, những việc về ông và nhất là tất cả những gì ông biết về ta có thể làm hại ta. Nếu khôn ngoan ra, ông đã nên giữ mồm giữ miệng, sống lặng lẽ và bằng lòng với những gì mình có, vì thực sự ông chẳng thiếu gì, nhưng thay vào đó ông lại nhổ rác rưởi từ miệng mình lên đầu ta và ta không còn chịu đựng lâu hơn được nữa.

Ông ta trở nên tức giận và bắt đầu dùng roi vàng quất vào đôi chân đã gầy đi của mình rồi cau mày nói tiếp:

- Quả thật ngươi giống như bọ chét giữa các ngón chân ta, ruồi trâu trên vai ta, và ta không chấp nhận trong vườn mình những bụi cây không ra hoa kết trái mà chỉ mọc ra những chiếc gai độc.

Mùa xuân lại đến trên đất Kemet và én bắt đầu vùi mình vào bùn cả mùa hè khi nước rút, bồ câu đang gù gù kêu và những cây keo đang nở hoa. Đây là khoảng thời gian tồi tệ, vì mùa xuân luôn đem đến sự khắc khoải bồn chồn và những lời nói vô bổ; những thằng nhãi ranh cuồng nhiệt chỉ thấy hờn căm trong mắt và nhặt đá dưới đất lên ném vào lính canh và ảnh tượng của ta trong đền đã bị phân bò làm nhem nhuốc. Vì thế, ta phải đuổi ngươi ra khỏi Ai Cập, Sinuhe, để ngươi không bao giờ nhìn thấy xứ Kemet nữa, vì nếu ta để ngươi ở lại đây, sẽ có ngày ta phải cho giết ngươi, mà ta không muốn làm điều đó, bởi vì ngươi từng là bạn ta. Vì những lời điên rồ của ngươi có thể như đốm lửa nhỏ đốt cháy đám sậy khô và một khi sậy bắt lửa sẽ rực cháy thành tro. Những lời nói xấu xa, độc địa đôi khi còn nguy hiểm hơn những ngọn giáo và ta tẩy rửa chúng khỏi xứ Kemet, như người làm vườn tốt nhổ sạch cỏ dại trên các luống rau của mình, và ta hiểu người Hittite khi họ lấy giáo xiên thủng và treo lũ phù thủy dọc đường họ qua. Ta sẽ không để xứ Kemet cháy trong biển lửa một lần nữa, không vì con người cũng không vì thần linh, vì thế ta sẽ trục xuất ngươi, Sinuhe, bởi chắc chắn ngươi chưa bao giờ là người Ai Cập, mà chỉ là một quái thai kỳ dị nào đó mang dòng máu pha tạp, khiến những suy nghĩ bệnh hoạn làm tổ trong cái đầu ốm đau của ngươi.

Có lẽ ông ta đã đúng và có lẽ nỗi day dứt của trái tim tôi xuất phát từ sự hòa trộn giữa dòng máu linh thiêng của các pharaon với dòng máu loãng của xứ Mitanni hấp hối lúc hoàng hôn trong huyết quản tôi. Nhưng tôi đã phì cười trước lời nói của ông ta và vì phép lịch sự, tôi đưa tay che miệng để kìm nén tiếng cười. Bởi lẽ tôi vô cùng sợ hãi trước những lời đó, vì Thebes là thành phố của tôi, nơi tôi sinh ra, lớn lên và tôi không muốn sống ở bất kỳ nơi nào khác ngoài Thebes. Nhưng tiếng cười của tôi đã xúc phạm Horemheb ghê gớm, vì ông ta chờ tôi cúi rạp mình xuống đất trước mặt ông ta và cầu xin ông ta rủ lòng thương hại. Vậy nên ông ta vung chiếc roi của pharaon ra phía trước và hét lên:

- Được. Ta sẽ vĩnh viễn đày ngươi khỏi Ai Cập và khi ngươi chết, xác của ngươi không được mang về Ai Cập để chôn cất, mặc dù ta cho phép xác ngươi được bảo quản theo tập quán. Xác ngươi sẽ được chôn trên bờ biển phía đông, nơi từ đó người ta căng buồm đến xứ Punt và là nơi ta đày ngươi đến, vì ta không thể đày ngươi đến Syria bởi xứ đó vẫn còn là một đống than âm ỉ cháy không cần ống thổi; mà ta cũng không thể đày ngươi đến xứ Kush, bởi ngươi cho rằng màu da con người không quan trọng, người da đen và người Ai Cập đều bình đẳng, do đó ngươi có thể gieo rắc những suy nghĩ ngu xuẩn của ngươi vào đầu người da đen. Nhưng nơi bờ

biển hoàn toàn hoang vắng, ngươi có thể diễn thuyết cho những ngọn sóng đỏ, diễn thuyết cho những ngọn gió đen sa mạc và từ trên những vách đá, ngươi có thể tùy thích thuyết giảng cho bầy chó hung sa mạc, quạ đen và rắn. Lính gác sẽ khoanh vùng khu vực ngươi được phép đi lại và sẽ giết ngươi nếu ngươi vượt qua ranh giới họ vạch cho ngươi. Còn những thứ khác, ngươi sẽ không thiếu, giường mềm, thức ăn dồi dào và bất cứ thứ gì thích hợp mà ngươi muốn sẽ được gửi đến cho ngươi, vì bị đày đến nơi cô quạnh đã là một hình phạt đủ khắc nghiệt cho ngươi và ta không muốn hành hạ ngươi theo bất kỳ cách nào khác nữa bởi vì ngươi từng là bạn ta, miễn là mục đích của ta được thực hiện và ta thoát khỏi những lời nói điên rồ của ngươi.

Tôi không hề sợ cô đơn, vì cả đời tôi chỉ có một mình và sinh ra tôi đã cô đơn, nhưng trái tim tôi tan chảy vì buồn khi nghĩ rằng tôi sẽ không bao giờ được nhìn lại Thebes, và không bao giờ được cảm nhận lớp bùn mềm của đất Kemet dưới chân mình cũng như sẽ không bao giờ được uống nước sông Nile nữa. Vì thế, tôi nói với Horemheb:

- Tôi không có nhiều bạn vì mọi người lẩn tránh tôi bởi sự phẫn uất và cái lưỡi sắc bén của tôi, nhưng có lẽ ông cho phép tôi nói lời tạm biệt với những người bạn của mình. Tôi cũng muốn chào tạm biệt Thebes, đi dọc Đại lộ Nhân Sư một lần nữa và cảm nhận mùi nhang khói cúng thần linh trong những cây cột sặc sỡ của ngôi đền lớn và mùi cá rán vào lúc chập tối ở khu phố nghèo khi những người vợ nhóm lửa trước những túp lều đất sét và những người chồng đi làm về vai sệ xuống vì mệt mỏi.

Chắc Horemheb sẽ đồng ý với yêu cầu của tôi nếu tôi khóc trước mặt ông ta và cúi rạp mình xuống đất trước mặt ông ta, vì ông ta là người đàn ông tự phụ và lý do chính khiến ông ta phẫn uất với tôi có lẽ vì ông ta biết tôi không ca ngợi ông ta và sâu thẳm trong đáy lòng mình, tôi không coi ông ta là một pharaon đích thực. Nhưng dù tôi là một kẻ yếu đuối và có trái tim cừu, tôi không muốn nhún nhường trước mặt ông ta, vì tri thức không nên quỳ gối trước uy quyền. Bởi vậy, tôi lại đưa tay ra trước miệng để che giấu nỗi sợ hãi và lo lắng đằng sau những cái ngáp, vì tôi luôn buồn ngủ những khi sợ hãi nhất. Lúc ấy Horemheb nói:

- Ta không cho phép dễnh dàng vô ích lúc chia tay, vì ta là một quân nhân và một người đàn ông cương nghị, không thích sự ủy mị, mềm yếu. Do đó ta để ngươi ra đi dễ dàng và cho đưa ngươi đi ngay lập tức. Ta không muốn có bất kỳ cuộc bạo loạn hay chống đối nào chỉ vì ngươi, bởi ngươi được nhiều người biết đến ở

Thebes, nhiều hơn ngươi có thể nghĩ. Ngươi phải rời đi trong một chiếc kiệu che kín và nếu ai đó muốn đi theo ngươi đến chốn lưu đày, ta cũng cho phép. Nhưng người đó phải ở bên ngươi suốt đời mình và phải ở lại nơi lưu đày ngay cả khi ngươi đã chết và người đó cũng sẽ phải chết ở đó. Vì những suy nghĩ nguy hiểm như bệnh dịch, dễ dàng lây lan từ người này sang người khác.

Ta không muốn nguồn lây nhiễm từ ngươi theo ai khác trở lại Ai Cập. Còn nếu ngươi ám chỉ bạn mình là tên nô lệ của một cối xay ngũ cốc có các ngón tay dính vào nhau, là gã nghệ sĩ say xỉn hay ngồi xổm bên vệ đường vẽ thần linh và một vài đứa da đen đã tụ tập trong nhà ngươi, thì ngươi không cần phải mất công đến tạm biệt họ, vì họ đã đi xa và sẽ không bao giờ trở lại nữa.

Ngay lúc đó tôi căm thù Horemheb nhưng lại càng hận mình hơn vì bàn tay tôi vẫn còn gieo rắc cái chết cho người khác dù tôi không muốn. Tôi biết chắc Horemheb đã sai giết hại hoặc đày đến các mỏ đồng ở Sinai mấy người bạn mà tôi đã tụ tập quanh mình vì họ vẫn nhớ Aton. Vì vậy tôi không nói gì với Horemheb nữa, mà cúi đầu trước mặt ông ta, hai tay đặt ngang đầu gối và toán lính gác kéo tôi ra xa ông ta. Trước khi tôi rời đi, ông ta còn hai lần mở miệng định nói điều gì đó với tôi và cũng bước sau tôi một hai bước, nhưng rồi dừng lại và quất roi vào chân mình, nói: "Lệnh Pharaon đã ban!".

Thế là lính của ông ta nhốt tôi vào kiệu, đưa tôi ra khỏi Thebes và khênh tôi băng qua ba ngọn núi phía đông đi vào sa mạc, dọc theo con đường lát đá mà ông ta đã cho xây dựng. Họ đưa tôi đi trong hai mươi ngày tới khi chúng tôi đến bến cảng nơi các thuyền đi Punt xếp và dỡ hàng mỗi năm một lần, sau khi đã dong buồm từ Thebes xuống hạ lưu sông rồi theo kênh đào từ sông ra biển phía đông. Trong cảng có khu dân cư, vì thế toán lính giải tôi đi dọc bờ biển mất ba ngày đến một ngôi làng bị bỏ hoang nơi ngư dân từng sinh sống. Tại đây họ đo cho tôi một khoảng đất và xây cho tôi một ngôi nhà để tôi sống suốt những năm tháng còn lại của đời mình. Tại đây tôi không thiếu bất cứ thứ gì mình muốn mà tôi sống như một người giàu có trong căn nhà của mình; tôi có bút viết, giấy tốt nhất và những hộp gỗ mun, trong đó tôi cất giữ những quyển sách mình viết và đồ nghề của thầy thuốc. Nhưng đây là quyển sách cuối cùng tôi viết, sách thứ mười lăm và tôi không còn gì để kể nữa, với lại tôi cũng đã quá mệt, tay tôi rã rời và đôi mắt tôi mờ mỏi đến nỗi khó có thể phân biệt được các ký tự trên giấy cói.

Tôi nghĩ mình không đủ sức để sống nếu không viết và khi viết,

tôi sống lại cuộc đời mình, mặc dù cuộc đời tôi không có nhiều điều tốt đẹp để kể. Tôi đã viết tất cả những điều này cho mình, để đủ sức tiếp tục sống và lý giải cho mình vì sao mình sống. Nhưng vì sao tôi sống, tôi thật không biết và khi viết quyển sách cuối cùng này, tôi biết về điều đó còn ít hơn khi tôi mới bắt đầu. Tuy nhiên, việc viết lách trong những năm này đã an ủi tôi rất nhiều, vì mỗi ngày đều chỉ có biển ở trước mặt tôi, tôi đã thấy biển đỏ và đã thấy biển đen, ngày thì xanh và đêm thì trắng, trong những ngày nắng rát, biển xanh sẫm hơn cả những viên đá xanh. Tôi đã quá chán nản khi nhìn biển, vì biển quá rộng và khiến con người ta khiếp sợ khi phải nhìn nó cả đời mình, đầu anh ta đau nhức khi ngắm nhìn sự vĩ đại của biển và trái tim anh ta rơi xuống đáy vực khi ngắm biển lúc chiều tà.

Suốt những năm này, tôi cũng ngắm nhìn những ngọn núi đỏ xung quanh, tôi cũng nghiên cứu những con bọ chét cát; bọ cạp và rắn quen tôi đến mức không chạy trốn tôi nữa mà lắng nghe lời tôi khi tôi nói chuyện với chúng. Nhưng tôi nghĩ rắn và bọ cạp là những người bạn xấu với con người, vì thế tôi chán ngấy chúng cũng như chán ngấy tất cả những ngọn sóng nhấp nhô của biển cả không cùng.

Nhưng tôi phải kể rằng trong năm đầu tiên tôi sống trong ngôi làng đầy xương vụn và những túp lều đổ nát này, khi các con thuyền lại dong buồm đến Punt, Muti đã theo một đoàn hành hương của Pharaon từ Thebes đến thăm tôi. Bà ấy đến bên tôi, đặt hai tay xuống ngang đầu gối trước mặt tôi, chào tôi và buồn bã khóc khi thấy tình cảnh khốn khổ của tôi, vì má tôi đã hõm xuống, bụng tôi đã tóp đi và tôi thờ ơ với tất cả, tôi chỉ nhìn chằm chằm vào biển để thời gian trôi đi cho đến khi đầu tôi đau nhức. Nhưng Muti đã tươi tỉnh lại rất nhanh và bắt đầu rầy la tôi ầm ĩ:

- Sinuhe, không phải là tôi đã cảnh báo ông cả ngàn lần là ông sẽ chui đầu vào thòng lọng vì bản tính đàn ông của mình, nhưng đàn ông điếc hơn đá và đàn ông là những thằng nhãi ranh cứ phải đập đầu cho thủng tường mặc dù tường không nhúc nhích. Thực sự ông đã đập đầu vào tường đủ rồi, ông chủ Sinuhe ạ. Đã đến lúc ông phải bình tâm lại và sống một cuộc đời thông minh cho đến khi cái của nợ nhỏ bé mà đàn ông hay ngượng ngùng giấu dưới chiếc khố của họ không còn quấy rầy ông và làm đầu ông nóng bừng bừng nữa, vì nó là nguyên nhân của tất cả những việc xấu xa xảy ra trên thế gian.

Nhưng khi tôi trách bà ấy và nói lẽ ra bà không nên rời khỏi Thebes để đến đây với tôi vì bây giờ bà không được phép trở lại

Thebes nữa, mà khi đến đây bà đã trói chặt cuộc đời mình với cuộc đời tôi, một kẻ bị lưu đày, việc mà tôi hoàn toàn không cho phép nếu tôi biết được ý định của bà. Bà ấy vừa rầy la tôi rất lâu vừa giễu cợt nói:

- Việc xảy ra hoàn toàn ngược lại với mong muốn của ông như thế này lại là điều tốt nhất từng xảy ra trong đời ông.

Tôi tin rằng Pharaon Horemheb là người bạn thực sự của ông khi ngài cho ông đến một nơi yên bình thế này vào những ngày tuổi già của ông. Cả tôi cũng đã thấy mệt mỏi với sự ồn ào của Thebes, với những người hàng xóm chuyên cãi vã xích mích, những người mượn nồi chảo không chịu trả và hất rác của họ vào sân nhà tôi. Nghĩ lại, tôi thấy ngôi nhà vốn là xưởng đúc đồng từ sau vụ cháy không còn như trước nữa, cái bếp lò làm cháy món rán của tôi, dầu ôi thiu trong các hũ của tôi, sàn nhà lùa gió vào chân tay tôi và các ô cửa sổ không ngừng cọt kẹt. Trái lại, ở đây chúng ta có thể bắt đầu lại từ đầu và làm mọi thứ theo ý muốn của mình; tôi đã tìm thấy một chỗ rất tốt có thể làm vườn rau, trồng các loại gia vị và cải xoong, thứ mà ông rất thích, ông chủ của tôi ạ. Thật thế, tôi sẽ bắt những thằng lười này vào việc ngay, chúng được Pharaon cử đến để bảo vệ ông khỏi bọn cướp và những kẻ bất lương. Tôi sẽ bắt chúng hằng ngày săn thịt tươi cho ông, bắt chúng đánh cá ngoài biển, mò trai hến và tôm cua ven bờ, mặc dù tôi cũng nghĩ cá biển và trai hến không ngon như cá dưới sông. Tôi cũng dự định lúc nào đó sẽ chọn nơi thích hợp đặt mộ cho mình, nếu ông cho phép, thưa ông chủ, bởi vì một khi đã đến được đây, chắc chắn tôi sẽ không rời đây đi đâu nữa. Tôi đã vô cùng mệt mỏi khi phải lang thang hết nơi này đến nơi khác để tìm ông và những chuyến đi khiến tôi khiếp sợ, vì tôi chưa bao giờ bước chân ra khỏi Thebes.

Cứ như thế, Muti an ủi tôi và làm tôi vui hơn bằng những lời rầy la của bà ấy và tôi nghĩ chỉ nhờ có bà, tôi mới quay lại với cuộc sống và bắt đầu viết, bởi vì sẽ thật có lỗi với bà ấy nếu tôi chết và để bà sống một mình trong những ngày tuổi già ở nơi lưu đày của tôi. Muti khuyến khích tôi viết, vậy nên tôi đã làm việc siêng năng với cây viết của mình, dù bà không biết đọc và tôi biết thật ra trong thâm tâm, bà coi việc viết lách của tôi là trò chơi vô vị. Nhưng bà muốn tôi có việc làm để cuộc sống của tôi có mục đích ở nơi đày ải, bà lo sao cho tôi không viết vào tối muộn và làm hỏng mắt của mình mà chỉ viết vừa phải và thỉnh thoảng nghỉ ngơi, thưởng thức tất cả đồ ăn ngon bà nấu cho tôi. Như lời bà nói lúc đầu, bà đã bắt lính canh của Pharaon làm việc, khiến cuộc sống của họ khổ sở đến mức họ không ngớt nguyền rủa bà khi không có mặt bà, gọi bà là phù thủy, là kẻ ăn thịt người. Nhưng họ không dám

chống lại bà, vì nếu cãi lại bà, họ sẽ bị bà quát mắng với những lời lẽ thô tục nhất, miệng lưỡi bà sắc nhọn hơn cả thanh gai người ta hay dùng chọc bò để chúng gồng mình kéo xe, bà sẽ kể cho họ nghe về cái của nợ nhỏ bé mà họ giấu kín trong chiếc khố của mình, những câu chuyện khiến họ phải xấu hổ cúi gằm mặt nhìn xuống đất và ngón chân cào cào bới bùn.

Tôi cũng nghĩ Muti có tác động khá tốt đối với họ, vì bà buộc họ đi lại liên tục khiến họ không còn thời gian để chán chường khi phải canh giữ tôi, không còn thời gian để nguyền rủa tôi, lập kế hoạch giết tôi để vứt bỏ cái của nợ là tôi và trở lại Thebes, trái lại rất vui sướng vào những lúc được nghỉ ngơi. Muti thưởng cho họ những chiếc bánh ngon bà nướng, ủ cho họ những vò to đầy bia mạnh và cho họ được ăn những loại rau tươi ngon từ vườn của bà. Muti còn dạy họ cách nấu các món ăn khác nhau để khỏi bị ốm vì họ chỉ được nhận những khẩu phần ăn đơn điệu khi làm phận sự của mình. Hằng năm khi các thuyền buôn dong buồm đến Punt, Kaptah gửi từ Thebes đến cho chúng tôi rất nhiều thứ theo chỉ dẫn của bà ấy và ông ấy cũng bảo thư lại của mình viết thư kể cho tôi biết chuyện ở Thebes để tôi không sống như một kẻ bị nhốt kín trong hầm. Với tất cả những việc này, lính canh được hưởng rất nhiều từ việc canh gác tôi, học được những điều hữu ích từ Muti và trở nên tương đối khá giả với những món quà của tôi nên không còn liên tục mong muốn được trở về Thebes.

Nhưng sau khi đã kể xong tất cả những điều này, tôi thấm mệt và mắt tôi cũng mỏi. Những con mèo của Muti nhảy vào lòng tôi và lấy đầu cọ cọ vào bàn tay đang cầm cây viết của tôi khiến tôi không thể viết được nữa. Trái tim tôi mệt mỏi vì tất cả những gì tôi đã kể, chân tay tôi cũng rã rời và tôi chỉ muốn được nghỉ ngơi mãi mãi. Có lẽ tôi không hạnh phúc nhưng tôi cũng không quá bất hạnh với nỗi cô đơn của mình, vì càng cô đơn và càng xa con người, tôi càng thấy rõ con người hơn, hiểu việc làm của họ hơn và thấy tất cả những việc con người làm trong cuộc đời mình đều là phù phiếm.

Nhưng tôi cầu mong phước lành cho giấy và bút của mình, vì chúng đã cho tôi cảm giác mình lại là một đứa bé trai trôi dọc sông Nile trên chiếc thuyền sậy nhuốm đen bồ hóng, chưa cảm thấy nỗi buồn của cuộc sống và nỗi đau của tri thức. Tôi lại là cậu bé trong ngôi nhà của bố tôi, Senmut, và những giọt nước mắt của Meti, người làm cá, rơi xuống tay tôi nóng hổi. Tôi đã cùng Minea lưu lạc trên những con đường của Babylon và đôi cánh tay xinh đẹp của Merit đã ôm cổ tôi. Tôi đã khóc cùng những người chịu nhiều đau khổ và tôi đã phân phát đại mạch của mình cho người

nghèo. Tôi muốn nhớ tất cả những điều này, chứ không muốn nhớ những việc làm xấu xa của mình và cũng không muốn nhớ lại nỗi buồn vì những mất mát của mình.

Tất cả những điều này do tôi, Sinuhe, Người Ai Cập, viết ra cho riêng tôi. Không phải cho thần linh, cũng không cho người khác, cũng không nhằm lưu danh mình muôn thuở, mà chỉ cho chính bản thân nghèo khổ, buồn đau và cho trái tim tôi, trái tim đã phải nhận quá đủ phần của nó. Vì tôi không thể hy vọng tên mình sẽ được lưu lại trong các sách, bởi tôi biết rõ các lính canh sẽ xóa sạch tất cả những gì tôi viết, một khi tôi chết. Họ sẽ tiêu hủy các bản văn của tôi cũng như phá sập các bức tường nhà tôi theo lệnh của Horemheb và tôi không biết mình có nên tiếc điều đó không, vì sau tất cả những gì tôi đã trải qua, tôi không muốn tên mình được lưu danh muôn thuở.

Tuy nhiên, tôi giữ gìn cẩn thận mười lăm quyển sách này và Muti đã đan một bìa bằng sợi cọ bền chắc cho mỗi quyển; tôi cất các quyển sách được bọc bìa cọ này vào một chiếc hộp bằng bạc, rồi tôi bỏ chiếc hộp bạc này vào một hộp gỗ cứng và tôi khóa chiếc hộp gỗ này, cất vào một cái tủ bằng đồng như những quyển sách của thần Thoth từng được đóng vào một chiếc hộp và ném xuống đáy sông. Nhưng liệu Muti có giấu được đám lính canh những quyển sách của tôi và cất chúng vào mộ tôi hay không, tôi không biết và tôi cũng không quan tâm điều đó.

Vì tôi, Sinuhe, là một con người; là một con người, tôi sống trong mỗi người từng sống trước tôi và tôi sống trong mỗi người sinh ra sau tôi. Tôi sống trong tiếng khóc và niềm vui của con người, trong nỗi buồn và nỗi sợ của con người, trong thiện và ác, công lý và bất công, yếu mềm và mạnh mẽ. Tôi sẽ sống mãi mãi như một con người trong từng người, vì vậy tôi không muốn đồ cúng tế nơi mộ mình và sự bất tử cho tên mình. Điều này được Sinuhe, Người Ai Cập, người đã sống cô đơn trong suốt cuộc đời mình, viết ra.